Biểu mẫu 18

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LAO ĐỘNG - XÃ HỘI

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế
của Trường Đại học Lao động - Xã hội năm học 2022-2023

A. Công khai thông tin về quy mô đào tạo hiện tại

STT	Lĩnh Vực	Quy mô học viên/ Sinh viên hiện tại			
		Tiến sĩ	Thạc sĩ	Đại học	
				Chính quy	Vừa làm vừa học
	Tổng số				
1	Lĩnh vực Nhân văn			0	
2	Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi			850	
3	Lĩnh vực Kinh doanh và quản lý	15	284	8081	33
4	Lĩnh vực Pháp luật			829	
5	Lĩnh vực Máy tính và Công nghệ thông tin			307	
6	Lĩnh vực Dịch vụ xã hội		33	448	111
7	Lĩnh vực Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ			0	

B. Công khai thông tin về sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm

STT	Ngành	Số sinh viên tốt nghiệp	Phân loại tốt nghiệp (%)				Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm ra trường (%)*
			Loại xuất sắc	Loại giỏi	Loại khá	Loại TB	
	Tổng số						
1	Bảo hiểm	129	0,0	5,4	60,5	34,1	72,8
2	Công tác xã hội	253	0,0	3,6	87,7	8,7	88,1
3	Kế toán	692	0,1	5,9	67,6	26,3	96,7
4	Quản lý nguồn nhân lực	670	0,1	7,2	81,8	10,9	85,6

5	Quản trị kinh doanh	404	0,0	3,5	73,3	23,3	87,4
6	Luật kinh tế	143	0,7	14,2	89,6	2,2	
7	Kinh tế lao động	47	0,0	4,3	80,9	14,9	
8	Tâm lý học	47	4,3	12,8	83,0	0,0	

C. Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành

Trình độ đại học

Ngành Bảo hiểm

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Kinh tế vi mô	Hiểu được các khái niệm và mô hình cơ bản trong phân tích kinh tế vi mô. Nắm được Cách thức thị trường hàng hóa, thị trường các yếu tố đầu vào sản xuất hoạt động như thế nào. Các kết cục do chính sách can thiệp vào thị trường của Chính phủ; Nắm và hiểu được nguyên tắc ra quyết định kinh tế tối ưu của các tác nhân riêng rẽ (người tiêu dùng, người sản xuất…) trong nền kinh tế và sự tương tác giữa các tác nhân này trong từng cấu trúc thị trường khác nhau. Có thể đọc hiểu các bài viết, phân tích về kinh tế được bàn luận trên các phương tiện truyền thông đại chúng như sách, báo, đài và tạp chí; có khả năng sử dụng các lý thuyết kinh tế, mô hình kinh tế đã học để trình bày hoặc lý giải một số hiện tượng kinh tế diễn ra hàng ngày. Góp phần giúp sinh viên có tính cẩn thận và trách nhiệm khi đưa ra quyết định lựa chọn trong thực tế; có khả năng quản lý tốt, tránh lãng phí các nguồn lực của bản thân, gia đình và xã hội từ đó góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong nền kinh tế nói chung.	3	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
2	Kinh tế vĩ mô	Hiểu được những kiến thức cơ bản, các khái niệm và cách thức đo lường các biến số kinh tế vĩ mô của nền kinh tế. Hiểu được cách thức vận hành và những mối quan hệ kinh tế chủ yếu của một nền kinh tế thông qua các lý thuyết và mô hình cơ bản.	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Hiểu và phân tích được bản chất của các biến động kinh tế vĩ mô và cách thức giải quyết chúng. Hiểu được cách thức vận dụng các chính sách tài khóa và tiền tệ nhằm góp phần giảm bớt các biến động kinh tế có tính chu kỳ. Người học có kỹ năng sử dụng một số phương pháp phân tích tối ưu, phân tích cân bằng tổng thể trong việc nghiên cứu, phân tích, đánh giá một số hiện tượng sự kiện, và chính sách kinh tế vĩ mô. Người học có ý thức trách nhiệm và thái độ tích cực tự rèn luyện nâng cao hiểu biết về các vấn đề kinh tế, phân tích chính sách để có thể đáp ứng được yêu cầu của xã hội đang trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.			
3	Nguyên lý thống kê	Giúp cho sinh viên nắm được quá trình nghiên cứu thống kê, tổng hợp tài liệu thống kê thông qua phương pháp phân tổ thống kê. Nắm vững các phương pháp phân tích thống kê như: phân tích hồi quy và tương quan để nghiên cứu mối liên hệ giữa các tiêu thức; Phân tích đặc điểm và xu thế vận động của hiện tượng qua thời gian; sử dụng hệ thống chỉ số phân tích biến động của hiện tượng. Trang bị bước đầu cho sinh viên một số công cụ thống kê phục vụ cho các môn học Thống kê chuyên ngành và nghiên cứu khoa học. Sinh viên hiểu và sử dụng được các phương pháp thu thập tài liệu, thiết kế bảng hỏi. Thực hành tốt các kỹ năng tổng hợp tài liệu thống kê bằng phương pháp phân tổ thống kê, trình bày dữ liệu thống kê bằng bảng và đồ thị thống kê. Thành thạo kỹ năng tính toán các mức độ của các hiện tượng KTXH, và phân tích hiện tượng trên cơ sở các mức độ đó. Có khả năng chủ động vận dụng các phương pháp phân tích thống kê trong học tập, nghiên cứu khoa học.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Rèn luyện thái độ nghiêm túc, trung thực trong thu thập, xử lý tổng hợp, phân tích dữ liệu và trong cung cấp thông tin. Tạo tác phong nghiêm túc và khoa học trong học tập, nghiên cứu và lao động.			
4	Luật Kinh tế	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: + Địa vị pháp lý của các chủ thể kinh doanh; + Pháp luật về giải quyết tranh chấp kinh doanh; + Pháp luật phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Giúp người học có khả năng vận dụng được kiến thức đã học giải quyết các tình huống nảy sinh trong thực tiễn kinh doanh liên quan đến địa vị pháp lý các chủ thể kinh doanh; giải quyết các tình huống liên quan đến phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã; giải quyết tranh chấp kinh doanh phát sinh trong quá trình thành lập, hoạt động của doanh nghiệp. Giúp người học có kỹ năng bình luận, đánh giá các quy định của pháp luật thực định nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng; có kỹ năng thuyết trình về một vấn đề của pháp luật kinh tế; có kỹ năng điều hành hoạt động nhóm, tham gia hoạt động nhóm. Người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của môn học ứng dụng vào học tập và cuộc sống của bản thân. Hình thành nhận thức và thái độ đúng đắn về quyền tự do kinh doanh của tổ chức, cá nhân trong nền kinh tế thị trường. Đồng thời, người học cũng thấy được vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội, biết cách tra cứu và tự cập nhật các văn bản pháp luật để phục vụ cho công việc, từ đó nâng cao ý thức thực hiện pháp luật, tuyên truyền ý thức thực hiện pháp luật với cộng đồng.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
5	Marketing căn bản	Nắm được các vấn đề cơ bản của marketing gồm các khái niệm trong marketing, các quan điểm và nội dung marketing.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Hiểu, phân tích và vận dụng các vấn đề về thị trường, khách hàng, khách hàng mục tiêu. Nghiên cứu khách hàng mục tiêu thông qua các hoạt động phân đoạn, lựa chọn và định vị thị trường. Hiểu, phân tích và vận dụng được các mô hình nghiên cứu hành vi mua của khách hàng. Hiểu và phân tích được chính sách marketing – mix (4 "p") Nắm được các kiến thức mới về marketing Rèn luyện năng lực tư duy marketing. Có kỹ năng phân tích và xử lý tình huống marketing cụ thể Ý thức được vai trò và tầm quan trọng của marketing trong hoạt động kinh doanh. Có ý thức ứng dụng marketing trong công việc. Xây dựng ý thức hướng về thị trường, về khách hàng trong các hoạt động.			
6	Quản trị rủi ro	**Về kiến thức:** + Sinh viên nắm vững những vấn đề lý luận chung về rủi ro, nguồn rủi ro và quản trị rủi ro + Sinh viên hiểu được các bước của quy trình quản trị rủi ro và các phương pháp đối phó với rủi ro + Sinh viên hiểu được các vấn đề lý luận về kiểm soát rủi ro và tài trợ rủi ro **Về kỹ năng:** + Có khả năng vận dụng những kiến thức của môn học vào phân tích, nhận dạng, đánh giá rủi ro cho một đối tượng cụ thể + Có khả năng vận dụng và xây dựng một chương trình quản trị rủi ro cho một đối tượng cụ thể - Nâng cao nhận thức của người học về sự cần thiết của quản trị rủi ro - Có ý thức và thận trọng trong hoạt động quản trị rủi ro	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

7	Nguyên lý bảo hiểm	+ Sinh viên nắm được hệ thống kiến thức cơ bản về rủi ro và các phương thức xử lý rủi ro;Bản chất, vai trò của bảo hiểm, các loại hình bảo hiểm; Lịch sử ra đời và phát triển của bảo hiểm trên thế giới và ở Việt Nam; + Sinh viên nắm và hiểu được cơ sở kỹ thuật vận dụng trong kinh doanh bảo hiểm; Các nguyên tắc cơ bản trong kinh doanh bảo hiểm; + Sinh viên nắm và hiểu được vai trò, nguyên tắc và nội dung của kiểm soát nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bảo hiểm. Nắm được hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm. + Sinh viên hiểu được khái niệm, đặc điểm nội dung của hợp đồng bảo hiểm; Các bước thiết lập, thực hiện, đình chỉ, hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm. + Phân biệt được các loại hình bảo hiểm thương mại, áp dụng các nguyên tắc, chế độ trong từng loại hình bảo hiểm nhằm giải quyết được các bài tập tổng hợp + Phân tích được các nguyên tắc, vận dụng nguyên tắc đó trong quá trình hoạt động kinh doanh bảo hiểm. + Vận dụng được hệ thống các văn bản pháp lý trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm; Sinh viên có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; có tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo; có ý thức và năng lực tự học, tự tiếp cận, nghiên cứu độc lập và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến nội dung của học phần.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
8	Nguyên lý tiền lương	Hiểu được những nguyên lý cơ bản nhất về tiền lương, tiền lương tối thiểu, phụ cấp lương, và hình thức trả lương. Phân tích, đánh giá được tiền lương tối thiểu, phụ cấp lương, các hình thức trả lương. Làm được các bài tập tính lương cơ bản. Có ý thức và chủ động trong việc tìm kiếm tài liệu, trao đổi học hỏi cập nhật các văn bản Luật.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
9	Kinh tế đầu tư	**Về kiến thức:**	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi

		+ Sinh viên nắm vững những vấn đề lý luận chung về đầu tư,các nguồn vốn đầu tư,loại hình đầu tư, dự án đầu tư và vai trò của đầu tư phát triển trong nền kinh tế; các nội dung liên quan đến dòng tiền và lãi suất. + Sinh viên nắm được hệ thống các chỉ tiêu phân tích tài chính dự án đầu tư các phương pháp phân tích tài chính dự án đầu tư. **Về kỹ năng:** + Có khả năng vận dụng những kiến thức của môn học vào đánh giá hiệu quả tài chính dự án đầu tư. + Có khả năng thực hành đánh giá hiệu quả dự án đầu tư thông qua một số chỉ tiêu tài chính phổ biến - Nâng cao nhận thức của người học về sự cần thiết của phân tích các vấn đề đầu tư và dự án đầu tư - Có trách nhiệm và trung thực trong lĩnh vực đầu tư			kết thúc học phần 60%
10	Lý thuyết bảo hiểm xã hội	Trang bị các kiến thức cơ sở lý luận chung về bảo hiểm xã hội, lịch sử phát triển của bảo hiểm xã hội, cơ sở hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, hệ thống BHXH ở một số nước trong khu vực và trên thế giới. Học phần giúp sinh viên nắm vững các kiến thức lý luận về bảo hiểm xã hội; Có khả năng vận dụng những kiến thức của môn học vào thực tiễn xây dựng và tổ chức chính sách BHXH; Có khả năng so sánh và phân tích hệ thống BHXH giữa các nước để thấy được những mặt mạnh và hạn chế của từng hệ thống. Sinh viên hiểu rõ vai trò quan trọng của bảo hiểm xã hội; Có ý thức tự học, tự tiếp cận, nghiên cứu độc lập và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến nội dung của học phần; Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật; có tinh thần hợp tác.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

11	Nhập môn an sinh xã hội	Học phần giúp học người học nắm được các học thuyết cơ bản về ASXH, lịch sử hình thành ASXH trên thế giới, các khái niệm, thuật ngữ về ASXH, một số khái niệm, thuật ngữ liên quan và các mối quan hệ của ASXH, trang bị những kiến thức cơ bản và có hệ thống về ASXH; Phân biệt được những nét riêng của mô hình ASXH Việt Nam với mô hình các quốc gia trên thế giới; Mô tả được các Thể chế tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về ASXH và các vấn đề liên quan đến tổ chức thực hiện chính sách ASXH. Vận dụng linh hoạt các kiến thức về an sinh xã hội vào quá trình hỗ trợ các dịch vụ an sinh xã hội với các nhóm đối tượng. Học phần giúp người học phát triển kỹ năng tìm kiếm, thu thập và xử lý thông tin; Rèn luyện kỹ năng phân tích, suy luận, hệ thống hoá, khái quát các khái niệm, quan điểm về ASXH; Sau khi kết thúc môn học, người học có thể áp dụng kỹ năng phân tích, hệ thống hóa, khái quát vào quá trình tổ chức thực hiện chính sách ASXH ở nước ta. Môn học nhằm hình thành ở người học ý thức, thái độ tôn trọng và tự hào về truyền thống cha ông, từ đó có ý thức gìn giữ, bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta như “Uống nước nhớ nguồn” ,“Tương thân tương ái”; tích cực tham gia thực hiện chính sách an sinh và các hoạt động tương trợ cộng đồng khác.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
12	Nguyên lý kế toán 1	Trang bị những kiến thức cơ bản của nguyên lý kế toán gồm bản chất của kế toán và các phương tiện kế toán như: Chứng từ kế toán, Tài khoản kế toán và Báo cáo kế toán. Trang bị những kiến thức cơ sở quan trọng về các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung, các phương tiện của kế toán để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành kế toán và các chuyên ngành liên quan.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.			
13	Kinh tế lượng	+ Nắm được các kiến thức cơ bản về phân tích hồi quy trong kinh tế xã hội.; + Thực hiện được một cách cơ bản quy trình phân tích hồi quy, từ xây dựng một mô hình tốt đến ứng dụng mô hình này để đưa ra các khuyến nghị hợp lý cho các vấn đề cụ thể trong kinh tế kinh doanh. + Nắm được các kỹ năng thực hành trong phân tích hồi quy; Nắm được các kỹ thuật cơ bản trong phân tích hồi quy và sử dụng thành thạo phần mềm Eviews trong quá trình phân tích hồi quy; Có thái độ nghiêm túc, đúng đắn và khoa học về bản chất của các vấn đề toán học, vấn đề vận dụng các kiến toán vào lĩnh vực kinh tế.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
14	Luật lao động	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về pháp luật lao động như: khái quát chung; việc làm, học nghề; hợp đồng lao động; đối thoại tại nơi làm việc, thương lượng tập thể, thỏa ước lao động tập thể; tiền lương; thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi; an toàn vệ sinh lao động; kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất; tranh chấp lao động, đình công; xử lý vi phạm pháp luật lao động. Người học vận dụng được kiến thức đã học để làm kiến thức cần thiết trong quá trình thực hiện các công việc sau khi ra trường; có khả năng soạn thảo hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, xử lý các tình huống liên quan đến quan hệ lao động. Đồng thời, người học có kỹ năng thuyết trình về một vấn đề của luật lao động; có kỹ năng điều hành hoạt động nhóm, tham gia hoạt động nhóm;người học biết cách tra cứu và tự cập nhật các văn bản pháp luật để phục vụ cho công việc. Người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của môn học, có thể ứng dụng vào học tập và cuộc sống của bản thân. Đồng thời, người học		Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		thấy được vai trò của pháp luật lao động trong đời sống xã hội, từ đó nâng cao ý thức thực hiện pháp luật lao động; tuyên truyền ý thức thực hiện pháp luật lao động với cộng đồng xung quanh. Có ý thức tự điều chỉnh công việc của mình theo những quy định của pháp luật lao động			
15	Điều tra XHH	Sau khi kết thúc học phần người học đạt được các kiến thức cơ bản và khái niệm về ĐTXHH, cách chọn đề tài nghiên cứu và chứng minh được vì sao cần viết tổng quan tình hình nghiên cứu; làm thế nào để xây dựng khung phân tích, giả thuyết nghiên cứu và xác định phương pháp thu thập thông tin trong điều tra xã hội học như: phỏng vấn, quan sát, phân tích tài liệu, và quy trình thực hiện một cuộc ĐTXHH. Trang bị những kiến thức nền về điều tra XHH để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành chuyên sâu và chuyên ngành liên quan Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần. Hình thành thái độ khách quan khoa học đối với những vấn đề trong đời sống xã hội, vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học vào thực tiễn nghề nghiệp và đời sống.		Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
16	Thẩm định dự án đầu tư	+ Nhận diện khái niệm, mục đích và yêu cầu của thẩm định dự án đầu tư, các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động thẩm định dự án. + Biết trình tự thẩm định một dự án đầu tư, quy trình tổ chức thẩm định dự án đầu tư ở Việt Nam. + Hiểu và vận dụng các phương pháp thẩm định dự án, các quan điểm phân tích và đánh giá dự án, các chỉ tiêu thẩm định dự án để từ đó thẩm định các dự án đầu tư theo các nhóm yếu tố khác nhau bao gồm: căn cứ pháp lý, thị trường, kỹ thuật công nghệ, tổ chức quản lý và nhân sự, tài chính, kinh tế xã hội, và phân tích rủi ro của dự án.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		+ Thẩm định hiệu quả tài chính và hiệu quả kinh tế xã hội của dự án đầu tư. + Xây dựng bản kế hoạch thẩm định cho một dự án đầu tư. + Sử dụng các kiến thức liên quan đến thẩm định để thẩm định đứng trên góc độ cơ quan quản lý nhà nước, ngân hàng và chủ đầu tư . + Hình thành và phát triển năng lực tư duy, giải quyết được các vấn đề tình huống trong thẩm định. + Nâng cao được ý thức về vai trò, trách nhiệm, quyền hạn của người trực tiếp liên quan đến thẩm định. + Chủ động thích ứng với sự biến đổi trong công tác thẩm định. + Hình thành niềm say mê công tác thẩm định dự án, tinh thần không ngừng học hỏi cả trong thực tiễn và trong lý thuyết, tích cực đóng góp để ngày càng hoàn thiện hơn quy trình thẩm định dự án. + Có thái độ nhã nhặn, đúng mực khi tiếp nhận các công việc liên quan tới thẩm định dự án đầu tư trong thời gian thực tập.			
17	Thị trường chứng khoán	Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán, thị trường thứ cấp, thị trường sơ cấp, các loại chứng khoán được giao dịch trên thị trường, các phương thức phát hành chứng khoán, quy trình bảo lãnh phát hành, phương thức và quy trình giao dịch tại Sở giao dịch. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp các nguyên tắc định giá trái phiếu, cổ phiếu và các nhân tố ảnh hưởng đến giá trị thị trường của các loại chứng khoán này. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể ứng dụng kiến thức đã học vào việc phân tích và đầu tư chứng khoán. Ngoài ra, người học còn được rèn luyện các kỹ năng tư duy độc lập, tư duy phản biện, kỹ năng lập kế hoạch, làm việc đội nhóm, thuyết trình và thể hiện ý tưởng, ứng biến linh hoạt trong môi trường làm việc đòi hỏi sự thay đổi.		Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Học phần cũng giúp người học nhìn nhận được vai trò quan trọng của thị trường chứng khoán, có ý thức tự học và nghiên cứu các vấn đề lý luận cũng như thực tiễn liên quan đến thị trường, có định hướng tích lũy kiến thức chuyên môn cho nghề nghiệp trong tương lai ngay từ khi còn là sinh viên			
18	Tài chính bảo hiểm 1	+Trình bày được lý thuyết tiền tệ và hệ thống tiền tệ; Trình bày được bản chất, chức năng và vai trò của tài chính; Trình bày được khái niệm, đặc điểm, vai trò và nội dung của ngân sách nhà nước; trình bày được khái niệm, vai trò và nội dung của tài chính doanh nghiệp; + Trình bày được chức năng, vai trò và cơ cấu của thị trường tài chính; +Trình bày được nội dung lãi suất; Trình bày được nội dung ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng phi ngân hàng; Trình bày được nội dung ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ quốc gia. + Có khả năng vận dụng những kiến thức của môn học vào phân tích sự vận hành của thị trường tài chính. + Có khả năng vận dụng những kiến thức của môn học vào môn tài chính bảo hiểm 2 và một số môn kinh tế khác. + Hình thành và phát triển (một bước) năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề tài chính tiền tệ. + Phát triển kỹ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng. + Có động cơ và thái độ nghiêm túc về ngành học.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
19	Tài chính bảo hiểm 2	**Về kiến thức:** - Sinh viên nắm vững những vấn đề lý luận chung về tài chính bảo hiểm xã hội và tài chính bảo hiểm thương mại; các nội dung về nguồn tài chính và hệ thống tài chính bảo hiểm xã hội; các nội dung về tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và hoạt động đầu tư trong doanh nghiệp bảo hiểm.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Sinh viên nắm được hệ thống các chỉ tiêu tài chính trong doanh nghiệp bảo hiểm và phương pháp trích lập các loại dự phòng nghiệp vụ trong các doanh nghiệp bảo hiểm hiện nay . **Về kỹ năng:** - Có khả năng vận dụng những kiến thức của môn học vào thực tiễn hoạt động xây dựng và hoạch định chính sách về quản lý tài chính bảo hiểm xã hội ở Việt Nam - Sinh viên có khả năng vận dụng trích lập dự phòng nghiệp vụ cho DNBH theo một số phương pháp thông dụng. Có khả năng so sánh và phân tích tình hình tài chính của các doanh nghiệp bảo hiểm theo hệ thống chỉ tiêu hiện hành - Nâng cao nhận thức của người học về sự cần thiết của phân tích các vấn đề tài chính bảo hiểm - Có trách nhiệm và trung thực trong lĩnh vực tài chính bảo hiểm			
20	Bảo hiểm phi nhân thọ 1	+ Hiểu và nắm vững được khái niệm, bản chất, chức năng, vai trò của Bảo hiểm thương mại, quỹ bảo hiểm thương mại, mục đích sử dụng quỹ bảo hiểm thương mại, những nguyên tắc chung trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm thương mại và các loại hình bảo hiểm thương mại + Nắm vững lý do vì sao các chủ xe cơ giới phải tham gia bảo hiểm và tác dụng của bảo hiểm xe cơ giới; hiểu và nắm vững nội dung nghiệp vụ bảo hiểm vật chất xe cơ giới và bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới với người thứ ba. + Hiểu rõ đặc điểm và tác dụng của bảo hiểm hỏa hoạn, sự hình thành và phát triển của bảo hiểm hỏa hoạn; nắm vững những nội dung cơ bản của bảo hiểm hỏa hoạn; hiểu rõ nội dung một số nghiệp vụ bảo hiểm bổ sung cho loại hình bảo hiểm hỏa hoạn. + So sánh được sự giống nhau và khác nhau giữa loại hình bảo hiểm xã hội và loại hình bảo hiểm thương mại.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		+ Phân biệt được sự khác nhau giữa các loại hình bảo hiểm thương mại bao gồm bảo hiểm tài sản, bảo hiểm trách nhiệm dân sự và bảo hiểm con người; phân biệt được các chế độ bồi thường bảo hiểm trong bảo hiểm tài sản; phân biệt được nguyên tắc bồi thường và nguyên tắc khoán. + Vận dụng và phát huy được kỹ năng làm việc độc lập, tự học, tự nghiên cứu để hoàn thành các bài tập cá nhân liên quan đến mỗi chương học. + Có năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng tư vấn cho khách hàng mua sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ. + Ý thức được vai trò và tầm quan trọng của loại hình bảo hiểm phi nhân thọ đối với sự phát triển của nền kinh tế - xã hội. + Có đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội phù hợp; tự học, tự tiếp cận, nghiên cứu độc lập và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến nội dung của học phần.			
21	Bảo hiểm phi nhân thọ 2	+ Hiểu rõ sự cần thiết khách quan phải bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu vận chuyển bằng đường biển; thấy rõ trách nhiệm của các bên có liên quan trong các hợp đồng bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu; hiểu rõ được các nội dung về giá trị bảo hiểm, số tiền bảo hiểm, phí bảo hiểm, các điều khoản bảo hiểm, giám định và bồi thường tổn thất trong bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu vận chuyển bằng đường biển; nắm vững được các bước phân bổ tổn thất chung. + Nắm vững lý do vì sao các chủ tàu tham gia bảo hiểm và tác dụng của bảo hiểm tàu thủy; nắm vững nội dung nghiệp vụ bảo hiểm vật chất thân tàu; hiểu và nắm vững các vấn đề tai nạn đâm va và cách giải quyết. + Hiểu rõ đặc điểm và tác dụng của bảo hiểm trong nông nghiệp nói chung; các loại rủi ro liên quan đến cây trồng và vật nuôi khi triển khai bảo hiểm; nắm vững những nội dung cơ bản của bảo hiểm cây trồng và bảo hiểm chăn nuôi.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		+ Hiểu rõ sự cần thiết khách quan, vai trò của bảo hiểm con người và các tiêu thức phân loại bảo hiểm con người; nắm được những đặc điểm chủ yếu của bảo hiểm con người phi nhân thọ, các nghiệp vụ bảo hiểm con người phi nhân thọ đã và đang được triển khai trên thế giới cũng như ở Việt Nam hiện nay. + Đánh giá được những mặt đạt được và những mặt còn hạn chế về bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu ở Việt Nam trong những năm đổi mới vừa qua. + Phân biệt được các loại tổn thất trong bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu vận chuyển bằng đường biển. + Phân tích được xu hướng xuất nhập khẩu hàng hóa sau khi nước ta gia nhập WTO. + Phân biệt được sự khác nhau giữa hội bảo hiểm P & I và các doanh nghiệp bảo hiểm khác. Phân tích được thực trạng triển khai bảo hiểm nông nghiệp tại Việt Nam trong thời gian vừa qua. + Phân biệt được bảo hiểm con người phi nhân thọ và bảo hiểm nhân thọ + Vận dụng và phát huy được kỹ năng làm việc độc lập, tự học, tự nghiên cứu để hoàn thành các bài tập cá nhân liên quan đến mỗi chương học. + Có năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng tư vấn cho khách hàng mua sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ. + Ý thức được vai trò và tầm quan trọng của loại hình bảo hiểm phi nhân thọ đối với sự phát triển của nền kinh tế - xã hội. + Có đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội phù hợp; tự học, tự tiếp cận, nghiên cứu độc lập và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến nội dung của học phần.			

22	Bảo hiểm nhân thọ	+ Nhớ được kiến thức cơ bản về bảo hiểm nhân thọ, lịch sử ra đời, các đặc điểm của bảo hiểm nhân thọ; + Hiểu và phân tích được các loại hình bảo hiểm nhân thọ căn cứ theo sự kiện bảo hiểm; + Hiểu và phân tích được nguyên tắc và cơ sở định phí của bảo hiểm nhân thọ, xác định được phí trong bảo hiểm nhân thọ; + Hiểu và phân tích được khái niệm và xác định được dự phòng phí trong bảo hiểm nhân thọ; + Hiểu và phân tích được các phương pháp chia lãi cho hợp đồng bảo hiểm nhân thọ; + Hiểu và phân tích được nội dung của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ; + Vận dụng các kiến thức đã học nhằm tính phí, tính dự phòng phí, điền chính xác các mẫu hợp đồng bảo hiểm nhân thọ; + Vận dụng các kiến thức đã học để tư vấn về một loại hình bảo hiểm nhân thọ + Có đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội phù hợp; tự học, tự tiếp cận, nghiên cứu độc lập và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến nội dung của học phần. + Tham gia giờ giảng đầy đủ, chủ động, tích cực. Trung thực khi làm bài kiểm tra cá nhân, cuối kỳ.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
23	Quản trị kinh doanh bảo hiểm 1	- Hiểu rõ khái niệm và đặc điểm, vai trò của hoạt động kinh doanh bảo hiểm; - Nhận biết đối tượng, nhiệm vụ và nội dung nghiên cứu môn học quản trị kinh doanh bảo hiểm; - Hiểu được cơ sở khoa học của hoạt động quản trị kinh doanh bảo hiểm; - Hiểu rõ được khái niệm, chức năng của thị trường bảo hiểm; các đặc trưng của thị trường bảo hiểm; phân biệt được phân loại và phân đoạn thị trường, yêu cầu của phân đoạn thị trường và phân đoạn thị trường	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		theo một số tiêu thức; đặc điểm của các yếu tố cấu thành thị trường bảo hiểm; - Hiểu rõ được nội dung các mục tiêu nghiên cứu thị trường; - Hiểu được các nội dung của hoạt động Marketing trong kinh doanh bảo hiểm: khái niệm và chức năng của hoạt động Marketing đối với thị trường bảo hiểm; - Hiểu được hệ thống thông tin trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm: vai trò thông tin trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm, các yếu tố của hệ thống thông tin, các hoạt động chính của bộ phận phát triển và điều hành hệ thống thông tin, các yếu tố của hệ thống thông tin trong doanh nghiệp bảo hiểm; - Hiểu được các loại hình doanh nghiệp bảo hiểm theo các tiêu thức phân loại - Hiểu được cơ sở và đánh giá được mô hình tổ chức doanh nghiệp bảo hiểm; - Hiểu được chức năng và nhiệm vụ của các bộ phận chủ yếu trong doanh nghiệp bảo hiểm; - Hiểu được các nội dung hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm; - Hiểu được đặc điểm của nhóm khách hàng cá nhân và khách hàng tổ chức; - Hiểu các nội dung của hợp đồng bảo hiểm và vấn đề quản lý hợp đồng bảo hiểm, áp dụng nhằm quản lý hợp đồng bảo hiểm của doanh nghiệp trong các trường hợp cụ thể; - Hiểu được các nội dung trong quy trình triển khai nghiệp vụ bảo hiểm cho khách hàng - Hiểu được các chỉ tiêu dùng để phân tích kết quả và hiệu quả của hoạt động kinh doanh bảo hiểm			

		+ Vận dụng kiến thức đã học để phân tích được bối cảnh của thị trường bảo hiểm Việt Nam, xu thế phát triển. + Vận dụng kiến thức đã học để phân tích được vai trò của hoạt động Marketing bảo hiểm đối với hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp bảo hiểm. + Vận dụng kiến thức đã học để phân tích được các loại hình Doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm trên thị trường bảo hiểm Việt Nam. + Vận dụng kiến thức đã học để phân tích được các yếu tố của khách hàng mua bảo hiểm như ý định, hành vi và quá trình mua hàng của khách hàng mua bảo hiểm. Phân tích được các nhân tố tác động tới hành vi mua bảo hiểm của người mua bảo hiểm. + Vận dụng kiến thức đã học để phân tích tính toán được các chỉ tiêu phản ảnh kết quả và hiệu quả hoạt động kinh doanh bảo hiểm nghiệp bảo hiểm. **Thái độ:** Có đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội phù hợp; tự học, tự tiếp cận, nghiên cứu độc lập và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến nội dung của học phần.			
24	Quản trị kinh doanh bảo hiểm 2	- Hiểu rõ khái niệm và đặc điểm, vai trò của hoạt động quản trị nhân lực trong doanh nghiệp bảo hiểm; - Hiểu rõ được các vấn đề liên quan đến sản phẩm bảo hiểm và quản trị sản phẩm trong doanh nghiệp bảo hiểm - Hiểu được cơ chế quản lý tài chính của các doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm; - Hiểu rõ được các nội dung quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bảo hiểm; - Hiểu được các chỉ tiêu dùng để phân tích kết quả và hiệu quả của hoạt động kinh doanh bảo hiểm	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		+ Đánh giá được bối cảnh của nhân lực trong thị trường bảo hiểm Việt Nam, xu thế phát triển. + Đánh giá được sự thay đổi trong các loại hình sản phẩm bảo hiểm của Doanh nghiệp bảo hiểm. + đánh giá được các nội dung về doanh thu, chi phí, các quỹ của các doanh nghiệp bảo hiểm. + Nắm và vận dụng các quy định quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bảo hiểm + Phân tích và tính toán được các chỉ tiêu phản ảnh kết quả và hiệu quả hoạt động kinh doanh bảo hiểm nghiệp bảo hiểm. Có đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội phù hợp; tự học, tự tiếp cận, nghiên cứu độc lập và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến nội dung của học phần.			
25	Nghiệp vụ bảo hiểm xã hội	-Trang bị cho người học có những kiến thức cơ bản về các chế độ bảo hiểm xã hội ngắn hạn: chế độ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp. - Trang bị cho người học có kỹ năng để giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội ngắn hạn khi đi làm. -Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy, tự học, học nhóm -Giúp người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của môn học ứng dụng vào công việc và cuộc sống của bản thân.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
26	Quản trị bảo hiểm xã hội	- Sinh viên nắm vững những vấn đề lý luận chung về quản trị BHXH: khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc quản trị BHXH; hệ thống tổ chức hoạt động sự nghiệp BHXH; - Sinh viên hiểu rõ các nội dung tổ chức và quản lý trong cơ quan BHXH, - Sinh viên hiểu rõ các chức năng của quản trị BHXH bao gồm: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		- Có khả năng vận dụng những kiến thức của môn học vào thực tiễn quản trị BHXH; - Có khả năng phân tích tình hình quản trị BHXH của hệ thống BHXH tại Việt Nam theo nội dung và chức năng quản trị - Có động cơ và thái độ nghiêm túc về ngành học - Có đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội phù hợp; tự học, tự tiếp cận, nghiên cứu độc lập và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến nội dung của học phần.			
27	Bảo hiểm hưu trí	Học phần Bảo hiểm hưu trí trang bị cho sinh viên kiến thức cơ sở lý luận về bảo hiểm hưu trí; bảo hiểm hưu trí ở các nước trên thế giới, lịch sử hình thành và phát triển của bảo hiểm hưu trí ở Việt Nam; Phương pháp luận xác định tuổi nghỉ hưu; Tài chính bảo hiểm hưu trí; Pháp luật về bảo hiểm hưu trí, tử tuất ở Việt Nam. Học phần giúp sinh viên nắm vững các kiến thức lý luận về bảo hiểm hưu trí; Có khả năng vận dụng những kiến thức của môn học vào thực tiễn xây dựng và hoạch định chính sách bảo hiểm hưu trí, tử tuất ở Việt Nam; Giải quyết thành thạo các tình huống trong thực tế về chế độ hưu trí và tử tuất theo pháp luật Việt Nam; Có khả năng so sánh và phân tích hệ thống bảo hiểm hưu trí giữa các nước trên thế giới để thấy được những mặt mạnh và hạn chế của từng hệ thống, qua đó so sánh với hệ thống bảo hiểm hưu trí ở Việt Nam. Sinh viên hiểu rõ vai trò quan trọng của bảo hiểm hưu trí; Có ý thức tự học, tự tiếp cận, nghiên cứu độc lập và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến nội dung của học phần; Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật; có tinh thần hợp tác.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

28	Bảo hiểm thất nghiệp	**Kiến thức:** Trang bị hệ thống các kiến thức cơ bản về bảo hiểm thất nghiệp, cơ sở hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp. Trang bị những kiến thức quan trọng về bảo hiểm thất nghiệp; nắm vững những nghiệp vụ cơ bản về bảo hiểm thất nghiệp từ đó có khả năng vận dụng những kiến thức của môn học vào thực tiễn Hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách Bảo hiểm thất nghiệp và sử dụng thành thạo các nghiệp vụ cơ bản trong quá trình tổ chức thực hiện chính sách BHTN **Thái độ:** + Ý thức được vai trò và tầm quan trọng của loại hình bảo hiểm thất nghiệp đối với sự phát triển của nền kinh tế - xã hội. + Có đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội phù hợp; tự học, tự tiếp cận, nghiên cứu độc lập và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến nội dung của học phần.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
29	Tổ chức thực hiện bảo hiểm xã hội	Học phần Thực hành bảo hiểm xã hội trang bị cho sinh viên kiến thức lý luận về Nghiệp vụ thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN và Nghiệp vụ giải quyết hưởng và chi trả các chế độ BHXH. Học phần giúp sinh viên nắm vững các kiến thức lý luận về nghiệp vụ thu, nghiệp vụ giải quyết hưởng và chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội; Có khả năng vận dụng những kiến thức của môn học vào thực tiễn tổ chức thực hiện các nghiệp vụ về thu BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN và chi trả các chế độ BHXH, BHTN, BHTNLĐ – BNN. Sinh viên hiểu rõ vai trò quan trọng của các nghiệp vụ thu, giải quyết hưởng và chi trả các chế độ BHXH. Có ý thức tự học, tự tiếp cận, nghiên cứu độc lập và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến nội dung của học phần; Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật; có tinh thần hợp tác.	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

30	Phân tích tài chính bảo hiểm	- Sinh viên nắm vững những lý luận cơ bản về phân tích tài chính doanh nghiệp bảo hiểm: các khái niệm cơ bản về tài chính DNBH; các báo cáo tài chính; các chỉ tiêu tài chính cơ bản của DNBH. Thông qua đó, sinh viên có thể đánh giá được một cách tổng quan về xu hướng tài chính của doanh nghiệp và dự báo phát triển của doanh nghiệp trong tương lai. - Sinh viên nắm được hệ thống báo cáo tài chính của Doanh nghiệp. Nắm được tình hình tài chính một số DNBH tiêu biểu trên thị trường. - Có khả năng vận dụng kiến thức môn học vào thực tiễn phân tích tài chính DNBH, - Thực hành phân tích tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm, bao gồm: phân tích báo cáo tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm,phân tích báo cáo hoạt động đầu tư của doanh nghiệp bảo hiểm, phân tích báo cáo lưu chuyển tiền tệ. - Có động cơ và thái độ nghiêm túc về ngành học, - Có đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội phù hợp; tự học, tự tiếp cận, nghiên cứu độc lập và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến nội dung của học phần.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
31	Bảo hiểm y tế	**Kiến thức:** -Trang bị cho người học có những kiến thức cơ bản về các nội dung Bảo hiểm y tế: thị trường CSSK, lịch sử hình thành và phát triển của BHYT trên thế giới cũng như ở Việt Nam, khái quát chung về BHYT, và các mô hình BHYT, các nguyên tắc chung về tài chính BHYT, phương pháp xác định phí BHYT, phương pháp thanh toán chi phí KCB, đầu tư và cân đối tài chính quỹ BHYT. **Kỹ năng:** - Trang bị cho người học có kỹ năng để vận dụng các nghiệp vụ bảo hiểm y tế khi đi làm.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		- Có khả năng so sánh và phân tích mô hình hệ thống và chính sách BHYT giữa các nước để thấy được những mặt mạnh và hạn chế của từng hệ thống BHYT. - Có khả năng vận dụng tính toán chi phí KCB BHYT **Thái độ:** - Ý thức được vai trò và tầm quan trọng của loại hình bảo hiểm y tế đối với sự phát triển của nền kinh tế - xã hội. - Có đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội phù hợp; tự học, tự tiếp cận, nghiên cứu độc lập và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến nội dung của học phần.			
32	Tin học chuyên ngành 1	Học phần Tin học chuyên ngành 1 giúp sinh viên nắm vững được quy trình xét duyệt chế độ hưởng BHXH, quy trình chi trả chế độ BHXH; Hệ thống thông tin quản lý BHXH. Sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức của môn học vào sử dụng thành thạo phần mềm xét duyệt chế độ BHXH của ngành để chi trả các chế hưu trí, tử tuất, TNLĐ-BNN và phần mềm quản lý hồ sơ hưởng BHXH vào thực tiễn. Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của việc áp dụng tin học trong công việc thực tế; có động cơ và thái độ nghiêm túc về ngành học. Người học tốt nghiệp có khả năng sử dụng thành thạo tin học cơ bản đạt chuẩn đầu ra quy định tại thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc tương đương. Sử dụng thành thạo phần mềm cần thiết phục vụ công việc chuyên môn.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
33	Thống kê bảo hiểm	Giúp cho sinh viên nhận thức về cách tiếp cận bảo hiểm dưới giác độ thống kê. Tạo cơ sở cho việc học tập và nghiên cứu các học phần có liên quan trong chuyên ngành Bảo hiểm và là công cụ cho việc làm đề tài, khóa luận cũng như nghiên cứu khoa học. Tạo cho sinh viên khả năng vận dụng thành thạo để	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		xây dựng và hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu thống kê bảo hiểm. Tạo cho sinh viên khả năng Sử dụng hệ thống các phương pháp thống kê trong thu thập, tổng hợp, phân tích và dự báo các hiên tượng liên quan đến bảo hiểm. Cần tôn trọng thông tin, đảm bảo được các yêu cầu về thông tin của ngành Bảo hiểm phải chính xác, đầy đủ và kịp thời.			
34	Tin học chuyên ngành 2	Học phần Tin học chuyên ngành 2 giúp sinh viên nắm vững được quy trình thu BHXH. Sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức của môn học vào sử dụng thành thạo phần mềm SMS thực hiện phát sinh thu BHXH, tính lãi chậm đóng BHXH, BHYT, BHTN tại các đơn vị và thành thạo phần mềm KBHXH thực hiện khai báo tham gia BHXH tai các đơn vị khi có biến động về NLĐ, về mức đóng BHXH. Sinh viên nhận thức được tầm quan trọng của việc áp dụng tin học trong công việc thực tế; có động cơ và thái độ nghiêm túc về ngành học. Người học tốt nghiệp có khả năng sử dụng thành thạo tin học cơ bản đạt chuẩn đầu ra quy định tại thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông hoặc tương đương. Sử dụng thành thạo phần mềm cần thiết phục vụ công việc chuyên môn.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
35	Quản lý thu bảo hiểm xã hội	- Trang bị những kiến thức cơ bản giúp sinh viên nắm vững những vấn đề lý luận chung về thu bảo hiểm xã hội và quản lý thu bảo hiểm xã hội. Trang bị những kiến thức quan trọng về quản lý thu bảo hiểm xã hội; nắm vững những nghiệp vụ cơ bản về công tác quản lý thu bảo hiểm xã hội từ đó có khả năng vận dụng những kiến thức của môn học vào thực tiễn xây dựng và tổ chức quản lý thu bảo hiểm xã hội và sử dụng thành thạo các nghiệp vụ cơ bản trong quá trình tổ chức và quản lý thu bảo hiểm xã hội.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần			
36	Quản lý thu khối doanh nghiệp	Trang bị những kiến thức vấn đề lý luận chung về quản lý thu bảo hiểm xã hội; những nghiệp vụ cơ bản về công tác quản lý thu bảo hiểm xã hội khối doanh nghiệp. Trang bị những kiến thức quan trọng về quản lý thu bảo hiểm xã hội; nắm vững những nghiệp vụ cơ bản về công tác quản lý thu bảo hiểm xã hội khối doanh nghiệp từ đó có khả năng vận dụng những kiến thức của môn học vào thực tiễn xây dựng và tổ chức quản lý thu bảo hiểm xã hội khối doanh nghiệp và sử dụng thành thạo các nghiệp vụ cơ bản trong quá trình tổ chức và quản lý thu bảo hiểm xã hội khối doanh nghiệp. Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.		Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
37	Quản lý chi trả bảo hiểm xã hội	- Trang bị những kiến thức cơ bản giúp sinh viên nắm vững những vấn đề lý luận chung về chi bảo hiểm xã hội và quản lý chi bảo hiểm xã hội. - Trang bị cho sinh viên những kỹ năng, nghiệp vụ cơ bản để vận dụng trong việc giải quyết chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động cũng như trong quản lý chi bảo hiểm xã hội + Giải quyết thành thạo một số nghiệp vụ chính trong chi trả các chế độ bảo hiểm xã hội theo pháp luật Việt Nam. Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
38	Quản lý hồ sơ bảo hiểm xã hội	Học phần Quản lý hồ sơ bảo hiểm xã hội trang bị cho sinh viên kiến thức cơ sở lý luận về hồ sơ và quản lý hồ sơ bảo hiểm xã hội: khái niệm, phân loại, yêu cầu, vai trò của hồ sơ bảo hiểm xã hội, quản lý hồ sơ BHXH.		Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi

		Nắm vững được quy trình, nội dung của quản lý hồ sơ bảo hiểm xã hội. Nắm vững được nội dung nghiệp vụ quản lý hồ sơ tham gia và hồ sơ hưởng bảo hiểm xã hội. Học phần giúp sinh viên nắm vững các kiến thức lý luận về quản lý hồ sơ bảo hiểm xã hội; Có khả năng vận dụng những kiến thức của môn học vào thực tiễn xây dựng và tổ chức quản lý hồ sơ các chế độ bảo hiểm xã hội; Có khả năng thực hiện một số nghiệp vụ cơ bản trong việc tiếp nhận và giải quyết hồ sơ cho người tham gia và hưởng BHXH, thực hiện công tác lưu trữ hồ sơ bảo hiểm xã hội. Đánh giá được tình hình thực hiện quản lý hồ sơ BHXH tại cơ quan quản lý. Sinh viên hiểu rõ vai trò quan trọng của quản lý hồ sơ bảo hiểm xã hội; Có ý thức tự học, tự tiếp cận, nghiên cứu độc lập và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến nội dung của học phần; Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật; có tinh thần hợp tác.			kết thúc học phần 60%
39	Bảo hiểm xã hội tự nguyện	+ Học phần này trang bị cho sinh viên những vấn đề lý luận chung về bảo hiểm xã hội tự nguyện: Khái niệm, bản chất, nguyên tắc; các chế độ, tài chính BHXH tự nguyện… + Sinh viên nắm được những nội dung cơ bản của từng chế độ BHXH tự nguyện: đối tượng tham gia; điều kiện hưởng; mức hưởng; cách tính hưởng các chế độ BHXH tự nguyện. + Có khả năng vận dụng các kiến thức của môn học vào thực tiễn xây dựng và hoạch định chính sách BHXH tự nguyện ở Việt Nam; +Giải quyết thành thạo các bài tập, tình huống về các chế độ BHXH tự nguyện. + Nâng cao nhận thức của Người học về BHXH tự nguyện + Có động cơ và thái độ nghiêm túc về ngành học.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

40	Giám định bảo hiểm y tế	Trang bị những kiến thức cơ bản về chính sách BHYT Việt Nam, chính sách về viện phí, phương thức thanh toán chi phí KCB ở Việt Nam; quy trình và các nghiệp vụ trong công tác giám định BHYT; các hình thức lạm dụng thường gặp và các biện pháp hạn chế lạm dụng BHYT; tâm lý của bệnh nhân để có những hình thức giao tiếp cho phù hợp. Trang bị những kiến thức quan trọng về chính sách BHYT ở Việt Nam; Các nghiệp vụ của công tác giám định BHYT; Các hình thức lạm dụng BHYT và hạn chế lạm dụng BHYT; Kỹ năng ứng xử trong giao tiếp của giám định viên tại bệnh viện. Từ đó có khả năng vận dụng những kiến thức của môn học vào thực tiễn giám định chi phí KCB BHYT, để thanh, quyết toán chi phí KCB BHYT với cơ sở KCB. Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần		Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
41	Định phí bảo hiểm	Học phần Định phí Bảo hiểm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về tầm quan trọng của việc định phí các sản phẩm bảo hiểm; khái niệm cơ bản và các phương pháp xác định phí bảo hiểm; Học phần giúp sinh viên có khả năng phân tích, giải thích, và vận dụng được kiến thức môn học nhằm phân tích được các yếu tố làm tăng giảm phí bảo hiểm; Có khả năng sử dụng các công cụ, phần mềm để tính toán các khoản phí bảo hiểm; xác định được, thực hiện được việc tính phí bảo hiểm đối với một số các sản phẩm bảo hiểm Sinh viên hiểu rõ vai trò quan trọng của định phí bảo hiểmđối với kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bảo hiểm; Có ý thức tự học, tự tiếp cận, nghiên cứu độc lập và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến nội dung của học phần; Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật; có tinh thần hợp tác		Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

42	Giám định bồi thường bảo hiểm	+ Nắm được các kiến thức cơ bản về rủi ro và các biện pháp mà con người sử dụng để kiểm soát rủi ro; khái niệm, lịch sử ra đời và phát triển của bảo hiểm thương mại, vai trò kinh tế - xã hội của bảo hiểm thương mại; các khái niệm, nguyên tắc cơ bản trong bảo hiểm thương mại, nội dung của các chế độ bảo hiểm, trên cơ sở đó áp dụng giải quyết các bài tập định tính và định lượng. + Nắm vững được khái niệm, mục đích, nguyên tắc chung và nội dung các bước thực hiện trong công tác giám định bảo hiểm; hiểu được yêu cầu, nhiệm vụ, vai trò của giám định viên + Nắm vững được khái niệm, nguyên tắc, nội dung các bước bồi thường bảo hiểm; hiểu được vai trò của công tác giải quyết bồi thường đối với sư phát triển của doanh nghiệp bảo hiểm; nắm vững được khái niệm chi phí bồi thường và trình bày được các biện pháp giảm chi phí bồi thường. + Vận dụng và phát huy được kỹ năng làm việc độc lập, tự học, tự nghiên cứu để hoàn thành các bài tập cá nhân liên quan đến mỗi chương học. + Có khả năng phân tích được thực trạng công tác giám định của một nghiệp vụ bảo hiểm hay một sản phẩm bảo hiểm hiện đang được triển khai tại bất kỳ một doanh nghiệp bảo hiểm thông qua các chỉ tiêu định tính, định lượng và bài tập tình huống. + Người học sẵn sàng chia sẻ và trao đổi với Giảng viên và các bạn trong nhóm, cũng như các nhóm khác về những kiến thức, kỹ năng thực hành của môn học. + Có khả năng vận dụng những kiến thức của môn học vào việc thực hiện công tác giám định và giải quyết bồi thường tại các Doanh nghiệp bảo hiểm ở Việt Nam; + Đề xuất các biện pháp giảm chi phí bồi thường phù hợp với tình hình thực tế kinh doanh bảo hiểm tại Doanh nghiệp bảo hiểm mình công tác.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		+ Ý thức được vai trò và tầm quan trọng của công tác giám định – bồi thường tại các doanh nghiệp bảo hiểm. + Có đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội phù hợp; tự học, tự tiếp cận, nghiên cứu độc lập và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến nội dung của học phần.			
43	Quản lý đại lý bảo hiểm	+ Sinh viên nắm chắc khái niệm và các nguyên tắc cơ bản, cơ sở kỹ thuật của bảo hiểm + Nắm được khái niệm đại lý, tiêu chuẩn, yêu cầu của đại lý. Phân biệt được quyền và nghĩa vụ của đại lý bảo hiểm nhân thọ + Diễn giải được quy trình khai thác bảo hiểm nhân thọ + Nắm được nội dung công tác tuyển dụng và đào tạo đại lý bảo hiểm nhân thọ + Nhớ được nhiệm vụ và đạo đức nghề nghiệp của một đại lý vận dụng vào công việc sau này + Có khả năng phân tích được nội dung các bước trong quy trình khai thác bảo hiểm nhân thọ của một đại lý, liên hệ để khai thác sản phẩm bảo hiểm nhân thọ. + Phân tích được kết quả hiệu quả hoạt động của một đại lý, từ đó đánh giá được chất lượng của công tác tuyển dụng, đào tạo, phát triển đại lý + Sinh viên có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; có tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo; có ý thức và năng lực tự học, tự tiếp cận, nghiên cứu độc lập và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến nội dung của học phần.		Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
44	Tái bảo hiểm	+ Nắm được khái niệm, vai trò, bản chất của tái bảo hiểm, các hình thức và phương pháp tái bảo hiểm; + Nắm được khái niệm, đặc điểm và các vấn đề cơ bản trong hợp đồng tái bảo hiểm + Nhận biết được thị trường tái bảo hiểm trên thế giới và ở Việt Nam	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		+ Có khả năng phân biệt được các hình thức tái, phương pháp tái bảo hiểm + Có khả năng tính toán được các bài tập theo từng phương pháp tái bảo hiểm Sinh viên có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; có tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo; có ý thức và năng lực tự học, tự tiếp cận, nghiên cứu độc lập và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến nội dung của học phần.			
45	Tổ chức quản lý các doanh nghiệp bảo hiểm	**Về kiến thức:** - Hiểu rõ khái niệm và đặc điểm và cơ sở khoa học của bảo hiểm thương mại và hoạt động kinh doanh bảo hiểm; - Hiểu được mô hình tổ chức và nội dung hoạt động của các doanh nghiệp bảo hiểm: - Hiểu được cách thức tổ chức triển khai các hoạt động nghiệp vụ của doanh nghiệp bảo hiểm; - Hiểu được cách thức tổ chức quản lý hợp đồng bảo hiểm; - Hiểu được các chỉ tiêu đánh giá chung về kết quả và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp bảo hiểm. + Đánh giá chung về hoạt động bảo hiểm thương mai nói chung + Đánh giá và so sánh được các mô hình tổ chức hoạt động của Doanh nghiệp bảo hiểm. + Đánh giá được quá trình tổ chức triển khai nghiệp vụ doanh bảo hiểm + Đánh giá được quá trình tổ chức quản lý hợp đồng bảo hiểm. + Phân tích và tính toán được các chỉ tiêu phản ảnh kết quả và hiệu quả hoạt động kinh doanh bảo hiểm nghiệp bảo hiểm. **Thái độ:**		Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Có đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội phù hợp; tự học, tự tiếp cận, nghiên cứu độc lập và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến nội dung của học phần.			
46	Thực tập cuối khóa	Học phần này nhằm củng cố các kiến thức về chuyên ngành bảo hiểm đã được học để vận dụng vào thực tiễn. - Vận dụng kiến thức tổng hợp của các môn học vào thực tế, có điều kiện so sánh, giải thích, áp dụng những kiến thức đã học vào công việc cụ thể. - Đạt được các kỹ năng làm việc độc lập: lập kế hoạch công việc, chủ động thực hiện. - Có khả năng làm việc trong một cộng đồng, làm việc nhóm cùng vì một nhiệm vụ chung - Kết hợp được các kỹ năng đã học để giải quyết được vấn đề hoàn chỉnh: kỹ năng tìm kiếm tài liệu, kỹ năng phân tích, tổng hợp tài liệu, số liệu… - Sinh viên có thái độ nghiêm túc, có ý thức tổ chức, kỷ luật. - Có đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội phù hợp; tự học, tự tiếp cận, nghiên cứu độc lập và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến nội dung của học phần.	4	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
47	Đầu tư tài chính bảo hiểm	+ Sinh viên nắm vững những vấn đề lý luận chung về đầu tư,các nguồn vốn đầu tư,loại hình đầu tư, dự án đầu tư và vai trò của đầu tư phát triển trong nền kinh tế; các nội dung liên quan đến dòng tiền và lãi suất. + Sinh viên nắm được hệ thống các chỉ tiêu phân tích tài chính dự án đầu tư các phương pháp phân tích tài chính dự án đầu tư. + Có khả năng vận dụng những kiến thức của môn học vào đánh giá hiệu quả tài chính dự án đầu tư. + Có khả năng thực hành đánh giá hiệu quả dự án đầu tư thông qua một số chỉ tiêu tài chính phổ biến	3	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		- Nâng cao nhận thức của người học về sự cần thiết của phân tích các vấn đề đầu tư và dự án đầu tư - Có trách nhiệm và trung thực trong lĩnh vực đầu tư			
48	Hoạch định chính sách bảo hiểm xã hội	Học phần Chính sách Bảo hiểm xã hội trang bị cho sinh viên kiến thức cơ sở lý luận về chính sách bảo hiểm xã hội, quy trình xây dựng và hoạch định chính sách BHXH, nội dung của chính sách BHXH và phân tích chính sách BHXH. Học phần giúp sinh viên nắm vững các kiến thức lý luận về chính sách bảo hiểm xã hội; Có khả năng vận dụng những kiến thức của môn học vào thực tiễn xây dựng và hoạch định chính sách bảo hiểm xã hội ở Việt Nam; Có khả năng phát hiện vấn đề của chính sách, ưu điểm và hạn chế của chính sách BHXH và đề xuất các biện pháp giải quyết. Sinh viên hiểu rõ vai trò quan trọng của chính sách bảo hiểm xã hội; Có ý thức tự học, tự tiếp cận, nghiên cứu độc lập và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến nội dung của học phần; Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật; có tinh thần hợp tác.	3	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
49	Khóa luận tốt nghiệp	- Học phần này nhằm củng cố kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành bảo hiểm đã được học để vận dụng vào thực tiễn. - Củng cố và hệ thống hóa được chuỗi kiến thức thuộc các học phần đã học có liên quan đến vấn đề chọn nghiên cứu. - Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng phân tích tổng hợp và tự nghiên cứu các vấn đề tổ chức bộ máy bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm thương mại; Các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, nghiệp vụ bảo hiểm thương mại trong cơ sở thực tập.	6	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		- Vận dụng được kiến thức lý thuyết đã học vào đánh giá thực trạng của vấn đề nghiên cứu, từ đó đề xuất các giải pháp để giải quyết những hạn chế của vấn đề nghiên cứu. - Có thể tìm hiểu và vận dụng được những kiến thức mới, cần thiết để giải quyết vấn đề hiệu quả. - Có kỹ năng tìm kiếm thông tin, dữ liệu và khả năng xử lý số liệu thông qua các phần mềm chuyên dụng phục vụ cho công việc chuyên môn. - Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, thành thạo tin học để phục vụ cho công việc chuyên môn. - Có ý thức đúng đắn, nghiêm túc, khách quan và khoa học trong việc đánh giá thực tế tổ chức thực hiện bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thương mại. - Có ý thức nghiên cứu khoa học trong các vấn đề lý thuyết và thực tiễn liên quan đến quy trình phần hành bảo hiểm chuyên sâu đầy đủ tại đơn vị. - Có định hướng tích lũy kiến thức chuyên môn cho nghề nghiệp trong tương lai ngay từ khi còn là sinh viên.			
50	Toán cao cấp 1	Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm: Ma trận, các phép toán, các phép biến đổi tuyến tính trên ma trận; Định thức; Hệ phương trình tuyến tính; Không gian vector; Mối liên hệ tuyến tính trong không gian vector. Cách tính định thức, tìm ma trận nghịch đảo, tìm nghiệm của hệ phương trình tuyến tính, tìm hạng, cơ sở của hệ véc tơ, cơ sở của không gian con R^n. Học phần giúp cho sinh viên có kỹ năng giải các bài tập về các kiến thức cơ bản được trang bị, kỹ năng tư duy logic.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Học phần giúp cho sinh viên có kỹ năng giải các bài tập về các kiến thức cơ bản được trang bị, kỹ năng tư duy logic, kỹ năng đặt bài toán cho các tình huống thực tế, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình.			
51	Toán cao cấp 2	Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm: Dãy số, giới hạn của dãy số; Hàm số một biến số, giới hạn và tính liên tục của hàm số một biến số; Đạo hàm và vi phân của hàm số một biến số; Tích phân xác định và tích phân suy rộng; Hàm số hai biến số, giới hạn và tính liên tục của hàm hai biến số. Đạo hàm và vi phân của hàm số hai biến số. Cách tìm cực trị của hàm số một biến số và hàm số hai biến số. Ứng dụng của đạo hàm và vi phân trong toán học: Tính giá trị gần đúng, tìm cực trị. Ứng dụng của đạo hàm trong phân tích kinh tế: Hệ số co dãn cung, cầu theo giá. Ứng dụng của đạo hàm riêngvà vi phân trong kinh tế học. Ứng dụng của cực trị trong bài toán tối ưu các trường hợp thực tiễn. Kỹ năng trình bày các vấn đề hợp logic, dùng từ chính xác trong các mệnh đề. Kỹ năng tính đạo hàm, tính tích phân, tìm cực trị của hàm số một biến số và hai biến số. Kỹ năng vận dụng các kết quả của toán học trong việc xây dựng và phân tích một số mô hình toán kinh tế đơn giản như: Mô hình cân bằng, Mô hình tối ưu, ... Khả năng kết hợp, ứng dụng các kiến thức cơ bản vào kiến thức, kỹ năng chuyên ngành Kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc theo nhóm Có thái độ nghiêm túc, đúng đắn và khoa học về bản chất của các vấn đề toán học, vấn đề vận dụng các kiến toán vào lĩnh vực kinh tế.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
52	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Cung cấp cho người học cơ sở của lý thuyết xác suất và thống kê toán học với mục đích giúp người học có phương pháp, công cụ để học tập, nghiên cứu và giải quyết các bài toán thuộc chuyên ngành trong điều kiện ngẫu nhiên, bao gồm các kiến thức sau:	3	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		- Các kiến thức về lý thuyết xác suất: Phép thử, biến cố, xác suất của biến cố, biến ngẫu nhiên, biếnngẫu nhiênhai chiều và các đặc trưng kỳ vọng, phương sai, hiệp phương sai; Các kiến thức về thống kê: Lý thuyết mẫu, lý thuyết ước lượng và kiểm định giả thiết thống kê. Học phần rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng vận dụng công cụ toán học để học tập nghiên cứu các vấn đề thuộc chuyên ngành kinh tế xã hội - Kỹ năng khảo sát và giải quyết bài toán trong điều kiện ngẫu nhiên. - Vận dụng lý thuyết xác suất và thống kê để học tập các môn khác - Kỹ năng ứng dụng lý thuyết xác suất thống kê để giải quyết các vấn đề thực tế thuộc chuyên ngành kinh tế xã hội. Có thái độ chuyên cần, nghiêm túc, cẩn thận, chính xác..			
53	Triết học Mác - Lênin	+ Sinh viên xác định được đối tượng, mục đích, ý nghĩa và những yêu cầu về mặt phương pháp của môn học. + Sinh viên nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác- Lênin; nắm được những nội dung cơ bản, hệ thống về triết học Mác- Lênin và vai trò của triết học trong đời sống xã hội. + Sinh viên từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất cho bản thân, làm nền tảng lí luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung của các môn học khác. + Sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để giải thích một số hiện tượng mang tính phổ biến diễn ra trong lĩnh vực tự nhiên, xã hội và tư duy. + Sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu Kinh tế chính trị Mác- Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, hiểu được	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		cơ sở lý luận của Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng + Sinh viên có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. + Tăng cường bản lĩnh chính trị, tính chủ động, tự tin cho sinh viên, từng bước xây dựng, củng cố niềm tin vào con đường cách mạng mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã chọn, từ đó góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.			
54	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	+ Sinh viên xác định được đối tượng, mục đích, ý nghĩa và những yêu cầu về mặt phương pháp của môn học. + Người học nắm được một cách hệ thống kiến thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin bao gồm: Các khái niệm, phạm trù, quy luật kinh tế chủ yếu của kinh tế thị trường; Những vấn đề kinh tế - chính trị của thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam. + Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để học tập và nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn. + Người học nắm được một cách hệ thống kiến thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin bao gồm: Các khái niệm, phạm trù, quy luật kinh tế chủ yếu của kinh tế thị trường; Những vấn đề kinh tế - chính trị của thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam. + Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc đóng góp ý kiến xây dựng, bảo vệ, thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. + Người học hình thành được phẩm chất đạo đức cách mạng, lập trường chính trị tư tưởng vững vàng, có niềm tin vào sự nghiệp đổi mới đất nước.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
55	Tư tưởng Hồ chí Minh	+ Sinh viên xác định được đối tượng, mục đích, ý nghĩa và những yêu cầu về mặt phương pháp của môn học. Về kiến thức:	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi

		+ Sinh viên xác định được đối tượng, mục đích, ý nghĩa và những yêu cầu về mặt phương pháp của môn học. + Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản vè khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. + Có khả năng tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác. + Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc đóng góp ý kiến xây dựng, bảo vệ, thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. + Sinh viên được nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.			kết thúc học phần 60%
56	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học phần này trang bị những kiến thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong các thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - nay). Trang bị những kiến thức cơ bản của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để học tập và nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn. Từ đó, phân tích, lập luận	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		để bảo vệ những quan điểm tư tưởng đúng đắn, phê phán, bác bỏ một cách có hiệu quả những tư tưởng, quan niệm sai lầm về lịch sử của Đảng. Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần. Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc đóng góp ý kiến xây dựng, bảo vệ, thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Tăng cường tính chủ động, tự tin trong việc tìm kiếm những tri thức khoa học mới, từ đó góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.			
57	Chủ nghĩa xã hội khoa học	+ Nghiên cứu môn học này nhằm giúp người học nắm được nắm được kiến thức cơ bản về sự ra đời; các giai đoạn phát triển; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận hợp thành Chủ nghĩa Mác - Lênin + Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nhận thức được những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu môn học + Học tập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học giúp cho sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết tình hình thực tiễn trong nước và thế giới trong bối cảnh đổi mới đất nước gắn với hội nhập khu vực và thế giới hiện nay. + Giúp cho sinh viên có khả năng vận dụng các tri thức của Chủ nghĩa xã hội khoa học vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước có liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta + Hình thành cho sinh viên thái độ chính trị vững vàng, tư tưởng đúng đắn về môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học. + Đồng thời, giúp cho sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về nền tảng tư tưởng của Đảng ta.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

58	Pháp luật đại cương	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: + Nhà nước (nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, chức năng, hình thức, kiểu nhà nước); nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; + Pháp luật (nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, vai trò, hình thức, kiểu pháp luật, quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý); + Một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; pháp chế XHCN; pháp luật về phòng chống tham nhũng. Người học có kỹ năng phân tích cơ cấu của quy phạm pháp luật; xác định hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật; phân tích cấu thành của quan hệ pháp luật; nhận biết hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý tương ứng. Người học vận dụng được kiến thức đã học để làm kiến thức nền phục vụ nghiên cứu một số môn học luật chuyên ngành trong chương trình đào tạo. Đồng thời, người học có kỹ năng thuyết trình về một vấn đề của pháp luật; có kỹ năng điều hành hoạt động nhóm, tham gia hoạt động nhóm; có kỹ năng ghi biên bản cuộc họp. Người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của môn học ứng dụng vào học tập và cuộc sống của bản thân; thấy được vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội, từ đó nâng cao ý thức thực hiện pháp luật, tuyên truyền ý thức thực hiện pháp luật với cộng đồng xung quanh. Đồng thời, người học biết cách tra cứu và tự cập nhật các văn bản pháp luật để phục vụ cho công việc và có ý thức tự điều chỉnh công việc của mình theo những quy định của pháp luật.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
59	Tin học cơ bản 1	Hiểu được các kiến thức cơ bản về tin học, hệ điều hành Windows, Hiểu được các kiến thức cơ bản của chương trình MS Word như trình bày văn bản, soạn thảo 1 văn bản,	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Hiểu được các kiến thức cơ bản của chương trình Ms Excel như trang tính, bảng tính, ô tính, thanh công thức, ô địa chỉ, địa chỉ tương đối, địa chỉ tuyết đối. Hiểu được những khái niệm cơ bản của chương trình trình chiếu như trang chiếu, các thành phần của trang chiếu, bố cục của trang chiếu. Vận dụng được các kiến thức được học thực hiện các thao tác cơ bản khi làm việc với một chương trình soạn thảo, bao gồm: Căn lề, chỉnh sửa, định dạng, in ấn các dữ liệu của một văn bản; Thực hiện các thao tác cơ bản khi làm việc với một chương trình bảng tính, bao gồm: Tạo bảng và nhập, sửa các loại dữ liệu, định dạng từng loại dữ liệu, thao tác với các đối tượng trên trang tính, trình bày bảng dữ liệu, tính toán tự động trên bảng dữ liệu thông qua công thức và hàm, định dạng và in trang tính. Thực hiện được các thao tác cơ bản để tạo một bài trình chiếu: quản lý các trang chiếu và tệp trình chiếu, đưa các đối tượng vào trang chiếu, tạo và quản lí các hiệu ứng, thực hiện trình chiếu, thực hiện các phương án in khác nhau. Phân tích, đánh giá và lựa chọn phương án soạn thảo 1 văn bản, lập bảng tính, trình bày trang trình chiếu phù hợp. Có kỹ năng giải quyết, vận dụng kiến thức để: - Soạn thảo, chỉnh sửa, thao tác trình bày văn bản. - Tạo bảng và nhập, sửa các loại dữ liệu, định dạng từng loại dữ liệu, thao tác với các đối tượng trên trang tính, trình bầy bảng dữ liệu, tính toán tự động trên bảng dữ liệu thông qua công thức và hàm, định dạng và in trang tính. - Có kỹ năng phân tích, đánh giá hiệu quả lựa chọn phương án soạn thảo văn bản, lập bảng tính, trình bày trang trình chiếu. Có kỹ năng lãnh đạo, quản lý, làm việc nhóm trong các hoạt động thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin.			

		Có kỹ thuyết trình, thương thảo trong các hoạt động thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin. Có phẩm chất chính trị; có trách nhiệm công dân, trách nhiệm cộng đồng. Có đạo đức nghề nghiệp, có tinh thần hợp tác và thái độ phục vụ tốt. Năng động, có hoài bão về nghề nghiệp.			
60	Tin học cơ bản 2	Nắm vững các kiến thức về: Cơ sở dữ liệu, Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Microsoft Access. Cách thức xây dựng, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu thông qua Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Microsoft Access. Sinh viên sau khi học xong phải sử dụng thành thạo phần mềm Microsoft Access để xây dựng, quản lý và khai thác các cơ sở dữ liệu vừa và nhỏ. Có khả năng ứng dụng các lý thuyết đã học để tự xây dựng các bài toán quản lý trong thực tế cuộc sống. Nhận thức được tầm quan trọng của việc áp dụng Tin học trong học tập cũng như trong công việc thực tế. Rèn luyện sinh viên thành người có tính cẩn thận, có tác phong làm việc khoa học, chuẩn xác; có tư duy logic và khả năng quản lý tốt. Sinh viên phải lên lớp và làm các bài tập thực hành để nắm được các nội dung của học phần; nhiệt tình tham gia các buổi thảo luận, thực hành ở trên lớp.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
61	Soạn thảo văn bản	Nắm được các khái niệm, đặc điểm, chức năng và nội dung của văn bản; Trang bị những kiến thức cơ bản về văn bản nói chung và văn bản quản lý nhà nước nói riêng, phân loại văn bản quản lý nhà nước; Hiểu rõ và nắm vững kiến thức những yêu cầu về nội dung, thể thức, ngôn ngữ và văn phong của văn bản; đặc trưng và kỹ thuật soạn thảo một số loại văn bản hành chính thông thường.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Sau khi học xong hoc phần này, sinh viên nhận biết về mục đích, ý nghĩa của việc sử dụng và ban hành văn bản; nắm rõ những yếu tố thuộc về thể thức và cơ cấu nội dung của một số văn bản hành chính nói chung và văn bản quản lý nhà nước nói riêng. Qua đó, sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức đã học để soạn thảo một số văn bản hành chính thông thường trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức. Đồng thời, sinh viên được trau dồi thêm các kỹ năng khác như: kĩ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm và sử dụng công nghệ thông tin phục vụ việc tra cứu và soạn thảo một số văn bản một cách hoàn chỉnh. Qua môn học này, sinh viên thấy được vai trò ý nghĩa và tầm quan trọng của văn bản trong hoạt động quản lý của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp… Từ đó có động lực học tập và phấn đấu để trau dồi kiến thức và kỹ năng năng để áp dụng vào công việc sau khi ra trường.			
62	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	**- Kiến thức:** + Nghiên cứu môn học này nhằm giúp người học nắm được khái niệm, ý nghĩa của môn học; nắm được bản chất của khoa học, nghiên cứu khoa học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học, cách thức tiến hành nghiên cứu và trình bày một công trình khoa học (viết bài báo khoa học; tiểu luận, báo cáo thực tập và khóa luận tốt nghiệp…). + Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nhận thức được các nguyên tắc cơ bản của nhận thức luận khoa học, các quy luật tư duy của khoa học, các phương pháp dự báo khoa học và quản lý khoa học cũng như đảm bảo đạo đức của người làm khoa học. **- Kỹ năng:** + Học tập môn khoa học bước đầu giúp sinh viên có kỹ năng xác định một đề tài nghiên cứu khoa học, đồng thời cũng hình thành và phát		Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		triển khả năng hiểu và phân tích, đánh giá một công trình nghiên cứu khoa học cụ thể. + Giúp cho sinh viên những bước cơ bản nhất để rèn luyện các kỹ năng tư duy, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tìm tài liệu và làm việc nhóm; phát triển kỹ năng nghiên cứu và đánh giá nghiên cứu khoa học. **- Mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm** + Hình thành tinh thần yêu thích, ham mê khoa học, nghiên cứu khoa học, tăng cường tính chủ động, tự tin trong việc tìm kiếm những tri thức khoa học mới. + Thái độ nghiêm túc, cầu thị, cẩn trọng trong nghiên cứu khoa học.			
63	Logic học	Học phần này trang bị cho sinh viên: - Khái niệm lôgíc học; định nghĩa khái niệm và đặc điểm chung của khái niệm, định nghĩa và phân chia khái niệm; phán đoán và hình thức ngôn ngữ của phán đoán, phán đoán đơn đặc tính và phán đoán phức; quy luật lôgíc cùng các yêu cầu của quy luật đồng nhất, quy luật cấm mâu thuẫn, quy luật loại trừ cái tứ ba, quy luật lý do đầy đủ; suy luận và đặc điểm bản chất của suy luật, suy luận trực tiếp và suy luận gián tiến, suy luận quy nạp và suy luận tương tự; chứng minh, bác bỏ và giả thuyết. - Có khả năng xây dựng được 1 định nghĩa khái niệm hoàn chỉnh dựa trên cơ sở nội hàm của khái niệm; thực hiện phân chia được khái niệm dựa trên cơ sở ngoại diên của khái niệm. Tìm và xác định được tính chu diên cũng như mối quan hệ giữa các phán đoán có cùng chủ từ, vị từ. Xây dựng được luận ba đoạn phù hợp với mỗi loại hình đảm bảo các quy luật của lôgíc, chuyển và đưa luận hai đoạn về luận ba đoạn hoàn chỉnh. - Chứng minh, bác bỏ và giả thuyết trong nghiên cứu các luận đề khoa học. Qua đó, sinh viên nắm được những nội dung cơ bản của logic học hình thức.		Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Sinh viên có - Khả năng tư duy lôgíc đảm bảo tính hệ thống, chặt chẽ, khoa học và mang tính tất yếu. - Từng bước rèn luyện, nâng cao trình độ tư duy logic, tạo thói quen suy nghĩ, lập luận chặt chẽ, rõ ràng, có cơ sở, có hệ thống để đạt tới những tri thức chính xác, khách quan và khoa học. - Khả năng vận dụng các kiến thức đã học để học tập, nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn. - Kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần. - Có thái độ nghiêm túc, đúng đắn và khoa học về bản chất của các vấn đề lôgíc học. - Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu, phân tích, lập luận để bảo vệ những quan điểm tư tưởng đúng đắn, phê phán, bác bỏ một cách có hiệu quả những tư tưởng, quan niệm sai lầm, lối tư duy ngụy biện, tráo trở.			
64	Tâm lý học đại cương	Học phần này trang bị những kiến thức lý luận cơ bản về tâm lý học; khái niệm, đặc điểm, các quy luật của các quá trình tâm lý, trạng thái tâm lý và thuộc tính tâm lý; khái niệm, cấu trúc và các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển tâm lý người Trang bị những kiến thức nền quan trọng về tâm lý học để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành chuyên sâu và chuyên ngành liên quan. Vận dụng và rèn luyện cho sinh viên một số những hiểu biết, kĩ năng để các em vận dụng trong cuộc sống, công việc một cách hiệu quả Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần		Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

65	Tiếng Anh cơ bản 1	+ Nắm được kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp tiếng Anh: các thì của động từ; các trợ động từ….. + Nắm được lượng từ vựng căn bản thường gặp trong các đề thi TOEIC + Làm quen định dạng của bài thi TOEIC + Rèn luyện kĩ năng đọc hiểu và nghe hiểu + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng đọc hiểu những mẩu tin, thư, đơn giản. + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng nghe hiểu những ngôn ngữ nói giao tiếp hàng ngày. + Sinh viên có cái nhìn cụ thể hơn về dạng bài thi TOEIC, nắm bắt được kĩ năng làm bài để đạt được điểm cao nhất thông qua các bài luyện tập nghe và đọc hiểu. Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của tiếng Anh và cách làm dạng bài thi TOEIC	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
66	Tiếng Anh cơ bản 2	+ Nắm được kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp tiếng Anh: : mệnh đề quan hệ; trật tự từ; cấu trúc bị động… + Nắm được lượng từ vựng căn bản thường gặp trong bài thi + Làm quen định dạng của bài thi TOEIC + Rèn luyện kĩ năng đọc hiểu và nghe hiểu + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng đọc hiểu những mẩu tin, thư tín. + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng nghe hiểu những ngôn ngữ nói giao tiếp hàng ngày. + Người học làm quen và luyện tập dạng bài thi TOEIC, nắm bắt được kĩ năng làm bài để đạt được điểm cao nhất thông qua luyện Practice Test.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của tiếng Anh và cách làm dạng bài thi TOEIC			
67	Tiếng Anh chuyên ngành Bảo hiểm	+Trang bị cho sinh viên chuyên ngành Bảo hiểm các thuật ngữ tiếng Anh về chuyên ngành bảo hiểm như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thương mại + Ôn tập lại một số hiện tượng ngữ pháp. Cung cấp cho sinh viên Khoa Bảo hiểm các kỹ năng đọc hiểu và viết các thuật ngữ chuyên ngành Bảo hiểm. Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của tiếng Anh chuyên ngành Bảo hiểm sử dụng trong nghề nghiệp tương lai.	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
68	Thể dục điền kinh	Hiểu được tầm quan trọng của học phần Thể dục - Điền kinh là môn thể thao nền tảng cho hoạt động thể lực và các môn thể thao khác. Nắm được kỹ thuật bài tập phát triển chung 13 động tác. Nắm được các kiến thức về kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bung, một số điều luật thi đấu cơ bản của nội dung nhảy cao. Có kỹ năng thực hiện bài tập phát triển chung 13 động tác. Thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bụng. Giáo dục phát triển các tố chất thể lực như: sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo khéo léo, hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cần thiết, bổ trợ và rèn luyện thể lực chuyên môn cho các môn thể thao khác. Sinh viên nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy định của Nhà trường và Bộ môn, tự giác, tích cực thực hiện các nội dung học tập trên lớp và bài tập thể lực, bài tập bổ trợ ở nhà. Sinh viên phải có thái độ học tập tích cực, chủ động. Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá của môn học		Học kỳ 1 và 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
69	Bóng chuyền 1	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng chuyền với sức khỏe con người.			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi

		Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng chuyền. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			kết thúc học phần 60%
70	Bóng chuyền 2	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng chuyền với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng chuyền. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng chuyền với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng chuyền.			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			
71	Bóng rổ 1	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng rổ với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng rổ. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
72	Bóng rổ 2	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng rổ với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng rổ. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			
73	Cầu lông 1	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Cầu lông với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Cầu lông. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
74	Cầu lông 2	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Cầu lông với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Cầu lông. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			
75	Cờ vua 1	- Hiểu được tầm quan trọng của học phần cờ vua 1 là môn thể thao phát triển khả năng tính toán, tư duy, logic... - Nắm được kiến thức về nguồn gốc ra đời, lịch sử phát triên của môn cờ vua. - Nắm được cách chơi cờ, những tri thức cơ bản trong cờ vua) - Nắm được các kiến thức về giai đoạn tàn cuộc của ván đấu. Có kỹ năng thực hiện bài tập của giai đoạn tàn cuộc. Thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của giai đoạn tàn cuộc Giáo dục phát triển toàn diện đặc biệt là rèn luyện tính kiên trì, khả năng tuy duy, phát triển trí thông minh Sinh viên nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy định của nhà trường, tự giác, tích cực thực hiện các nội dung học tập trên lớp và bài tập ở nhà. Sinh viên phải có thái độ học tập tích cực, chủ động. Sinh viên tham gia đầy đủ 2 bài kiểm tra đánh giá kết thúc môn học cờ vua 1			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
76	Cờ vua 2	Hiểu được tầm quan trọng của học phần cờ vua 2 là môn thể thao phát triển trí tuệ một cách toàn diện, rèn luyện trí nhớ, tư duy logic Nắm được kiến thức về nguồn gốc ra đời, lịch sử phát triên của môn cờ vua. Những tri thức trong cờ vua và các giai đoạn của tàn cuộc Nắm được các kiến thức về giai đoạn khai cuộc của ván đấu. Có kỹ năng thực hiện bài tập của giai đoạn khai cuộc.Thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của giai đoạn khai cuộc Giáo dục phát triển các tố chất thể lực như: sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo, hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cần thiết, bổ trợ và rèn luyện thể lực chuyên môn cho các môn thể thao khác.			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Sinh viên nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy định của nhà trường và Bộ môn, tự giác, tích cực thực hiện các nội dung học tập trên lớp và bài tập ở nhà. Sinh viên phải có hái độ học tập tích cực, chủ động. Sinh viên tham gia đầy đủ các bài đánh giá			
77	Cờ vua 3	Hiểu được tầm quan trọng của học phần cờ vua 2 là môn thể thao nền tảng cho hoạt động thể lực và các môn thể thao khác. Nắm được kiến thức về nguồn gốc ra đời, lịch sử phát triên của môn cờ vua. Nắm được các kiến thức về giai đoạn trung cuộc của ván đấu. Có kỹ năng thực hiện bài tập của giai đoạn trung cuộc . Thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của giai đoạn trung cuộc Giáo dục phát triển các tố chất thể lực như: sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo, hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cần thiết, bổ trợ và rèn luyện thể lực chuyên môn cho các môn thể thao khác. Sinh viên nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy định của nhà trường và Bộ môn, tự giác, tích cực thực hiện các nội dung học tập trên lớp và bài tập ở nhà. Sinh viên phải có hái độ học tập tích cực, chủ động. Sinh viên phải tham gia đầy đủ 2 bài kiểm tra đánh giá kết thúc học phần cờ vua 3			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
78	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng Sản Việt Nam	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: - Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc - Các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân để ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược dưới mọi hình thức, qui mô.			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		- Thực hiện kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh; tìm hiểu về nghệ thuật quân sự từ khi có Đảng lãnh đạo và lịch sử truyền thống vẻ vang của Quân đội nhân dân Việt Nam; những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội. - Vận dụng những kiến thức đã học nhằm nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. - Hình thành tác phong kỷ luật, ý thức tập thể, phát huy trí tuệ tập thể trong học tập và thảo luận nhóm. - Phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng thu thập, xử lý thông tin trong học tập nghiên cứu của sinh viên về các nội dung chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế của Đảng và Nhà nước ta. - Có ý thức bảo vệ, truyền bá đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về Quốc phòng - An ninh. - Xây dựng niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, đấu tranh làm thất bại các luận điểm sai trái phản động bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN. - Có thái độ, nhận thức đầy đủ, đúng đắn về Nhiệm vụ của sinh viên đối với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của đất nước.			
79	Công tác quốc phòng an ninh	Học phần trang bị cho người học kiến thức về: - Phòng, chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. - Vấn đề dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội.			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		- Những kiến thức cơ bản về an ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống; an toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; phòng, chống vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông; phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác góp phần bảo vệ an ninh quốc gia giữ gìn trật tự an toàn xã hội; bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa. - Góp phần phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng trong nghiên cứu, phân tích, tổng hợp của sinh viên về các nội dung; chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế của Đảng và Nhà nước ta; đề xuất các giải pháp thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước về quốc phòng, an ninh. - Hiểu thêm cách xây dựng và quy trình đánh giá kết quả học tập của môn học Giáo dục quốc phòng và An ninh, nâng cao khả năng làm việc độc lập của sinh viên. - Tăng cường kỹ năng trong thu thập, xử lý thông tin trước trong và sau mỗi bài học. - Nâng cao lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội nâng cao trách nhiệm của sinh viên, gương mẫu thực hiện đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước chủ động đấu tranh làm thất bại âm mưu chống phá của các thế lực thù địch, góp phần xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa. - Quán triệt sâu sắc đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và công tác quốc phòng, an ninh. - Hình thành nề nếp sinh hoạt, ý thức chấp hành kỷ luật nghiêm túc trong học tập.			

		- Luôn tin tưởng, làm theo đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng. Không để các thế lực thù địch lôi kéo, dụ dỗ đi sai đường lối cách mạng Việt Nam.			
80	Quân sự chung	Học phần trang bị cho người học kiến thức: -Những nội dung cơ bản về quân sự, an ninh; hiểu biết về các quân, binh chủng trong quân đội, về các chế độ sinh hoạt, công tác trong ngày, tuần, nề nếp chính quy trong đơn vị quân đội; hiểu biết về bản đồ địa hình quân sự, vũ khí công nghệ cao và thi đấu ba môn quân sự phối hợp. -Lịch sử ra đời, truyền thống chiến đấu, lao động của các quân binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam, tác phong chính quy, nề nếp làm việc và kỹ năng phòng thủ dân sự khi có chiến tranh xảy ra, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa. Xây dựng tác phong, nề lối làm việc chính quy kỷ luật, lối sống giản dị, ngăn nắp; nâng cao lòng tự hào dân tộc, về quân đội anh hùng, từ đó xây dựng bản lĩnh, phẩm chất cách mạng cho mình, phấn đấu thực hiện tốt nhiện vụ học tập, công tác góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng của Đảng, của dân tộc trong giai đoạn cách mạng hiện nay. Nâng cao phẩm chất, đạo đức, lối sống, rèn luyện tính kỷ luật và tác phong chính quy từ đó hình thành lối sống và làm việc nghiêm túc; có kiến thức về quân sự chung, có thái độ nghiêm túc với việc xây dựng nền Quốc phòng toàn dân, An ninh nhân dân, sẵn sàng tham gia xây dựng quân đội khi tổ quốc cần. Hình thành nề nếp sinh hoạt, ý thức chấp hành kỷ luật, tác phong làm việc nghiêm túc phục vụ cho việc học tập và công tác sau này.			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
81	Kỹ thuận chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: - Kiến thức về sử dụng súng tiểu liên AK (Tính năng cấu tạo, quy tắc sử dụng súng, lý thuyết ngắm bắn, đường ngắm, mục tiêu và những vấn đề			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		ảnh hưởng đến phát bắn); lựu đạn (tính năng, cấu tạo và cách ném lựu đạn) - Người học hiểu được kỹ thuật chiến đấu của bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới); - Sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí thông thường như bắn súng tiểu liên AK, (trình tự các bước trong thực hành bắn, kỹ năng ngắm bắn...) - Sử dụng lựu đạn (quy tắc, chuẩn bị và thực hành ném lựu đạn); - - Vận dụng được trong luyện tập thực hành các động tác của chiến sĩ trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ cảnh giới. - Người học có thái độ đúng mức khi tiếp cận hoặc sử dụng các loại vũ khí đặc biệt là súng, đạn; có ý thức trách nhiệm khi làm nhiệm vụ liên quan đến ANCT, TTATXH và tham gia các hoạt động quân sự, an ninh; - Sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc - Rèn luyện tác phong của người chiến sĩ; hình thành nếp sống có kỷ luật (Quân trang, quân phục, đội hình, đội ngũ...), ý thức cộng đồng ở trường, lớp và khi ra công tác có thể làm lực lượng nòng cốt trong các nhiệm vụ quân sự, an ninh tại đơn vị cơ sở.			

Ngành Bảo hiểm – Tài chính

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Kinh tế vi mô	Hiểu được các khái niệm và mô hình cơ bản trong phân tích kinh tế vi mô. Nắm được Cách thức thị trường hàng hóa, thị trường các yếu tố đầu vào sản xuất hoạt động như thế nào. Các kết cục do chính sách can thiệp vào thị trường của Chính phủ; Nắm và hiểu được nguyên tắc ra quyết định kinh tế tối ưu của các tác nhân riêng rẽ (người tiêu dùng, người sản xuất…) trong nền kinh tế và sự tương tác giữa các tác nhân này trong từng cấu trúc thị trường khác nhau. Có thể đọc hiểu các bài viết, phân tích về kinh tế được bàn luận trên các phương tiện truyền thông đại chúng như sách, báo, đài và tạp chí; có khả năng sử dụng các lý thuyết kinh tế, mô hình kinh tế đã học để trình bày hoặc lý giải một số hiện tượng kinh tế diễn ra hàng ngày. Góp phần giúp có tính cẩn thận và trách nhiệm khi đưa ra quyết định lựa chọn trong thực tế; có khả năng quản lý tốt, tránh lãng phí các nguồn lực của bản thân, gia đình và xã hội từ đó góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong nền kinh tế nói chung.	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
2	Kinh tế vĩ mô	Hiểu được những kiến thức cơ bản, các khái niệm và cách thức đo lường các biến số kinh tế vĩ mô của nền kinh tế. Hiểu được cách thức vận hành và những mối quan hệ kinh tế chủ yếu của một nền kinh tế thông qua các lý thuyết và mô hình cơ bản. Hiểu và phân tích được bản chất của các biến động kinh tế vĩ mô và cách thức giải quyết chúng. Hiểu được cách thức vận dụng các chính sách tài khóa và tiền tệ nhằm góp phần giảm bớt các biến động kinh tế có tính chu kỳ.	3	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Người học có kỹ năng sử dụng một số phương pháp phân tích tối ưu, phân tích cân bằng tổng thể trong việc nghiên cứu, phân tích, đánh giá một số hiện tượng sự kiện, và chính sách kinh tế vĩ mô. Người học có ý thức trách nhiệm và thái độ tích cực tự rèn luyện nâng cao hiểu biết về các vấn đề kinh tế, phân tích chính sách để có thể đáp ứng được yêu cầu của xã hội đang trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.			
3	Nguyên lý thống kê	Giúp cho sinh viên nắm được quá trình nghiên cứu thống kê, tổng hợp tài liệu thống kê thông qua phương pháp phân tổ thống kê. Nắm vững các phương pháp phân tích thống kê như: phân tích hồi quy và tương quan để nghiên cứu mối liên hệ giữa các tiêu thức; Phân tích đặc điểm và xu thế vận động của hiện tượng qua thời gian; sử dụng hệ thống chỉ số phân tích biến động của hiện tượng. Trang bị bước đầu cho sinh viên một số công cụ thống kê phục vụ cho các môn học Thống kê chuyên ngành và nghiên cứu khoa học. Sinh viên hiểu và sử dụng được các phương pháp thu thập tài liệu, thiết kế bảng hỏi. Thực hành tốt các kỹ năng tổng hợp tài liệu thống kê bằng phương pháp phân tổ thống kê, trình bày dữ liệu thống kê bằng bảng và đồ thị thống kê. Thành thạo kỹ năng tính toán các mức độ của các hiện tượng KTXH, và phân tích hiện tượng trên cơ sở các mức độ đó. Có khả năng chủ động vận dụng các phương pháp phân tích thống kê trong học tập, nghiên cứu khoa học. Rèn luyện thái độ nghiêm túc, trung thực trong thu thập, xử lý tổng hợp, phân tích dữ liệu và trong cung cấp thông tin.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Tạo tác phong nghiêm túc và khoa học trong học tập, nghiên cứu và lao động.			
4	Luật Kinh tế	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: + Địa vị pháp lý của các chủ thể kinh doanh; + Pháp luật về giải quyết tranh chấp kinh doanh; + Pháp luật phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Giúp người học có khả năng vận dụng được kiến thức đã học giải quyết các tình huống nảy sinh trong thực tiễn kinh doanh liên quan đến địa vị pháp lý các chủ thể kinh doanh; giải quyết các tình huống liên quan đến phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã; giải quyết tranh chấp kinh doanh phát sinh trong quá trình thành lập, hoạt động của doanh nghiệp. Giúp người học có kỹ năng bình luận, đánh giá các quy định của pháp luật thực định nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng; có kỹ năng thuyết trình về một vấn đề của pháp luật kinh tế; có kỹ năng điều hành hoạt động nhóm, tham gia hoạt động nhóm. Người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của môn học ứng dụng vào học tập và cuộc sống của bản thân. Hình thành nhận thức và thái độ đúng đắn về quyền tự do kinh doanh của tổ chức, cá nhân trong nền kinh tế thị trường. Đồng thời, người học cũng thấy được vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội, biết cách tra cứu và tự cập nhật các văn bản pháp luật để phục vụ cho công việc, từ đó nâng cao ý thức thực hiện pháp luật, tuyên truyền ý thức thực hiện pháp luật với cộng đồng.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
5	Marketing căn bản	Nắm được các vấn đề cơ bản của marketing gồm các khái niệm trong marketing, các quan điểm và nội dung marketing.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Hiểu, phân tích và vận dụng các vấn đề về thị trường, khách hàng, khách hàng mục tiêu. Nghiên cứu khách hàng mục tiêu thông qua các hoạt động phân đoạn, lựa chọn và định vị thị trường. Hiểu, phân tích và vận dụng được các mô hình nghiên cứu hành vi mua của khách hàng. Hiểu và phân tích được chính sách marketing – mix (4 "p") Nắm được các kiến thức mới về marketing Rèn luyện năng lực tư duy marketing. Có kỹ năng phân tích và xử lý tình huống marketing cụ thể Ý thức được vai trò và tầm quan trọng của marketing trong hoạt động kinh doanh. Có ý thức ứng dụng marketing trong công việc. Xây dựng ý thức hướng về thị trường, về khách hàng trong các hoạt động.			kết thúc học phần 60%
6	Nguyên lý kế toán 1	Trang bị những kiến thức cơ bản của nguyên lý kế toán gồm bản chất của kế toán và các phương tiện kế toán như: Chứng từ kế toán, Tài khoản kế toán và Báo cáo kế toán. Trang bị những kiến thức cơ sở quan trọng về các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung, các phương tiện của kế toán để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành kế toán và các chuyên ngành liên quan. Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
7	Nguyên lý bảo hiểm	+ Sinh viên nắm được hệ thống kiến thức cơ bản về rủi ro và các phương thức xử lý rủi ro;Bản chất, vai trò của bảo hiểm, các loại hình bảo hiểm; Lịch sử ra đời và phát triển của bảo hiểm trên thế giới và ở Việt Nam;	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		+ Sinh viên nắm và hiểu được cơ sở kỹ thuật vận dụng trong kinh doanh bảo hiểm; Các nguyên tắc cơ bản trong kinh doanh bảo hiểm; + Sinh viên nắm và hiểu được vai trò, nguyên tắc và nội dung của kiểm soát nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bảo hiểm. Nắm được hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm. + Sinh viên hiểu được khái niệm, đặc điểm nội dung của hợp đồng bảo hiểm; Các bước thiết lập, thực hiện, đình chỉ, hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm. + Phân biệt được các loại hình bảo hiểm thương mại, áp dụng các nguyên tắc, chế độ trong từng loại hình bảo hiểm nhằm giải quyết được các bài tập tổng hợp + Phân tích được các nguyên tắc, vận dụng nguyên tắc đó trong quá trình hoạt động kinh doanh bảo hiểm. + Vận dụng được hệ thống các văn bản pháp lý trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm; Sinh viên có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; có tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo; có ý thức và năng lực tự học, tự tiếp cận, nghiên cứu độc lập và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến nội dung của học phần.			
8	Điều tra xã hội học	Sau khi kết thúc học phần người học đạt được các kiến thức cơ bản và khái niệm về ĐTXHH, cách chọn đề tài nghiên cứu và chứng minh được vì sao cần viết tổng quan tình hình nghiên cứu; làm thế nào để xây dựng khung phân tích, giả thuyết nghiên cứu và xác định phương pháp thu thập thông tin trong điều tra xã hội học như: phỏng vấn, quan sát, phân tích tài liệu, và quy trình thực hiện một cuộc ĐTXHH.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Trang bị những kiến thức nền về điều tra XHH để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành chuyên sâu và chuyên ngành liên quan Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần. Hình thành thái độ khách quan khoa học đối với những vấn đề trong đời sống xã hội, vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học vào thực tiễn nghề nghiệp và đời sống.			
9	Kinh tế đầu tư	**Về kiến thức:** + Sinh viên nắm vững những vấn đề lý luận chung về đầu tư,các nguồn vốn đầu tư,loại hình đầu tư, dự án đầu tư và vai trò của đầu tư phát triển trong nền kinh tế; các nội dung liên quan đến dòng tiền và lãi suất. + Sinh viên nắm được hệ thống các chỉ tiêu phân tích tài chính dự án đầu tư các phương pháp phân tích tài chính dự án đầu tư. **Về kỹ năng:** + Có khả năng vận dụng những kiến thức của môn học vào đánh giá hiệu quả tài chính dự án đầu tư. + Có khả năng thực hành đánh giá hiệu quả dự án đầu tư thông qua một số chỉ tiêu tài chính phổ biến - Nâng cao nhận thức của người học về sự cần thiết của phân tích các vấn đề đầu tư và dự án đầu tư - Có trách nhiệm và trung thực trong lĩnh vực đầu tư	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
10	Quản trị rủi ro	**Về kiến thức:** + Sinh viên nắm vững những vấn đề lý luận chung về rủi ro, nguồn rủi ro và quản trị rủi ro	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		+ Sinh viên hiểu được các bước của quy trình quản trị rủi ro và các phương pháp đối phó với rủi ro + Sinh viên hiểu được các vấn đề lý luận về kiểm soát rủi ro và tài trợ rủi ro **Về kỹ năng:** + Có khả năng vận dụng những kiến thức của môn học vào phân tích, nhận dạng, đánh giá rủi ro cho một đối tượng cụ thể + Có khả năng vận dụng và xây dựng một chương trình quản trị rủi ro cho một đối tượng cụ thể - Nâng cao nhận thức của người học về sự cần thiết của quản trị rủi ro - Có ý thức và thận trọng trong hoạt động quản trị rủi ro			
11	Tài Chính bảo hiểm 1	**- Về kiến thức**: +Trình bày được lý thuyết tiền tệ và hệ thống tiền tệ; Trình bày được bản chất, chức năng và vai trò của tài chính; Trình bày được khái niệm, đặc điểm, vai trò và nội dung của ngân sách nhà nước; trình bày được khái niệm, vai trò và nội dung của tài chính doanh nghiệp; + Trình bày được chức năng, vai trò và cơ cấu của thị trường tài chính; +Trình bày được nội dung lãi suất; Trình bày được nội dung ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng phi ngân hàng; Trình bày được nội dung ngân hàng trung ương và chính sách tiền tệ quốc gia. **- Kỹ năng:** + Có khả năng vận dụng những kiến thức của môn học vào phân tích sự vận hành của thị trường tài chính. + Có khả năng vận dụng những kiến thức của môn học vào môn tài chính bảo hiểm 2 và một số môn kinh tế khác.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		+ Hình thành và phát triển (một bước) năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề tài chính tiền tệ. + Phát triển kỹ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng. **- Thái độ:** + Có động cơ và thái độ nghiêm túc về ngành học.			
12	Văn hóa doanh nghiệp	Nắm được các kiến thức cơ bản của Văn hóa doanh nghiệp như: khái niệm, đặc điểm, vai trò của văn hóa, các yếu tố cấu thành của văn hóa doanh nghiệp, các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và các giai đoạn hình thành văn hóa doanh nghiệp. Hiểu được các biểu hiện của văn hóa doanh nghiệp, các dạng văn hóa doanh nghiệp và các mô hình văn hóa doanh nghiệp Hiểu và vận dụng văn hóa doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh như văn hóa ứng xử trong kinh doanh; đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội; xây dựng và duy trì văn hóa doanh nghiệp Có kỹ năng nghiên cứu và phân tích các vấn đề về văn hóa trong doanh nghiệp. Có kỹ năng vận dụng và lựa chọn các yếu tố, giá trị và mô hình văn hóa trong hoạt động xây dựng và duy trì văn hóa doanh nghiệp phù hợp đặc điểm và môi trường hoạt động của từng loại hình doanh nghiệp. Có kỹ năng thích ứng và hòa nhập với văn hóa của một doanh nghiệp cụ thể. Hiểu và có nhận thức đúng về tầm quan trọng của văn hóa doanh nghiệp từ đó có ý thức học tập, rèn luyện về chuyên môn và các kỹ năng làm việc thích nghi được với môi trường văn hóa doanh nghiệp tại đơn vị sau này.	4	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Có nhận thức trong việc rèn luyện các kỹ năng, phẩm chất phù hợp với các giá trị của văn hóa doanh nghiệp nói chung.			
13	Kinh tế lượng	+ Nắm được các kiến thức cơ bản về phân tích hồi quy trong kinh tế xã hội.; + Thực hiện được một cách cơ bản quy trình phân tích hồi quy, từ xây dựng một mô hình tốt đến ứng dụng mô hình này để đưa ra các khuyến nghị hợp lý cho các vấn đề cụ thể trong kinh tế kinh doanh. + Nắm được các kỹ năng thực hành trong phân tích hồi quy; Nắm được các kỹ thuật cơ bản trong phân tích hồi quy và sử dụng thành thạo phần mềm Eviews trong quá trình phân tích hồi quy; Có thái độ nghiêm túc, đúng đắn và khoa học về bản chất của các vấn đề toán học, vấn đề vận dụng các kiến toán vào lĩnh vực kinh tế.	4	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
14	Nguyên lý tiền lương	Hiểu được những nguyên lý cơ bản nhất về tiền lương, tiền lương tối thiểu, phụ cấp lương, và hình thức trả lương. Phân tích, đánh giá được tiền lương tối thiểu, phụ cấp lương, các hình thức trả lương. Làm được các bài tập tính lương cơ bản. Có ý thức và chủ động trong việc tìm kiếm tài liệu, trao đổi học hỏi cập nhật các văn bản Luật.	4	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
15	Kinh tế phát triển	Giải thích được các khái niệm liên quan đến phát triển kinh tế Hiểu được các mô hình tăng trưởng kinh tế, những vấn đề có tính quy luật về xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế và vai trò quan trọng của việc đáp ứng phúc lợi cho con người trong phát triển kinh tế Vận dụng các kiến thức vào phân tích vấn đề kinh tế trong thực tế. Xác định được các nhân tố đóng góp vào quá trình tăng trưởng và phát triển kinh tế, vai trò và mức độ đóng góp cụ thể của từng nhân tố. Hiểu được các chỉ số đo lường tăng trưởng, phát triển kinh tế.	4	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Có thể đọc được các bài phân tích về tình hình kinh tế, chính sách kinh tế của các quốc gia và đưa ra được quan điểm cá nhân Hiểu biết đúng đắn về những vấn đề có tính quy luật trong phát triển kinh tế. Dựa trên kiến thức môn học, tiếp tục học tập các môn chuyên ngành liên quan. Tham gia và hoàn thành bài khóa luận, bài báo, công trình nghiên cứu khoa học với luận cứ chặt chẽ và sâu sắc hơn			
16	Đầu tư tài chính	**Về kiến thức:** + Sinh viên nắm vững những vấn đề lý luận chung về đầu tư tài chính; các loại công cụ đầu tư tài chính cơ bản, các thước đo lãi suất và rủi ro; các chủ thể đầu tư và các yếu tố tác động tới các quyết định đầu tư; + Sinh viên nắm được các nội dung về lý thuyết và quản lý danh mục đầu tư tài chính. + sinh viên nắm được các phương pháp phân tích và định giá các cộng cụ đầu tư tài chính **Về kỹ năng:** + Có khả năng vận dụng những kiến thức của môn học vào phân tích, lựa chọn, đánh giá các công cụ tài chính. + Có khả năng thực hành tính toán được các thông số của một danh mục đầu tư đơn giản - Nâng cao nhận thức của người học về sự cần thiết của phân tích các vấn đề đầu tư tài chính - Có trách nhiệm và trung thực trong lĩnh vực đầu tư tài chính	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
17	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp, nguyên tắc và kỹ thuật cơ bản của quản trị tài chính và ứng dụng những quyết định này trong việc quyết định những vấn đề	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		tài chính cơ bản trong doanh nghiệp: quyết định đầu tư, quyết định tài trợ và quyết định quản trị tài sản. Trang bị những kiến thức nền quan trọng về tài chính doanh nghiệp để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành chuyên sâu và chuyên ngành liên quan. Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.			
18	Tài chính bảo hiểm 2	**Về kiến thức:** Sinh viên nắm vững những vấn đề lý luận chung về tài chính bảo hiểm xã hội và tài chính bảo hiểm thương mại; các nội dung về nguồn tài chính và hệ thống tài chính bảo hiểm xã hội; các nội dung về tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và hoạt động đầu tư trong doanh nghiệp bảo hiểm. Sinh viên nắm được hệ thống các chỉ tiêu tài chính trong doanh nghiệp bảo hiểm và phương pháp trích lập các loại dự phòng nghiệp vụ trong các doanh nghiệp bảo hiểm hiện nay . **Về kỹ năng:** Có khả năng vận dụng những kiến thức của môn học vào thực tiễn hoạt động xây dựng và hoạch định chính sách về quản lý tài chính bảo hiểm xã hội ở Việt Nam Sinh viên có khả năng vận dụng trích lập dự phòng nghiệp vụ cho DNBH theo một số phương pháp thông dụng. Có khả năng so sánh và phân tích tình hình tài chính của các doanh nghiệp bảo hiểm theo hệ thống chỉ tiêu hiện hành - Nâng cao nhận thức của người học về sự cần thiết của phân tích các vấn đề tài chính bảo hiểm	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		- Có trách nhiệm và trung thực trong lĩnh vực tài chính bảo hiểm			
19	Bảo hiểm phi nhân thọ 1	+ Hiểu và nắm vững được khái niệm, bản chất, chức năng, vai trò của Bảo hiểm thương mại, quỹ bảo hiểm thương mại, mục đích sử dụng quỹ bảo hiểm thương mại, những nguyên tắc chung trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm thương mại và các loại hình bảo hiểm thương mại + Nắm vững lý do vì sao các chủ xe cơ giới phải tham gia bảo hiểm và tác dụng của bảo hiểm xe cơ giới; hiểu và nắm vững nội dung nghiệp vụ bảo hiểm vật chất xe cơ giới và bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới với người thứ ba. + Hiểu rõ đặc điểm và tác dụng của bảo hiểm hỏa hoạn, sự hình thành và phát triển của bảo hiểm hỏa hoạn; nắm vững những nội dung cơ bản của bảo hiểm hỏa hoạn; hiểu rõ nội dung một số nghiệp vụ bảo hiểm bổ sung cho loại hình bảo hiểm hỏa hoạn. + So sánh được sự giống nhau và khác nhau giữa loại hình bảo hiểm xã hội và loại hình bảo hiểm thương mại. + Phân biệt được sự khác nhau giữa các loại hình bảo hiểm thương mại bao gồm bảo hiểm tài sản, bảo hiểm trách nhiệm dân sự và bảo hiểm con người; phân biệt được các chế độ bồi thường bảo hiểm trong bảo hiểm tài sản; phân biệt được nguyên tắc bồi thường và nguyên tắc khoán. + Vận dụng và phát huy được kỹ năng làm việc độc lập, tự học, tự nghiên cứu để hoàn thành các bài tập cá nhân liên quan đến mỗi chương học. + Có năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng tư vấn cho khách hàng mua sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		+ Ý thức được vai trò và tầm quan trọng của loại hình bảo hiểm phi nhân thọ đối với sự phát triển của nền kinh tế - xã hội. + Có đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội phù hợp; tự học, tự tiếp cận, nghiên cứu độc lập và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến nội dung của học phần.			
20	Bảo hiểm nhân thọ	+ Nhớ được kiến thức cơ bản về bảo hiểm nhân thọ, lịch sử ra đời, các đặc điểm của bảo hiểm nhân thọ; + Hiểu và phân tích được các loại hình bảo hiểm nhân thọ căn cứ theo sự kiện bảo hiểm; + Hiểu và phân tích được nguyên tắc và cơ sở định phí của bảo hiểm nhân thọ, xác định được phí trong bảo hiểm nhân thọ; + Hiểu và phân tích được khái niệm và xác định được dự phòng phí trong bảo hiểm nhân thọ; + Hiểu và phân tích được các phương pháp chia lãi cho hợp đồng bảo hiểm nhân thọ; + Hiểu và phân tích được nội dung của hợp đồng bảo hiểm nhân thọ; + Vận dụng các kiến thức đã học nhằm tính phí, tính dự phòng phí, điền chính xác các mẫu hợp đồng bảo hiểm nhân thọ; + Vận dụng các kiến thức đã học để tư vấn về một loại hình bảo hiểm nhân thọ + Có đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội phù hợp; tự học, tự tiếp cận, nghiên cứu độc lập và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến nội dung của học phần. + Tham gia giờ giảng đầy đủ, chủ động, tích cực. Trung thực khi làm bài kiểm tra cá nhân, cuối kỳ.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
21	Tổ chức quản lý DNBH	**Về kiến thức:**	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		- Hiểu rõ khái niệm và đặc điểm và cơ sở khoa học của bảo hiểm thương mại và hoạt động kinh doanh bảo hiểm; - Hiểu được mô hình tổ chức và nội dung hoạt động của các doanh nghiệp bảo hiểm: - Hiểu được cách thức tổ chức triển khai các hoạt động nghiệp vụ của doanh nghiệp bảo hiểm; - Hiểu được cách thức tổ chức quản lý hợp đồng bảo hiểm; - Hiểu được các chỉ tiêu đánh giá chung về kết quả và hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp bảo hiểm. + Đánh giá chung về hoạt động bảo hiểm thương mai nói chung + Đánh giá và so sánh được các mô hình tổ chức hoạt động của Doanh nghiệp bảo hiểm. + Đánh giá được quá trình tổ chức triển khai nghiệp vụ doanh bảo hiểm + Đánh giá được quá trình tổ chức quản lý hợp đồng bảo hiểm. + Phân tích và tính toán được các chỉ tiêu phản ảnh kết quả và hiệu quả hoạt động kinh doanh bảo hiểm nghiệp bảo hiểm. **Thái độ:** Có đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội phù hợp; tự học, tự tiếp cận, nghiên cứu độc lập và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến nội dung của học phần.			kết thúc học phần 60%
22	Quản trị kinh doanh bảo hiểm 1	- Hiểu rõ khái niệm và đặc điểm, vai trò của hoạt động kinh doanh bảo hiểm; - Nhận biết đối tượng, nhiệm vụ và nội dung nghiên cứu môn học quản trị kinh doanh bảo hiểm;	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		- Hiểu được cơ sở khoa học của hoạt động quản trị kinh doanh bảo hiểm; - Hiểu rõ được khái niệm, chức năng của thị trường bảo hiểm; các đặc trưng của thị trường bảo hiểm; phân biệt được phân loại và phân đoạn thị trường, yêu cầu của phân đoạn thị trường và phân đoạn thị trường theo một số tiêu thức; đặc điểm của các yếu tố cấu thành thị trường bảo hiểm; - Hiểu rõ được nội dung các mục tiêu nghiên cứu thị trường; - Hiểu được các nội dung của hoạt động Marketing trong kinh doanh bảo hiểm: khái niệm và chức năng của hoạt động Marketing đối với thị trường bảo hiểm; - Hiểu được hệ thống thông tin trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm: vai trò thông tin trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm, các yếu tố của hệ thống thông tin, các hoạt động chính của bộ phận phát triển và điều hành hệ thống thông tin, các yếu tố của hệ thống thông tin trong doanh nghiệp bảo hiểm; - Hiểu được các loại hình doanh nghiệp bảo hiểm theo các tiêu thức phân loại - Hiểu được cơ sở và đánh giá được mô hình tổ chức doanh nghiệp bảo hiểm; - Hiểu được chức năng và nhiệm vụ của các bộ phận chủ yếu trong doanh nghiệp bảo hiểm; - Hiểu được các nội dung hoạt động của doanh nghiệp bảo hiểm; - Hiểu được đặc điểm của nhóm khách hàng cá nhân và khách hàng tổ chức;			

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		- Hiểu các nội dung của hợp đồng bảo hiểm và vấn đề quản lý hợp đồng bảo hiểm, áp dụng nhằm quản lý hợp đồng bảo hiểm của doanh nghiệp trong các trường hợp cụ thể; - Hiểu được các nội dung trong quy trình triển khai nghiệp vụ bảo hiểm cho khách hàng - Hiểu được các chỉ tiêu dùng để phân tích kết quả và hiệu quả của hoạt động kinh doanh bảo hiểm + Vận dụng kiến thức đã học để phân tích được bối cảnh của thị trường bảo hiểm Việt Nam, xu thế phát triển. + Vận dụng kiến thức đã học để phân tích được vai trò của hoạt động Marketing bảo hiểm đối với hoạt động kinh doanh của Doanh nghiệp bảo hiểm. + Vận dụng kiến thức đã học để phân tích được các loại hình Doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm trên thị trường bảo hiểm Việt Nam. + Vận dụng kiến thức đã học để phân tích được các yếu tố của khách hàng mua bảo hiểm như ý định, hành vi và quá trình mua hàng của khách hàng mua bảo hiểm. Phân tích được các nhân tố tác động tới hành vi mua bảo hiểm của người mua bảo hiểm. + Vận dụng kiến thức đã học để phân tích tính toán được các chỉ tiêu phản ảnh kết quả và hiệu quả hoạt động kinh doanh bảo hiểm nghiệp bảo hiểm. **Thái độ:** Có đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội phù hợp; tự học, tự tiếp cận, nghiên cứu độc lập và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến nội dung của học phần.			

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
23	Quản trị kinh doanh bảo hiểm 2	- Hiểu rõ khái niệm và đặc điểm, vai trò của hoạt động quản trị nhân lực trong doanh nghiệp bảo hiểm; - Hiểu rõ được các vấn đề liên quan đến sản phẩm bảo hiểm và quản trị sản phẩm trong doanh nghiệp bảo hiểm - Hiểu được cơ chế quản lý tài chính của các doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm; - Hiểu rõ được các nội dung quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bảo hiểm; - Hiểu được các chỉ tiêu dùng để phân tích kết quả và hiệu quả của hoạt động kinh doanh bảo hiểm + Đánh giá được bối cảnh của nhân lực trong thị trường bảo hiểm Việt Nam, xu thế phát triển. + Đánh giá được sự thay đổi trong các loại hình sản phẩm bảo hiểm của Doanh nghiệp bảo hiểm. + đánh giá được các nội dung về doanh thu, chi phí, các quỹ của các doanh nghiệp bảo hiểm. + Nắm và vận dụng các quy định quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh bảo hiểm + Phân tích và tính toán được các chỉ tiêu phản ảnh kết quả và hiệu quả hoạt động kinh doanh bảo hiểm nghiệp bảo hiểm. Có đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội phù hợp; tự học, tự tiếp cận, nghiên cứu độc lập và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến nội dung của học phần.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
24	Nghiệp vụ bảo hiểm xã hội	-Trang bị cho người học có những kiến thức cơ bản về các chế độ bảo hiểm xã hội ngắn hạn: chế độ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		- Trang bị cho người học có kỹ năng để giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội ngắn hạn khi đi làm. -Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy, tự học, học nhóm -Giúp người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của môn học ứng dụng vào công việc và cuộc sống của bản thân.			kết thúc học phần 60%
25	Bảo hiểm hưu trí	Học phần Bảo hiểm hưu trí trang bị cho sinh viên kiến thức cơ sở lý luận về bảo hiểm hưu trí; bảo hiểm hưu trí ở các nước trên thế giới, lịch sử hình thành và phát triển của bảo hiểm hưu trí ở Việt Nam; Phương pháp luận xác định tuổi nghỉ hưu; Tài chính bảo hiểm hưu trí; Pháp luật về bảo hiểm hưu trí, tử tuất ở Việt Nam. Học phần giúp sinh viên nắm vững các kiến thức lý luận về bảo hiểm hưu trí; Có khả năng vận dụng những kiến thức của môn học vào thực tiễn xây dựng và hoạch định chính sách bảo hiểm hưu trí, tử tuất ở Việt Nam; Giải quyết thành thạo các tình huống trong thực tế về chế độ hưu trí và tử tuất theo pháp luật Việt Nam; Có khả năng so sánh và phân tích hệ thống bảo hiểm hưu trí giữa các nước trên thế giới để thấy được những mặt mạnh và hạn chế của từng hệ thống, qua đó so sánh với hệ thống bảo hiểm hưu trí ở Việt Nam. Sinh viên hiểu rõ vai trò quan trọng của bảo hiểm hưu trí; Có ý thức tự học, tự tiếp cận, nghiên cứu độc lập và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến nội dung của học phần; Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật; có tinh thần hợp tác.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
26	Bảo hiểm thất nghiệp	Trang bị hệ thống các kiến thức cơ bản về bảo hiểm thất nghiệp, cơ sở hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp. Trang bị những kiến thức quan trọng về bảo hiểm thất nghiệp; nắm vững những nghiệp vụ cơ bản về bảo hiểm thất nghiệp từ đó có khả	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		năng vận dụng những kiến thức của môn học vào thực tiễn Hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách Bảo hiểm thất nghiệp và sử dụng thành thạo các nghiệp vụ cơ bản trong quá trình tổ chức thực hiện chính sách BHTN Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.			
27	Kế toán DNBH	**Về kiến thức:** + Sinh viên nắm vững những vấn đề lý luận chung về kế toán trong doanh nghiệp bảo hiểm; vai trò, nhiệm vụ của kế toán tài chính DNBH + Sinh viên nắm được các phương pháp hạch toán kế toán tài chính trong DNBH. + sinh viên nắm được đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí trong doanh nghiệp bảo hiểm **Về kỹ năng:** + Có khả năng vận dụng những kiến thức của môn học vào hạch toán các khoản mục:tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí của DNBH + Có khả năng thực hành tính toán được các tình huống kế toán trong DNBH - Nâng cao nhận thức của người học về sự cần thiết của kế toán tài chính DNBH - Có trách nhiệm và trung thực trong lĩnh vực kế toán tài chính DNBH	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
28	Phân tích tài chính doanh nghiệp	**Kiến thức:** - Sinh viên nắm vững những lý luận cơ bản về phân tích tài chính doanh nghiệp: các khái niệm cơ bản về tài chính doanh nghiệp; nội dung các báo cáo tài chính; các chỉ tiêu đánh giá năng lực tài chính cơ bản của doanh nghiệp. Thông qua đó, sinh viên có thể đánh giá	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		được một cách tổng quan về xu hướng tài chính của doanh nghiệp và dự báo phát triển của doanh nghiệp trong tương lai. - Sinh viên nắm được hệ thống báo cáo tài chính của Doanh nghiệp. Nắm được tình hình tài chính một số DNBH tiêu biểu trên thị trường. **Kỹ năng:** - Có khả năng vận dụng kiến thức môn học vào thực tiễn phân tích tài chính doanh nghiệp - Sinh viên đọc hiểu báo cáo tài chính của doanh nghiệp, bao gồm: bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ. - Thực hành phân tích năng lực tài chính của doanh nghiệp thông qua các chỉ tiêu phân tích **Thái độ:** - Có động cơ và thái độ nghiêm túc về ngành học, - Có đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội phù hợp; tự học, tự tiếp cận, nghiên cứu độc lập và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến nội dung của học phần.			
29	Quản trị rủi ro tài chính	Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về rủi ro tài chính, các phương pháp và mô hình đo lường rủi ro tài chính, các biện pháp quản trị rủi ro lãi suất, rủi ro tín dụng, rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản. Bên cạnh đó học phần cũng trang bị thêm cho người học kiến thức về các công cụ tài chính phái sinh. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể ứng dụng kiến thức đã học vào việc phân tích các rủi ro tài chính. Ngoài ra, người học còn được rèn luyện các kỹ năng tư duy độc lập, tư duy phản biện, kỹ năng lập kế hoạch, làm việc nhóm, ứng biến linh hoạt trong môi trường làm việc đòi hỏi sự thay đổi.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Học phần cũng giúp người học nhìn nhận được vai trò quan trọng của quản trị rủi ro tài chính, có ý thức tự học, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phân tích tổng hợp, đưa ra kết luận về rủi ro tài chính, có đạo đức trong học tập và nghiên cứu các vấn đề lý luận cũng như thực tiễn liên quan đến thị trường, có định hướng tích lũy kiến thức chuyên môn cho nghề nghiệp trong tương lai ngay từ khi còn là sinh viên.			
30	Thị trường tài chính	Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về thị trường tài chính, công cụ thị trường tài chính, các thị trường trên thị trường tài chính, cách thức tổ chức hoạt động thị trường tài chính, các định chế tài chính như ngân hàng thương mại, công ty quản lý quỹ, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán và cách thức tổ chức hoạt động, công tác giám sát thị trường tài chính. Trang bị những kiến thức chuyên sâu để phân tích hoạt động của thị trường tài chính để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành chuyên sâu và chuyên ngành liên quan. Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập. Có đạo đức trong học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.	3	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
31	Thẩm định dự án đầu tư	***- Kiến thức:*** + Nhận diện khái niệm, mục đích và yêu cầu của thẩm định dự án đầu tư, các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động thẩm định dự án. + Biết trình tự thẩm định một dự án đầu tư, quy trình tổ chức thẩm định dự án đầu tư ở Việt Nam. + Hiểu và vận dụng các phương pháp thẩm định dự án, các quan điểm phân tích và đánh giá dự án, các chỉ tiêu thẩm định dự án để từ đó thẩm định các dự án đầu tư theo các nhóm yếu tố khác nhau bao gồm:	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		căn cứ pháp lý, thị trường, kỹ thuật công nghệ, tổ chức quản lý và nhân sự, tài chính, kinh tế xã hội, và phân tích rủi ro của dự án. + Thẩm định hiệu quả tài chính và hiệu quả kinh tế xã hội của dự án đầu tư. ***- Kỹ năng:*** + Xây dựng bản kế hoạch thẩm định cho một dự án đầu tư. + Sử dụng các kiến thức liên quan đến thẩm định để thẩm định đứng trên góc độ cơ quan quản lý nhà nước, ngân hàng và chủ đầu tư . + Hình thành và phát triển năng lực tư duy, giải quyết được các vấn đề tình huống trong thẩm định. ***- Thái độ:*** + Nâng cao được ý thức về vai trò, trách nhiệm, quyền hạn của người trực tiếp liên quan đến thẩm định. + Chủ động thích ứng với sự biến đổi trong công tác thẩm định. + Hình thành niềm say mê công tác thẩm định dự án, tinh thần không ngừng học hỏi cả trong thực tiễn và trong lý thuyết, tích cực đóng góp để ngày càng hoàn thiện hơn quy trình thẩm định dự án. + Có thái độ nhã nhặn, đúng mực khi tiếp nhận các công việc liên quan tới thẩm định dự án đầu tư trong thời gian thực tập.			
32	Phân tích tài chính bảo hiểm	**Kiến thức:** - Sinh viên nắm vững những lý luận cơ bản về phân tích tài chính doanh nghiệp bảo hiểm: các khái niệm cơ bản về tài chính DNBH; các báo cáo tài chính; các chỉ tiêu tài chính cơ bản của DNBH. Thông qua đó, sinh viên có thể đánh giá được một cách tổng quan về xu hướng tài chính của doanh nghiệp và dự báo phát triển của doanh nghiệp trong tương lai.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		- Sinh viên nắm được hệ thống báo cáo tài chính của Doanh nghiệp. Nắm được tình hình tài chính một số DNBH tiêu biểu trên thị trường. **Kỹ năng:** - Có khả năng vận dụng kiến thức môn học vào thực tiễn phân tích tài chính DNBH, - Thực hành phân tích tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm, bao gồm: phân tích báo cáo tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm, phân tích báo cáo hoạt động đầu tư của doanh nghiệp bảo hiểm, phân tích báo cáo lưu chuyển tiền tệ. **Thái độ:** - Có động cơ và thái độ nghiêm túc về ngành học, - Có đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội phù hợp; tự học, tự tiếp cận, nghiên cứu độc lập và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến nội dung của học phần.			
33	Giám định bồi thường bảo hiểm	+ Nắm được các kiến thức cơ bản về rủi ro và các biện pháp mà con người sử dụng để kiểm soát rủi ro; khái niệm, lịch sử ra đời và phát triển của bảo hiểm thương mại, vai trò kinh tế - xã hội của bảo hiểm thương mại; các khái niệm, nguyên tắc cơ bản trong bảo hiểm thương mại, nội dung của các chế độ bảo hiểm, trên cơ sở đó áp dụng giải quyết các bài tập định tính và định lượng. + Nắm vững được khái niệm, mục đích, nguyên tắc chung và nội dung các bước thực hiện trong công tác giám định bảo hiểm; hiểu được yêu cầu, nhiệm vụ, vai trò của giám định viên + Nắm vững được khái niệm, nguyên tắc, nội dung các bước bồi thường bảo hiểm; hiểu được vai trò của công tác giải quyết bồi thường đối với sự phát triển của doanh nghiệp bảo hiểm; nắm vững được khái	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		niệm chi phí bồi thường và trình bày được các biện pháp giảm chi phí bồi thường. + Vận dụng và phát huy được kỹ năng làm việc độc lập, tự học, tự nghiên cứu để hoàn thành các bài tập cá nhân liên quan đến mỗi chương học. + Có khả năng phân tích được thực trạng công tác giám định của một nghiệp vụ bảo hiểm hay một sản phẩm bảo hiểm hiện đang được triển khai tại bất kỳ một doanh nghiệp bảo hiểm thông qua các chỉ tiêu định tính, định lượng và bài tập tình huống. + Người học sẵn sàng chia sẻ và trao đổi với Giảng viên và các bạn trong nhóm, cũng như các nhóm khác về những kiến thức, kỹ năng thực hành của môn học. + Có khả năng vận dụng những kiến thức của môn học vào việc thực hiện công tác giám định và giải quyết bồi thường tại các Doanh nghiệp bảo hiểm ở Việt Nam; + Đề xuất các biện pháp giảm chi phí bồi thường phù hợp với tình hình thực tế kinh doanh bảo hiểm tại Doanh nghiệp bảo hiểm mình công tác. + Ý thức được vai trò và tầm quan trọng của công tác giám định – bồi thường tại các doanh nghiệp bảo hiểm. + Có đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội phù hợp; tự học, tự tiếp cận, nghiên cứu độc lập và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến nội dung của học phần.			
34	Bảo hiểm phi nhân thọ 2	+ Hiểu rõ sự cần thiết khách quan phải bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu vận chuyển bằng đường biển; thấy rõ trách nhiệm của các bên có liên quan trong các hợp đồng bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu; hiểu rõ được các nội dung về giá trị bảo hiểm, số tiền bảo hiểm, phí	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		bảo hiểm, các điều khoản bảo hiểm, giám định và bồi thường tổn thất trong bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu vận chuyển bằng đường biển; nắm vững được các bước phân bổ tổn thất chung. + Nắm vững lý do vì sao các chủ tàu tham gia bảo hiểm và tác dụng của bảo hiểm tàu thủy; nắm vững nội dung nghiệp vụ bảo hiểm vật chất thân tàu; hiểu và nắm vững các vấn đề tai nạn đâm va và cách giải quyết. + Hiểu rõ đặc điểm và tác dụng của bảo hiểm trong nông nghiệp nói chung; các loại rủi ro liên quan đến cây trồng và vật nuôi khi triển khai bảo hiểm; nắm vững những nội dung cơ bản của bảo hiểm cây trồng và bảo hiểm chăn nuôi. + Hiểu rõ sự cần thiết khách quan, vai trò của bảo hiểm con người và các tiêu thức phân loại bảo hiểm con người; nắm được những đặc điểm chủ yếu của bảo hiểm con người phi nhân thọ, các nghiệp vụ bảo hiểm con người phi nhân thọ đã và đang được triển khai trên thế giới cũng như ở Việt Nam hiện nay. + Đánh giá được những mặt đạt được và những mặt còn hạn chế về bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu ở Việt Nam trong những năm đổi mới vừa qua. + Phân biệt được các loại tổn thất trong bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu vận chuyển bằng đường biển. + Phân tích được xu hướng xuất nhập khẩu hàng hóa sau khi nước ta gia nhập WTO. + Phân biệt được sự khác nhau giữa hội bảo hiểm P & I và các doanh nghiệp bảo hiểm khác. Phân tích được thực trạng triển khai bảo hiểm nông nghiệp tại Việt Nam trong thời gian vừa qua.			

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		+ Phân biệt được bảo hiểm con người phi nhân thọ và bảo hiểm nhân thọ + Vận dụng và phát huy được kỹ năng làm việc độc lập, tự học, tự nghiên cứu để hoàn thành các bài tập cá nhân liên quan đến mỗi chương học. + Có năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng tư vấn cho khách hàng mua sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ. + Ý thức được vai trò và tầm quan trọng của loại hình bảo hiểm phi nhân thọ đối với sự phát triển của nền kinh tế - xã hội. + Có đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội phù hợp; tự học, tự tiếp cận, nghiên cứu độc lập và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến nội dung của học phần.			
35	Bảo hiểm trách nhiệm	+ Nhớ được kiến thức cơ bản về bảo hiểm trách nhiệm, các đặc điểm, nguyên tắc áp dụng, các nghiệp vụ bảo hiểm trách nhiệm + Nhớ, hiểu được khái niệm, điều kiện phát sinh trách nhiệm dân sự, đối tượng phạm vi bảo hiểm, hạn mức trách nhiệm, phí bảo hiểm, trách nhiệm bồi thường của bảo hiểm trách nhiệm chủ xe cơ giới với người thứ ba, + Nhớ, hiểu được khái niệm, đối tượng phạm vi bảo hiểm, hạn mức trách nhiệm, phí bảo hiểm, trách nhiệm bồi thường của bảo hiểm trách nhiệm của chủ sử dụng lao động với người lao động + Hiểu và phân tích được hợp đồng bảo hiểm trách nhiệm + Vận dụng các kiến thức đã học tính toán được các bài toán áp dụng các nguyên tắc trong bảo hiểm trách nhiệm và bài toán về phát sinh trách nhiệm dân sự + Vận dụng các kiến thức đã học để xác định được trách nhiệm bồi thường của DNBH trong các loại hình bảo hiểm trách nhiệm	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		+ Có đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội phù hợp; tự học, tự tiếp cận, nghiên cứu độc lập và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến nội dung của học phần. + Tham gia giờ giảng đầy đủ, chủ động, tích cực. Trung thực khi làm bài kiểm tra cá nhân, cuối kỳ.			
36	Quản lý đại lý bảo hiểm	+ Sinh viên nắm chắc khái niệm và các nguyên tắc cơ bản, cơ sở kỹ thuật của bảo hiểm + Nắm được khái niệm đại lý, tiêu chuẩn, yêu cầu của đại lý. Phân biệt được quyền và nghĩa vụ của đại lý bảo hiểm nhân thọ + Diễn giải được quy trình khai thác bảo hiểm nhân thọ + Nắm được nội dung công tác tuyển dụng và đào tạo đại lý bảo hiểm nhân thọ + Nhớ được nhiệm vụ và đạo đức nghề nghiệp của một đại lý vận dụng vào công việc sau này + Có khả năng phân tích được nội dung các bước trong quy trình khai thác bảo hiểm nhân thọ của một đại lý, liên hệ để khai thác sản phẩm bảo hiểm nhân thọ. + Phân tích được kết quả hiệu quả hoạt động của một đại lý, từ đó đánh giá được chất lượng của công tác tuyển dụng, đào tạo, phát triển đại lý + Sinh viên có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; có tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo; có ý thức và năng lực tự học, tự tiếp cận, nghiên cứu độc lập và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến nội dung của học phần.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
37	Tái bảo hiểm	+ Nắm được khái niệm, vai trò, bản chất của tái bảo hiểm, các hình thức và phương pháp tái bảo hiểm;	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		+ Nắm được khái niệm, đặc điểm và các vấn đề cơ bản trong hợp đồng tái bảo hiểm + Nhận biết được thị trường tái bảo hiểm trên thế giới và ở Việt Nam + Có khả năng phân biệt được các hình thức tái, phương pháp tái bảo hiểm + Có khả năng tính toán được các bài tập theo từng phương pháp tái bảo hiểm Sinh viên có đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp; có tinh thần cầu thị, chủ động sáng tạo; có ý thức và năng lực tự học, tự tiếp cận, nghiên cứu độc lập và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến nội dung của học phần.			kết thúc học phần 60%
38	Kế toán tài chính 1	Học phần này trang bị những kiến thức về kế toán tài chính, gắn với hoạt động: Vai trò và nhiệm vụ của kế toán, nguyên tắc kế toán, nội dung, yêu cầu, hình thức kế toán trong các doanh nghiệp sản xuất; Kiến thức chuyên sâu kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ; kế toán tài sản cố định; kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Trang bị những kiến thức nền quan trọng về kế toán tài chính để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành chuyên sâu và chuyên ngành liên quan. Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
39	Phân tích đầu tư chứng khoán	Học phần này trang bị kiến thức cơ bản về đầu tư chứng khoán, phân tích tích chứng khoán; mức sinh lời và rủi ro trong đầu tư chứng khoán; phân tích và định giá cổ phiếu; phân tích và định giá trái phiếu; chứng khoán phái sinh.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Học phần trang bị những kiến thức nền quan trọng về phân tích đầu tư chứng khoán, giúp cho sinh viên sau khi ra trường có thể vận dụng kiến thức được học để thực hiện làm việc tại các tổ chức cung cấp dịch vụ phân tích đầu tư chứng khoán chuyên nghiệp về các nội dung: Xác định được lợi nhuận và rủi ro khi đầu tư chứng khoán, vận dụng các kỹ thuật trong phân tích chứng khoán để nhằm giúp các nhà đầu tư đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán chính xác; giúp sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành chuyên sâu và chuyên ngành liên quan. Học phần cũng rèn luyện cho người học có kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập, có đạo đức trong học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần			
40	Tài chính quốc tế	Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về tài chính quốc tế với các nội dung: Thị trường tài chính quốc tế, tỷ giá hối đoái, thị trường ngoại hối, cán cân thanh toán quốc tế, chu chuyển quốc tế về vốn, rủi ro hoạt động kinh doanh quốc tế, đầu tư trực tiếp và gián tiếp quốc tế. Trang bị những kiến thức nền quan trọng về tài chính quốc tế để sinh viên có thể ứng dụng giải thích các hoạt động trên thị trường tài chính quốc tế; tiếp tục học các học phần chuyên ngành chuyên sâu và chuyên ngành liên quan. Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phân tích tổng hợp, đưa ra kết luận về các vấn đề liên quan đến Tài chính quốc tế, rèn luyện phẩm chất đạo đức cho sinh viên trong học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
41	Bảo hiểm tiền gửi	Học phần Bảo hiểm Tiền gửi trang bị cho sinh viên kiến thức cơ sở lý luận về bảo hiểm tiền gửi; Lịch sử hình thành và phát triển của bảo hiểm tiền gửi và hệ thống bảo hiểm tiền gửi ở các nước trên thế giới; Nội dung cơ bản của bảo hiểm tiền gửi; Pháp luật và tổ chức quản lý bảo hiểm tiền gửi ở Việt Nam. Học phần giúp sinh viên nắm vững các kiến thức lý luận về bảo hiểm tiền gửi; Có khả năng vận dụng những kiến thức của môn học vào thực tiễn xây dựng và hoạch định chính sách bảo hiểm tiền gửi ở Việt Nam; Có khả năng so sánh và phân tích hệ thống bảo hiểm tiền gửi giữa các nước trên thế giới để thấy được những mặt mạnh và hạn chế của từng hệ thống, qua đó so sánh với hệ thống bảo hiểm tiền gửi ở Việt Nam. Có khả năng vận dụng để giải quyết tình huống thực tế về bảo hiểm tiền gửi. Sinh viên hiểu rõ vai trò quan trọng của bảo hiểm tiền gửi; Có ý thức tự học, tự tiếp cận, nghiên cứu độc lập và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến nội dung của học phần; Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật; có tinh thần hợp tác.	4	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
42	Bảo hiểm y tế	**Kiến thức:** -Trang bị cho người học có những kiến thức cơ bản về các nội dung Bảo hiểm y tế: thị trường CSSK, lịch sử hình thành và phát triển của BHYT trên thế giới cũng như ở Việt Nam, khái quát chung về BHYT, và các mô hình BHYT, các nguyên tắc chung về tài chính BHYT, phương pháp xác định phí BHYT, phương pháp thanh toán chi phí KCB, đầu tư và cân đối tài chính quỹ BHYT. **Kỹ năng:**	4	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		- Trang bị cho người học có kỹ năng để vận dụng các nghiệp vụ bảo hiểm y tế khi đi làm. - Có khả năng so sánh và phân tích mô hình hệ thống và chính sách BHYT giữa các nước để thấy được những mặt mạnh và hạn chế của từng hệ thống BHYT. - Có khả năng vận dụng tính toán chi phí KCB BHYT **Thái độ:** - Có động cơ và thái độ nghiêm túc về ngành học - Nâng cao nhận thức của người học về sự cần thiết của Bảo hiểm y tế			
43	Quản trị BHXH	- Sinh viên nắm vững những vấn đề lý luận chung về quản trị BHXH: khái niệm, đặc điểm, nguyên tắc quản trị BHXH; hệ thống tổ chức hoạt động sự nghiệp BHXH; - Sinh viên hiểu rõ các nội dung tổ chức và quản lý trong cơ quan BHXH, - Sinh viên hiểu rõ các chức năng của quản trị BHXH bao gồm: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo và kiểm tra - Có khả năng vận dụng những kiến thức của môn học vào thực tiễn quản trị BHXH; - Có khả năng phân tích tình hình quản trị BHXH của hệ thống BHXH tại Việt Nam theo nội dung và chức năng quản trị - Có động cơ và thái độ nghiêm túc về ngành học - Có đạo đức nghề nghiệp, trách nhiệm xã hội phù hợp; tự học, tự tiếp cận, nghiên cứu độc lập và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến nội dung của học phần.	4	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
44	Định phí bảo hiểm	Học phần Định phí Bảo hiểm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về tầm quan trọng của việc định phí các sản phẩm bảo hiểm; khái niệm cơ bản và các phương pháp xác định phí bảo hiểm; Học phần giúp sinh viên có khả năng phân tích, giải thích, và vận dụng được kiến thức môn học nhằm phân tích được các yếu tố làm tăng giảm phí bảo hiểm; Có khả năng sử dụng các công cụ, phần mềm để tính toán các khoản phí bảo hiểm; xác định được, thực hiện được việc tính phí bảo hiểm đối với một số các sản phẩm bảo hiểm Sinh viên hiểu rõ vai trò quan trọng của định phí bảo hiểmđối với kết quả kinh doanh của doanh nghiệp bảo hiểm; Có ý thức tự học, tự tiếp cận, nghiên cứu độc lập và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến nội dung của học phần; Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật; có tinh thần hợp tác	4	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
45	Thực tập cuối khóa	- Nắm vững kiến thức về tổ chức, hoạt động của đơn vị thực tập. - Phân tích, đánh giá được kết quả các hoạt động của đơn vị thực tập: kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân, từ đó đề xuất với đơn vị những biện pháp để khắc phục hạn chế. - Vận dụng kiến thức tổng hợp của các môn học vào thực tế, có điều kiện so sánh, giải thích, áp dụng những kiến thức đã học vào công việc cụ thể. - Đạt được các kỹ năng làm việc độc lập: lập kế hoạch công việc, chủ động thực hiện. - Có khả năng làm việc trong một cộng đồng, làm việc nhóm cùng vì một nhiệm vụ chung	4	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		- Kết hợp được các kỹ năng đã học để giải quyết được vấn đề hoàn chỉnh: kỹ năng tìm kiếm tài liệu, kỹ năng phân tích, tổng hợp tài liệu, số liệu… - Sinh viên có thái độ nghiêm túc, có ý thức tổ chức, kỷ luật.			
46	Đầu tư tài chính bảo hiểm	**Về kiến thức:** + Sinh viên nắm vững những vấn đề lý luận chung về đầu tư,các nguồn vốn đầu tư,loại hình đầu tư, dự án đầu tư và vai trò của đầu tư phát triển trong nền kinh tế; các nội dung liên quan đến dòng tiền và lãi suất. + Sinh viên nắm được hệ thống các chỉ tiêu phân tích tài chính dự án đầu tư các phương pháp phân tích tài chính dự án đầu tư. **Về kỹ năng:** + Có khả năng vận dụng những kiến thức của môn học vào đánh giá hiệu quả tài chính dự án đầu tư. + Có khả năng thực hành đánh giá hiệu quả dự án đầu tư thông qua một số chỉ tiêu tài chính phổ biến - Nâng cao nhận thức của người học về sự cần thiết của phân tích các vấn đề đầu tư và dự án đầu tư - Có trách nhiệm và trung thực trong lĩnh vực đầu tư	3	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
47	Kinh tế bảo hiểm	Học phần Kinh tế Bảo hiểm trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về các khái niệm, bản chất, chức năng đặc điểm và vai trò của Bảo hiểm phi nhân thọ, bảo hiểm nhân thọ, các nghiệp vụ bảo hiểm cơ bản; những nguyên tắc chung trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm thương mại; các nội dung cơ bản của các loại hình bảo hiểm thương mại.	3	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Học phần giúp sinh viên có khả năng phân tích, giải thích, và vận dụng được kiến thức môn học vào thực tiễn triển khai các nghiệp vụ bảo hiểm cơ bản. Sinh viên hiểu rõ vai trò quan trọng của bảo hiểm và các loại hình bảo hiểm cơ bản; Có ý thức tự học, tự tiếp cận, nghiên cứu độc lập và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến nội dung của học phần; Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật; có tinh thần hợp tác			
48	Khóa luận tốt nghiệp	Học phần này nhằm củng cố kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành bảo hiểm đã được học để vận dụng vào thực tiễn. Củng cố và hệ thống hóa được chuỗi kiến thức thuộc các học phần đã học có liên quan đến vấn đề chọn nghiên cứu. Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng phân tích tổng hợp và tự nghiên cứu các vấn đề tổ chức bộ máy bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm thương mại; Các vấn đề liên quan đến nghiệp vụ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, nghiệp vụ bảo hiểm thương mại trong cơ sở thực tập. Vận dụng được kiến thức lý thuyết đã học vào đánh giá thực trạng của vấn đề nghiên cứu, từ đó đề xuất các giải pháp để giải quyết những hạn chế của vấn đề nghiên cứu. Có thể tìm hiểu và vận dụng được những kiến thức mới, cần thiết để giải quyết vấn đề hiệu quả. Có kỹ năng tìm kiếm thông tin, dữ liệu và khả năng xử lý số liệu thông qua các phần mềm chuyên dụng phục vụ cho công việc chuyên môn. Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, thành thạo tin học để phục vụ cho công việc chuyên môn.	6	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Có ý thức đúng đắn, nghiêm túc, khách quan và khoa học trong việc đánh giá thực tế tổ chức thực hiện bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thương mại. Có ý thức nghiên cứu khoa học trong các vấn đề lý thuyết và thực tiễn liên quan đến quy trình phần hành bảo hiểm chuyên sâu đầy đủ tại đơn vị. Có định hướng tích lũy kiến thức chuyên môn cho nghề nghiệp trong tương lai ngay từ khi còn là sinh viên.			
49	Toán cao cấp 1	+ Học phần cung cấp cho sinh viên: - Các khái niệm: Ma trận, các phép toán, các phép biến đổi tuyến tính trên ma trận; Định thức; Hệ phương trình tuyến tính; Không gian vector; Mối liên hệ tuyến tính trong không gian vector. Cách tính định thức, tìm ma trận nghịch đảo, tìm nghiệm của hệ phương trình tuyến tính, tìm hạng, cơ sở của hệ véc tơ, cơ sở của không gian con R^n. Học phần giúp cho sinh viên có kỹ năng giải các bài tập về các kiến thức cơ bản được trang bị, kỹ năng tư duy logic. Học phần giúp cho sinh viên có kỹ năng giải các bài tập về các kiến thức cơ bản được trang bị, kỹ năng tư duy logic, kỹ năng đặt bài toán cho các tình huống thực tế, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
50	Toán cao cấp 2	Học phần cung cấp cho sinh viên: - Các khái niệm: Dãy số, giới hạn của dãy số; Hàm số một biến số, giới hạn và tính liên tục của hàm số một biến số; Đạo hàm và vi phân của hàm số một biến số; Tích phân xác định và tích phân suy rộng; Hàm số hai biến số, giới hạn và tính liên tục của hàm hai biến số. Đạo hàm và vi phân của hàm số hai biến số, Cách tính đạo hàm riêng; Cách tìm cực trị của hàm số một biến số và hàm số hai biến số.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Ứng dụng của đạo hàm và vi phân trong toán học: Tính giá trị gần đúng, tìm cực trị. Ứng dụng của đạo hàm trong phân tích kinh tế: Hệ số co dãn cung, cầu theo giá. Ứng dụng của đạo hàm riêngvà vi phân trong kinh tế học.Ứng dụng của cực trị trong bài toán tối ưu các trường hợp thực tiễn. Sinh viên có: -Kỹ năng trình bày các vấn đề hợp logic, dùng từ chính xác trong các mệnh đề.Kỹ năng tính đạo hàm, tính tích phân, tìm cực trị của hàm số một biến số và hai biến số. - Kỹ năng vận dụng các kết quả của toán học trong việc xây dựng và phân tích một số mô hình toán kinh tế đơn giản như: Mô hình cân bằng, Mô hình tối ưu,..... - Khả năng kết hợp, ứng dụng các kiến thức cơ bản vào kiến thức, kỹ năng chuyên ngành - Kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc theo nhóm Có thái độ nghiêm túc, đúng đắn và khoa học về bản chất của các vấn đề toán học, vấn đề vận dụng các kiến toán vào lĩnh vực kinh tế.			
51	Lý thuyết xác suất và TK toán	Cung cấp cho người học cơ sở của lý thuyết xác suất và thống kê toán học với mục đích giúp người học có phương pháp, công cụ để học tập, nghiên cứu và giải quyết các bài toán thuộc chuyên ngành trong điều kiện ngẫu nhiên, bao gồm các kiến thức sau: - Các kiến thức về lý thuyết xác suất: Phép thử, biến cố, xác suất của biến cố, biến ngẫu nhiên, biếnngẫu nhiênhai chiều và các đặc trưng kỳ vọng, phương sai, hiệp phương sai; Các kiến thức về thống kê: Lý thuyết mẫu, lý thuyết ước lượng và kiểm định giả thiết thống kê.	3	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Học phần rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng vận dụng công cụ toán học để học tập nghiên cứu các vấn đề thuộc chuyên ngànhkinh tế xã hội - Kỹ năng khảo sát và giải quyết bài toán trong điều kiện ngẫu nhiên. - Vận dụng lý thuyết xác suất và thống kê để học tập các môn khác - Kỹ năng ứng dụng lý thuyết xác suất thống kê để giải quyết các vấn đề thực tế thuộc chuyên ngành kinh tếxã hội. Có thái độ chuyên cần, nghiêm túc, cẩn thận, chính xác..			
52	Triết học Mác - Lênin	+ Sinh viên nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác- Lênin; nắm được những nội dung cơ bản, hệ thống về triết học Mác- Lênin và vai trò của triết học trong đời sống xã hội. + Sinh viên từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất cho bản thân, làm nền tảng lí luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung của các môn học khác. + Sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để giải thích một số hiện tượng mang tính phổ biến diễn ra trong lĩnh vực tự nhiên, xã hội và tư duy. + Sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu Kinh tế chính trị Mác- Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, hiểu được cơ sở lý luận của Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng. + Sinh viên có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	3	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		+ Tăng cường bản lĩnh chính trị, tính chủ động, tự tin cho sinh viên, từng bước xây dựng, củng cố niềm tin vào con đường cách mạng mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã chọn, từ đó góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.			
53	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	+ Sinh viên xác định được đối tượng, mục đích, ý nghĩa và những yêu cầu về mặt phương pháp của môn học. + Người học nắm được một cách hệ thống kiến thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin bao gồm: Các khái niệm, phạm trù, quy luật kinh tế chủ yếu của kinh tế thị trường; Những vấn đề kinh tế - chính trị của thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam. + Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để học tập và nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn. + Người học nắm được một cách hệ thống kiến thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin bao gồm: Các khái niệm, phạm trù, quy luật kinh tế chủ yếu của kinh tế thị trường; Những vấn đề kinh tế - chính trị của thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam. + Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc đóng góp ý kiến xây dựng, bảo vệ, thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. + Người học hình thành được phẩm chất đạo đức cách mạng, lập trường chính trị tư tưởng vững vàng, có niềm tin vào sự nghiệp đổi mới đất nước.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
54	Tư tưởng Hồ chí Minh	+ Sinh viên xác định được đối tượng, mục đích, ý nghĩa và những yêu cầu về mặt phương pháp của môn học. Về kiến thức: + Sinh viên xác định được đối tượng, mục đích, ý nghĩa và những yêu cầu về mặt phương pháp của môn học.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		+ Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản vè khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. + Có khả năng tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác. + Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc đóng góp ý kiến xây dựng, bảo vệ, thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. + Sinh viên được nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.			
55	Lịch sử Đảng Cộng sản VN	Học phần này trang bị những kiến thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong các thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - nay). Trang bị những kiến thức cơ bản của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để học tập và nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn. Từ đó, phân	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		tích, lập luận để bảo vệ những quan điểm tư tưởng đúng đắn, phê phán, bác bỏ một cách có hiệu quả những tư tưởng, quan niệm sai lầm về lịch sử của Đảng. Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần. Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc đóng góp ý kiến xây dựng, bảo vệ, thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Tăng cường tính chủ động, tự tin trong việc tìm kiếm những tri thức khoa học mới, từ đó góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.			
56	Chủ nghĩa xã hội khoa học	+ Nghiên cứu môn học này nhằm giúp người học nắm được nắm được kiến thức cơ bản về sự ra đời; các giai đoạn phát triển; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận hợp thành Chủ nghĩa Mác - Lênin + Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nhận thức được những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu môn học + Học tập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học giúp cho sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết tình hình thực tiễn trong nước và thế giới trong bối cảnh đổi mới đất nước gắn với hội nhập khu vực và thế giới hiện nay. + Giúp cho sinh viên có khả năng vận dụng các tri thức của Chủ nghĩa xã hội khoa học vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước có liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta + Hình thành cho sinh viên thái độ chính trị vững vàng, tư tưởng đúng đắn về môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		+ Đồng thời, giúp cho sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về nền tảng tư tưởng của Đảng ta.			
57	Pháp luật đại cương	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: + Nhà nước (nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, chức năng, hình thức, kiểu nhà nước); nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; + Pháp luật (nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, vai trò, hình thức, kiểu pháp luật, quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý); + Một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; pháp chế XHCN; pháp luật về phòng chống tham nhũng. Người học có kỹ năng phân tích cơ cấu của quy phạm pháp luật; xác định hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật; phân tích cấu thành của quan hệ pháp luật; nhận biết hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý tương ứng. Người học vận dụng được kiến thức đã học để làm kiến thức nền phục vụ nghiên cứu một số môn học luật chuyên ngành trong chương trình đào tạo. Đồng thời, người học có kỹ năng thuyết trình về một vấn đề của pháp luật; có kỹ năng điều hành hoạt động nhóm, tham gia hoạt động nhóm; có kỹ năng ghi biên bản cuộc họp. Người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của môn học ứng dụng vào học tập và cuộc sống của bản thân; thấy được vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội, từ đó nâng cao ý thức thực hiện pháp luật, tuyên truyền ý thức thực hiện pháp luật với cộng đồng xung quanh. Đồng thời, người học biết cách tra cứu và tự cập nhật các văn bản pháp luật để phục vụ cho công việc và có ý thức tự điều chỉnh công việc của mình theo những quy định của pháp luật.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
58	Tin học cơ bản 1	Trang bị cho sinh viên các kiến thức đại cương về tin học, đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành; Nắm vững kiến thức cơ bản sử dụng máy tính điện tử, phần mềm hệ thống (Windows); Nắm vững nguyên tắc làm việc với phần mềm soạn thảo văn bản (Microsoft Word), phần mềm bảng tính (Microsoft Excel), phần mềm trình chiếu (Microsoft PowerPoint) Sinh viên sau khi học xong phải sử dụng thành thạo hệ điều hành Windows; Sử dụng thành thạo các phần mềm Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint để soạn thảo và trình bày văn bản nhanh chóng, đúng quy định, chuyên nghiệp và khoa học, thiết kế các trang bảng tính và sử dụng tốt các hàm thông dụng của Excel để tính toán, phân tích, tổng hợp dữ liệu (như bảng lương, bảng kế toán, bảng dự toán,…). Tạo một bài trình chiếu (quản lý các trang chiếu và tệp trình chiếu, đưa các đối tượng vào trang chiếu, tạo và quản lí các hiệu ứng, thực hiện trình chiếu...). Nhận thức được tầm quan trọng của việc áp dụng Tin học trong học tập cũng như trong công việc thực tế. Sinh viên phải lên lớp và làm các bài tập thực hành để nắm được các nội dung của học phần; nhiệt tình tham gia các buổi thảo luận, thực hành ở trên lớp.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
59	Tin học cơ bản 2	Nắm vững các kiến thức về: Cơ sở dữ liệu, Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Microsoft Access. Cách thức xây dựng, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu thông qua Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Microsoft Access.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Sinh viên sau khi học xong phải sử dụng thành thạo phần mềm Microsoft Access để xây dựng, quản lý và khai thác các cơ sở dữ liệu vừa và nhỏ. Có khả năng ứng dụng các lý thuyết đã học để tự xây dựng các bài toán quản lý trong thực tế cuộc sống. Nhận thức được tầm quan trọng của việc áp dụng Tin học trong học tập cũng như trong công việc thực tế. Rèn luyện sinh viên thành người có tính cẩn thận, có tác phong làm việc khoa học, chuẩn xác; có tư duy logic và khả năng quản lý tốt. Sinh viên phải lên lớp và làm các bài tập thực hành để nắm được các nội dung của học phần; nhiệt tình tham gia các buổi thảo luận, thực hành ở trên lớp.			
60	Soạn thảo văn bản	Nắm được các khái niệm, đặc điểm, chức năng và nội dung của văn bản; Trang bị những kiến thức cơ bản về văn bản nói chung và văn bản quản lý nhà nước nói riêng, phân loại văn bản quản lý nhà nước; Hiểu rõ và nắm vững kiến thức những yêu cầu về nội dung, thể thức, ngôn ngữ và văn phong của văn bản; đặc trưng và kỹ thuật soạn thảo một số loại văn bản hành chính thông thường. Sau khi học xong hoc phần này, sinh viên nhận biết về mục đích, ý nghĩa của việc sử dụng và ban hành văn bản; nắm rõ những yếu tố thuộc về thể thức và cơ cấu nội dung của một số văn bản hành chính nói chung và văn bản quản lý nhà nước nói riêng. Qua đó, sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức đã học để soạn thảo một số văn bản hành chính thông thường trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức. Đồng thời, sinh viên được trau dồi thêm các kỹ năng khác như: kĩ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm và sử dụng	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		công nghệ thông tin phục vụ việc tra cứu và soạn thảo một số văn bản một cách hoàn chỉnh. Qua môn học này, sinh viên thấy được vai trò ý nghĩa và tầm quan trọng của văn bản trong hoạt động quản lý của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp… Từ đó có động lực học tập và phấn đấu để trau dồi kiến thức và kỹ năng năng để áp dụng vào công việc sau khi ra trường.			
61	Phương pháp luận NCKH	+ Nghiên cứu môn học này nhằm giúp người học nắm được khái niệm, ý nghĩa của môn học; nắm được bản chất của khoa học, nghiên cứu khoa học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học, cách thức tiến hành nghiên cứu và trình bày một công trình khoa học (viết bài báo khoa học; tiểu luận, báo cáo thực tập và khóa luận tốt nghiệp…). + Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nhận thức được các nguyên tắc cơ bản của nhận thức luận khoa học, các quy luật tư duy của khoa học, các phương pháp dự báo khoa học và quản lý khoa học cũng như đảm bảo đạo đức của người làm khoa học. + Học tập môn khoa học bước đầu giúp sinh viên có kỹ năng xác định một đề tài nghiên cứu khoa học, đồng thời cũng hình thành và phát triển khả năng hiểu và phân tích, đánh giá một công trình nghiên cứu khoa học cụ thể. + Giúp cho sinh viên những bước cơ bản nhất để rèn luyện các kỹ năng tư duy, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tìm tài liệu và làm việc nhóm; phát triển kỹ năng nghiên cứu và đánh giá nghiên cứu khoa học. + Hình thành tinh thần yêu thích, ham mê khoa học, nghiên cứu khoa học, tăng cường tính chủ động, tự tin trong việc tìm kiếm những tri thức khoa học mới.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		+ Thái độ nghiêm túc, cầu thị, cẩn trọng trong nghiên cứu khoa học.			
62	Logic học	Học phần này trang bị cho sinh viên: - Khái niệm lôgíc học; định nghĩa khái niệm và đặc điểm chung của khái niệm, định nghĩa và phân chia khái niệm; phán đoán và hình thức ngôn ngữ của phán đoán, phán đoán đơn đặc tính và phán đoán phức; quy luật lôgíc cùng các yêu cầu của quy luật đồng nhất, quy luật cấm mâu thuẫn, quy luật loại trừ cái tứ ba, quy luật lý do đầy đủ; suy luận và đặc điểm bản chất của suy luật, suy luận trực tiếp và suy luận gián tiến, suy luận quy nạp và suy luận tương tự; chứng minh, bác bỏ và giả thuyết. - Có khả năng xây dựng được 1 định nghĩa khái niệm hoàn chỉnh dựa trên cơ sở nội hàm của khái niệm; thực hiện phân chia được khái niệm dựa trên cơ sở ngoại diên của khái niệm. Tìm và xác định được tính chu diên cũng như mối quan hệ giữa các phán đoán có cùng chủ từ, vị từ. Xây dựng được luận ba đoạn phù hợp với mỗi loại hình đảm bảo các quy luật của lôgíc, chuyển và đưa luận hai đoạn về luận ba đoạn hoàn chỉnh. - Chứng minh, bác bỏ và giả thuyết trong nghiên cứu các luận đề khoa học. Qua đó, sinh viên nắm được những nội dung cơ bản của logic học hình thức. Sinh viên có - Khả năng tư duy lôgíc đảm bảo tính hệ thống, chặt chẽ, khoa học và mang tính tất yếu.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		- Từng bước rèn luyện, nâng cao trình độ tư duy logic, tạo thói quen suy nghĩ, lập luận chặt chẽ, rõ ràng, có cơ sở, có hệ thống để đạt tới những tri thức chính xác, khách quan và khoa học. - Khả năng vận dụng các kiến thức đã học để học tập, nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn. - Kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần. - Có thái độ nghiêm túc, đúng đắn và khoa học về bản chất của các vấn đề lôgíc học. - Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu, phân tích, lập luận để bảo vệ những quan điểm tư tưởng đúng đắn, phê phán, bác bỏ một cách có hiệu quả những tư tưởng, quan niệm sai lầm, lối tư duy ngụy biện, tráo trở.			
63	Tâm lý học đại cương	Học phần này trang bị những kiến thức lý luận cơ bản về tâm lý học; khái niệm, đặc điểm, các quy luật của các quá trình tâm lý, trạng thái tâm lý và thuộc tính tâm lý; khái niệm, cấu trúc và các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển tâm lý người Trang bị những kiến thức nền quan trọng về tâm lý học để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành chuyên sâu và chuyên ngành liên quan. Vận dụng và rèn luyện cho sinh viên một số những hiểu biết, kĩ năng để các em vận dụng trong cuộc sống, công việc một cách hiệu quả Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
64	Tiếng Anh cơ bản 1	+ Nắm được kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp tiếng Anh: các thì của động từ; các trợ động từ…..	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		+ Nắm được lượng từ vựng căn bản thường gặp trong các đề thi TOEIC + Làm quen định dạng của bài thi TOEIC + Rèn luyện kĩ năng đọc hiểu và nghe hiểu + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng đọc hiểu những mẩu tin, thư, đơn giản. + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng nghe hiểu những ngôn ngữ nói giao tiếp hàng ngày. + Sinh viên có cái nhìn cụ thể hơn về dạng bài thi TOEIC, nắm bắt được kĩ năng làm bài để đạt được điểm cao nhất thông qua các bài luyện tập nghe và đọc hiểu. Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của tiếng Anh và cách làm dạng bài thi TOEIC			kết thúc học phần 60%
65	Tiếng Anh cơ bản 2	+ Nắm được kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp tiếng Anh: : mệnh đề quan hệ; trật tự từ; cấu trúc bị động… + Nắm được lượng từ vựng căn bản thường gặp trong bài thi + Làm quen định dạng của bài thi TOEIC + Rèn luyện kĩ năng đọc hiểu và nghe hiểu + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng đọc hiểu những mẩu tin, thư tín. + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng nghe hiểu những ngôn ngữ nói giao tiếp hàng ngày. + Người học làm quen và luyện tập dạng bài thi TOEIC, nắm bắt được kĩ năng làm bài để đạt được điểm cao nhất thông qua luyện Practice Test. Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của tiếng Anh và cách làm dạng bài thi TOEIC	3	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
66	Tiếng Anh chuyên ngành BHTC	+Trang bị cho sinh viên chuyên ngành Bảo hiểm các thuật ngữ tiếng Anh về chuyên ngành Tài chính-bảo hiểm + Ôn tập lại một số hiện tượng ngữ pháp. Cung cấp cho sinh viên ngành Tài chính- bảo hiểm các kỹ năng đọc hiểu và viết các thuật ngữ chuyên ngành Tài chính- bảo hiểm. Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của tiếng Anh chuyên ngành Tài chính-Bảo hiểm sử dụng trong nghề nghiệp tương lai.	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
67	Thể dục điền kinh	Hiểu được tầm quan trọng của học phần Thể dục - Điền kinh là môn thể thao nền tảng cho hoạt động thể lực và các môn thể thao khác. Nắm được kỹ thuật bài tập phát triển chung 13 động tác. Nắm được các kiến thức về kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bung, một số điều luật thi đấu cơ bản của nội dung nhảy cao. Có kỹ năng thực hiện bài tập phát triển chung 13 động tác. Thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bụng. Giáo dục phát triển các tố chất thể lực như: sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo khéo léo, hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cần thiết, bổ trợ và rèn luyện thể lực chuyên môn cho các môn thể thao khác. Sinh viên nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy định của Nhà trường và Bộ môn, tự giác, tích cực thực hiện các nội dung học tập trên lớp và bài tập thể lực, bài tập bổ trợ ở nhà. Sinh viên phải có thái độ học tập tích cực, chủ động. Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá của môn học	1	Học kỳ 1 và 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
68	Bóng chuyền 1	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng chuyền với sức khỏe con người.	1	Học kỳ 1 và 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng chuyền. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			kết thúc học phần 60%
69	Bóng chuyền 2	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng chuyền với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng chuyền. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng chuyền với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng chuyền.	1	Học kỳ 1 và 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			
70	Bóng rổ 1	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng rổ với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng rổ. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra	1	Học kỳ 1 và 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
71	Bóng rổ 2	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng rổ với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng rổ. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ, hình			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			
72	Cầu lông 1	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Cầu lông với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Cầu lông. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra	1	Học kỳ 1 và 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
73	Cầu lông 2	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Cầu lông với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Cầu lông. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội	1	Học kỳ 1 và 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			
74	Cờ vua 1	- Hiểu được tầm quan trọng của học phần cờ vua 1 là môn thể thao phát triển khả năng tính toán, tư duy, logic... - Nắm được kiến thức về nguồn gốc ra đời, lịch sử phát triên của môn cờ vua . - Nắm được cách chơi cờ, những tri thức cơ bản trong cờ vua) - Nắm được các kiến thức về giai đoạn tàn cuộc của ván đấu . Có kỹ năng thực hiện bài tập của giai đoạn tàn cuộc. Thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của giai đoạn tàn cuộc Giáo dục phát triển toàn diện đặc biệt là rèn luyện tính kiên trì, khả năng tuy duy, phát triển trí thông minh Sinh viên nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy định của nhà trường, tự giác, tích cực thực hiện các nội dung học tập trên lớp và bài tập ở nhà . Sinh viên phải có thái độ học tập tích cực, chủ động. Sinh viên tham gia đầy đủ 2 bài kiểm tra đánh giá kết thúc môn học cờ vua 1	1	Học kỳ 1 và 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
75	Cờ vua 2	Hiểu được tầm quan trọng của học phần cờ vua 2 là môn thể thao phát triển trí tuệ một cách toàn diện, rèn luyện trí nhớ, tư duy logic Nắm được kiến thức về nguồn gốc ra đời, lịch sử phát triên của môn cờ vua . Những tri thức trong cờ vua và các giai đoạn của tàn cuộc Nắm được các kiến thức về giai đoạn khai cuộc của ván đấu . Có kỹ năng thực hiện bài tập của giai đoạn khai cuộc.Thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của giai đoạn khai cuộc Giáo dục phát triển các tố chất thể lực như: sức nhanh, sức mạnh, sức	1	Học kỳ 1 và 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		bền, mềm dẻo, hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cần thiết, bổ trợ và rèn luyện thể lực chuyên môn cho các môn thể thao khác. Sinh viên nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy định của nhà trường và Bộ môn, tự giác, tích cực thực hiện các nội dung học tập trên lớp và bài tập ở nhà . Sinh viên phải có hái độ học tập tích cực, chủ động. Sinh viên tham gia đầy đủ các bài đánh giá			
76	Cờ vua 3	Hiểu được tầm quan trọng của học phần cờ vua 2 là môn thể thao nền tảng cho hoạt động thể lực và các môn thể thao khác. Nắm được kiến thức về nguồn gốc ra đời, lịch sử phát triên của môn cờ vua . Nắm được các kiến thức về giai đoạn trung cuộc của ván đấu . Có kỹ năng thực hiện bài tập của giai đoạn trung cuộc . Thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của giai đoạn trung cuộc Giáo dục phát triển các tố chất thể lực như: sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo, hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cần thiết, bổ trợ và rèn luyện thể lực chuyên môn cho các môn thể thao khác. Sinh viên nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy định của nhà trường và Bộ môn, tự giác, tích cực thực hiện các nội dung học tập trên lớp và bài tập ở nhà . Sinh viên phải có hái độ học tập tích cực, chủ động. Sinh viên phải tham gia đầy đủ 2 bài kiểm tra đánh giá kết thúc học phần cờ vua 3	1	Học kỳ 1 và 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
77	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: - Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc - Các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an	1	Học kỳ 1 và 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Cộng Sản Việt Nam	ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân để ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược dưới mọi hình thức, qui mô. - Thực hiện kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh; tìm hiểu về nghệ thuật quân sự từ khi có Đảng lãnh đạo và lịch sử truyền thống vẻ vang của Quân đội nhân dân Việt Nam; những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội. - Vận dụng những kiến thức đã học nhằm nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. - Hình thành tác phong kỷ luật, ý thức tập thể, phát huy trí tuệ tập thể trong học tập và thảo luận nhóm. - Phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng thu thập, xử lý thông tin trong học tập nghiên cứu của sinh viên về các nội dung chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế của Đảng và Nhà nước ta. - Có ý thức bảo vệ, truyền bá đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về Quốc phòng - An ninh. - Xây dựng niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, đấu tranh làm thất bại các luận điểm sai trái phản động bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN. - Có thái độ, nhận thức đầy đủ, đúng đắn về Nhiệm vụ của sinh viên đối với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của đất nước.			
78	Công tác quốc phòng an ninh	Học phần trang bị cho người học kiến thức về: - Phòng, chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. - Vấn đề dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch	1	Học kỳ 1 và 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội. - Những kiến thức cơ bản về an ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống; an toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; phòng, chống vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông; phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác góp phần bảo vệ an ninh quốc gia giữ gìn trật tự an toàn xã hội; bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa. - Góp phần phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng trong nghiên cứu, phân tích, tổng hợp của sinh viên về các nội dung; chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế của Đảng và Nhà nước ta; đề xuất các giải pháp thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước về quốc phòng, an ninh. - Hiểu thêm cách xây dựng và quy trình đánh giá kết quả học tập của môn học Giáo dục quốc phòng và An ninh, nâng cao khả năng làm việc độc lập của sinh viên. - Tăng cường kỹ năng trong thu thập, xử lý thông tin trước trong và sau mỗi bài học. - Nâng cao lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội nâng cao trách nhiệm của sinh viên, gương mẫu thực hiện đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước chủ động đấu tranh làm thất bại âm mưu chống phá của các thế lực thù địch, góp phần xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa. - Quán triệt sâu sắc đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và công tác quốc phòng,			

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		an ninh. - Hình thành nề nếp sinh hoạt, ý thức chấp hành kỷ luật nghiêm túc trong học tập. - Luôn tin tưởng, làm theo đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng. Không để các thế lực thù địch lôi kéo, dụ dỗ đi sai đường lối cách mạng Việt Nam.			
79	Quân sự chung	Học phần trang bị cho người học kiến thức: -Những nội dung cơ bản về quân sự, an ninh; hiểu biết về các quân, binh chủng trong quân đội, về các chế độ sinh hoạt, công tác trong ngày, tuần, nề nếp chính quy trong đơn vị quân đội; hiểu biết về bản đồ địa hình quân sự, vũ khí công nghệ cao và thi đấu ba môn quân sự phối hợp. -Lịch sử ra đời, truyền thống chiến đấu, lao động của các quân binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam, tác phong chính quy, nề nếp làm việc và kỹ năng phòng thủ dân sự khi có chiến tranh xảy ra, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa. Xây dựng tác phong, nề lối làm việc chính quy kỷ luật, lối sống giản dị, ngăn nắp; nâng cao lòng tự hào dân tộc, về quân đội anh hùng, từ đó xây dựng bản lĩnh, phẩm chất cách mạng cho mình, phấn đấu thực hiện tốt nhiện vụ học tập, công tác góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng của Đảng, của dân tộc trong giai đoạn cách mạng hiện nay. Nâng cao phẩm chất, đạo đức, lối sống, rèn luyện tính kỷ luật và tác phong chính quy từ đó hình thành lối sống và làm việc nghiêm túc; có kiến thức về quân sự chung, có thái độ nghiêm túc với việc xây dựng nền Quốc phòng toàn dân, An ninh nhân dân, sẵn sàng tham gia xây dựng quân đội khi tổ quốc cần.	1	Học kỳ 1 và 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

TT	Môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Hình thành nề nếp sinh hoạt, ý thức chấp hành kỷ luật, tác phong làm việc nghiêm túc phục vụ cho việc học tập và công tác sau này.			
80	Kỹ thuận chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: - Kiến thức về sử dụng súng tiểu liên AK (Tính năng cấu tạo, quy tắc sử dụng súng, lý thuyết ngắm bắn, đường ngắm, mục tiêu và những vấn đề ảnh hưởng đến phát bắn); lựu đạn (tính năng, cấu tạo và cách ném lựu đạn) - Người học hiểu được kỹ thuật chiến đấu của bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới); - Sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí thông thường như bắn súng tiểu liên AK, (trình tự các bước trong thực hành bắn, kỹ năng ngắm bắn...) - Sử dụng lựu đạn (quy tắc, chuẩn bị và thực hành ném lựu đạn); - - Vận dụng được trong luyện tập thực hành các động tác của chiến sĩ trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ cảnh giới. - Người học có thái độ đúng mức khi tiếp cận hoặc sử dụng các loại vũ khí đặc biệt là súng, đạn; có ý thức trách nhiệm khi làm nhiệm vụ liên quan đến ANCT, TTATXH và tham gia các hoạt động quân sự, an ninh; - Sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc - Rèn luyện tác phong của người chiến sĩ; hình thành nếp sống có kỷ luật (Quân trang, quân phục, đội hình, đội ngũ...), ý thức cộng đồng ở trường, lớp và khi ra công tác có thể làm lực lượng nòng cốt trong các nhiệm vụ quân sự, an ninh tại đơn vị cơ sở.	1	Học kỳ 1 và 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

Ngành Công nghệ thông tin

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1.	Toán rời rạc	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức, quy luật suy luận logic dùng trong cuộc sống và trong kỹ thuật máy tính. Hiểu và nắm được các kiến thức nền tảng về lý thuyết tập hợp; các phép tính tổ hợp, logic toán, các quy tắc suy diễn, các phương pháp chứng minh,… Hiểu và nắm được lý thuyết đồ thị và một số thuật toán. Trang bị cho sinh viên những kiến thức về Toán chuyên ngành công nghệ thông tin, cơ sở của Khoa học máy tính, Lập trình máy tính, Hệ thống máy tính, Các ứng dụng quan trọng của công nghệ thông tin…; Từ đó sinh viên có đủ kiến thức để có thể hiểu và ứng dụng được Học phần cung cấp cho sinh viên về Cơ sở toán học trong Khoa học máy tính. Kiến thức cơ bản của môn học là nền tảng cho nhiều lĩnh vực của khoa học máy tính bao gồm thiết kế hình thức cho các ngôn ngữ lập trình và các bộ biên dịch, xác thực các hệ thống và các chương trình máy tính, thiết kế và phân tích định lượng các thuật toán.... Sinh viên nắm được kiến thức về Đại số Logic; Hàm và thuật toán; Phép quy nạp và đệ quy, đếm các phần tử; Đồ thị, cây; Quan hệ. Sinh viên thành thạo các thuật toán để giải nhiều loại bài toán khác nhau, một số khái niệm quan trọng trong lý thuyết số- khoa học về các số nguyên và tính chất của chúng, một số thuật toán quan trọng liên quan đến các số nguyên; từ đó cung cấp cho sinh viên về lý thuyết đồ thị, các loại đồ thị và một đồ thị liên thông và không có chu trình đơn gọi là cây; cây thường được sử dụng trong tin học và dùng cây để xây dựng các thuật toán. Qua môn học này, sinh viên sử dụng được kỹ năng lập luận mang tính toán học, đặc biệt là cấu trúc rời rạc toán học và kỹ năng suy luận logic trong	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		việc học tập và giải quyết các bài toán cơ bản trong khoa học và kỹ thuật máy tính. Phát biểu, trình bày, mô tả một câu hỏi hoặc vấn đề thực tiễn bằng cách áp dụng ngôn ngữ hoặc các mô hình toán học rời rạc.			
2.	Nhập môn Công nghệ phần mềm	Sinh viên có kiến thức cơ bản, khái quát trong lĩnh vực công nghệ phần mềm: một số mô hình phát triển phần mềm, các giai đoạn trong quá trình xây dựng phần mềm. Nắm được nội dung và phương pháp làm việc trong các giai đoạn xây dựng hệ thống phần mềm và có khả năng áp dụng để xây dựng phần mềm ứng dụng có chất lượng. Có khả năng áp dụng các mô hình thiết kế hệ thống thích hợp cho từng sản phẩm cụ thể; sử dụng được thành thạo các CASE Tool để hỗ trợ quá trình phát triển phần mềm. Có khả năng phân tích, đánh giá ưu nhược của một sản phẩm phần mềm. Nhận thức được tầm quan trọng của việc áp dụng môn học trong công việc thực tế. Sinh viên rèn luyện tác phong làm việc khoa học, theo nhóm, có ý thức kỷ luật học tập, có tinh thần khám phá kiến thức.	3	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
3.	Cơ sở dữ liệu	Hiểu được mô hình dữ liệu, các khái niệm cơ bản của mô hình dữ liệu quan hệ: phụ thuộc hàm, bao đóng của các thuộc tính, khóa của quan hệ, phương pháp thiết kế cơ sở dữ liệu, ngôn ngữ thao tác dữ liệu; Sinh viên có khả năng thiết kế, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu để giải quyết các bài toán thực tế; sử dụng ngôn ngữ thao tác dữ liệu để quản trị một cơ sở dữ liệu, tối ưu hóa các truy vấn; Nghiêm túc, trách nhiệm, chủ động, tích cực, chăm chỉ, cẩn thận.	3	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
4.	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Hiểu và sử dụng được các cấu trúc dữ liệu, bao gồm: khái niệm, các tính chất, ưu điểm, hạn chế, tình huống sử dụng và các giải thuật liên quan của từng cấu trúc dữ liệu cụ thể; Cài đặt được các CTDL và giải thuật cơ bản đã được trình bày trong phần nội dung môn học bằng C/C++;	3		Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Phân tích được ưu điểm và hạn chế của các cấu trúc dữ liệu khác nhau, từ đó chọn lựa ra được cấu trúc dữ liệu và giải thuật phù hợp cho một ứng dụng cụ thể; Đọc hiểu tài liệu tham khảo tiếng Việt, tiếng Anh được cung cấp sẵn; Tổ chức làm việc nhóm, phân công công việc, kỹ năng trình bày và báo cáo.			
5.	Kỹ thuật số	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về các hệ thống số, mạch số và các linh kiện cơ bản trong hệ thống số. Nắm vững kiến thức về hàm logic, phương pháp biến đổi và xử lý các hệ thống số, phân tích và thiết kế mạch số như mạch logic, mạch tổ hợp, mạch tuần tự.. Nắm được nguyên lý của sự chuyển đổi số - tương tự và ngược lại Sinh viên sau khi học xong có khả năng sử dụng các linh kiện trong mạch số, ứng dụng thiết kế mạch số cho các hệ thống số. Nhận thức được tầm quan trọng của việc áp dụng môn học trong công việc thực tế. Sinh viên phải lên lớp và làm các bài tập ; rèn luyện tính nghiêm túc, tự nghiên cứu. Sinh viên nhiệt tình tham gia các buổi thảo luận trên lớp.	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
6.	Kiến trúc máy tính	Cung cấp cho sinh viên kiến thức chung về kiến trúc và tổ chức máy tính, sơ lược quá trình phát triển ngành công nghiệp máy tính. Cung cấp cho sinh viên kiến thức sâu hơn về các kiến trúc máy tính: các loại máy tính, tập lệnh, hệ thống phần cứng, đơn vị xử lý trung tâm, và một số kỹ thuật khác. Hướng dẫn cho sinh viên làm quen với cách phân tích và đánh giá hiệu năng của máy tính nói chung, xác định được ảnh hưởng khi một trong những yếu tố quan trọng trong kiến trúc thay đổi đến hiệu năng của máy tính, biết cách xây dựng giải pháp nâng cao hiệu năng tính toán tuỳ theo ngữ cảnh.	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
7.	Hệ điều hành	Trang bị cho sinh viên kiến thức kiến thức cơ bản về hệ điều hành, thành phần, nguyên lý xây dựng và các chức năng cơ bản của hệ điều hành;	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi

		Trang bị cho sinh viên kiến thức về nguyên lí hoạt động của các hệ điều hành; Cung cấp kiến thức về quản lý tiến trình trong máy tính, về các thuật toán điều độ tiến trình. Sinh viên có thể giải quyết các bài toán về quản lý bộ nhớ Sinh viên nắm vững cách tổ chức quản lý hệ thống file.			kết thúc học phần 60%
8.	Cơ sở lập trình	Trang bị cho sinh viên kiến thức kiến thức cơ bản giải thuật, thuật toán, cấu trúc dữ liệu, cấu trúc một chương trình dạng tuần tự. Sinh viên nắm vững lý thuyết về các kiểu dữ liệu của ngôn ngữ lập trình C Sinh viên có thể giải quyết các bài toán dùng các câu lệnh điều kiện. Sinh viên có thể giải quyết các bài toán về dùng câu lệnh có cấu trúc. Sinh viên nắm vững cách dùng dữ liệu mảng, xâu ký tự.	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
9.	Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin	Trang bị cho sinh viên chuyên ngành Công nghệ thông tin các thuật ngữ tiếng Anh về chuyên ngành Công nghệ thông tin. Cung cấp kỹ năng đọc và viết các thuật ngữ chuyên ngành Công nghệ thông tin. Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin sử dụng trong nghề nghiệp tương lai.	3	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
10.	Kỹ thuật vi xử lý	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về vi xử lý, lịch sử phát triển của hệ vi xử lý. Sinh viên hiểu, nhận biết được cấu trúc của các bộ vi xử lý và hệ vi xử lý 8 bit và 16 bit của Intel. Sinh viên có các kỹ năng làm việc với vi xử lý 8 bit và 16 bit như: lập trình hợp ngữ, tổ chức nhập xuất dữ liệu, xử lý ngắt … Hiểu về kỹ thuật vi điều khiển	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
11.	Đồ họa máy tính	Trang bị cho sinh viên kiến thức kiến thức cơ bản đồ về họa máy tính, các lĩnh vực của đồ họa, các ứng dụng của đồ hoạ máy tính phần cứng đồ họa. phần mềm đồ họa Sinh viên nắm vững lý thuyết về thuật toán đồ họa Sinh viên nắm vững lý thuyết và giải quyêt các bài toán về các phép biến đổi trong không gian 2 chiều, 3 chiều	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Sinh viên nắm vững lý thuyết và giải quyêt các bài toán về các mô hình đường cong, mặt cong Sinh viên nắm vững lý thuyết và cách chuyển đổi của các hệ màu trong màn hình đồ họa			
12.	Truyền thông đa phương tiện	Trang bị cho sinh viên kiến thức kiến thức cơ bản giải thuật, thuật toán, cấu trúc dữ liệu, cấu trúc một chương trình dạng tuần tự. Sinh viên nắm vững lý thuyết về các kiểu dữ liệu của ngôn ngữ lập trình C Sinh viên có thể giải quyết các bài toán dùng các câu lệnh điều kiện. Sinh viên có thể giải quyết các bài toán về dùng câu lệnh có cấu trúc. Sinh viên nắm vững cách dùng dữ liệu mảng, xâu ký tự.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
13.	Mạng máy tính và truyền số liệu	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về mạng máy tính và các giao thức truyền dữ liệu. Sinh viên hiểu, biết cách thiết kế, xây dựng một hệ thống mạng LAN. Sinh viên biết cách cài đặt, quản trị các tài khoản người dùng trong mạng LAN thông qua hệ điều hành Windows Server.	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
14.	Phân tích và thiết kế hệ thống	Trang bị cho sinh viên phương pháp và công cụ phân tích, thiết kế hệ thống. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về phân tích và thiết kế HTTT ứng dụng trong doanh nghiệp. Cung cấp cho sinh viên hai hướng tiếp cận trong phân tích, thiết kế là hướng cấu trúc và hướng đối tượng trong đó nhấn mạnh hướng tiếp cận phân tích, thiết kế một hệ thống theo hướng đối tượng Cung cấp cho sinh viên ngôn ngữ mô hình hóa UML, công cụ Rational Rose để sinh viên có thể áp dụng phân tích thiết kế một hệ thống thông tin cụ thể trong doanh nghiệp như quản lý bán hàng, quản lý thư việ điện tử, quản lý khách sạn, quản lý nhân sự, ... Học phần giúp cho sinh viên có kỹ năng ứng dụng các kiến thức về cơ sở dữ liệu, các kỹ năng phân tích, kỹ năng thiết kế để thực hiện phân tích thiết kế các hệ thống thông tin. Kỹ năng tư duy logic, kỹ năng đặt bài toán cho các tình huống thực tế, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình.	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Cần cù, tỉ mỉ, có tinh thần trách nhiệm cao, có khả năng làm việc độc lập cũng như khả năng hợp tác tốt với các thành viên khác khi làm việc theo nhóm. Sinh viên phải lên lớp và làm các bài tập thực hành để nắm được các nội dung của học phần; nhiệt tình tham gia các buổi thảo luận, thực hành ở trên lớp.			
15.	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	Trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quan về hệ quản trị cơ sở dữ liệu. Ưu, nhược điểm giữa một số hệ quản trị cơ sở dữ liệu điển hình. Thiết kế và quản trị cơ sở dữ liệu cho các bài toán thực tế dựa trên một hệ quản trị cơ sở dữ liệu cụ thể (MS SQL Server). Học phần giúp cho sinh viên có kỹ năng vận dụng được các kiến thức về cơ sở dữ liệu, hệ quản trị cơ sở dữ liệu vào thiết kế và quản trị các cơ sở dữ liệu trong thực tế. Kỹ năng tư duy logic, kỹ năng đặt bài toán cho các tình huống thực tế, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình. Cần cù, tỉ mỉ, có tinh thần trách nhiệm cao, có khả năng làm việc độc lập cũng như khả năng hợp tác tốt với các thành viên khác khi làm việc theo nhóm. Sinh viên phải lên lớp và làm các bài tập thực hành để nắm được các nội dung của học phần; nhiệt tình tham gia các buổi thảo luận, thực hành ở trên lớp.	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
16.	Lập trình hướng đối tượng	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về lập trình hướng đối tượng. Cung cấp cho sinh viên cách tiếp cận hướng đối tượng. Nắm vững các thành phần của lập trình hướng đối tượng, viết chương trình hướng đối tượng. Học phần giúp cho sinh viên: kiến thức phân tích và xây dựng chương trình theo tư duy hướng đối tượng, sử dụng được UML trong phân tích, thiết kế hướng đối tượng. Kỹ năng tư duy logic, kỹ năng đặt bài toán cho các tình huống thực tế, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Cần cù, tỉ mỉ, có tinh thần trách nhiệm cao, có khả năng làm việc độc lập cũng như khả năng hợp tác tốt với các thành viên khác khi làm việc theo nhóm. Thực hiện lập trình bằng ngôn ngữ C/C++ để tạo ra các chương trình hướng đối tượng theo đúng thiết kế.			
17.	Khai phá dữ liệu	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về khai phá dữ liệu. Cung cấp cho sinh viên kiến thức, quá trình khám phá tri thức. Nắm vững các giai đoạn chính của quá trình khai phá dữ liệu và khám phá tri thức. Ứng dụng các công cụ hỗ trợ, xây dựng các ứng dụng khai phá dữ liệu trong các bài toán chính như phân lớp, phân cụm, hồi quy, luật kết hợp,... Kỹ năng tư duy logic, kỹ năng đặt bài toán cho các tình huống thực tế, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình. Cần cù, tỉ mỉ, có tinh thần trách nhiệm cao, có khả năng làm việc độc lập cũng như khả năng hợp tác tốt với các thành viên khác khi làm việc theo nhóm. Sinh viên phải lên lớp và làm các bài tập thực hành để nắm được các nội dung của học phần; nhiệt tình tham gia các buổi thảo luận, thực hành ở trên lớp.	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
18.	Lập trình Java	Trang bị cho sinh viên kiến thức về phương pháp lập trình hướng đối tượng, sự khác biệt giữa lập trình hướng đối tượng và lập trình hướng thủ tục. Kiến thức về những đặc trưng, khái niệm cơ bản và nền tảng lập trình hướng đối tượng trên ngôn ngữ lập trình Java Kiến thức về những tính chất quan trọng trong lập trình hướng đối tượng trên nền tảng ngôn ngữ Java Khả năng lập trình hướng đối tượng với ngôn ngữ lập trình Java Có ý thức kỷ luật và chuyên nghiệp trong lập trình; có tính tự chủ và sáng tạo trong công việc xây dựng các ứng dụng thực tế theo phương pháp lập trình hướng đối tượng.	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Cần cù, tỉ mỉ, có tinh thần trách nhiệm cao, có khả năng làm việc độc lập cũng như khả năng hợp tác tốt với các thành viên khác khi làm việc theo nhóm. Sinh viên phải lên lớp và làm các bài tập thực hành để nắm được các nội dung của học phần; nhiệt tình tham gia các buổi thảo luận, thực hành ở trên lớp.			
19.	Lập trình PHP căn bản	Nắm vững một số kiến thức cơ bản về web tĩnh, web động, ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản HTML, ngôn ngữ kịch bản DHTML, ngôn ngữ lập trình web động PHP. Nâng cao hiểu biết về lập trình web, giúp sinh viên có khả năng đi sâu thêm vào các môn học chuyên ngành. Có thể áp dụng các kiến thức về phân tích thiết kế hệ thống, an toàn bảo mật thông tin, quản trị mạng để có thể tự tin xây dựng một ứng dụng website trên mạng. Làm việc kỷ luật, chính xác, có hệ thống.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
20.	Xử lý ảnh	Trang bị cho sinh viên phương pháp và công cụ xử lý ảnh số Trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên môn về xử lý ảnh số Trang bị sinh viên Khả năng phân tích, giải thích, tư duy và lập luận giải quyết các vấn đề cơ bản về xử lý ảnh số Kỹ năng tư duy logic, kỹ năng đặt bài toán cho các tình huống thực tế, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình. Khả năng áp dụng xử lý ảnh số để giải quyết các vấn đề liên quan đến xử lý anh số. Kỹ năng đọc tài liệu bằng tiếng Anh Cần cù, tỉ mỉ, có tinh thần trách nhiệm cao, có khả năng làm việc độc lập cũng như khả năng hợp tác tốt với các thành viên khác khi làm việc theo nhóm. Sinh viên phải lên lớp và làm các bài tập thực hành để nắm được các nội dung của học phần; nhiệt tình tham gia các buổi thảo luận, thực hành ở trên lớp.	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

21.	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin và các vấn đề an toàn, bảo mật trong hệ thống, các tài liệu về triển khai chương trình an toàn bảo mật hệ thống thông tin. Thông tin về tấn công và giải pháp kỹ thuật để đảm bảo an toàn mạng máy tính Giúp cho sinh viên có kỹ năng tìm hiểu tài liệu, phân tích các vấn đề về an toàn bảo mật của hệ thống, từ đó đưa ra mô hình đề xuất phương án giải quyết Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu của học phần	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
22.	Trí tuệ nhân tạo	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức nền tảng nhập môn trí tuệ nhân tạo, các phương pháp biểu diễn vấn đề, các phương pháp tìm kiếm, các phương pháp biểu diễn tri thức, các thuật toán suy diễn tự động, các phương pháp lập luận không chắc chắn. Sinh viên có khả năng áp dụng các kiến thức vào giải quyết các bài toán thực tế. Sinh viên biết cách đưa ra biểu diễn thích hợp cho 1 vấn đề cụ thể, biết cách biểu diễn tri thức và có thể đề xuất các phương pháp tìm kiếm, lập luận thích hợp. Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu của học phần	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
23.	Đề án chuyên ngành	Trang bị cho sinh viên các kiến thức, thông tin yêu cầu, đòi hỏi năng lực… về vị trí công tác mà sau khi ra trường dự kiến sẽ làm việc. Sinh viên biết tự xác định các bài toán ứng dụng thông qua các công việc trong thực tế, vận dụng sâu sắc những kiến thức chuyên môn vào công việc thực tế. Đặc biệt, sinh viên biết tự nghiên cứu, học tập để thích nghi với sự đòi hỏi của các vị trí công việc trong thực tế. Sinh viên được nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, các hoạt động liên quan đem lại hiệu quả nhóm. Sinh viên được hình thành và tăng cường các kỹ năng mềm khác như tác phong làm việc, phong cách giao tiếp...	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Sinh viên biết cách thuyết trình các vấn đề đã được tìm hiểu, biết truyền đạt ý muốn và biết đón nhận những ý kiến đóng góp từ người khác. Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu của học phần. Nhận thức được tác dụng của thời gian thực tập, sẽ giúp cho các sinh viên định hướng tốt hơn về việc lựa chọn nghề nghiệp trong tương lai, qua đó có thể điều chỉnh chiến lược học trong năm cuối một cách hiệu quả.			
24.	Chuyên đề tự chọn	Học phần này giúp sinh viên hiểu sâu hơn về những môn cơ sở của ngành Công nghệ thông tin, và áp dụng chúng vào giải quyết một số bài toán cụ thể. Học phần giúp cho sinh viên có kỹ năng tự nghiên cứu, đọc tài liệu, cách trình bày báo cáo, tiểu luận... Sinh viên được nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, các hoạt động liên quan đem lại hiệu quả nhóm. biết truyền đạt ý muốn và biết đón nhận những ý kiến đóng góp từ người khác. Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu của học phần.	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
25.	Quản trị mạng	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ sở về hệ thống mạng và quản trị hệ thống mạng máy tính và các tác vụ quản trị mạng trên môi trường mạng thực tế Sinh viên cần nắm vững các yêu cầu của người quản trị mạng, thực hiện thành thạo các thao tác quản trị trên các hệ thống mạng thông dụng, hiểu và tiếp cận được với các hệ thống mạng phát triển trong tương lai. Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu của học phần	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
26.	Quản lý dự án Công	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về dự án và dự án công nghệ thông tin. Giới thiệu các quy trình thực hiện quản lý dự án công nghệ thông tin.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi

	nghệ thông tin	Giúp cho sinh viên thực hiện các thao tác, quy trình quản lý dự án công nghệ thông tin bằng phần mềm Microsoft Project. Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu của học phần			kết thúc học phần 60%
27.	Kiểm thử phần mềm	Sinh viên phải xác định và trình bày lại được các khái niệm, thuật ngữ liên quan đến chất lượng phần mềm. Thiết lập được các chỉ tiêu về chất lượng phần mềm cần đạt được, các kỹ thuật đo lường và phân tích chất lượng quy trình, sản phẩm. Giải thích, so sánh được các phương pháp, kỹ thuật kiểm thử: khảo sát đặc tả và mã nguồn, kiểm thử hàm, kiểm thử dòng điều khiển, dòng dữ liệu, kiểm thử tích hợp, kiểm thử hệ thống, kiểm thử chấp nhận, kiểm thử hồi quy, kiểm thử mô hình. Vận dụng được các phương pháp, kỹ thuật kiểm thử phần mềm để lên kế hoạch kiểm thử, viết kịch bản kiểm thử, trường hợp kiểm thử nhằm đạt mục đích chất lượng đề ra. Sử dụng thành thạo một số công cụ phần mềm phục vụ cho môn học Làm quen và xây dựng kế hoạch kiểm thử, kịch bản và trường hợp kiểm thử Sinh viên có thể thực thi được các kịch bản, trường hợp kiểm thử. Có thái độ nghiêm túc, đúng đắn và khoa học về bản chất của các vấn đề trong xử lý lỗi cũng như kiểm thử phần mềm. Rèn luyện tính tự giác, trung thực và có trách nhiệm trong học tập	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
28.	Thiết kế Web	Hiểu về mạng Internet và dịch vụ Web hiệu chỉnh tối ưu hóa hình ảnh cho web; Có thể thực hiện được cách thức và qui trình tạo trang Web, công nghệ thiết kế. Xây dựng một trang Web; Biết cách sử dụng HTML cơ bản, cú pháp và các thành phần của tài liệu HTML; các phần tử HTML cơ bản, các phần tử HTML thông dụng. Định kiểu trang web với CSS;	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Học phần giúp cho sinh viên có kỹ năng: vận dụng quy trình, thực hiện thiết kế và hoàn chỉnh một Website. Hình thành đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với làm việc theo nhóm; Tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; nhận ra sự cần thiết phải tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu của công việc.			
29.	Lập trình PHP nâng cao	Có khả năng hiểu và nắm bắt được các thành phần của lập trình website. Có khả năng hiểu và nắm bắt được các mô hình và nguyên lý thiết kế website để có thể thiết kế, xây dựng các hệ thống thực tế. Có khả năng hiểu biết được các công nghệ phổ biến cũng như các công nghệ đang phát triển liên quan tới thiết kế website. Có khả năng nắm bắt, hiểu các kiến thức về các mô hình phát triển website khác nhau trên thực tế… Có kiến thức tổng quan về về HTML, CSS & Javascript, tạo website động SQL và MySQL. Phân tích được các ưu điểm của PHP so với HTML. Cài đặt, cấu hình được web server và PHP. Xây dựng website với các ngôn ngữ HTML, CSS, JavaScript, PHP và MySQL Phân tích, đánh giá được các mô hình của các phương pháp lập trình khác nhau với HTML, PHP và MySQL Thường xuyên, kiên trì học tập, hoàn thành các bài đọc, bài tập của mình. Xác định được vai trò và trách nhiệm của nhóm, đánh giá các điểm mạnh của thành viên nhóm. Xác định các mục tiêu và công việc cần làm, hoạch định và có chiến lược hoàn thiện hợp lý Áp dụng những lập luận để tìm ra được các phương án, mô hình phù hợp với yêu cầu đề ra.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

30.	Phát triển Web Back - End	Giải thích được cách thức hoạt động của ứng dụng web back-end trong lòng máy chủ web. Trình bày lại và giải thích được kiến trúc stateless, Restfull và statefull cũng như ưu và nhược điểm của các mô hình kiến trúc đó. Giải thích được các khái niệm session, cookie và vai trò của chúng trong phát triển ứng dụng web. Trình bày lại được khuôn dạng và ngữ nghĩa của các thành phần trong một yêu cầu gửi đến từ trình duyệt web. Trình bày lại và giải thích được vòng đời của một yêu cầu được gửi đến từ trình duyệt web. Giải thích được mô hình xử lý song song, đồng bộ và bất đồng bộ trong phát triển ứng dụng web back-end. Giải thích được các mô hình làm việc với hệ quản trị cơ sở dữ liệu. Trình bày lại được những vấn đề khi xây dựng các ứng dụng web back-end cỡ lớn. Xây dựng được những ứng dụng web back-end cỡ nhỏ có sử dụng các hệ cơ sở dữ liệu để lưu trữ các dữ liệu bền vững. Hình thành đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với làm việc theo nhóm. Tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; nhận ra sự cần thiết phải tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu của công việc.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
31.	Lập trình mạng	Nắm bắt, hiểu các kiến thức về các mô hình, giao thức mạng khác nhau trên thực tế. Có khả năng triển khai các ứng dụng mạng theo các yêu cầu cụ thể. Hình thành ý tưởng, xây dựng và quản lý các hệ thống CNTT Thiết kế dự án CNTT Triển khai kế hoạch/ dự án Công nghệ thông tin Trình bày được thủ tục xây dựng ứng dụng UDP Client/Server bằng System.NET.Sockets và java.net Trình bày được thủ tục xây dựng ứng dụng TCP Client/Server bằng System.NET.Sockets và java.net	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Kỹ thuật ứng dụng các lớp Helper trong System.NET.Sock Kỹ thuật chống mất gói tin trong ứng dụng truyền dữ liệu bằng UDP Kỹ thuật sử dụng luồng Thread trong ứng dụng TCP Server Viết được các ứng dụng truyền dữ liệu bằng UDP Viết được các ứng dụng truyền dữ liệu bằng TCP Viết được ứng dụng kiểm soát, quản lý mạng bằng ICMP Viết được ứng dụng phân tán sử dụng Java RMI Sử dụng thành thạo các Serializable Object để truyền dữ liệu qua mạng Sử dụng thành thạo các IOStream để gửi nhận dữ liệu qua Socket Hình thành kỹ năng tìm lỗi và xử lý lỗi trong quá trình phát triển các ứng dụng truyền dữ liệu qua mạng. Rèn luyện năng lực làm việc độc lập, tỉ mỉ chính xác, kỹ năng phân tích và tìm kiếm tài liệu. Hình thành đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với làm việc theo nhóm. Tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; nhận ra sự cần thiết phải tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu của công việc.			
32.	Linux và phần mềm mã nguồn mở	Tóm tắt, phân biệt được thế nào là phần mềm nguồn mở, các ưu và nhược điểm của phần mềm nguồn mở mang lại Tóm tắt được nội dung một số giấy phép phần mềm nguồn mở phổ biến; giải thích được tại sao phải tuân theo các quy định khi phát triển phần mềm nguồn mở Tóm tắt được các kiến thức cơ bản về hệ điều hành Linux, nhận định được các phần mềm ứng dụng và phần mềm dịch vụ cho Linux So sánh một số phần mềm nguồn mở tiêu biểu với các phần mềm nguồn đóng cùng loại. Sử dụng được ngôn ngữ lập trình PHP và hệ quản trị cơ sở MySQL để xây dựng và phát triển các ứng dụng trong thực tế.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Ứng dụng phân tích thiết kế hệ thống, kỹ năng lập trình trên ngôn ngữ nguồn mở PHP và hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL để xây dựng một ứng dụng thực tế. Triển khai ứng dụng đó trên một Web Server nguồn mở. Rèn luyện năng lực làm việc độc lập, tỉ mỉ chính xác, kỹ năng phân tích và tìm kiếm tài liệu. Tính tự giác, trung thực và có trách nhiệm trong học tập.			
33.	Phân tích và thiết kế hệ thống mạng	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về các thiết bị trên các tầng của mô hình mạng, hiểu biết các bước triển khai, xây dựng hệ thống mạng. Học phần giúp cho sinh viên làm quen với các thiết bị mạng, cách thức kết nối giữa các thiết bị, cấu hình hoạt động theo yêu cầu, thiết kế hệ thống mạng ứng dụng trong thực tế. Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu của học phần	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
34.	Điện toán đám mây	Trang bị cho sinh viên các kiến thức đại cương về khái niệm, đặc thù, cấu trúc thành phần, các lớp dịch vụ, loại đám mây. Nắm vững kiến thức cơ bản Biết mô hình SOA và tiềm năng của điện toán đám mây. Sinh viên sau khi học xong phải hiện thực được private cloud trên môi trường máy ảo. Sinh viên sau khoá học phải triển khai các dịch vụ điện toán đám mây. Sinh viên phải phát triển ứng dụng trên điện toán đám mây. Nhận thức được tầm quan trọng của điện toán đám mây. Sinh viên phải lên lớp và làm các bài tập thực hành để nắm được các nội dung của học phần; nhiệt tình tham gia các buổi thảo luận, thực hành ở trên lớp.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

35.	Thực tập cuối khóa	Giúp cho sinh viên có điều kiện tiếp cận với thực tế, đồng thời thực hiện nguyên lý giáo dục của Đảng "học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tế". Thông qua đợt thực tập tốt nghiệp giúp cho sinh viên nâng cao hơn nữa tay nghề về về kỹ năng lập trình, Công nghệ thông tin, một lần nữa qua thực tế sản xuất sinh viên sẽ hệ thống lại toàn bộ những nội dung đã được học trên ghế nhà trường. Qua thực tế nhằm nâng cao khả năng thực hành nghề nghiệp, rèn cho sinh viên tính chủ động trong công việc, đồng thời nhằm rèn luyện quan điểm lao động mới - lao động có kỷ luật, năng suất, chất lượng và hiệu quả. Hệ thống hoá những nội dung đã được tích luỹ để chuẩn bị thi tốt nghiệp, sẵn sàng hoà nhập cuộc sống tự lập và nghiên cứu sau này. Phân tích, đánh giá được kết quả các hoạt động của đơn vị thực tập: kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân, từ đó đề xuất với đơn vị những biện pháp để khắc phục hạn chế. Sau khi hoàn thành môn học, người học có khả năng thực hiện các kỹ năng chuyên sâu về CNTT. Cụ thể sinh viên sẽ được trải nghiệm, và có thể thực hiện tốt được ít nhất 2 trong số các kỹ năng sau: Kỹ năng thu thập, phân tích thông tin và xử lý dữ liệu Kỹ năng thiết kế, duy trì, bảo mật thông tin,... Kỹ năng tạo lập, khai thác thông tin. Kỹ năng lập kế hoạch . Kỹ năng làm việc nhóm. Kỹ năng tập huấn. Kỹ năng viết báo cáo. Kỹ năng lập trình. Sinh viên có thái độ nghiêm túc, có ý thức tổ chức, kỷ luật. Sinh viên biết vận dụng và phát triển hơn về các giá trị đạo đức nghề nghiệp. Sinh viên sẽ ý thức được việc tuân thủ các nguyên tắc đạo đức trong thực hành nghề nghiệp.	4	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
36.	Khóa luận tốt nghiệp	Giúp cho sinh viên có điều kiện tiếp cận với thực tế, đồng thời thực hiện nguyên lý giáo dục của Đảng "học đi đôi với hành, lý luận gắn liền với thực tế". Sinh viên biết tự nghiên cứu, học tập để thích nghi với sự đòi hỏi của các vị trí công việc trong thực tế.	6	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Sinh viên được nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, các hoạt động liên quan đem lại hiệu quả nhóm. Sinh viên được hình thành và tăng cường các kỹ năng mềm khác như tác phong làm việc, phong cách giao tiếp... Sinh viên biết cách thuyết trình các vấn đề đã được tìm hiểu, biết truyền đạt ý muốn và biết đón nhận những ý kiến đóng góp từ người khác. Qua thực tế nhằm nâng cao khả năng thực hành nghề nghiệp, rèn cho sinh viên tính chủ động trong công việc, đồng thời nhằm rèn luyện quan điểm lao động mới - lao động có kỷ luật, năng suất, chất lượng và hiệu quả. Hệ thống hoá những nội dung đã được tích luỹ để chuẩn bị thi tốt nghiệp, sẵn sàng hoà nhập cuộc sống tự lập và nghiên cứu sau này. Phân tích, đánh giá được kết quả các hoạt động của đơn vị: kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân, từ đó đề xuất với đơn vị những biện pháp để khắc phục hạn chế. Giúp cho sinh viên nâng cao tay nghề về về kỹ năng lập trình, Công nghệ thông tin Qua thực tế sản xuất sinh viên sẽ hệ thống lại toàn bộ những nội dung đã được học trên ghế nhà trường. Nhận thức được tác dụng của thời gian làm khóa luận, sẽ giúp cho các sinh viên định hướng tốt hơn về việc lựa chọn nghề nghiệp trong tương lai, qua đó có thể điều chỉnh chiến lược và định hướng nghề nghiệp một cách hiệu quả. Sau khi hoàn thành khóa luận tốt nghiệp, người học có khả năng thực hiện các kỹ năng chuyên sâu về CNTT: Kỹ năng lập trình. Kỹ năng thu thập, phân tích thông tin và xử lý dữ liệu. Kỹ năng thiết kế, duy trì, bảo mật thông tin,...Kỹ năng tạo lập, khai thác thông tin. Kỹ năng lập kế hoạch . Kỹ năng làm việc nhóm. Kỹ năng tập huấn. Kỹ năng viết báo cáo. Sinh viên có thái độ nghiêm túc, có ý thức tổ chức, kỷ luật. Sinh viên biết vận dụng và phát triển hơn về các giá trị đạo đức nghề nghiệp. Sinh viên sẽ ý thức được việc tuân thủ các nguyên tắc đạo đức trong thực hành nghề nghiệp.			

37.	Kiểm thử phần mềm	Sinh viên phải xác định và trình bày lại được các khái niệm, thuật ngữ liên quan đến chất lượng phần mềm. Thiết lập được các chỉ tiêu về chất lượng phần mềm cần đạt được, các kỹ thuật đo lường và phân tích chất lượng quy trình, sản phẩm. Giải thích, so sánh được các phương pháp, kỹ thuật kiểm thử: khảo sát đặc tả và mã nguồn, kiểm thử hàm, kiểm thử dòng điều khiển, dòng dữ liệu, kiểm thử tích hợp, kiểm thử hệ thống, kiểm thử chấp nhận, kiểm thử hồi quy, kiểm thử mô hình. Vận dụng được các phương pháp, kỹ thuật kiểm thử phần mềm để lên kế hoạch kiểm thử, viết kịch bản kiểm thử, trường hợp kiểm thử nhằm đạt mục đích chất lượng đề ra. Sử dụng thành thạo một số công cụ phần mềm phục vụ cho môn học Làm quen và xây dựng kế hoạch kiểm thử, kịch bản và trường hợp kiểm thử Sinh viên có thể thực thi được các kịch bản, trường hợp kiểm thử. Có thái độ nghiêm túc, đúng đắn và khoa học về bản chất của các vấn đề trong xử lý lỗi cũng như kiểm thử phần mềm. Rèn luyện tính tự giác, trung thực và có trách nhiệm trong học tập	3	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
38.	Thiết kế Web	Hiểu về mạng Internet và dịch vụ Web hiệu chỉnh tối ưu hóa hình ảnh cho web; Có thể thực hiện được cách thức và qui trình tạo trang Web, công nghệ thiết kế. Xây dựng một trang Web; Biết cách sử dụng HTML cơ bản, cú pháp và các thành phần của tài liệu HTML; các phần tử HTML cơ bản, các phần tử HTML thông dụng. Định kiểu trang web với CSS; Học phần giúp cho sinh viên có kỹ năng: vận dụng quy trình, thực hiện thiết kế và hoàn chỉnh một Website. Hình thành đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với làm việc theo nhóm;	3	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; nhận ra sự cần thiết phải tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu của công việc.			
39.	Lập trình PHP nâng cao	Có khả năng hiểu và nắm bắt được các thành phần của lập trình website. Có khả năng hiểu và nắm bắt được các mô hình và nguyên lý thiết kế website để có thể thiết kế, xây dựng các hệ thống thực tế. Có khả năng hiểu biết được các công nghệ phổ biến cũng như các công nghệ đang phát triển liên quan tới thiết kế website. Có khả năng nắm bắt, hiểu các kiến thức về các mô hình phát triển website khác nhau trên thực tế… Có kiến thức tổng quan về về HTML, CSS & Javascript, tạo website động SQL và MySQL. Phân tích được các ưu điểm của PHP so với HTML. Cài đặt, cấu hình được web server và PHP. Xây dựng website với các ngôn ngữ HTML, CSS, JavaScript, PHP và MySQL Phân tích, đánh giá được các mô hình của các phương pháp lập trình khác nhau với HTML, PHP và MySQL Thường xuyên, kiên trì học tập, hoàn thành các bài đọc, bài tập của mình. Xác định được vai trò và trách nhiệm của nhóm, đánh giá các điểm mạnh của thành viên nhóm. Xác định các mục tiêu và công việc cần làm, hoạch định và có chiến lược hoàn thiện hợp lý Áp dụng những lập luận để tìm ra được các phương án, mô hình phù hợp với yêu cầu đề ra.	3	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
40.	Phát triển Web Back - End	Giải thích được cách thức hoạt động của ứng dụng web back-end trong lòng máy chủ web. Trình bày lại và giải thích được kiến trúc stateless, Restfull và statefull cũng như ưu và nhược điểm của các mô hình kiến trúc đó. Giải thích được các khái niệm session, cookie và vai trò của chúng trong phát triển ứng dụng web.	3	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Trình bày lại được khuôn dạng và ngữ nghĩa của các thành phần trong một yêu cầu gửi đến từ trình duyệt web. Trình bày lại và giải thích được vòng đời của một yêu cầu được gửi đến từ trình duyệt web. Giải thích được mô hình xử lý song song, đồng bộ và bất đồng bộ trong phát triển ứng dụng web back-end. Giải thích được các mô hình làm việc với hệ quản trị cơ sở dữ liệu. Trình bày lại được những vấn đề khi xây dựng các ứng dụng web back-end cỡ lớn. Xây dựng được những ứng dụng web back-end cỡ nhỏ có sử dụng các hệ cơ sở dữ liệu để lưu trữ các dữ liệu bền vững. Hình thành đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với làm việc theo nhóm. Tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; nhận ra sự cần thiết phải tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu của công việc.			
41.	Lập trình mạng	Nắm bắt, hiểu các kiến thức về các mô hình, giao thức mạng khác nhau trên thực tế. Có khả năng triển khai các ứng dụng mạng theo các yêu cầu cụ thể. Hình thành ý tưởng, xây dựng và quản lý các hệ thống CNTT Thiết kế dự án CNTT Triển khai kế hoạch/ dự án Công nghệ thông tin Trình bày được thủ tục xây dựng ứng dụng UDP Client/Server bằng System.NET.Sockets và java.net Trình bày được thủ tục xây dựng ứng dụng TCP Client/Server bằng System.NET.Sockets và java.net Kỹ thuật ứng dụng các lớp Helper trong System.NET.Sock Kỹ thuật chống mất gói tin trong ứng dụng truyền dữ liệu bằng UDP Kỹ thuật sử dụng luồng Thread trong ứng dụng TCP Server Viết được các ứng dụng truyền dữ liệu bằng UDP Viết được các ứng dụng truyền dữ liệu bằng TCP Viết được ứng dụng kiểm soát, quản lý mạng bằng ICMP	3	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Viết được ứng dụng phân tán sử dụng Java RMI Sử dụng thành thạo các Serializable Object để truyền dữ liệu qua mạng Sử dụng thành thạo các IOStream để gửi nhận dữ liệu qua Socket Hình thành kỹ năng tìm lỗi và xử lý lỗi trong quá trình phát triển các ứng dụng truyền dữ liệu qua mạng. Rèn luyện năng lực làm việc độc lập, tỉ mỉ chính xác, kỹ năng phân tích và tìm kiếm tài liệu. Hình thành đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với làm việc theo nhóm. Tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; nhận ra sự cần thiết phải tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu của công việc.			
42.	Linux và phần mềm mã nguồn mở	Tóm tắt, phân biệt được thế nào là phần mềm nguồn mở, các ưu và nhược điểm của phần mềm nguồn mở mang lại Tóm tắt được nội dung một số giấy phép phần mềm nguồn mở phổ biến; giải thích được tại sao phải tuân theo các quy định khi phát triển phần mềm nguồn mở Tóm tắt được các kiến thức cơ bản về hệ điều hành Linux, nhận định được các phần mềm ứng dụng và phần mềm dịch vụ cho Linux So sánh một số phần mềm nguồn mở tiêu biểu với các phần mềm nguồn đóng cùng loại. Sử dụng được ngôn ngữ lập trình PHP và hệ quản trị cơ sở MySQL để xây dựng và phát triển các ứng dụng trong thực tế. Ứng dụng phân tích thiết kế hệ thống, kỹ năng lập trình trên ngôn ngữ nguồn mở PHP và hệ quản trị cơ sở dữ liệu MySQL để xây dựng một ứng dụng thực tế. Triển khai ứng dụng đó trên một Web Server nguồn mở. Rèn luyện năng lực làm việc độc lập, tỉ mỉ chính xác, kỹ năng phân tích và tìm kiếm tài liệu. Tính tự giác, trung thực và có trách nhiệm trong học tập.	3	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

43.	Phân tích và thiết kế hệ thống mạng	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về các thiết bị trên các tầng của mô hình mạng, hiểu biết các bước triển khai, xây dựng hệ thống mạng. Học phần giúp cho sinh viên làm quen với các thiết bị mạng, cách thức kết nối giữa các thiết bị, cấu hình hoạt động theo yêu cầu, thiết kế hệ thống mạng ứng dụng trong thực tế. Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu của học phần	3	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
44.	Điện toán đám mây	Trang bị cho sinh viên các kiến thức đại cương về khái niệm, đặc thù, cấu trúc thành phần, các lớp dịch vụ, loại đám mây. Nắm vững kiến thức cơ bản Biết mô hình SOA và tiềm năng của điện toán đám mây. Sinh viên sau khi học xong phải hiện thực được private cloud trên môi trường máy ảo. Sinh viên sau khoá học phải triển khai các dịch vụ điện toán đám mây. Sinh viên phải phát triển ứng dụng trên điện toán đám mây. Nhận thức được tầm quan trọng của điện toán đám mây. Sinh viên phải lên lớp và làm các bài tập thực hành để nắm được các nội dung của học phần; nhiệt tình tham gia các buổi thảo luận, thực hành ở trên lớp.	3	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
45.	Toán cao cấp 1	+ Học phần cung cấp cho sinh viên: - Các khái niệm: Ma trận, các phép toán, các phép biến đổi tuyến tính trên ma trận; Định thức; Hệ phương trình tuyến tính; Không gian vector; Mối liên hệ tuyến tính trong không gian vector. Cách tính định thức, tìm ma trận nghịch đảo, tìm nghiệm của hệ phương trình tuyến tính, tìm hạng, cơ sở của hệ véc tơ, cơ sở của không gian con R^n. Học phần giúp cho sinh viên có kỹ năng giải các bài tập về các kiến thức cơ bản được trang bị, kỹ năng tư duy logic.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Học phần giúp cho sinh viên có kỹ năng giải các bài tập về các kiến thức cơ bản được trang bị, kỹ năng tư duy logic, kỹ năng đặt bài toán cho các tình huống thực tế, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình.			
46.	Toán cao cấp 2	Học phần cung cấp cho sinh viên: - Các khái niệm: Dãy số, giới hạn của dãy số; Hàm số một biến số, giới hạn và tính liên tục của hàm số một biến số; Đạo hàm và vi phân của hàm số một biến số; Tích phân xác định và tích phân suy rộng; Hàm số hai biến số, giới hạn và tính liên tục của hàm hai biến số. Đạo hàm và vi phân của hàm số hai biến số, Cách tính đạo hàm riêng; Cách tìm cực trị của hàm số một biến số và hàm số hai biến số. Ứng dụng của đạo hàm và vi phân trong toán học: Tính giá trị gần đúng, tìm cực trị. Ứng dụng của đạo hàm trong phân tích kinh tế: Hệ số co dãn cung, cầu theo giá. Ứng dụng của đạo hàm riêngvà vi phân trong kinh tế học.Ứng dụng của cực trị trong bài toán tối ưu các trường hợp thực tiễn. Sinh viên có: -Kỹ năng trình bày các vấn đề hợp logic, dùng từ chính xác trong các mệnh đề.Kỹ năng tính đạo hàm, tính tích phân, tìm cực trị của hàm số một biến số và hai biến số. - Kỹ năng vận dụng các kết quả của toán học trong việc xây dựng và phân tích một số mô hình toán kinh tế đơn giản như: Mô hình cân bằng, Mô hình tối ưu,..... - Khả năng kết hợp, ứng dụng các kiến thức cơ bản vào kiến thức, kỹ năng chuyên ngành - Kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc theo nhóm Có thái độ nghiêm túc, đúng đắn và khoa học về bản chất của các vấn đề toán học, vấn đề vận dụng các kiến toán vào lĩnh vực kinh tế.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
47.	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Cung cấp cho người học cơ sở của lý thuyết xác suất và thống kê toán học với mục đích giúp người học có phương pháp, công cụ để học tập, nghiên cứu và giải quyết các bài toán thuộc chuyên ngành trong điều kiện ngẫu nhiên, bao gồm các kiến thức sau:	3	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		- Các kiến thức về lý thuyết xác suất: Phép thử, biến cố, xác suất của biến cố, biến ngẫu nhiên, biếnngẫu nhiênhai chiều và các đặc trưng kỳ vọng, phương sai, hiệp phương sai; Các kiến thức về thống kê: Lý thuyết mẫu, lý thuyết ước lượng và kiểm định giả thiết thống kê. Học phần rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng vận dụng công cụ toán học để học tập nghiên cứu các vấn đề thuộc chuyên ngànhkinh tế xã hội - Kỹ năng khảo sát và giải quyết bài toán trong điều kiện ngẫu nhiên. - Vận dụng lý thuyết xác suất và thống kê để học tập các môn khác - Kỹ năng ứng dụng lý thuyết xác suất thống kê để giải quyết các vấn đề thực tế thuộc chuyên ngành kinh tếxã hội. Có thái độ chuyên cần, nghiêm túc, cẩn thận, chính xác..			
48.	Triết học Mác - Lênin	+ Sinh viên nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác- Lênin; nắm được những nội dung cơ bản, hệ thống về triết học Mác- Lênin và vai trò của triết học trong đời sống xã hội. + Sinh viên từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất cho bản thân, làm nền tảng lí luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung của các môn học khác. + Sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để giải thích một số hiện tượng mang tính phổ biến diễn ra trong lĩnh vực tự nhiên, xã hội và tư duy. + Sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu Kinh tế chính trị Mác- Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, hiểu được cơ sở lý luận của Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng. + Sinh viên có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. + Tăng cường bản lĩnh chính trị, tính chủ động, tự tin cho sinh viên, từng bước xây dựng, củng cố niềm tin vào con đường cách mạng mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã chọn, từ đó góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.	3	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

49.	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	+ Sinh viên xác định được đối tượng, mục đích, ý nghĩa và những yêu cầu về mặt phương pháp của môn học. + Người học nắm được một cách hệ thống kiến thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin bao gồm: Các khái niệm, phạm trù, quy luật kinh tế chủ yếu của kinh tế thị trường; Những vấn đề kinh tế - chính trị của thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam. + Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để học tập và nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn. + Người học nắm được một cách hệ thống kiến thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin bao gồm: Các khái niệm, phạm trù, quy luật kinh tế chủ yếu của kinh tế thị trường; Những vấn đề kinh tế - chính trị của thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam. + Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc đóng góp ý kiến xây dựng, bảo vệ, thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. + Người học hình thành được phẩm chất đạo đức cách mạng, lập trường chính trị tư tưởng vững vàng, có niềm tin vào sự nghiệp đổi mới đất nước.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
50.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	+ Sinh viên xác định được đối tượng, mục đích, ý nghĩa và những yêu cầu về mặt phương pháp của môn học. Về kiến thức: + Sinh viên xác định được đối tượng, mục đích, ý nghĩa và những yêu cầu về mặt phương pháp của môn học. + Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản vè khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. + Có khả năng tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác. + Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc đóng góp ý kiến xây dựng, bảo vệ, thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		+ Sinh viên được nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.			
51.	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	Học phần này trang bị những kiến thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong các thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - nay). Trang bị những kiến thức cơ bản của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để học tập và nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn. Từ đó, phân tích, lập luận để bảo vệ những quan điểm tư tưởng đúng đắn, phê phán, bác bỏ một cách có hiệu quả những tư tưởng, quan niệm sai lầm về lịch sử của Đảng. Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần. Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc đóng góp ý kiến xây dựng, bảo vệ, thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Tăng cường tính chủ động, tự tin trong việc tìm kiếm những tri thức khoa học mới, từ đó góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
52.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	+ Nghiên cứu môn học này nhằm giúp người học nắm được nắm được kiến thức cơ bản về sự ra đời; các giai đoạn phát triển; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận hợp thành Chủ nghĩa Mác - Lênin + Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nhận thức được những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu môn học	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		+ Học tập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học giúp cho sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết tình hình thực tiễn trong nước và thế giới trong bối cảnh đổi mới đất nước gắn với hội nhập khu vực và thế giới hiện nay. + Giúp cho sinh viên có khả năng vận dụng các tri thức của Chủ nghĩa xã hội khoa học vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước có liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta + Hình thành cho sinh viên thái độ chính trị vững vàng, tư tưởng đúng đắn về môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học. + Đồng thời, giúp cho sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về nền tảng tư tưởng của Đảng ta.			
53.	Pháp luật đại cương	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: + Nhà nước (nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, chức năng, hình thức, kiểu nhà nước); nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; + Pháp luật (nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, vai trò, hình thức, kiểu pháp luật, quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý); + Một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; pháp chế XHCN; pháp luật về phòng chống tham nhũng. Người học có kỹ năng phân tích cơ cấu của quy phạm pháp luật; xác định hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật; phân tích cấu thành của quan hệ pháp luật; nhận biết hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý tương ứng. Người học vận dụng được kiến thức đã học để làm kiến thức nền phục vụ nghiên cứu một số môn học luật chuyên ngành trong chương trình đào tạo. Đồng thời, người học có kỹ năng thuyết trình về một vấn đề của pháp luật; có kỹ năng điều hành hoạt động nhóm, tham gia hoạt động nhóm; có kỹ năng ghi biên bản cuộc họp. Người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của môn học ứng dụng vào học tập và cuộc sống của bản thân; thấy được vai trò của pháp luật	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		trong đời sống xã hội, từ đó nâng cao ý thức thực hiện pháp luật, tuyên truyền ý thức thực hiện pháp luật với cộng đồng xung quanh. Đồng thời, người học biết cách tra cứu và tự cập nhật các văn bản pháp luật để phục vụ cho công việc và có ý thức tự điều chỉnh công việc của mình theo những quy định của pháp luật.			
54.	Tin học cơ sở	Trang bị cho sinh viên các kiến thức đại cương về tin học, đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành; Nắm vững kiến thức cơ bản sử dụng máy tính điện tử, phần mềm hệ thống (Windows); Nắm vững nguyên tắc làm việc với phần mềm soạn thảo văn bản (Microsoft Word), phần mềm bảng tính (Microsoft Excel), phần mềm trình chiếu (Microsoft PowerPoint) Sinh viên sau khi học xong phải sử dụng thành thạo hệ điều hành Windows; Sử dụng thành thạo các phần mềm Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint để soạn thảo và trình bày văn bản nhanh chóng, đúng quy định, chuyên nghiệp và khoa học, thiết kế các trang bảng tính và sử dụng tốt các hàm thông dụng của Excel để tính toán, phân tích, tổng hợp dữ liệu (như bảng lương, bảng kế toán, bảng dự toán,…). Tạo một bài trình chiếu (quản lý các trang chiếu và tệp trình chiếu, đưa các đối tượng vào trang chiếu, tạo và quản lí các hiệu ứng, thực hiện trình chiếu...). Nhận thức được tầm quan trọng của việc áp dụng Tin học trong học tập cũng như trong công việc thực tế. Sinh viên phải lên lớp và làm các bài tập thực hành để nắm được các nội dung của học phần; nhiệt tình tham gia các buổi thảo luận, thực hành ở trên lớp.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
55.	Nhập môn Công nghệ thông tin	Nắm vững các kiến thức cơ bản về CNTT và máy tính, các thành phần máy tính, hiểu cách lưu trữ thông tin trên máy tính, chuyển đổi giữa các hệ thống số, hiểu sơ lược về các hệ điều hành thông dụng; Nắm vững hệ điều hành Windows 7 và các thao tác trên hệ điều hành này, sử dụng các phần mềm tiện ích;	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Nắm vững kiến thức về mạng máy tính và Internet, các kỹ năng tìm kiếm thông tin trên Internet, cách thức cài đặt và sử dụng thư điện tử; Nắm vững vai trò, đặc điểm của các ngành nghề CNTT, hiểu các luật lệ và quy định sử dụng CNTT; Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình; tham gia có trách nhiệm trên không gian mạng.			
56.	Soạn thảo văn bản	Nắm được các khái niệm, đặc điểm, chức năng và nội dung của văn bản; Trang bị những kiến thức cơ bản về văn bản nói chung và văn bản quản lý nhà nước nói riêng, phân loại văn bản quản lý nhà nước; Hiểu rõ và nắm vững kiến thức những yêu cầu về nội dung, thể thức, ngôn ngữ và văn phong của văn bản; đặc trưng và kỹ thuật soạn thảo một số loại văn bản hành chính thông thường. Sau khi học xong hoc phần này, sinh viên nhận biết về mục đích, ý nghĩa của việc sử dụng và ban hành văn bản; nắm rõ những yếu tố thuộc về thể thức và cơ cấu nội dung của một số văn bản hành chính nói chung và văn bản quản lý nhà nước nói riêng. Qua đó, sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức đã học để soạn thảo một số văn bản hành chính thông thường trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức. Đồng thời, sinh viên được trau dồi thêm các kỹ năng khác như: kĩ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm và sử dụng công nghệ thông tin phục vụ việc tra cứu và soạn thảo một số văn bản một cách hoàn chỉnh. Qua môn học này, sinh viên thấy được vai trò ý nghĩa và tầm quan trọng của văn bản trong hoạt động quản lý của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp… Từ đó có động lực học tập và phấn đấu để trau dồi kiến thức và kỹ năng năng để áp dụng vào công việc sau khi ra trường.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
57.	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	+ Nghiên cứu môn học này nhằm giúp người học nắm được khái niệm, ý nghĩa của môn học; nắm được bản chất của khoa học, nghiên cứu khoa học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học, cách thức tiến hành nghiên cứu và trình bày một công trình khoa học (viết bài báo khoa học; tiểu luận, báo cáo thực tập và khóa luận tốt nghiệp…).	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		+ Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nhận thức được các nguyên tắc cơ bản của nhận thức luận khoa học, các quy luật tư duy của khoa học, các phương pháp dự báo khoa học và quản lý khoa học cũng như đảm bảo đạo đức của người làm khoa học. + Học tập môn khoa học bước đầu giúp sinh viên có kỹ năng xác định một đề tài nghiên cứu khoa học, đồng thời cũng hình thành và phát triển khả năng hiểu và phân tích, đánh giá một công trình nghiên cứu khoa học cụ thể. + Giúp cho sinh viên những bước cơ bản nhất để rèn luyện các kỹ năng tư duy, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tìm tài liệu và làm việc nhóm; phát triển kỹ năng nghiên cứu và đánh giá nghiên cứu khoa học. + Hình thành tinh thần yêu thích, ham mê khoa học, nghiên cứu khoa học, tăng cường tính chủ động, tự tin trong việc tìm kiếm những tri thức khoa học mới. + Thái độ nghiêm túc, cầu thị, cẩn trọng trong nghiên cứu khoa học.			
58.	Tâm lý học đại cương	Học phần này trang bị những kiến thức lý luận cơ bản về tâm lý học; khái niệm, đặc điểm, các quy luật của các quá trình tâm lý, trạng thái tâm lý và thuộc tính tâm lý; khái niệm, cấu trúc và các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển tâm lý người Trang bị những kiến thức nền quan trọng về tâm lý học để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành chuyên sâu và chuyên ngành liên quan. Vận dụng và rèn luyện cho sinh viên một số những hiểu biết, kĩ năng để các em vận dụng trong cuộc sống, công việc một cách hiệu quả Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
59.	Tiếng Anh cơ bản 1	+ Nắm được kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp tiếng Anh: các thì của động từ; các trợ động từ….. + Nắm được lượng từ vựng căn bản thường gặp trong các đề thi TOEIC + Làm quen định dạng của bài thi TOEIC	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		+ Rèn luyện kĩ năng đọc hiểu và nghe hiểu + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng đọc hiểu những mẩu tin, thư, đơn giản. + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng nghe hiểu những ngôn ngữ nói giao tiếp hàng ngày. + Sinh viên có cái nhìn cụ thể hơn về dạng bài thi TOEIC, nắm bắt được kĩ năng làm bài để đạt được điểm cao nhất thông qua các bài luyện tập nghe và đọc hiểu. Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của tiếng Anh và cách làm dạng bài thi TOEIC			
60.	Tiếng Anh cơ bản 2	+ Nắm được kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp tiếng Anh: : mệnh đề quan hệ; trật tự từ; cấu trúc bị động… + Nắm được lượng từ vựng căn bản thường gặp trong bài thi + Làm quen định dạng của bài thi TOEIC + Rèn luyện kĩ năng đọc hiểu và nghe hiểu + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng đọc hiểu những mẩu tin, thư tín. + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng nghe hiểu những ngôn ngữ nói giao tiếp hàng ngày. + Người học làm quen và luyện tập dạng bài thi TOEIC, nắm bắt được kĩ năng làm bài để đạt được điểm cao nhất thông qua luyện Practice Test. Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của tiếng Anh và cách làm dạng bài thi TOEIC	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
61.	Thể dục - Điền kinh	Hiểu được tầm quan trọng của học phần Thể dục - Điền kinh là môn thể thao nền tảng cho hoạt động thể lực và các môn thể thao khác. Nắm được kỹ thuật bài tập phát triển chung 13 động tác. Nắm được các kiến thức về kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bung, một số điều luật thi đấu cơ bản của nội dung nhảy cao. Có kỹ năng thực hiện bài tập phát triển chung 13 động tác. Thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bụng.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Giáo dục phát triển các tố chất thể lực như: sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo khéo léo, hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cần thiết, bổ trợ và rèn luyện thể lực chuyên môn cho các môn thể thao khác. Sinh viên nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy định của Nhà trường và Bộ môn, tự giác, tích cực thực hiện các nội dung học tập trên lớp và bài tập thể lực, bài tập bổ trợ ở nhà. Sinh viên phải có thái độ học tập tích cực, chủ động. Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá của môn học			
62.	Bóng chuyền 1	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng chuyền với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng chuyền. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
63.	Bóng chuyền 2	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng chuyền với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng chuyền. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng chuyền với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng chuyền. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			
64.	Bóng rổ 1	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng rổ với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng rổ. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
65.	Bóng rổ 2	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng rổ với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng rổ. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			
66.	Cầu lông 1	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Cầu lông với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Cầu lông. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
67.	Cầu lông 2	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Cầu lông với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Cầu lông. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
68.	Cờ vua 1	- Hiểu được tầm quan trọng của học phần cờ vua 1 là môn thể thao phát triển khả năng tính toán, tư duy, logic... - Nắm được kiến thức về nguồn gốc ra đời, lịch sử phát triên của môn cờ vua . - Nắm được cách chơi cờ, những tri thức cơ bản trong cờ vua) - Nắm được các kiến thức về giai đoạn tàn cuộc của ván đấu . Có kỹ năng thực hiện bài tập của giai đoạn tàn cuộc. Thực hành và thể hiện	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		được những yêu cầu chính của giai đoạn tàn cuộc Giáo dục phát triển toàn diện đặc biệt là rèn luyện tính kiên trì, khả năng tuy duy, phát triển trí thông minh Sinh viên nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy định của nhà trường, tự giác, tích cực thực hiện các nội dung học tập trên lớp và bài tập ở nhà . Sinh viên phải có thái độ học tập tích cực, chủ động. Sinh viên tham gia đầy đủ 2 bài kiểm tra đánh giá kết thúc môn học cờ vua 1			
69.	Cờ vua 2	Hiểu được tầm quan trọng của học phần cờ vua 2 là môn thể thao phát triển trí tuệ một cách toàn diện, rèn luyện trí nhớ, tư duy logic Nắm được kiến thức về nguồn gốc ra đời, lịch sử phát triên của môn cờ vua . Những tri thức trong cờ vua và các giai đoạn của tàn cuộc Nắm được các kiến thức về giai đoạn khai cuộc của ván đấu . Có kỹ năng thực hiện bài tập của giai đoạn khai cuộc.Thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của giai đoạn khai cuộc Giáo dục phát triển các tố chất thể lực như: sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo, hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cần thiết, bổ trợ và rèn luyện thể lực chuyên môn cho các môn thể thao khác. Sinh viên nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy định của nhà trường và Bộ môn, tự giác, tích cực thực hiện các nội dung học tập trên lớp và bài tập ở nhà . Sinh viên phải có hái độ học tập tích cực, chủ động. Sinh viên tham gia đầy đủ các bài đánh giá	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
70.	Cờ vua 3	Hiểu được tầm quan trọng của học phần cờ vua 2 là môn thể thao nền tảng cho hoạt động thể lực và các môn thể thao khác. Nắm được kiến thức về nguồn gốc ra đời, lịch sử phát triên của môn cờ vua . Nắm được các kiến thức về giai đoạn trung cuộc của ván đấu . Có kỹ năng thực hiện bài tập của giai đoạn trung cuộc . Thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của giai đoạn trung cuộc Giáo dục phát triển các tố chất thể lực như: sức nhanh, sức mạnh, sức bền,	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		mềm dẻo, hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cần thiết, bổ trợ và rèn luyện thể lực chuyên môn cho các môn thể thao khác. Sinh viên nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy định của nhà trường và Bộ môn, tự giác, tích cực thực hiện các nội dung học tập trên lớp và bài tập ở nhà . Sinh viên phải có hái độ học tập tích cực, chủ động. Sinh viên phải tham gia đầy đủ 2 bài kiểm tra đánh giá kết thúc học phần cờ vua 3			
71.	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng Sản Việt Nam	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: - Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc - Các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân để ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược dưới mọi hình thức, qui mô. - Thực hiện kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh; tìm hiểu về nghệ thuật quân sự từ khi có Đảng lãnh đạo và lịch sử truyền thống vẻ vang của Quân đội nhân dân Việt Nam; những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội. - Vận dụng những kiến thức đã học nhằm nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. - Hình thành tác phong kỷ luật, ý thức tập thể, phát huy trí tuệ tập thể trong học tập và thảo luận nhóm. - Phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng thu thập, xử lý thông tin trong học tập nghiên cứu của sinh viên về các nội dung chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế của Đảng và Nhà nước ta. - Có ý thức bảo vệ, truyền bá đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về Quốc phòng - An ninh. - Xây dựng niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, đấu tranh làm thất bại các luận điểm sai trái phản động bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.	3	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		- Có thái độ, nhận thức đầy đủ, đúng đắn về Nhiệm vụ của sinh viên đối với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của đất nước.			
72.	Công tác quốc phòng an ninh	Học phần trang bị cho người học kiến thức về: - Phòng, chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. - Vấn đề dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội. - Những kiến thức cơ bản về an ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống; an toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; phòng, chống vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông; phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác góp phần bảo vệ an ninh quốc gia giữ gìn trật tự an toàn xã hội; bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa. - Góp phần phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng trong nghiên cứu, phân tích, tổng hợp của sinh viên về các nội dung; chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế của Đảng và Nhà nước ta; đề xuất các giải pháp thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước về quốc phòng, an ninh. - Hiểu thêm cách xây dựng và quy trình đánh giá kết quả học tập của môn học Giáo dục quốc phòng và An ninh, nâng cao khả năng làm việc độc lập của sinh viên. - Tăng cường kỹ năng trong thu thập, xử lý thông tin trước trong và sau mỗi bài học. - Nâng cao lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội nâng cao trách nhiệm của sinh viên, gương mẫu thực hiện đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước chủ động đấu tranh làm thất bại âm mưu chống phá của các thế lực thù địch, góp phần xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa. - Quán triệt sâu sắc đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và công tác quốc phòng, an ninh.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		- Hình thành nề nếp sinh hoạt, ý thức chấp hành kỷ luật nghiêm túc trong học tập. - Luôn tin tưởng, làm theo đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng. Không để các thế lực thù địch lôi kéo, dụ dỗ đi sai đường lối cách mạng Việt Nam.			
73.	Quân sự chung	Học phần trang bị cho người học kiến thức: -Những nội dung cơ bản về quân sự, an ninh; hiểu biết về các quân, binh chủng trong quân đội, về các chế độ sinh hoạt, công tác trong ngày, tuần, nề nếp chính quy trong đơn vị quân đội; hiểu biết về bản đồ địa hình quân sự, vũ khí công nghệ cao và thi đấu ba môn quân sự phối hợp. -Lịch sử ra đời, truyền thống chiến đấu, lao động của các quân binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam, tác phong chính quy, nề nếp làm việc và kỹ năng phòng thủ dân sự khi có chiến tranh xảy ra, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa. Xây dựng tác phong, nề lối làm việc chính quy kỷ luật, lối sống giản dị, ngăn nắp; nâng cao lòng tự hào dân tộc, về quân đội anh hùng, từ đó xây dựng bản lĩnh, phẩm chất cách mạng cho mình, phấn đấu thực hiện tốt nhiện vụ học tập, công tác góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng của Đảng, của dân tộc trong giai đoạn cách mạng hiện nay. Nâng cao phẩm chất, đạo đức, lối sống, rèn luyện tính kỷ luật và tác phong chính quy từ đó hình thành lối sống và làm việc nghiêm túc; có kiến thức về quân sự chung, có thái độ nghiêm túc với việc xây dựng nền Quốc phòng toàn dân, An ninh nhân dân, sẵn sàng tham gia xây dựng quân đội khi tổ quốc cần. Hình thành nề nếp sinh hoạt, ý thức chấp hành kỷ luật, tác phong làm việc nghiêm túc phục vụ cho việc học tập và công tác sau này.	1	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
74.	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: - Kiến thức về sử dụng súng tiểu liên AK (Tính năng cấu tạo, quy tắc sử dụng súng, lý thuyết ngắm bắn, đường ngắm, mục tiêu và những vấn đề ảnh hưởng đến phát bắn); lựu đạn (tính năng, cấu tạo và cách ném lựu đạn) - Người học hiểu được kỹ thuật chiến đấu của bộ binh, chiến thuật từng	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới); - Sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí thông thường như bắn súng tiểu liên AK, (trình tự các bước trong thực hành bắn, kỹ năng ngắm bắn...) - Sử dụng lựu đạn (quy tắc, chuẩn bị và thực hành ném lựu đạn); - - Vận dụng được trong luyện tập thực hành các động tác của chiến sĩ trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ cảnh giới. - Người học có thái độ đúng mức khi tiếp cận hoặc sử dụng các loại vũ khí đặc biệt là súng, đạn; có ý thức trách nhiệm khi làm nhiệm vụ liên quan đến ANCT, TTATXH và tham gia các hoạt động quân sự, an ninh; - Sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc - Rèn luyện tác phong của người chiến sĩ; hình thành nếp sống có kỷ luật (Quân trang, quân phục, đội hình, đội ngũ...), ý thức cộng đồng ở trường, lớp và khi ra công tác có thể làm lực lượng nòng cốt trong các nhiệm vụ quân sự, an ninh tại đơn vị cơ sở.			

Ngành Công tác xã hội

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1.	Tổ chức hoạt động văn hóa quần chúng và truyền thông	Học phần này trang bị cho người học kiến thức về văn hóa, tổ chức hoạt động văn hóa và công tác truyền thông, cơ sở hình thành, nhận thức được quá trình tổ chức hoạt động văn hóa tại địa phương, cũng như vai trò nền tảng của văn hóa trong sự phát triển bền vững của xã hội. Người học xây dựng được kỹ năng tìm kiếm, thu thập thông tin và xử lý tư liệu. người học có thể tổ chức các hoạt động văn hóa , thông tin tuyên truyền tại cộng đồng Sau khi kết thúc môn học,người học có khả năng tư duy logic, có thái độ	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		tích cực, trong giao tiếp, trong cuộc sống, tự rèn luyện để phát triển nhân cách của bản thân và độc lập nghiên cứu một vấn đề văn hóa nói riêng và các vấn đề khoa học xã hội nói chung.			
2.	Giới và phát triển	Định nghĩa được những khái niệm cơ bản về giới, cách tiếp cận nghiên cứu giới và phát triển, vấn đề giới trong một số lĩnh vực của đời sống xã hội, hiểu được bộ máy thực thi bình đẳng giới ở Việt Nam, hiểu được ý nghĩa của lồng ghép giới trong các chương trình, chính sách, dự án phát triển,... làm cơ sở tiếp thu các môn khoa học Chuyên môn và vận dụng vào việc thực hành công tác xã hội chuyên nghiệp. Phân tích được kỹ năng lồng ghép giới, có khả năng vận dụng các tri thức về giới và phát triển vào cuộc sống, học tập, giao tiếp, tự rèn luyện, tự giáo dục để phát triển nhân cách của bản thân. Rèn luyện kỹ năng phân tích vấn đề giới trong hoạt động truyền thông, trong chương trình, chính sách xã hội Chấp nhận các quan điểm giới trong quá trình thực hành Công tác xã hội chuyên nghiệp, phê phán quan điểm mang tính định kiến giới trong cuộc sống và thực hành CTXH	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
3.	Đại cương văn hóa Việt Nam	Người học trình bày được các khái niệm, thuật ngữ về Văn hóa . Người học giải thích được những kiến thức cơ bản và có hệ thống về cơ sở hình thành, quá trình hình thành và các đặc trưng cơ bản của văn hóa Việt Nam. Phân biệt được những nét riêng, độc đáo làm nên bản sắc văn hóa truyền thống Việt Nam. Giải thích được vai trò nền tảng của văn hóa trong sự phát triển bền vững của xã hội. Người học vận dụng kỹ năng tìm kiếm, thu thập thông tin và xử lý tư liệu. Rèn luyện khả năng tư duy logic, các kỹ năng phân tích, suy luận, hệ thống hoá, khái quát trong việc nghiên cứu một vấn đề văn hóa nói riêng và các vấn đề khoa học xã hội nói chung. Người học biết tôn trọng và tự hào, từ đó có ý thức gìn giữ, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Có ý thức tôn trọng các nền văn hóa khác, biết tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		để làm giàu cho vốn văn hóa truyền thống. Củng cố và nâng cao vốn văn hóa cho bản thân, xây dựng lối sống lành mạnh nhằm góp phần hoàn thiện tâm hồn, nhân cách để trở thành những con người phát triển toàn diện, hài hòa, tạo nền tảng và động lực cho sự phát triển bền vững của xã hội. Cótrách nhiệm của mộtcông dân với xã hội; Có sức khỏe tốt để làm việc, năng động và bản lĩnh, luôn sẵn sàng làm việc trong điều kiện môi trường công việc với áp lực cao cùng tinh thần luôn cầu tiến và ham học hỏi.			
4.	Hành vi con người và môi trường xã hội	Người học định nghĩa được khái niệm hành vi con người, môi trường; giải thích được các cách tiếp cận nghiên cứu HVCN&MTXH, đặc điểm tâm lý, hành vi của con người ở các giai đoạn phát triển lứa tuổi, sự tác động của MTXH tới con người ở các giai đoạn phát triển lứa tuổi. Có kỹ năng vận dụng các lý thuyết trong giáo dục thay đổi hành vi, Biết phân tích tâm lý, hành vi con người ở các giai đoạn lứa tuổi, biết tạo ra các môi trường thuận lợi cho việc điều chỉnh hành vi; Có thái độ tích cực, lạc quan khi nhìn nhận, đánh giá hành vi con người, về các mối quan hệ người- người và về hành vi của chính bản thân mình. Tuân thủ pháp luật, tuân thủ các quy định chung của Nhà Trường và các quy định riêng của học phần do giảng viên phụ trách đưa ra.	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
5.	Tâm lý học đại cương	Học phần này trang bị những kiến thức lý luận cơ bản về tâm lý học; khái niệm, đặc điểm, các quy luật của các quá trình tâm lý, trạng thái tâm lý và thuộc tính tâm lý; khái niệm, cấu trúc và các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển tâm lý người Có kỹ năng vận dụng những kiến thức nền quan trọng về tâm lý học để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần Chuyên ngành chuyên sâu và Chuyên ngành liên quan. Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần Tuân thủ pháp luật, các quy định chung của nhà trường và các quy định riêng của học phần do GV phụ trách đưa ra	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

6.	Tâm lý học xã hội	+ Trình bày được các nội dung cơ bản về các hiện tượng tâm lý xã hội; các quy luật hình thành, diễn biến và phát triển của các hiện tượng tâm lý xã hội. +Phân loại được các hiện tượng tâm lý xã hội của nhóm, của tập thể, của cộng đồng, dân tộc + Biết cách giải thích quá trình nảy sinh, diến biến và phát triển của các hiện tượng tâm lý xã hội + Có khả năng lập kế hoạch làm việc với các nhóm xã hội; có khả năng thu thập và xử lý thông tin từ góc độ TLHXH. + Có khả năng phân tích các hiện tượng tâm lý xã hội và giải quyết vấn đề nảy sinh trong các nhóm xã hội - Sinh viên có thái độ thân thiện, không kỳ thị trong quá trình tiếp cận, hỗ trợ các nhóm xã hội khác nhau	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
7.	Nhập môn An sinh xã hội	Học phần giúp học người học nắm được các học thuyết cơ bản về ASXH, lịch sử hình thành ASXH trên thế giới, các khái niệm, thuật ngữ về ASXH, một số khái niệm, thuật ngữ liên quan và các mối quan hệ của ASXH, trang bị những kiến thức cơ bản và có hệ thống về ASXH; Phân biệt được những nét riêng của mô hình ASXH Việt Nam với mô hình các quốc gia trên thế giới; Mô tả được các Thể chế tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về ASXH và các vấn đề liên quan đến tổ chức thực hiện chính sách ASXH. Học phần giúp người học phát triển kỹ năng tìm kiếm, thu thập và xử lý thông tin; Rèn luyện kỹ năng phân tích, suy luận, hệ thống hoá, khái quát các khái niệm, quan điểm về ASXH; Sau khi kết thúc môn học, người học có thể áp dụng kỹ năng phân tích, hệ thống hóa, khái quát vào quá trình tổ chức thực hiện chính sách ASXH ở nước ta. Vận dụng linh hoạt các kiến thức về an sinh xã hội vào quá trình hỗ trợ các dịch vụ an sinh xã hội với các nhóm đối tượng. Học phần nhằm hình thành ở người học ý thức, thái độ tôn trọng và tự hào về truyền thống cha ông, từ đó có ý thức gìn giữ, bảo tồn và phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta như “Uống nước nhớ nguồn” ,“Tương thân tương ái”; tích cực tham gia thực hiện chính sách an sinh và	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		các hoạt động tương trợ cộng đồng khác.			
8.	Chính sách xã hội	Môn học sẽ giúp học người học hiểu được những khái niệm cơ bản về chính sách của Nhà nước, chính sách xã hội, hoạch định, tổ chức thực hiện và phân tích chính sách ở Việt Nam; nắm được những nội dung cơ bản của quá trình hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách xã hội; những yêu cầu đặt ra đối với các hoạt động hoạch định và tổ chức thực hiện chính sách từ đó phát huy vai trò phản biện chính sách, góp phần triển khai thực hiện chính sách trong cuộc sống. Kiến thức về phân tích chính sách giúp người học thực hiện được vai trò phản biện xã hội thông qua việc đánh giá được các tác động đa chiều của một số chính sách xã hội chủ yếu ở Việt Nam hiện nay. Môn học giúp người học phát triển kỹ năng tư duy, sáng tạo, phân tích suy luận thông qua việc nghiên cứu quy trình hoạch định và tổ chức thực hiện một chính sách xã hội cụ thể. Thông qua việc am hiểu về quy trình phân tích chính sách, người học có khả năng đánh giá được các tác động đa chiều của một số chính sách xã hội chủ yếu ở Việt Nam hiện nay. Học phần giúp người học phát huy vai trò phản biện chính sách, góp phần triển khai thực hiện chính sách trong cuộc sống. Người học từ việc hiểu về quá trình hoạch định chính sách, tổ chức thực hiện chính sách xã hội sẽ hình thành thái độ hợp tác trong việc triển khai tổ chức thực hiện các chính sách xã hội có liên quan.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
9.	Trợ giúp xã hội	Môn học sẽ giúp học người học nắm vững các khái niệm, thuật ngữ về Trợ giúp xã hội; những kiến thức cơ bản và có hệ thống về cơ sở hình thành, quá trình hình thành và các đặc trưng bản sắc của trợ giúp xã hội tại Việt Nam. Sau khi kết thúc môn học, người học có thể vận dụng các kiến thức đã học để phân tích, giải thích và đánh giá các hiện tượng, các vấn đề trợ giúp xã hội đã và đang diễn ra trong thực tiễn. Học phần giúp người học phát triển kỹ năng tìm kiếm, thu thập thông tin và xử lý tư liệu. Rèn luyện khả năng tư duy logic, các kỹ năng phân tích, suy luận, hệ thống hoá, khái quát trong việc nghiên cứu các hoạt động trợ giúp xã hội.	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Sau khi kết thúc học phần, người học có thể vận dụng các kiến thức đã học để phân tích, giải thích và đánh giá các hiện tượng, các vấn đề trợ giúp xã hội đã và đang diễn ra trong thực tiễn. Môn học nhằm hình thành ở người học ý thức, thái độ về phát huy truyền thống hoạt động trợ giúp xã hội; Trân trọng hoạt động trợ giúp xã hội dành cho người yếu thế, người không may rơi vào cảnh rủi ro làm nguy hại đến cuộc sống hiện tại và tương lai; Cư xử đúng mực trong hoạt động trợ giúp xã hội.			
10.	Ưu đãi xã hội	Định nghĩa được các khái niệm, thuật ngữ về chính sách Ưu đãi Xã hội;Diễn đạt và giải thích được quan điển của Đảng và Nhà nước về chính sách Ưu đãi Xã hội; Vận dụng để thực hiện chính sách về: nội dung, nguyên tắc, thể chế, tổ chức thực hiện chính sách Ưu đãi Xã hội ở Việt Nam;Phân biệt được những đặc điểm riêng của chính sách xuất phát từ lịch sử đấu tranh của dân tộc;Giải thích được vị trí và vai trò của chính sách trong việc đảm bảo an ninh quốc gia. Môn học giúp người học phát triển kỹ năng tìm kiếm, thu thập thông tin và xử lý tư liệu. Rèn luyện khả năng tư duy logic, các kỹ năng phân tích, suy luận, hệ thống hoá, khái quát trong việc nghiên cứu các chính sách ưu đãi xã hội. Môn học nhằm hình thành ở người học ý thức, thái độ về phát huy truyền thống đấu tranh của dân tộc; Cư xử đúng mực trong tổ chức, thực hiện chính sách ưu đãi xã hội.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
11.	Xã hội học đại cương	Người học nhận biết những kiến thức và phương pháp cơ bản về lịch sử hình thànhvà phát triển, các khái niệm, phạm trù, phương pháp và các lĩnh vực nghiên cứu của xã hội học. Trang bị những kiến thức nền quan trọng về XHH để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần Chuyên môn chuyên sâu và Chuyên môn liên quan. Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học để đạt được mục tiêu học tập học phần. Tuân thủ pháp luật, tuân thủ các quy định chung của nhà trường, và các	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		quy định riêng của học phần do giảng viên phụ trách đưa ra. Hình thành thái độ khách quan khoa học đối với những vấn đề trong đời sống xã hội			
12.	Xã hội học chuyên biệt	Trang bị kiến thức lý luận về xã hội học chuyên biệt, nhận biết được tầm quan trọng kiến thức về các nội dung của xã hội học chuyên biệt và những bài học thực tiễn cho người học về các vấn đề xã hội. Trang bị cho sinh viên những kiến thức về xã hội học nông thôn, xã hội học đô thị, xã hội học giáo dục và xã hội học sai lệch xã hội, xã hội học tôn giáo Vận dụng kiến thức cơ bản về của xã hội học chuyên biệt và các vấn đề có thể gặp phải để các em vận dụng trong cuộc sống, công việc và học tập một cách hiệu quả. Hình thành thái độ tích cực, linh hoạt trước những vấn đề khó khăn trong cuộc sống, biết cách đối mặt với những rủi ro để tìm ra cách giải quyết vấn đề phù hợp.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
13.	Pháp luật các vấn đề xã hội	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản của pháp luật về các vấn đề xã hội: + Pháp luật về lao động, việc làm. + Pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng, pháp luật về trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật. + Pháp luật về phòng, chống mại dâm, ma túy, mê tín dị đoan và xử lý đánh bạc trái phép. Người học nắm bắt và vận dụng được kiến thức đã học giải quyết các vấn đề về lao động - việc làm; thực thi chính sách, pháp luật ưu đãi đối với người có công với cách mạng; thực hiện pháp luật về trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật; vận dụng các quy định pháp luật vào giải quyết các vấn đề xã hội như mại dâm, ma túy, mê tín, dị đoan, đánh bạc trái phép. Người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của học phần ứng dụng vào học tập và cuộc sống của bản thân. Đồng thời, người học thấy được	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		vai trò của pháp luật nói chung và pháp luật về các vấn đề xã hội nói riêng trong đời sống xã hội. Trên cơ sở đó, người học vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống cụ thể trong công việc, đóng góp vào việc xây dựng chính sách pháp luật, cũng như nâng cao ý thức thực hiện pháp luật về các vấn đề xã hội. Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về các vấn đề xã hội với cộng đồng xung quanh.			
14.	Gia đình học	- Trang bị kiến thức lý luận về gia đình học, nhận biết được tầm quan trọng kiến thức về gia đình học và những bài học thực tiễn cho người học về các vấn đề của gia đình. - Trang bị cho sinh viên những kiến thức về chức năng gia đình, sự biến đổi của gia đình và những vấn đề của gia đình... - Vận dụng kiến thức cơ bản về gia đình và các vấn đề mà gia đình có thể gặp phải để các em vận dụng trong cuộc sống, công việc và học tập một cách hiệu quả. - Hình thành thái độ tích cực, linh hoạt trước những vấn đề khó khăn trong cuộc sống, biết cách đối mặt với những rủi ro để tìm ra cách giải quyết vấn đề phù hợp.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
15.	Điều tra xã hội học	Người học nhận biết được các kiến thức cơ bản và khái niệm về ĐTXHH, mô tả và diễn đạt được một số kỹ thuật thu thập thông tin trong ĐTXHH như: Phỏng vấn, quan sát, phân tích tài liệu và quy trình thực hiện một cuộc ĐTXHH. Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học vào thực tiễn nghề nghiệp và đời sống. Tuân thủ pháp luật, tuân thủ các quy định chung của nhà trường, và các quy định riêng của học phần do giảng viên phụ trách đưa ra. Hình thành thái độ khách quan khoa học, đối với những vấn đề trong đời sống xã hội.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
16.	Xã hội học văn hóa	Người học định nghĩa được con người, văn hóa, chỉ ra một số hướng tiếp cận trong nghiên cứu xã hội học văn hóa, các yếu tố cơ bản của văn hóa,	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi

		các hình thức tồn tại của văn hóa trong đời sống xã hội, tính quy luật trong sự vận hành và phát triển của văn hóa…. làm cơ sở tiếp thu các môn khoa học Chuyên môn và vận dụng vào việc thực hành công tác xã hội chuyên nghiệp Phân tích được các tri thức về văn hóa vào cuộc sống, học tập, giao tiếp, tự rèn luyện, tự giáo dục để phát triển nhân cách của bản thân. Sử dụng kỹ năng phân tích vấn đề văn hóa trong trong thực hành công tác xã hội Chấp nhận sự khác biệt về giá trị đối với những vấn đề văn hóa trong đời sống các cộng đồng. Hợp tác trong quá trình thực hành Công tác xã hội chuyên nghiệp			kết thúc học phần 60%
17.	Kỹ năng sống	- Trang bị kiến thức lý luận về kỹ năng sống, tầm quan trọng và lợi ích của việc giáo dục kỹ năng sống và những bài học thực tiễn cho người học về một số kỹ năng sống cơ bản. - Trang bị cho sinh viên những kiến thức về cách thức tổ chức và các phương pháp thực hiện việc các hoạt động tập huấn, giảng dạy lý thuyết kỹ năng sống. - Vận dụng và rèn luyện cho sinh viên một số kỹ năng sống cơ bản để các em vận dụng trong cuộc sống, công việc và học tập một cách hiệu quả. - Hình thành ở sinh viên cách thức tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống. - Có khả năng vận dụng các kỹ năng thúc đẩy sự tương tác, khích lệ và xử lý mâu thuẫn khi hỗ trợ và làm việc với các nhóm có nhu cầu; - Có kỹ năng về tư duy độc lập, tư duy hệ thống và tư duy phản biện, linh hoạt trong việc triển khai các hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực công tác xã hội nói chung; - Tuân thủ pháp luật, tuân thủ các quy định chung của Nhà Trường và các quy định riêng của học phần do giảng viên phụ trách đưa ra. - Có thái độ đạo đức nghề nghiệp luôn đặt lợi ích của thân chủ lên hàng đầu	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

18.	Kỹ năng giao tiếp	- Trang bị kiến thức lý luận về kỹ năng giao tiếp, đặc trưng cơ bản và liệt kê được tên các yếu tố tham gia vào quá trình giao tiếp,qua đó nắm rõ bản chất xã hội của hoạt động giao tiếp, các hình thức khi giao tiếp - Trang bị cho sinh viên những kiến thức về những kỹ năng, nguyên tắc giao tiếp cơ bản - Vận dụng và rèn luyện các kỹ năng vào cuộc sống: tự nhận thức bản thân đúng đắn, thuyết trình trước đám đông, quan sát, lắng nghe, phản hồi và đặt câu hỏi khi giao tiếp… - Hình thành ở sinh viên cách thức tổ chức các hoạt động giao tiếp, lạc quan khi nhìn nhận con người, về các mối quan hệ người- người và về chính bản thân mình đối với những biểu hiện đa dạng của đời sống tâm lý con người - Tuân thủ pháp luật, tuân thủ các quy định chung của Nhà trường và các quy định riêng của học phần do giảng viên phụ trách đưa ra.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
19.	Nhập môn Công tác xã hội	Sinh viên hiểu và nắm được những kiến thức cơ bản nền tảng của Công tác xã hội như: khái niệm, mục đích, chức năng; các quan điểm giá trị, nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức của công tác xã hội; các cơ quan tổ chức và những lĩnh vực thực hành của Công tác xã hội cũng như lĩnh vực, cơ quan tham gia quản lý, cung cấp dịch vụ xã hội. Sinh viên có khả năng phân tích được giá trị, triết lý, đạo đức nghề nghiệp trong quá trình giúp đỡ cá nhân, nhóm, cộng đồng sau này. Đồng thời giúp sinh viên nghiên cứu, học tập và vận dụng kiến thức về nhập môn công tác xã hội để làm việc một cách hiệu quả với cá nhân, nhóm, cộng đồng. Sinh viên có khả năng vận dụng được các nguyên tắc thực hành, nhiệm vụ vai trò của người nhân viên xã hội, quy định đạo đức nghề nghiệp. Bên cạnh đó có khả năng xem xét vấn đề của thân chủ cần sự trợ giúp của những cơ quan tổ chức nào để từ đó có cơ sở đưa ra các hỗ trợ phù hợp nhất cho thân chủ và vấn đề của họ. Sinh viên có trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp, luôn đặt lợi ích của thân	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		chủ lên hàng đầu, luôn tâm huyết trong công việc và sẵn sàng làm việc trong môi trường áp lực cao và luôn cầu tiến , nâng cao trình độ chuyên môn.			
20.	Lý thuyết Công tác xã hội	Sinh viên hiểu và nắm được tầm quan trọng của lý thuyết trong công tác xã hội. Ngoài ra sinh viên sẽ phân tích được những kiến thức của các lý thuyết can thiệp chung trong công tác xã hội, các lý thuyết về giai đoạn phát triển của con người cũng như thuyết can thiệp về hành vi người. Sinh viên có khả năng vận dụng được những lý thuyết trong quá trình giúp đỡ các đối tượng sau này. Đồng thời giúp sinh viên nghiên cứu, học tập và vận dụng kiến thức về các lý thuyết để làm việc một cách hiệu quả với cá nhân, gia đình và cộng đồng Sinh viên có trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp, luôn đặt lợi ích của thân chủ lên hàng đầu, luôn tâm huyết trong công việc và sẵn sàng làm việc trong môi trường áp lực cao và luôn cầu tiến , nâng cao trình độ chuyên môn.	3	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
21.	Phương pháp nghiên cứu trong Công tác xã hội	Sinh viên hiểu và nắm được các phương pháp luận nhận thức CTXH đối với các vấn đề của CTXH; , nắm được cách phát hiện, xác định và lựa chọn một vấn đề nghiên cứu trong CTXH, hiểu được bản chất của việc thao tác hóa các khái niệm của đề tài, các kiến thức cần thiết để hình thành bộ công cụ cho việc thu thập thông tin thực nghiệm nhằm giải quyết vấn đề đặt ra trong một đề tài nhất định. Sinh viên có khả năng vận dụng được các phương pháp nghiên cứu công tác xã hội trong quá trình xác định vấn đề , tìm giải pháp trợ giúp cá nhân, nhóm, cộng đồng sau này. Đồng thời giúp sinh viên nghiên cứu, học tập và vận dụng kiến thức về phương pháp nghiên cứu công tác xã hội để làm việc một cách hiệu quả với cá nhân, nhóm và cộng đồng Sinh viên có khả năng phân tích và vận dụng được vấn đề trong công tác xã hội, thiết kế chương trình nghiên cứu trong Công tác xã hội. Nắm bắt và thực hành được các kỹ năng liên quan đến việc xây dựng bộ công cụ cho	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		việc thu thập thông tin, phân tích thông tin, trình bày báo cáo và thiết kế nghiên cứu trong CTXH. Sinh viên có trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp, luôn đặt lợi ích của thân chủ lên hàng đầu, luôn tâm huyết trong công việc và sẵn sàng làm việc trong môi trường áp lực cao và luôn cầu tiến , nâng cao trình độ chuyên môn.			
22.	Công tác xã hội cá nhân và gia đình	Sinh viên hiểu và nắm được các kiến thức cơ bản về công tác xã hội cá nhân như khái niệm, lịch sử hình thành của Công tác xã hội cá nhân, vai trò chức năng của nhân viên xã hội, tiến trình làm việc với cá nhân, những kiến thức về các kĩ năng/kĩ thuật tác nghiệp trong công tác xã hội cá nhân. Về công tác xã hội với gia đình như khái niệm, những lĩnh vực thực hành trong công tác xã hội với gia đình, tiến trình làm việc với gia đình theo cấp độ nhu cầu, một số kĩ năng trong công tác xã hội với gia đình. Sinh viên có khả năng phân tích được giá trị làm việc với công tác xã hội cá nhân và gia đình trong quá trình giúp đỡ cá nhân và gia đình sau này. Đồng thời giúp sinh viên nghiên cứu, học tập và vận dụng kiến thức về công tác xã hội cá nhân và gia đình để làm việc một cách hiệu quả với cá nhân và gia đình. Sinh viên có khả năng vận dụng được các kỹ năng làm việc với cá nhân và gia đình như: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lắng nghe tích cực, thấu cảm, phản hồi, ……các kỹ năng làm việc với gia đình như vãng gia, biện hộ, tham vấn gia đình, kỹ năng tổ chức cuộc họp gia đình. Đồng thời tiếp cận và vận dụng được các mô hình/chiến lược và kĩ thuật can thiệp khác nhau trong quá trình giúp đỡ cá nhân và gia đình. Sinh viên có trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp, luôn đặt lợi ích của thân chủ lên hàng đầu, luôn tâm huyết trong công việc và sẵn sàng làm việc trong môi trường áp lực cao và luôn cầu tiến , nâng cao trình độ chuyên môn.	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
23.	Công tác xã hội nhóm	Người học hiểu và nắm được phương pháp làm nhóm việc bao gồm: Khái niệm công tác xã hội với nhóm, lịch sử hình thành, mục đích, giá trị, các mô hình CTXH nhóm, phân loại nhóm, các giai đoạn phát triển của nhóm,	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi

		tiến trình khi làm việc với nhóm, các kỹ năng và kỹ thuật nhằm hỗ trợ người học tổ chức các buổi sinh hoạt nhóm hiệu quả. Trang bị cho người học các kỹ năng và kỹ thuật trong làm việc với nhóm. Qua học phần người học có khả năng vận dụng được các kỹ năng, kỹ thuật trong tổ chức, hướng dẫn và điều hành sinh hoạt nhóm đạt mục đích của nhóm đề ra. Người học nhận thức được giá trị, ý nghĩacủa phương pháp làm việc theo nhóm từ đó người học trau dồi thêmgiá trị,triết lý, đạo đức nghề CTXH và áp dụng, trải nghiệm các triết lý, giá trị đó trong quá trình làm việc với nhóm. Trên cơ sở đó có cách nhìn tích cực với các nhóm đối tượng khác nhau, đặc biệt với các nhóm đối tượng đặc thù thường bị kỳ thị trong xã hội..			kết thúc học phần 60%
24.	Phát triển cộng đồng	Người học hiểu và nắm được các khái niệm: Phát triển cộng đồng, lịch sử hình thành của phát triển cộng đồng, các nguyên tắc trong phát triển cộng đồng. Hiểu và nắm được các mô hình và giai đoạn phát triển cộng đồng, tiến trình phát triển cộng đồng, phương pháp PRA trong phát triển cộng đồng. Người học có khả năng phân tích và vận dụng được các kỹ năng làm việc với cộng đồng như: kỹ năng điều phối, kỹ năng huy động nguồn lực, kỹ năng giao tiếp với cộng đồng kỹ năng họp dân và có khả năng vận dụng được các phương pháp đặc thù, các công cụ đánh giá cộng đồng có sự tham gia của người dân. Người học có thái độ làm việc chuyên nghiệp, chấp nhận và tôn trọng các nguyên tắc khi làm việc với cộng đồng; có tinh thần hợp tác với các tổ chức, cơ quan chức năng có liên quan. Đồng thời người học luôn có thái độ cầu tiến, nghiên cứu, học tập và vận dụng kiến thức về phát triển cộng đồng để làm việc một cách hiệu quả với cộng đồng	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
25.	Đạo đức nghề Công tác xã hội	Người học hiểu và nắm được những kiến thức chung, tầm quan trọng về đạo đức cũng như quy điều đạo đức trong lĩnh vực công tác xã hội	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi

		Người học nắm được những kiến thức chung về quy điều đạo đức ở các quốc gia trên thế giới cũng như những quy điều đạo đức đặc thù của Việt Nam Hiểu, phân tích và vận dụng được vào tình huống có liên quan tới quy điều đạo đức trong quá trình làm việc với thân chủ của nhân viên CTXH. Người học cũng phân tích được trách nhiệm của nhân viên CTXH trong những tình huống đạo đức Sinh viên có trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp, luôn đặt lợi ích của thân chủ lên hàng đầu, luôn tâm huyết trong công việc và sẵn sàng làm việc trong môi trường áp lực cao và luôn cầu tiến , nâng cao trình độ chuyên môn.			kết thúc học phần 60%
26.	Quản trị Công tác xã hội	Người họctrình bày và phân tích được các kiến thức cơ bản về lĩnh vực quản trị công tác xã hội: khái niệm quản trị công tác xã hội, sự cần thiết, các chức năng, cấp bậc, vai trò, tiến trình và phương pháp tiếp cận của quản trị công tác xã hội . Phân biệt được quản trị trong CTXH với các lĩnh vực quản trị khác . Hiểu và nắm được Quản trị ở cấp độ nhân viên và quản trị ở cấp độ tổ chức với các công việc gồm: Quản lý ca, quản lý các công việc của nhân viên CTXH, các công việc quản lý của lãnh đạo cơ quan nhằm giúp nhân viên công tác xã hội thực hiện tốt công tác chuyên môn đồng thời giúp nhà quản trị trong lĩnh vực công tác xã hội điều hành cơ quan đạt mục đích, mục tiêu của cơ quan, đơn vị đề ra. Người học có khả năng vận dụng được các kỹ năng cơ bảntrong Quản trị công tác xã hội như: kỹ năng lập kế hoạch, kỹ năng tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra và các kỹ năng quản lý ca, kỹ năng nhận biết các vấn đề của cơ quan theo cấp độ cá nhân và theo cấp độ tổ chức. Có khả năng thực hiện thuần thục các kỹ năng giải quyết xung đột, giải tỏa căng thẳng, kỹ năng giao tiếp trong quản trị và ra quyết định trong quản trị công tác xã hội Người học có thái độ làm việc chuyên nghiệp, nhận thức được tầm quan trọng của quản trị công tác xã hội, có lòng say mê, yêu thích và tâm huyết với nghề công tác xã hội. Luôn ý thức, tự giác, có thái độ chấp nhận và tôn trọng các nguyên tắc trong quản trị công tác xã hội, có tinh thần, thái	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		độ hợp tác với các tổ chức, cơ quan chức năng có liên quan.			
27.	Dịch vụ xã hội	Người học có khả năng khái quát và hiểu được những vấn đề chung về dịch vụ xã hội trong bối cảnh của công tác xã hội; Người học có khả năng hiểu và phân tích được những kiến thức liên quan tới luật pháp chính sách trong lĩnh vực công tác xã hội cũng như các quan điểm phát triển dịch vụ xã hội của Việt Nam Nhận biết, phân tích, giải thích các kiến thứccác kiến thức nền tảng khác và kiến thức về công tác xã hội để thực hiện hoạt động cung cấp dịch vụ Công tác xã hội cho thân chủ Người học có khả năng tư duy và ứng dụng được những kỹ năng trong việc cung cấp dịch vụ xã hội hỗ trợ cho đối tượng thân chủ cụ thể Có khả năng vận dụng các kỹ năng chuyên sâu trong lĩnh vực Công tác xã hội trong việc cung cấp dịch vụ Công tác xã hội cho các nhóm thân chủ, triển khai các hoạt động vận hành nhuần nhuyễn việc cung cấp dịch vụ công tác xã hội khi hỗ trợ và làm việc với các nhóm thân chủ có nhu cầu. Người học có trách nhiệm của một Công dân với xã hội, luôn đặt lợi ích của thân chủ lên hàng đầu. Luôn tâm huyết trong công việc. Luôn tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, có thái độ chuyên nghiệp trong việc cung cấp dịch vụ xã hội	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
28.	Kỹ năng quản lý căng thẳng của nhân viên công tác xã hội	Sinh viên hiểu có khả năng khái quát, phân tích được những kiến thức cơ bản về các vấn đề căng thẳng như khái niệm, các loại hình căng thẳng cũng như các dấu hiệu nhằm nhận biết trước được căng thẳng, mối quan hệ giữa căng thẳng với nhân viên công tác xã hội và các kỹ năng ứng phó với căng thẳng. Trên cơ sở hiểu, phân tích được mối quan hệ giữa căng thẳng và hiệu quả trong công việc hỗ trợ đối tượng sinh viên sẽ vận dụng các kiến thức, kỹ năng ứng phó với căng thẳng của nhân viên công tác xã hội vào thực tiễn nghề nghiệp và cuộc sống.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Học phần cũng rèn luyện cho người học và có khả năng ứng dụng kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng ứng phó với với các căng thẳng của nhân viên CTXH Học phần giúp sinh viên có ý thức, thái độ đảm bảo mối quan hệ nghề nghiệp và chủ động, tích cực quản lý căng thẳng khi học trên giảng đường và trong cuộc sống, sự nghiệp sau này. Học tập và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật, chính trực, minh bạch trong các hoạt động, biết cách ứng biến giảm thiểu căng thẳng tiêu cực, phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo			
29.	Kỹ năng làm việc với nhóm liên ngành trong Công tác xã hội	Người học nhận biết được những kiến thức chung về kỹ năng làm việc với nhóm liên ngành cũng như tầm quan trọng của các kỹ năng này trong bối cảnh của nghề công tác xã hội Người học hiểu và phân tích được một số kỹ năng cơ bản khi làm việc với nhóm liên ngành Người học có sự tư duy logic và vận dụng được các kỹ năng cụ thể khi làm việc với nhóm liên ngành trong một số trường hợp khác nhau	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
30.	Tham vấn và thực hành tham vấn	Trình bày và phân tích được khái niệm tham vấn, tham vấn cá nhân, tham vấn gia đình, tầm quan trọng của tham vấn, tham vấn có mục đích và ý nghĩa như thế nào đối với cuộc sống con người. Ghi nhớ và thực hiện được theo hệ thống giá trị nghề tham vấn, các nguyên tắc đạo đức và mối quan hệ đạo đức nghề nghiệp trong tham vấn; sinh viên trình bày được các quan điểm của một số tác giả trong và ngoài nước; các lý thuyết/cách tiếp cận trong tham vấn cá nhân, tham vấn gia đình.Trình bày và phân tích được quy trình tham vấn và các kĩ năng tham vấn khi tham vấn cho các đối tượng là cá nhân, gia đình. Có khả năng vận dụng được các kỹ năng tham vấn cơ bản trong tham vấn cá nhân và tham vấn gia đình như kỹ năng quan sát, kỹ năng đặt câu hỏi, kỹ năng phỏng vấn, kỹ năng hướng dẫn sử dụng mệnh đề tôi, kỹ năng làm mẫu…trong thực hành tham vấn trên lớp cũng như tham vấn trong thực tiễn. Sinh viên có kỹ năng tham vấn trong lĩnh vực CTXH một cách chuyên nghiệp khi tham vấn cho cá nhân, gia đình.	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Nhận thức được tầm quan trọng của tham vấn, có lòng say mê, yêu thích và tâm huyết với Chuyên môn CTXH.Luôn ý thức, tự giác trong việc tuân thủ nguyên tắc, giá trị, đạo đức nghề nghiệp và giữ mối quan hệ đạo đức nghề nghiệp trong CTXH.Có thái độ nghiêm túc, đúng đắn, hòa đồng với mọi người trong tập thể, cộng đồng, học tập và rèn luyện để trở thành một nhân cách hoàn hảo.			
31.	Thực hành Công tác xã hội cá nhân và gia đình	Người học hệ thống hóa lại các lý thuyết về CTXH cá nhân đã được trang bị vào các hoạt động tại cộng đồng, từ đó hiểu thêm các bước trong tiến trình làm việc với thân chủ: Tiếp cận thân chủ, xác định vấn đề ưu tiên, lập kế hoạch giải quyết vấn đề, triển khai kế hoạch, lượng giá và kết thúc. Người học áp dụng được các kỹ năng khi làm việc với thân chủ tại cộng đồng/ cơ sở/ địa phương. Tiếp cận thân chủ, xác định được vấn đề của thân chủ, hỗ trợ thân chủ lên kế hoạch giải quyết vấn đề, cùng thân chủ triển khai kế hoạch, lượng giá theo từng giai đoạn và đóng ca theo đúng quy trình. Người học có khả năng thực hành phương pháp làm việc thân chủ và gia đình thân chủ, từ đó nâng cao kỹ năng làm việc của bản thân trong trợ giúp đối tượng. Những kỹ năng chủ yếu được trang bị: quan sát, lắng nghe, thấu cảm, ghi chép, lập kế hoạch, huy động nguồn lực. Người học phát triển hình thành thái độ làm việc chuyên nghiệp: tuân thủ theo các quy điều đạo đức nghề nghiệp.	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
32.	Thực hành Công tác xã hội nhóm	Người họchệ thống hóa lại các lý thuyết về CTXH nhóm đã được trạng bị vào các hoạt động thực tế đó là: Tiếp cận cộng đồng hoặc các cơ sở xã hội, tìm hiểu phát hiện nhu cầu và khả năng thành lập nhóm; phát hiện được các vấn đề của nhóm đối tượng; viết được đề xuất cho việc thành lập nhóm; Lập kế hoạch sinh hoạt của nhóm, thực hiện một số buổi sinh hoạt nhóm Sinh viên áp dụng được các kỹ năng đã học vào việc tìm hiểu nhu cầu và khả năng thành lập nhóm, điều hành nhóm, kỹ năng giải quyết xung đột, kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức điều hành sinh hoạt của nhóm nhiệm vụ một	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		cách hiệu quả; Vận dụng được tiến trình CTXH nhóm vào thực tế trong việc thành lập và điều hành được sinh hoạt cho một nhóm đối tượng tụ thể. Học phần thực hành CTXH giúp sinh viên hình thành thái độ làm việc chuyên nghiệp và phát triển giá trị đạo đức nghề Công tác xã hội. Học phần giúp sinh viên thực hành được giá trị, ý nghĩa của CTXH nhóm với cộng đồng và trong hoạt động nghề CTXH. Đồng thời, nhận diện được những thuận lợi, khó khăn khi thực hiện phương pháp CTXH nhóm để từ đó chủ động, tích cực thúc đẩy cho các nhóm CTXH được hình thành và phát triển trong cơ sở hoặc trong cộng đồng.			
33.	Thực hành Phát triển cộng đồng	Người học hiểu và nắm được các kiến thức môn học, quá trình thực hành người học vận dụng các kiến thức kỹ thuật trong lý thuyết về phát triển cộng đồng đã được trang bị vào các hoạt động tại cộng đồng, từ đó hiểu thêm các bước trong tiến trình làm việc với thân chủ: Tiếp cận cộng đồng, xác định vấn đề ưu tiên, lập kế hoạch giải quyết vấn đề, triển khai kế hoạch, lượng giá và kết thúc. Hiểu và nắm được phương pháp PRA trong thực hành phát triển cộng đồng Người học có khả năng phân tích và vận dụng được các kỹ năng làm việc với cộng đồng như: Kỹ năng tiếp cận cộng đồng, kỹ năng tạo lập mối quan hệ, kỹ năng giao tiếp với cộng đồng, kỹ năng điều phối cuộc họp, kỹ năng giải quyết xung đột, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng huy động nguồn lực cộng đồng. kỹ năng thuyết trình, kỹ năng thu hút sự tham gia, kỹ năng tuyên truyền, kỹ năng tổ chức tập huấn Người học có thái độ làm việc chuyên nghiệp và tuân thủ giá trị đạo đức nghề Công tác xã hội, giúp người học thực hành được giá trị, ý nghĩa của PTCĐ với cộng đồng và trong hoạt động nghề CTXH. Đồng thời, người học có thái độ tôn trọng , học hỏi người dân cộng đồng, chấp nhận được những thuận lợi, khó khăn khi thực hiện phương pháp PTCĐ để từ đó chủ	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		động, tích cực thúc đẩy cho các hoạt động, kế hoạch được triển khai phù hợp với thực tế tại cộng đồng			
34.	Công tác xã hội trong bảo vệ trẻ em	Người học hiểu và giải thích được các nội dung về: công tác bảo vệ trẻ em trên thế giới và Việt Nam, các khái niệm và thuật ngữ về bảo vệ trẻ em; Những nhu cầu được bảo vệ của trẻ em; các hình thức xâm hại trẻ em; Đặc điểm của nhóm trẻ em cần được bảo vệ, luật pháp chính sách trong bảo vệ trẻ em. Nhận biết, phân tích và vận dụng các kiến thức các kiến thức nền tảng khác và kiến thức về CTXH với trẻ em để thực hiện hoạt động nghề nghiệp như hỗ trợ, kết nối, chuyển gửi, cung cấp dịch vụ CTXH, triển khai chương trình dự án, truyền thông và huy động nguồn lực trong bảo vệ trẻ em Người học có thể rèn luyện vận dụng được kỹ năng, tư tư duy độc lập, tư duy hệ thống và tư duy phản biện, linh hoạt trongtiếp cận, tìm kiếm, thu thập và đánh giá thông tinvềtrẻ em và các nguồn lực, cơ quan có liên quan nhằm tố cáo; chuyển gửi thông tin hay tiến hành can thiệp để bảo vệ trẻ em ở ba cấp độ: phòng ngừa, hỗ trợ, can thiệp. Người học có thể vận dụng các nguyên tắc và một số kỹ năng vào giao tiếp và tiếp cận với các cá nhân và nhóm trẻ em một cách hiệu quả. Người học có khả năng vận dụng các kỹ năng chuyên sâu trong lĩnh vực CTXH với trẻ em, triển khai các hoạt động vận hành nhuần nhuyễn việc cung cấp dịch vụ CTXH khi hỗ trợ và làm việc với các nhóm trẻ có nhu cầu. Sinh viên có khả năng vận dụng được giá trị nghề nghiệp, thái độ tôn trọng và có ý thức bảo vệ, trợ giúp trẻ em. Có trách nhiệm với xã hội, Tuân thủ các giá trị, chuẩn mực đạo đức và các nguyên tắc hành động của NVXH trong quá trình làm việc với trẻ em và gia đình trẻ.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
35.	Công tác xã hội trong phòng chống	Người học hiểu được tổng quan về vấn đề bạo lực gia đình, hệ thống luật pháp, chính sách và các mô hình về phòng, chống bạo lực gia	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi

	bạo lực gia đình	đình.Trọng tâm là người học hiểu và thực hiện được các hoạt động của Công tác xã hội trong phòng, chống bạo lực gia đình Người học phát hiện và áp dụng các kỹ năng làm việc cá nhân, làm việc với gia đình, làm việc với nhóm, làm việc với cộng đồng với nạn nhân của bạo lực gia đình, người gây ra bạo lực, gia đình nạn nhân bạo lực gia đình, và nâng cao nhận thức của cộng đồng và huy động nguồn lực cộng đồng trong công tác phòng, chống bạo lực gia đình. Chấp nhận và hình thành thái độ đúng đắn trong phòng, chống bạo lực gia đình; có thái độ tích cực trong mối quan hệ giữa nhân viên xã hội và thân chủ, cam kết làm việc theo đúng các nguyên tắc và đạo đức nghề nghiệp.			kết thúc học phần 60%
36.	Công tác xã hội trong chăm sóc sức khỏe tâm thần	Sinh viên hiểu và nắm được các kiến thức về sức khỏe tâm thần, luật pháp, chính sách, và các chương trình hỗ trợ người có rối loạn tâm thần hiện nay trên thế giới và Việt Nam. Từ đó có thể thực hiện được các hoạt động nghề nghiệp CTXH nhằm hỗ trợ cho nhóm đối tượng có vấn đề về SKTT và gia đình họ Sinh viên có thể rèn luyện vận dụng được các kiến thức và kỹ năng trong thực hiện các hoạt động trợ giúp cá nhân và gia đình người gặp vấn đề sức khỏe tâm thần, các nhóm có nguy cơ rơi vào tình trạng rối nhiễu tâm trí cũng như các phương pháp trợ giúp CTXH với các nhóm đặc thù này. Sinh viên có khả năng vận dụng được giá trị nghề nghiệp với đối tượng bệnh nhân tâm thần và gia đình của họ. Đồng thời luôn ý thức, thúc đẩy sự thay đổi trong cộng đồng liên quan tới sự kỳ thị đối với người có vấn đề tâm thần, tạo cho bệnh nhân tâm thần có một môi trường hòa nhập tốt nhất.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
37.	Công tác xã hội với người nhiễm và ảnh	Sinh viên hiểu và nắm được tình hình chung về HIV/AIDS trên thế giới và Việt Nam; hiểu được hệ thống các chính sách, pháp luật, các dịch vụ can thiệp trong trợ giúp người người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS; các giai đoạn phát triển của HIV; các đặc điểm tâm lý và nhu cầu của	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

	hưởng bởi HIV/AIDS	người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS; các bước trong quy trình tham vấn Sinh viên có khả năng phân tích được kiến thức trong quá trình giúp đỡ người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV sau này. Đồng thời giúp sinh viên nghiên cứu, học tập và vận dụng kiến thức về công tác xã hội với người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV. Sinh viên có khả năng vận dụng được kiến thức tâm lý và nhu cầu của người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS; Áp dụng được các kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tham vấn… trong trợ giúp người nhiễm và ảnh hưởng bởi HIV/AIDS. Sinh viên có trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp, luôn đặt lợi ích của thân chủ lên hàng đầu, luôn tâm huyết trong công việc và sẵn sàng làm việc trong môi trường áp lực cao và luôn cầu tiến , nâng cao trình độ chuyên môn.			
38.	Công tác xã hội với Người cao tuổi	Sinh viên hiểu và nắm được các khái niệm, đặc điểm và nhu cầu của người cao tuổi, thực trạng về mọi mặt của người cao tuổi hiện nay ở Việt nam; Trình bày và phân tich được các chính sách, luật pháp liên quan đến người cao tuổi, các mô hình trợ giúp người cao tuổi hiện có ở Việt Nam; Mô tả và lựa chọn những kiến thức về phương pháp chăm sóc người cao tuổi dựa trên nhu cầu; Phân tích được vai trò, nhiệm vụ của nhân viên công tác xã hội. Từ đó thực hiện các hoạt động trong trợ giúp của công tác xã hội với người cao tuổi. Sinh viên có thể rèn luyện vận dụng được các kỹ năng làm công tác xã hội trong hỗ trợ người cao tuổi. Sinh viên có khả năng vận dụng được giá trị nghề nghiệp trong hỗ trợ người cao tuổi; cam kết làm việc theo đúng các nguyên tắc và đạo đức nghề nghiệp.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
39.	Công tác xã hội vớingười đồng tính,	Người học có khả năng nhận diện và hiểu được những kiến thức cơ bản về người đồng tính, song tính, chuyển giới như các khái niệm thuật ngữ, các hệ thống luật pháp chính sách cũng như quan điểm hiểu biết về người đồng tính, song tính, chuyển giới	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

	song tính, chuyển giới	Nhận biết, phân tích các kiến thức các kiến thức nền tảng khác và kiến thức về CTXH với người đồng tính, song tính, chuyển giới để thực hiện hoạt động nghề nghiệp như hỗ trợ, kết nối, chuyển gửi, cung cấp dịch vụ CTXH, triển khai chương trình dự án, truyền thông và huy động nguồn lực cho người đồng tính, song tính, chuyển giới. Có kỹ năng về tư duy độc lập, tư duy hệ thống và tư duy phản biện, linh hoạt trong việc triển khai các hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực công tác xã hội với người đồng tính, song tính, chuyển giới Có khả năng vận dụng các kỹ năng chuyên sâu trong lĩnh vực CTXH với người đồng tính, song tính, chuyển giới khi can thiệp, hỗ trợ và làm việc với nhóm và cộng đồng người đồng tính, song tính, chuyển giới, thúc đẩy sự tương tác, khích lệ và xử lý mâu thuẫn, triển khai các hoạt động vận hành nhuần nhuyễn việc cung cấp dịch vụ CTXH khi hỗ trợ và làm việc với các nhóm đồng tính, song tính, chuyển giới có nhu cầu. Người học có trách nhiệm của một Công dân với xã hội, luôn đặt lợi ích của thân chủ lên hàng đầu. Luôn tâm huyết trong công việc. Luôn tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng, cảm thông và chia sẻ với cộng đồng người đồng tính, song tính, chuyển giới.			
40.	Công tác xã hội với nạn nhân bị thảm hoạ	Sinh viên hiểu và nắm được các kiến thức cơ bản về thảm hoạ , kiến thức về công tác xã hội với nạn nhân bị thảm hoạ như: Hệ thống các khái niệm, hệ thống chính sách liên quan đến nạn nhân bị thảm hoạ, các vấn đề của nạn nhân bị thảm hoạ và các hoạt động CTXH với nạn nhân bị thảm hoạ . Sinh viên có thể rèn luyện, vận dụng được các kiến thức vào làm việc với nạn nhân bị thảm hoạ để trau dồi các kỹ năng làm việc cơ bản, có khả năng vận dụng kỹ năng trong làm việc thực tế để trợ giúp cho nạn nhân bị thảm hoạ Sinh viên có khả năng vận dụng được giá trị nghề nghiệp, có thái độ tích cực trong mối quan hệ giữa nhân viên xã hội với nạn nhân bị thảm hoạ, cam kết làm việc theo đúng các nguyên tắc nghề nghiệp, đạo đức nghề	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		nghiệp của nghề CXTH.			
41.	Công tác xã hội trong phòng chống mua bán người	Người học nhận biết được các kiến thức tổng quan về nạn buôn bán người trong bối cảnh của Việt Nam và trên Thế giới. Người học biết diễn giải, phân tích và vận dụng các kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực công tác xã hội để có thể thực hiện hoặc phối hợp cùng thực hiện các hoạt động nghề nghiệp như hỗ trợ kết nối chuyển gửi, cung cấp dịch vụ công tác xã hội, nghiên cứu công tác xã hội, triển khai các chương trình dự án, biện hộ đề xuất chính sách, truyền thông, giáo dục, huy động nguồn lực cho đối tượng là nạn nhận buôn bán người Người học hiểu và phân tích được những kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực công tác xã hội như các nguyên tắc, triết lý, vai trò cũng như tiến trình vàcác phương pháp can thiệp đặc thù khi cung cấp dịch vụ CTXH trong phòng chống buôn bán người Người học có kỹ năng về tư duy độc lập, tư duy hệ thống và tư duy phản biện, linh hoạt trong việc triển khai các hoạt động nghề nghiệp, có kỹ năng triển khai các hoạt động vận hành nhuần nhuyễn việc cung cấp dịch vụ CTXH trong các cơ sở trợ giúp cũng như các kỹ năng triển khai các nghiên cứu trong lĩnh vực phòng chống buôn bán người. Người học vận dụng được các kỹ năng CTXH trong việc phòng chống buôn bán người như: Kỹ năng nhận diện nạn nhân bị mua bán; các kỹ năng trong việc can thiệp, hỗ trợ nạn nhân bị buôn bán; kỹ năng giao tiếp, kỹ năng tuyên truyền, giáo dục…về phòng chống buôn bán người; Người học có thái độ làm việc chuyên nghiệp, chấp nhận và tôn trọng các nguyên tắc khi làm việc với nạn nhân của buôn bán người; có tinh thần hợp tác với các tổ chức, cơ quan chức năng có liên quan, luôn đặt lợi ích của thân chủ lên hàng đầu. Luôn tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp với thân chủ, với đồng nghiệp, và với ngành nghề mình phục vụ. Người học có sự tư duy logic và vận dụng được các hoạt động CTXH trong việc can thiệp và ngăn ngừa vấn đề buôn bán người hiện nay. Có ý thức tự học để tích lũy thêm kiến thức và kinh nghiệm nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

42.	Công tác xã hội với người nghiện ma tuý	Người học nhận biết được các loại ma tuý cũng như hiểu được những kiến thức chung về ma tuý như bối cảnh thực trạng, các vấn đề về luật pháp chính sách với người nghiện ma tuý và các khó khăn nhu cầu của người nghiện ma tuý Có kỹ năng về tư duy độc lập, tư duy hệ thống và tư duy phản biện, linh hoạt trong việc triển khai các hoạt động nghề nghiệp trong lĩnh vực công tác xã hội với người nghiện ma túy Có khả năng vận dụng các kỹ năng chuyên sâu trong lĩnh vực CTXH với người nghiện ma túy khi can thiệp, hỗ trợ và làm việc với nhóm và cộng đồng người nghiện ma túy, thúc đẩy sự tương tác, khích lệ và xử lý mâu thuẫn, triển khai các hoạt động vận hành nhuần nhuyễn việc cung cấp dịch vụ CTXH khi hỗ trợ và làm việc với các nhóm người nghiện ma túy có nhu cầu có nhu cầu. Người học có trách nhiệm của một Công dân với xã hội, luôn đặt lợi ích của thân chủ lên hàng đầu. Luôn tâm huyết trong công việc. Luôn tuân thủ các nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, tôn trọng, cảm thông và chia sẻvới người nghiện ma túy. Người học chấp nhận và hình thành thái độ đúng đắn trong làm việc với người nghiện ma túy	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
43.	Thực tập cuối khóa	+ Người học được trang bị kiến thức về cơ bản về cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm, thực trạng các hoạt động cơ sở nơi sinh viênthực tập; Phân tích, đánh giá các hoạt động của cơ sở thực tập; Xác định được vấn đề và xác định được nhu cầu của một thân chủ, nhóm thân chủ hoặc của cộng đồng + Kể tên và phân tích được những chính sách, chương trình của nhà nước và các tổ chức liên quan tới hỗ trợ cá nhân, nhóm hay cơ sở/ cộng đồng địa phương đó. + Vận dụng được những kiến thức lý thuyết CTXH trong hỗ trợ và làm việc với đối tượng	**4**	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Sau khi hoàn thành môn học, sinh viên có khả năng thực hiện các kỹ năng chuyên sâu trong trợ giúp cá nhân và gia đình, CTXH nhóm và Phát triển cộng đồng. Qua hoạt động thực tập, sinh viênvận dụng và phát triển hơn về các giá trị đạo đức nghề nghiệp. Sinh viênsẽ ý thức được việc tuân thủ các nguyên tắc đạo đức trong thực hành nghề nghiệp			
44.	Khóa luận tốt nghiệp	Học phần này nhằm củng cố kiến thức về chính sách, pháp luật và nhà nước, kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành công tác xã hội đã được học để vận dụng vào thực tiễn. Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng phân tích tổng hợp và tự nghiên cứu quy trình tổ chức các hoạt động công tác xã hội trong các cơ sở, địa bàn triển khai khóa luận Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, thành thạo tin học, sử dụng các phần mềm phục vụ chuyên ngành Có ý thức đúng đắn, nghiêm túc, khách quan và khoa học, trong việc đánh giá thực tế các hoạt động công tác xã hội tại cơ sở, địa bàn triển khai khóa luận luôn đặt lợi ích thân chủ lên hàng đầu. Có ý thức việc tuân thủ các nguyên tắc đạo đức trong thực hành nghề nghiệp, có trách nhiệm với xã hội và nghề nghiệp.	**6**	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
45.	Công tác xã hội với người nghèo	Sinh viên hiểu và nắm được các kiến thức cơ bản về người nghèo, kiến thức về Công tác xã hội với người nghèo như: Hệ thống các khái niệm, hệ thống chính sách trên thế giới và Việt Nam đối với nhóm người nghèo, các mô hình và dịch vụ cho người nghèo, các vấn đề của người nghèo và các hoạt động CTXH với người nghèo. Sinh viên có thể rèn luyện vận dụng được các kiến thức vào làm việc với người nghèođể trau dồi các kỹ năng làm việc cơ bản với người nghèo, có khả năng vận dụng kỹ năng trong làm việc thực tế để trợ giúp cho người nghèo Sinh viên có khả năng vận dụng được giá trị nghề nghiệp, có thái độ tích	3	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		cực trong mối quan hệ giữa nhân viên xã hội với các nhóm người nghèokhác nhau, cam kết làm việc theo đúng các nguyên tắc nghề nghiệp, đạo đức nghề nghiệp của nghề CXTH.			
46.	Công tác xã hội với người khuyết tật	Sinh viên hiểu và nắm được các nội dung về: ưu điểm và hạn chế của các hướng tiếp cận về người khuyết tật, các loại khuyết tật và các mức độ khuyết tật và các nguyên nhân gây nên khuyết tật, các đặc điểm của người khuyết tật theo từng giai đoạn lứa tuổi và tác động của nó đến cá nhân và gia đình, các biểu hiện của kỳ thị và phân biệt đối xử với người khuyết tật, nguyên nhân và giải pháp hạn chế tình trạng này Nêu được các chính sách và hệ thống luật pháp Quốc tế và Việt Nam về quyền của người khuyết tật. Ứng dụng các phương pháp làm việc của CTXH trong trợ giúp NKT. Sinh viên có thể rèn luyện vận dụng được kỹ năng tiếp cận và làm việc với người khuyết tật nhằmtìm kiếm, thu thập và xử lý thông tin liên quan đến NKT. Có khả năng vận dụng kiến thức về luật pháp, chính sách để tư vấn, kết nối nguồn lực trong trợ giúp người khuyết tật. Có thể vận dụng các nguyên tắc và một số kỹ năng năng vào giao tiếp và tiếp cận với các cá nhân và nhóm khuyết tật một cách hiệu quả. Bước đầu vận dụng được các kiến thức, yêu cầu về kỹ năng trong phương pháp trợ giúp người khuyết tật. Sinh viên có khả năng vận dụng được giá trị nghề nghiệp, thái độ tôn trọng và có ý thức bảo vệ, trợ giúp người khuyết tật trong gia đình và xã hội. Tuân thủ các giá trị, chuẩn mực đạo đức và các nguyên tắc hành động của NVXH trong quá trình làm việc với NKT và gia đình người khuyết tật.	3	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
47.	Công tác xã hội trong bệnh viện	Người học hiểu và nắm được các khái niệm, lịch sử phát triển của CTXH trong lĩnh vực y tế, chức năng, nhiệm vụ và vai trò của nhân viên xã hội trong hệ thống chăm sóc sức khỏe đa ngành; trọng tâm can thiệp của CTXH trong hệ thống chăm sóc sức khỏe và trong bệnh viện	3	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Hiểu và nắm được các kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực công tác xã hội bệnh viện như: hỗ trợ, kết nối chuyển gửi, các dịch vụ công tác xã hội trong bệnh viện, triển khai các chương trình dự án, biện hộ đề xuất chính sách, truyền thông, giáo dục, huy động nguồn lực cho người bệnh, chính sách pháp luật của nhà nước trong công tác xã hội bệnh viện Người họccó khả năng vận dụng được các kỹ năng làm việc với các nhóm đối tượng khác nhau trong bệnh viện: kỹ năng giao tiếp, kỹ năng huy động nguồn lực, kết nối các bên liên quan như gia đình, nhân viên y tế và các dịch vụ chăm sóc sức khỏe khác. Có kỹ năng nhận diện vấn đề, kỹ năng lập kế hoạch và triển khai phương án can thiệp hiệu quả, khả thi, phù hợp với vấn đề và bối cảnh thực tế, kỹ năng làm việc độc lập và kỹ nâng làm việc nhóm, kỹ năng biện hộ và thuyết phục. Người học có thái độ làm việc chuyên nghiệp, chấp nhận và tôn trọng các nguyên tắc khi làm việc với người bệnh, có thái độ làm việc đúng mực, cam kết với các mục tiêu chăm sóc sức khỏe toàn diện. Luôn cam kết tuân thủ các giá trị và nguyên tắc đạo đức nghề CTXH nói chung và CTXH trong y tế nói riêng. Có thái độ nghiêm túc, đúng đắn, hòa đồng với tập thể, học tập và rèn luyện để trở thành một nhân viên công tác xã hội hoàn hảo.			
48.	Công tác xã hội trong trường học	Người học hiểu được những vấn đề chung, những kiến thức cơ bản về CTXH trong trường học như: Lịch sử hình thành,khái niệm, mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng của CTXH trong tường học; các quan điểm giá trị, nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức của công tác xã hội trong trường học; hệ thống luật pháp, chính sách liên quan đến trường học; hệ thống trường học và một số vấn đề nổi cộm liên quan đến học sinh hiện nay. Ngoài ra, người học được trang bị về các hoạt động của CTXH trong trường học, nhằm hỗ trợ cho hoạt động dạy và học của Nhà trường được tốt hơn. Người học được trang bị các kỹ năng làm việc với cá nhân, nhóm là học sinh, giáo viên, phụ huynh học sinh nhằm quản lý các trường hợp, tư vấn,	3	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		tham vấn, huy động sự tham gia tích cực của cộng đồng trong các giải pháp nhằm giải quyết các vấn đề tồn tại trong trường học nhằm nâng cao chất lượng trong các trường học. Hình thành thái độ đúng đắn và sự nhiệt huyết đối với nghề công tác xã hội, có thái độ tích cực trong mối quan hệ giữa nhân viên xã hội và thân chủ là các cá nhân, nhóm trong học đường, cam kết làm việc theo đúng các nguyên tắc nghề nghiệp.			
49.	Phân tích và xử lý dữ liệu với SPSS	Hiểu được tầm quan trọng của dữ liệu và phân tích trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội Hiểu được khả năng ứng dụng phần mềm trong phân tích các loại dữ liệu Phân loại, sắp xếp và phân tích dữ liệu trên cơ sở áp dụng các phương pháp thống kê để phân tích dữ liệu Xây dựng và xử lý các dữ liệu nghiên cứu, thiết lập được các mô hình nghiên cứu, kiểm định các giả thuyết nghiên cứu, giải thích ý nghĩa của các kết quả nghiên cứu Đưa ra các kiến nghị, giải pháp, quyết định từ kết quả phân tích dữ liệu Sinh viên phải lên lớp và làm các bài tập thực hành để nắm được các nội dung của học phần; Nhiệt tình tham gia các buổi thảo luận, thực hành ở trên lớp	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
50.	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Cung cấp cho người học cơ sở của lý thuyết xác suất và thống kê toán học với mục đích giúp người học có phương pháp, công cụ để học tập, nghiên cứu và giải quyết các bài toán thuộc Chuyên môn trong điều kiện ngẫu nhiên, bao gồm các kiến thức sau: - Các kiến thức về lý thuyết xác suất: Phép thử, biến cố, xác suất của biến cố, biến ngẫu nhiên, biếnngẫu nhiênhai chiều và các đặc trưng kỳ vọng, phương sai, hiệp phương sai; Các kiến thức về thống kê: Lý thuyết mẫu, lý thuyết ước lượng và kiểm định giả thiết thống kê. Học phần rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng vận dụng công cụ toán học để học tập nghiên cứu các vấn đề thuộc Chuyên mônkinh tế xã hội Kỹ năng khảo sát và giải quyết bài toán trong điều kiện ngẫu nhiên.	3	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Vận dụng lý thuyết xác suất và thống kê để học tập các môn khác Kỹ năng ứng dụng lý thuyết xác suất thống kê để giải quyết các vấn đề thực tế thuộc Chuyên môn kinh tếxã hội. Có thái độ chuyên cần, nghiêm túc, cẩn thận, chính xác.			
51.	Triết học Mác - Lênin	+ Sinh viên xác định được đối tượng, mục đích, ý nghĩa và những yêu cầu về mặt phương pháp của môn học. + Sinh viên nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác- Lênin; nắm được những nội dung cơ bản, hệ thống về triết học Mác- Lênin và vai trò của triết học trong đời sống xã hội. + Sinh viên từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất cho bản thân, làm nền tảng lí luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung của các môn học khác. + Sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để giải thích một số hiện tượng mang tính phổ biến diễn ra trong lĩnh vực tự nhiên, xã hội và tư duy. + Sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu Kinh tế chính trị Mác- Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, hiểu được cơ sở lý luận của Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng + Sinh viên có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. + Tăng cường bản lĩnh chính trị, tính chủ động, tự tin cho sinh viên, từng bước xây dựng, củng cố niềm tin vào con đường cách mạng mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã chọn, từ đó góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
52.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	+ Sinh viên xác định được đối tượng, mục đích, ý nghĩa và những yêu cầu về mặt phương pháp của môn học. + Người học nắm được một cách hệ thống kiến thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin bao gồm: Các khái niệm, phạm trù, quy luật	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		kinh tế chủ yếu của kinh tế thị trường; Những vấn đề kinh tế - chính trị của thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam. + Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để học tập và nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn. + Người học nắm được một cách hệ thống kiến thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin bao gồm: Các khái niệm, phạm trù, quy luật kinh tế chủ yếu của kinh tế thị trường; Những vấn đề kinh tế - chính trị của thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam. + Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc đóng góp ý kiến xây dựng, bảo vệ, thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. + Người học hình thành được phẩm chất đạo đức cách mạng, lập trường chính trị tư tưởng vững vàng, có niềm tin vào sự nghiệp đổi mới đất nước.			
53.	Tư tưởng Hồ chí Minh	+ Sinh viên xác định được đối tượng, mục đích, ý nghĩa và những yêu cầu về mặt phương pháp của môn học. Về kiến thức: + Sinh viên xác định được đối tượng, mục đích, ý nghĩa và những yêu cầu về mặt phương pháp của môn học. + Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản vè khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. + Có khả năng tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác. + Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc đóng góp ý kiến xây dựng, bảo vệ, thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. + Sinh viên được nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.			
54.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học phần này trang bị những kiến thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong các thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - nay). Trang bị những kiến thức cơ bản của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để học tập và nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn. Từ đó, phân tích, lập luận để bảo vệ những quan điểm tư tưởng đúng đắn, phê phán, bác bỏ một cách có hiệu quả những tư tưởng, quan niệm sai lầm về lịch sử của Đảng. Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần. Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc đóng góp ý kiến xây dựng, bảo vệ, thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Tăng cường tính chủ động, tự tin trong việc tìm kiếm những tri thức khoa học mới, từ đó góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
55.	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	+ Nghiên cứu môn học này nhằm giúp người học nắm được nắm được kiến thức cơ bản về sự ra đời; các giai đoạn phát triển; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận hợp thành Chủ nghĩa Mác - Lênin + Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nhận thức được những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu môn học + Học tập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học giúp cho sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết tình hình thực tiễn trong nước và thế giới trong bối cảnh đổi mới đất nước gắn với hội nhập khu vực và thế giới hiện nay.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		+ Giúp cho sinh viên có khả năng vận dụng các tri thức của Chủ nghĩa xã hội khoa học vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước có liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta + Hình thành cho sinh viên thái độ chính trị vững vàng, tư tưởng đúng đắn về môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học. + Đồng thời, giúp cho sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về nền tảng tư tưởng của Đảng ta.			
56.	Pháp luật đại cương	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: + Nhà nước (nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, chức năng, hình thức, kiểu nhà nước); nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; + Pháp luật (nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, vai trò, hình thức, kiểu pháp luật, quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý); + Một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; pháp chế XHCN; pháp luật về phòng chống tham nhũng. Người học có kỹ năng phân tích cơ cấu của quy phạm pháp luật; xác định hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật; phân tích cấu thành của quan hệ pháp luật; nhận biết hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý tương ứng. Người học vận dụng được kiến thức đã học để làm kiến thức nền phục vụ nghiên cứu một số môn học luật chuyên ngành trong chương trình đào tạo. Đồng thời, người học có kỹ năng thuyết trình về một vấn đề của pháp luật; có kỹ năng điều hành hoạt động nhóm, tham gia hoạt động nhóm; có kỹ năng ghi biên bản cuộc họp. Người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của môn học ứng dụng vào học tập và cuộc sống của bản thân; thấy được vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội, từ đó nâng cao ý thức thực hiện pháp luật, tuyên truyền ý thức thực hiện pháp luật với cộng đồng xung quanh.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Đồng thời, người học biết cách tra cứu và tự cập nhật các văn bản pháp luật để phục vụ cho công việc và có ý thức tự điều chỉnh công việc của mình theo những quy định của pháp luật.			
57.	Tin học cơ bản 1	Hiểu được các kiến thức cơ bản về tin học, hệ điều hành Windows, Hiểu được các kiến thức cơ bản của chương trình MS Word như trình bày văn bản, soạn thảo 1 văn bản, Hiểu được các kiến thức cơ bản của chương trình Ms Excel như trang tính, bảng tính, ô tính, thanh công thức, ô địa chỉ, địa chỉ tương đối, địa chỉ tuyết đối. Hiểu được những khái niệm cơ bản của chương trình trình chiếu như trang chiếu, các thành phần của trang chiếu, bố cục của trang chiếu. Vận dụng được các kiến thức được học thực hiện các thao tác cơ bản khi làm việc với một chương trình soạn thảo, bao gồm: Căn lề, chỉnh sửa, định dạng, in ấn các dữ liệu của một văn bản; Thực hiện các thao tác cơ bản khi làm việc với một chương trình bảng tính, bao gồm: Tạo bảng và nhập, sửa các loại dữ liệu, định dạng từng loại dữ liệu, thao tác với các đối tượng trên trang tính, trình bày bảng dữ liệu, tính toán tự động trên bảng dữ liệu thông qua công thức và hàm, định dạng và in trang tính. Thực hiện được các thao tác cơ bản để tạo một bài trình chiếu: quản lý các trang chiếu và tệp trình chiếu, đưa các đối tượng vào trang chiếu, tạo và quản lí các hiệu ứng, thực hiện trình chiếu, thực hiện các phương án in khác nhau. Phân tích, đánh giá và lựa chọn phương án soạn thảo 1 văn bản, lập bảng tính, trình bày trang trình chiếu phù hợp. Có kỹ năng giải quyết, vận dụng kiến thức để: - Soạn thảo, chỉnh sửa, thao tác trình bày văn bản. - Tạo bảng và nhập, sửa các loại dữ liệu, định dạng từng loại dữ liệu, thao tác với các đối tượng trên trang tính, trình bầy bảng dữ liệu, tính toán tự động trên bảng dữ liệu thông qua công thức và hàm, định dạng và in trang tính. - Có kỹ năng phân tích, đánh giá hiệu quả lựa chọn phương án soạn thảo văn bản, lập bảng tính, trình bày trang trình chiếu.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Có kỹ năng lãnh đạo, quản lý, làm việc nhóm trong các hoạt động thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin. Có kỹ thuyết trình, thương thảo trong các hoạt động thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin. Có phẩm chất chính trị; có trách nhiệm công dân, trách nhiệm cộng đồng. Có đạo đức nghề nghiệp, có tinh thần hợp tác và thái độ phục vụ tốt. Năng động, có hoài bão về nghề nghiệp.			
58.	Tin học cơ bản 2	Nắm vững các kiến thức về: Cơ sở dữ liệu, Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Microsoft Access. Cách thức xây dựng, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu thông qua Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Microsoft Access. Sinh viên sau khi học xong phải sử dụng thành thạo phần mềm Microsoft Access để xây dựng, quản lý và khai thác các cơ sở dữ liệu vừa và nhỏ. Có khả năng ứng dụng các lý thuyết đã học để tự xây dựng các bài toán quản lý trong thực tế cuộc sống. Nhận thức được tầm quan trọng của việc áp dụng Tin học trong học tập cũng như trong công việc thực tế. Rèn luyện sinh viên thành người có tính cẩn thận, có tác phong làm việc khoa học, chuẩn xác; có tư duy logic và khả năng quản lý tốt. Sinh viên phải lên lớp và làm các bài tập thực hành để nắm được các nội dung của học phần; nhiệt tình tham gia các buổi thảo luận, thực hành ở trên lớp.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
59.	Soạn thảo văn bản	Nắm được các khái niệm, đặc điểm, chức năng và nội dung của văn bản; Trang bị những kiến thức cơ bản về văn bản nói chung và văn bản quản lý nhà nước nói riêng, phân loại văn bản quản lý nhà nước; Hiểu rõ và nắm vững kiến thức những yêu cầu về nội dung, thể thức, ngôn ngữ và văn phong của văn bản; đặc trưng và kỹ thuật soạn thảo một số loại văn bản hành chính thông thường. Sau khi học xong hoc phần này, sinh viên nhận biết về mục đích, ý nghĩa của việc sử dụng và ban hành văn bản; nắm rõ những yếu tố thuộc về thể	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		thức và cơ cấu nội dung của một số văn bản hành chính nói chung và văn bản quản lý nhà nước nói riêng. Qua đó, sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức đã học để soạn thảo một số văn bản hành chính thông thường trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức. Đồng thời, sinh viên được trau dồi thêm các kỹ năng khác như: kĩ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm và sử dụng công nghệ thông tin phục vụ việc tra cứu và soạn thảo một số văn bản một cách hoàn chỉnh. Qua môn học này, sinh viên thấy được vai trò ý nghĩa và tầm quan trọng của văn bản trong hoạt động quản lý của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp… Từ đó có động lực học tập và phấn đấu để trau dồi kiến thức và kỹ năng năng để áp dụng vào công việc sau khi ra trường.			
60.	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	**- Kiến thức:** + Nghiên cứu môn học này nhằm giúp người học nắm được khái niệm, ý nghĩa của môn học; nắm được bản chất của khoa học, nghiên cứu khoa học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học, cách thức tiến hành nghiên cứu và trình bày một công trình khoa học (viết bài báo khoa học; tiểu luận, báo cáo thực tập và khóa luận tốt nghiệp…). + Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nhận thức được các nguyên tắc cơ bản của nhận thức luận khoa học, các quy luật tư duy của khoa học, các phương pháp dự báo khoa học và quản lý khoa học cũng như đảm bảo đạo đức của người làm khoa học. **- Kỹ năng:** + Học tập môn khoa học bước đầu giúp sinh viên có kỹ năng xác định một đề tài nghiên cứu khoa học, đồng thời cũng hình thành và phát triển khả năng hiểu và phân tích, đánh giá một công trình nghiên cứu khoa học cụ thể. + Giúp cho sinh viên những bước cơ bản nhất để rèn luyện các kỹ năng tư duy, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tìm tài liệu và làm việc nhóm; phát triển kỹ năng nghiên cứu và đánh giá nghiên cứu khoa học. **- Mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm**	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		+ Hình thành tinh thần yêu thích, ham mê khoa học, nghiên cứu khoa học, tăng cường tính chủ động, tự tin trong việc tìm kiếm những tri thức khoa học mới. + Thái độ nghiêm túc, cầu thị, cẩn trọng trong nghiên cứu khoa học.			
61.	Logic học	Học phần này trang bị cho sinh viên: - Khái niệm lôgíc học; định nghĩa khái niệm và đặc điểm chung của khái niệm, định nghĩa và phân chia khái niệm; phán đoán và hình thức ngôn ngữ của phán đoán, phán đoán đơn đặc tính và phán đoán phức; quy luật lôgíc cùng các yêu cầu của quy luật đồng nhất, quy luật cấm mâu thuẫn, quy luật loại trừ cái tứ ba, quy luật lý do đầy đủ; suy luận và đặc điểm bản chất của suy luật, suy luận trực tiếp và suy luận gián tiến, suy luận quy nạp và suy luận tương tự; chứng minh, bác bỏ và giả thuyết. - Có khả năng xây dựng được 1 định nghĩa khái niệm hoàn chỉnh dựa trên cơ sở nội hàm của khái niệm; thực hiện phân chia được khái niệm dựa trên cơ sở ngoại diên của khái niệm. Tìm và xác định được tính chu diên cũng như mối quan hệ giữa các phán đoán có cùng chủ từ, vị từ. Xây dựng được luận ba đoạn phù hợp với mỗi loại hình đảm bảo các quy luật của lôgíc, chuyển và đưa luận hai đoạn về luận ba đoạn hoàn chỉnh. - Chứng minh, bác bỏ và giả thuyết trong nghiên cứu các luận đề khoa học. Qua đó, sinh viên nắm được những nội dung cơ bản của logic học hình thức. Sinh viên có - Khả năng tư duy lôgíc đảm bảo tính hệ thống, chặt chẽ, khoa học và mang tính tất yếu. - Từng bước rèn luyện, nâng cao trình độ tư duy logic, tạo thói quen suy nghĩ, lập luận chặt chẽ, rõ ràng, có cơ sở, có hệ thống để đạt tới những tri thức chính xác, khách quan và khoa học. - Khả năng vận dụng các kiến thức đã học để học tập, nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		- Kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần. - Có thái độ nghiêm túc, đúng đắn và khoa học về bản chất của các vấn đề lôgíc học. - Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu, phân tích, lập luận để bảo vệ những quan điểm tư tưởng đúng đắn, phê phán, bác bỏ một cách có hiệu quả những tư tưởng, quan niệm sai lầm, lối tư duy ngụy biện, tráo trở.			
62.	Toán cao cấp 1	+ Học phần cung cấp cho sinh viên: - Các khái niệm: Ma trận, các phép toán, các phép biến đổi tuyến tính trên ma trận; Định thức; Hệ phương trình tuyến tính; Không gian vector; Mối liên hệ tuyến tính trong không gian vector. Cách tính định thức, tìm ma trận nghịch đảo, tìm nghiệm của hệ phương trình tuyến tính, tìm hạng, cơ sở của hệ véc tơ, cơ sở của không gian con R^n. Học phần giúp cho sinh viên có kỹ năng giải các bài tập về các kiến thức cơ bản được trang bị, kỹ năng tư duy logic. Học phần giúp cho sinh viên có kỹ năng giải các bài tập về các kiến thức cơ bản được trang bị, kỹ năng tư duy logic, kỹ năng đặt bài toán cho các tình huống thực tế, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
63.	Dân số và môi trường	Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về dân số và môi trường, quá trình phát triển của dân số, sự tương tác qua lại giữa 2 yếu tố dân số và môi trường. Giúp cho người học rèn luyện kỹ năng tư duy, phân tích, biết cách tính toán, đọc các số liệu liên quan đến dân số, mối quan hệ qua lại giữa di dân với đô thị hóa, dân số với tài nguyên thiên nhiên và môi trường. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, chuyên nghiệp trong công việc, có trách nhiệm công dân, trách nhiệm với tổ chức và trách nhiệm xã hội; năng động, sáng tạo, có bản lĩnh, chịu được áp lực trong công việc, luôn cầu tiến và ham học hỏi.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Có ý thức tự học tích lũy thêm kiến thức và kinh nghiệm, học tập, nâng cao trình độ ở bậc cao hơn, sẵn sàng thích nghi với các điều kiện, môi trường làm việc khác nhau.			
64.	Thống kê xã hội	Cung cấp cho sinh viên các khái niệm, định nghĩa, các thuật ngữ và các phương pháp phân tích thống kê Sinh viên có thể vận dụng các kiến thức này vào thực tế khi tiến hành nghiên cứu các vấn đề xã hội Sau khi học xong học phần này sinh viên sẽ có các kỹ năng để có thể thu thập, đánh giá, xử lý số liệu, phân tích các hiện tượng xã hội: Có thể thực hiện điều tra, tổng hợp thông tin, xử lí thông tin và phân tích các cuộc điều tra xã hội học. Tính được các chỉ tiêu đánh giá kết quả hoạt động của các lĩnh vực xã hội phục vụ ngành TLH Sinh viên phải vận dụng được các phương pháp phân tích thống kê trong việc lập và viết các báo cáo khoa học, các báo cáo phân tích trong chuyên môn Tâm lý học	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
65.	Lịch sử văn minh thế giới	Học phần này trang bị những kiến thức, khái niệm Văn Minh, và kiến thức về các nền văn minh trên thế giới. Học phần này cung cấp cho người học kiến thức về sự hình thành và phát triển của văn minh các nước Bắc Phi và Tây Á; văn minh Ấn Độ, Trung Quốc, Khu vực Đông Nam Á, Hy lạp và La mã cổ đại và văn minh Tây Âu thời trung đại. Người học có thái độ nghiêm túc trong quá trình học, có khả năng ứng dụng các tri thức được học vào cuộc sống, học tập, giao tiếp, tự rèn luyện, tự giáo dục để phát triển nhân cách của bản thân	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
66.	Chăm sóc sức khoẻ cộng đồng	- Trang bị những kiến thức lý luận về sức khỏe, chăm sóc sức khỏe, hành vi sức khỏe. - Trang bị những kiến thức về cách thức truyền thông giáo dục sức khỏe đạt hiệu quả	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		- Trang bị những kiến thức về chăm sóc sức khỏe cho các nhóm đối tượng đặc biệt. - Trang bị những kiến thức về phòng tránh tai nạn thương tích - Vận dụng được các kiến thức vào quá trình chăm sóc sức khỏe cộng đồng, có kỹ năng làm việc với các cộng đồng đang có những vấn đề liên quan đến sức khỏe. - Hình thành cách thức tổ chức các hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe cho cộng động - Hình thành thái độ tích cực, đúng đắn và chủ động trong chăm sóc sức khỏe bản thân và cộng đồng			
67.	Tiếng Anh cơ bản 1	+ Nắm được kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp tiếng Anh: các thì của động từ; các trợ động từ…. + Nắm được lượng từ vựng căn bản thường gặp trong các đề thi TOEIC + Làm quen định dạng của bài thi TOEIC + Rèn luyện kĩ năng đọc hiểu và nghe hiểu + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng đọc hiểu những mẩu tin, thư, đơn giản. + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng nghe hiểu những ngôn ngữ nói giao tiếp hàng ngày. + Sinh viên có cái nhìn cụ thể hơn về dạng bài thi TOEIC, nắm bắt được kĩ năng làm bài để đạt được điểm cao nhất thông qua các bài luyện tập nghe và đọc hiểu. Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của tiếng Anh và cách làm dạng bài thi TOEIC	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
68.	Tiếng Anh cơ bản 2	+ Nắm được kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp tiếng Anh: Mệnh đề quan hệ; trật tự từ; cấu trúc bị động… + Nắm được lượng từ vựng căn bản thường gặp trong bài thi + Làm quen định dạng của bài thi TOEIC + Rèn luyện kĩ năng đọc hiểu và nghe hiểu	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		+ Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng đọc hiểu những mẩu tin, thư tín. + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng nghe hiểu những ngôn ngữ nói giao tiếp hàng ngày. + Người học làm quen và luyện tập dạng bài thi TOEIC, nắm bắt được kĩ năng làm bài để đạt được điểm cao nhất thông qua luyện Practice Test. Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của tiếng Anh và cách làm dạng bài thi TOEIC			
75.	Thể dục - Điền kinh	Hiểu được tầm quan trọng của học phần Thể dục - Điền kinh là môn thể thao nền tảng cho hoạt động thể lực và các môn thể thao khác. Nắm được kỹ thuật bài tập phát triển chung 13 động tác. Nắm được các kiến thức về kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bung, một số điều luật thi đấu cơ bản của nội dung nhảy cao. Có kỹ năng thực hiện bài tập phát triển chung 13 động tác. Thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bụng. Giáo dục phát triển các tố chất thể lực như: sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo khéo léo, hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cần thiết, bổ trợ và rèn luyện thể lực chuyên môn cho các môn thể thao khác. Sinh viên nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy định của Nhà trường và Bộ môn, tự giác, tích cực thực hiện các nội dung học tập trên lớp và bài tập thể lực, bài tập bổ trợ ở nhà. Sinh viên phải có thái độ học tập tích cực, chủ động. Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá của môn học	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
76.	Bóng chuyền 1	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng chuyền với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng chuyền.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi

		Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			kết thúc học phần 60%
77.	Bóng chuyền 2	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng chuyền với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng chuyền. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
78.	Bóng rổ 1	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng rổ với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng rổ. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			
79.	Bóng rổ 2	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng rổ với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng rổ. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
80.	Cầu lông 1	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Cầu lông với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Cầu lông. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			
81.	Cầu lông 2	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Cầu lông với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Cầu lông. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
82.	Cờ vua 1	- Hiểu được tầm quan trọng của học phần cờ vua 1 là môn thể thao phát triển khả năng tính toán, tư duy, logic... - Nắm được kiến thức về nguồn gốc ra đời, lịch sử phát triên của môn cờ vua. - Nắm được cách chơi cờ, những tri thức cơ bản trong cờ vua) - Nắm được các kiến thức về giai đoạn tàn cuộc của ván đấu. Có kỹ năng thực hiện bài tập của giai đoạn tàn cuộc. Thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của giai đoạn tàn cuộc Giáo dục phát triển toàn diện đặc biệt là rèn luyện tính kiên trì, khả năng tuy duy, phát triển trí thông minh	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Sinh viên nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy định của nhà trường, tự giác, tích cực thực hiện các nội dung học tập trên lớp và bài tập ở nhà. Sinh viên phải có thái độ học tập tích cực, chủ động. Sinh viên tham gia đầy đủ 2 bài kiểm tra đánh giá kết thúc môn học cờ vua 1			
83.	Cờ vua 2	Hiểu được tầm quan trọng của học phần cờ vua 2 là môn thể thao phát triển trí tuệ một cách toàn diện, rèn luyện trí nhớ, tư duy logic Nắm được kiến thức về nguồn gốc ra đời, lịch sử phát triên của môn cờ vua. Những tri thức trong cờ vua và các giai đoạn của tàn cuộc Nắm được các kiến thức về giai đoạn khai cuộc của ván đấu. Có kỹ năng thực hiện bài tập của giai đoạn khai cuộc. Thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của giai đoạn khai cuộc Giáo dục phát triển các tố chất thể lực như: sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo, hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cần thiết, bổ trợ và rèn luyện thể lực chuyên môn cho các môn thể thao khác. Sinh viên nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy định của nhà trường và Bộ môn, tự giác, tích cực thực hiện các nội dung học tập trên lớp và bài tập ở nhà. Sinh viên phải có hái độ học tập tích cực, chủ động. Sinh viên tham gia đầy đủ các bài đánh giá	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
84.	Cờ vua 3	Hiểu được tầm quan trọng của học phần cờ vua 2 là môn thể thao nền tảng cho hoạt động thể lực và các môn thể thao khác. Nắm được kiến thức về nguồn gốc ra đời, lịch sử phát triên của môn cờ vua. Nắm được các kiến thức về giai đoạn trung cuộc của ván đấu. Có kỹ năng thực hiện bài tập của giai đoạn trung cuộc. Thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của giai đoạn trung cuộc	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Giáo dục phát triển các tố chất thể lực như: sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo, hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cần thiết, bổ trợ và rèn luyện thể lực chuyên môn cho các môn thể thao khác. Sinh viên nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy định của nhà trường và Bộ môn, tự giác, tích cực thực hiện các nội dung học tập trên lớp và bài tập ở nhà. Sinh viên phải có hái độ học tập tích cực, chủ động. Sinh viên phải tham gia đầy đủ 2 bài kiểm tra đánh giá kết thúc học phần cờ vua 3			
85.	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng Sản Việt Nam	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: - Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc - Các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân để ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược dưới mọi hình thức, qui mô. - Thực hiện kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh; tìm hiểu về nghệ thuật quân sự từ khi có Đảng lãnh đạo và lịch sử truyền thống vẻ vang của Quân đội nhân dân Việt Nam; những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội. - Vận dụng những kiến thức đã học nhằm nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. - Hình thành tác phong kỷ luật, ý thức tập thể, phát huy trí tuệ tập thể trong học tập và thảo luận nhóm.	3	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		- Phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng thu thập, xử lý thông tin trong học tập nghiên cứu của sinh viên về các nội dung chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế của Đảng và Nhà nước ta. - Có ý thức bảo vệ, truyền bá đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về Quốc phòng - An ninh. - Xây dựng niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, đấu tranh làm thất bại các luận điểm sai trái phản động bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN. - Có thái độ, nhận thức đầy đủ, đúng đắn về Nhiệm vụ của sinh viên đối với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của đất nước.			
86.	Công tác quốc phòng an ninh	Học phần trang bị cho người học kiến thức về: - Phòng, chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. - Vấn đề dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội. - Những kiến thức cơ bản về an ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống; an toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; phòng, chống vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông; phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác góp phần bảo vệ an ninh quốc gia giữ gìn trật tự an toàn xã hội; bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa. - Góp phần phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng trong nghiên cứu, phân tích, tổng hợp của sinh viên về các nội dung; chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế của Đảng và Nhà nước ta; đề xuất các giải pháp thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước về quốc phòng, an ninh.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		- Hiểu thêm cách xây dựng và quy trình đánh giá kết quả học tập của môn học Giáo dục quốc phòng và An ninh, nâng cao khả năng làm việc độc lập của sinh viên. - Tăng cường kỹ năng trong thu thập, xử lý thông tin trước trong và sau mỗi bài học. - Nâng cao lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội nâng cao trách nhiệm của sinh viên, gương mẫu thực hiện đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước chủ động đấu tranh làm thất bại âm mưu chống phá của các thế lực thù địch, góp phần xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa. - Quán triệt sâu sắc đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và công tác quốc phòng, an ninh. - Hình thành nề nếp sinh hoạt, ý thức chấp hành kỷ luật nghiêm túc trong học tập. - Luôn tin tưởng, làm theo đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng. Không để các thế lực thù địch lôi kéo, dụ dỗ đi sai đường lối cách mạng Việt Nam.			
87.	Quân sự chung	Học phần trang bị cho người học kiến thức: -Những nội dung cơ bản về quân sự, an ninh; hiểu biết về các quân, binh chủng trong quân đội, về các chế độ sinh hoạt, công tác trong ngày, tuần, nề nếp chính quy trong đơn vị quân đội; hiểu biết về bản đồ địa hình quân sự, vũ khí công nghệ cao và thi đấu ba môn quân sự phối hợp. -Lịch sử ra đời, truyền thống chiến đấu, lao động của các quân binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam, tác phong chính quy, nề nếp làm việc và kỹ năng phòng thủ dân sự khi có chiến tranh xảy ra, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa.	1	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Xây dựng tác phong, nề lối làm việc chính quy kỷ luật, lối sống giản dị, ngăn nắp; nâng cao lòng tự hào dân tộc, về quân đội anh hùng, từ đó xây dựng bản lĩnh, phẩm chất cách mạng cho mình, phấn đấu thực hiện tốt nhiện vụ học tập, công tác góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng của Đảng, của dân tộc trong giai đoạn cách mạng hiện nay. Nâng cao phẩm chất, đạo đức, lối sống, rèn luyện tính kỷ luật và tác phong chính quy từ đó hình thành lối sống và làm việc nghiêm túc; có kiến thức về quân sự chung, có thái độ nghiêm túc với việc xây dựng nền Quốc phòng toàn dân, An ninh nhân dân, sẵn sàng tham gia xây dựng quân đội khi tổ quốc cần. Hình thành nề nếp sinh hoạt, ý thức chấp hành kỷ luật, tác phong làm việc nghiêm túc phục vụ cho việc học tập và công tác sau này.			
88.	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: - Kiến thức về sử dụng súng tiểu liên AK (Tính năng cấu tạo, quy tắc sử dụng súng, lý thuyết ngắm bắn, đường ngắm, mục tiêu và những vấn đề ảnh hưởng đến phát bắn); lựu đạn (tính năng, cấu tạo và cách ném lựu đạn) - Người học hiểu được kỹ thuật chiến đấu của bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới); - Sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí thông thường như bắn súng tiểu liên AK, (trình tự các bước trong thực hành bắn, kỹ năng ngắm bắn...) - Sử dụng lựu đạn (quy tắc, chuẩn bị và thực hành ném lựu đạn); - - Vận dụng được trong luyện tập thực hành các động tác của chiến sĩ trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ cảnh giới.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		- Người học có thái độ đúng mức khi tiếp cận hoặc sử dụng các loại vũ khí đặc biệt là súng, đạn; có ý thức trách nhiệm khi làm nhiệm vụ liên quan đến ANCT, TTATXH và tham gia các hoạt động quân sự, an ninh; - Sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc - Rèn luyện tác phong của người chiến sĩ; hình thành nếp sống có kỷ luật (Quân trang, quân phục, đội hình, đội ngũ...), ý thức cộng đồng ở trường, lớp và khi ra công tác có thể làm lực lượng nòng cốt trong các nhiệm vụ quân sự, an ninh tại đơn vị cơ sở.			

Ngành Hệ thống thông tin quản lý

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Kinh tế vi mô	Hiểu được các khái niệm và mô hình cơ bản trong phân tích kinh tế vi mô. Nắm được Cách thức thị trường hàng hóa, thị trường các yếu tố đầu vào sản xuất hoạt động như thế nào. Các kết cục do chính sách can thiệp vào thị trường của Chính phủ; Nắm và hiểu được nguyên tắc ra quyết định kinh tế tối ưu của các tác nhân riêng rẽ (người tiêu dùng, người sản xuất…) trong nền kinh tế và sự tương tác giữa các tác nhân này trong từng cấu trúc thị trường khác nhau. Có thể đọc hiểu các bài viết, phân tích về kinh tế được bàn luận trên các phương tiện truyền thông đại chúng như sách, báo, đài và tạp chí; có khả năng sử dụng các lý thuyết kinh tế, mô hình kinh tế đã học để trình bày hoặc lý giải một số hiện tượng kinh tế diễn ra hàng ngày. Góp phần giúp có tính cẩn thận và trách nhiệm khi đưa ra quyết định lựa chọn trong thực tế; có khả năng quản lý tốt, tránh lãng phí các nguồn lực	3	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		của bản thân, gia đình và xã hội từ đó góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong nền kinh tế nói chung.			
2	Kinh tế vĩ mô	Hiểu được những kiến thức cơ bản, các khái niệm và cách thức đo lường các biến số kinh tế vĩ mô của nền kinh tế. Hiểu được cách thức vận hành và những mối quan hệ kinh tế chủ yếu của một nền kinh tế thông qua các lý thuyết và mô hình cơ bản. Hiểu và phân tích được bản chất của các biến động kinh tế vĩ mô và cách thức giải quyết chúng. Hiểu được cách thức vận dụng các chính sách tài khóa và tiền tệ nhằm góp phần giảm bớt các biến động kinh tế có tính chu kỳ. Người học có kỹ năng sử dụng một số phương pháp phân tích tối ưu, phân tích cân bằng tổng thể trong việc nghiên cứu, phân tích, đánh giá một số hiện tượng sự kiện, và chính sách kinh tế vĩ mô. Người học có ý thức trách nhiệm và thái độ tích cực tự rèn luyện nâng cao hiểu biết về các vấn đề kinh tế, phân tích chính sách để có thể đáp ứng được yêu cầu của xã hội đang trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.	3	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
3	Khoa học quản lý	Người học sẽ hiểu được bản chất, vai trò, đặc điểm và các nội dung cơ bản của khoa học quản lý trong một tổ chức; Người học nắm vững được các nội dung: chức năng, nguyên tắc, phương pháp và công cụ quản lý; cũng như tổ chức bộ máy, quyết định, thông tin và cán bộ quản lý trong một tổ chức. Người học có khả năng vận dụng các nguyên tắc, chức năng, phương pháp và công cụ quản lý vào trong hoạt động quản lý; Người học có khả năng xây dựng bộ máy quản lý, cách thức thu thập thông tin và xử lý thông tin để đưa ra các quyết định quản lý một cách tối ưu.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Người học có khả năng đưa ra ý kiến tham mưu cho lãnh đạo cấp trên trong công tác quản lý tổ chức. Bồi dưỡng cho người học những phẩm chất, thái độ tốt, phù hợp với đặc thù công việc quản lý; nâng cao năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm trước xã hội.			
4	Nguyên lý thống kê	Giúp cho sinh viên nắm được quá trình nghiên cứu thống kê, tổng hợp tài liệu thống kê thông qua phương pháp phân tổ thống kê. Nắm vững các phương pháp phân tích thống kê như: phân tích hồi quy và tương quan để nghiên cứu mối liên hệ giữa các tiêu thức; Phân tích đặc điểm và xu thế vận động của hiện tượng qua thời gian; sử dụng hệ thống chỉ số phân tích biến động của hiện tượng. Trang bị bước đầu cho sinh viên một số công cụ thống kê phục vụ cho các môn học Thống kê chuyên ngành và nghiên cứu khoa học. Sinh viên hiểu và sử dụng được các phương pháp thu thập tài liệu, thiết kế bảng hỏi. Thực hành tốt các kỹ năng tổng hợp tài liệu thống kê bằng phương pháp phân tổ thống kê, trình bày dữ liệu thống kê bằng bảng và đồ thị thống kê. Thành thạo kỹ năng tính toán các mức độ của các hiện tượng KTXH, và phân tích hiện tượng trên cơ sở các mức độ đó. Có khả năng chủ động vận dụng các phương pháp phân tích thống kê trong học tập, nghiên cứu khoa học. Rèn luyện thái độ nghiêm túc, trung thực trong thu thập, xử lý tổng hợp, phân tích dữ liệu và trong cung cấp thông tin. Tạo tác phong nghiêm túc và khoa học trong học tập, nghiên cứu và lao động.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
5	Quản trị học	Nắm được các kiến thức cơ bản về quản trị học: khái niệm, vai trò, nội dung của hoạt động quản trị và nhà quản trị Hiểu được: các lý thuyết quản trị (lý thuyết cổ điển, hành vi, định lượng, hiện đại), môi trường quản trị và bản chất của ra quyết định quản trị. Hiểu rõ bản chất và vận dụng các hoạt động quản trị cơ bản: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát trong các thực tế. Có kỹ năng cơ bản về việc ra quyết định và phân tích, đánh giá kế hoạch, cơ cấu tổ chức, tạo động lực lao động, phong cách lãnh đạo, hệ thống kiểm soát. Có kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm trong việc nghiên cứu, phân tích các vấn đề về quản trị; kỹ năng trình bày, thuyết trình một số vấn đề về quản trị. Có kỹ năng vận dụng lý luận và phương pháp quản trị để giải quyết các tình huống quản trị. Góp phần đào tạo sinh viên nhận thức đúng đắn về chức năng, nhiệm vụ, yêu cầu đối với công việc và nhà quản trị trong bối cảnh hiện nay. Góp phần rèn luyện các đức tính của nhà quản trị như sự nhanh nhẹn, linh hoạt, tính nghiêm túc, chính xác, có căn cứ khoa học, tính kiên trì, tinh thần vượt khó.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
6	Cơ sở các hệ thống thông tin	Nắm vững được: (1) các khái niệm và mối quan hệ của dữ liệu, thông tin, tri thức, hệ thống thông tin; (2) Vai trò của hệ thống thống tin trong hệ thống trong tổ chức, hiệu năng hệ thống thông tin; (3) Cấu trúc, đặc điểm và nội dung các hệ thống thông tin quản lý chức năng, đặc trưng của hệ thống hỗ trợ ra quyết định; (4) Quy trình phát triển hệ thống. Sử dụng hệ thống thông tin hỗ trợ cho việc ra quyết định quản lý Phân tích, đánh giá hiện trạng hệ thống thông tin của tổ chức;	2	Học kỳ 2	

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Kiểm tra, giám sát hiệu quả, hiệu năng của hệ thống thông tin. Định hướng triển khai quy trình phát triển hệ thống thông tin trong tổ chức. Chủ động tự nghiên cứu tài liệu học tập; Tham gia nghe giảng trên lớp đầy đủ và thực hiện các nhiệm vụ học tập do giảng viên giao; Tích cực tham gia học tập và tìm hiểu kiến thức thực tiễn liên quan đến học phần theo một nhóm học chính thức thuộc lớp học phần.			
7	Nguyên lý kế toán 1	Trang bị những kiến thức cơ bản của nguyên lý kế toán gồm bản chất của kế toán và các phương tiện kế toán như: Chứng từ kế toán, Tài khoản kế toán và Báo cáo kế toán. Trang bị những kiến thức cơ sở quan trọng về các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung, các phương tiện của kế toán để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành kế toán và các chuyên ngành liên quan. Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
8	Marketing căn bản	Nắm được các vấn đề cơ bản của marketing gồm các khái niệm trong marketing, các quan điểm và nội dung marketing. Hiểu, phân tích và vận dụng các vấn đề về thị trường, khách hàng, khách hàng mục tiêu. Nghiên cứu khách hàng mục tiêu thông qua các hoạt động phân đoạn, lựa chọn và định vị thị trường. Hiểu, phân tích và vận dụng được các mô hình nghiên cứu hành vi mua của khách hàng. Hiểu và phân tích được chính sách marketing – mix (4 “p”) Nắm được các kiến thức mới về marketing Rèn luyện năng lực tư duy marketing. Có kỹ năng phân tích và xử lý tình huống marketing cụ thể	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Ý thức được vai trò và tầm quan trọng của marketing trong hoạt động kinh doanh. Có ý thức ứng dụng marketing trong công việc. Xây dựng ý thức hướng về thị trường, về khách hàng trong các hoạt động.			
9	Cơ sở lập trình	Trang bị cho sinh viên kiến thức kiến thức cơ bản giải thuật, thuật toán, cấu trúc dữ liệu, cấu trúc một chương trình dạng tuần tự. Sinh viên nắm vững lý thuyết về các kiểu dữ liệu của ngôn ngữ lập trình C Sinh viên có thể giải quyết các bài toán dùng các câu lệnh điều kiện. Sinh viên có thể giải quyết các bài toán về dùng câu lệnh có cấu trúc. Sinh viên nắm vững cách dùng dữ liệu mảng, xâu ký tự.	3	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
10	Toán rời rạc	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức, quy luật suy luận logic dùng trong cuộc sống và trong kỹ thuật máy tính. Hiểu và nắm được các kiến thức nền tảng về lý thuyết tập hợp; các phép tính tổ hợp, logic toán, các quy tắc suy diễn, các phương pháp chứng minh,… Hiểu và nắm được lý thuyết đồ thị và một số thuật toán. Trang bị cho sinh viên những kiến thức về Toán chuyên ngành công nghệ thông tin, cơ sở của Khoa học máy tính, Lập trình máy tính, Hệ thống máy tính, Các ứng dụng quan trọng của công nghệ thông tin…; Từ đó sinh viên có đủ kiến thức để có thể hiểu và ứng dụng được Học phần cung cấp cho sinh viên về Cơ sở toán học trong Khoa học máy tính. Kiến thức cơ bản của môn học là nền tảng cho nhiều lĩnh vực của khoa học máy tính bao gồm thiết kế hình thức cho các ngôn ngữ lập trình và các bộ biên dịch, xác thực các hệ thống và các chương trình máy tính, thiết kế và phân tích định lượng các thuật toán.... Sinh viên nắm được kiến thức về Đại số Logic; Hàm và thuật toán; Phép quy nạp và đệ quy, đếm các phần tử; Đồ thị, cây; Quan hệ.	3	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Sinh viên thành thạo các thuật toán để giải nhiều loại bài toán khác nhau, một số khái niệm quan trọng trong lý thuyết số- khoa học về các số nguyên và tính chất của chúng, một số thuật toán quan trọng liên quan đến các số nguyên; từ đó cung cấp cho sinh viên về lý thuyết đồ thị, các loại đồ thị và một đồ thị liên thông và không có chu trình đơn gọi là cây; cây thường được sử dụng trong tin học và dùng cây để xây dựng các thuật toán. Qua môn học này, sinh viên sử dụng được kỹ năng lập luận mang tính toán học, đặc biệt là cấu trúc rời rạc toán học và kỹ năng suy luận logic trong việc học tập và giải quyết các bài toán cơ bản trong khoa học và kỹ thuật máy tính. Phát biểu, trình bày, mô tả một câu hỏi hoặc vấn đề thực tiễn bằng cách áp dụng ngôn ngữ hoặc các mô hình toán học rời rạc.			
11	Tin học cơ bản 1	Trang bị cho sinh viên các kiến thức đại cương về tin học, đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành; Nắm vững kiến thức cơ bản sử dụng máy tính điện tử, phần mềm hệ thống (Windows); Nắm vững nguyên tắc làm việc với phần mềm soạn thảo văn bản (Microsoft Word), phần mềm bảng tính (Microsoft Excel), phần mềm trình chiếu (Microsoft PowerPoint) Sinh viên sau khi học xong phải sử dụng thành thạo hệ điều hành Windows; Sử dụng thành thạo các phần mềm Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint để soạn thảo và trình bày văn bản nhanh chóng, đúng quy định, chuyên nghiệp và khoa học, thiết kế các trang bảng tính và sử dụng tốt các hàm thông dụng của Excel để tính toán, phân tích, tổng hợp dữ liệu (như bảng lương, bảng kế toán, bảng dự toán,…). Tạo một bài	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		trình chiếu (quản lý các trang chiếu và tệp trình chiếu, đưa các đối tượng vào trang chiếu, tạo và quản lí các hiệu ứng, thực hiện trình chiếu...). Nhận thức được tầm quan trọng của việc áp dụng Tin học trong học tập cũng như trong công việc thực tế. Sinh viên phải lên lớp và làm các bài tập thực hành để nắm được các nội dung của học phần; nhiệt tình tham gia các buổi thảo luận, thực hành ở trên lớp.			
12	Tin học cơ bản 2	Nắm vững các kiến thức về: Cơ sở dữ liệu, Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Microsoft Access. Cách thức xây dựng, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu thông qua Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Microsoft Access. Sinh viên sau khi học xong phải sử dụng thành thạo phần mềm Microsoft Access để xây dựng, quản lý và khai thác các cơ sở dữ liệu vừa và nhỏ. Có khả năng ứng dụng các lý thuyết đã học để tự xây dựng các bài toán quản lý trong thực tế cuộc sống. Nhận thức được tầm quan trọng của việc áp dụng Tin học trong học tập cũng như trong công việc thực tế. Rèn luyện sinh viên thành người có tính cẩn thận, có tác phong làm việc khoa học, chuẩn xác; có tư duy logic và khả năng quản lý tốt. Sinh viên phải lên lớp và làm các bài tập thực hành để nắm được các nội dung của học phần; nhiệt tình tham gia các buổi thảo luận, thực hành ở trên lớp.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
13	Quản trị doanh nghiệp	Hiểu được khái niệm, bản chất của doanh nghiệp và quản trị doanh nghiệp Hiểu rõ bản chất các nôi dungquản trị theo lĩnh vực: quản trị sản xuất, quản trị công nghệ, quản trị nhân lực và quản trị tài chính.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Vận dụng những kiến thức quản trị doanh nghiệp vào việc phân tích hoạt động quản trị doanh nghiệp trong thực tế. Bước đầu có kỹ năng cơ bản về phân tích, đánh giá về môi trường kinh doanh của doanh nghiệp, các loại hình doanh nghiệp, cơ cấu tổ chức doanh nghiệp Có kỹ năng vận dụng lý luận để giải quyết các tình huống quản trị doanh nghiệp phát sinh trong thực tế về một số lĩnh vực hoạt động cơ bản của doanh nghiệp như sản xuất, công nghệ, tiêu thụ, nhân lực và tài chính Có kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm trong việc nghiên cứu, phân tích các vấn đề về quản trị doanh nghiệp; kỹ năng trình bày, thuyết trình vấn đề về quản trị doanh nghiệp Góp phần đào tạo sinh viên nhận thức đúng đắn về chức năng, nhiệm vụ, yêu cầu đối với hoạt động quản trị doanh nghiệp và nhà quản trị doanh nghiệp. Góp phần rèn luyện các đức tính của nhà quản trị doanh nghiệp như sự nhanh nhẹn, linh hoạt, tính nghiêm túc, chính xác, có căn cứ khoa học, tính kiên trì, tinh thần vượt khó			
14	Kinh tế lượng	+ Nắm được các kiến thức cơ bản về phân tích hồi quy trong kinh tế xã hội.; + Thực hiện được một cách cơ bản quy trình phân tích hồi quy, từ xây dựng một mô hình tốt đến ứng dụng mô hình này để đưa ra các khuyến nghị hợp lý cho các vấn đề cụ thể trong kinh tế kinh doanh. + Nắm được các kỹ năng thực hành trong phân tích hồi quy; Nắm được các kỹ thuật cơ bản trong phân tích hồi quy và sử dụng thành thạo phần mềm Eviews trong quá trình phân tích hồi quy;	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Có thái độ nghiêm túc, đúng đắn và khoa học về bản chất của các vấn đề toán học, vấn đề vận dụng các kiến toán vào lĩnh vực kinh tế.			
15	Hành vi tổ chức	Hiểu và nắm vững những vấn đề về quy luật hình thành, đặc điểm, bản chất của thái độ, hành vi cá nhân, nhóm trong tổ chức. Hiểu và nắm vững những yếu tố tác động, chi phối đến thái độ, hành vi của con người ở ba cấp độ: cá nhân, nhóm, tổ chức. Vai trò tác động của HVTC đến sự hài lòng, sự thuyên chuyển lao động, tỷ lệ nghỉ việc; sự gắn kết và năng suất lao động. Rèn luyện khả năng điều chỉnh thái độ, hành vi cá nhân, hành vi nhóm trong tổ chức sao cho phù hợp với mục tiêu của tổ chức. Hình thành và rèn luyện các năng lực lý giải, dự đoán và kiểm soát hành vi cá nhân, hành vi nhóm trong tình huống thực tiễn. Rèn luyện kỹ năng giao tiếp, thuyết phục phục vụ công tác quản trị nhân lực đạt hiệu quả. Chủ động trong quá trình thực hiện công việc, phong cách làm việc chuyên nghiệp, dám làm, dám chịu (có bản lĩnh); Hình thành và có chí hướng tự học tập, tự cập nhật, tự tích lũy kinh nghiệm.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
16	Nguyên lý tổ chức bộ máy	Hiểu được bản chất, vai trò và nội dung cơ bản của nguyên lý tổ chức bộ máy trong một tổ chức, các nhân tố ảnh hưởng tới việc thực hiện tổ chức bộ máy trong một tổ chức. Hiểu được cách thức triển khai thực hiện tổ chức bộ máy trong đơn vị, cách thức phân tích, đánh giá hiện trạng thực thi tổ chức bộ máy trong một đơn vị. Phân tích, đánh giá hiện trạng thực thi tổ chức bộ máy trong đơn vị để tham mưu cho lãnh đạo cấp trên trong thiết kế, hình thành chính sách về tổ chức bộ máy trong đơn vị. Kiểm tra, giám sát vấn đề thực thi về tổ chức bộ máy trong một đơn vị.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, chuyên nghiệp trong công việc, có trách nhiệm công dân, trách nhiệm với tổ chức và trách nhiệm xã hội; năng động, sáng tạo, có bản lĩnh, chịu được áp lực trong công việc. Ý thức và chủ động hơn trong việc tìm kiếm, học hỏi những kiến thức về tổ chức bộ máy trong một đơn vị. Từ đó, có ý thức tự học tích lũy thêm kiến thức và kinh nghiệm, học tập, nâng cao trình độ ở bậc cao hơn, sẵn sàng thích nghi với các điều kiện, môi trường làm việc khác nhau.			
17	Quản trị truyền thông	Nắm được các kiến thức cơ bản về truyền thông tích hợp: khái niệm, nội dung, thành phần của truyền thông, vai trò, mục tiêu Nắm được các nội dung truyền thông chủ yếu: tổ chức hoạt động, quá trình truyền thông và các yếu tố ảnh hưởng, nghiên cứu công chúng, thiết lập mục tiêu và chính sách truyền thông, chiến lược sáng tạo trong truyền thông, kế hoạch sử dụng phương tiện truyền thông, đánh giá các phương tiện truyền thông, các công cụ trong truyền thông. Hiểu rõ bản chất của các công cụ trong truyền thông: Quảng cáo, Quan hệ công chúng, Xúc tiến bán, Bán hàng cá nhân, Marketing trực tiếp Có khả năng tổng hợp, xem xét, phân tích, đánh giá các điều kiện môi trường bên trong, bên ngoài… để thiết kế, triển khai và kiểm soát, đánh giá các chương trình truyền thông Người học nắm được các kỹ năng vận dụng các công cụ truyền thông vào thực tế. Có kỹ năng nghiên cứu đối tượng truyền thông, thiết kế các thông điệp truyền thông, sử dụng thành thạo và quản trị tốt theo mục tiêu các công cụ truyền thông. Người học hiểu và có ý thức, thái độ tích cực về vai trò và tầm quan trọng của thuyền thông trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, qua đó vận dụng một cách hiệu quả và sáng tạo cho từng trường hợp cụ thể.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
18	Hệ thống thông tin quản lý	Nắm vững được: (1) bản chất, vai trò của thông tin, hệ thống thông tin và hệ thống thông tin quản lý (HTTTQL); (2) kiến thức cơ sở về công nghệ thông tin sử dụng trong hệ thống thông tin quản lý của các tổ chức; (3) kiến thức tổng quan về xây dựng và quản lý hệ thống thông tin quản lý trong tổ chức; (4) Các HTTTQL tiêu biểu trong tổ chức và ứng dụng của hệ thống thông tin quản lý trong hoạt động sản xuất kinh doanh của tổ chức. Biết cách lựa chọn các yếu tố cơ sở về công nghệ thông tin sử dụng trong hệ thống thông tin quản lý của các tổ chức một cách tối ưu; Biết cách thu thập, xử lý thông tin và sử dụng hệ thống thông tin nhằm ra quyết định quản lý; Khả năng tư vấn, lập kế hoạch, xây dựng và triển khai các dự án Hệ thống thông tin quản lý. Vận dụng linh hoạt các công cụ, quy trình để xây dựng và quản lý hiệu quả hệ thống thông tin quản lý gắn với điều kiện cụ thể của tổ chức; Khả năng đánh giá, thẩm định và quản lý các dự án hệ thống thông tin trong doanh nghiệp; Ứng dụng được các hệ thống thông tin quản lý tiêu biểu trong hoạt động quản lý của tổ chức. Chủ động tự nghiên cứu tài liệu học tập; Tham gia nghe giảng trên lớp đầy đủ và thực hiện các nhiệm vụ học tập do giảng viên giao; Tích cực tham gia học tập và tìm hiểu kiến thức thực tiễn liên quan đến học phần theo một nhóm học chính thức thuộc lớp học phần.	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
19	Hệ thống thông tin kế toán	Trang bị những kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp thông qua việc sử dụng các công cụ mô tả hệ thống là sơ đồ dòng dữ liệu, lưu đồ chứng từ, lưu đồ hệ thống để mô tả từng chu trình hoạt	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		động của doanh nghiệp, tập trung vào việc kiểm soát hệ thống, hiểu được từng chu trình trong doanh nghiệp được vận hành như thế nào, những ai tham gia vào chu trình đó, chức năng nhiệm vụ của họ là gì, những chứng từ sổ sách, báo cáo nào được tạo ra. Qua đó giúp cho người xây dựng hệ thống, người vận hành hệ thống có thể đánh giá được hệ thống có những ưu, nhược điểm gì và đề xuất các biện pháp khắc phục Trang bị những kiến thức nền quan trọng về hệ thống thông tin kế toán để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành chuyên sâu và chuyên ngành liên quan. Rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.			kết thúc học phần 60%
20	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật	Hiểu và sử dụng được các cấu trúc dữ liệu, bao gồm: khái niệm, các tính chất, ưu điểm, hạn chế, tình huống sử dụng và các giải thuật liên quan của từng cấu trúc dữ liệu cụ thể; Cài đặt được các CTDL và giải thuật cơ bản đã được trình bày trong phần nội dung môn học bằng C/C++; Phân tích được ưu điểm và hạn chế của các cấu trúc dữ liệu khác nhau, từ đó chọn lựa ra được cấu trúc dữ liệu và giải thuật phù hợp cho một ứng dụng cụ thể; Đọc hiểu tài liệu tham khảo tiếng Việt, tiếng Anh được cung cấp sẵn; Tổ chức làm việc nhóm, phân công công việc, kỹ năng trình bày và báo cáo.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
21	Hệ thống thông tin quản trị nhân lực	Nắm được các kiến thức căn bản về quản trị nhân lực, và hệ thống thông tin cốt lõi của các nghiệp vụ quản trị nhân lực	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Vận dụng linh hoạt các phương pháp /công cụ để xây dựng và quản lý hiệu quả hệ thống thông tin quản trị nhân lực gắn với điều kiện cụ thể của tổ chức Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, chuyên nghiệp trong công việc. Hiểu rõ được tầm quan trọng thông tin quản trị nhân lực Chủ động, tích cực quan tâm đúng mức đến hoạt động thay đổi, phát triển công nghệ hóa công tác nhân sự trong tổ chức, doanh nghiệp			
22	Quản lý công nghệ	Hiểu và nắm vững những kiến thức cơ bản về công nghệ và quản lý công nghệ. Sinh viên sẽ hiểu được bản chất, nội dung, các hoạt động công nghệ và quản lý công nghệ. Ngoài ra sinh viên cũng nắm được tiến trình và các điều kiện cần thiết để phát triển công nghệ và đổi mới trong nền kinh tế hiện đại cũng như vai trò của quản trị công nghệ và đổi mới đối với tương lai của quốc gia và doanh nghiệp Phân tích và đánh giá trong lựa chọn và chuyển giao công nghệ thích hợp phục vụ cho đổi mới công nghệ. Sinh viên có thể quản lý, đề xuất đổi mới công nghệ phù hợp với thực tiễn hoạt động của tổ chức. Lập và thẩm định hợp đồng chuyển giao công nghệ, đăng ký quyền sở hữu trí tuệ theo thông lệ quốc tế và phù hợp với pháp luật Việt Nam. Hoạch định, thực hiện, lãnh đạo và kiểm soát quá trình đổi mới trong doanh nghiệp. Ý thức được tầm quan trọng của quản lý công nghệ, người học, người nghiên cứu nhận thức và chủ động hơn trong việc tìm kiếm, học hỏi, đóng góp ý kiến về hoạt động quản lý công nghệ.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
23	Cơ sở dữ liệu	Hiểu được mô hình dữ liệu, các khái niệm cơ bản của mô hình dữ liệu quan hệ: phụ thuộc hàm, bao đóng của các thuộc tính, khóa của quan hệ, phương pháp thiết kế cơ sở dữ liệu, ngôn ngữ thao tác dữ liệu;	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Sinh viên có khả năng thiết kế, chuẩn hóa cơ sở dữ liệu để giải quyết các bài toán thực tế; sử dụng ngôn ngữ thao tác dữ liệu để quản trị một cơ sở dữ liệu, tối ưu hóa các truy vấn; Nghiêm túc, trách nhiệm, chủ động, tích cực, chăm chỉ, cẩn thận.			
24	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	Trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quan về hệ quản trị cơ sở dữ liệu. Ưu, nhược điểm giữa một số hệ quản trị cơ sở dữ liệu điển hình. Thiết kế và quản trị cơ sở dữ liệu cho các bài toán thực tế dựa trên một hệ quản trị cơ sở dữ liệu cụ thể (MS SQL Server). Học phần giúp cho sinh viên có kỹ năng vận dụng được các kiến thức về cơ sở dữ liệu, hệ quản trị cơ sở dữ liệu vào thiết kế và quản trị các cơ sở dữ liệu trong thực tế. Kỹ năng tư duy logic, kỹ năng đặt bài toán cho các tình huống thực tế, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình. Cần cù, tỉ mỉ, có tinh thần trách nhiệm cao, có khả năng làm việc độc lập cũng như khả năng hợp tác tốt với các thành viên khác khi làm việc theo nhóm. Sinh viên phải lên lớp và làm các bài tập thực hành để nắm được các nội dung của học phần; nhiệt tình tham gia các buổi thảo luận, thực hành ở trên lớp.	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
25	Lập trình PHP căn bản	Nắm vững một số kiến thức cơ bản về web tĩnh, web động, ngôn ngữ đánh dấu siêu văn bản HTML, ngôn ngữ kịch bản DHTML, ngôn ngữ lập trình web động PHP. Nâng cao hiểu biết về lập trình web, giúp sinh viên có khả năng đi sâu thêm vào các môn học chuyên ngành.	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Có thể áp dụng các kiến thức về phân tích thiết kế hệ thống, an toàn bảo mật thông tin, quản trị mạng để có thể tự tin xây dựng một ứng dụng website trên mạng. Làm việc kỷ luật, chính xác, có hệ thống.			
26	Hệ thống thông tin thị trường lao động	Trang bị những kiến thức lý luận cơ bản về hệ thống thông tin thị trường lao động nắm được bản chất hệ thống thông tin thị trường lao động. Vận dụng các kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, các kiến thức khoa học cơ bản trong quản lý và quản trị để giải quyết các vấn đề của hệ thống thông tin thị trường lao động. Hiểu và vận dụng được các lý thuyết, nguyên lý và cách thức để phân tích các vấn đề của hệ thống thông tin thị trường lao động. Thu thập thông tin, phân tích và đánh giá hệ thống thông tin thị trường lao động. Xây dựng, triển khai, đóng góp ý kiến trong công tác quản lý hệ thống thông tin thị trường lao động. Rèn luyện cho người học có kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
27	Phân tích kinh tế - xã hội	Hiểu được cơ bản bản chất các vấn đề kinh tế xã hội, chính sách kinh tế xã hội, mối quan hệ giữa chính sách kinh tế xã hội và phát triển. Có khả năng thu thập số liệu, phân tích, đánh giá được các số liệu liên quan đến kinh tế xã hội. Ý thức được mối quan hệ giữa chính sách kinh tế xã hội và phát triển, từ đó có ý thức và chủ động hơn trong việc tìm kiếm, học hỏi, nghiên cứu các nội dung học phần.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
28	Quản trị sản xuất	+ Nắm được các kiến thức cơ bản, nguyên lý chung của hoạt động sản xuất tạo ra sản phẩm, dịch vụ.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		+ Nắm được các nội dung chủ yếu của hoạt động quản trị sản xuất, từ lập kế hoạch đến tổ chức thực hiện và kiểm soát. + Hiểu và vận dụng để dự báo, lập kế hoạch, dự án sản xuất kinh doanh cụ thể cho doanh nghiệp. + Vận dụng kiến thức về quản trị sản xuất để phân tích, giải quyết tình huống sản xuất kinh doanh cụ thể. Người học nắm được các kỹ năng vận dụng phương pháp quản trị để giải quyết các tình huống quản trị sản xuất của doanh nghiệp. Có kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm trong việc nghiên cứu, phân tích và ra quyết định các vấn đề sản xuất trong doanh nghiệp. Người học thái độ đúng đắn, nghiêm túc, tích cực về tầm quan trọng của sản xuất và nỗ lực để làm tốt nhiệm vụ, yêu cầu đối với công việc quản trị sản xuất trong doanh nghiệp.			kết thúc học phần 60%
29	Lập trình hướng đối tượng	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về lập trình hướng đối tượng. Cung cấp cho sinh viên cách tiếp cận hướng đối tượng. Nắm vững các thành phần của lập trình hướng đối tượng, viết chương trình hướng đối tượng. Học phần giúp cho sinh viên: kiến thức phân tích và xây dựng chương trình theo tư duy hướng đối tượng, sử dụng được UML trong phân tích, thiết kế hướng đối tượng. Kỹ năng tư duy logic, kỹ năng đặt bài toán cho các tình huống thực tế, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình. Cần cù, tỉ mỉ, có tinh thần trách nhiệm cao, có khả năng làm việc độc lập cũng như khả năng hợp tác tốt với các thành viên khác khi làm việc theo nhóm.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Thực hiện lập trình bằng ngôn ngữ C/C++ để tạo ra các chương trình hướng đối tượng theo đúng thiết kế.			
30	Phát triển hệ thống thông tin kinh tế	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về lập trình hướng đối tượng. Cung cấp cho sinh viên cách tiếp cận hướng đối tượng. Nắm vững các thành phần của lập trình hướng đối tượng, viết chương trình hướng đối tượng. Học phần giúp cho sinh viên: kiến thức phân tích và xây dựng chương trình theo tư duy hướng đối tượng, sử dụng được UML trong phân tích, thiết kế hướng đối tượng. Kỹ năng tư duy logic, kỹ năng đặt bài toán cho các tình huống thực tế, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình. Cần cù, tỉ mỉ, có tinh thần trách nhiệm cao, có khả năng làm việc độc lập cũng như khả năng hợp tác tốt với các thành viên khác khi làm việc theo nhóm. Thực hiện lập trình bằng ngôn ngữ C/C++ để tạo ra các chương trình hướng đối tượng theo đúng thiết kế.	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
31	Phân tích và thiết kế hệ thống	Trang bị cho sinh viên phương pháp và công cụ phân tích, thiết kế hệ thống. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về phân tích và thiết kế HTTT ứng dụng trong doanh nghiệp. Cung cấp cho sinh viên hai hướng tiếp cận trong phân tích, thiết kế là hướng cấu trúc và hướng đối tượng trong đó nhấn mạnh hướng tiếp cận phân tích, thiết kế một hệ thống theo hướng đối tượng Cung cấp cho sinh viên ngôn ngữ mô hình hóa UML, công cụ Rational Rose để sinh viên có thể áp dụng phân tích thiết kế một hệ thống thông tin	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		cụ thể trong doanh nghiệp như quản lý bán hàng, quản lý thư việ điện tử, quản lý khách sạn, quản lý nhân sự, ... Học phần giúp cho sinh viên có kỹ năng ứng dụng các kiến thức về cơ sở dữ liệu, các kỹ năng phân tích, kỹ năng thiết kế để thực hiện phân tích thiết kế các hệ thống thông tin. Kỹ năng tư duy logic, kỹ năng đặt bài toán cho các tình huống thực tế, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình. Cần cù, tỉ mỉ, có tinh thần trách nhiệm cao, có khả năng làm việc độc lập cũng như khả năng hợp tác tốt với các thành viên khác khi làm việc theo nhóm. Sinh viên phải lên lớp và làm các bài tập thực hành để nắm được các nội dung của học phần; nhiệt tình tham gia các buổi thảo luận, thực hành ở trên lớp.			
32	An toàn và bảo mật hệ thống thông tin	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin và các vấn đề an toàn, bảo mật trong hệ thống, các tài liệu về triển khai chương trình an toàn bảo mật hệ thống thông tin. Thông tin về tấn công và giải pháp kỹ thuật để đảm bảo an toàn mạng máy tính Giúp cho sinh viên có kỹ năng tìm hiểu tài liệu, phân tích các vấn đề về an toàn bảo mật của hệ thống, từ đó đưa ra mô hình đề xuất phương án giải quyết Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu của học phần	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
33	Kiểm thử phần mềm	Sinh viên phải xác định và trình bày lại được các khái niệm, thuật ngữ liên quan đến chất lượng phần mềm.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Thiết lập được các chỉ tiêu về chất lượng phần mềm cần đạt được, các kỹ thuật đo lường và phân tích chất lượng quy trình, sản phẩm. Giải thích, so sánh được các phương pháp, kỹ thuật kiểm thử: khảo sát đặc tả và mã nguồn, kiểm thử hàm, kiểm thử dòng điều khiển, dòng dữ liệu, kiểm thử tích hợp, kiểm thử hệ thống, kiểm thử chấp nhận, kiểm thử hồi quy, kiểm thử mô hình. Vận dụng được các phương pháp, kỹ thuật kiểm thử phần mềm để lên kế hoạch kiểm thử, viết kịch bản kiểm thử, trường hợp kiểm thử nhằm đạt mục đích chất lượng đề ra. Sử dụng thành thạo một số công cụ phần mềm phục vụ cho môn học Làm quen và xây dựng kế hoạch kiểm thử, kịch bản và trường hợp kiểm thử Sinh viên có thể thực thi được các kịch bản, trường hợp kiểm thử. Có thái độ nghiêm túc, đúng đắn và khoa học về bản chất của các vấn đề trong xử lý lỗi cũng như kiểm thử phần mềm. Rèn luyện tính tự giác, trung thực và có trách nhiệm trong học tập			kết thúc học phần 60%
34	Điện toán đám mây	Hiểu được các kiến thức cơ bản về định nghĩa, các đặc thù của điện toán đám mây. Hiểu được các kiến thức cơ bản của cấu trúc, thành phần của điện toán đám mây. Hiểu được các kiến thức cơ bản của mô hình các lớp dịch vụ. Hiểu được mô hình SOA và tiềm năng của điện toán đám mây. Sự khác biệt giữa Grids và Clouds. Biết được lịch sử, các đặc điểm nổi bật và nguyên tắc hoạt động của công nghệ ảo hoá.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Hiểu được về công nghệ máy ảo và ảo hoá với vmware vsphere 5.1 trên esx server. Vận dụng được các kiến thức được học để hiện thực được private cloud trên môi trường máy ảo. Có kỹ năng áp dụng kiến thức nền tảng về điện toán đám mây (cloud) trong xây dựng, tích hợp dịch vụ ở mức ứng dụng trong doanh nghiệp. Có khả năng cấu hình và triển khai các dịch vụ cloud cho doanh nghiệp Có khả năng tự giải quyết một số vấn đề thực tế. Có năng lực đọc hiểu giáo trình, bài giảng bằng tiếng Anh. Có khả năng lập trình, phát triển ứng dụng trên cloud chạy trên nền các cloud platforms khác nhau Có kỹ năng lãnh đạo, quản lý, làm việc nhóm trong các hoạt động thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin. Có kỹ năng thuyết trình, thương thảo trong các hoạt động thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin. Có phẩm chất chính trị; có trách nhiệm công dân, trách nhiệm cộng đồng. Có đạo đức nghề nghiệp, có tinh thần hợp tác và thái độ phục vụ tốt. Năng động, có hoài bão về nghề nghiệp.			
35	Quản lý thực hiện công việc	Sinh viên sẽ hiểu rõ bản chất, ý nghĩa, sự cần thiết triển khai hoạt động quản lý thực hiện công việc. Hiểu rõ quy trình, phương pháp triển khai các hoạt động đánh giá thực hiện công việc, thẩm quyền và trách nhiệm các bên liên quan trong đánh giá thực hiện công việc. Hiểu được sự khác biệt và mối liên hệ giữa quản lý sự thực hiện công việc với các hoạt động quản trị nhân lực khác. Sinh viên có thể bước đầu biết cách thiết kế tiêu chí đánh giá thực hiện công việc, thiết kế các biểu mẫu thống kê, đo lường, quản lý tình hình và	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		kết quả thực hiện công việc, biết phân tích bối cảnh và lựa chọn phương pháp đánh giá thực hiện công việc, có thể xây dựng quy chế đánh giá, tham gia phỏng vấn đánh giá. Nhận thức rõ về vai trò của cán bộ quản lý nói chung, quản trị nhân lực nói riêng trong quản lý sự thực hiện công việc của người lao động. Biết ghi nhận, tôn trọng và khích lệ sự nỗ lực của người lao động.			
36	Quản trị thù lao lao động trong doanh nghiệp	Hiểu được những vấn đề cơ bản về thù lao lao động, kết cấu, nhân tố ảnh hưởng đến thù lao lao động và các nội dung của quản trị thù lao lao động trong doanh nghiệp như: quản trị tiền lương, quản trị tiền thưởng, quản trị các chương trình phúc lợi và quy chế trả lương. Phân tích, đánh giá được hệ thống thù lao lao động của doanh nghiệp như: tiền lương, khuyến khích tài chính, phúc lợi. Xây dựng được quy chế trả lương, thưởng; các chương trình khuyến khích, phúc lợi cho doanh nghiệp. Ý thức được tầm quan trọng của quản trị thù lao lao động trong doanh nghiệp. Từ đó, chủ động hơn trong việc tìm kiếm, học hỏi, nghiên cứu các nội dung học phần.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
37	Tuyển dụng và sử dụng nhân lực	Nhớ, hiểu được khái niệm, phương pháp tuyển mộ và tuyển chọn, vai trò của các cấp trong tuyển dụng nhân lực và nội dung tiến trình sử dụng nhân lực trong tổ chức Có kỹ năng xây dựng và hoàn thiện quy chế tuyển dụng nhân lực trong tổ chức. Ứng dụng công nghệ vào các bước trong quy trình tuyển dụng để chuyển đổi số các nghiệp vụ quản lý trong tuyển dụng nhân lực Ứng dụng các mô hình, thuật toán để quản trị cơ sở dữ liệu trong phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng nhân lực	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, chuyên nghiệp trong công việc. Ý thức và chủ động hơn trong việc tìm kiếm, học hỏi, tích lũy thêm kiến thức và kinh nghiệm, học tập, nâng cao trình độ ở bậc cao hơn, sẵn sàng thích nghi với các điều kiện, môi trường làm việc khác nhau.			
38	Thực tập cuối khóa	Người học kết nối, kiểm nghiệm, hoàn thiện hệ thống kiến thức về chính sách nhân sự, cách thức tổ chức bộ máy quản trị nhân lực, cách triển khai các hoạt động chức năng trong quản trị nhân lực. Người học tìm hiểu thực tế, trải nghiệm và rèn luyện được các kỹ năng xử lý công việc hàng ngày của cán bộ chuyên trách công tác quản trị nhân lực Bồi dưỡng, rèn luyện cho người học những phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, sự chuyên nghiệp trong công việc của nghề quản trị nhân lực. Rèn luyện ý thức tự giác, tự chịu trách nhiệm và thực hành đạo đức nghề nghiệp tại nơi thực tập.	4	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
39	Khóa luận tốt nghiệp	Sinh viên áp dụng, tổng hợp các kiến thức tích luỹ từ các học phần của chuyên ngành vào thực hiện đề tài khoá luận, giải quyết được vấn đề đặt ra trong khoá luận. Củng cố và nâng cao kiến thức chuyên sâu về các vấn đề của quản trị nhân lực. Sinh viên có kỹ năng triển khai nghiên cứu một đề tài chuyên sâu trong quản trị nhân lực tại một đơn vị cụ thể. Rèn luyện và phát triển kỹ năng tư duy, kỹ năng tìm kiếm thông tin, phân tích và tổng hợp báo cáo. Bồi dưỡng cho sinh viên những phẩm chất phù hợp với nghề nghiệp, có thái độ nghiêm túc, trung thực, chăm chỉ, biết chủ động nghiên cứu và trao đổi với giảng viên hướng dẫn, đồng thời có khả năng tự đánh giá năng lực bản thân để chủ động lên kế hoạch cho nghề nghiệp.	6	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
40	Quản trị hệ thống thông tin doanh nghiệp	Giúp sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về hoạt động quản trị hệ thống thông tin trong doanh nghiệp. Sinh viên sẽ hiểu được bản chất, nội dung, các hoạt động quản trị hệ thống thông tin doanh nghiệp. Sinh viên có công cụ cơ bản để phân tích và đánh giá trong quản trị hệ thống thông tin. Sinh viên có thể quản lý, đề xuất đổi mới công nghệ phù hợp với thực tiễn hoạt động của tổ chức. Học phần giúp cho sinh viên có kỹ năng quản trị hệ thống thông tin trong doanh nghiệp. Ý thức được tầm quan trọng của quản trị hệ thống thông tin, người học, người nghiên cứu nhận thức và chủ động hơn trong việc tìm kiếm, học hỏi, đóng góp ý kiến về hoạt động quản trị hệ thống thông tin trong các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế.	3	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
41	Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	Nắm được bản chất, vai trò và nhân tố ảnh hưởng của hoạch định nguồn lực doanh nghiệp, cơ sở và quy trình hoạch định của các nguồn lực trong doanh nghiệp (nguồn nhân lực, tài chính, công nghệ, vật chất trong doanh nghiệp) Có kỹ năng phân tích các nguồn lực trong doanh nghiệp, triển khai các nguồn lực phục vụ công tác quản lý hệ thống thông tin, kiểm tra và đánh giá hiệu quả của các nguồn lực trong doanh nghiệp Ý thức được tầm quan trọng của các nguồn lực doanh nghiệp. Từ đó, chủ động hơn trong việc học hỏi và nghiên cứu các vấn đề liên quan đến hoạch định các nguồn lực trong doanh nghiệp	3	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
42	Lập trình PHP nâng cao	Có khả năng hiểu và nắm bắt được các thành phần của lập trình website. Có khả năng hiểu và nắm bắt được các mô hình và nguyên lý thiết kế website để có thể thiết kế, xây dựng các hệ thống thực tế. Có khả năng hiểu biết được các công nghệ phổ biến cũng như các công nghệ đang phát triển liên quan tới thiết kế website.	3	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Có khả năng nắm bắt, hiểu các kiến thức về các mô hình phát triển website khác nhau trên thực tế… Có kiến thức tổng quan về về HTML, CSS & Javascript, tạo website động SQL và MySQL. Phân tích được các ưu điểm của PHP so với HTML. Cài đặt, cấu hình được web server và PHP. Xây dựng website với các ngôn ngữ HTML, CSS, JavaScript, PHP và MySQL Phân tích, đánh giá được các mô hình của các phương pháp lập trình khác nhau với HTML, PHP và MySQL Thường xuyên, kiên trì học tập, hoàn thành các bài đọc, bài tập của mình. Xác định được vai trò và trách nhiệm của nhóm, đánh giá các điểm mạnh của thành viên nhóm. Xác định các mục tiêu và công việc cần làm, hoạch định và có chiến lược hoàn thiện hợp lý Áp dụng những lập luận để tìm ra được các phương án, mô hình phù hợp với yêu cầu đề ra.			
43	Thiết kế Web	Hiểu về mạng Internet và dịch vụ Web hiệu chỉnh tối ưu hóa hình ảnh cho web; Có thể thực hiện được cách thức và qui trình tạo trang Web, công nghệ thiết kế. Xây dựng một trang Web; Biết cách sử dụng HTML cơ bản, cú pháp và các thành phần của tài liệu HTML; các phần tử HTML cơ bản, các phần tử HTML thông dụng. Định kiểu trang web với CSS; Học phần giúp cho sinh viên có kỹ năng: vận dụng quy trình, thực hiện thiết kế và hoàn chỉnh một Website.	3	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Hình thành đạo đức và trách nhiệm nghề nghiệp, trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với làm việc theo nhóm; Tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; nhận ra sự cần thiết phải tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu của công việc.			
44	Toán cao cấp 1	+ Học phần cung cấp cho sinh viên: - Các khái niệm: Ma trận, các phép toán, các phép biến đổi tuyến tính trên ma trận; Định thức; Hệ phương trình tuyến tính; Không gian vector; Mối liên hệ tuyến tính trong không gian vector. Cách tính định thức, tìm ma trận nghịch đảo, tìm nghiệm của hệ phương trình tuyến tính, tìm hạng, cơ sở của hệ véc tơ, cơ sở của không gian con R^n. Học phần giúp cho sinh viên có kỹ năng giải các bài tập về các kiến thức cơ bản được trang bị, kỹ năng tư duy logic. Học phần giúp cho sinh viên có kỹ năng giải các bài tập về các kiến thức cơ bản được trang bị, kỹ năng tư duy logic, kỹ năng đặt bài toán cho các tình huống thực tế, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
45	Toán cao cấp 2	- Các khái niệm: Dãy số, giới hạn của dãy số; Hàm số một biến số, giới hạn và tính liên tục của hàm số một biến số; Đạo hàm và vi phân của hàm số một biến số; Tích phân xác định và tích phân suy rộng; Hàm số hai biến số, giới hạn và tính liên tục của hàm hai biến số. Đạo hàm và vi phân của hàm số hai biến số, Cách tính đạo hàm riêng; Cách tìm cực trị của hàm số một biến số và hàm số hai biến số. Ứng dụng của đạo hàm và vi phân trong toán học: Tính giá trị gần đúng, tìm cực trị. Ứng dụng của đạo hàm trong phân tích kinh tế: Hệ số co dãn cung, cầu theo giá. Ứng dụng của đạo hàm riêngvà vi phân trong kinh tế học. Ứng dụng của cực trị trong bài toán tối ưu các trường hợp thực tiễn.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Sinh viên có: -Kỹ năng trình bày các vấn đề hợp logic, dùng từ chính xác trong các mệnh đề. Kỹ năng tính đạo hàm, tính tích phân, tìm cực trị của hàm số một biến số và hai biến số. - Kỹ năng vận dụng các kết quả của toán học trong việc xây dựng và phân tích một số mô hình toán kinh tế đơn giản như: Mô hình cân bằng, Mô hình tối ưu,..... - Khả năng kết hợp, ứng dụng các kiến thức cơ bản vào kiến thức, kỹ năng chuyên ngành - Kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc theo nhóm Có thái độ nghiêm túc, đúng đắn và khoa học về bản chất của các vấn đề toán học, vấn đề vận dụng các kiến toán vào lĩnh vực kinh tế..			
46	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Cung cấp cho người học cơ sở của lý thuyết xác suất và thống kê toán học với mục đích giúp người học có phương pháp, công cụ để học tập, nghiên cứu và giải quyết các bài toán thuộc chuyên ngành trong điều kiện ngẫu nhiên, bao gồm các kiến thức sau: - Các kiến thức về lý thuyết xác suất: Phép thử, biến cố, xác suất của biến cố, biến ngẫu nhiên, biếnngẫu nhiênhai chiều và các đặc trưng kỳ vọng, phương sai, hiệp phương sai; Các kiến thức về thống kê: Lý thuyết mẫu, lý thuyết ước lượng và kiểm định giả thiết thống kê. Học phần rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng vận dụng công cụ toán học để học tập nghiên cứu các vấn đề thuộc chuyên ngànhkinh tế xã hội -Kỹ năng khảo sát và giải quyết bài toán trong điều kiện ngẫu nhiên. -Vận dụng lý thuyết xác suất và thống kê để học tập các môn khác -Kỹ năng ứng dụng lý thuyết xác suất thống kê để giải quyết các vấn đề thực tế thuộc chuyên ngành kinh tếxã hội.	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		-Có thái độ chuyên cần, nghiêm túc, cẩn thận, chính xác.			
47	Triết học Mác - Lênin	+ Sinh viên nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác- Lênin; nắm được những nội dung cơ bản, hệ thống về triết học Mác- Lênin và vai trò của triết học trong đời sống xã hội. + Sinh viên từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất cho bản thân, làm nền tảng lí luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung của các môn học khác. + Sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để giải thích một số hiện tượng mang tính phổ biến diễn ra trong lĩnh vực tự nhiên, xã hội và tư duy. + Sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu Kinh tế chính trị Mác- Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, hiểu được cơ sở lý luận của Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng. + Sinh viên có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. + Tăng cường bản lĩnh chính trị, tính chủ động, tự tin cho sinh viên, từng bước xây dựng, củng cố niềm tin vào con đường cách mạng mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã chọn, từ đó góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
48	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	+ Sinh viên xác định được đối tượng, mục đích, ý nghĩa và những yêu cầu về mặt phương pháp của môn học. + Người học nắm được một cách hệ thống kiến thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin bao gồm: Các khái niệm, phạm trù, quy luật kinh tế chủ yếu của kinh tế thị trường; Những vấn đề kinh tế - chính trị của thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		+ Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để học tập và nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn. + Người học nắm được một cách hệ thống kiến thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin bao gồm: Các khái niệm, phạm trù, quy luật kinh tế chủ yếu của kinh tế thị trường; Những vấn đề kinh tế - chính trị của thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam. + Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc đóng góp ý kiến xây dựng, bảo vệ, thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. + Người học hình thành được phẩm chất đạo đức cách mạng, lập trường chính trị tư tưởng vững vàng, có niềm tin vào sự nghiệp đổi mới đất nước.			
49	Tư tưởng Hồ chí Minh	+ Sinh viên xác định được đối tượng, mục đích, ý nghĩa và những yêu cầu về mặt phương pháp của môn học. Về kiến thức: + Sinh viên xác định được đối tượng, mục đích, ý nghĩa và những yêu cầu về mặt phương pháp của môn học. + Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản vè khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. + Có khả năng tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác. + Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc đóng góp ý kiến xây dựng, bảo vệ, thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		+ Sinh viên được nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.			
50	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học phần này trang bị những kiến thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong các thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - nay). Trang bị những kiến thức cơ bản của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để học tập và nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn. Từ đó, phân tích, lập luận để bảo vệ những quan điểm tư tưởng đúng đắn, phê phán, bác bỏ một cách có hiệu quả những tư tưởng, quan niệm sai lầm về lịch sử của Đảng. Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần. Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc đóng góp ý kiến xây dựng, bảo vệ, thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Tăng cường tính chủ động, tự tin trong việc tìm kiếm những tri thức khoa học mới, từ đó góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
51	Chủ nghĩa xã hội khoa học	+ Nghiên cứu môn học này nhằm giúp người học nắm được nắm được kiến thức cơ bản về sự ra đời; các giai đoạn phát triển; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận hợp thành Chủ nghĩa Mác - Lênin + Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nhận thức được những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu môn học + Học tập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học giúp cho sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết tình hình thực tiễn trong nước và thế giới trong bối cảnh đổi mới đất nước gắn với hội nhập khu vực và thế giới hiện nay. + Giúp cho sinh viên có khả năng vận dụng các tri thức của Chủ nghĩa xã hội khoa học vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước có liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta + Hình thành cho sinh viên thái độ chính trị vững vàng, tư tưởng đúng đắn về môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học. + Đồng thời, giúp cho sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về nền tảng tư tưởng của Đảng ta.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
52	Pháp luật đại cương	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: + Nhà nước (nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, chức năng, hình thức, kiểu nhà nước); nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; + Pháp luật (nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, vai trò, hình thức, kiểu pháp luật, quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý); + Một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; pháp chế XHCN; pháp luật về phòng chống tham nhũng.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Người học có kỹ năng phân tích cơ cấu của quy phạm pháp luật; xác định hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật; phân tích cấu thành của quan hệ pháp luật; nhận biết hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý tương ứng. Người học vận dụng được kiến thức đã học để làm kiến thức nền phục vụ nghiên cứu một số môn học luật chuyên ngành trong chương trình đào tạo. Đồng thời, người học có kỹ năng thuyết trình về một vấn đề của pháp luật; có kỹ năng điều hành hoạt động nhóm, tham gia hoạt động nhóm; có kỹ năng ghi biên bản cuộc họp. Người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của môn học ứng dụng vào học tập và cuộc sống của bản thân; thấy được vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội, từ đó nâng cao ý thức thực hiện pháp luật, tuyên truyền ý thức thực hiện pháp luật với cộng đồng xung quanh. Đồng thời, người học biết cách tra cứu và tự cập nhật các văn bản pháp luật để phục vụ cho công việc và có ý thức tự điều chỉnh công việc của mình theo những quy định của pháp luật.			
53	Soạn thảo văn bản	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: + Nhà nước (nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, chức năng, hình thức, kiểu nhà nước); nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; + Pháp luật (nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, vai trò, hình thức, kiểu pháp luật, quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý); + Một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; pháp chế XHCN; pháp luật về phòng chống tham nhũng. Người học có kỹ năng phân tích cơ cấu của quy phạm pháp luật; xác định hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật; phân tích cấu thành của quan	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		hệ pháp luật; nhận biết hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý tương ứng. Người học vận dụng được kiến thức đã học để làm kiến thức nền phục vụ nghiên cứu một số môn học luật chuyên ngành trong chương trình đào tạo. Đồng thời, người học có kỹ năng thuyết trình về một vấn đề của pháp luật; có kỹ năng điều hành hoạt động nhóm, tham gia hoạt động nhóm; có kỹ năng ghi biên bản cuộc họp. Người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của môn học ứng dụng vào học tập và cuộc sống của bản thân; thấy được vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội, từ đó nâng cao ý thức thực hiện pháp luật, tuyên truyền ý thức thực hiện pháp luật với cộng đồng xung quanh. Đồng thời, người học biết cách tra cứu và tự cập nhật các văn bản pháp luật để phục vụ cho công việc và có ý thức tự điều chỉnh công việc của mình theo những quy định của pháp luật.			
54	Xã hội học đại cương	Người học nhận biết và vận dụng những kiến thức và phương pháp cơ bản về lịch sử hình thànhvà phát triển, các khái niệm, phạm trù, phương pháp và các lĩnh vực nghiên cứu của xã hội học. Trang bị những kiến thức nền quan trọng về XHH để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành chuyên sâu và chuyên ngành liên quan. Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học để đạt được mục tiêu học tập học phần.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
55	Kỹ năng giao tiếp	- Trang bị kiến thức lý luận về kỹ năng giao tiếp, đặc trưng cơ bản và liệt kê được tên các yếu tố tham gia vào quá trình giao tiếp, qua đó nắm rõ bản chất xã hội của hoạt động giao tiếp, các hình thức khi giao tiếp - Trang bị cho sinh viên những kiến thức về những kỹ năng, nguyên tắc giao tiếp cơ bản	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		- Vận dụng và rèn luyện các kỹ năng vào cuộc sống: tự nhận thức bản thân đúng đắn, thuyết trình trước đám đông, quan sát, lắng nghe, phản hồi và đặt câu hỏi khi giao tiếp… - Hình thành ở sinh viên cách thức tổ chức các hoạt động giao tiếp, lạc quan khi nhìn nhận con người, về các mối quan hệ người - người và về chính bản thân mình đối với những biểu hiện đa dạng của đời sống tâm lý con người - Tuân thủ pháp luật, tuân thủ các quy định chung của Nhà trường và các quy định riêng của học phần do giảng viên phụ trách đưa ra.			
56	Tiếng Anh cơ bản 1	+ Nắm được kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp tiếng Anh: các thì của động từ; các trợ động từ….. + Nắm được lượng từ vựng căn bản thường gặp trong các đề thi TOEIC + Làm quen định dạng của bài thi TOEIC + Rèn luyện kĩ năng đọc hiểu và nghe hiểu + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng đọc hiểu những mẩu tin, thư, đơn giản. + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng nghe hiểu những ngôn ngữ nói giao tiếp hàng ngày. + Sinh viên có cái nhìn cụ thể hơn về dạng bài thi TOEIC, nắm bắt được kĩ năng làm bài để đạt được điểm cao nhất thông qua các bài luyện tập nghe và đọc hiểu. Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của tiếng Anh và cách làm dạng bài thi TOEIC	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
57	Tiếng Anh cơ bản 2	+ Nắm được kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp tiếng Anh: : mệnh đề quan hệ; trật tự từ; cấu trúc bị động… + Nắm được lượng từ vựng căn bản thường gặp trong bài thi + Làm quen định dạng của bài thi TOEIC	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		+ Rèn luyện kĩ năng đọc hiểu và nghe hiểu + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng đọc hiểu những mẩu tin, thư tín. + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng nghe hiểu những ngôn ngữ nói giao tiếp hàng ngày. + Người học làm quen và luyện tập dạng bài thi TOEIC, nắm bắt được kĩ năng làm bài để đạt được điểm cao nhất thông qua luyện Practice Test. Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của tiếng Anh và cách làm dạng bài thi TOEIC			
58	Tiếng Anh chuyên ngành hệ thống thông tin quản lý	- Ghi nhớ từ mới, sử dụng thành thạo trong đặt câu trong nội dung chuyên ngành HTTTQL - vận dụng kiến thức đã học để làm bài tập ngữ pháp và đọc hiểu trong nội dung chuyên ngành HTTTQL - Sử dụng từ vựng, kiến thức ngữ pháp đã học để dịch từ tiếng Anh sang tiếng việt và dịch ngược từ tiếng việt sang tiếng Anh tài liệu chuyên ngành HTTTQL	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
89	Thể dục - Điền kinh	Hiểu được tầm quan trọng của học phần Thể dục - Điền kinh là môn thể thao nền tảng cho hoạt động thể lực và các môn thể thao khác. Nắm được kỹ thuật bài tập phát triển chung 13 động tác. Nắm được các kiến thức về kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bung, một số điều luật thi đấu cơ bản của nội dung nhảy cao. Có kỹ năng thực hiện bài tập phát triển chung 13 động tác. Thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bụng.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Giáo dục phát triển các tố chất thể lực như: sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo khéo léo, hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cần thiết, bổ trợ và rèn luyện thể lực chuyên môn cho các môn thể thao khác. Sinh viên nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy định của Nhà trường và Bộ môn, tự giác, tích cực thực hiện các nội dung học tập trên lớp và bài tập thể lực, bài tập bổ trợ ở nhà. Sinh viên phải có thái độ học tập tích cực, chủ động. Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá của môn học			
90.	Bóng chuyền 1	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng chuyền với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng chuyền. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
91.	Bóng chuyền 2	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng chuyền với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng chuyền. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			
92.	Bóng rổ 1	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng rổ với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng rổ. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
93.	Bóng rổ 2	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng rổ với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng rổ. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			
94.	Cầu lông 1	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Cầu lông với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Cầu lông. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
95.	Cầu lông 2	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Cầu lông với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Cầu lông. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			
96.	Cờ vua 1	- Hiểu được tầm quan trọng của học phần cờ vua 1 là môn thể thao phát triển khả năng tính toán, tư duy, logic... - Nắm được kiến thức về nguồn gốc ra đời, lịch sử phát triên của môn cờ vua . - Nắm được cách chơi cờ, những tri thức cơ bản trong cờ vua) - Nắm được các kiến thức về giai đoạn tàn cuộc của ván đấu . Có kỹ năng thực hiện bài tập của giai đoạn tàn cuộc. Thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của giai đoạn tàn cuộc Giáo dục phát triển toàn diện đặc biệt là rèn luyện tính kiên trì, khả năng tuy duy, phát triển trí thông minh Sinh viên nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy định của nhà trường, tự giác, tích cực thực hiện các nội dung học tập trên lớp và bài tập ở nhà . Sinh viên phải có thái độ học tập tích cực, chủ động. Sinh viên tham gia đầy đủ 2 bài kiểm tra đánh giá kết thúc môn học cờ vua 1	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
97.	Cờ vua 2	Hiểu được tầm quan trọng của học phần cờ vua 2 là môn thể thao phát triển trí tuệ một cách toàn diện, rèn luyện trí nhớ, tư duy logic Nắm được kiến thức về nguồn gốc ra đời, lịch sử phát triên của môn cờ vua . Những tri thức trong cờ vua và các giai đoạn của tàn cuộc Nắm được các kiến thức về giai đoạn khai cuộc của ván đấu . Có kỹ năng thực hiện bài tập của giai đoạn khai cuộc.Thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của giai đoạn khai cuộc	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		Giáo dục phát triển các tố chất thể lực như: sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo, hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cần thiết, bổ trợ và rèn luyện thể lực chuyên môn cho các môn thể thao khác. Sinh viên nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy định của nhà trường và Bộ môn, tự giác, tích cực thực hiện các nội dung học tập trên lớp và bài tập ở nhà . Sinh viên phải có hái độ học tập tích cực, chủ động. Sinh viên tham gia đầy đủ các bài đánh giá			
98.	Cờ vua 3	Hiểu được tầm quan trọng của học phần cờ vua 2 là môn thể thao nền tảng cho hoạt động thể lực và các môn thể thao khác. Nắm được kiến thức về nguồn gốc ra đời, lịch sử phát triên của môn cờ vua . Nắm được các kiến thức về giai đoạn trung cuộc của ván đấu . Có kỹ năng thực hiện bài tập của giai đoạn trung cuộc . Thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của giai đoạn trung cuộc Giáo dục phát triển các tố chất thể lực như: sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo, hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cần thiết, bổ trợ và rèn luyện thể lực chuyên môn cho các môn thể thao khác. Sinh viên nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy định của nhà trường và Bộ môn, tự giác, tích cực thực hiện các nội dung học tập trên lớp và bài tập ở nhà . Sinh viên phải có hái độ học tập tích cực, chủ động. Sinh viên phải tham gia đầy đủ 2 bài kiểm tra đánh giá kết thúc học phần cờ vua 3	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
99.	Đường lối quốc phòng	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về:	3	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	và an ninh của Đảng Cộng Sản Việt Nam	- Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc - Các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân để ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược dưới mọi hình thức, qui mô. - Thực hiện kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh; tìm hiểu về nghệ thuật quân sự từ khi có Đảng lãnh đạo và lịch sử truyền thống vẻ vang của Quân đội nhân dân Việt Nam; những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội. - Vận dụng những kiến thức đã học nhằm nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. - Hình thành tác phong kỷ luật, ý thức tập thể, phát huy trí tuệ tập thể trong học tập và thảo luận nhóm. - Phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng thu thập, xử lý thông tin trong học tập nghiên cứu của sinh viên về các nội dung chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế của Đảng và Nhà nước ta. - Có ý thức bảo vệ, truyền bá đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về Quốc phòng - An ninh. - Xây dựng niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, đấu tranh làm thất bại các luận điểm sai trái phản động bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN. - Có thái độ, nhận thức đầy đủ, đúng đắn về Nhiệm vụ của sinh viên đối với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của đất nước.			kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
100.	Công tác quốc phòng an ninh	Học phần trang bị cho người học kiến thức về: - Phòng, chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. - Vấn đề dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội. - Những kiến thức cơ bản về an ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống; an toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; phòng, chống vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông; phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác góp phần bảo vệ an ninh quốc gia giữ gìn trật tự an toàn xã hội; bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa. - Góp phần phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng trong nghiên cứu, phân tích, tổng hợp của sinh viên về các nội dung; chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế của Đảng và Nhà nước ta; đề xuất các giải pháp thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước về quốc phòng, an ninh. - Hiểu thêm cách xây dựng và quy trình đánh giá kết quả học tập của môn học Giáo dục quốc phòng và An ninh, nâng cao khả năng làm việc độc lập của sinh viên. - Tăng cường kỹ năng trong thu thập, xử lý thông tin trước trong và sau mỗi bài học. - Nâng cao lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội nâng cao trách nhiệm của sinh viên, gương mẫu thực hiện đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước chủ động đấu tranh làm thất bại âm mưu chống phá của các thế lực	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		thù địch, góp phần xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa. - Quán triệt sâu sắc đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và công tác quốc phòng, an ninh. - Hình thành nề nếp sinh hoạt, ý thức chấp hành kỷ luật nghiêm túc trong học tập. - Luôn tin tưởng, làm theo đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng. Không để các thế lực thù địch lôi kéo, dụ dỗ đi sai đường lối cách mạng Việt Nam.			
101.	Quân sự chung	Học phần trang bị cho người học kiến thức: -Những nội dung cơ bản về quân sự, an ninh; hiểu biết về các quân, binh chủng trong quân đội, về các chế độ sinh hoạt, công tác trong ngày, tuần, nề nếp chính quy trong đơn vị quân đội; hiểu biết về bản đồ địa hình quân sự, vũ khí công nghệ cao và thi đấu ba môn quân sự phối hợp. -Lịch sử ra đời, truyền thống chiến đấu, lao động của các quân binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam, tác phong chính quy, nề nếp làm việc và kỹ năng phòng thủ dân sự khi có chiến tranh xảy ra, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa. Xây dựng tác phong, nề lối làm việc chính quy kỷ luật, lối sống giản dị, ngăn nắp; nâng cao lòng tự hào dân tộc, về quân đội anh hùng, từ đó xây dựng bản lĩnh, phẩm chất cách mạng cho mình, phấn đấu thực hiện tốt nhiện vụ học tập, công tác góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng của Đảng, của dân tộc trong giai đoạn cách mạng hiện nay. Nâng cao phẩm chất, đạo đức, lối sống, rèn luyện tính kỷ luật và tác phong chính quy từ đó hình thành lối sống và làm việc nghiêm túc; có kiến thức về quân sự chung, có thái độ nghiêm túc với việc xây dựng nền Quốc	1	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
		phòng toàn dân, An ninh nhân dân, sẵn sàng tham gia xây dựng quân đội khi tổ quốc cần. Hình thành nề nếp sinh hoạt, ý thức chấp hành kỷ luật, tác phong làm việc nghiêm túc phục vụ cho việc học tập và công tác sau này.			
102.	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: - Kiến thức về sử dụng súng tiểu liên AK (Tính năng cấu tạo, quy tắc sử dụng súng, lý thuyết ngắm bắn, đường ngắm, mục tiêu và những vấn đề ảnh hưởng đến phát bắn); lựu đạn (tính năng, cấu tạo và cách ném lựu đạn) - Người học hiểu được kỹ thuật chiến đấu của bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới); - Sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí thông thường như bắn súng tiểu liên AK, (trình tự các bước trong thực hành bắn, kỹ năng ngắm bắn...) - Sử dụng lựu đạn (quy tắc, chuẩn bị và thực hành ném lựu đạn); - - Vận dụng được trong luyện tập thực hành các động tác của chiến sĩ trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ cảnh giới. - Người học có thái độ đúng mức khi tiếp cận hoặc sử dụng các loại vũ khí đặc biệt là súng, đạn; có ý thức trách nhiệm khi làm nhiệm vụ liên quan đến ANCT, TTATXH và tham gia các hoạt động quân sự, an ninh; - Sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc - Rèn luyện tác phong của người chiến sĩ; hình thành nếp sống có kỷ luật (Quân trang, quân phục, đội hình, đội ngũ...), ý thức cộng đồng ở trường, lớp và khi ra công tác có thể làm lực lượng nòng cốt trong các nhiệm vụ quân sự, an ninh tại đơn vị cơ sở.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

Ngành Kế toán

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Kinh tế vi mô	Hiểu được các khái niệm và mô hình cơ bản trong phân tích kinh tế vi mô. Nắm được Cách thức thị trường hàng hóa, thị trường các yếu tố đầu vào sản xuất hoạt động như thế nào. Các kết cục do chính sách can thiệp vào thị trường của Chính phủ; Nắm và hiểu được nguyên tắc ra quyết định kinh tế tối ưu của các tác nhân riêng rẽ (người tiêu dùng, người sản xuất…) trong nền kinh tế và sự tương tác giữa các tác nhân này trong từng cấu trúc thị trường khác nhau. Có thể đọc hiểu các bài viết, phân tích về kinh tế được bàn luận trên các phương tiện truyền thông đại chúng như sách, báo, đài và tạp chí; có khả năng sử dụng các lý thuyết kinh tế, mô hình kinh tế đã học để trình bày hoặc lý giải một số hiện tượng kinh tế diễn ra hàng ngày. Góp phần giúp sinh viên có tính cẩn thận và trách nhiệm khi đưa ra quyết định lựa chọn trong thực tế; có khả năng quản lý tốt, tránh lãng phí các nguồn lực của bản thân, gia đình và xã hội từ đó góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong nền kinh tế nói chung.	3	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
2	Kinh tế vĩ mô	Hiểu được những kiến thức cơ bản, các khái niệm và cách thức đo lường các biến số kinh tế vĩ mô của nền kinh tế.	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi

		Hiểu được cách thức vận hành và những mối quan hệ kinh tế chủ yếu của một nền kinh tế thông qua các lý thuyết và mô hình cơ bản. Hiểu và phân tích được bản chất của các biến động kinh tế vĩ mô và cách thức giải quyết chúng. Hiểu được cách thức vận dụng các chính sách tài khóa và tiền tệ nhằm góp phần giảm bớt các biến động kinh tế có tính chu kỳ. Người học có kỹ năng sử dụng một số phương pháp phân tích tối ưu, phân tích cân bằng tổng thể trong việc nghiên cứu, phân tích, đánh giá một số hiện tượng sự kiện, và chính sách kinh tế vĩ mô. Người học có ý thức trách nhiệm và thái độ tích cực tự rèn luyện nâng cao hiểu biết về các vấn đề kinh tế, phân tích chính sách để có thể đáp ứng được yêu cầu của xã hội đang trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.			kết thúc học phần 60%
3	Nguyên lý thống kê	Giúp cho sinh viên nắm được quá trình nghiên cứu thống kê, tổng hợp tài liệu thống kê thông qua phương pháp phân tổ thống kê. Nắm vững các phương pháp phân tích thống kê như: phân tích hồi quy và tương quan để nghiên cứu mối liên hệ giữa các tiêu thức; Phân tích đặc điểm và xu thế vận động của hiện tượng qua thời gian; sử dụng hệ thống chỉ số phân tích biến động của hiện tượng. Trang bị bước đầu cho sinh viên một số công cụ thống kê phục vụ cho các môn học Thống kê chuyên ngành và nghiên cứu khoa học. Sinh viên hiểu và sử dụng được các phương pháp thu thập tài liệu, thiết kế bảng hỏi.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Thực hành tốt các kỹ năng tổng hợp tài liệu thống kê bằng phương pháp phân tổ thống kê, trình bày dữ liệu thống kê bằng bảng và đồ thị thống kê. Thành thạo kỹ năng tính toán các mức độ của các hiện tượng KTXH, và phân tích hiện tượng trên cơ sở các mức độ đó. Có khả năng chủ động vận dụng các phương pháp phân tích thống kê trong học tập, nghiên cứu khoa học. Rèn luyện thái độ nghiêm túc, trung thực trong thu thập, xử lý tổng hợp, phân tích dữ liệu và trong cung cấp thông tin. Tạo tác phong nghiêm túc và khoa học trong học tập, nghiên cứu và lao động.			
4	Luật kinh tế	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: + Địa vị pháp lý của các chủ thể kinh doanh; + Pháp luật về giải quyết tranh chấp kinh doanh; + Pháp luật phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Giúp người học có khả năng vận dụng được kiến thức đã học giải quyết các tình huống nảy sinh trong thực tiễn kinh doanh liên quan đến địa vị pháp lý các chủ thể kinh doanh; giải quyết các tình huống liên quan đến phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã; giải quyết tranh chấp kinh doanh phát sinh trong quá trình thành lập, hoạt động của doanh nghiệp. Giúp người học có kỹ năng bình luận, đánh giá các quy định của pháp luật thực định nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng; có kỹ năng thuyết trình về một vấn đề của pháp luật kinh tế; có kỹ năng điều hành hoạt động nhóm, tham gia hoạt động nhóm. Người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của môn học ứng dụng vào học tập và cuộc sống của bản thân. Hình thành	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		nhận thức và thái độ đúng đắn về quyền tự do kinh doanh của tổ chức, cá nhân trong nền kinh tế thị trường. Đồng thời, người học cũng thấy được vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội, biết cách tra cứu và tự cập nhật các văn bản pháp luật để phục vụ cho công việc, từ đó nâng cao ý thức thực hiện pháp luật, tuyên truyền ý thức thực hiện pháp luật với cộng đồng.			
5	Marketing căn bản	Nắm được các vấn đề cơ bản của marketing gồm các khái niệm trong marketing, các quan điểm và nội dung marketing. Hiểu, phân tích và vận dụng các vấn đề về thị trường, khách hàng, khách hàng mục tiêu. Nghiên cứu khách hàng mục tiêu thông qua các hoạt động phân đoạn, lựa chọn và định vị thị trường. Hiểu, phân tích và vận dụng được các mô hình nghiên cứu hành vi mua của khách hàng. Hiểu và phân tích được chính sách marketing – mix (4 “p”) Nắm được các kiến thức mới về marketing Rèn luyện năng lực tư duy marketing. Có kỹ năng phân tích và xử lý tình huống marketing cụ thể Ý thức được vai trò và tầm quan trọng của marketing trong hoạt động kinh doanh. Có ý thức ứng dụng marketing trong công việc. Xây dựng ý thức hướng về thị trường, về khách hàng trong các hoạt động.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
6	Tài chính - Tiền tệ	Nắm được các vấn đề cơ bản của marketing gồm các khái niệm trong marketing, các quan điểm và nội dung marketing. Hiểu, phân tích và vận dụng các vấn đề về thị trường, khách hàng, khách hàng mục tiêu. Nghiên cứu khách hàng mục tiêu thông qua các hoạt động phân đoạn, lựa chọn và định vị thị trường.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Hiểu, phân tích và vận dụng được các mô hình nghiên cứu hành vi mua của khách hàng. Hiểu và phân tích được chính sách marketing – mix (4 “p”) Nắm được các kiến thức mới về marketing Rèn luyện năng lực tư duy marketing. Có kỹ năng phân tích và xử lý tình huống marketing cụ thể Ý thức được vai trò và tầm quan trọng của marketing trong hoạt động kinh doanh. Có ý thức ứng dụng marketing trong công việc. Xây dựng ý thức hướng về thị trường, về khách hàng trong các hoạt động.			
7	Thống kê doanh nghiệp	Giới thiệu cho sinh viên nội dung, phương pháp tổng hợp, phương pháp tính các chỉ tiêu thống kê liên quan đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp Giới thiệu cho sinh viên cách tính toán các chỉ tiêu thống kê ở các lĩnh vực như lao động, tài sản, vốn, giá thành sản phẩm, kết quả sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Giới thiệu các phương pháp thống kê vận dụng để phân tích các lĩnh vực trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Hiểu nội dung các chỉ tiêu trong thống kê doanh nghiệp: kết quả sản xuất kinh doanh, lao động, vốn, tài sản, giá thành sản phẩm, hoạt động tài chính, hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Có khả năng thu thập, tính toán các chỉ tiêu trong thống kê doanh nghiệp: kết quả sản xuất kinh doanh, lao động, vốn, tài sản, giá thành sản phẩm, hoạt động tài chính, hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Có khả năng vận dụng phương pháp thống kê để phân tích các chỉ tiêu trong thống kê doanh nghiệp: kết quả sản xuất kinh	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		doanh, lao động, vốn, tài sản, giá thành sản phẩm, hoạt động tài chính, hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp. Có khả năng chủ động vận dụng các phương pháp phân tích trong học phần thống kê doanh nghiệp trong học tập các môn chuyên ngành và nghiên cứu khoa học. Nhanh nhạy và chuẩn mực trong tiếp nhận và xử lý thông tin định lượng trong lĩnh vực lao động việc làm, hoạt động tài chính, sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp… Có khả năng tự học tập, tự cập nhật các thông tin và phương pháp phân tích thống kê doanh nghiệp và các hoạt động khác liên quan đến các học phần chuyên ngành kế toán			
8	Nghiệp vụ bảo hiểm xã hội	-Trang bị cho người học có những kiến thức cơ bản về các chế độ bảo hiểm xã hội ngắn hạn: chế độ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp. - Trang bị cho người học có kỹ năng để giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội ngắn hạn khi đi làm. -Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy, tự học, học nhóm -Giúp người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của môn học ứng dụng vào công việc và cuộc sống của bản thân.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
9	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp, nguyên tắc và kỹ thuật cơ bản của quản trị tài chính và ứng dụng những quyết định này trong việc quyết định những vấn đề tài chính cơ bản trong doanh nghiệp: quyết định đầu tư, quyết định tài trợ và quyết định quản trị tài sản. Trang bị những kiến thức nền quan trọng về tài chính doanh nghiệp để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành chuyên sâu và chuyên ngành liên quan.	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.			
10	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản liên quan đến ngân sách nhà nước, tài chính của các cơ quan hành chính - sự nghiệp, quản trị tài chính các cơ quan hành chính - sự nghiệp để làm cơ sở học tập các môn chuyên ngành; góp phần thực hiện mục tiêu chuẩn đầu ra của nhà trường. Sinh viên hiểu về quy trình lập dự toán NSNN, chấp hành dự toán và quyết toán NSNN hàng năm. Hiểu về quy trình lập dự toán tại cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; quản trị tài chính trong cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; quyết toán nguồn kinh phí NSNN trong đơn vị hành chính - sự nghiệp. Sinh viên nắm vững phương pháp lập dự toán tại cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; Tham khảo một số quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. Nắm vững phương pháp phân tích một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán NSNN của các đơn vị hành chính sự nghiệp. Trang bị những kiến thức nền quan trọng về tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành chuyên sâu và chuyên ngành liên quan. Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
11	Kinh tế lượng	+ Nắm được các kiến thức cơ bản về phân tích hồi quy trong kinh tế xã hội.;	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi

		+ Thực hiện được một cách cơ bản quy trình phân tích hồi quy, từ xây dựng một mô hình tốt đến ứng dụng mô hình này để đưa ra các khuyến nghị hợp lý cho các vấn đề cụ thể trong kinh tế kinh doanh. + Nắm được các kỹ năng thực hành trong phân tích hồi quy; Nắm được các kỹ thuật cơ bản trong phân tích hồi quy và sử dụng thành thạo phần mềm Eviews trong quá trình phân tích hồi quy; Có thái độ nghiêm túc, đúng đắn và khoa học về bản chất của các vấn đề toán học, vấn đề vận dụng các kiến toán vào lĩnh vực kinh tế.			kết thúc học phần 60%
12	Văn hóa doanh nghiệp	Nắm được các kiến thức cơ bản của Văn hóa doanh nghiệp như: khái niệm, đặc điểm, vai trò của văn hóa, các yếu tố cấu thành của văn hóa doanh nghiệp, các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và các giai đoạn hình thành văn hóa doanh nghiệp. Hiểu được các biểu hiện của văn hóa doanh nghiệp, các dạng văn hóa doanh nghiệp và các mô hình văn hóa doanh nghiệp Hiểu và vận dụng văn hóa doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh như văn hóa ứng xử trong kinh doanh; đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội; xây dựng và duy trì văn hóa doanh nghiệp Có kỹ năng nghiên cứu và phân tích các vấn đề về văn hóa trong doanh nghiệp. Có kỹ năng vận dụng và lựa chọn các yếu tố, giá trị và mô hình văn hóa trong hoạt động xây dựng và duy trì văn hóa doanh nghiệp phù hợp đặc điểm và môi trường hoạt động của từng loại hình doanh nghiệp. Có kỹ năng thích ứng và hòa nhập với văn hóa của một doanh nghiệp cụ thể.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Hiểu và có nhận thức đúng về tầm quan trọng của văn hóa doanh nghiệp từ đó có ý thức học tập, rèn luyện về chuyên môn và các kỹ năng làm việc thích nghi được với môi trường văn hóa doanh nghiệp tại đơn vị sau này. nhận thức trong việc rèn luyện các kỹ năng, phẩm chất phù hợp với các giá trị của văn hóa doanh nghiệp nói chung.			
13	Kỹ năng giao tiếp	- Trang bị kiến thức lý luận về kỹ năng giao tiếp, đặc trưng cơ bản và liệt kê được tên các yếu tố tham gia vào quá trình giao tiếp, qua đó nắm rõ bản chất xã hội của hoạt động giao tiếp, các hình thức khi giao tiếp - Trang bị cho sinh viên những kiến thức về những kỹ năng nguyên tắc giao tiếp cơ bản - Vận dụng và rèn luyện các kỹ năng vào cuộc sống: tự nhận hức bản thân đúng đắn, thuyết trình trước đám đông, quan sát ắng nghe, phản hồi và đặt câu hỏi khi giao tiếp… - Hình thành ở sinh viên cách thức tổ chức các hoạt động giao iếp, lạc quan khi nhìn nhận con người, về các mối quan hệ người người và về chính bản thân mình đối với những biểu hiện đa lạng của đời sống tâm lý con người - Tuân thủ pháp luật, tuân thủ các quy định chung của Nhà trường và các quy định riêng của học phần do giảng viên phụ trách đưa ra.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
14	Quản trị rủi ro	**Về kiến thức:** + Sinh viên nắm vững những vấn đề lý luận chung về rủi ro, nguồn rủi ro và quản trị rủi ro + Sinh viên hiểu được các bước của quy trình quản trị rủi ro và các phương pháp đối phó với rủi ro	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		+ Sinh viên hiểu được các vấn đề lý luận về kiểm soát rủi ro và tài trợ rủi ro **Về kỹ năng:** + Có khả năng vận dụng những kiến thức của môn học vào phân tích, nhận dạng, đánh giá rủi ro cho một đối tượng cụ thể + Có khả năng vận dụng và xây dựng một chương trình quản trị rủi ro cho một đối tượng cụ thể - Nâng cao nhận thức của người học về sự cần thiết của quản trị rủi ro - Có ý thức và thận trọng trong hoạt động quản trị rủi ro			
15	Nguyên lý kế toán 1	Trang bị những kiến thức cơ bản của nguyên lý kế toán gồm bản chất của kế toán và các phương tiện kế toán như: Chứng từ kế toán, Tài khoản kế toán và Báo cáo kế toán. Trang bị những kiến thức cơ sở quan trọng về các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung, các phương tiện của kế toán để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành kế toán và các chuyên ngành liên quan. Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
16	Nguyên lý kế toán 2	Học phần này trang bị những kiến thức về kế toán hàng tồn kho, kế toán tài sản dài hạn, kế toán nợ ngắn hạn, kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp. Trang bị những kiến thức quan trọng về kế toán làm nền tảng cơ sở để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần thuộc chuyên ngành chuyên sâu và chuyên ngành liên quan.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.			
17	Kế toán tài chính 1	Học phần này trang bị những kiến thức về kế toán tài chính, gắn với hoạt động: Vai trò và nhiệm vụ của kế toán, nguyên tắc kế toán, nội dung, yêu cầu, hình thức kế toán trong các doanh nghiệp sản xuất; Kiến thức chuyên sâu kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ; kế toán tài sản cố định; kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Trang bị những kiến thức nền quan trọng về kế toán tài chính để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành chuyên sâu và chuyên ngành liên quan. Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
18	Kế toán tài chính 2	Trang bị cho người học kiến thức về kế toán thành phẩm, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh; kế toán đầu tư tài chính và hoạt động khác; kế toán phân phối lợi nhuận; kế toán tài sản bằng tiền; kế toán các khoản phải thu; kế toán các khoản nợ phải trả; kế toán nguồn vốn chủ sở hữu; báo cáo tài chính. Người học có thể làm bài tập và làm kế toán tại doanh nghiệp ở một số công việc như nhận diện chứng từ, phân tích nghiệp vụ kinh tế, định khoản, ghi sổ và lập báo cáo tài chính. Người học chủ động, nghiêm túc và cầu thị trong quá trình học tập, hiểu và có ý thức, thái độ tích cực về vai trò và tầm quan trọng của kế toán trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

19	Kế toán Hành chính sự nghiệp 1	Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kế toán hành chính sự nghiệp: tổng quan về đơn vị hành chính sự nghiệp, nhiệm vụ và nội dung của kế toán, các quy định về chứng từ, tài khoản, sổ kế toán và hình thức kế toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp. Trang bị những kiến thức về kế toán hành chính sự nghiệp bao gồm kế toán nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ; kế toán tài sản cố định; kế toán thanh toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp. Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
20	Kế toán Hành chính sự nghiệp 2	Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kế toán tiền, doanh thu, chi phí các hoạt động, báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp. Trang bị những kiến thức quan trọng về kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp như sổ kế toán chi tiết các phần hành tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, doanh thu, chi phí, báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành chuyên sâu và chuyên ngành liên quan. Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
21	Kiểm toán căn bản	Trang bị những kiến thức về hoạt động kiểm toán bao gồm: Khái niệm kiểm toán, các lĩnh vực kiểm toán và tổ chức kiểm toán. Những khái niệm cơ bản trong kiểm toán và ý nghĩa của chúng đối với việc thực hiện kiểm toán. Các phương pháp, kỹ	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		thuật kiểm toán, qui trình một cuộc kiểm toán và các loại ý kiến kiểm toán. Vận dụng những kiến thức về kiểm toán để thực hiện nghiệp vụ kiểm toán tại một đơn vị. Giúp cho người học có kỹ năng cơ bản để phân tích, đánh giá tình hình doanh nghiệp. Trang bị cho người học phương pháp cơ bản để tìm hiểu, kiểm tra và giải quyết vấn đề trong tổ chức. Nắm vững kiến thức cơ bản về kiểm toán, nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau. Có khả năng làm việc nhóm và phát huy trí tuệ tập thể. Có ý thức tự học và rèn luyện để tích lũy thêm kiến thức, có khả năng học tập ở bậc học cao hơn để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ hay thông qua các khóa học để lấy các chứng chỉ nghề nghiệp của Việt Nam và quốc tế.			
22	Phân tích báo cáo tài chính	Học phần này trang bị những kiến thức phân tích báo cáo tài chính cơ bản để có khả năng đọc, hiểu hệ thống báo cáo tài chính. Ứng dụng những nội dung phân tích cơ bản cho việc đánh giá tình hình tài chính của các công ty, sử dụng các kiến thức tích lũy của môn học cho việc nghiên cứu các môn học, lĩnh vực khác và ra các quyết định tài chính liên quan. Trang bị những kiến thức về phân tích báo cáo tài chính để sinh viên có thể vận dụng học các học phần chuyên ngành chuyên sâu và chuyên ngành liên quan; giúp sinh viên khi ra trường có thể vận dụng kiến thức được học vào công tác phân tích, đánh giá tình hình tài chính của các đơn vị. Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng phân tích, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập của học phần.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

23	Kế toán thuế	Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quát về bản chất, vai trò, nội dung của từng sắc thuế, cách tính thuế cũng như cách hạch toán các loại thuế hiện hành ở Việt Nam. Trang bị những kiến thức nền quan trọng về kế toán thuế để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành chuyên sâu và chuyên ngành liên quan. Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
24	Nguyên lý tiền lương	Hiểu được những nguyên lý cơ bản nhất về tiền lương, tiền lương tối thiểu, phụ cấp lương, và hình thức trả lương. Phân tích, đánh giá được tiền lương tối thiểu, phụ cấp lương, các hình thức trả lương. Làm được các bài tập tính lương cơ bản. Có ý thức và chủ động trong việc tìm kiếm tài liệu, trao đổi học hỏi cập nhật các văn bản Luật.	*2*	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
25	Thương mại điện tử	Nắm được các khái niệm cơ bản về TMĐT và các thuật ngữ liên quan. Hiểu được sự khác nhau giữa TMĐT và Thương mại truyền thống. Hiểu được tầm quan trọng của TMĐT và sự ảnh hưởng của TMĐT đến kinh doanh trong thời đại hiện nay. Vai trò của cơ sở hạ tầng công nghệ, cơ sở hạ tầng pháp lý - kinh tế - xã hội trong hoạt động TMĐT. Phân tích được tầm quan trọng của hạ tầng pháp lý-kinh tế-xã hội cho thực hiện TMĐT. Phân tích các yếu tố pháp lý ảnh hưởng đến kinh doanh TMĐT. Nắm rõ các phương thức và hình thức kinh doanh TMĐT. Các yếu tố cấu thành và xu hướng phát triển B2B, B2C trong thời đại hiện nay. Phân tích, đánh giá hoạt động các mô hình thương mại điện tử B2B và B2C. Nắm rõ một số hình thức thanh toán cơ bản trong kinh doanh TMĐT tại Việt Nam và trên thế giới.	*2*	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Phân tích ưu và nhược điểm của các hình thức thanh toán điện tử. Hiểu và ứng dụng các hình thức Marketing trong thời đại công nghệ thông tin và thương mại điện tử. Phương thức nghiên cứu thị trường và các hình thức quảng cáo trên Internet. Lợi ích của doanh nghiệp khi sử dụng Marketing điện tử. Ứng dụng được các hình thức quảng cáo trên internet vào các doanh nghiệp kinh doanh theo mô hình thương mại điện tử. Nghiên cứu các mô hình TMĐT đang hoạt động tại thời điểm hiện tại. Tìm hiểu về quy mô, lịch sử hình thành phát triển, công nghệ, ưu nhược điểm của các mô hình đó. Có khả năng nghiên cứu và áp dụng các mô hình TMĐT vào thực tiễn doanh nghiệp. Có kỹ năng giải quyết một vấn đề phát sinh trong các giao dịch TMĐT của một doanh nghiệp. Hiểu biết, xác định và lựa chọn mô hình kinh doanh phù hợp với định hướng doanh nghiệp. Tham gia vào việc xây dựng và sử dụng các công cụ cơ bản trong an toàn thông tin doanh nghiệp. Thành thạo các kỹ năng như sử dụng thư điện tử, web và internet. Có khả năng kiểm tra, đánh giá các mô hình TMĐT. Nhận thức được tầm quan trọng của TMĐT đối với doanh nghiệp, từ đó nâng cao thái độ coi trọng việc ứng dụng TMĐT trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhận thức được mặt trái của TMĐT để từ đó tránh các hành động gây ảnh hướng xấu đến xã hội. Nâng cao nhận thức của sinh viên về việc ứng dụng TMĐT trong doanh nghiệp. Có khả năng vận dụng linh hoạt vào thực tế công việc. Rèn luyện được thái độ coi trọng việc ứng dụng TMĐT trong hoạt động quản trị kinh doanh.			

26	Tổ chức kế toán	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tổ chức công tác kế toán, bao gồm các vấn đề chung về tổ chức chứng từ kế toán; tổ chức hệ thống tài khoản kế toán, sổ kế toán; tổ chức hệ thống báo cáo kế toán; tổ chức kế toán các yếu tố cơ bản của quá trình hoạt động trong DN; tổ chức kế toán một số quá trình chủ yếu trong DN; tổ chức lao động kế toán và bộ máy kế toán. Giúp sinh viên nắm được nắm được phương pháp và nội dung cơ bản để vận dụng tổ chức kế toán của đơn vị. Mặt khác, những nội dung của học phần cũng tạo điều kiện cho sinh viên có những nền tảng cơ bản để nghiên cứu và học tập các môn học khác của chuyên ngành kế toán, kiểm toán. Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần và ứng dụng các lĩnh vực kế toán mới.	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
27	Kế toán quản trị	Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kế toán quản trị, cách thức thiết kế hệ thống thông tin kế toán quản trị, cách thức sử dụng thông tin kế toán quản trị để ra quyết định Trang bị những kiến thức nền quan trọng về kế toán quản trị để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành chuyên sâu và chuyên ngành liên quan. Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự nghiên cứu, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
28	Kế toán quốc tế	Học phần này trang bị những kiến thức về kế toán quốc tế, gắn với hoạt động: Hệ thống chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế; Chuẩn mực trình bày báo cáo tài chính; Chuẩn mực hàng tồn	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		kho; Chuẩn mực nhà xưởng, máy móc và thiết bị; Chuẩn mực doanh thu từ các hợp đồng với khách hàng và nhà thầu. Trang bị những kiến thức nền quan trọng về kế toán quốc tế để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành chuyên sâu và chuyên ngành liên quan. Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.			
29	Kế toán máy	Học phần trang bị những kiến thức nhằm giúp sinh viên hiểu biết toàn diện về hệ thống thông tin kế toán dựa trên máy tính. Nhận diện rõ vai trò của phần mềm kế toán trong hệ thống thông tin kế toán. Bước đầu sinh viên hiểu được cấu trúc của một chương trình kế toán máy nhằm xác định rõ công việc của kế toán viên khi làm việc với phần mềm kế toán. Nhận diện các dạng file cơ bản trong chương trình kế toán máy nhằm phục vụ tốt cho quá trình làm việc (cập nhật, lưu, hiệu chỉnh dữ liệu). Nắm vững các nguyên tắc tổ chức thông tin trên máy tính nhằm tránh sai sót khi tiến hành công tác kế toán máy Sau khi học xong học học phần này, sinh viên có thể thực hành cập nhật các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên phần mềm một cách thành thạo, biết cách xử lý các sự cố thường gặp trên phần mềm, khai thác các báo cáo kế toán một cách hiệu quả, đáp ứng cung cấp thông tin kịp thời cho nhà quản trị doanh nghiệp. Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

30	Hệ thống thông tin kế toán	Trang bị những kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp thông qua việc sử dụng các công cụ mô tả hệ thống là sơ đồ dòng dữ liệu, lưu đồ chứng từ, lưu đồ hệ thống để mô tả từng chu trình hoạt động của doanh nghiệp, tập trung vào việc kiểm soát hệ thống, hiểu được từng chu trình trong doanh nghiệp được vận hành như thế nào, những ai tham gia vào chu trình đó, chức năng nhiệm vụ của họ là gì, những chứng từ sổ sách, báo cáo nào được tạo ra. Qua đó giúp cho người xây dựng hệ thống, người vận hành hệ thống có thể đánh giá được hệ thống có những ưu, nhược điểm gì và đề xuất các biện pháp khắc phục Trang bị những kiến thức nền quan trọng về hệ thống thông tin kế toán để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành chuyên sâu và chuyên ngành liên quan. Rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
31	Kiểm soát nội bộ	Học phần này trang bị những kiến thức về hệ thống kiểm soát nội bộ và phương pháp xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ trong các tổ chức Trang bị những kiến thức nền quan trọng về kiểm soát nội bộ để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành chuyên sâu và chuyên ngành liên quan. Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

32	Kế toán công ty cổ phần	Học phần này trang bị cho sinh viên ngành Kế toán các kiến thức về kế toán công ty cổ phần, bao gồm các vấn đề tổng quan về công ty cổ phần và kế toán công ty cổ phần; kế toán liên quan đến nghiệp vụ thành lập và góp vốn trong công ty cổ phần; kế toán tăng, giảm vốn trong công ty cổ phần; xác định kết quả kinh doanh, nguyên tắc và trình tự kế toán phân chia kết quả trong công ty cổ phần; kế toán giải thể và tổ chức lại công ty cổ phần; hệ thống BCTC trong công ty cổ phần. Giúp sinh viên nắm được phương pháp và nội dung cơ bản về kế toán tài chính vận dụng trong công ty cổ phần trên cơ sở kết hợp chế độ kế toán doanh nghiệp với các qui định pháp lý hiện hành về tổ chức và hoạt động của công ty cổ phần. Mặt khác, những nội dung của môn học cũng tạo điều kiện cho người học có những nền tảng cơ bản để nghiên cứu các môn học khác của chuyên ngành kế toán, kiểm toán. Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
33	Kế toán doanh nghiệp xây lắp	Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kế toán doanh nghiệp xây lắp: đặc điểm hoạt động và doanh nghiệp xây lắp, các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán áp dụng trong doanh nghiệp xây lắp, nội dung, yêu cầu nhiệm vụ của kế toán, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ; kế toán tài sản cố định; kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp xây lắp, kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp xây lắp.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Người học có thể vận dụng kiến thức đã học về kế toán doanh nghiệp xây lắp để làm bài tập và làm kế toán tại doanh nghiệp xây lắp như: nhận diện chứng từ, phân tích nghiệp vụ kinh tế, định khoản, ghi sổ và lập báo cáo tài chính. Người học chủ động, nghiêm túc và cầu thị trong quá trình học tập, thái độ học tập tích cực. Có tâm thái của một kế toán chuyên nghiệp. + Hiểu rõ vai trò, nhiệm vụ và tầm quan trọng của kế toán trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp xây lắp.			
34	Kế toán doanh nghiệp thương mại, dịch vụ	Học phần này trang bị cho người học nội dung kiến thức cơ bản các phần hành về kế toán mua hàng, kế toán bán hàng, kế toán xác định kết quả, kế toán các hoạt động xuất nhập khẩu trong doanh nghiệp thương mại, kế toán tập hợp chi phí và tính giá thành, xác định kết quả trong các doanh nghiệp dịch vụ. Người học nắm được những kiến thức lý luận và thực hành được các phần hành kế toán trong doanh nghiệp thương mại và doanh nghiệp dịch vụ Người học nắm được kỹ năng ghi chép vào sổ sách các phần hành kế toán trên để áp dụng vào thực tế, định hướng được việc sử dụng tài liệu kế toán vào quản lý các lĩnh vực thuộc chuyên ngành đào tạo của mình Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

35	Kế toán ngân sách	Học phần Kế toán ngân sách trang bị cho sinh viên ngành Kế toán các kiến thức cơ bản về kế toán ngân sách, hệ thống các BCTC sử dụng trong các đơn vị thực hiện thu chi ngân sách. Học phần giúp sinh viên nắm được các kiến thức về kế toán dự toán, kế toán thu ngân sách, kế toán chi ngân sách và kế toán cân đối thu chi ngân sách, cách thức thực hiện công việc của kế toán đơn vị thu, chi ngân sách, và lập BCTC Sinh viên hiểu rõ vai trò quan trọng của kế toán ngân sách và nhận thức được tầm quan trọng của nhân viên kế toán trong hoạt động của bộ máy kế toán ngân sách. Sinh viên có thái độ tích cực trong tìm hiểu và ứng dụng các lĩnh vực kế toán mới.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
36	Thị trường chứng khoán	Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán, thị trường thứ cấp, thị trường sơ cấp, các loại chứng khoán được giao dịch trên thị trường, các phương thức phát hành chứng khoán, quy trình bảo lãnh phát hành, phương thức và quy trình giao dịch tại Sở giao dịch. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp các nguyên tắc định giá trái phiếu, cổ phiếu và các nhân tố ảnh hưởng đến giá trị thị trường của các loại chứng khoán này. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể ứng dụng kiến thức đã học vào việc phân tích và đầu tư chứng khoán. Ngoài ra, người học còn được rèn luyện các kỹ năng tư duy độc lập, tư duy phản biện, kỹ năng lập kế hoạch, làm việc đội nhóm, thuyết trình và thể hiện ý tưởng, ứng biến linh hoạt trong môi trường làm việc đòi hỏi sự thay đổi. Học phần cũng giúp người học nhìn nhận được vai trò quan trọng của thị trường chứng khoán, có ý thức tự học và nghiên cứu các vấn đề lý luận cũng như thực tiễn liên quan đến thị	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		trường, có định hướng tích lũy kiến thức chuyên môn cho nghề nghiệp trong tương lai ngay từ khi còn là sinh viên			
37	Kế toán hợp nhất kinh doanh	Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về tập đoàn kinh tế như lịch sử phát triển, khái niệm, đặc điểm và các loại tập đoàn kinh tế. Trang bị cho sinh viên những kiến thức về báo cáo tài chính hợp nhất gồm khái niệm, nội dung, ý nghĩa, nguyên tắc và trình tự lập báo cáo tài chính hợp nhất Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về hợp nhất kinh doanh như phương pháp kế toán hợp nhất kinh doanh, quy trình hợp nhất kinh doanh theo các chuẩn mực Việt Nam và quốc tế. Học phần giúp sinh viên có thể làm bài tập và thực hành lập báo cáo tài chính hợp nhất của một tập đoàn kinh tế cụ thể, biết cách xử lý các xử lý các tình huống trong hợp nhất kinh doanh.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
38	Tín dụng và thanh toán	+ Mục tiêu của học phần này nhằm phát triển khả năng của người học trong việc tổng hợp phân tích đánh giá lựa chọn khách hàng vay vốn thích hợp với ngân hàng, đồng thời nhận định nguyên nhân, nhu cầu vay vốn của khách hàng để xây dựng và tổ chức cấp tín dụng phù hợp. + Hiểu được cách tính tỷ giá được niêm yết trên thị trường ngoại hối và hoạt động kinh doanh ngoại tệ. + Tư duy lựa chọn phương án thanh toán, đồng thời nhận định rủi ro của mỗi phương thức, phương tiện thanh toán để đưa ra lựa chọn thanh toán phù hợp. Trang bị những kiến thức nền quan trọng về tín dụng và thanh toán để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành kế toán và chuyên ngành tài chính ngân hàng.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.			
39	Kế toán ngành bảo hiểm xã hội	Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kế toán trong các đơn vị ngành Bảo hiểm xã hội như chức năng, đặc điểm hoạt động, nội dung quản lý tài chính; hệ thống chứng từ, tài khoản và hình thức kế toán áp dụng tại đơn vị bảo hiểm xã hội. Trang bị những kiến thức quan trọng về các phần hành kế toán tài sản, kế toán thanh toán, kế toán thu, chi BHXH và xác định kết quả trong ngành BHXH, hệ thống báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán trong các đơn vị ngành Bảo hiểm xã hội. Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
40	Thực tập cuối khóa	Học phần này nhằm củng cố các kiến thức về chuyên ngành kế toán đã được học để vận dụng vào thực tiễn. Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng phân tích tổng hợp và tự nghiên cứu các vấn đề tổ chức bộ máy kế toán, các phần hành kế toán, các vấn đề liên quan đến tài chính, thuế trong cơ sở thực tập. Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, thành thạo tin học, sử dụng phần mềm kế toán và các phần mềm khác phục vụ chuyên ngành Có ý thức đúng đắn, nghiêm túc, khách quan và khoa học trong việc đánh giá thực tế tổ chức kế toán và công tác kế toán của đơn vị. Có ý thức nghiên cứu khoa học trong các vấn đề lý thuyết và thực tiễn liên quan đến công tác kế toán trong các đơn vị.	**4**	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Có định hướng tích lũy kiến thức chuyên môn cho nghề nghiệp trong tương lai ngay từ khi còn là sinh viên.			
41	Khóa luận tốt nghiệp	Học phần này nhằm củng cố kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành kế toán đã được học để vận dụng vào thực tiễn. Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng phân tích tổng hợp và tự nghiên cứu các vấn đề tổ chức bộ máy kế toán, phần hành kế toán chuyên sâu, các vấn đề liên quan đến tài chính, thuế trong cơ sở thực tập. Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, thành thạo tin học, sử dụng phần mềm kế toán và các phần mềm khác phục vụ chuyên ngành Có ý thức đúng đắn, nghiêm túc, khách quan và khoa học trong việc đánh giá thực tế tổ chức kế toán và công tác kế toán của đơn vị. Có ý thức nghiên cứu khoa học trong các vấn đề lý thuyết và thực tiễn liên quan đến quy trình phần hành kế toán chuyên sâu đầy đủ tại đơn vị. Có định hướng tích lũy kiến thức chuyên môn cho nghề nghiệp trong tương lai ngay từ khi còn là sinh viên.	**6**	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
42	Hệ thống kiểm soát quản trị	Học phần này trang bị những kiến thức viên kiến thức cơ bản về xây dựng mục tiêu, chiến lược của tổ chức; ảnh hưởng của nó đến hành vi của các cá nhân trong quá trình thực hiện kế hoạch và chiến lược kinh doanh của tổ chức; thiết lập các trung tâm trách nhiệm; đo lường, kiểm soát và đánh giá hiệu quả hoạt động của tổ chức. Trang bị những kiến thức quan trọng trong kiểm soát quản trị để sinh viên có thể tiếp tục tìm hiểu các kiến thức liên quan ở các bậc học cao hơn và có đầy đủ chuyên môn để thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.	3	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.			
43	Kiểm toán báo cáo tài chính	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Kiểm toán tiền; Kiểm toán nợ phải thu khách hàng; Kiểm toán hàng tồn kho và giá vốn hàng bán; Kiểm toán tài sản cố định và chi phí khấu hao; Kiểm toán nợ phải trả và vốn chủ sở hữu; Kiểm toán thu nhập và chi phí. Trang bị những kiến thức nền quan trọng (thuộc phần Thực hành kiểm toán) về kiểm toán báo cáo tài chính để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành chuyên sâu và chuyên ngành liên quan. Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập	3	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
44	Toán cao cấp 1	Học phần cung cấp cho sinh viên: Các khái niệm: Ma trận, các phép toán, các phép biến đổi tuyến tính trên ma trận; Định thức; Hệ phương trình tuyến tính; Không gian vector; Mối liên hệ tuyến tính trong không gian vector. Cách tính định thức, tìm ma trận nghịch đảo, tìm nghiệm của hệ phương trình tuyến tính, tìm hạng, cơ sở của hệ véc tơ, cơ sở của không gian con R^n. Học phần giúp cho sinh viên có kỹ năng giải các bài tập về các kiến thức cơ bản được trang bị, kỹ năng tư duy logic. Học phần giúp cho sinh viên có kỹ năng giải các bài tập về các kiến thức cơ bản được trang bị, kỹ năng tư duy logic, kỹ năng đặt bài toán cho các tình huống thực tế, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

45	Toán cao cấp 2	Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm: Dãy số, giới hạn của dãy số; Hàm số một biến số, giới hạn và tính liên tục của hàm số một biến số; Đạo hàm và vi phân của hàm số một biến số; Tích phân xác định và tích phân suy rộng; Hàm số hai biến số, giới hạn và tính liên tục của hàm hai biến số. Đạo hàm và vi phân của hàm số hai biến số. Cách tìm cực trị của hàm số một biến số và hàm số hai biến số. Ứng dụng của đạo hàm và vi phân trong toán học: Tính giá trị gần đúng, tìm cực trị. Ứng dụng của đạo hàm trong phân tích kinh tế: Hệ số co dãn cung, cầu theo giá. Ứng dụng của đạo hàm riêngvà vi phân trong kinh tế học. Ứng dụng của cực trị trong bài toán tối ưu các trường hợp thực tiễn. Kỹ năng trình bày các vấn đề hợp logic, dùng từ chính xác trong các mệnh đề. Kỹ năng tính đạo hàm, tính tích phân, tìm cực trị của hàm số một biến số và hai biến số. Kỹ năng vận dụng các kết quả của toán học trong việc xây dựng và phân tích một số mô hình toán kinh tế đơn giản như: Mô hình cân bằng, Mô hình tối ưu,.... Khả năng kết hợp, ứng dụng các kiến thức cơ bản vào kiến thức, kỹ năng chuyên ngành Kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc theo nhóm Có thái độ nghiêm túc, đúng đắn và khoa học về bản chất của các vấn đề toán học, vấn đề vận dụng các kiến toán vào lĩnh vực kinh tế.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
46	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Cung cấp cho người học cơ sở của lý thuyết xác suất và thống kê toán học với mục đích giúp người học có phương pháp, công cụ để học tập, nghiên cứu và giải quyết các bài toán thuộc chuyên ngành trong điều kiện ngẫu nhiên, bao gồm các kiến	3	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		thức sau: Các kiến thức về lý thuyết xác suất: Phép thử, biến cố, xác suất của biến cố, biến ngẫu nhiên, biếngẫu nhiênhai chiều và các đặc trưng kỳ vọng, phương sai, hiệp phương sai; Các kiến thức về thống kê: Lý thuyết mẫu, lý thuyết ước lượng và kiểm định giả thiết thống kê. Học phần rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng vận dụng công cụ toán học để học tập nghiên cứu các vấn đề thuộc chuyên ngành kinh tế xã hội - Kỹ năng khảo sát và giải quyết bài toán trong điều kiện ngẫu nhiên. - Vận dụng lý thuyết xác suất và thống kê để học tập các môn khác - Kỹ năng ứng dụng lý thuyết xác suất thống kê để giải quyết các vấn đề thực tế thuộc chuyên ngành kinh tế xã hội. Có thái độ chuyên cần, nghiêm túc, cẩn thận, chính xác.			
47	Triết học Mác - Lênin	+ Sinh viên xác định được đối tượng, mục đích, ý nghĩa và những yêu cầu về mặt phương pháp của môn học. + Sinh viên nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác- Lênin; nắm được những nội dung cơ bản, hệ thống về triết học Mác- Lênin và vai trò của triết học trong đời sống xã hội. + Sinh viên từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất cho bản thân, làm nền tảng lí luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung của các môn học khác. + Sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để giải thích một số hiện tượng mang tính phổ biến diễn ra trong lĩnh vực tự nhiên, xã hội và tư duy.	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		+ Sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu Kinh tế chính trị Mác- Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, hiểu được cơ sở lý luận của Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng + Sinh viên có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. + Tăng cường bản lĩnh chính trị, tính chủ động, tự tin cho sinh viên, từng bước xây dựng, củng cố niềm tin vào con đường cách mạng mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã chọn, từ đó góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.			
48	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	+ Sinh viên xác định được đối tượng, mục đích, ý nghĩa và những yêu cầu về mặt phương pháp của môn học. + Người học nắm được một cách hệ thống kiến thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin bao gồm: Các khái niệm, phạm trù, quy luật kinh tế chủ yếu của kinh tế thị trường; Những vấn đề kinh tế - chính trị của thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam. + Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để học tập và nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn. + Người học nắm được một cách hệ thống kiến thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin bao gồm: Các khái niệm, phạm trù, quy luật kinh tế chủ yếu của kinh tế thị trường; Những vấn đề kinh tế - chính trị của thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam. + Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc đóng góp ý kiến xây dựng, bảo vệ, thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		+ Người học hình thành được phẩm chất đạo đức cách mạng, lập trường chính trị tư tưởng vững vàng, có niềm tin vào sự nghiệp đổi mới đất nước.			
49	Tư tưởng Hồ chí Minh	+ Sinh viên xác định được đối tượng, mục đích, ý nghĩa và những yêu cầu về mặt phương pháp của môn học. Về kiến thức: + Sinh viên xác định được đối tượng, mục đích, ý nghĩa và những yêu cầu về mặt phương pháp của môn học. + Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản vè khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. + Có khả năng tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác. + Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc đóng góp ý kiến xây dựng, bảo vệ, thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. + Sinh viên được nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

50	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học phần này trang bị những kiến thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong các thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - nay). Trang bị những kiến thức cơ bản của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để học tập và nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn. Từ đó, phân tích, lập luận để bảo vệ những quan điểm tư tưởng đúng đắn, phê phán, bác bỏ một cách có hiệu quả những tư tưởng, quan niệm sai lầm về lịch sử của Đảng. Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần. Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc đóng góp ý kiến xây dựng, bảo vệ, thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Tăng cường tính chủ động, tự tin trong việc tìm kiếm những tri thức khoa học mới, từ đó góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
51	Chủ nghĩa Xã hội khoa học	+ Nghiên cứu môn học này nhằm giúp người học nắm được nắm được kiến thức cơ bản về sự ra đời; các giai đoạn phát triển; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận hợp thành Chủ nghĩa Mác - Lênin	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		+ Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nhận thức được những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu môn học + Học tập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học giúp cho sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết tình hình thực tiễn trong nước và thế giới trong bối cảnh đổi mới đất nước gắn với hội nhập khu vực và thế giới hiện nay. + Giúp cho sinh viên có khả năng vận dụng các tri thức của Chủ nghĩa xã hội khoa học vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước có liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta + Hình thành cho sinh viên thái độ chính trị vững vàng, tư tưởng đúng đắn về môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học. + Đồng thời, giúp cho sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về nền tảng tư tưởng của Đảng ta.			
52	Pháp luật đại cương	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: + Nhà nước (nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, chức năng, hình thức, kiểu nhà nước); nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; + Pháp luật (nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, vai trò, hình thức, kiểu pháp luật, quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý); + Một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; pháp chế XHCN; pháp luật về phòng chống tham nhũng. Người học có kỹ năng phân tích cơ cấu của quy phạm pháp luật; xác định hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật; phân tích cấu thành của quan hệ pháp luật; nhận biết hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý tương ứng. Người học vận	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		dụng được kiến thức đã học để làm kiến thức nền phục vụ nghiên cứu một số môn học luật chuyên ngành trong chương trình đào tạo. Đồng thời, người học có kỹ năng thuyết trình về một vấn đề của pháp luật; có kỹ năng điều hành hoạt động nhóm, tham gia hoạt động nhóm; có kỹ năng ghi biên bản cuộc họp. Người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của môn học ứng dụng vào học tập và cuộc sống của bản thân; thấy được vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội, từ đó nâng cao ý thức thực hiện pháp luật, tuyên truyền ý thức thực hiện pháp luật với cộng đồng xung quanh. Đồng thời, người học biết cách tra cứu và tự cập nhật các văn bản pháp luật để phục vụ cho công việc và có ý thức tự điều chỉnh công việc của mình theo những quy định của pháp luật.			
53	Tin học cơ bản 1	Trang bị cho sinh viên các kiến thức đại cương về tin học, đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành; Nắm vững kiến thức cơ bản sử dụng máy tính điện tử, phần mềm hệ thống (Windows); Nắm vững nguyên tắc làm việc với phần mềm soạn thảo văn bản (Microsoft Word), phần mềm bảng tính (Microsoft Excel), phần mềm trình chiếu (Microsoft PowerPoint) Sinh viên sau khi học xong phải sử dụng thành thạo hệ điều hành Windows; Sử dụng thành thạo các phần mềm Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint để soạn thảo và trình bày văn bản nhanh chóng, đúng quy định, chuyên nghiệp và khoa học, thiết kế các trang bảng tính và sử dụng tốt các hàm thông dụng của	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Excel để tính toán, phân tích, tổng hợp dữ liệu (như bảng lương, bảng kế toán, bảng dự toán,…). Tạo một bài trình chiếu (quản lý các trang chiếu và tệp trình chiếu, đưa các đối tượng vào trang chiếu, tạo và quản lí các hiệu ứng, thực hiện trình chiếu...). Nhận thức được tầm quan trọng của việc áp dụng Tin học trong học tập cũng như trong công việc thực tế. Sinh viên phải lên lớp và làm các bài tập thực hành để nắm được các nội dung của học phần; nhiệt tình tham gia các buổi thảo luận, thực hành ở trên lớp.			
54	Tin học cơ bản 2	Nắm vững các kiến thức về: Cơ sở dữ liệu, Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Microsoft Access. Cách thức xây dựng, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu thông qua Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Microsoft Access. Sinh viên sau khi học xong phải sử dụng thành thạo phần mềm Microsoft Access để xây dựng, quản lý và khai thác các cơ sở dữ liệu vừa và nhỏ. Có khả năng ứng dụng các lý thuyết đã học để tự xây dựng các bài toán quản lý trong thực tế cuộc sống. Nhận thức được tầm quan trọng của việc áp dụng Tin học trong học tập cũng như trong công việc thực tế. Rèn luyện sinh viên thành người có tính cẩn thận, có tác phong làm việc khoa học, chuẩn xác; có tư duy logic và khả năng quản lý tốt. Sinh viên phải lên lớp và làm các bài tập thực hành để nắm được các nội dung của học phần; nhiệt tình tham gia các buổi thảo luận, thực hành ở trên lớp.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

55	Soạn thảo văn bản	Nắm được các khái niệm, đặc điểm, chức năng và nội dung của văn bản; Trang bị những kiến thức cơ bản về văn bản nói chung và văn bản quản lý nhà nước nói riêng, phân loại văn bản quản lý nhà nước; Hiểu rõ và nắm vững kiến thức những yêu cầu về nội dung, thể thức, ngôn ngữ và văn phong của văn bản; đặc trưng và kỹ thuật soạn thảo một số loại văn bản hành chính thông thường. Sau khi học xong hoc phần này, sinh viên nhận biết về mục đích, ý nghĩa của việc sử dụng và ban hành văn bản; nắm rõ những yếu tố thuộc về thể thức và cơ cấu nội dung của một số văn bản hành chính nói chung và văn bản quản lý nhà nước nói riêng. Qua đó, sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức đã học để soạn thảo một số văn bản hành chính thông thường trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức. Đồng thời, sinh viên được trau dồi thêm các kỹ năng khác như: kĩ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm và sử dụng công nghệ thông tin phục vụ việc tra cứu và soạn thảo một số văn bản một cách hoàn chỉnh. Qua môn học này, sinh viên thấy được vai trò ý nghĩa và tầm quan trọng của văn bản trong hoạt động quản lý của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp… Từ đó có động lực học tập và phấn đấu để trau dồi kiến thức và kỹ năng năng để áp dụng vào công việc sau khi ra trường.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
56	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	+ Nghiên cứu môn học này nhằm giúp người học nắm được khái niệm, ý nghĩa của môn học; nắm được bản chất của khoa học, nghiên cứu khoa học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học, cách thức tiến hành nghiên cứu và trình bày một công trình	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		khoa học (viết bài báo khoa học; tiểu luận, báo cáo thực tập và khóa luận tốt nghiệp…). + Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nhận thức được các nguyên tắc cơ bản của nhận thức luận khoa học, các quy luật tư duy của khoa học, các phương pháp dự báo khoa học và quản lý khoa học cũng như đảm bảo đạo đức của người làm khoa học. + Học tập môn khoa học bước đầu giúp sinh viên có kỹ năng xác định một đề tài nghiên cứu khoa học, đồng thời cũng hình thành và phát triển khả năng hiểu và phân tích, đánh giá một công trình nghiên cứu khoa học cụ thể. + Giúp cho sinh viên những bước cơ bản nhất để rèn luyện các kỹ năng tư duy, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tìm tài liệu và làm việc nhóm; phát triển kỹ năng nghiên cứu và đánh giá nghiên cứu khoa học. + Hình thành tinh thần yêu thích, ham mê khoa học, nghiên cứu khoa học, tăng cường tính chủ động, tự tin trong việc tìm kiếm những tri thức khoa học mới. + Thái độ nghiêm túc, cầu thị, cẩn trọng trong nghiên cứu khoa học.			
57	Logic học	Học phần này trang bị cho sinh viên: - Khái niệm lôgíc học; định nghĩa khái niệm và đặc điểm chung của khái niệm, định nghĩa và phân chia khái niệm; phán đoán và hình thức ngôn ngữ của phán đoán, phán đoán đơn đặc tính và phán đoán phức; quy luật lôgíc cùng các yêu cầu của quy luật đồng nhất, quy luật cấm mâu thuẫn, quy luật loại trừ cái tứ ba, quy luật lý do đầy đủ; suy luận và đặc điểm bản chất của	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		suy luật, suy luận trực tiếp và suy luận gián tiến, suy luận quy nạp và suy luận tương tự; chứng minh, bác bỏ và giả thuyết. - Có khả năng xây dựng được 1 định nghĩa khái niệm hoàn chỉnh dựa trên cơ sở nội hàm của khái niệm; thực hiện phân chia được khái niệm dựa trên cơ sở ngoại diên của khái niệm. Tìm và xác định được tính chu diên cũng như mối quan hệ giữa các phán đoán có cùng chủ từ, vị từ. Xây dựng được luận ba đoạn phù hợp với mỗi loại hình đảm bảo các quy luật của lôgíc, chuyển và đưa luận hai đoạn về luận ba đoạn hoàn chỉnh. - Chứng minh, bác bỏ và giả thuyết trong nghiên cứu các luận đề khoa học. Qua đó, sinh viên nắm được những nội dung cơ bản của logic học hình thức. Sinh viên có - Khả năng tư duy lôgíc đảm bảo tính hệ thống, chặt chẽ, khoa học và mang tính tất yếu. - Từng bước rèn luyện, nâng cao trình độ tư duy logic, tạo thói quen suy nghĩ, lập luận chặt chẽ, rõ ràng, có cơ sở, có hệ thống để đạt tới những tri thức chính xác, khách quan và khoa học. - Khả năng vận dụng các kiến thức đã học để học tập, nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn. - Kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần. - Có thái độ nghiêm túc, đúng đắn và khoa học về bản chất của các vấn đề lôgíc học. - Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu, phân tích, lập luận để bảo vệ những quan điểm tư tưởng			

		đúng đắn, phê phán, bác bỏ một cách có hiệu quả những tư tưởng, quan niệm sai lầm, lối tư duy ngụy biện, tráo trở.			
58	Tâm lý học đại cương	Học phần này trang bị những kiến thức lý luận cơ bản về tâm lý học; khái niệm, đặc điểm, các quy luật của các quá trình tâm lý, trạng thái tâm lý và thuộc tính tâm lý; khái niệm, cấu trúc và các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển tâm lý người Trang bị những kiến thức nền quan trọng về tâm lý học để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành chuyên sâu và chuyên ngành liên quan. Vận dụng và rèn luyện cho sinh viên một số những hiểu biết, kĩ năng để các em vận dụng trong cuộc sống, công việc một cách hiệu quả Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
59	Tiếng Anh cơ bản 1	+ Nắm được kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp tiếng Anh: các thì của động từ; các trợ động từ…. + Nắm được lượng từ vựng căn bản thường gặp trong các đề thi TOEIC + Làm quen định dạng của bài thi TOEIC + Rèn luyện kĩ năng đọc hiểu và nghe hiểu + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng đọc hiểu những mẩu tin, thư, đơn giản. + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng nghe hiểu những ngôn ngữ nói giao tiếp hàng ngày.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		+ Sinh viên có cái nhìn cụ thể hơn về dạng bài thi TOEIC, nắm bắt được kĩ năng làm bài để đạt được điểm cao nhất thông qua các bài luyện tập nghe và đọc hiểu. Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của tiếng Anh và cách làm dạng bài thi TOEIC			
60	Tiếng Anh cơ bản 2	+ Nắm được kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp tiếng Anh: : mệnh đề quan hệ; trật tự từ; cấu trúc bị động… + Nắm được lượng từ vựng căn bản thường gặp trong bài thi + Làm quen định dạng của bài thi TOEIC + Rèn luyện kĩ năng đọc hiểu và nghe hiểu + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng đọc hiểu những mẩu tin, thư tín. + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng nghe hiểu những ngôn ngữ nói giao tiếp hàng ngày. + Người học làm quen và luyện tập dạng bài thi TOEIC, nắm bắt được kĩ năng làm bài để đạt được điểm cao nhất thông qua luyện Practice Test. Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của tiếng Anh và cách làm dạng bài thi TOEIC	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
61	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán	Trang bị cho sinh viên chuyên ngành Kế toán các thuật ngữ tiếng Anh về chuyên ngành Kế toán. Cung cấp cho sinh viên khoa Kế toán các kỹ năng đọc hiểu, dịch tài liệu, thuyết trình và viết các thuật ngữ chuyên ngành Kế toán. Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của tiếng Anh chuyên ngành kế toán sử dụng trong nghề nghiệp tương lai.	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

62	Thể dục điền kinh	Hiểu được tầm quan trọng của học phần Thể dục - Điền kinh là môn thể thao nền tảng cho hoạt động thể lực và các môn thể thao khác. Nắm được kỹ thuật bài tập phát triển chung 13 động tác. Nắm được các kiến thức về kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bung, một số điều luật thi đấu cơ bản của nội dung nhảy cao. Có kỹ năng thực hiện bài tập phát triển chung 13 động tác. Thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bụng. Giáo dục phát triển các tố chất thể lực như: sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo khéo léo, hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cần thiết, bổ trợ và rèn luyện thể lực chuyên môn cho các môn thể thao khác. Sinh viên nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy định của Nhà trường và Bộ môn, tự giác, tích cực thực hiện các nội dung học tập trên lớp và bài tập thể lực, bài tập bổ trợ ở nhà. Sinh viên phải có thái độ học tập tích cực, chủ động. Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá của môn học			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
63	Bóng chuyền 1	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng chuyền với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng chuyền. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			
64	Bóng chuyền 2	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng chuyền với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng chuyền. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng chuyền với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng chuyền. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			
65	Bóng rổ 1	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng rổ với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng rổ. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
66	Bóng rổ 2	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng rổ với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng rổ. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			
67	Cầu lông 1	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Cầu lông với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Cầu lông. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
68	Cầu lông 2	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Cầu lông với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Cầu lông. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			
69	Cờ vua 1	- Hiểu được tầm quan trọng của học phần cờ vua 1 là môn thể thao phát triển khả năng tính toán, tư duy, logic... - Nắm được kiến thức về nguồn gốc ra đời, lịch sử phát triên của môn cờ vua. - Nắm được cách chơi cờ, những tri thức cơ bản trong cờ vua) - Nắm được các kiến thức về giai đoạn tàn cuộc của ván đấu. Có kỹ năng thực hiện bài tập của giai đoạn tàn cuộc. Thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của giai đoạn tàn cuộc Giáo dục phát triển toàn diện đặc biệt là rèn luyện tính kiên trì, khả năng tuy duy, phát triển trí thông minh Sinh viên nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy định của nhà trường, tự giác, tích cực thực hiện các nội dung học tập trên lớp và bài tập ở nhà Sinh viên phải có thái độ học tập tích cực, chủ động. Sinh viên tham gia đầy đủ 2 bài kiểm tra đánh giá kết thúc môn học cờ vua 1			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
70	Cờ vua 2	Hiểu được tầm quan trọng của học phần cờ vua 2 là môn thể thao phát triển trí tuệ một cách toàn diện, rèn luyện trí nhớ, tư duy logic Nắm được kiến thức về nguồn gốc ra đời, lịch sử phát triên của môn cờ vua. Những tri thức trong cờ vua và các giai đoạn của tàn cuộc			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Nắm được các kiến thức về giai đoạn khai cuộc của ván đấu. Có kỹ năng thực hiện bài tập của giai đoạn khai cuộc.Thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của giai đoạn khai cuộc Giáo dục phát triển các tố chất thể lực như: sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo, hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cần thiết, bổ trợ và rèn luyện thể lực chuyên môn cho các môn thể thao khác. Sinh viên nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy định của nhà trường và Bộ môn, tự giác, tích cực thực hiện các nội dung học tập trên lớp và bài tập ở nhà. Sinh viên phải có hái độ học tập tích cực, chủ động. Sinh viên tham gia đầy đủ các bài đánh giá			
71	Cờ vua 3	Hiểu được tầm quan trọng của học phần cờ vua 2 là môn thể thao nền tảng cho hoạt động thể lực và các môn thể thao khác. Nắm được kiến thức về nguồn gốc ra đời, lịch sử phát triên của môn cờ vua. Nắm được các kiến thức về giai đoạn trung cuộc của ván đấu. Có kỹ năng thực hiện bài tập của giai đoạn trung cuộc . Thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của giai đoạn trung cuộc Giáo dục phát triển các tố chất thể lực như: sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo, hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cần thiết, bổ trợ và rèn luyện thể lực chuyên môn cho các môn thể thao khác. Sinh viên nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy định của nhà trường và Bộ môn, tự giác, tích cực thực hiện các nội dung học tập trên lớp và bài tập ở nhà. Sinh viên phải có hái độ học tập tích cực, chủ động.			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Sinh viên phải tham gia đầy đủ 2 bài kiểm tra đánh giá kết thúc học phần cờ vua 3			
72	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng Sản Việt Nam	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: - Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc - Các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân để ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược dưới mọi hình thức, qui mô. - Thực hiện kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh; tìm hiểu về nghệ thuật quân sự từ khi có Đảng lãnh đạo và lịch sử truyền thống vẻ vang của Quân đội nhân dân Việt Nam; những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội. - Vận dụng những kiến thức đã học nhằm nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. - Hình thành tác phong kỷ luật, ý thức tập thể, phát huy trí tuệ tập thể trong học tập và thảo luận nhóm. - Phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng thu thập, xử lý thông tin trong học tập nghiên cứu của sinh viên về các nội dung chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế của Đảng và Nhà nước ta. - Có ý thức bảo vệ, truyền bá đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về Quốc phòng - An ninh. - Xây dựng niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, đấu tranh làm thất bại các luận điểm sai trái phản động bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN.			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		- Có thái độ, nhận thức đầy đủ, đúng đắn về Nhiệm vụ của sinh viên đối với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của đất nước.			
73	Công tác quốc phòng an ninh	Học phần trang bị cho người học kiến thức về: - Phòng, chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. - Vấn đề dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội. - Những kiến thức cơ bản về an ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống; an toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; phòng, chống vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông; phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác góp phần bảo vệ an ninh quốc gia giữ gìn trật tự an toàn xã hội; bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa. - Góp phần phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng trong nghiên cứu, phân tích, tổng hợp của sinh viên về các nội dung; chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế của Đảng và Nhà nước ta; đề xuất các giải pháp thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước về quốc phòng, an ninh. - Hiểu thêm cách xây dựng và quy trình đánh giá kết quả học tập của môn học Giáo dục quốc phòng và An ninh, nâng cao khả năng làm việc độc lập của sinh viên. - Tăng cường kỹ năng trong thu thập, xử lý thông tin trước trong và sau mỗi bài học.			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		- Nâng cao lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội nâng cao trách nhiệm của sinh viên, gương mẫu thực hiện đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước chủ động đấu tranh làm thất bại âm mưu chống phá của các thế lực thù địch, góp phần xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa. - Quán triệt sâu sắc đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và công tác quốc phòng, an ninh. - Hình thành nề nếp sinh hoạt, ý thức chấp hành kỷ luật nghiêm túc trong học tập. - Luôn tin tưởng, làm theo đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng. Không để các thế lực thù địch lôi kéo, dụ dỗ đi sai đường lối cách mạng Việt Nam.			
74	Quân sự chung	Học phần trang bị cho người học kiến thức: -Những nội dung cơ bản về quân sự, an ninh; hiểu biết về các quân, binh chủng trong quân đội, về các chế độ sinh hoạt, công tác trong ngày, tuần, nề nếp chính quy trong đơn vị quân đội; hiểu biết về bản đồ địa hình quân sự, vũ khí công nghệ cao và thi đấu ba môn quân sự phối hợp. -Lịch sử ra đời, truyền thống chiến đấu, lao động của các quân binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam, tác phong chính quy, nề nếp làm việc và kỹ năng phòng thủ dân sự khi có chiến tranh xảy ra, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa. Xây dựng tác phong, nề lối làm việc chính quy kỷ luật, lối sống giản dị, ngăn nắp; nâng cao lòng tự hào dân tộc, về quân đội anh hùng, từ đó xây dựng bản lĩnh, phẩm chất cách mạng cho mình, phấn đấu thực hiện tốt nhiện vụ học tập, công tác góp			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng của Đảng, của dân tộc trong giai đoạn cách mạng hiện nay. Nâng cao phẩm chất, đạo đức, lối sống, rèn luyện tính kỷ luật và tác phong chính quy từ đó hình thành lối sống và làm việc nghiêm túc; có kiến thức về quân sự chung, có thái độ nghiêm túc với việc xây dựng nền Quốc phòng toàn dân, An ninh nhân dân, sẵn sàng tham gia xây dựng quân đội khi tổ quốc cần. Hình thành nề nếp sinh hoạt, ý thức chấp hành kỷ luật, tác phong làm việc nghiêm túc phục vụ cho việc học tập và công tác sau này.			
75	Kỹ thuận chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: - Kiến thức về sử dụng súng tiểu liên AK (Tính năng cấu tạo, quy tắc sử dụng súng, lý thuyết ngắm bắn, đường ngắm, mục tiêu và những vấn đề ảnh hưởng đến phát bắn); lựu đạn (tính năng, cấu tạo và cách ném lựu đạn) - Người học hiểu được kỹ thuật chiến đấu của bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới); - Sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí thông thường như bắn súng tiểu liên AK, (trình tự các bước trong thực hành bắn, kỹ năng ngắm bắn...) - Sử dụng lựu đạn (quy tắc, chuẩn bị và thực hành ném lựu đạn); - - Vận dụng được trong luyện tập thực hành các động tác của chiến sĩ trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ cảnh giới. - Người học có thái độ đúng mức khi tiếp cận hoặc sử dụng các loại vũ khí đặc biệt là súng, đạn; có ý thức trách nhiệm khi làm			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		nhiệm vụ liên quan đến ANCT, TTATXH và tham gia các hoạt động quân sự, an ninh; - Sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc - Rèn luyện tác phong của người chiến sĩ; hình thành nếp sống có kỷ luật (Quân trang, quân phục, đội hình, đội ngũ...), ý thức cộng đồng ở trường, lớp và khi ra công tác có thể làm lực lượng nòng cốt trong các nhiệm vụ quân sự, an ninh tại đơn vị cơ sở.			

Ngành Kiểm toán

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Kinh tế vi mô	Hiểu được các khái niệm và mô hình cơ bản trong phân tích kinh tế vi mô. Nắm được Cách thức thị trường hàng hóa, thị trường các yếu tố đầu vào sản xuất hoạt động như thế nào. Các kết cục do chính sách can thiệp vào thị trường của Chính phủ; Nắm và hiểu được nguyên tắc ra quyết định kinh tế tối ưu của các tác nhân riêng rẽ (người tiêu dùng, người sản xuất…) trong nền kinh tế và sự tương tác giữa các tác nhân này trong từng cấu trúc thị trường khác nhau. Có thể đọc hiểu các bài viết, phân tích về kinh tế được bàn luận trên các phương tiện truyền thông đại chúng như sách, báo, đài và tạp chí; có khả năng sử dụng các lý thuyết kinh tế, mô hình kinh tế đã học để trình bày hoặc lý giải một số hiện tượng kinh tế diễn ra hàng ngày.	3	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Góp phần giúp sinh viên có tính cẩn thận và trách nhiệm khi đưa ra quyết định lựa chọn trong thực tế; có khả năng quản lý tốt, tránh lãng phí các nguồn lực của bản thân, gia đình và xã hội từ đó góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong nền kinh tế nói chung.			
2	Kinh tế vĩ mô	Hiểu được những kiến thức cơ bản, các khái niệm và cách thức đo lường các biến số kinh tế vĩ mô của nền kinh tế. Hiểu được cách thức vận hành và những mối quan hệ kinh tế chủ yếu của một nền kinh tế thông qua các lý thuyết và mô hình cơ bản. Hiểu và phân tích được bản chất của các biến động kinh tế vĩ mô và cách thức giải quyết chúng. Hiểu được cách thức vận dụng các chính sách tài khóa và tiền tệ nhằm góp phần giảm bớt các biến động kinh tế có tính chu kỳ. Người học có kỹ năng sử dụng một số phương pháp phân tích tối ưu, phân tích cân bằng tổng thể trong việc nghiên cứu, phân tích, đánh giá một số hiện tượng sự kiện, và chính sách kinh tế vĩ mô. Người học có ý thức trách nhiệm và thái độ tích cực tự rèn luyện nâng cao hiểu biết về các vấn đề kinh tế, phân tích chính sách để có thể đáp ứng được yêu cầu của xã hội đang trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
3	Nguyên lý thống kê	Giúp cho sinh viên nắm được quá trình nghiên cứu thống kê, tổng hợp tài liệu thống kê thông qua phương pháp phân tổ thống kê. Nắm vững các phương pháp phân tích thống kê như: phân tích hồi quy và tương quan để nghiên cứu mối liên hệ giữa các tiêu thức; Phân tích đặc điểm và xu thế vận động của hiện tượng qua	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		thời gian; sử dụng hệ thống chỉ số phân tích biến động của hiện tượng. Trang bị bước đầu cho sinh viên một số công cụ thống kê phục vụ cho các môn học Thống kê chuyên ngành và nghiên cứu khoa học. Sinh viên hiểu và sử dụng được các phương pháp thu thập tài liệu, thiết kế bảng hỏi. Thực hành tốt các kỹ năng tổng hợp tài liệu thống kê bằng phương pháp phân tổ thống kê, trình bày dữ liệu thống kê bằng bảng và đồ thị thống kê. Thành thạo kỹ năng tính toán các mức độ của các hiện tượng KTXH, và phân tích hiện tượng trên cơ sở các mức độ đó. Có khả năng chủ động vận dụng các phương pháp phân tích thống kê trong học tập, nghiên cứu khoa học. Rèn luyện thái độ nghiêm túc, trung thực trong thu thập, xử lý tổng hợp, phân tích dữ liệu và trong cung cấp thông tin. Tạo tác phong nghiêm túc và khoa học trong học tập, nghiên cứu và lao động.			
4	Luật Kinh tế	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: + Địa vị pháp lý của các chủ thể kinh doanh; + Pháp luật về giải quyết tranh chấp kinh doanh; + Pháp luật phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Giúp người học có khả năng vận dụng được kiến thức đã học giải quyết các tình huống nảy sinh trong thực tiễn kinh doanh liên quan đến địa vị pháp lý các chủ thể kinh doanh; giải quyết các tình huống liên quan đến phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã; giải quyết tranh chấp kinh doanh phát sinh trong quá trình thành lập, hoạt động của doanh nghiệp.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Giúp người học có kỹ năng bình luận, đánh giá các quy định của pháp luật thực định nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng; có kỹ năng thuyết trình về một vấn đề của pháp luật kinh tế; có kỹ năng điều hành hoạt động nhóm, tham gia hoạt động nhóm. Người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của môn học ứng dụng vào học tập và cuộc sống của bản thân. Hình thành nhận thức và thái độ đúng đắn về quyền tự do kinh doanh của tổ chức, cá nhân trong nền kinh tế thị trường. Đồng thời, người học cũng thấy được vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội, biết cách tra cứu và tự cập nhật các văn bản pháp luật để phục vụ cho công việc, từ đó nâng cao ý thức thực hiện pháp luật, tuyên truyền ý thức thực hiện pháp luật với cộng đồng.			
5	Marketing căn bản	Nắm được các vấn đề cơ bản của marketing gồm các khái niệm trong marketing, các quan điểm và nội dung marketing. Hiểu, phân tích và vận dụng các vấn đề về thị trường, khách hàng, khách hàng mục tiêu. Nghiên cứu khách hàng mục tiêu thông qua các hoạt động phân đoạn, lựa chọn và định vị thị trường. Hiểu, phân tích và vận dụng được các mô hình nghiên cứu hành vi mua của khách hàng. Hiểu và phân tích được chính sách marketing – mix (4 “p”) Nắm được các kiến thức mới về marketing Rèn luyện năng lực tư duy marketing. Có kỹ năng phân tích và xử lý tình huống marketing cụ thể Ý thức được vai trò và tầm quan trọng của marketing trong hoạt động kinh doanh. Có ý thức ứng dụng marketing trong công việc.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Xây dựng ý thức hướng về thị trường, về khách hàng trong các hoạt động.			
6	Tài chính - Tiền tệ	Nắm được các vấn đề cơ bản của marketing gồm các khái niệm trong marketing, các quan điểm và nội dung marketing. Hiểu, phân tích và vận dụng các vấn đề về thị trường, khách hàng, khách hàng mục tiêu. Nghiên cứu khách hàng mục tiêu thông qua các hoạt động phân đoạn, lựa chọn và định vị thị trường. Hiểu, phân tích và vận dụng được các mô hình nghiên cứu hành vi mua của khách hàng. Hiểu và phân tích được chính sách marketing – mix (4 “p”) Nắm được các kiến thức mới về marketing Rèn luyện năng lực tư duy marketing. Có kỹ năng phân tích và xử lý tình huống marketing cụ thể Ý thức được vai trò và tầm quan trọng của marketing trong hoạt động kinh doanh. Có ý thức ứng dụng marketing trong công việc. Xây dựng ý thức hướng về thị trường, về khách hàng trong các hoạt động.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
7	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp, nguyên tắc và kỹ thuật cơ bản của quản trị tài chính và ứng dụng những quyết định này trong việc quyết định những vấn đề tài chính cơ bản trong doanh nghiệp: quyết định đầu tư, quyết định tài trợ và quyết định quản trị tài sản. Trang bị những kiến thức nền quan trọng về tài chính doanh nghiệp để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành chuyên sâu và chuyên ngành liên quan.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.			
8	Quản trị tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp	Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản liên quan đến ngân sách nhà nước, tài chính của các cơ quan hành chính - sự nghiệp, quản trị tài chính các cơ quan hành chính - sự nghiệp để làm cơ sở học tập các môn chuyên ngành; góp phần thực hiện mục tiêu chuẩn đầu ra của nhà trường. Sinh viên hiểu về quy trình lập dự toán NSNN, chấp hành dự toán và quyết toán NSNN hàng năm. Hiểu về quy trình lập dự toán tại cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; quản trị tài chính trong cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; quyết toán nguồn kinh phí NSNN trong đơn vị hành chính - sự nghiệp. Sinh viên nắm vững phương pháp lập dự toán tại cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập; Tham khảo một số quy chế chi tiêu nội bộ của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. Nắm vững phương pháp phân tích một số chỉ tiêu trên báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán NSNN của các đơn vị hành chính sự nghiệp. Trang bị những kiến thức nền quan trọng về tài chính đơn vị hành chính sự nghiệp để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành chuyên sâu và chuyên ngành liên quan. Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
9	Kinh tế lượng	+ Nắm được các kiến thức cơ bản về phân tích hồi quy trong kinh tế xã hội.;	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi

		+ Thực hiện được một cách cơ bản quy trình phân tích hồi quy, từ xây dựng một mô hình tốt đến ứng dụng mô hình này để đưa ra các khuyến nghị hợp lý cho các vấn đề cụ thể trong kinh tế kinh doanh. + Nắm được các kỹ năng thực hành trong phân tích hồi quy; Nắm được các kỹ thuật cơ bản trong phân tích hồi quy và sử dụng thành thạo phần mềm Eviews trong quá trình phân tích hồi quy; Có thái độ nghiêm túc, đúng đắn và khoa học về bản chất của các vấn đề toán học, vấn đề vận dụng các kiến toán vào lĩnh vực kinh tế.			kết thúc học phần 60%
10	Văn hóa doanh nghiệp	Nắm được các kiến thức cơ bản của Văn hóa doanh nghiệp như: khái niệm, đặc điểm, vai trò của văn hóa, các yếu tố cấu thành của văn hóa doanh nghiệp, các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và các giai đoạn hình thành văn hóa doanh nghiệp. Hiểu được các biểu hiện của văn hóa doanh nghiệp, các dạng văn hóa doanh nghiệp và các mô hình văn hóa doanh nghiệp Hiểu và vận dụng văn hóa doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh như văn hóa ứng xử trong kinh doanh; đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội; xây dựng và duy trì văn hóa doanh nghiệp Có kỹ năng nghiên cứu và phân tích các vấn đề về văn hóa trong doanh nghiệp. Có kỹ năng vận dụng và lựa chọn các yếu tố, giá trị và mô hình văn hóa trong hoạt động xây dựng và duy trì văn hóa doanh nghiệp phù hợp đặc điểm và môi trường hoạt động của từng loại hình doanh nghiệp. Có kỹ năng thích ứng và hòa nhập với văn hóa của một doanh nghiệp cụ thể. Hiểu và có nhận thức đúng về tầm quan trọng của văn hóa	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		doanh nghiệp từ đó có ý thức học tập, rèn luyện về chuyên môn và các kỹ năng làm việc thích nghi được với môi trường văn hóa doanh nghiệp tại đơn vị sau này. Có nhận thức trong việc rèn luyện các kỹ năng, phẩm chất phù hợp với các giá trị của văn hóa doanh nghiệp nói chung.			
11	Kỹ năng giao ttiếptitiếp	- Trang bị kiến thức lý luận về kỹ năng giao tiếp, đặc trưng cơ bản và liệt kê được tên các yếu tố tham gia vào quá trình giao tiếp, qua đó nắm rõ bản chất xã hội của hoạt động giao tiếp, các hình thức khi giao tiếp - Trang bị cho sinh viên những kiến thức về những kỹ năng nguyên tắc giao tiếp cơ bản - Vận dụng và rèn luyện các kỹ năng vào cuộc sống: tự nhận hức bản thân đúng đắn, thuyết trình trước đám đông, quan sát ắng nghe, phản hồi và đặt câu hỏi khi giao tiếp… - Hình thành ở sinh viên cách thức tổ chức các hoạt động giao iếp, lạc quan khi nhìn nhận con người, về các mối quan hệ người - người và về chính bản thân mình đối với những biểu hiện đa dạng của đời sống tâm lý con người - Tuân thủ pháp luật, tuân thủ các quy định chung của Nhà trường và các quy định riêng của học phần do giảng viên phụ trách đưa ra.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
12	Quản trị rủi ro	**Về kiến thức:** + Sinh viên nắm vững những vấn đề lý luận chung về rủi ro, nguồn rủi ro và quản trị rủi ro + Sinh viên hiểu được các bước của quy trình quản trị rủi ro và các phương pháp đối phó với rủi ro	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		+ Sinh viên hiểu được các vấn đề lý luận về kiểm soát rủi ro và tài trợ rủi ro **Về kỹ năng:** + Có khả năng vận dụng những kiến thức của môn học vào phân tích, nhận dạng, đánh giá rủi ro cho một đối tượng cụ thể + Có khả năng vận dụng và xây dựng một chương trình quản trị rủi ro cho một đối tượng cụ thể - Nâng cao nhận thức của người học về sự cần thiết của quản trị rủi ro - Có ý thức và thận trọng trong hoạt động quản trị rủi ro			
13	Nguyên lý kế toán 1	Trang bị những kiến thức cơ bản của nguyên lý kế toán gồm bản chất của kế toán và các phương tiện kế toán như: Chứng từ kế toán, Tài khoản kế toán và Báo cáo kế toán. Trang bị những kiến thức cơ sở quan trọng về các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung, các phương tiện của kế toán để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành kế toán và các chuyên ngành liên quan. Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
14	Nguyên lý kế toán 2	Học phần này trang bị những kiến thức về kế toán hàng tồn kho, kế toán tài sản dài hạn, kế toán nợ ngắn hạn, kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu trong doanh nghiệp. Trang bị những kiến thức quan trọng về kế toán làm nền tảng cơ sở để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần thuộc chuyên ngành chuyên sâu và chuyên ngành liên quan.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.			
15	Kế toán tài chính 1	Học phần này trang bị những kiến thức về kế toán tài chính, gắn với hoạt động: Vai trò và nhiệm vụ của kế toán, nguyên tắc kế toán, nội dung, yêu cầu, hình thức kế toán trong các doanh nghiệp sản xuất; Kiến thức chuyên sâu kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương; kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ; kế toán tài sản cố định; kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Trang bị những kiến thức nền quan trọng về kế toán tài chính để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành chuyên sâu và chuyên ngành liên quan. Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
16	Kế toán tài chính 2	Trang bị cho người học kiến thức về kế toán thành phẩm, tiêu thụ và xác định kết quả kinh doanh; kế toán đầu tư tài chính và hoạt động khác; kế toán phân phối lợi nhuận; kế toán tài sản bằng tiền; kế toán các khoản phải thu; kế toán các khoản nợ phải trả; kế toán nguồn vốn chủ sở hữu; báo cáo tài chính. Người học có thể làm bài tập và làm kế toán tại doanh nghiệp ở một số công việc như nhận diện chứng từ, phân tích nghiệp vụ kinh tế, định khoản, ghi sổ và lập báo cáo tài chính. Người học chủ động, nghiêm túc và cầu thị trong quá trình học tập, hiểu và có ý thức, thái độ tích cực về vai trò và tầm quan trọng của kế toán trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

17	Kế toán Hành chính sự nghiệp 1	Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản, chuyên sâu về kế toán hành chính sự nghiệp: tổng quan về đơn vị hành chính sự nghiệp, nhiệm vụ và nội dung của kế toán, các quy định về chứng từ, tài khoản, sổ kế toán và hình thức kế toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp. Trang bị những kiến thức chuyên sâu về kế toán hành chính sự nghiệp bao gồm kế toán nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ; kế toán tài sản cố định; kế toán thanh toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp. Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
18	Kế toán Hành chính sự nghiệp 2	Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản,chuyên sâu về kế toán tiền, doanh thu, chi phí các hoạt động, báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp. Trang bị những kiến thức quan trọng về kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp như sổ kế toán chi tiết các phần hành tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, doanh thu, chi phí, báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành chuyên sâu và chuyên ngành liên quan. Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
19	Kiểm toán căn bản	Trang bị những kiến thức về hoạt động kiểm toán bao gồm: Khái niệm kiểm toán, các lĩnh vực kiểm toán và tổ chức kiểm toán. Những khái niệm cơ bản trong kiểm toán và ý nghĩa của chúng đối với việc thực hiện kiểm toán. Các phương pháp, kỹ	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		thuật kiểm toán, qui trình một cuộc kiểm toán và các loại ý kiến kiểm toán. Vận dụng những kiến thức về kiểm toán để thực hiện nghiệp vụ kiểm toán tại một đơn vị. Giúp cho người học có kỹ năng cơ bản để phân tích, đánh giá tình hình doanh nghiệp. Trang bị cho người học phương pháp cơ bản để tìm hiểu, kiểm tra và giải quyết vấn đề trong tổ chức. Nắm vững kiến thức cơ bản về kiểm toán, nguyên tắc đạo đức nghề nghiệp, có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau. Có khả năng làm việc nhóm và phát huy trí tuệ tập thể. Có ý thức tự học và rèn luyện để tích lũy thêm kiến thức, có khả năng học tập ở bậc học cao hơn để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ hay thông qua các khóa học để lấy các chứng chỉ nghề nghiệp của Việt Nam và quốc tế.			
20	Kiểm soát nội bộ	Học phần này trang bị những kiến thức về hệ thống kiểm soát nội bộ và phương pháp xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ trong các tổ chức Trang bị những kiến thức nền quan trọng về kiểm soát nội bộ để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành chuyên sâu và chuyên ngành liên quan. Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
21	Kế toán quản trị	Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kế toán quản trị, cách thức thiết kế hệ thống thông tin kế toán quản trị, cách thức sử dụng thông tin kế toán quản trị để ra quyết định Trang bị những kiến thức nền quan trọng về kế toán quản trị để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành chuyên sâu và chuyên ngành liên quan.	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự nghiên cứu, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.			
22	Kế toán máy	Học phần trang bị những kiến thức nhằm giúp sinh viên hiểu biết toàn diện về hệ thống thông tin kế toán dựa trên máy tính. Nhận diện rõ vai trò của phần mềm kế toán trong hệ thống thông tin kế toán. Bước đầu sinh viên hiểu được cấu trúc của một chương trình kế toán máy nhằm xác định rõ công việc của kế toán viên khi làm việc với phần mềm kế toán. Nhận diện các dạng file cơ bản trong chương trình kế toán máy nhằm phục vụ tốt cho quá trình làm việc (cập nhật, lưu, hiệu chỉnh dữ liệu). Nắm vững các nguyên tắc tổ chức thông tin trên máy tính nhằm tránh sai sót khi tiến hành công tác kế toán máy Sau khi học xong học học phần này, sinh viên có thể thực hành cập nhật các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên phần mềm một cách thành thạo, biết cách xử lý các sự cố thường gặp trên phần mềm, khai thác các báo cáo kế toán một cách hiệu quả, đáp ứng cung cấp thông tin kịp thời cho nhà quản trị doanh nghiệp. Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
23	Kế toán thuế	Học phần này trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quát về bản chất, vai trò, nội dung của từng sắc thuế, cách tính thuế cũng như cách hạch toán các loại thuế hiện hành ở Việt Nam. Trang bị những kiến thức nền quan trọng về kế toán thuế để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành chuyên sâu và chuyên ngành liên quan.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.			
24	Phân tích báo cáo tài chính	Học phần này trang bị những kiến thức phân tích báo cáo tài chính cơ bản để có khả năng đọc, hiểu hệ thống báo cáo tài chính. Ứng dụng những nội dung phân tích cơ bản cho việc đánh giá tình hình tài chính của các công ty, sử dụng các kiến thức tích lũy của môn học cho việc nghiên cứu các môn học, lĩnh vực khác và ra các quyết định tài chính liên quan. Trang bị những kiến thức về phân tích báo cáo tài chính để sinh viên có thể vận dụng học các học phần chuyên ngành chuyên sâu và chuyên ngành liên quan; giúp sinh viên khi ra trường có thể vận dụng kiến thức được học vào công tác phân tích, đánh giá tình hình tài chính của các đơn vị. Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng phân tích, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập của học phần.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
25	Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa	Trang bị cho người học kiến thức chung về ý nghĩa, vai trò của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong nền kinh tế; Kiến thức cơ bản về kế toán trong doanh nghiệp nhỏ và vừa gồm kế toán các yếu tố của quá trình sản xuất kinh doanh, kế toán chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm, kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh. Sau khi học xong học học phần này, người học có kỹ năng nhận biết điều kiện, ghi nhận các khoản mục tài sản, doanh thu, chi phí; biết cách nhận diện các nghiệp vụ, biết cách ghi nhận vào sổ kế toán; có khả năng lập báo cáo tài chính trong doanh nghiệp nhỏ và vừa. Ngoài ra người học còn phát triển các kỹ năng mềm	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		như kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình và giải quyết tình huống. Người học có ý thức đúng đắn, nghiêm túc trong học tập; Có ý thức nghiên cứu và tự thực hành làm bài tập; Có định hướng tích lũy kiến thức chuyên môn cho nghề nghiệp trong tương lai ngay từ khi còn là sinh viên.			
26	Tổ chức kế toán	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về tổ chức công tác kế toán, bao gồm các vấn đề chung về tổ chức chứng từ kế toán; tổ chức hệ thống tài khoản kế toán, sổ kế toán; tổ chức hệ thống báo cáo kế toán; tổ chức kế toán các yếu tố cơ bản của quá trình hoạt động trong DN; tổ chức kế toán một số quá trình chủ yếu trong DN; tổ chức lao động kế toán và bộ máy kế toán. Giúp sinh viên nắm được nắm được phương pháp và nội dung cơ bản để vận dụng tổ chức kế toán của đơn vị. Mặt khác, những nội dung của học phần cũng tạo điều kiện cho sinh viên có những nền tảng cơ bản để nghiên cứu và học tập các môn học khác của chuyên ngành kế toán, kiểm toán. Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần và ứng dụng các lĩnh vực kế toán mới.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
27	Chuẩn mực kế toán	Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về chuẩn mực kế toán Việt Nam, chuẩn mực chung, so sánh với chuẩn mực khuôn mẫu lập trình bày báo cáo tài chính, so sánh hệ thống chuẩn mực Việt nam và Quốc tế; Trang bị kiến thức cơ bản về các chuẩn mực liên quan đến báo cáo tài chính như chuẩn mực trình bày báo cáo tài chính, các chuẩn mực liên quan đến tài sản, doanh thu, chi phí.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Học phần này trang bị những kiến thức về chuẩn mực báo cáo lưu chuyển tiền tệ trên các phương diện nội dung, mục đích, cách lập báo cáo. Trang bị kiến thức về các chuẩn mực liên quan đến tài sản, doanh thu, chi phí; Với từng chuẩn mực nắm bắt được tiêu chuẩn nhận biết, cách thức đo lường, ghi nhận và trình bày báo cáo tài chính. Trang bị những kiến thức nền quan trọng về Chuẩn mực kế toán Việt Nam để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành chuyên sâu và chuyên ngành liên quan. Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.			
28	Chuẩn mực kiểm toán	Học phần này Trang bị những kiến thức về hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam: các vấn đề cơ bản của hệ thống chuẩn mực kiểm toán quốc tế; Các kiến thức chuyên sâu của hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam; Đánh giá mối tương quan giữa hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và chuẩn mực kiểm toán quốc tế;Vận dụng các nguyên tắc kiểm toán trong trường hợp thực hiện các dịch vụ đảm bảo khác. Trang bị những kiến thức nền quan trọng về chuẩn mực kiểm toán để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành chuyên sâu và chuyên ngành liên quan. Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
29	Kiểm toán báo cáo tài chính 1	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Tổng quan về kiểm toán báo cáo tài chính; Đánh giá hệ thống kiểm	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi

		soát nội bộ; Kiểm toán tiền; Kiểm toán nợ phải thu khách hàng; Kiểm toán hàng tồn kho và giá vốn hàng bán. Trang bị những kiến thức nền quan trọng (thuộc phần Thực hành kiểm toán) về kiểm toán báo cáo tài chính để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành chuyên sâu và chuyên ngành liên quan. Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.			kết thúc học phần 60%
30	Kiểm toán báo cáo tài chính 2	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Kiểm toán tài sản cố định và chi phí khấu hao; Kiểm toán nợ phải trả và vốn chủ sở hữu; Kiểm toán thu nhập và chi phí; Hoàn thành kiểm toán; Các dịch vụ của doanh nghiệp kiểm toán Trang bị những kiến thức nền quan trọng (thuộc phần Thực hành kiểm toán) về kiểm toán báo cáo tài chính để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành chuyên sâu và chuyên ngành liên quan. Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
31	Kiểm toán nội bộ	Học phần này trang bị những kiến thức về kiểm toán nội bộ, cách thức thực hiện và tổ chức cuộc kiểm toán nội bộ trong các tổ chức và nội dung về kiểm toán một số hoạt động chủ yếu trong doanh nghiệp. Trang bị những kiến thức nền quan trọng về kiểm toán nội bộ để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành chuyên sâu và chuyên ngành liên quan.	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.			
32	Thực hành kiểm toán báo cáo tài chính	Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau: Kiến thức tổng quan về thực hành kiểm toán; Lập kế hoạch kiểm toán; Thực hiện kiểm toán; Tổng hợp và lập báo cáo kiểm toán. Trang bị những kiến thức nền quan trọng về thực hành kiểm toán báo cáo tài chính để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành chuyên sâu và chuyên ngành liên quan. Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
33	Kế toán quốc tế	Học phần này trang bị những kiến thức về kế toán quốc tế, gắn với hoạt động: Các nội dung cơ bản về hệ thống chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế (IFRSs) trong các doanh nghiệp; Kiến thức chuyên sâu Báo cáo tài chính; Kế toán tiền lương; Kế toán hàng tồn kho; Kế toán tài sản dài hạn; Kế toán doanh thu; Kế toán tiền, các khoản phải thu, phải trả. Trang bị những kiến thức nền quan trọng về kế toán quốc tế để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành chuyên sâu và chuyên ngành liên quan. Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
34	Kế toán tập đoàn	Trang bị cho người học kiến thức khái quát về tập đoàn kinh tế và hoạt động hợp nhất kinh doanh; Kiến thức về báo cáo tài chính hợp nhất chủ yếu là kỹ thuật lập báo cáo tài chính hợp	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		nhất của tập đoàn kinh tế; Kiến thức về báo cáo bộ phận và thông tin về các bên liên quan đến tập đoàn. Người học có kỹ năng làm bài tập và thực hành lập báo cáo tài chính hợp nhất của một tập đoàn kinh tế cụ thể, biết cách lập báo cáo bộ phận, biết cách xử lý các xử lý các tình huống trong hợp nhất kinh doanh, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình và giải quyết tình huống. Người học chủ động, nghiêm túc và cầu thị trong quá trình học tập, hiểu và có ý thức, thái độ tích cực về vai trò và tầm quan trọng của kế toán trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp			
35	Hệ thống thông tin kế toán	Trang bị những kiến thức cơ bản về hệ thống thông tin kế toán trong doanh nghiệp thông qua việc sử dụng các công cụ mô tả hệ thống là sơ đồ dòng dữ liệu, lưu đồ chứng từ, lưu đồ hệ thống để mô tả từng chu trình hoạt động của doanh nghiệp, tập trung vào việc kiểm soát hệ thống, hiểu được từng chu trình trong doanh nghiệp được vận hành như thế nào, những ai tham gia vào chu trình đó, chức năng nhiệm vụ của họ là gì, những chứng từ sổ sách, báo cáo nào được tạo ra. Qua đó giúp cho người xây dựng hệ thống, người vận hành hệ thống có thể đánh giá được hệ thống có những ưu, nhược điểm gì và đề xuất các biện pháp khắc phục Trang bị những kiến thức nền quan trọng về hệ thống thông tin kế toán để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành chuyên sâu và chuyên ngành liên quan. Rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

36	Thực tập cuối khóa	Học phần này nhằm củng cố các kiến thức về chuyên ngành kiểm toán đã được học để vận dụng vào thực tiễn. Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng phân tích tổng hợp và tự nghiên cứu quy trình tổ chức các hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính trong cơ sở thực tập. Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, thành thạo tin học, sử dụng các phần mềm phục vụ chuyên ngành Có ý thức đúng đắn, nghiêm túc, khách quan và khoa học trong việc đánh giá thực tế quy trình kiểm toán báo cáo tài chính của đơn vị tại các đơn vị khách hàng. Có ý thức nghiên cứu khoa học trong các vấn đề lý thuyết và thực tiễn liên quan đến công tác kiểm toán trong các đơn vị. Có định hướng tích lũy kiến thức chuyên môn cho nghề nghiệp trong tương lai ngay từ khi còn là sinh viên.	4	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
37	Khóa luận tốt nghiệp	Học phần này nhằm củng cố kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành kiểm toán đã được học để vận dụng vào thực tiễn. Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng phân tích tổng hợp và tự nghiên cứu quy trình tổ chức các hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính trong cơ sở thực tập. Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, thành thạo tin học, sử dụng các phần mềm phục vụ chuyên ngành Có ý thức đúng đắn, nghiêm túc, khách quan và khoa học trong việc đánh giá thực tế quy trình kiểm toán báo cáo tài chính của đơn vị tại các đơn vị khách hàng. Có ý thức nghiên cứu khoa học trong các vấn đề lý thuyết và thực tiễn liên quan đến công tác kiểm toán trong các đơn vị. Có định hướng tích lũy kiến thức chuyên môn cho nghề nghiệp trong tương lai ngay từ khi còn là sinh viên.	6	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

38	Hệ thống kiểm soát quản trị	Học phần này trang bị những kiến thức viên kiến thức cơ bản về xây dựng mục tiêu, chiến lược của tổ chức; ảnh hưởng của nó đến hành vi của các cá nhân trong quá trình thực hiện kế hoạch và chiến lược kinh doanh của tổ chức; thiết lập các trung tâm trách nhiệm; đo lường, kiểm soát và đánh giá hiệu quả hoạt động của tổ chức. Trang bị những kiến thức quan trọng trong kiểm soát quản trị để sinh viên có thể tiếp tục tìm hiểu các kiến thức liên quan ở các bậc học cao hơn và có đầy đủ chuyên môn để thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau. Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.	3	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
39	Kiểm toán hoạt động	Trang bị những kiến thức cơ bản về kiểm toán hoạt động bao gồm: các đặc trưng cơ bản của loại hình kiểm toán hoạt động, hiểu các tiêu chí sử dụng trong đánh giá các hoạt động và xây dựng các tiêu chí đánh giá hiệu lực, hiệu quả, hiệu năng quản lý các hoạt động chủ yếu. Giúp cho người học có kỹ năng chuyên sâu về kiểm toán hoạt động để áp dụng quy trình kiểm toán hoạt động đánh giá hiệu lực, hiệu quả, hiệu năng quản lý các hoạt động chủ yếu trong một tổ chức. Thực hiện phân tích và đánh giá thực tế các hoạt động chủ yếu trong một tổ chức, đề xuất các phương án cải tiến, hoàn thiện các hoạt động này. Nắm vững lý thuyết giảng trên lớp. Kết hợp với nghiên cứu tài liệu tham khảo, tham gia thảo luận (theo hướng dẫn của giáo viên) và làm các bài tập tình huống bắt buộc nhằm rèn luyện các kỹ năng, phương pháp. Tích cực tìm hiểu những kiến thức	3	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		khác về các loại kiểm toán, chuẩn mực kiểm toán để hoàn thiện kiến thức chuyên ngành.			
40	Toán cao cấp 1	+ Học phần cung cấp cho sinh viên: - Các khái niệm: Ma trận, các phép toán, các phép biến đổi tuyến tính trên ma trận; Định thức; Hệ phương trình tuyến tính; Không gian vector; Mối liên hệ tuyến tính trong không gian vector. Cách tính định thức, tìm ma trận nghịch đảo, tìm nghiệm của hệ phương trình tuyến tính, tìm hạng, cơ sở của hệ véc tơ, cơ sở của không gian con R^n. Học phần giúp cho sinh viên có kỹ năng giải các bài tập về các kiến thức cơ bản được trang bị, kỹ năng tư duy logic. Học phần giúp cho sinh viên có kỹ năng giải các bài tập về các kiến thức cơ bản được trang bị, kỹ năng tư duy logic, kỹ năng đặt bài toán cho các tình huống thực tế, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
41	Toán cao cấp 2	Học phần cung cấp cho sinh viên: - Các khái niệm: Dãy số, giới hạn của dãy số; Hàm số một biến số, giới hạn và tính liên tục của hàm số một biến số; Đạo hàm và vi phân của hàm số một biến số; Tích phân xác định và tích phân suy rộng; Hàm số hai biến số, giới hạn và tính liên tục của hàm hai biến số. Đạo hàm và vi phân của hàm số hai biến số. Cách tìm cực trị của hàm số một biến số và hàm số hai biến số Ứng dụng của đạo hàm và vi phân trong toán học: Tính giá trị gần đúng, tìm cực trị. Ứng dụng của đạo hàm trong phân tích kinh tế: Hệ số co dãn cung, cầu theo giá. Ứng dụng của đạo hàm riêngvà vi phân trong kinh tế học. Ứng dụng của cực trị trong bài toán tối ưu các trường hợp thực tiễn.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Kỹ năng trình bày các vấn đề hợp logic, dùng từ chính xác trong các mệnh đề. Kỹ năng tính đạo hàm, tính tích phân, tìm cực trị của hàm số một biến số và hai biến số. Kỹ năng vận dụng các kết quả của toán học trong việc xây dựng và phân tích một số mô hình toán kinh tế đơn giản như: Mô hình cân bằng, Mô hình tối ưu,..... Khả năng kết hợp, ứng dụng các kiến thức cơ bản vào kiến thức, kỹ năng chuyên ngành Kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc theo nhóm Có thái độ nghiêm túc, đúng đắn và khoa học về bản chất của các vấn đề toán học, vấn đề vận dụng các kiến toán vào lĩnh vực kinh tế. .			
42	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Cung cấp cho người học cơ sở của lý thuyết xác suất và thống kê toán học với mục đích giúp người học có phương pháp, công cụ để học tập, nghiên cứu và giải quyết các bài toán thuộc chuyên ngành trong điều kiện ngẫu nhiên, bao gồm các kiến thức sau: Các kiến thức về lý thuyết xác suất: Phép thử, biến cố, xác suất của biến cố, biến ngẫu nhiên, biếnngẫu nhiênhai chiều và các đặc trưng kỳ vọng, phương sai, hiệp phương sai; Các kiến thức về thống kê: Lý thuyết mẫu, lý thuyết ước lượng và kiểm định giả thiết thống kê. Học phần rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng vận dụng công cụ toán học để học tập nghiên cứu các vấn đề thuộc chuyên ngành kinh tế xã hội Kỹ năng khảo sát và giải quyết bài toán trong điều kiện ngẫu nhiên	3	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Vận dụng lý thuyết xác suất và thống kê để học tập các môn khác Kỹ năng ứng dụng lý thuyết xác suất thống kê để giải quyết các vấn đề thực tế thuộc chuyên ngành kinh tế xã hội. Có thái độ chuyên cần, nghiêm túc, cẩn thận, chính xác..			
43	Triết học Mác - Lênin	+ Sinh viên xác định được đối tượng, mục đích, ý nghĩa và những yêu cầu về mặt phương pháp của môn học. + Sinh viên nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác- Lênin; nắm được những nội dung cơ bản, hệ thống về triết học Mác- Lênin và vai trò của triết học trong đời sống xã hội. + Sinh viên từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất cho bản thân, làm nền tảng lí luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung của các môn học khác. + Sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để giải thích một số hiện tượng mang tính phổ biến diễn ra trong lĩnh vực tự nhiên, xã hội và tư duy. + Sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu Kinh tế chính trị Mác- Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, hiểu được cơ sở lý luận của Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng + Sinh viên có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. + Tăng cường bản lĩnh chính trị, tính chủ động, tự tin cho sinh viên, từng bước xây dựng, củng cố niềm tin vào con đường cách mạng mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã chọn, từ đó góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

44	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	+ Sinh viên xác định được đối tượng, mục đích, ý nghĩa và những yêu cầu về mặt phương pháp của môn học. + Người học nắm được một cách hệ thống kiến thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị Mác - Lênin bao gồm: Các khái niệm, phạm trù, quy luật kinh tế chủ yếu của kinh tế thị trường; Những vấn đề kinh tế - chính trị của thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam. + Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để học tập và nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn. + Người học nắm được một cách hệ thống kiến thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị Mác - Lênin bao gồm: Các khái niệm, phạm trù, quy luật kinh tế chủ yếu của kinh tế thị trường; Những vấn đề kinh tế - chính trị của thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam. + Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc đóng góp ý kiến xây dựng, bảo vệ, thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. + Người học hình thành được phẩm chất đạo đức cách mạng, lập trường chính trị tư tưởng vững vàng, có niềm tin vào sự nghiệp đổi mới đất nước.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
45	Tư tưởng Hồ chí Minh	+ Sinh viên xác định được đối tượng, mục đích, ý nghĩa và những yêu cầu về mặt phương pháp của môn học. Về kiến thức: + Sinh viên xác định được đối tượng, mục đích, ý nghĩa và những yêu cầu về mặt phương pháp của môn học. + Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản vè khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. + Có khả năng tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác. + Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc đóng góp ý kiến xây dựng, bảo vệ, thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. + Sinh viên được nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.			
46	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học phần này trang bị những kiến thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong các thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - nay). Trang bị những kiến thức cơ bản của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để học tập và nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn. Từ đó, phân tích, lập luận để bảo vệ những quan điểm tư tưởng đúng đắn, phê phán, bác bỏ một cách có hiệu quả những tư tưởng, quan niệm sai lầm về lịch sử của Đảng.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần. Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc đóng góp ý kiến xây dựng, bảo vệ, thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Tăng cường tính chủ động, tự tin trong việc tìm kiếm những tri thức khoa học mới, từ đó góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.			
47	Chủ nghĩa xã hội khoa học	+ Nghiên cứu môn học này nhằm giúp người học nắm được nắm được kiến thức cơ bản về sự ra đời; các giai đoạn phát triển; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận hợp thành Chủ nghĩa Mác - Lênin + Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nhận thức được những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu môn học + Học tập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học giúp cho sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết tình hình thực tiễn trong nước và thế giới trong bối cảnh đổi mới đất nước gắn với hội nhập khu vực và thế giới hiện nay. + Giúp cho sinh viên có khả năng vận dụng các tri thức của Chủ nghĩa xã hội khoa học vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước có liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta + Hình thành cho sinh viên thái độ chính trị vững vàng, tư tưởng đúng đắn về môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học. + Đồng thời, giúp cho sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về nền tảng tư tưởng của Đảng ta.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

48	Pháp luật đại cương	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: + Nhà nước (nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, chức năng, hình thức, kiểu nhà nước); nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; + Pháp luật (nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, vai trò, hình thức, kiểu pháp luật, quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý); + Một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; pháp chế XHCN; pháp luật về phòng chống tham nhũng. Người học có kỹ năng phân tích cơ cấu của quy phạm pháp luật; xác định hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật; phân tích cấu thành của quan hệ pháp luật; nhận biết hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý tương ứng. Người học vận dụng được kiến thức đã học để làm kiến thức nền phục vụ nghiên cứu một số môn học luật chuyên ngành trong chương trình đào tạo. Đồng thời, người học có kỹ năng thuyết trình về một vấn đề của pháp luật; có kỹ năng điều hành hoạt động nhóm, tham gia hoạt động nhóm; có kỹ năng ghi biên bản cuộc họp. Người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của môn học ứng dụng vào học tập và cuộc sống của bản thân; thấy được vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội, từ đó nâng cao ý thức thực hiện pháp luật, tuyên truyền ý thức thực hiện pháp luật với cộng đồng xung quanh. Đồng thời, người học biết cách tra cứu và tự cập nhật các văn bản pháp luật để phục vụ cho công việc và có ý thức tự điều chỉnh công việc của mình theo những quy định của pháp luật.	*2*	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

49	Tin học cơ bản 1	Trang bị cho sinh viên các kiến thức đại cương về tin học, đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành; Nắm vững kiến thức cơ bản sử dụng máy tính điện tử, phần mềm hệ thống (Windows); Nắm vững nguyên tắc làm việc với phần mềm soạn thảo văn bản (Microsoft Word), phần mềm bảng tính (Microsoft Excel), phần mềm trình chiếu (Microsoft PowerPoint) Sinh viên sau khi học xong phải sử dụng thành thạo hệ điều hành Windows; Sử dụng thành thạo các phần mềm Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint để soạn thảo và trình bày văn bản nhanh chóng, đúng quy định, chuyên nghiệp và khoa học, thiết kế các trang bảng tính và sử dụng tốt các hàm thông dụng của Excel để tính toán, phân tích, tổng hợp dữ liệu (như bảng lương, bảng kế toán, bảng dự toán,…). Tạo một bài trình chiếu (quản lý các trang chiếu và tệp trình chiếu, đưa các đối tượng vào trang chiếu, tạo và quản lí các hiệu ứng, thực hiện trình chiếu...). Nhận thức được tầm quan trọng của việc áp dụng Tin học trong học tập cũng như trong công việc thực tế. Sinh viên phải lên lớp và làm các bài tập thực hành để nắm được các nội dung của học phần; nhiệt tình tham gia các buổi thảo luận, thực hành ở trên lớp.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
50	Tin học cơ bản 2	Nắm vững các kiến thức về: Cơ sở dữ liệu, Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Microsoft Access. Cách thức xây dựng, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu thông qua Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Microsoft Access.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Sinh viên sau khi học xong phải sử dụng thành thạo phần mềm Microsoft Access để xây dựng, quản lý và khai thác các cơ sở dữ liệu vừa và nhỏ. Có khả năng ứng dụng các lý thuyết đã học để tự xây dựng các bài toán quản lý trong thực tế cuộc sống. Nhận thức được tầm quan trọng của việc áp dụng Tin học trong học tập cũng như trong công việc thực tế. Rèn luyện sinh viên thành người có tính cẩn thận, có tác phong làm việc khoa học, chuẩn xác; có tư duy logic và khả năng quản lý tốt. Sinh viên phải lên lớp và làm các bài tập thực hành để nắm được các nội dung của học phần; nhiệt tình tham gia các buổi thảo luận, thực hành ở trên lớp.			
51	Soạn thảo văn bản	Nắm được các khái niệm, đặc điểm, chức năng và nội dung của văn bản; Trang bị những kiến thức cơ bản về văn bản nói chung và văn bản quản lý nhà nước nói riêng, phân loại văn bản quản lý nhà nước; Hiểu rõ và nắm vững kiến thức những yêu cầu về nội dung, thể thức, ngôn ngữ và văn phong của văn bản; đặc trưng và kỹ thuật soạn thảo một số loại văn bản hành chính thông thường. Sau khi học xong hoc phần này, sinh viên nhận biết về mục đích, ý nghĩa của việc sử dụng và ban hành văn bản; nắm rõ những yếu tố thuộc về thể thức và cơ cấu nội dung của một số văn bản hành chính nói chung và văn bản quản lý nhà nước nói riêng. Qua đó, sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức đã học để soạn thảo một số văn bản hành chính thông thường trong hoạt	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		động của các cơ quan, tổ chức. Đồng thời, sinh viên được trau dồi thêm các kỹ năng khác như: kĩ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm và sử dụng công nghệ thông tin phục vụ việc tra cứu và soạn thảo một số văn bản một cách hoàn chỉnh. Qua môn học này, sinh viên thấy được vai trò ý nghĩa và tầm quan trọng của văn bản trong hoạt động quản lý của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp… Từ đó có động lực học tập và phấn đấu để trau dồi kiến thức và kỹ năng năng để áp dụng vào công việc sau khi ra trường.			
52	Phương pháp luận NCKH	**- Kiến thức:** + Nghiên cứu môn học này nhằm giúp người học nắm được khái niệm, ý nghĩa của môn học; nắm được bản chất của khoa học, nghiên cứu khoa học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học, cách thức tiến hành nghiên cứu và trình bày một công trình khoa học (viết bài báo khoa học; tiểu luận, báo cáo thực tập và khóa luận tốt nghiệp…). + Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nhận thức được các nguyên tắc cơ bản của nhận thức luận khoa học, các quy luật tư duy của khoa học, các phương pháp dự báo khoa học và quản lý khoa học cũng như đảm bảo đạo đức của người làm khoa học. **- Kỹ năng:** + Học tập môn khoa học bước đầu giúp sinh viên có kỹ năng xác định một đề tài nghiên cứu khoa học, đồng thời cũng hình thành và phát triển khả năng hiểu và phân tích, đánh giá một công trình nghiên cứu khoa học cụ thể. + Giúp cho sinh viên những bước cơ bản nhất để rèn luyện các kỹ năng tư duy, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tìm tài liệu và	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		làm việc nhóm; phát triển kỹ năng nghiên cứu và đánh giá nghiên cứu khoa học. **- Mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm** + Hình thành tinh thần yêu thích, ham mê khoa học, nghiên cứu khoa học, tăng cường tính chủ động, tự tin trong việc tìm kiếm những tri thức khoa học mới. + Thái độ nghiêm túc, cầu thị, cẩn trọng trong nghiên cứu khoa học.			
53	Logic học	Học phần này trang bị cho sinh viên: - Khái niệm lôgíc học; định nghĩa khái niệm và đặc điểm chung của khái niệm, định nghĩa và phân chia khái niệm; phán đoán và hình thức ngôn ngữ của phán đoán, phán đoán đơn đặc tính và phán đoán phức; quy luật lôgíc cùng các yêu cầu của quy luật đồng nhất, quy luật cấm mâu thuẫn, quy luật loại trừ cái tứ ba, quy luật lý do đầy đủ; suy luận và đặc điểm bản chất của suy luật, suy luận trực tiếp và suy luận gián tiến, suy luận quy nạp và suy luận tương tự; chứng minh, bác bỏ và giả thuyết. - Có khả năng xây dựng được 1 định nghĩa khái niệm hoàn chỉnh dựa trên cơ sở nội hàm của khái niệm; thực hiện phân chia được khái niệm dựa trên cơ sở ngoại diên của khái niệm. Tìm và xác định được tính chu diên cũng như mối quan hệ giữa các phán đoán có cùng chủ từ, vị từ. Xây dựng được luận ba đoạn phù hợp với mỗi loại hình đảm bảo các quy luật của lôgíc, chuyển và đưa luận hai đoạn về luận ba đoạn hoàn chỉnh. - Chứng minh, bác bỏ và giả thuyết trong nghiên cứu các luận đề khoa học. Qua đó, sinh viên nắm được những nội dung cơ bản của logic học hình thức.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Sinh viên có - Khả năng tư duy lôgíc đảm bảo tính hệ thống, chặt chẽ, khoa học và mang tính tất yếu. - Từng bước rèn luyện, nâng cao trình độ tư duy logic, tạo thói quen suy nghĩ, lập luận chặt chẽ, rõ ràng, có cơ sở, có hệ thống để đạt tới những tri thức chính xác, khách quan và khoa học. - Khả năng vận dụng các kiến thức đã học để học tập, nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn. - Kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần. - Có thái độ nghiêm túc, đúng đắn và khoa học về bản chất của các vấn đề lôgíc học. - Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu, phân tích, lập luận để bảo vệ những quan điểm tư tưởng đúng đắn, phê phán, bác bỏ một cách có hiệu quả những tư tưởng, quan niệm sai lầm, lối tư duy ngụy biện, tráo trở.			
54	Tâm lý học đại cương	Học phần này trang bị những kiến thức lý luận cơ bản về tâm lý học; khái niệm, đặc điểm, các quy luật của các quá trình tâm lý, trạng thái tâm lý và thuộc tính tâm lý; khái niệm, cấu trúc và các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển tâm lý người Trang bị những kiến thức nền quan trọng về tâm lý học để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành chuyên sâu và chuyên ngành liên quan. Vận dụng và rèn luyện cho sinh viên một số những hiểu biết, kĩ năng để các em vận dụng trong cuộc sống, công việc một cách hiệu quả	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần			
55	Tiếng Anh cơ bản 1	+ Nắm được kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp tiếng Anh: các thì của động từ; các trợ động từ….. + Nắm được lượng từ vựng căn bản thường gặp trong các đề thi TOEIC + Làm quen định dạng của bài thi TOEIC + Rèn luyện kĩ năng đọc hiểu và nghe hiểu + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng đọc hiểu những mẩu tin, thư, đơn giản. + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng nghe hiểu những ngôn ngữ nói giao tiếp hàng ngày. + Sinh viên có cái nhìn cụ thể hơn về dạng bài thi TOEIC, nắm bắt được kĩ năng làm bài để đạt được điểm cao nhất thông qua các bài luyện tập nghe và đọc hiểu. Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của tiếng Anh và cách làm dạng bài thi TOEIC	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
56	Tiếng Anh cơ bản 2	+ Nắm được kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp tiếng Anh: : mệnh đề quan hệ; trật tự từ; cấu trúc bị động… + Nắm được lượng từ vựng căn bản thường gặp trong bài thi + Làm quen định dạng của bài thi TOEIC + Rèn luyện kĩ năng đọc hiểu và nghe hiểu + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng đọc hiểu những mẩu tin, thư tín. + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng nghe hiểu những ngôn ngữ nói giao tiếp hàng ngày.	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		+ Người học làm quen và luyện tập dạng bài thi TOEIC, nắm bắt được kĩ năng làm bài để đạt được điểm cao nhất thông qua luyện Practice Test. Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của tiếng Anh và cách làm dạng bài thi TOEIC			
57	Tiếng Anh chuyên ngành Kiểm toán	Trang bị cho sinh viên chuyên ngành kiểm toán các thuật ngữ tiếng Anh về chuyên ngành Kiểm toán. Cung cấp cho sinh viên chuyên ngành Kiểm toán các kỹ năng đọc hiểu và viết các thuật ngữ chuyên ngành kiểm toán. Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của tiếng Anh chuyên ngành kiểm toán sử dụng trong nghề nghiệp tương lai.	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
62	Thể dục điền kinh	Hiểu được tầm quan trọng của học phần Thể dục - Điền kinh là môn thể thao nền tảng cho hoạt động thể lực và các môn thể thao khác. Nắm được kỹ thuật bài tập phát triển chung 13 động tác. Nắm được các kiến thức về kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bung, một số điều luật thi đấu cơ bản của nội dung nhảy cao. Có kỹ năng thực hiện bài tập phát triển chung 13 động tác. Thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bụng. Giáo dục phát triển các tố chất thể lực như: sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo khéo léo, hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cần thiết, bổ trợ và rèn luyện thể lực chuyên môn cho các môn thể thao khác. Sinh viên nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy định của Nhà trường và Bộ môn, tự giác, tích cực thực hiện các nội dung học tập trên lớp và bài tập thể lực, bài tập bổ trợ ở nhà.			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Sinh viên phải có thái độ học tập tích cực, chủ động. Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá của môn học			
63	Bóng chuyền 1	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng chuyền với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng chuyền. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
64	Bóng chuyền 2	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng chuyền với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng chuyền. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng chuyền với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng chuyền. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			
65	Bóng rổ 1	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng rổ với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng rổ. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			
66	Bóng rổ 2	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng rổ với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng rổ. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
67	Cầu lông 1	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Cầu lông với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Cầu lông. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			
68	Cầu lông 2	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Cầu lông với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Cầu lông. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
69	Cờ vua 1	- Hiểu được tầm quan trọng của học phần cờ vua 1 là môn thể thao phát triển khả năng tính toán, tư duy, logic... - Nắm được kiến thức về nguồn gốc ra đời, lịch sử phát triên của môn cờ vua. - Nắm được cách chơi cờ, những tri thức cơ bản trong cờ vua) - Nắm được các kiến thức về giai đoạn tàn cuộc của ván đấu. Có kỹ năng thực hiện bài tập của giai đoạn tàn cuộc. Thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của giai đoạn tàn cuộc Giáo dục phát triển toàn diện đặc biệt là rèn luyện tính kiên trì, khả năng tuy duy, phát triển trí thông minh			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Sinh viên nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy định của nhà trường, tự giác, tích cực thực hiện các nội dung học tập trên lớp và bài tập ở nhà. Sinh viên phải có thái độ học tập tích cực, chủ động. Sinh viên tham gia đầy đủ 2 bài kiểm tra đánh giá kết thúc môn học cờ vua 1			
70	Cờ vua 2	Hiểu được tầm quan trọng của học phần cờ vua 2 là môn thể thao phát triển trí tuệ một cách toàn diện, rèn luyện trí nhớ, tư duy logic Nắm được kiến thức về nguồn gốc ra đời, lịch sử phát triên của môn cờ vua. Những tri thức trong cờ vua và các giai đoạn của tàn cuộc Nắm được các kiến thức về giai đoạn khai cuộc của ván đấu. Có kỹ năng thực hiện bài tập của giai đoạn khai cuộc.Thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của giai đoạn khai cuộc Giáo dục phát triển các tố chất thể lực như: sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo, hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cần thiết, bổ trợ và rèn luyện thể lực chuyên môn cho các môn thể thao khác. Sinh viên nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy định của nhà trường và Bộ môn, tự giác, tích cực thực hiện các nội dung học tập trên lớp và bài tập ở nhà. Sinh viên phải có hái độ học tập tích cực, chủ động. Sinh viên tham gia đầy đủ các bài đánh giá			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
71	Cờ vua 3	Hiểu được tầm quan trọng của học phần cờ vua 2 là môn thể thao nền tảng cho hoạt động thể lực và các môn thể thao khác. Nắm được kiến thức về nguồn gốc ra đời, lịch sử phát triên của môn cờ vua. Nắm được các kiến thức về giai đoạn trung cuộc của ván đấu.			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Có kỹ năng thực hiện bài tập của giai đoạn trung cuộc . Thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của giai đoạn trung cuộc Giáo dục phát triển các tố chất thể lực như: sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo, hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cần thiết, bổ trợ và rèn luyện thể lực chuyên môn cho các môn thể thao khác. Sinh viên nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy định của nhà trường và Bộ môn, tự giác, tích cực thực hiện các nội dung học tập trên lớp và bài tập ở nhà. Sinh viên phải có hái độ học tập tích cực, chủ động. Sinh viên phải tham gia đầy đủ 2 bài kiểm tra đánh giá kết thúc học phần cờ vua 3			
72	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng Sản Việt Nam	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: - Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc - Các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân để ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược dưới mọi hình thức, qui mô. - Thực hiện kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh; tìm hiểu về nghệ thuật quân sự từ khi có Đảng lãnh đạo và lịch sử truyền thống vẻ vang của Quân đội nhân dân Việt Nam; những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội. - Vận dụng những kiến thức đã học nhằm nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		- Hình thành tác phong kỷ luật, ý thức tập thể, phát huy trí tuệ tập thể trong học tập và thảo luận nhóm. - Phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng thu thập, xử lý thông tin trong học tập nghiên cứu của sinh viên về các nội dung chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế của Đảng và Nhà nước ta. - Có ý thức bảo vệ, truyền bá đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về Quốc phòng - An ninh. - Xây dựng niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, đấu tranh làm thất bại các luận điểm sai trái phản động bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN. - Có thái độ, nhận thức đầy đủ, đúng đắn về Nhiệm vụ của sinh viên đối với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của đất nước.			
73	Công tác quốc phòng an ninh	Học phần trang bị cho người học kiến thức về: - Phòng, chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. - Vấn đề dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội. - Những kiến thức cơ bản về an ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống; an toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; phòng, chống vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông; phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác góp phần bảo vệ an ninh quốc gia giữ gìn trật tự an toàn xã hội; bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa.			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		- Góp phần phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng trong nghiên cứu, phân tích, tổng hợp của sinh viên về các nội dung; chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế của Đảng và Nhà nước ta; đề xuất các giải pháp thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước về quốc phòng, an ninh. - Hiểu thêm cách xây dựng và quy trình đánh giá kết quả học tập của môn học Giáo dục quốc phòng và An ninh, nâng cao khả năng làm việc độc lập của sinh viên. - Tăng cường kỹ năng trong thu thập, xử lý thông tin trước trong và sau mỗi bài học. - Nâng cao lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội nâng cao trách nhiệm của sinh viên, gương mẫu thực hiện đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước chủ động đấu tranh làm thất bại âm mưu chống phá của các thế lực thù địch, góp phần xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa. - Quán triệt sâu sắc đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và công tác quốc phòng, an ninh. - Hình thành nề nếp sinh hoạt, ý thức chấp hành kỷ luật nghiêm túc trong học tập. - Luôn tin tưởng, làm theo đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng. Không để các thế lực thù địch lôi kéo, dụ dỗ đi sai đường lối cách mạng Việt Nam.			
74	Quân sự chung	Học phần trang bị cho người học kiến thức: -Những nội dung cơ bản về quân sự, an ninh; hiểu biết về các quân, binh chủng trong quân đội, về các chế độ sinh hoạt, công tác trong ngày, tuần, nề nếp chính quy trong đơn vị quân đội;			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		hiểu biết về bản đồ địa hình quân sự, vũ khí công nghệ cao và thi đấu ba môn quân sự phối hợp. -Lịch sử ra đời, truyền thống chiến đấu, lao động của các quân binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam, tác phong chính quy, nề nếp làm việc và kỹ năng phòng thủ dân sự khi có chiến tranh xảy ra, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa. Xây dựng tác phong, nề lối làm việc chính quy kỷ luật, lối sống giản dị, ngăn nắp; nâng cao lòng tự hào dân tộc, về quân đội anh hùng, từ đó xây dựng bản lĩnh, phẩm chất cách mạng cho mình, phấn đấu thực hiện tốt nhiện vụ học tập, công tác góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng của Đảng, của dân tộc trong giai đoạn cách mạng hiện nay. Nâng cao phẩm chất, đạo đức, lối sống, rèn luyện tính kỷ luật và tác phong chính quy từ đó hình thành lối sống và làm việc nghiêm túc; có kiến thức về quân sự chung, có thái độ nghiêm túc với việc xây dựng nền Quốc phòng toàn dân, An ninh nhân dân, sẵn sàng tham gia xây dựng quân đội khi tổ quốc cần. Hình thành nề nếp sinh hoạt, ý thức chấp hành kỷ luật, tác phong làm việc nghiêm túc phục vụ cho việc học tập và công tác sau này.			
75	Kỹ thuận chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: - Kiến thức về sử dụng súng tiểu liên AK (Tính năng cấu tạo, quy tắc sử dụng súng, lý thuyết ngắm bắn, đường ngắm, mục tiêu và những vấn đề ảnh hưởng đến phát bắn); lựu đạn (tính năng, cấu tạo và cách ném lựu đạn)			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		- Người học hiểu được kỹ thuật chiến đấu của bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới); - Sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí thông thường như bắn súng tiểu liên AK, (trình tự các bước trong thực hành bắn, kỹ năng ngắm bắn...) - Sử dụng lựu đạn (quy tắc, chuẩn bị và thực hành ném lựu đạn); - - Vận dụng được trong luyện tập thực hành các động tác của chiến sĩ trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ cảnh giới. - Người học có thái độ đúng mức khi tiếp cận hoặc sử dụng các loại vũ khí đặc biệt là súng, đạn; có ý thức trách nhiệm khi làm nhiệm vụ liên quan đến ANCT, TTATXH và tham gia các hoạt động quân sự, an ninh; - Sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc - Rèn luyện tác phong của người chiến sĩ; hình thành nếp sống có kỷ luật (Quân trang, quân phục, đội hình, đội ngũ...), ý thức cộng đồng ở trường, lớp và khi ra công tác có thể làm lực lượng nòng cốt trong các nhiệm vụ quân sự, an ninh tại đơn vị cơ sở.			

Ngành Kinh tế

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Kinh tế vi mô	Hiểu được các khái niệm và mô hình cơ bản trong phân tích kinh tế vi mô. Nắm được Cách thức thị trường hàng hóa, thị trường các yếu tố đầu vào sản xuất hoạt động như thế nào. Các kết cục do chính sách can thiệp vào thị trường của Chính phủ; Nắm và hiểu được nguyên tắc ra quyết định kinh tế tối ưu của các tác nhân riêng rẽ (người tiêu dùng, người sản xuất…) trong nền kinh tế và sự tương tác giữa các tác nhân này trong từng cấu trúc thị trường khác nhau. Có thể đọc hiểu các bài viết, phân tích về kinh tế được bàn luận trên các phương tiện truyền thông đại chúng như sách, báo, đài và tạp chí; có khả năng sử dụng các lý thuyết kinh tế, mô hình kinh tế đã học để trình bày hoặc lý giải một số hiện tượng kinh tế diễn ra hàng ngày. Góp phần giúp sinh viên có tính cẩn thận và trách nhiệm khi đưa ra quyết định lựa chọn trong thực tế; có khả năng quản lý tốt, tránh lãng phí các nguồn lực của bản thân, gia đình và xã hội từ đó góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong nền kinh tế nói chung.	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
2	Kinh tế vĩ mô	Hiểu được những kiến thức cơ bản, các khái niệm và cách thức đo lường các biến số kinh tế vĩ mô của nền kinh tế. Hiểu được cách thức vận hành và những mối quan hệ kinh tế chủ yếu của một nền kinh tế thông qua các lý thuyết và mô hình cơ bản.	3	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Hiểu và phân tích được bản chất của các biến động kinh tế vĩ mô và cách thức giải quyết chúng. Hiểu được cách thức vận dụng các chính sách tài khóa và tiền tệ nhằm góp phần giảm bớt các biến động kinh tế có tính chu kỳ. Người học có kỹ năng sử dụng một số phương pháp phân tích tối ưu, phân tích cân bằng tổng thể trong việc nghiên cứu, phân tích, đánh giá một số hiện tượng sự kiện, và chính sách kinh tế vĩ mô. Người học có ý thức trách nhiệm và thái độ tích cực tự rèn luyện nâng cao hiểu biết về các vấn đề kinh tế, phân tích chính sách để có thể đáp ứng được yêu cầu của xã hội đang trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.			
3	Nguyên lý thống kê	Giúp cho sinh viên nắm được quá trình nghiên cứu thống kê, tổng hợp tài liệu thống kê thông qua phương pháp phân tổ thống kê. Nắm vững các phương pháp phân tích thống kê như: phân tích hồi quy và tương quan để nghiên cứu mối liên hệ giữa các tiêu thức; Phân tích đặc điểm và xu thế vận động của hiện tượng qua thời gian; sử dụng hệ thống chỉ số phân tích biến động của hiện tượng. Trang bị bước đầu cho sinh viên một số công cụ thống kê phục vụ cho các môn học Thống kê chuyên ngành và nghiên cứu khoa học. Sinh viên hiểu và sử dụng được các phương pháp thu thập tài liệu, thiết kế bảng hỏi. Thực hành tốt các kỹ năng tổng hợp tài liệu thống kê bằng phương pháp phân tổ thống kê, trình bày dữ liệu thống kê bằng bảng và đồ thị thống kê.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Thành thạo kỹ năng tính toán các mức độ của các hiện tượng KTXH, và phân tích hiện tượng trên cơ sở các mức độ đó. Có khả năng chủ động vận dụng các phương pháp phân tích thống kê trong học tập, nghiên cứu khoa học. Rèn luyện thái độ nghiêm túc, trung thực trong thu thập, xử lý tổng hợp, phân tích dữ liệu và trong cung cấp thông tin. Tạo tác phong nghiêm túc và khoa học trong học tập, nghiên cứu và lao động.			
4	Khoa học quản lý	Người học sẽ hiểu được bản chất, vai trò, đặc điểm và các nội dung cơ bản của khoa học quản lý trong một tổ chức; Người học nắm vững được các nội dung: chức năng, nguyên tắc, phương pháp và công cụ quản lý; cũng như tổ chức bộ máy, quyết định, thông tin và cán bộ quản lý trong một tổ chức. Người học có khả năng vận dụng các nguyên tắc, chức năng, phương pháp và công cụ quản lý vào trong hoạt động quản lý; Người học có khả năng xây dựng bộ máy quản lý, cách thức thu thập thông tin và xử lý thông tin để đưa ra các quyết định quản lý một cách tối ưu. Người học có khả năng đưa ra ý kiến tham mưu cho lãnh đạo cấp trên trong công tác quản lý tổ chức. Bồi dưỡng cho người học những phẩm chất, thái độ tốt, phù hợp với đặc thù công việc quản lý; nâng cao năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm trước xã hội.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
5	Luật lao động	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về pháp luật lao động như: khái quát chung; việc làm, học nghề; hợp đồng lao động; đối thoại tại nơi làm việc, thương lượng tập thể, thỏa ước lao động tập thể; tiền lương; thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		ngơi; an toàn vệ sinh lao động; kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất; tranh chấp lao động, đình công; xử lý vi phạm pháp luật lao động. Người học vận dụng được kiến thức đã học để làm kiến thức cần thiết trong quá trình thực hiện các công việc sau khi ra trường; có khả năng soạn thảo hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, xử lý các tình huống liên quan đến quan hệ lao động. Đồng thời, người học có kỹ năng thuyết trình về một vấn đề của luật lao động; có kỹ năng điều hành hoạt động nhóm, tham gia hoạt động nhóm; người học biết cách tra cứu và tự cập nhật các văn bản pháp luật để phục vụ cho công việc. Người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của môn học, có thể ứng dụng vào học tập và cuộc sống của bản thân. Đồng thời, người học thấy được vai trò của pháp luật lao động trong đời sống xã hội, từ đó nâng cao ý thức thực hiện pháp luật lao động; tuyên truyền ý thức thực hiện pháp luật lao động với cộng đồng xung quanh. Có ý thức tự điều chỉnh công việc của mình theo những quy định của pháp luật lao động			
6	Kinh tế phát triển	Giải thích được các khái niệm liên quan đến phát triển kinh tế Hiểu được các mô hình tăng trưởng kinh tế, những vấn đề có tính quy luật về xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế và vai trò quan trọng của việc đáp ứng phúc lợi cho con người trong phát triển kinh tế Vận dụng các kiến thức vào phân tích vấn đề kinh tế trong thực tế. Xác định được các nhân tố đóng góp vào quá trình tăng trưởng và phát triển kinh tế, vai trò và mức độ đóng góp cụ thể của	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		từng nhân tố. Hiểu được các chỉ số đo lường tăng trưởng, phát triển kinh tế. Có thể đọc được các bài phân tích về tình hình kinh tế, chính sách kinh tế của các quốc gia và đưa ra được quan điểm cá nhân Hiểu biết đúng đắn về những vấn đề có tính quy luật trong phát triển kinh tế. Dựa trên kiến thức môn học, tiếp tục học tập các môn chuyên ngành liên quan. Tham gia và hoàn thành bài khóa luận, bài báo, công trình nghiên cứu khoa học với luận cứ chặt chẽ và sâu sắc hơn			
7	Dân số học	Môn học giúp sinh viên bước đầu tiếp cận kiến thức cơ bản về dân số bao gồm quy mô, cơ cấu dân số; mức sinh, mức chết và các yếu tố ảnh hưởng đến mức sinh và mức chết; hôn nhân và gia đình; di dân và đô thị hoá; dự báo dân số và chính sách dân số. Sinh viên vận dụng kiến thức đã nắm bắt được để nhận định vấn đề, tư duy và có khả năng tính toán, phân tích, đánh giá các số liệu liên quan đến dân số. Có các kĩ năng phân tích và vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn nghề nghiệp ở một phạm vi nhất định. Giáo dục người học nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của học phần trong chương trình đào tạo ngành Kinh tế (Kinh tế lao động). Có tinh thần trách nhiệm, hợp tác, tự chủ trong công việc; chịu trách nhiệm về kết quả công việc của bản thân; Có ý thức tự học tích lũy thêm kiến thức và kinh nghiệm, học tập, nâng cao trình độ ở bậc cao hơn, sẵn sàng thích nghi với các điều kiện, môi trường làm việc khác nhau.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

8	Dân số và môi trường	Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về dân số và môi trường, quá trình phát triển của dân số, sự tương tác qua lại giữa 2 yếu tố dân số và môi trường. Giúp cho người học rèn luyện kỹ năng tư duy, phân tích, biết cách tính toán, đọc các số liệu liên quan đến dân số, mối quan hệ qua lại giữa di dân với đô thị hóa, dân số với tài nguyên thiên nhiên và môi trường. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, chuyên nghiệp trong công việc, có trách nhiệm công dân, trách nhiệm với tổ chức và trách nhiệm xã hội; năng động, sáng tạo, có bản lĩnh, chịu được áp lực trong công việc, luôn cầu tiến và ham học hỏi. Có ý thức tự học tích lũy thêm kiến thức và kinh nghiệm, học tập, nâng cao trình độ ở bậc cao hơn, sẵn sàng thích nghi với các điều kiện, môi trường làm việc khác nhau.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
9	Thống kê lao động	+ Cung cấp cho sinh viên các khái niệm trong thống kê lao động: thị trường lao động, số lượng lao động, thời gian lao động, năng suất lao động, thu nhập của lao động, an toàn và vệ sinh lao động. + Phương pháp thu thập, tính toán các chỉ tiêu thống kê lao động: thị trường lao động, số lượng lao động, thời gian lao động, năng suất lao động, thu nhập của lao động, an toàn và vệ sinh lao động. + Phương pháp phân tích thống kê lao động để phân tích các chỉ tiêu thống kê lao động: phân tích quy mô, cơ cấu, sự biến động qua thời gian, phân tích các yếu tố tác động, phân tích mối liên hệ; dự báo lao động ở tầm vi mô và vĩ mô. + Trang bị công cụ thống kê lao động làm nền tảng cho việc tiếp cận các học phần có liên quan trong chuyên ngành và là	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		công cụ làm đề tài, luận văn, nghiên cứu khoa học trong phân tích định lượng ở lĩnh vực lao động. + Đọc hiểu các khái niệm trong thống kê lao động: thị trường lao động, số lượng lao động, thời gian lao động, năng suất lao động, thu nhập của lao động, an toàn và vệ sinh lao động. + Có khả năng thu thập, tính toán các chỉ tiêu thống kê lao động: thị trường lao động, số lượng lao động, thời gian lao động, năng suất lao động, thu nhập của lao động, an toàn và vệ sinh lao động. + Có khả năng vận dụng phương pháp phân tích thống kê lao động để phân tích các chỉ tiêu thống kê lao động: phân tích quy mô, cơ cấu, sự biến động qua thời gian, phân tích các yếu tố tác động, phân tích mối liên hệ; dự báo lao động ở tầm vi mô và vĩ mô. + Có khả năng chủ động vận dụng các phương pháp thống kê lao động trong học tập các môn chuyên ngành và nghiên cứu khoa học. + Nghiêm túc, chuẩn mực trong cung cấp, tiếp nhận và xử lý thông tin định lượng trong lĩnh vực thống kê lao động. + Có khả năng tự học tập, tự cập nhật các thông tin và phương pháp phân tích thống kê lao động.			
10	Kinh tế lượng	Nắm được các kiến thức cơ bản về phân tích hồi quy trong kinh tế xã hội; Thực hiện được một cách cơ bản quy trình phân tích hồi quy, từ xây dựng một mô hình tốt đến ứng dụng mô hình này để đưa ra các khuyến nghị hợp lý cho các vấn đề cụ thể trong kinh tế kinh doanh.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Nắm được các kỹ năng thực hành trong phân tích hồi quy; Nắm được các kỹ thuật cơ bản trong phân tích hồi quy và sử dụng thành thạo phần mềm Eviews trong quá trình phân tích hồi quy; Có thái độ nghiêm túc, đúng đắn và khoa học về bản chất của các vấn đề toán học, vấn đề vận dụng các kiến toán vào lĩnh vực kinh tế.			
11	Quản lý nhà nước về kinh tế	Hiểu được bản chất, vai trò và các nội dung cơ bản về quản lý Nhà nước về kinh tế và những đặc điểm của nhà nước Việt Nam Phân tích, tổng hợp, đánh giá những vấn đề đặt ra trong quản lý kinh tế - xã hội và vận dụng kiến thức đó vào thực tiễn hoạt động quản lý Nhà nước về kinh tế vi mô và vĩ mô Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, chuyên nghiệp trong công việc; năng động, sáng tạo, có bản lĩnh, chịu được áp lực trong công việc, luôn cầu tiến và ham học hỏi; Chủ động tự nghiên cứu tài liệu học tập. Tham gia nghe giảng trên lớp đầy đủ và thực hiện các nhiệm vụ học tập do giảng viên giao; Tích cực tìm hiểu kiến thức thực tiễn liên quan đến học phần.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
12	Kinh tế đầu tư	+ Sinh viên nắm vững những vấn đề lý luận chung về đầu tư,các nguồn vốn đầu tư,loại hình đầu tư, dự án đầu tư và vai trò của đầu tư phát triển trong nền kinh tế; các nội dung liên quan đến dòng tiền và lãi suất. + Sinh viên nắm được hệ thống các chỉ tiêu phân tích tài chính dự án đầu tư các phương pháp phân tích tài chính dự án đầu tư. + Có khả năng vận dụng những kiến thức của môn học vào đánh giá hiệu quả tài chính dự án đầu tư. + Có khả năng thực hành đánh giá hiệu quả dự án đầu tư thông qua một số chỉ tiêu tài chính phổ biến	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		- Nâng cao nhận thức của người học về sự cần thiết của phân tích các vấn đề đầu tư và dự án đầu tư - Có trách nhiệm và trung thực trong lĩnh vực đầu tư			
13	Tài chính - tiền tệ	Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về tài chính tiền tệ, gắn với hoạt động: nội dung tài chính, thị trường tài chính, tiền tệ, lãi suất và tỷ giá hối đoái; chính sách tiền tệ của Ngân hàng trung ương; nghiệp vụ của Ngân hàng thương mại và các phương thức thanh toán qua ngân hàng thương mại. Trang bị những kiến thức nền quan trọng về tài chính tiền tệ để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành chuyên sâu và chuyên ngành liên quan. Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
14	Tổng quan Kinh tế lao động	Nắm được các vấn đề cơ bản nhất liên quan đến Kinh tế lao động, mối quan hệ của Kinh tế lao động với các học phần khác. Hiểu được các học thuyết và nội dung của Kinh tế lao động. Phân tích, đánh giá được các hiện tượng kinh tế trong xã hội và lĩnh vực lao động. Trên cơ sở đó đề xuất được những giải pháp nhằm sử dụng nguồn nhân lực một cách có hiệu quả nhất. Ý thức được tầm quan trọng của Kinh tế lao động. Từ đó, chủ động hơn trong việc tìm kiếm, học hỏi, nghiên cứu các nội dung học phần.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
15	Nguyên lý tiền lương	Hiểu được những nguyên lý cơ bản nhất về tiền lương, tiền lương tối thiểu, phụ cấp lương, và hình thức trả lương. Phân tích, đánh giá được tiền lương tối thiểu, phụ cấp lương, các hình thức trả lương. Làm được các bài tập tính lương cơ bản. Có ý thức và chủ động trong việc tìm kiếm tài liệu, trao đổi học hỏi cập nhật các văn bản Luật.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

16	Nguyên lý quan hệ lao động	Hiểu được cấu trúc cơ bản của hệ thống quan hệ lao động; bản chất, nguyên tắc, nội dung, hình thức biểu hiện của quan hệ lao động; mối quan hệ giữa quan hệ lao động và các yếu tố môi trường kinh tế xã hội; Hiểu rõ bản chất của các chủ thể quan hệ lao động; vai trò và các yếu tố cấu thành năng lực đại diện của tổ chức đại diện trong quan hệ lao động; các cơ chế tương tác chủ động và bị động trong quan hệ lao động; vai trò của nhà nước trong quan hệ lao động; xây dựng và thực hiện các tiêu chuẩn lao động; tranh chấp và giải quyết tranh chấp lao động; một số nội dung cơ bản của quan hệ lao động như tiền lương, thời giờ làm việc, kỷ luật lao động, an toàn lao động. Có thể nghiên cứu, phân tích và viết được các báo cáo chuyên đề quan hệ lao động cấp quốc gia, cấp ngành, cấp địa phương hay các doanh nghiệp lớn. Nghiên cứu, thực hiện hay phản biện các chính sách pháp luật về quan hệ lao động. Củng cố kỹ năng giao tiếp, quản lý thời gian; kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và tổ chức làm việc nhóm, phản biện tích cực, đối thoại, thuyết trình, thuyết phục, tư duy, giải quyết vấn đề. Chủ động trong quá trình thực hiện công việc, phong cách làm việc chuyên nghiệp, dám làm, dám chịu (có bản lĩnh); Hình thành và có chí hướng tự học tập, tự cập nhật, tự tích lũy kinh nghiệm.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
17	Tổ chức lao động khoa học	Hiểu được bản chất, vai trò và nội dung cơ bản của tổ chức lao động trong doanh nghiệp, các nhân tố ảnh hưởng tới việc thực hiện tổ chức lao động trong doanh nghiệp.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Hiểu được cách thức triển khai thực hiện tổ chức lao động trong doanh nghiệp, cách thức phân tích, đánh giá hiện trạng thực thi tổ chức lao động trong doanh nghiệp. Phân tích, đánh giá hiện trạng thực thi tổ chức lao động trong doanh nghiệp để tham mưu cho lãnh đạo cấp trên trong thiết kế, hình thành chính sách về tổ chức lao động trong doanh nghiệp. Kiểm tra, giám sát vấn đề thực thi về tổ chức lao động trong doanh nghiệp. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, chuyên nghiệp trong công việc, có trách nhiệm công dân, trách nhiệm với tổ chức và trách nhiệm xã hội; năng động, sáng tạo, có bản lĩnh, chịu được áp lực trong công việc. Ý thức và chủ động hơn trong việc tìm kiếm, học hỏi những kiến thức về tổ chức lao động trong doanh nghiệp. Từ đó, có ý thức tự học tích lũy thêm kiến thức và kinh nghiệm, học tập, nâng cao trình độ ở bậc cao hơn, sẵn sàng thích nghi với các điều kiện, môi trường làm việc khác nhau.			
18	Hệ thống thông tin thị trường lao động	Trang bị những kiến thức lý luận cơ bản về hệ thống thông tin thị trường lao động nắm được bản chất hệ thống thông tin thị trường lao động. Vận dụng các kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, các kiến thức khoa học cơ bản trong quản lý và quản trị để giải quyết các vấn đề của thị trường lao động. Hiểu và vận dụng được các lý thuyết, nguyên lý và cách thức để phân tích các vấn đề của hệ thống thông tin thị trường lao động. Thu thập thông tin, phân tích và đánh giá hệ thống thông tin thị trường lao động.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Xây dựng, triển khai, đóng góp ý kiến trong công tác quản lý hệ thống thông tin thị trường lao động. Rèn luyện cho người học có kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập.			
19	Phân tích thị trường lao động	Hiểu được những kiến thức lý luận cơ bản về thị trường lao động, dịch vụ việc làm, giúp sinh viên nắm được những đặc điểm chủ yếu của thị trường lao động và dịch vụ việc làm ở Việt Nam. Giúp cho người học rèn luyện kỹ năng tư duy, phân tích, biết cách tính toán, đọc số liệu về cung lao động, cầu lao động; có khả năng phân tích, đánh giá quan hệ cung – cầu trên thị trường lao động ở một phạm vi nhất định. Giáo dục người học nhận thức được ý nghĩa và tầm quan trọng của thị trường lao động đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, từ đó có ý thức và chủ động hơn trong việc tìm kiếm, học hỏi, đóng góp cho sự phát triển thị trường lao động của địa phương và đất nước.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
20	Nguồn nhân lực	Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguồn nhân lực như khái niệm, phân loại, đào tạo, phát triển và sử dụng nguồn nhân lực ở cấp vĩ mô; Hiểu và vận dụng được các lý thuyết, nguyên lý và cách thức để phân tích, đánh giá về nguồn nhân lực và sự biến động nguồn nhân lực của ở cấp vĩ mô (quy mô, cơ cấu, chất lượng, sử dụng..). Người học biết cách tính các chỉ tiêu đánh giá quy mô, chất lượng NNL, rèn luyện kỹ năng tư duy, phân tích, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển nguồn nhân lực. Sinh viên nhận thức được ý nghĩa của nguồn nhân lực, có năng	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		lực tự học tập, tự cập nhật, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm mới trong thực tiễn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.			
21	Chiến lược nguồn nhân lực	Hiểu được cơ bản bản chất chiến lược nguồn nhân lực từ xây dựng đến đánh giá chiến lược nguồn nhân lực Có khả năng phân tích, đánh giá các nội dung liên quan đến Chiến lược nguồn nhân lực Ý thức được vai trò của chiến lược nguồn nhân lực, từ đó có ý thức và chủ động hơn trong việc tìm kiếm, học hỏi, nghiên cứu các nội dung học phần.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
22	Quản trị nhân lực	Hiểu được bản chất, vai trò, chức năng của quản trị nhân lực; Các quan điểm, các học thuyết của quản trị nhân lực; Các nghiệp vụ cơ bản của quản trị nhân lực: hoạch định nhân lực, tuyển dụng nhân lực, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo nhân lực và quản trị thù lao. Hiểu được về các chính sách nhân sự cũng như cách thức triển khai các hoạt động chức năng về quản trị nhân lực và mối quan hệ của nó với các hoạt động quản trị khác Rèn luyện cho người học những kỹ năng làm việc với con người, quản lý nhóm, tổ chức hoạt động tổ - đội – nhóm kinh doanh Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, chuyên nghiệp trong công việc, có trách nhiệm công dân, trách nhiệm với tổ chức và trách nhiệm xã hội; năng động, sáng tạo, có bản lĩnh, chịu được áp lực trong công việc. Ý thức và chủ động hơn trong việc tìm kiếm, học hỏi những kiến thức về quản trị nhân lực. Từ đó, có ý thức tự học tích lũy thêm kiến thức và kinh nghiệm, học tập, nâng cao trình độ ở	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		bậc cao hơn, sẵn sàng thích nghi với các điều kiện, môi trường làm việc khác nhau.			
23	Hoạch định nhân lực	Sinh viên được trang bị những kiến thức cơ bản về hoạch định nhân lực, được hệ thống tổng hợp đầy đủ kiến thức lý luận và thực tiễn về công tác hoạch định nhân lực trong phạm vi một tổ chức Giúp cho người học có các phương pháp hoạch định nguồn nhân lực cho tổ chức. Rèn luyện kỹ năng tư duy, phân tích, đánh giá việc hoạch định nhân lực của tổ chức, phân tích yếu tố ảnh hưởng đến hoạch định nhân lực. Ý thức và chủ động hơn trong việc tìm kiếm, học hỏi, những kiến thức về hoạch định nhân lực trong tổ chức. Từ đó, nâng cao trách nhiệm trước trong công tác hoạch định nhân lực cho tổ chức	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
24	Quản trị nhân lực trong khu vực công	Cung cấp kiến thức nền tảng về khu vực công, nhân lực của khu vực công, các cấp độ quản trị nhân lực trong khu vực công, đặc thù các nghiệp vụ quản trị nhân lực trong khu vực công Có kỹ năng phân tích các nghiệp vụ về tổ chức bộ máy, sử dụng nhân lực, tuyển dụng nhân lực, đào tạo nhân lực, quản trị thực hiện công việc… trong bối cảnh khu vực công; xử lý các tình huống nghiệp vụ trong khu vực công Có phẩm chất, thái độ tuân thủ pháp luật liên quan đến nghiệp vụ, vì mục tiêu cộng đồng, vì lợi ích quốc gia; nhận thức rõ tầm quan trọng, mức độ ảnh hưởng của công tác quản trị nhân lực trong khu vực công đối với lợi ích cộng đồng, lợi ích quốc gia.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
25	Phân tích lao động - xã hội	Hiểu được bản chất, đối tượng, phạm vi nghiên cứu của Phân tích lao động - xã hội; hiểu được cách phân tích cơ cấu tổ chức,	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi

		phân tích các chính sách lao động xã hội cũng như nội dung phân tích lao động trong doanh nghiệp. Phân tích, đánh giá, so sánh, tổng hợp các vấn đề về lao động - xã hội. Có ý thức và chủ động trong việc tìm kiếm tài liệu, trao đổi học hỏi cập nhật các văn bản Luật, các văn bản liên quan đến ngành lao động.			kết thúc học phần 60%
26	Chính sách Bảo hiểm xã hội	Học phần Chính sách Bảo hiểm xã hội trang bị cho sinh viên kiến thức cơ sở lý luận về bảo hiểm xã hội, lịch sử hình thành và phát triển của bảo hiểm xã hội, hệ thống các chế độ bảo hiểm xã hội và tổ chức thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội ở Việt Nam. Học phần giúp sinh viên nắm được các kiến thức về chính sách bảo hiểm xã hội; Có khả năng vận dụng những kiến thức của môn học vào thực tiễn xây dựng và hoạch định chính sách bảo hiểm xã hội ở Việt Nam; Có khả năng giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành. Sinh viên hiểu rõ vai trò quan trọng của bảo hiểm xã hội; Có ý thức tự học, tự tiếp cận, nghiên cứu độc lập và lĩnh hội những kiến thức liên quan đến nội dung của học phần; Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật; có tinh thần hợp tác.	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
27	Nguyên lý tổ chức bộ máy	Hiểu được bản chất, vai trò và nội dung cơ bản của nguyên lý tổ chức bộ máy trong một tổ chức, các nhân tố ảnh hưởng tới việc thực hiện tổ chức bộ máy trong một tổ chức.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Hiểu được cách thức triển khai thực hiện tổ chức bộ máy trong đơn vị, cách thức phân tích, đánh giá hiện trạng thực thi tổ chức bộ máy trong một đơn vị. Phân tích, đánh giá hiện trạng thực thi tổ chức bộ máy trong đơn vị để tham mưu cho lãnh đạo cấp trên trong thiết kế, hình thành chính sách về tổ chức bộ máy trong đơn vị. Kiểm tra, giám sát vấn đề thực thi về tổ chức bộ máy trong một đơn vị. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, chuyên nghiệp trong công việc, có trách nhiệm công dân, trách nhiệm với tổ chức và trách nhiệm xã hội; năng động, sáng tạo, có bản lĩnh, chịu được áp lực trong công việc. Ý thức và chủ động hơn trong việc tìm kiếm, học hỏi những kiến thức về tổ chức bộ máy trong một đơn vị. Từ đó, có ý thức tự học tích lũy thêm kiến thức và kinh nghiệm, học tập, nâng cao trình độ ở bậc cao hơn, sẵn sàng thích nghi với các điều kiện, môi trường làm việc khác nhau.			
28	Đối thoại xã hội trong quan hệ lao động	Hiểu và nắm vững những vấn đề về bản chất, ý nghĩa, sự cần thiết triển khai hoạt động đối thoại xã hội trong các doanh nghiệp. Hiểu và nắm vững những hình thức đối thoại xã hội, thương lượng lao động tập thể, đàm phán trong quan hệ lao động. Rèn luyện khả năng đối thoại xã hội, đối thoại xã hội trực tiếp và đối thoại xã hội gián tiếp, khả năng thương lượng, đàm phán trong doanh nghiệp. Rèn luyện kỹ năng đối thoại, kỹ năng thương lượng, kỹ năng đàm phán trong quan hệ lao động. Chủ động trong quá trình thực hiện công việc, phong cách làm việc chuyên nghiệp, dám làm, dám chịu (có bản lĩnh); Hình	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		thành và có chí hướng tự học tập, tự cập nhật, tự tích lũy kinh nghiệm.			
29	Quản trị thù lao lao động trong doanh nghiệp	Hiểu được những vấn đề cơ bản về thù lao lao động, kết cấu, nhân tố ảnh hưởng đến thù lao lao động và các nội dung của quản trị thù lao lao động trong doanh nghiệp như: quản trị tiền lương, quản trị tiền thưởng, quản trị các chương trình phúc lợi và quy chế trả lương. Phân tích, đánh giá được hệ thống thù lao lao động của doanh nghiệp như: tiền lương, khuyến khích tài chính, phúc lợi. Xây dựng được quy chế trả lương, thưởng; các chương trình khuyến khích, phúc lợi cho doanh nghiệp. Ý thức được tầm quan trọng của quản trị thù lao lao động trong doanh nghiệp. Từ đó, chủ động hơn trong việc tìm kiếm, học hỏi, nghiên cứu các nội dung học phần.	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
30	Quản lý nhà nước về an toàn vệ sinh lao động	Người học hiểu được bản chất ATVSLĐ, hệ thống kiến thức lý luận và những vấn đề cơ bản về khoa học quản lý và Quản lí nhà nước về AT, VSLĐ gồm: vai trò, phương pháp, quy trình, thủ tục, trách nhiệm và cách thức xây dựng, triển khai, phân tích, đánh giá các chính sách, pháp luật ATVSLĐ. Hiểu và vận dụng được các lý thuyết, nguyên lý, cách thức QLNN về ATVSLĐ trong khu vực công. Hiểu và vận dụng kiến thức cơ bản về pháp luật trong giải quyết các vấn đề thực tiễn trong QLNN về ATVSLĐ. Người học có khả năng: thu thập và phân tích thông tin, đánh giá hiện trạng QLNN về ATVSLĐ của CQQL ở các cấp; Xây dựng ý tưởng; tham mưu cho lãnh đạo cấp trên trong việc thiết kế, xay dựng và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật ATVSLĐ; Kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chính sách,	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		pháp luật về ATVSLĐ của các đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý trong bối cảnh cụ thể; Phát hiện, giải quyết các vấn đề trong quá trình xây dựng và tổ chức thực hiện; Tổng hợp, lập báo cáo và đề xuất các định hướng đổi mới trong hoạt động QLNN về ATVSLĐ ở các cấp độ khác nhau; Kỹ năng giao tiếp, quản lý thời gian, làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng phân tích, dự báo, kỹ năng thuyết trình, phản biện, đối thoại, thuyết phục và giải quyết các vấn đề có liên quan. Người học có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, chuyên nghiệp trong công việc, có trách nhiệm công dân, trách nhiệm với tổ chức và trách nhiệm xã hội; năng động, sáng tạo, có bản lĩnh, lập trường vững vàng, chịu được áp lực công việc, luôn cầu tiến và ham học hỏi. Có ý thức tự học, rèn luyện đê tích lũy thêm kiến thức và kinh nghiệm; tích cực học tập, nâng cao trình độ ở bậc cao hơn, sẵn sàng thích nghi với điều kiện, môi trường làm việc khác nhau.			
31	Quản lý nhà nước về lao động	Trang bị những kiến thức lý luận cơ bản về quản lý Nhà nước, quản lý Nhà nước về lao động. Nhận biết và có khả năng vận dụng các kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, các kiến thức khoa học cơ bản trong trong quản lý vào nghiên cứu các hoạt động quản lý Nhà nước về lao động. Hiểu và vận dụng được các lý thuyết, nguyên lý và cách thức để phân tích các vấn đề của quản lý Nhà nước về lao động Sinh viên có khả năng triển khai, thực hiện được các nghiệp vụ trong quản lý nhà nước về lao động; Tham gia công tác kiểm tra, giám sát vấn đề thực thi pháp luật về lao động, các pháp luật có liên quan, trách nhiệm xã hội về lao động, tham mưu cho cấp	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		trên, đề xuất giải pháp khắc phục hạn chế trong thực tiễn công tác quản nhà nước về lao động của địa phương. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, chuyên nghiệp trong công việc, có trách nhiệm công dân, trách nhiệm với tổ chức và trách nhiệm xã hội; năng động, sáng tạo, có bản lĩnh, chịu được áp lực trong công việc, luôn cầu tiến và ham học hỏi. Có ý thức tự học tích lũy thêm kiến thức và kinh nghiệm, học tập, nâng cao trình độ ở bậc cao hơn, sẵn sàng thích nghi với các điều kiện, môi trường làm việc khác nhau.			
32	Tiền lương trong khu vực công	Hiểu được những kiến thức cơ bản về khu vực công, tiền lương tối thiểu, phụ cấp lương, hình thức trả lương và quản lý tiền lương, thu nhập trong khu vực công; hiểu được tương quan mối liên hệ giữa tiền lương khu vực công và tiền lương ở các khu vực khác Phân tích, đánh giá được tiền lương, phụ cấp lương và các khoản thu nhập cho cán bộ, công chức, viên chức làm việc trong khu vực công. Xây dựng được hệ thống tiền lương trong khu vực công. Nhận rõ được tầm quan trọng của tiền lương trong khu vực công. Từ đó chủ động hơn trong việc tìm kiếm, học hỏi, nghiên cứu nội dung học phần.	3		Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
33	Chính sách tiền lương	Hiểu được bản chất và những vấn đề cơ bản nhất về chính sách tiền lương, đồng thời thấy được mối quan hệ giữa chính sách tiền lương với các chính sách khác của Nhà nước. Có kỹ năng phân tích, đánh giá và xây dựng được chính sách tiền lương Ý thức được tầm quan trọng của chính sách tiền lương. Từ đó chủ động hơn trong việc tìm kiếm, học hỏi, nghiên cứu các nội	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		dung học phần.			
34	Xây dựng thang bảng lương	Nắm được bản chất, vai trò và nhân tố ảnh hưởng đến xây dựng thang bảng lương, nguyên tắc, quy trình xây dựng và các phương pháp xây dựng thang bảng lương. Có kỹ năng phân tích hiện trạng, xây dựng và quản lý thực hiện hệ thống thang bảng lương Ý thức được tầm quan trọng của việc xây dựng thang bảng lương từ đó chủ động hơn trong việc học hỏi và nghiên cứu các vấn đề liên quan đến xây dựng thang bảng lương	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
35	Tổ chức bộ máy và phân tích công việc	Hiểu được bản chất, vai trò, nguyên tắc và các nghiệp vụ cơ bản của công tác tổ chức bộ máy, các yếu tố ảnh hưởng đến tổ chức bộ máy; Hiểu được cách thức phân tích, triển khai các hoạt động thiết kế bộ máy tổ chức, thiết kế công việc, phân tích công việc, xây dựng quy chế hoạt động và tái cấu trúc bộ máy tổ chức Phân tích, đánh giá hiện trạng bộ máy tổ chức, phân tích và thiết kế công việc, quy chế hoạt động trong một tổ chức. Tham mưu cho lãnh đạo cấp trên trong việc hoàn thiện công tác tổ chức bộ máy. Thiết kế các biểu mẫu, quy chế, quy trình triển khai nghiệp vụ tổ chức bộ máy và phân tích công việc trong các bối cảnh cụ thể Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, chuyên nghiệp trong công việc; năng động, sáng tạo, có bản lĩnh, chịu được áp lực trong công việc, luôn cầu tiến và ham học hỏi Ý thức được tầm quan trọng của tổ chức bộ máy trong doanh nghiệp. Từ đó, chủ động hơn trong việc tìm kiếm, học hỏi, nghiên cứu các nội dung học phần.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

36	Quản lý xuất khẩu lao động	Trang bị những kiến thức lý luận cơ bản về quản lý Nhà nước, quản lý Nhà nước về xuất khẩu lao động Nhận biết và có khả năng vận dụng các kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, các kiến thức khoa học cơ bản trong trong quản lý vào nghiên cứu các hoạt động Quản lý xuất khẩu lao động. Hiểu và vận dụng được các lý thuyết, nguyên lý và cách thức để phân tích các vấn đề của Quản lý xuất khẩu lao động Sinh viên có khả năng thu thập thông tin, phân tích và đánh giá hiện trạng, tác động đến kinh tế, xã hội hoạt động Quản lý xuất khẩu lao động. Tham gia công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chính sách; Phát hiện, giải quyết các vấn đề trong quá trình xây dựng, triển khai thực hiện; Tổng hợp, lập báo cáo và đề xuất các định hướng đổi mới trong công tác Quản lý xuất khẩu lao động. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, chuyên nghiệp trong công việc, có trách nhiệm công dân, trách nhiệm với tổ chức và trách nhiệm xã hội; năng động, sáng tạo, có bản lĩnh, chịu được áp lực trong công việc, luôn cầu tiến và ham học hỏi. Có ý thức tự học tích lũy thêm kiến thức và kinh nghiệm, học tập, nâng cao trình độ ở bậc cao hơn, sẵn sàng thích nghi với các điều kiện, môi trường làm việc khác nhau.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
37	Thanh tra lao động	Hiểu được cơ bản về hệ thống thanh tra lao động: vị trí, vai trò, chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức và cách thức hoạt động của Thanh tra lao động trong tình hình hiện nay; Hiểu được Quyền và Nghĩa vụ của đối tượng thanh tra theo quy định để người học có đủ năng lực hiểu biết để kiểm tra, vận dụng các nguyên tắc, yêu cầu, quy trình tiến hành một cuộc	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		thanh tra lao động đáp ứng yêu cầu của công việc và các cơ hội việc làm. Rèn luyện cho người học những kỹ năng phân tích thông tin, cơ sở dữ liệu; xây dựng ý tưởng; tham mưu thiết kế, đánh giá hành vi, tổ chức thực hiện pháp luật lao động trong tổ chức, phòng ngừa các hành vi vi phạm pháp của người lao động tại nơi làm việc. Từ đó có thể tư vấn/ tham mưu cho người sử dụng lao động quy trình tiến hành một cuộc tranh tra lao động nói chung và thành tra việc thực hiện pháp luật BHXH, thanh tra việc thực hiện AT-VSLĐ nói riêng trong từng trường hợp cụ thể. Bồi dưỡng cho người học những phẩm chất tốt, phù hợp với đặc thù công viêc, giúp người học ý thức được tầm quan trọng cũng như sự cần thiết của việc nghiên cứu chính sách, quy định của pháp luật lao động. Ý thức và chủ động trong việc tìm kiếm, học hỏi và đóng góp ý kiến tham mưu trong công tác quản trị nhân lực nói chung và tham gia phòng ngừa các hành vi vi phạm pháp luật lao động trong các tổ chức/doanh nghiệp, hình thành thái độ khách quan, tự tin vào năng lực chuyên môn, tự chịu trách nhiệm trước xã hội.			
38	Tạo động lực lao động	Nhớ và hiểu được nội dung cơ bản của tạo động lực lao động. Cung cấp các kiến thức chuyên ngành để người học có đủ năng lực hiểu biết về tạo động lực lao động trong một tổ chức. Rèn luyện cho người học những kỹ năng phân tích, đánh giá động lực lao động của người lao động trong tổ chức, tham mưu, đề xuất cho cấp trên các phương hướng, giải pháp tạo động lực lao động. Bồi dưỡng cho người học những phẩm chất đạo đức nghề	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		nghiệp, chuyên nghiệp trong công việc, có ý thức chủ động, năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm, có khả năng dẫn dắt, có tính sáng tạo trong công việc.			
39	Điều tra xã hội học	Sau khi kết thúc học phần người học đạt được các kiến thức cơ bản và khái niệm về ĐTXHH, cách chọn đề tài nghiên cứu và chứng minh được vì sao cần viết tổng quan tình hình nghiên cứu; làm thế nào để xây dựng khung phân tích, giả thuyết nghiên cứu và xác định phương pháp thu thập thông tin trong điều tra xã hội học như: phỏng vấn, quan sát, phân tích tài liệu, và quy trình thực hiện một cuộc ĐTXHH. Trang bị những kiến thức nền về điều tra XHH để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành chuyên sâu và chuyên ngành liên quan Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần. Hình thành thái độ khách quan khoa học đối với những vấn đề trong đời sống xã hội, vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học vào thực tiễn nghề nghiệp và đời sống.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
40	Quản lý nhà nước về dạy nghề	Trang bị những kiến thức lý luận cơ bản về quản lý Nhà nước, quản lý Nhà nước về đào tạo nghề Nhận biết và có khả năng vận dụng các kiến thức khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, các kiến thức khoa học cơ bản trong trong quản lý vào nghiên cứu các hoạt động quản lý Nhà nước về đào tạo nghề Hiểu và vận dụng được các lý thuyết, nguyên lý và cách thức để phân tích các vấn đề của quản lý Nhà nước về dạy nghề	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Sinh viên có khả năng thu thập thông tin, phân tích và đánh giá hiện trạng, tác động đến kinh tế, xã hội của chính sách đào tạo nghề. Tham gia công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chính sách; Phát hiện, giải quyết các vấn đề trong quá trình xây dựng, triển khai thực hiện; Tổng hợp, lập báo cáo và đề xuất các định hướng đổi mới trong công tác quản lý Nhà nước về dạy nghề. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, chuyên nghiệp trong công việc, có trách nhiệm công dân, trách nhiệm với tổ chức và trách nhiệm xã hội; năng động, sáng tạo, có bản lĩnh, chịu được áp lực trong công việc, luôn cầu tiến và ham học hỏi. Có ý thức tự học tích lũy thêm kiến thức và kinh nghiệm, học tập, nâng cao trình độ ở bậc cao hơn, sẵn sàng thích nghi với các điều kiện, môi trường làm việc khác nhau.			
41	Thực tập cuối khóa	Người học có kiến thức thực tiễn về các lĩnh vực liên quan đến lao động, việc làm, tiền lương, chính sách về lao động, quản lý nguồn nhân lực. Kỹ năng xử lý công việc hàng ngày của cán bộ chuyên trách, cán bộ nghiên cứu về Kinh tế lao động; Phân tích, đánh giá, phát hiện và tham gia giải quyết các vấn đề đặt ra trong thực tiễn về Kinh tế lao động, việc làm,… Người học được kiểm chứng và học hỏi tác phong, thái độ, quan điểm và chuẩn mực đạo đức của người làm nghề Kinh tế lao động. Từ đó, tích lũy thêm kinh nghiệm, thay đổi thái độ, hành vi của mình để phù hợp với yêu cầu của công việc.	4	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
42	Khóa luận tốt nghiệp	Nắm vững và vận dụng các kiến thức về Kinh tế lao động vào giải quyết (một) vấn đề thực tiễn tại đơn vị	6	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi

		Phân tích, đánh giá các vấn đề về kinh tế, lao động, việc làm… trong thực tiễn; từ đó rèn luyện các kỹ năng hoạch định, tổ chức, quản lý và giải quyết các vấn đề đặt ra có liên quan tới lao động - xã hội cũng như các kỹ năng mềm để xử lý các công việc nhanh chóng và hiệu quả hơn. Xây dựng được khả năng tự nghiên cứu, tự học hỏi và tự định hướng trong nghề nghiệp; có thái độ chuyên nghiệp, đúng đắn và xác định rõ hơn về mục tiêu đối với nghề nghiệp tương lai của mình.			kết thúc học phần 60%
43	Toán cao cấp 1	+ Học phần cung cấp cho sinh viên: - Các khái niệm: Ma trận, các phép toán, các phép biến đổi tuyến tính trên ma trận; Định thức; Hệ phương trình tuyến tính; Không gian vector; Mối liên hệ tuyến tính trong không gian vector. Cách tính định thức, tìm ma trận nghịch đảo, tìm nghiệm của hệ phương trình tuyến tính, tìm hạng, cơ sở của hệ véc tơ, cơ sở của không gian con R^n. Học phần giúp cho sinh viên có kỹ năng giải các bài tập về các kiến thức cơ bản được trang bị, kỹ năng tư duy logic. Học phần giúp cho sinh viên có kỹ năng giải các bài tập về các kiến thức cơ bản được trang bị, kỹ năng tư duy logic, kỹ năng đặt bài toán cho các tình huống thực tế, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
44	Toán cao cấp 2	Học phần cung cấp cho sinh viên: - Các khái niệm: Dãy số, giới hạn của dãy số; Hàm số một biến số, giới hạn và tính liên tục của hàm số một biến số; Đạo hàm và vi phân của hàm số một biến số; Tích phân xác định và tích phân suy rộng; Hàm số hai biến số, giới hạn và tính liên tục của hàm hai biến số. Đạo hàm và vi phân của hàm số	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		hai biến số, Cách tính đạo hàm riêng; Cách tìm cực trị của hàm số một biến số và hàm số hai biến số. Ứng dụng của đạo hàm và vi phân trong toán học: Tính giá trị gần đúng, tìm cực trị. Ứng dụng của đạo hàm trong phân tích kinh tế: Hệ số co dãn cung, cầu theo giá. Ứng dụng của đạo hàm riêngvà vi phân trong kinh tế học. Ứng dụng của cực trị trong bài toán tối ưu các trường hợp thực tiễn. Sinh viên có: -Kỹ năng trình bày các vấn đề hợp logic, dùng từ chính xác trong các mệnh đề. Kỹ năng tính đạo hàm, tính tích phân, tìm cực trị của hàm số một biến số và hai biến số. - Kỹ năng vận dụng các kết quả của toán học trong việc xây dựng và phân tích một số mô hình toán kinh tế đơn giản như: Mô hình cân bằng, Mô hình tối ưu,..... - Khả năng kết hợp, ứng dụng các kiến thức cơ bản vào kiến thức, kỹ năng chuyên ngành - Kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc theo nhóm Có thái độ nghiêm túc, đúng đắn và khoa học về bản chất của các vấn đề toán học, vấn đề vận dụng các kiến toán vào lĩnh vực kinh tế.			
45	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Cung cấp cho người học cơ sở của lý thuyết xác suất và thống kê toán học với mục đích giúp người học có phương pháp, công cụ để học tập, nghiên cứu và giải quyết các bài toán thuộc chuyên ngành trong điều kiện ngẫu nhiên, bao gồm các kiến thức sau: - Các kiến thức về lý thuyết xác suất: Phép thử, biến cố, xác suất của biến cố, biến ngẫu nhiên, biếngẫu nhiênhai chiều và các đặc trưng kỳ vọng, phương sai, hiệp phương sai; Các	3	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		kiến thức về thống kê: Lý thuyết mẫu, lý thuyết ước lượng và kiểm định giả thiết thống kê. Học phần rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng vận dụng công cụ toán học để học tập nghiên cứu các vấn đề thuộc chuyên ngànhkinh tế xã hội Kỹ năng khảo sát và giải quyết bài toán trong điều kiện ngẫu nhiên. Vận dụng lý thuyết xác suất và thống kê để học tập các môn khác Kỹ năng ứng dụng lý thuyết xác suất thống kê để giải quyết các vấn đề thực tế thuộc chuyên ngành kinh tế xã hội. Có thái độ chuyên cần, nghiêm túc, cẩn thận, chính xác.			
46	Triết học Mác - Lênin	+ Sinh viên xác định được đối tượng, mục đích, ý nghĩa và những yêu cầu về mặt phương pháp của môn học. + Sinh viên nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác- Lênin; nắm được những nội dung cơ bản, hệ thống về triết học Mác- Lênin và vai trò của triết học trong đời sống xã hội. + Sinh viên từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất cho bản thân, làm nền tảng lí luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung của các môn học khác. + Sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để giải thích một số hiện tượng mang tính phổ biến diễn ra trong lĩnh vực tự nhiên, xã hội và tư duy. + Sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu Kinh tế chính trị Mác- Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, hiểu được cơ sở lý luận của Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch	3	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		sử Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng + Sinh viên có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. + Tăng cường bản lĩnh chính trị, tính chủ động, tự tin cho sinh viên, từng bước xây dựng, củng cố niềm tin vào con đường cách mạng mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã chọn, từ đó góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.			
47	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	+ Sinh viên xác định được đối tượng, mục đích, ý nghĩa và những yêu cầu về mặt phương pháp của môn học. + Người học nắm được một cách hệ thống kiến thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin bao gồm: Các khái niệm, phạm trù, quy luật kinh tế chủ yếu của kinh tế thị trường; Những vấn đề kinh tế - chính trị của thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam. + Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để học tập và nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn. + Người học nắm được một cách hệ thống kiến thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin bao gồm: Các khái niệm, phạm trù, quy luật kinh tế chủ yếu của kinh tế thị trường; Những vấn đề kinh tế - chính trị của thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam. + Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc đóng góp ý kiến xây dựng, bảo vệ, thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. + Người học hình thành được phẩm chất đạo đức cách mạng, lập trường chính trị tư tưởng vững vàng, có niềm tin vào sự nghiệp đổi mới đất nước.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

48	Tư tưởng Hồ chí Minh	+ Sinh viên xác định được đối tượng, mục đích, ý nghĩa và những yêu cầu về mặt phương pháp của môn học. Về kiến thức: + Sinh viên xác định được đối tượng, mục đích, ý nghĩa và những yêu cầu về mặt phương pháp của môn học. + Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản vè khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. + Có khả năng tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác. + Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc đóng góp ý kiến xây dựng, bảo vệ, thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. + Sinh viên được nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
49	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học phần này trang bị những kiến thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong các thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - nay). Trang bị những kiến thức cơ bản của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để học tập và nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn. Từ đó, phân tích, lập luận để bảo vệ những quan điểm tư tưởng đúng đắn, phê phán, bác bỏ một cách có hiệu quả những tư tưởng, quan niệm sai lầm về lịch sử của Đảng. Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần. Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc đóng góp ý kiến xây dựng, bảo vệ, thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Tăng cường tính chủ động, tự tin trong việc tìm kiếm những tri thức khoa học mới, từ đó góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.			
50	Chủ nghĩa xã hội khoa học	+ Nghiên cứu môn học này nhằm giúp người học nắm được nắm được kiến thức cơ bản về sự ra đời; các giai đoạn phát triển; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận hợp thành Chủ nghĩa Mác - Lênin + Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nhận thức được những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu môn học + Học tập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học giúp cho sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết tình hình thực tiễn trong nước và thế giới trong bối cảnh đổi mới đất nước gắn với hội nhập khu vực và thế giới hiện nay.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		+ Giúp cho sinh viên có khả năng vận dụng các tri thức của Chủ nghĩa xã hội khoa học vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước có liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta + Hình thành cho sinh viên thái độ chính trị vững vàng, tư tưởng đúng đắn về môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học. + Đồng thời, giúp cho sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về nền tảng tư tưởng của Đảng ta.			
51	Pháp luật đại cương	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: + Nhà nước (nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, chức năng, hình thức, kiểu nhà nước); nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; + Pháp luật (nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, vai trò, hình thức, kiểu pháp luật, quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý); + Một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; pháp chế XHCN; pháp luật về phòng chống tham nhũng. Người học có kỹ năng phân tích cơ cấu của quy phạm pháp luật; xác định hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật; phân tích cấu thành của quan hệ pháp luật; nhận biết hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý tương ứng. Người học vận dụng được kiến thức đã học để làm kiến thức nền phục vụ nghiên cứu một số môn học luật chuyên ngành trong chương trình đào tạo. Đồng thời, người học có kỹ năng thuyết trình về một vấn đề của pháp luật; có kỹ năng điều hành hoạt động nhóm, tham gia hoạt động nhóm; có kỹ năng ghi biên bản cuộc họp.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của môn học ứng dụng vào học tập và cuộc sống của bản thân; thấy được vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội, từ đó nâng cao ý thức thực hiện pháp luật, tuyên truyền ý thức thực hiện pháp luật với cộng đồng xung quanh. Đồng thời, người học biết cách tra cứu và tự cập nhật các văn bản pháp luật để phục vụ cho công việc và có ý thức tự điều chỉnh công việc của mình theo những quy định của pháp luật.			
52	Tin học cơ bản 1	Trang bị cho sinh viên các kiến thức đại cương về tin học, đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành; Nắm vững kiến thức cơ bản sử dụng máy tính điện tử, phần mềm hệ thống (Windows); Nắm vững nguyên tắc làm việc với phần mềm soạn thảo văn bản (Microsoft Word), phần mềm bảng tính (Microsoft Excel), phần mềm trình chiếu (Microsoft PowerPoint) Sinh viên sau khi học xong phải sử dụng thành thạo hệ điều hành Windows; Sử dụng thành thạo các phần mềm Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint để soạn thảo và trình bày văn bản nhanh chóng, đúng quy định, chuyên nghiệp và khoa học, thiết kế các trang bảng tính và sử dụng tốt các hàm thông dụng của Excel để tính toán, phân tích, tổng hợp dữ liệu (như bảng lương, bảng kế toán, bảng dự toán,…). Tạo một bài trình chiếu (quản lý các trang chiếu và tệp trình chiếu, đưa các đối tượng vào trang chiếu, tạo và quản lí các hiệu ứng, thực hiện trình chiếu...). Nhận thức được tầm quan trọng của việc áp dụng Tin học trong học tập cũng như trong công việc thực tế.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Sinh viên phải lên lớp và làm các bài tập thực hành để nắm được các nội dung của học phần; nhiệt tình tham gia các buổi thảo luận, thực hành ở trên lớp.			
53	Tin học cơ bản 2	Nắm vững các kiến thức về: Cơ sở dữ liệu, Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Microsoft Access. Cách thức xây dựng, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu thông qua Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Microsoft Access. Sinh viên sau khi học xong phải sử dụng thành thạo phần mềm Microsoft Access để xây dựng, quản lý và khai thác các cơ sở dữ liệu vừa và nhỏ. Có khả năng ứng dụng các lý thuyết đã học để tự xây dựng các bài toán quản lý trong thực tế cuộc sống. Nhận thức được tầm quan trọng của việc áp dụng Tin học trong học tập cũng như trong công việc thực tế. Rèn luyện sinh viên thành người có tính cẩn thận, có tác phong làm việc khoa học, chuẩn xác; có tư duy logic và khả năng quản lý tốt. Sinh viên phải lên lớp và làm các bài tập thực hành để nắm được các nội dung của học phần; nhiệt tình tham gia các buổi thảo luận, thực hành ở trên lớp.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
54	Soạn thảo văn bản	Nắm được các khái niệm, đặc điểm, chức năng và nội dung của văn bản; Trang bị những kiến thức cơ bản về văn bản nói chung và văn bản quản lý nhà nước nói riêng, phân loại văn bản quản lý nhà nước; Hiểu rõ và nắm vững kiến thức những yêu cầu về nội dung, thể thức, ngôn ngữ và văn phong của văn bản; đặc trưng và kỹ thuật soạn thảo một số loại văn bản hành chính thông thường.	**2**	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Sau khi học xong hoc phần này, sinh viên nhận biết về mục đích, ý nghĩa của việc sử dụng và ban hành văn bản; nắm rõ những yếu tố thuộc về thể thức và cơ cấu nội dung của một số văn bản hành chính nói chung và văn bản quản lý nhà nước nói riêng. Qua đó, sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức đã học để soạn thảo một số văn bản hành chính thông thường trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức. Đồng thời, sinh viên được trau dồi thêm các kỹ năng khác như: kĩ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm và sử dụng công nghệ thông tin phục vụ việc tra cứu và soạn thảo một số văn bản một cách hoàn chỉnh. Qua môn học này, sinh viên thấy được vai trò ý nghĩa và tầm quan trọng của văn bản trong hoạt động quản lý của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp… Từ đó có động lực học tập và phấn đấu để trau dồi kiến thức và kỹ năng năng để áp dụng vào công việc sau khi ra trường.			
55	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	**- Kiến thức:** + Nghiên cứu môn học này nhằm giúp người học nắm được khái niệm, ý nghĩa của môn học; nắm được bản chất của khoa học, nghiên cứu khoa học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học, cách thức tiến hành nghiên cứu và trình bày một công trình khoa học (viết bài báo khoa học; tiểu luận, báo cáo thực tập và khóa luận tốt nghiệp…). + Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nhận thức được các nguyên tắc cơ bản của nhận thức luận khoa học, các quy luật tư duy của khoa học, các phương pháp dự báo khoa học và quản lý khoa học cũng như đảm bảo đạo đức của người làm khoa học.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		- Kỹ năng: + Học tập môn khoa học bước đầu giúp sinh viên có kỹ năng xác định một đề tài nghiên cứu khoa học, đồng thời cũng hình thành và phát triển khả năng hiểu và phân tích, đánh giá một công trình nghiên cứu khoa học cụ thể. + Giúp cho sinh viên những bước cơ bản nhất để rèn luyện các kỹ năng tư duy, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tìm tài liệu và làm việc nhóm; phát triển kỹ năng nghiên cứu và đánh giá nghiên cứu khoa học. **- Mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm** + Hình thành tinh thần yêu thích, ham mê khoa học, nghiên cứu khoa học, tăng cường tính chủ động, tự tin trong việc tìm kiếm những tri thức khoa học mới. + Thái độ nghiêm túc, cầu thị, cẩn trọng trong nghiên cứu khoa học.			
56	Tiếng Anh cơ bản 1	+ Nắm được kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp tiếng Anh: các thì của động từ; các trợ động từ….. + Nắm được lượng từ vựng căn bản thường gặp trong các đề thi TOEIC + Làm quen định dạng của bài thi TOEIC + Rèn luyện kĩ năng đọc hiểu và nghe hiểu + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng đọc hiểu những mẩu tin, thư, đơn giản. + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng nghe hiểu những ngôn ngữ nói giao tiếp hàng ngày. + Sinh viên có cái nhìn cụ thể hơn về dạng bài thi TOEIC, nắm bắt được kĩ năng làm bài để đạt được điểm cao nhất thông qua các bài luyện tập nghe và đọc hiểu.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của tiếng Anh và cách làm dạng bài thi TOEIC			
57	Tiếng Anh cơ bản 2	+ Nắm được kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp tiếng Anh: : mệnh đề quan hệ; trật tự từ; cấu trúc bị động… + Nắm được lượng từ vựng căn bản thường gặp trong bài thi + Làm quen định dạng của bài thi TOEIC + Rèn luyện kĩ năng đọc hiểu và nghe hiểu + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng đọc hiểu những mẩu tin, thư tín. + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng nghe hiểu những ngôn ngữ nói giao tiếp hàng ngày. + Người học làm quen và luyện tập dạng bài thi TOEIC, nắm bắt được kĩ năng làm bài để đạt được điểm cao nhất thông qua luyện Practice Test. Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của tiếng Anh và cách làm dạng bài thi TOEIC	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
58	Tiếng Anh chuyên ngành 1	- Cung cấp các thuật ngữ bằng tiếng Anh chuyên ngành lĩnh vực Kinh tế lao động. - Sinh viên nắm được và ôn tập một số kiến thức ngữ pháp đã học, các kỹ năng nói, đọc, viết và dịch. Sinh viên được làm quen với việc đọc hiểu được một số bài viết chuyên ngành Kinh tế lao động ở mức trung bình. Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của tiếng Anh chuyên ngành sử dụng trong nghề nghiệp tương lai.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
59	Tiếng Anh chuyên ngành 2	- Cung cấp các thuật ngữ bằng tiếng Anh chuyên ngành lĩnh vực Kinh tế lao động. - Sinh viên nắm được và ôn tập một số kiến thức ngữ pháp đã học, các kỹ năng nói, đọc, viết và dịch.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Sinh viên được làm quen với việc đọc hiểu được một số bài viết chuyên ngành Kinh tế lao động, Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của tiếng Anh chuyên ngành sử dụng trong nghề nghiệp tương lai.			
60	Thể dục điền kinh	Hiểu được tầm quan trọng của học phần Thể dục - Điền kinh là môn thể thao nền tảng cho hoạt động thể lực và các môn thể thao khác. Nắm được kỹ thuật bài tập phát triển chung 13 động tác. Nắm được các kiến thức về kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bung, một số điều luật thi đấu cơ bản của nội dung nhảy cao. Có kỹ năng thực hiện bài tập phát triển chung 13 động tác. Thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bụng. Giáo dục phát triển các tố chất thể lực như: sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo khéo léo, hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cần thiết, bổ trợ và rèn luyện thể lực chuyên môn cho các môn thể thao khác. Sinh viên nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy định của Nhà trường và Bộ môn, tự giác, tích cực thực hiện các nội dung học tập trên lớp và bài tập thể lực, bài tập bổ trợ ở nhà. Sinh viên phải có thái độ học tập tích cực, chủ động. Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá của môn học			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
61	Bóng chuyền 1	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng chuyền với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng chuyền. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			
62	Bóng chuyền 2	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng chuyền với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng chuyền. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng chuyền với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng chuyền.			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			
63	Bóng rổ 1	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng rổ với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng rổ. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
64	Bóng rổ 2	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng rổ với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng rổ.			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			
65	Cầu lông 1	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Cầu lông với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Cầu lông. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
66	Cầu lông 2	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Cầu lông với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Cầu lông.			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			
67	Cờ vua 1	- Hiểu được tầm quan trọng của học phần cờ vua 1 là môn thể thao phát triển khả năng tính toán, tư duy, logic... - Nắm được kiến thức về nguồn gốc ra đời, lịch sử phát triên của môn cờ vua. - Nắm được cách chơi cờ, những tri thức cơ bản trong cờ vua) - Nắm được các kiến thức về giai đoạn tàn cuộc của ván đấu. Có kỹ năng thực hiện bài tập của giai đoạn tàn cuộc. Thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của giai đoạn tàn cuộc Giáo dục phát triển toàn diện đặc biệt là rèn luyện tính kiên trì, khả năng tuy duy, phát triển trí thông minh Sinh viên nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy định của nhà trường, tự giác, tích cực thực hiện các nội dung học tập trên lớp và bài tập ở nhà. Sinh viên phải có thái độ học tập tích cực, chủ động. Sinh viên tham gia đầy đủ 2 bài kiểm tra đánh giá kết thúc môn học cờ vua 1			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

68	Cờ vua 2	Hiểu được tầm quan trọng của học phần cờ vua 2 là môn thể thao phát triển trí tuệ một cách toàn diện, rèn luyện trí nhớ, tư duy logic Nắm được kiến thức về nguồn gốc ra đời, lịch sử phát triên của môn cờ vua. Những tri thức trong cờ vua và các giai đoạn của tàn cuộc Nắm được các kiến thức về giai đoạn khai cuộc của ván đấu. Có kỹ năng thực hiện bài tập của giai đoạn khai cuộc.Thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của giai đoạn khai cuộc Giáo dục phát triển các tố chất thể lực như: sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo, hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cần thiết, bổ trợ và rèn luyện thể lực chuyên môn cho các môn thể thao khác. Sinh viên nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy định của nhà trường và Bộ môn, tự giác, tích cực thực hiện các nội dung học tập trên lớp và bài tập ở nhà. Sinh viên phải có hái độ học tập tích cực, chủ động. Sinh viên tham gia đầy đủ các bài đánh giá			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
69	Cờ vua 3	Hiểu được tầm quan trọng của học phần cờ vua 2 là môn thể thao nền tảng cho hoạt động thể lực và các môn thể thao khác. Nắm được kiến thức về nguồn gốc ra đời, lịch sử phát triên của môn cờ vua. Nắm được các kiến thức về giai đoạn trung cuộc của ván đấu. Có kỹ năng thực hiện bài tập của giai đoạn trung cuộc . Thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của giai đoạn trung cuộc Giáo dục phát triển các tố chất thể lực như: sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo, hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		cần thiết, bổ trợ và rèn luyện thể lực chuyên môn cho các môn thể thao khác. Sinh viên nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy định của nhà trường và Bộ môn, tự giác, tích cực thực hiện các nội dung học tập trên lớp và bài tập ở nhà. Sinh viên phải có hái độ học tập tích cực, chủ động. Sinh viên phải tham gia đầy đủ 2 bài kiểm tra đánh giá kết thúc học phần cờ vua 3			
	Giáo dục quốc phòng - An ninh				Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
70	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng Sản Việt Nam	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: - Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc - Các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân để ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược dưới mọi hình thức, qui mô. - Thực hiện kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh; tìm hiểu về nghệ thuật quân sự từ khi có Đảng lãnh đạo và lịch sử truyền thống vẻ vang của Quân đội nhân dân Việt Nam; những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội. - Vận dụng những kiến thức đã học nhằm nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		- Hình thành tác phong kỷ luật, ý thức tập thể, phát huy trí tuệ tập thể trong học tập và thảo luận nhóm. - Phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng thu thập, xử lý thông tin trong học tập nghiên cứu của sinh viên về các nội dung chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế của Đảng và Nhà nước ta. - Có ý thức bảo vệ, truyền bá đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về Quốc phòng - An ninh. - Xây dựng niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, đấu tranh làm thất bại các luận điểm sai trái phản động bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN. - Có thái độ, nhận thức đầy đủ, đúng đắn về Nhiệm vụ của sinh viên đối với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của đất nước.			
71	Công tác quốc phòng an ninh	Học phần trang bị cho người học kiến thức về: - Phòng, chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. - Vấn đề dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội. - Những kiến thức cơ bản về an ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống; an toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; phòng, chống vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông; phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác góp phần bảo vệ an ninh quốc gia giữ gìn trật tự an toàn xã hội; bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa.			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		- Góp phần phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng trong nghiên cứu, phân tích, tổng hợp của sinh viên về các nội dung; chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế của Đảng và Nhà nước ta; đề xuất các giải pháp thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước về quốc phòng, an ninh. - Hiểu thêm cách xây dựng và quy trình đánh giá kết quả học tập của môn học Giáo dục quốc phòng và An ninh, nâng cao khả năng làm việc độc lập của sinh viên. - Tăng cường kỹ năng trong thu thập, xử lý thông tin trước trong và sau mỗi bài học. - Nâng cao lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội nâng cao trách nhiệm của sinh viên, gương mẫu thực hiện đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước chủ động đấu tranh làm thất bại âm mưu chống phá của các thế lực thù địch, góp phần xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa. - Quán triệt sâu sắc đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và công tác quốc phòng, an ninh. - Hình thành nề nếp sinh hoạt, ý thức chấp hành kỷ luật nghiêm túc trong học tập. - Luôn tin tưởng, làm theo đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng. Không để các thế lực thù địch lôi kéo, dụ dỗ đi sai đường lối cách mạng Việt Nam.			
72	Quân sự chung	Học phần trang bị cho người học kiến thức: -Những nội dung cơ bản về quân sự, an ninh; hiểu biết về các quân, binh chủng trong quân đội, về các chế độ sinh hoạt, công tác trong ngày, tuần, nề nếp chính quy trong đơn vị quân đội;			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		hiểu biết về bản đồ địa hình quân sự, vũ khí công nghệ cao và thi đấu ba môn quân sự phối hợp. -Lịch sử ra đời, truyền thống chiến đấu, lao động của các quân binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam, tác phong chính quy, nề nếp làm việc và kỹ năng phòng thủ dân sự khi có chiến tranh xảy ra, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa. Xây dựng tác phong, nề lối làm việc chính quy kỷ luật, lối sống giản dị, ngăn nắp; nâng cao lòng tự hào dân tộc, về quân đội anh hùng, từ đó xây dựng bản lĩnh, phẩm chất cách mạng cho mình, phấn đấu thực hiện tốt nhiện vụ học tập, công tác góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng của Đảng, của dân tộc trong giai đoạn cách mạng hiện nay. Nâng cao phẩm chất, đạo đức, lối sống, rèn luyện tính kỷ luật và tác phong chính quy từ đó hình thành lối sống và làm việc nghiêm túc; có kiến thức về quân sự chung, có thái độ nghiêm túc với việc xây dựng nền Quốc phòng toàn dân, An ninh nhân dân, sẵn sàng tham gia xây dựng quân đội khi tổ quốc cần. Hình thành nề nếp sinh hoạt, ý thức chấp hành kỷ luật, tác phong làm việc nghiêm túc phục vụ cho việc học tập và công tác sau này.			
73	Kỹ thuận chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: - Kiến thức về sử dụng súng tiểu liên AK (Tính năng cấu tạo, quy tắc sử dụng súng, lý thuyết ngắm bắn, đường ngắm, mục tiêu và những vấn đề ảnh hưởng đến phát bắn); lựu đạn (tính năng, cấu tạo và cách ném lựu đạn)			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		- Người học hiểu được kỹ thuật chiến đấu của bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới); - Sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí thông thường như bắn súng tiểu liên AK, (trình tự các bước trong thực hành bắn, kỹ năng ngắm bắn...) - Sử dụng lựu đạn (quy tắc, chuẩn bị và thực hành ném lựu đạn); - - Vận dụng được trong luyện tập thực hành các động tác của chiến sĩ trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ cảnh giới. - Người học có thái độ đúng mức khi tiếp cận hoặc sử dụng các loại vũ khí đặc biệt là súng, đạn; có ý thức trách nhiệm khi làm nhiệm vụ liên quan đến ANCT, TTATXH và tham gia các hoạt động quân sự, an ninh; - Sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc - Rèn luyện tác phong của người chiến sĩ; hình thành nếp sống có kỷ luật (Quân trang, quân phục, đội hình, đội ngũ...), ý thức cộng đồng ở trường, lớp và khi ra công tác có thể làm lực lượng nòng cốt trong các nhiệm vụ quân sự, an ninh tại đơn vị cơ sở.			

Ngành Luật kinh tế

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1.	Lý luận nhà nước và pháp luật	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: + Nhà nước (nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, chức năng, hình thức, kiểu nhà nước); nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; + Pháp luật (nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, vai trò, hình thức, kiểu pháp luật, quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý); + Một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; pháp chế XHCN; pháp luật về phòng chống tham nhũng. Người học có kỹ năng phân tích cơ cấu của quy phạm pháp luật; xác định hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật; phân tích cấu thành của quan hệ pháp luật; nhận biết hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý tương ứng. Người học vận dụng được kiến thức đã học để làm kiến thức nền phục vụ nghiên cứu một số môn học luật chuyên ngành trong chương trình đào tạo. Đồng thời, người học có kỹ năng thuyết trình về một vấn đề của pháp luật; có kỹ năng điều hành hoạt động nhóm, tham gia hoạt động nhóm; có kỹ năng ghi biên bản cuộc họp. Người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của môn học ứng dụng vào học tập và cuộc sống của bản thân; thấy được vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội, từ đó nâng cao ý thức thực hiện pháp luật, tuyên truyền ý thức thực hiện pháp luật với cộng đồng xung quanh. Đồng thời, người học biết cách tra cứu và tự cập nhật các văn bản	3	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		pháp luật để phục vụ cho công việc và có ý thức tự điều chỉnh công việc của mình theo những quy định của pháp luật.			
2.	Luật hiến pháp	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về chế độ chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ, chính sách đối ngoại, an ninh quốc phòng của nước Cộng hòa XHCN Việt Nam. Cung cấp cho người học các kiến thức về quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, chế độ bầu cử, cơ cấu tổ chức, hoạt động của các cơ quan trong bộ máy nhà nước, các cơ quan hiến định độc lập. Người học có thể vận dụng những kiến thức được trang bị để phân tích, giải thích, đánh giá các sự kiện và các vấn đề chính trị, kinh tế, văn hóa giáo dục, khoa học, công nghệ mang tính thời sự, đặc biệt là về tổ chức, hoạt động của các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương, các thiết chế hiến định độc lập. Người học vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu các môn khoa học pháp lý chuyên ngành tiếp theo trong chương trình đào tạo; vận dụng những kiến thức đã học vào thực tiễn. Hình thành kỹ năng tìm kiếm, thu thập, tổng hợp và xử lý thông tin từ nhiều nguồn liên quan đến nghiên cứu khoa học pháp lý chuyên ngành. Phân tích, đánh giá các vấn đề lý luận và thực tiễn, đưa ra được ý kiến cá nhân về các vấn đề trong lĩnh vực Luật Hiến pháp. Người học nhận thức được vai trò quan trọng của Luật Hiến pháp	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trong hệ thống pháp luật và từ đó có ý thức nghiên cứu nghiêm túc, khách quan, khoa học trong đánh giá các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến nội dung của môn học.			
3.	Luật hành chính	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: + Lý luận, thực tiễn quản lý hành chính nhà nước và pháp luật về quản lý hành chính nhà nước; + Hình thức, phương pháp quản lý hành chính nhà nước; địa vị pháp lý của các chủ thể trong quan hệ pháp luật hành chính; + Thủ tục hành chính, quyết định hành chính; vi phạm hành chính và xử lý vi phạm hành chính. Giúp người học có khả năng vận dụng pháp luật vào đời sống thực tiễn quản lý hành chính nhà nước; khai thác những văn bản pháp luật về quản lý hành chính nhà nước; biết cách bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp trong quản lý hành chính nhà nước. Người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của môn học ứng dụng vào học tập và cuộc sống của bản thân. Thông qua việc thu nhận được các kiến thức từ học phần này, người học có ý thức tôn trọng pháp luật, tôn trọng các quyết định của chủ thể có thẩm quyền trong quản lý hành chính nhà nước. Đồng thời, có ý thức vận dụng các kiến thức và pháp luật đã học trong cuộc sống và công tác.	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
4.	Lịch sử nhà nước và pháp luật	Cung cấp người học những kiến thức cơ bản, hệ thống về quá trình hình thành, phát triển của nhà nước và pháp luật trên thế giới qua các thời kỳ cổ đại, trung đại, cận đại và hiện đại. Người học thấy được sự	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		kế thừa và phát triển của lịch sử về nhà nước và pháp luật trong tiến trình của nhân loại đồng thời thấy được quá trình hội nhập của Việt Nam, giá trị và những bài học kinh nghiệm trong quá trình toàn cầu hóa hiện nay. Người học hình thành kỹ năng tìm kiếm, thu thập, phân tích, đánh giá các nguồn sử liệu một cách khách quan, khoa học. Người học vừa có kỹ năng làm việc một cách độc lập, vừa có kỹ năng làm việc nhóm một cách linh hoạt, đồng thời biết vận dụng những kiến thức lịch sử để đánh giá những vấn đề trong thực tiễn nhà nước và pháp luật hiện nay. Người học có thái độ tôn trọng, giữ gìn, bảo tồn các giá trị truyền thống về lịch sử về nhà nước và pháp luật trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Người học biết kế thừa những kiến thức chuẩn xác, biết phê phán những quan điểm lạc hậu, giáo điều, đồng thời biết vận dụng kiến thức cho các môn học tiếp theo.			kết thúc học phần 60%
5.	Công pháp quốc tế	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: + Luật ngoại giao, lãnh sự; luật tổ chức quốc tế; + Luật quốc tế về hợp tác đấu tranh phòng chống tội phạm; giải quyết tranh chấp quốc tế và trách nhiệm pháp lý quốc tế. Người học nắm bắt và vận dụng được kiến thức đã học giải quyết các tình huống về Công pháp quốc tế: Dân cư trong Luật quốc tế; lãnh thổ trong Luật quốc tế; luật ngoại giao, lãnh sự; luật tổ chức quốc tế; luật	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		quốc tế về hợp tác đấu tranh phòng chống tội phạm; giải quyết tranh chấp quốc tế và trách nhiệm pháp lý quốc tế. Người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của học phầnứng dụng vào học tập và cuộc sống của bản thân. Đồng thời, người học thấy được vai trò của pháp luật nói chung và pháp luật quốc tế nói riêng trong đời sống xã hội. Trên cơ sở đó, người học vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống cụ thể trong công việc, đóng góp vào việc xây dựng chính sách pháp luật, cũng như nâng cao ý thức thực hiện pháp luật quốc tế. Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật quốc tế với cộng đồng xung quanh.			
6.	Tư pháp quốc tế	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: + Các loại nguồn của tư pháp quốc tế; đặc trưng cơ bản của xung đột pháp luật và cách thức giải quyết xung đột pháp luật; nguyên tắc chọn luật áp dụng trong một số quan hệ cụ thể; các chủ thể của tư pháp quốc tế và quy chế pháp lý của các chủ thể trong quan hệ tư pháp quốc tế; + Giải quyết tranh chấp dân sự quốc tế thông qua tòa án quốc tế và trọng tài quốc tế. Giúp người học có khả năng hình thành tư duy nhận định, phân tích, phản biện các vấn đề trên cơ sở các kiến thức về tư pháp quốc tế. Giúp người học có kĩ năng có kỹ năng thu thập, xử lý thông tin phục vụ cho việc nghiên cứu các tài liệu về tư pháp quốc tế. Thông qua việc thu nhận được các kiến thức từ học phần này, người	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		học có thái độ ứng xử tôn trọng pháp luật. Biết vận dụng kiến thức tư pháp quốc tế để nhận diện các quan hệ về tư pháp quốc tế và cách giải quyết xung đột.			
7.	Luật hình sự	**- Kiến thức:** + Cung cấp cho người học những kiến thức về Luật Hình sự bao gồm: Khái niệm; tội phạm; cấu thành tội phạm; các giai đoạn thực hiện tội phạm; đồng phạm; các căn cứ hợp pháp của hành vi gây thiệt hại; trách nhiệm hình sự; hình phạt; hệ thống hình phạt và các biện pháp tư pháp; quyết định hình phạt và các chế định liên quan đến chấp hành hình phạt. + Nhận diện và phân tích được những dấu hiệu pháp lí đặc trưng của từng tội phạm cụ thể, đồng thời đánh giá được tính chất nguy hiểm của từng loại tội và mức độ nguy hiểm của từng trường hợp phạm tội cụ thể. Chỉ ra được sự giống và khác nhau của các tội phạm đó. **- Kỹ năng:** Hình thành và phát triển được năng lực thu thập, xử lí thông tin, kĩ năng tổng hợp, phân tích, so sánh, hệ thống hoá, bình luận, đánh giá các vấn đề trong luật hình sự. Hình thành và phát triển năng lực tư duy pháp lý; kỹ năng tư vấn pháp luật về hình sự; bình luận được các vụ án hình sự, kỹ năng phân biệt các loại tội phạm; kỹ năng giải quyết các tình huống xảy ra; kỹ năng	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nhận diện các loại tội phạm cụ thể và các hình thức áp dụng hình phạt với các tội phạm đó. **- Thái độ:** Nâng cao kiến thức, trình độ nhận thức luật hình sự cho người học, hình thành tính chủ động sáng tạo và khả năng tự nghiên cứu, cập nhật các văn bản pháp luật hình sự. Giúp người học có được thái độ tuân thủ và vận dụng đúng những quy định của pháp luật về hình sự.			
8.	Luật tố tụng hình sự	+ Hiểu và phân tích được khái niệm, nhiệm vụ, các nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự; xác định và phân biệt được khái niệm các chủ thể khác nhau trong quan hệ pháp luật tố tụng hình sự và địa vị pháp lí của các chủ thể. + Hiểu bản chất, thuộc tính của chứng cứ, các loại chứng cứ và những vấn đề khác có liên quan đến việc chứng minh; phân tích được bản chất, ý nghĩa và căn cứ áp dụng biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế khác, đồng thời nhận diện được các biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế cụ thể. + Xác định và phân tích được thẩm quyền, trình tự, thủ tục và các hoạt động cụ thể trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố vụ án hình sự; căn cứ và nội dung của các quyết định tố tụng trong các giai đoạn này. + Xác định và phân tích được thẩm quyền, trình tự, thủ tục tiến hành các hoạt động tố tụng trong giai đoạn xét xử sơ thẩm; xét xử phúc	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thẩm; xét lại bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm; căn cứ và nội dung của các quyết định tố tụng trong các giai đoạn này; đồng thời nắm được trình tự, thủ tục, chủ thể thi hành bản án và quyết định của toà án. Hình thành và phát triển năng lực tư duy phê phán, giải quyết vấn đề; đồng thời có khả năng nhận diện và xác định đúng tư cách tố tụng của những chủ thể tham gia tố tụng. Có khả năng phân loại, kiểm tra, đánh giá và sử dụng chứng cứ trong việc xác định sự thật của vụ án cụ thể; đồng thời có thể lựa chọn biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế phù hợp để áp dụng với từng đối tượng và trong từng trường hợp cụ thể. Lựa chọn, vận dụng phù hợp các quy định của luật tố tụng hình sự để giải quyết các tình huống cụ thể trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử. Bên cạnh đó có thể lựa chọn những quyết định tố tụng chính xác để giải quyết các tình huống cụ thể. Nâng cao ý thức trách nhiệm về vai trò, sứ mạng của người cán bộ pháp lí trong giai đoạn mới, có tinh thần thượng tôn pháp luật, nhạy bén với cái mới, chủ động thích ứng với thay đổi. Hình thành niềm say mê nghề nghiệp, tư tưởng không ngừng học hỏi, tích cực đổi mới tư duy và cách thức giải quyết những vấn đề pháp lí có căn cứ và hợp pháp.			

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
9.	Văn hóa doanh nghiệp	Nắm được các kiến thức cơ bản của Văn hóa doanh nghiệp như: khái niệm, đặc điểm, vai trò của văn hóa, các yếu tố cấu thành của văn hóa doanh nghiệp, các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và các giai đoạn hình thành văn hóa doanh nghiệp. Hiểu được các biểu hiện của văn hóa doanh nghiệp, các dạng văn hóa doanh nghiệp và các mô hình văn hóa doanh nghiệp Hiểu và vận dụng văn hóa doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh như văn hóa ứng xử trong kinh doanh; đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội; xây dựng và duy trì văn hóa doanh nghiệp Có kỹ năng nghiên cứu và phân tích các vấn đề về văn hóa trong doanh nghiệp. Có kỹ năng vận dụng và lựa chọn các yếu tố, giá trị và mô hình văn hóa trong hoạt động xây dựng và duy trì văn hóa doanh nghiệp phù hợp đặc điểm và môi trường hoạt động của từng loại hình doanh nghiệp. Có kỹ năng thích ứng và hòa nhập với văn hóa của một doanh nghiệp cụ thể. Hiểu và có nhận thức đúng về tầm quan trọng của văn hóa doanh nghiệp từ đó có ý thức học tập, rèn luyện về chuyên môn và các kỹ năng làm việc thích nghi được với môi trường văn hóa doanh nghiệp tại đơn vị sau này. Có nhận thức trong việc rèn luyện các kỹ năng, phẩm chất phù hợp với các giá trị của văn hóa doanh nghiệp nói chung.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
10.	Lịch sử văn minh thế giới	Học phần này trang bị những kiến thức, khái niệm Văn Minh, và kiến thức về các nền văn minh trên thế giới. Học phần này cung cấp cho người học kiến thức về sự hình thành và phát triển của văn minh các nước Bắc Phi và Tây Á; văn minh Ấn Độ,	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Trung Quốc, Khu vực Đông Nam Á, Hy lạp và La mã cổ đại và văn minh Tây Âu thời trung đại. Người học có khả năng áp dụng các tri thức được học vào cuộc sống, học tập, giao tiếp, tự rèn luyện, tự giáo dục để phát triển nhân cách của bản thân			
11.	Luật dân sự 1	- Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh, những nguyên tắc cơ bản của Luật dân sự; các vấn đề về quan hệ pháp luật dân sự. - Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về giao dịch dân sự, đại diện, thời hạn, thời hiệu; tài sản, quyền sở hữu và quyền khác đối với tài sản - Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về thừa kế nói chung, thừa kế theo di chúc, thừa kế theo pháp luật, thanh toán và phân chia di sản Người học có được kỹ năng vận dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống phát sinh trên thực tế liên quan đến giao dịch dân sự, sở hữu, thừa kế. Người học có kỹ năng phân tích, bình luận, đánh giá được các quy định của pháp luật liên quan đến chủ thể quan hệ pháp luật dân sự, giao dịch dân sự, đại diện, thời hạn và thời hiệu, tài sản, sở hữu, thừa kế. Người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của học phầnứng dụng vào học tập và cuộc sống của bản thân. Đồng thời, người học thấy được vai trò của pháp luật nói chung và pháp luật dân sự nói riêng trong đời sống xã hội. Trên cơ sở đó, người học vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống cụ thể trong công việc, đóng góp vào việc xây dựng chính sách pháp luật, cũng như nâng cao	3	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		ý thức thực hiện pháp luật dân sự. Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật dân sự với cộng đồng xung quanh.			
12.	Luật dân sự 2	- Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nghĩa vụ dân sự; các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự; trách nhiệm dân sự do vi phạm nghĩa vụ. - Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hợp đồng nói chung; hợp đồng chuyển quyền sở hữu tài sản; hợp đồng chuyển quyền sử dụng tài sản; hợp đồng có đối tượng là công việc. - Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng nói chung; các trường hợp bồi thường thiệt hại do hành vi của con người gây ra và do tài sản gây ra. - Người học có được kỹ năng vận dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống phát sinh trên thực tế liên quan đến nghĩa vụ, hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. - Người học có kỹ năng phân tích, bình luận, đánh giá được các quy định của pháp luật liên quan đến nghĩa vụ, hợp đồng và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng. Người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của học phầnứng dụng vào học tập và cuộc sống của bản thân. Đồng thời, người học thấy được vai trò của pháp luật nói chung và pháp luật dân sự nói riêng trong đời sống xã hội. Trên cơ sở đó, người học vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống cụ thể trong công việc, đóng góp vào việc xây dựng chính sách pháp luật, cũng như nâng cao ý thức thực hiện pháp luật về các vấn đề xã hội. Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về các vấn đề xã hội với cộng đồng xung quanh.	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
13.	Luật tố tụng dân sự	- Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm, nhiệm vụ, nguồn của luật tố tụng dân sự; khái niệm, thành phần chủ thể của quan hệ pháp luật tố tụng dân sự và địa vị pháp lí của các chủ thể trong tố tụng dân sự; các nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng dân sự; xác định được các loại vụ việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của toà án, thẩm quyền của toà án đối với quyết định cá biệt của cơ quan, tổ chức khác; việc phân định thẩm quyền giữa các toà án theo cấp và theo lãnh thổ; nắm được khái niệm chứng minh, đối tượng chứng minh, phương tiện chứng minh và các hoạt động chứng minh; khái niệm, thuộc tính của chứng cứ, các loại chứng cứ trong tố tụng dân sự; nắm được khái niệm, bản chất, ý nghĩa và căn cứ áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và nhận diện được các biện pháp khẩn cấp tạm thời cụ thể; - Trang bị cho người học khái niệm, bản chất và ý nghĩa của án phí, lệ phí; các loại án phí, lệ phí và nguyên tắc xác định người phải chịu án phí, lệ phí và các chi phí về tố tụng; nhận thức được trình tự, thủ tục giải quyết các vụ việc dân sự tại toà án. - Trang bị cho người học phân biệt được sự khác nhau giữa trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự với trình tự, thủ tục giải quyết việc dân sự. Yêu cầu người học vận dụng được các quy định của pháp luật để thực hiện được một số công việc của cán bộ tư pháp và bổ trợ tư pháp; thực hiện được công tác nghiên cứu khoa học pháp lí về luật tố tụng dân sự; phát triển kĩ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng. Thông qua việc thu nhận được các kiến thức từ học phần này, người học nâng cao ý thức trách nhiệm về vai trò, sứ mạng của người cán bộ pháp lí trong giai đoạn mới; luôn nhạy bén với cái mới, chủ động	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thích ứng với thay đổi. Hình thành niềm say mê nghề nghiệp, tư tưởng không ngừng học hỏi, tích cực đổi mới tư duy và cách thức giải quyết những vấn đề pháp lí.			
14.	Luật kinh tế	+ Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về địa vị pháp lý của các chủ thể kinh doanh; + Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về pháp luật về giải quyết tranh chấp kinh doanh; pháp luật về phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. + Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về pháp luật về giải quyết tranh chấp kinh doanh; pháp luật về phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Giúp người học có khả năng vận dụng được kiến thức đã học giải quyết các tình huống nảy sinh trong thực tiễn kinh doanh liên quan đến địa vị pháp lý các chủ thể kinh doanh; giải quyết các tình huống liên quan đến phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã; giải quyết tranh chấp kinh doanh phát sinh trong quá trình thành lập, hoạt động của doanh nghiệp. Giúp người học có kỹ năng bình luận, đánh giá các quy định của pháp luật thực định nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng; có kỹ năng thuyết trình về một vấn đề của pháp luật kinh tế; có kỹ năng điều hành hoạt động nhóm, tham gia hoạt động nhóm. Người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của môn học ứng dụng vào học tập và cuộc sống của bản thân. Hình thành nhận thức và thái độ đúng đắn về quyền tự do kinh doanh của tổ chức, cá nhân trong nền kinh tế thị trường. Đồng thời, người học cũng thấy được vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội, biết cách tra cứu và tự cập nhật các văn bản pháp luật để phục vụ cho công việc, từ đó nâng cao ý thức	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thực hiện pháp luật, tuyên truyền ý thức thực hiện pháp luật với cộng đồng.			
15.	Luật kinh tế nâng cao	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hành vi thương mại và thương nhân, những kiến thức cơ bản về mua bán hàng hóa và cung ứng dịch vụ thương mại nói chung; Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về pháp luật về trung gian thương mại, pháp luật về xúc tiến thương mại, pháp luật về logistics; Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về pháp luật về đấu giá hàng hóa, dịch vụ, đấu thầu hàng hóa, dịch vụ, pháp luật về một số hoạt động thương mại khác cũng như chế tài thương mại. Làm cho người học có kỹ năng hân tích, tìm ra, tra cứu và sử dụng được các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống nảy sinh trong thực tiễn kinh doanh; Vận dụng kiến thức về hoạt động thương mại của thương nhân và chế tài thương mại để tư vấn đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong thương mại, tư vấn giải quyết các tranh chấp phát sinh từ hợp đồng thương mại; Vận dụng kiến thức về thương mại và giải quyết tranh chấp thương mại để tham gia trực tiếp vào việc giải quyết tranh chấp thương mại; Bình luận, đánh giá các quy định của pháp luật thực định nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng. Làm cho người học hình thành nhận thức và thái độ đúng đắn về quyền tự do hợp đồng, quyền tự do hoạt động thương mại của tổ chức, cá nhân; Hình thành được thái độ khách quan đối với những chế tài trong thương mại khi các bên vi phạm pháp luật thương mại.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
16.	Luật lao động	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về pháp luật lao động như: khái quát chung; việc làm, học nghề; hợp đồng lao động; đối thoại tại nơi làm việc, thương lượng tập thể, thỏa ước lao động tập	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thể; tiền lương; thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi; an toàn vệ sinh lao động;kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất; tranh chấp lao động, đình công; xử lý vi phạm pháp luật lao động. Người học vận dụng được kiến thức đã học để làm kiến thức cần thiết trong quá trình thực hiện các công việc sau khi ra trường; có khả năng soạn thảo hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, xử lý các tình huống liên quan đến quan hệ lao động. Đồng thời, người học có kỹ năng thuyết trình về một vấn đề của luật lao động; có kỹ năng điều hành hoạt động nhóm, tham gia hoạt động nhóm; người học biết cách tra cứu và tự cập nhật các văn bản pháp luật để phục vụ cho công việc. Người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của môn học, có thể ứng dụng vào học tập và cuộc sống của bản thân. Đồng thời, người học thấy được vai trò của pháp luật lao động trong đời sống xã hội, từ đó nâng cao ý thức thực hiện pháp luật lao động; tuyên truyền ý thức thực hiện pháp luật laođộng với cộng đồng xung quanh. Có ý thức tự điều chỉnh công việc của mình theo những quy định của pháp luật lao động			kết thúc học phần 60%
17.	Luật lao động nâng cao	Trang bị cho người học có những kiến thức cơ bản về Luật Lao động, bao gồm: Cho thuê lại lao động; lao động đặc thù (lao động nữ, lao động chưa thành niên, người lao động cao tuổi, lao động là người khuyết tật); lao động giúp việc gia đình; người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam; người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Sau khi kết thúc quá trình nghiên cứu, người học biết cách tìm kiếm, vận dụng các kiến thức pháp lý về lĩnh vực luật lao động để thực hiện các công việc chuyên môn tương ứng với yêu cầu đào tạo, bao gồm: Tư vấn cho các đối tượng là người sử dụng lao động, người lao động,	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		cá nhân và tổ chức khác về các vấn đề thông dụng trong lĩnh vực luật lao động đối với một số lĩnh vực đặc thù; soạn thảo các văn bản thông dụng trong lĩnh vực lao động như: hợp đồng cho thuê lại lao động, hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng...; tham gia giải quyết các vụ việc thông thường trong lĩnh vực lao động; tham gia vào các hoạt động xây dựng chính sách - pháp luật lao động. Người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của học phần ứng dụng vào học tập và cuộc sống của bản thân; thấy được vai trò của pháp luật lao động trong đời sống xã hội, từ đó chấp hành đúng pháp luật lao động; có nhận thức, xử sự đúng đắn khi tham gia quan hệ lao động; tôn trọng và tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật lao động khi thực hiện các công việc chuyên môn.			
18.	Luật ngân hàng	- Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản ngân hàng và hoạt động ngân hàng, địa vị pháp lý của Ngân hàng nhà nước Việt Nam và các tổ chức tín dụng. - Trang bị cho người học những kiến thức pháp luật cơ bản về huy động vốn, cấp tín dụng của các tổ chức tín dụng; - Trang bị cho người học những kiến thức pháp luật cơ bản về dịch vụ thanh toán và hoạt động ngoại hối Người học có được kỹ năng vận dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống phát sinh trên thực tế liên quan đến hoạt động ngân hàng. Người học có kỹ năng phân tích, bình luận, đánh giá được các quy định của pháp luật liên quan đến ngân hàng và hoạt động ngân hàng. Người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của học phần ứng dụng vào học tập và cuộc sống của bản thân. Đồng thời, người học	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thấy được vai trò của pháp luật nói chung và pháp luật ngân hàng nói riêng trong đời sống xã hội. Trên cơ sở đó, người học vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống cụ thể trong công việc, đóng góp vào việc xây dựng chính sách pháp luật, cũng như nâng cao ý thức thực hiện pháp luật ngân hàng. Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật ngân hàng với cộng đồng xung quanh.			
19.	Luật đất đai	Trang bị cho người học khái niệm, bản chất đặc thù, nội dung của các quan hệ pháp luật đất đai; nắm được nội dung các chế định sở hữu toàn dân về đất đai; chế định quản lý nhà nước về đất đai; tài chính đất đai và giá đất; Trang bị cho người học những kiến thức về chế độ pháp lý sử dụng đất; các quy định về giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất; Trang bị cho người học những kiến thức vềnhững vấn đề pháp lý về giải quyết tranh chấp đất đai, khiếu nại, tố cáo về đất đai; thanh tra đề pháp lý về giải quyết tranh chấp đất đai, Người học nắm bắt và vận dụng được kiến thức đã học giải quyết các tình huống về nội dung của các quan hệ pháp luật đất đai; các chế định sở hữu toàn dân về đất đai; chế định quản lý nhà nước về đất đai; tài chính đất đai và giá đất; chế độ pháp lý sử dụng đất; các quy định về giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; quyền và nghĩa vụ của người sử dụng đất; những vấn đề pháp lý về giải quyết tranh chấp đất đai, khiếu nại, tố cáo về đất đai; thanh tra đề pháp lý về giải quyết tranh chấp đất đai, Người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của học phần ứng	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dụng vào học tập và cuộc sống của bản thân. Đồng thời, người học thấy được vai trò của pháp luật nói chung và Luật đất đai nói riêng trong đời sống xã hội. Trên cơ sở đó, người học vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống cụ thể trong công việc, đóng góp vào việc xây dựng chính sách pháp luật, cũng như nâng cao ý thức thực hiện pháp luật về đất đai. Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về đất đai với cộng đồng xung quanh.			
20.	Luật môi trường	Trang bị cho người học nhữngkhái niệm cơ bản về môi trường thuộc các lĩnh vực: Kỹ thuật môi trường, địa môi trường, kinh tế môi trường... tạo cơ sở khoa học cho việc tiếp cận ở mức có thể hiểu và áp dụng được các văn bản pháp quy kỹ thuật; Trang bị cho người học những kiến thức về mối quan hệ giữa khoa học pháp lý về môi trường với các khoa học khác về môi trường; thấy được cơ sở hình thành, định nghĩa luật môi trường, đối tượng và phương pháp điều chỉnh của luật môi trường; Trang bị cho người học những kiến thức vềcác nguyên tắc của Luật Môi trường, nguồn và cấu trúc nguồn của luật môi trường; hiểu được nội dung Luật Môi trường và mối liên hệ giữa các nội dung của Luật Môi trường. Giúp người học có khả năng đọc hiểu và áp dụng các quy phạm pháp luật môi trường, cũng như kỹ năng tìm kiếm văn bản pháp luật Việt Nam và các văn bản pháp lý quốc tế về môi trường; kỹ năng phân tích, đánh giá các quy định của pháp luật môi trường và hệ thống văn bản pháp luật môi trường. Người học có thái độ đúng đắn trong xử sự với môi trường; tôn trọng các quy định của pháp luật về môi trường; có ý thức trong việc bảo vệ và bảo đảm thực hiện quyền được sống trong môi trường trong lành.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
21.	Tâm lý học lao động	Sinh viên trình bày được những vấn đề lý luận cơ bản về các vấn đề về tâm lý học lao động: khái niệm, các hiện tượng tâm lý nảy sinh trong quá trình lao động, các phương pháp lãnh đạo và quản lý tập thể… Biết cách phát hiện, phân tích các hiện tượng tâm lý trong hoạt động lao động của con người Vận dụng các lý luận về tâm lý vào hoạt động thực hành và quản lý lao động trong việc tạo ra các môi trường thuận lợi nhằm nâng cao hiệu quả lao động Sinh viên hợp tác, quan tâm và tôn trọng các thành viên khác trong tập thể khi thực hiện các hoạt động lao động	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
22.	Kỹ năng giao tiếp	- Trang bị kiến thức lý luận về kỹ năng giao tiếp, đặc trưng cơ bản và liệt kê được tên các yếu tố tham gia vào quá trình giao tiếp, qua đó nắm rõ bản chất xã hội của hoạt động giao tiếp, các hình thức khi giao tiếp - Trang bị cho sinh viên những kiến thức về những kỹ năng, nguyên tắc giao tiếp cơ bản - Vận dụng và rèn luyện các kỹ năng vào cuộc sống: tự nhận thức bản thân đúng đắn, thuyết trình trước đám đông, quan sát, lắng nghe, phản hồi và đặt câu hỏi khi giao tiếp… - Hình thành ở sinh viên cách thức tổ chức các hoạt động giao tiếp, lạc quan khi nhìn nhận con người, về các mối quan hệ người - người và về chính bản thân mình đối với những biểu hiện đa dạng của đời sống tâm lý con người - Tuân thủ pháp luật, tuân thủ các quy định chung của Nhà trường và các quy định riêng của học phần do giảng viên phụ trách đưa ra.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
23.	Luật thuế và kế toán	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản của pháp luật về thuế như: Quản lý thuế, thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu nhập khẩu, thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tài nguyên, thuế sử dụng đất nông nghiệp, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp; Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản của pháp luật về kế toán và công tác nghiệp vụ của kế toán, bộ máy kế toán Người học có thể vận dụng những kiến thức được trang bị để phân tích, giải quyết các tình huống thực tế xảy ra khi vi phạm pháp luật thuế và kế toán. Người học vận dụng được kiến thức đã học để thực hiện các công việc sau khi ra trường; có khả năng thực hiện các nghiệp vụ về thuế, kế toán, xử lý các tình huống liên quan đến các luật về thuế và luật về kế toán, tránh những rủi ro, sai lầm trong quá trình thực hiện nghiệp vụ. Bên cạnh đó, người học biết cách tra cứu và tự cập nhật các văn bản pháp luật về thuế và kế toán để phục vụ cho công việc. Đồng thời, người học có kỹ năng thuyết trình, tham mưu những vấn đề thuộc lĩnh vực thuế, kế toán; có kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ về thuế và kế toán đúng quy định của pháp luật như khai thuế, nộp thuế, lập sổ kế toán, báo cáo tài chính... Người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của môn học ứng dụng vào học tập và cuộc sống của bản thân. Người học có thái độ chấp hành tốt pháp luật về thuế và kế toán của nhà nước, áp dụng chuẩn xác trong công việc của bản thân. Đồng thời, người học thấy được vai trò của pháp luật thuế và kế toán trong đời sống xã hội, từ đó nâng cao ý thức pháp luật khi tham gia quan hệ pháp luật thuế và kế toán, tuyên truyền ý thức thực hiện pháp luật thuế và kế toán với	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		mọi người xung quanh.			
24.	Pháp luật về các vấn đề xã hội	- Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản của pháp luật về các vấn đề xã hội, pháp luật về lao động, việc làm. - Pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng, pháp luật về trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật. - Pháp luật về phòng, chống mại dâm, ma túy, mê tín dị đoan và xử lý đánh bạc trái phép. Người học nắm bắt và vận dụng được kiến thức đã học giải quyết các vấn đề về lao động - việc làm; thực thi chính sách, pháp luật ưu đãi đối với người có công với cách mạng; thực hiện pháp luật về trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật; vận dụng các quy định pháp luật vào giải quyết các vấn đề xã hội như mại dâm, ma túy, mê tín, dị đoan, đánh bạc trái phép. Người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của học phầnứng dụng vào học tập và cuộc sống của bản thân. Đồng thời, người học thấy được vai trò của pháp luật nói chung và pháp luật về các vấn đề xã hội nói riêng trong đời sống xã hội. Trên cơ sở đó, người học vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống cụ thể trong công việc, đóng góp vào việc xây dựng chính sách pháp luật, cũng như nâng cao ý thức thực hiện pháp luật về các vấn đề xã hội. Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về các vấn đề xã hội với cộng đồng xung quanh.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
25.	Luật thương mại quốc tế	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về thương mại quốc tế; Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản vềđặc trưng pháp lý của các hoạt động thương mại dịch vụ, quyền sở hữu trí tuệ, bảo vệ	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		môi trường, hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế, vận tải quốc tế, bảo hiểm hàng hóa bằng vận tải đường biển quốc tế; Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản vềvề tranh chấp thương mại quốc tế và các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế. Giúp người học có khả năngvà phát triển năng lực thu thập thông tin, kĩ năng tổng hợp, hệ thống hoá các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kĩ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề của luật thương mại quốc tế; Người học cũng phải nắm được một số kĩ năng tìm, tra cứu và sử dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống nảy sinh trong thực tiễn kinh doanh. Người học vận dụng kiến thức về hoạt động thương mại của thương nhân và chế tài thương mại để tư vấn đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong thương mại quốc tế. Người học cũng phải áp dụng kiến thức về hoạt động thương mại của thương nhân và chế tài thương mại để tư vấn giải quyết các tranh chấp phát sinh từ hợp đồng mua bán hàng hóa quốc tế. Người học phải có kỹ năng bình luận, đánh giá các quy định của pháp luật thực định nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng. Thông qua việc tiếp nhận các kiến thức từ học phần này, người học hình thành nhận thức và thái độ đúng đắn về quyền tự do hợp đồng, quyền tự do hoạt động thương mại của tổ chức, cá nhân trong quan hệ pháp luật thương mại quốc tế. Người học có thái độ khách quan đối với những phương thức giải quyết tranh chấp thương mại khác nhau, đặc biệt là các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại quốc tế bằng con đường trọng tài			

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
26.	Luật sở hữu trí tuệ	- Trang bị những kiến thức chung về sở hữu trí tuệ và luật sở hữu trí tuệ (bao gồm các quy định của Việt Nam và các Hiệp định, Công ước mà Việt Nam có tham gia). - Trang bị kiến thức về quyền tác giả và quyền liên quan; quyền sở hữu công nghiệp; quyền đối với giống cây trồng - Trang bị kiến thức về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Giúp người học hình thành và phát triển năng lực tư duy pháp; kỹ năng tư vấn luật sở hữu trí tuệ; kỹ năng tư vấn, soạn thảo hợp đồng có liên quan đến chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ; kỹ năng giải quyết tranh chấp về sở hữu trí tuệ; kỹ năng xử lý các vi phạm trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ. Tạo cho người học có được thái độ tuân thủ và vận dụng đúng những quy định của luật sở hữu trí tuệ vào công việc thực tế. Giải quyết các vấn đề luật sở hữu trí tuệ. Có thái độ tích cực trong việc bảo vệ các tài sản trí tuệ của bản thân và tôn trong các tài sản trí tuệ của cá nhân, tổ chức khác.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
27.	Pháp luật về bảo hiểm	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về bảo hiểm và pháp luật về bảo hiểm như: pháp luật về bảo hiểm xã hội, pháp luật về bảo hiểm y tế, pháp luật về bảo hiểm thất nghiệp, pháp luật về kinh doanh bảo hiểm. Qua đó, người học nắm bắt, hiểu và biết đánh giá một cách khoa học các vấn đề cơ bản của pháp luật về bảo hiểm để có thể vận dụng vào công việc thực tế. Sau khi kết thúc quá trình học tập, nghiên cứu, người học biết cách tìm kiếm, vận dụng các kiến thức pháp lý về lĩnh vực bảo hiểm để thực hiện các công việc chuyên môn tương ứng với yêu cầu đào tạo, bao gồm: Tư vấn cho các đối tượng là cá nhân và tổ chức về các vấn	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đề thông dụng trong lĩnh vực bảo hiểm; tham gia giải quyết các vụ việc thông thường trong lĩnh vực bảo hiểm; tham gia vào các hoạt động xây dựng chính sách, pháp luật về bảo hiểm. Người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của học phần ứng dụng vào học tập và cuộc sống của bản thân; thấy được vai trò của pháp luật về bảo hiểm trong đời sống xã hội; chấp hành đúng pháp luật về bảo hiểm; có nhận thức, xử sự đúng đắn khi tham gia quan hệ pháp luật bảo hiểm; tôn trọng và tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật về bảo hiểm khi thực hiện các công việc chuyên môn.			
28.	Kỹ năng xử lý công việc hành chính	Trang bị cho người học có những kiến thức chung về xử lý công việc hành chính, về những yêu cầu đặt ra đối với việc giải quyết một số công việc trong lĩnh vực hành chính. Trang bị một số kỹ năng nghề nghiệp cho người học có định hướng sau khi tốt nghiệp (kỹ năng soạn thảo và quản lý văn bản, kỹ năng quản lý hồ sơ, kỹ năng quản lý công việc, kỹ năng giao tiếp trong công việc hành chính). Người học vận dụng được kiến thức đã học để hoàn thiện những kiến thức đã được học áp dụng vào công việc sau này. Người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của môn học ứng dụng vào học tập và cuộc sống của bản thân; thấy được vai trò của các kỹ năng xử lý công việc để từ đó nâng cao ý thức trong việc hoàn thiện năng lực chuyên môn của mình.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
29.	Kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại	Trang bị cho người học những hiểu biết toàn diện về hoạt động giải quyết tranh chấp thương mại, hiểu rõ quy định về các nguyên tắc, kỹ năng và quy trình giải quyết tranh chấp bằng hình thức thương lượng. Nắm rõ những quy định về các nguyên tắc, kỹ năng và quy trình giải quyết tranh chấp bằng hình thức hoà giải thương mại, các quy định về các nguyên tắc, kỹ năng và quy trình giải quyết tranh chấp bằng hình	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thức trọng tài thương mại; hiểu rõ quy định về các nguyên tắc, kỹ năng và quy trình giải quyết tranh chấp tại toà án. Tìm kiếm và sử dụng các quy định của pháp luật để giải quyết những tình huống; cơ bản hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hoá các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kĩ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề; thành thạo một số kỹ năng tìm, tra cứu và sử dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống nảy sinh trong thực tiễn giải quyết tranh chấp thương mại; vận dụng kiến thức, rèn luyện kỹ năng lựa chọn hình thức giải quyết tranh chấp phù hợp; vận dụng kiến thức đã học để có thể tư vấn quy trình, thủ tục, giải quyết tranh chấp thương mại; có kỹ năng bình luận, đánh giá các quy định pháp luật thực định nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng. Người học tự tin và nâng cao các kỹ năng trong quá trình tham gia giải quyết tranh chấp trong thương mại; người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của môn học ứng dụng vào học tập			
30.	Pháp luật về chứng khoán và Thị trường chứng khoán	Trang bị cho người học kiến thức về thị trường chứng khoán. Người học hiểu và nắm được một số khái niệm cơ bản trong lĩnh vực pháp luật chứng khoán; nhận diện được bản chất, đặc thù của các quan hệ pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán; nắm được nội dung cơ bản của các văn bản pháp luật hiện hành điều chỉnh trong lĩnh vực chứng khoán. Người học có kỹ năng sử dụng các quy định của pháp luật để giải quyết những tình huống cơ bản, điển hình trong lĩnh vực chứng khoán và hoạt động của thị trường chứng khoán; người học có khả năng sử dụng kiến thức pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán phục vụ cho công việc học tập của mình.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Giúp cho người học tự tin trước những kiến thức pháp lý trong lĩnh vực này. Người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của môn học ứng dụng vào học tập và cuộc sống của bản thân.			
31.	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	Trang bị cho người học kiến thức cơ bản về thị trường bất động sản và pháp luật về kinh doanh bất động sản. Trang bị cho người học những vấn đề pháp lý vềquyền kinh doanh quyền sử dụng đất và kinh doanh nhà ở, công trình xây dựng; kinh doanh dịch vụ bất động sản; pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh bất động sản. Trang bị cho người học những kiến thức quản lý nhà nước về kinh doanh bất động sản. Người học nắm bắt và vận dụng được kiến thức đã học giải quyết các tình huống về nội dung của cơ bản về thị trường bất động sản và pháp luật về kinh doanh bất động sản; những vấn đề pháp lý về quyền kinh doanh quyền sử dụng đất và kinh doanh nhà ở, công trình xây dựng; kinh doanh dịch vụ bất động sản; pháp luật về hợp đồng trong kinh doanh bất động sản; những kiến thức quản lý nhà nước về kinh doanh bất động sản. Người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của học phần ứng dụng vào học tập và cuộc sống của bản thân. Đồng thời, người học thấy được vai trò của pháp luật nói chung và Pháp luật về kinh doanh bất động sản nói riêng trong đời sống xã hội. Trên cơ sở đó, người học vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống cụ thể trong công việc, đóng góp vào việc xây dựng chính sách pháp luật, cũng như nâng cao ý thức thực hiện pháp luật về kinh doanh bất động sản. Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về kinh doanh	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		bất động sản với cộng đồng xung quanh.			
32.	Pháp luật về xuất nhập khẩu	Trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về hoạt động xuất nhập khẩu, pháp luật về xuất nhập khẩu và những quy trình, thủ tục có liên quan khi tiến hành các hoạt động xuất nhập khẩu. Trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, thủ tục hải quan, các phương thức thanh toán trong xuất nhập khẩu. Người học có thể vận dụng những kiến thức được trang bị để phân tích, giải quyết các tình huống thực tế xảy ra khitiếp xúc với các hoạt động xuất nhập khẩu. Người học vận dụng được kiến thức đã học để thực hiện các công việc sau khi ra trường; có khả năng thực hiện các nghiệp vụ về hoạt động xuất nhập khẩu. Bên cạnh đó, người học biết cách tra cứu và tự cập nhật các văn bản pháp luật về xuất, nhập khẩu để phục vụ cho công việc. Đồng thời, người học có kỹ năng thuyết trình, tham mưu những vấn đề thuộc lĩnh vực xuất, nhập khẩu; có kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ về xuất nhập khẩu đúng quy định của pháp luật. Người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của môn học ứng dụng vào học tập và cuộc sống của bản thân, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và nhà nước. Đồng thời, người học thấy được vai trò quan trọng của pháp luật xuất nhập khẩuđối với nền kinh tế của đất nước, nâng cao ý thức thực hiện pháp luật của bản thân.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
33.	Pháp luật về bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng	Trang bị cho người học có những kiến thức cơ bản về pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (các thiết chế bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, hệ thống cơ quan tài phán bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, tổ chức, xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đối với người tiêu	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dùng, chế tài xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, phương thức giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng với tổ chức, cá nhân kinh doanh). Yêu cầu người học hình thành tư duy nhận định, phân tích, phản biện các vấn đề trên cơ sở các kiến thức về pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; có kỹ năng thu thập, xử lý thông tin phục vụ cho việc nghiên cứu các tài liệu về pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Đồng thời, người học biết cách tra cứu và tự cập nhật các văn bản pháp luật để phục vụ cho công việc. Người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của môn học ứng dụng vào học tập và cuộc sống của bản thân; thấy được vai trò của pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, từ đó nâng cao ý thức thực hiện pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, tuyên truyền ý thức thực hiện pháp luật với cộng đồng xung quanh. Có ý thức tự điều chỉnh công việc của mình theo những quy định của pháp luật			
34.	Pháp luật về thanh toán quốc tế	+ Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về thanh toán quốc tế; + Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản vềđặc trưng pháp lý của các quy định pháp luật và tập quán quốc tế về thanh toán quốc tế bao gồm hối đoái và các nghiệp vụ hối đoái, các phương tiện thanh toán quốc tế, các phương thức thanh toán quốc tế và các điều kiện thanh toán quốc tế được điều chỉnh bởi pháp luật có liên quan. Giúp người học có kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học để phân tích và thực hiện các nghiệp vụ thanh toán quốc tế trong thương mại quốc tế; Giúp người học có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào các học phần tiếp theo và các công việc thực tiễn; Giúp người học có các kỹ năng thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, kỹ năng so	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề về thương mại quốc tế; Giúp người học có kỹ năng đàm phán, lựa chọn phương thức, công cụ thanh toán thích hợp trong hoạt động, giao dịch tiền tệ và ngoại thương. Thông qua việc tiếp nhận các kiến thức từ học phần này, người học người học có nhận thức đúng, nghiêm túc và khách quan trong việc nhìn nhận được vai trò quan trọng của thanh toán quốc tế đối nền kinh tế xã hội và đối với các giao dịch hoặc hoạt động kinh doanh của các chủ thể; Người học có ý thức nghiên cứu khoa học trong các vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến thanh toán quốc; có định hướng tích lũy kiến thức chuyên môn cho nghề nghiệp về sau ngay từ khi còn là sinh viên; đồng thời, người học biết cách tra cứu và tự cập nhật các văn bản pháp luật để phục vụ cho công việc và có ý thức tự điều chỉnh công việc của mình theo những quy định của pháp luật.			
35.	Luật hôn nhân và gia đình	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và cần thiết trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình như: Khái niệm hôn nhân, khái niệm gia đình, các nguyên tắc cơ bản của Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam. Trang bị cho người học những kiến thức cụ thể về: kết hôn; điều kiện kết hôn; nghĩa vụ và quyền của vợ chồng; quan hệ pháp luật giữa cha mẹ và con; cấp dưỡng giữa các thành viên trong gia đình; ly hôn; quan hệ hôn nhân gia đình có yếu tố nước ngoài; nuôi con nuôi có yếu tố nước ngoài. Hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá, xử lý các tình huống trong thực tế dựa trên các kiến thức đã được lĩnh hội; có phương pháp và kỹ năng để giải quyết các tranh chấp trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình. Người học có kỹ năng tư vấn, hòa giải tốt trong thực tế, sử dụng thành thục ngôn ngữ luật học trong công việc có liên quan.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Người học có thái độ tôn trọng, giữ gìn giá trị bền vững của gia đình, biết phát huy những truyền thống tốt đẹp khi đặt mình trong vai trò của cha mẹ, vợ chồng, con cái, đồng thời biết phản đối, bài trừ những hủ tục, những quan điểm lạc hậu trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình.			
36.	Kỹ năng nghề luật	Trang bị cho người học có những kiến thức chung về hành nghề luật, những yêu cầu đặt ra đối với hành nghề luật và đạo đức nghề nghiệp của người hành nghề luật Người học có kỹ năng đàm phán, soạn thảo, giao kết hợp đồng, kỹ năng tư vấn pháp luật, kỹ năng tranh tụng. Người học vận dụng được kiến thức đã học để làm kiến thức nền nghiên cứu một số môn học luật chuyên ngành trong chương trình đào tạo. Người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của môn học ứng dụng vào học tập và cuộc sống của bản thân; có kiến thức chung về hành nghề luật, những yêu cầu đặt ra đối với hành nghề luật và đạo đức nghề nghiệp của người hành nghề luật. Người học biết cách tra cứu và tự cập nhật các văn bản pháp luật để phục vụ cho công việc và có ý thức tự điều chỉnh công việc của mình theo những quy định của pháp luật.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
37.	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo hợp đồng	- Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về đàm phán, soạn thảo hợp đồng nói chung. - Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về đàm phán, soạn thảo hợp đồng trong dân sự, hợp đồng trong thương mại. - Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về đàm phán, soạn thảo hợp đồng lao động. Giúp người học hình thành cho mình một số kỹ năng cơ bản về đàm phán như kỹ năng chuẩn bị đàm phán, tiến hành đàm phán và kết thúc	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đàm phán; kỹ năng soạn thảo một số hợp đồng dân sự thông thường, một số hợp đồng trong thương mại và hợp đồng lao động. Giúp người học có thái độ ứng xử tôn trọng pháp luật nói chung và pháp luật về hợp đồng nói riêng. Đồng thời, người học biết cách tra cứu và tự cập nhật các văn bản pháp luật để phục vụ cho công việc và có ý thức tự điều chỉnh công việc của mình theo những quy định của pháp luật.			
38.	Thực tập cuối khóa	Học phần này nhằm củng cố các kiến thức về chuyên ngành luật kinh tế đã được học để vận dụng vào thực tiễn. Giúp người học đánh giá được thực trạng hoạt động của đơn vị thực tập, thực tiễn thực hiện pháp luật của đơn vị thực tập. Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng phân tích, tổng hợp áp dụng những kiến thức của các học phần đã được học vào thực tiễn hoạt động của đơn vị thực tập nhằm giải quyết các công việc cụ thể. Đạt được các kỹ năng làm việc độc lập như lập kế hoạch công việc, quản lý thời gian, soạn thảo văn bản, giải quyết vấn đề. Có kỹ năng phối hợp trong công việc như làm việc nhóm, hợp tác với đồng nghiệp để đạt mục tiêu, nhiệm vụ chung. Có thái độ nghiêm túc, khách quan và khoa học trong công việc. Có ý thức tổ chức kỷ luật; tôn trọng và tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật khi thực hiện các công việc chuyên môn. Có định hướng tích lũy kiến thức chuyên môn cho nghề nghiệp trong tương lai ngay từ khi còn là sinh viên.	4	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
39.	Xây dựng văn bản pháp luật	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: + Ngôn ngữ, hình thức, nội dung văn bản pháp luật; + Soạn thảo một số văn bản pháp luật điển hình; đánh giá tác động xã hội trong văn bản pháp luật.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Giúp người học có kỹ năng nhận diện về: Thẩm quyền giải quyết công việc của chủ thể ban hành văn bản pháp luật. Hình thức văn bản pháp luật phù hợp (để ban hành). Các dạng khiếm khuyết của văn bản pháp luật (để xử lí). Giúp người học có kỹ năng soạn thảo văn bản pháp luật: Kĩ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm và sử dụng công nghệ thông tin phục vụ việc tra cứu và soạn thảo văn bản pháp luật. Người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của học phần ứng dụng vào học tập và cuộc sống của bản thân. Đồng thời, người học thấy được vai trò của văn bản pháp luật và hoạt động xây dựng văn bản pháp luật trong quản lí nhà nước. Trên cơ sở đó, người học vận dụng những kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống cụ thể trong công việc, đóng góp vào việc xây dựng chính sách pháp luật, cũng như nâng cao ý thức thực hiện pháp luật. Tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật với cộng đồng xung quanh.			kết thúc học phần 60%
40.	Kỹ năng tư vấn hợp đồng trong lao động	Trang bị cho người học các kiến thức về tư vấn, kĩ năng tư vấn hợp hợp đồng trong lao động bao gồm: khái quát chung về tư vấn hợp đồng trong lao động; kỹ năng tư vấn hợp đồng thử việc, hợp đồng lao động, hợp đồng cho thuê lại lao động, hợp đồng đào tạo nghề, hợp đồng đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng lao động Người học có kĩ năng sưu tầm, hệ thống và tra cứu văn bản có liên quan đến các tình huống trong lao động; Có kỹ năng soạn thảo các hợp đồng trong lao động đúng về nội dung và hình thức; Có kỹ năng soạn thảo các văn bản hành chính có liên quan đến tư vấn hợp động đồng trong lao động; Có kỹ năng giao tiếp và tư vấn trực tiếp hoặc gián tiếp như qua điện thoại, thư tín, email v…v…	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Thông qua việc thu nhận được các kiến thức từ học phần này, người học có thái độ ứng xử tôn trọng pháp luật, tôn trọng người có nhu cầu tư vấn			
41.	Pháp luật về tài chính doanh nghiệp	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản của pháp luật về vốn, tài sản, lợi nhuận của doanh nghiệp. Người học có thể vận dụng những kiến thức được trang bị để phân tích, giải quyết các tình huống thực tế xảy ra khi thực hiện các hoạt động về tài chính doanh nghiệp. Người học hình thành và phát triển được tư duy nhận định, phân tích, năng lực thu thập thông tin, kĩ năng tổng hợp, hệ thống hoá các vấn đề trên cơ sở các kiến thức của pháp luật về tài chính doanh nghiệp; kĩ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề tài chính doanh nghiệp; Người học thành thạo một số kĩ năng tìm, tra cứu và sử dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống nảy sinh trong thực tiễn kinh doanh; Thông qua việc thu nhận được các kiến thức từ học phần này, người học hình thành nhận thức và thái độ đúng đắn về tài chính doanh nghiệp, từ đó có thái độ ứng xử tôn trọng pháp luật, biết vận dụng kiến thức về tài chính doanh nghiệp để quản lý doanh nghiệp theo đúng quy định pháp luật và thực hiện đầy đủ, trọn vẹn các nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
42.	Luật Đầu tư	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về hoạt động đầu tư và pháp luật về đầu tư trong nền kinh tế thị trường;hiểu rõ cách thức thực hiện quy trình, thủ tục đầu tư và triển khai dự án đầu tư;hiểu rõ quy định về các biện pháp bảo đảm, ưu đãi và hỗ trợ đầu tư, đối tượng và phạm vi áp dụng các biện pháp đó;hiểu biết đầy đủ về quy chế pháp lý các khu kinh tế đặc biệt;hiểu biết các quy định cơ bản về đầu tư	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		theo hợp đồng;nắm được những nội dung cơ bản của pháp luật về đầu tư ra nước ngoài; Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, kỹ năng tổng hợp, hệ thống hoá các vấn đề trong mối quan hệ tổng thể; kỹ năng so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề của luật đầu tư; thành thạo một số kỹ năng tìm, tra cứu và sử dụng các quy định của pháp luật để giải quyết các tình huống nảy sinh trong thực tiễn đầu tư; vận dụng kiến thức đã học để có thể tư vấn lựa chọn hình thức đầu tư phù hợp;vận dụng kiến thức đã học để có thể tư vấn quy trình, thủ tục, triển khai hoạt động đầu tư;có kỹ năng bình luận, đánh giá các quy định pháp luật thực định nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng. Hình thành nhận thức đúng đắn về vai trò của đầu tư, ưu đãi và hạn chế của nhà nước đối với các hình thức đầu tư, địa bàn, lĩnh vực đầu tư; hình thành thái độ khách quan đối với lợi ích cần được bảo vệ của các chủ thể có liên quan đến hoạt động đầu tư, bao gồm lợi ích của nhà đầu tư và của Nhà nước.			
43.	Luật Cạnh tranh	Học phần Luật cạnh tranh cung cấp cho sinh viên những kiến thức về cạnh tranh và pháp luật cạnh tranh, bao gồm: Khái quát về cạnh tranh và pháp luật cạnh tranh; thị trường và thị phần; hành vi hạn chế cạnh tranh, tập trung kinh tế; hành vi cạnh tranh không lành mạnh; tố tụng cạnh tranh; xử lý vi phạm pháp luật về cạnh tranh và quản lý nhà nước về cạnh tranh. Người học có kỹ năng phân tích được các điều kiện cần và đủ đối với hành vi vi phạm luật cạnh tranh và trách nhiệm pháp lý tương ứng. Đồng thời, người học có kỹ năng thuyết trình về một vấn đề của pháp luật Cạnh tranh.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của học phần ứng dụng vào nghiên cứu và đánh giá các hoạt động cạnh tranh của các chủ thể kinh tế; thấy được vai trò của pháp luật Cạnh tranh trong đời sống xã hội từ đó nâng cao ý thức thực hiện pháp luật, tuyên truyền pháp luật với cộng đồng xung quanh. Đồng thời, người học biết cách tra cứu và tự cập nhật các văn bản pháp luật về cạnh tranh để phục vụ cho công việc và có ý thức tự điều chỉnh công việc của mình theo những quy định của pháp luật.			
44.	Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán	Trang bị cho người học kiến thức về thị trường chứng khoán. Người học hiểu và nắm được một số khái niệm cơ bản trong lĩnh vực pháp luật chứng khoán; nhận diện được bản chất, đặc thù của các quan hệ pháp luật trong lĩnh vực chứng khoán; nắm được nội dung cơ bản của các văn bản pháp luật hiện hành điều chỉnh trong lĩnh vực chứng khoán. Người học có kỹ năng sử dụng các quy định của pháp luật để giải quyết những tình huống cơ bản, điển hình trong lĩnh vực chứng khoán và hoạt động của thị trường chứng khoán; người học có khả năng sử dụng kiến thức pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán phục vụ cho công việc học tập của mình. Giúp cho người học tự tin trước những kiến thức pháp lý trong lĩnh vực này. Người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của môn học ứng dụng vào học tập và cuộc sống của bản thân.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
45.	Pháp luật về xuất nhập khẩu	Trang bị cho người học những hiểu biết cơ bản về hoạt động xuất nhập khẩu, pháp luật về xuất nhập khẩu và những quy trình, thủ tục có liên quan khi tiến hành các hoạt động xuất nhập khẩu.	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Trang bị cho người học những kiến thức nền tảng về quản lý hành chính trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, thủ tục hải quan, các phương thức thanh toán trong xuất nhập khẩu. Người học có thể vận dụng những kiến thức được trang bị để phân tích, giải quyết các tình huống thực tế xảy ra khitiếp xúc với các hoạt động xuất nhập khẩu. Người học vận dụng được kiến thức đã học để thực hiện các công việc sau khi ra trường; có khả năng thực hiện các nghiệp vụ về hoạt động xuất nhập khẩu. Bên cạnh đó, người học biết cách tra cứu và tự cập nhật các văn bản pháp luật về xuất, nhập khẩu để phục vụ cho công việc. Đồng thời, người học có kỹ năng thuyết trình, tham mưu những vấn đề thuộc lĩnh vực xuất, nhập khẩu; có kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ về xuất nhập khẩu đúng quy định của pháp luật. Người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của môn học ứng dụng vào học tập và cuộc sống của bản thân, hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và nhà nước. Đồng thời, người học thấy được vai trò quan trọng của pháp luật xuất nhập khẩuđối với nền kinh tế của đất nước, nâng cao ý thức thực hiện pháp luật của bản thân.			kết thúc học phần 60%
46.	Pháp luật về bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng	Trang bị cho người học có những kiến thức cơ bản về pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng (các thiết chế bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, hệ thống cơ quan tài phán bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, tổ chức, xã hội tham gia bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đối với người tiêu dùng, chế tài xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật bảo vệ quyền	2	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		lợi người tiêu dùng, phương thức giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng với tổ chức, cá nhân kinh doanh). Yêu cầu người học hình thành tư duy nhận định, phân tích, phản biện các vấn đề trên cơ sở các kiến thức về pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; có kỹ năng thu thập, xử lý thông tin phục vụ cho việc nghiên cứu các tài liệu về pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Đồng thời, người học biết cách tra cứu và tự cập nhật các văn bản pháp luật để phục vụ cho công việc. Người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của môn học ứng dụng vào học tập và cuộc sống của bản thân; thấy được vai trò của pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, từ đó nâng cao ý thức thực hiện pháp luật bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, tuyên truyền ý thức thực hiện pháp luật với cộng đồng xung quanh. Có ý thức tự điều chỉnh công việc của mình theo những quy định của pháp luật			
47.	Khóa luận tốt nghiệp	Học phần này nhằm củng cố kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành luật kinh tế đã được học để vận dụng vào thực tiễn. Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng phân tích tổng hợp và tự nghiên cứu các vấn đề về thực trạng pháp luật và thực tiễn thực hiện pháp luật. Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, thành thạo tin học phục vụ chuyên ngành. Có thái độ nghiêm túc, khách quan và khoa học trong công việc. Có ý thức tổ chức kỷ luật; tôn trọng và tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật khi thực hiện các công việc chuyên môn.	6	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Có định hướng tích lũy kiến thức chuyên môn cho nghề nghiệp trong tương lai ngay từ khi còn là sinh viên.			
48.	Kinh tế vi mô	Hiểu được các khái niệm và mô hình cơ bản trong phân tích kinh tế vi mô. Nắm được Cách thức thị trường hàng hóa, thị trường các yếu tố đầu vào sản xuất hoạt động như thế nào. Các kết cục do chính sách can thiệp vào thị trường của Chính phủ; Nắm và hiểu được nguyên tắc ra quyết định kinh tế tối ưu của các tác nhân riêng rẽ (người tiêu dùng, người sản xuất…) trong nền kinh tế và sự tương tác giữa các tác nhân này trong từng cấu trúc thị trường khác nhau. Có thể đọc hiểu các bài viết, phân tích về kinh tế được bàn luận trên các phương tiện truyền thông đại chúng như sách, báo, đài và tạp chí; có khả năng sử dụng các lý thuyết kinh tế, mô hình kinh tế đã học để trình bày hoặc lý giải một số hiện tượng kinh tế diễn ra hàng ngày. Góp phần giúp sinh viên có tính cẩn thận và trách nhiệm khi đưa ra quyết định lựa chọn trong thực tế; có khả năng quản lý tốt, tránh lãng phí các nguồn lực của bản thân, gia đình và xã hội từ đó góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong nền kinh tế nói chung.	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
49.	Kinh tế vĩ mô	Hiểu được những kiến thức cơ bản, các khái niệm và cách thức đo lường các biến số kinh tế vĩ mô của nền kinh tế. Hiểu được cách thức vận hành và những mối quan hệ kinh tế chủ yếu của một nền kinh tế thông qua các lý thuyết và mô hình cơ bản. Hiểu và phân tích được bản chất của các biến động kinh tế vĩ mô và cách thức giải quyết chúng. Hiểu được cách thức vận dụng các chính sách tài khóa và tiền tệ nhằm góp phần giảm bớt các biến động kinh tế có tính chu kỳ.	3	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Người học có kỹ năng sử dụng một số phương pháp phân tích tối ưu, phân tích cân bằng tổng thể trong việc nghiên cứu, phân tích, đánh giá một số hiện tượng sự kiện, và chính sách kinh tế vĩ mô. Người học có ý thức trách nhiệm và thái độ tích cực tự rèn luyện nâng cao hiểu biết về các vấn đề kinh tế, phân tích chính sách để có thể đáp ứng được yêu cầu của xã hội đang trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.			
50.	Quản trị doanh nghiệp	Hiểu được khái niệm, bản chất của doanh nghiệp và quản trị doanh nghiệp Hiểu rõ bản chất các nôi dungquản trị theo lĩnh vực: quản trị sản xuât, quản trị công nghệ, quản trị nhân lực và quản trị tài chính. Vận dụng những kiến thức quản trị doanh nghiệp vào việc phân tích hoạt động quản trị doanh nghiệp trong thực tế. Bước đầu có kỹ năng cơ bản về phân tích, đánh giá về môi trường kinh doanh của doanh nghiệp, các loại hình doanh nghiệp, cơ cấu tổ chức doanh nghiệp Có kỹ năng vận dụng lý luận để giải quyết các tình huống quản trị doanh nghiệp phát sinh trong thực tế về một số lĩnh vực hoạt động cơ bản của doanh nghiệp như sản xuất, công nghệ, tiêu thụ, nhân lực và tài chính Có kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm trong việc nghiên cứu, phân tích các vấn đề về quản trị doanh nghiệp; kỹ năng trình bày, thuyết trình vấn đề về quản trị doanh nghiệp Góp phần đào tạo sinh viên nhận thức đúng đắn về chức năng, nhiệm vụ, yêu cầu đối với hoạt động quản trị doanh nghiệp và nhà quản trị doanh nghiệp. Góp phần rèn luyện các đức tính của nhà quản trị doanh nghiệp như	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		sự nhanh nhẹn, linh hoạt, tính nghiêm túc, chính xác, có căn cứ khoa học, tính kiên trì, tinh thần vượt khó			
51.	Marketing căn bản	Nắm được các vấn đề cơ bản của marketing gồm các khái niệm trong marketing, các quan điểm và nội dung marketing. Hiểu, phân tích và vận dụng các vấn đề về thị trường, khách hàng, khách hàng mục tiêu. Nghiên cứu khách hàng mục tiêu thông qua các hoạt động phân đoạn, lựa chọn và định vị thị trường. Hiểu, phân tích và vận dụng được các mô hình nghiên cứu hành vi mua của khách hàng. Hiểu và phân tích được chính sách marketing – mix (4 “p”) Nắm được các kiến thức mới về marketing Rèn luyện năng lực tư duy marketing. Có kỹ năng phân tích và xử lý tình huống marketing cụ thể Ý thức được vai trò và tầm quan trọng của marketing trong hoạt động kinh doanh. Có ý thức ứng dụng marketing trong công việc. Xây dựng ý thức hướng về thị trường, về khách hàng trong các hoạt động.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
52.	Triết học Mác - Lênin	+ Sinh viên xác định được đối tượng, mục đích, ý nghĩa và những yêu cầu về mặt phương pháp của môn học. + Sinh viên nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác- Lênin; nắm được những nội dung cơ bản, hệ thống về triết học Mác- Lênin và vai trò của triết học trong đời sống xã hội. + Sinh viên từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất cho bản thân, làm nền tảng lí luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung của các môn học khác.	3	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để giải thích một số hiện tượng mang tính phổ biến diễn ra trong lĩnh vực tự nhiên, xã hội và tư duy. + Sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu Kinh tế chính trị Mác- Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, hiểu được cơ sở lý luận của Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng + Sinh viên có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. + Tăng cường bản lĩnh chính trị, tính chủ động, tự tin cho sinh viên, từng bước xây dựng, củng cố niềm tin vào con đường cách mạng mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã chọn, từ đó góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.			
53.	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	+ Sinh viên xác định được đối tượng, mục đích, ý nghĩa và những yêu cầu về mặt phương pháp của môn học. + Người học nắm được một cách hệ thống kiến thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin bao gồm: Các khái niệm, phạm trù, quy luật kinh tế chủ yếu của kinh tế thị trường; Những vấn đề kinh tế - chính trị của thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam. + Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để học tập và nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn. + Người học nắm được một cách hệ thống kiến thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin bao gồm: Các khái niệm, phạm trù, quy luật kinh tế chủ yếu của kinh tế thị trường; Những vấn đề kinh tế - chính trị của thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc đóng góp ý kiến xây dựng, bảo vệ, thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. + Người học hình thành được phẩm chất đạo đức cách mạng, lập trường chính trị tư tưởng vững vàng, có niềm tin vào sự nghiệp đổi mới đất nước.			
54.	Tư tưởng Hồ chí Minh	+ Sinh viên xác định được đối tượng, mục đích, ý nghĩa và những yêu cầu về mặt phương pháp của môn học. Về kiến thức: + Sinh viên xác định được đối tượng, mục đích, ý nghĩa và những yêu cầu về mặt phương pháp của môn học. + Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản vè khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. + Có khả năng tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác. + Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc đóng góp ý kiến xây dựng, bảo vệ, thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. + Sinh viên được nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.			
55.	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học phần này trang bị những kiến thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong các thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - nay). Trang bị những kiến thức cơ bản của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để học tập và nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn. Từ đó, phân tích, lập luận để bảo vệ những quan điểm tư tưởng đúng đắn, phê phán, bác bỏ một cách có hiệu quả những tư tưởng, quan niệm sai lầm về lịch sử của Đảng. Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần. Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc đóng góp ý kiến xây dựng, bảo vệ, thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Tăng cường tính chủ động, tự tin trong việc tìm kiếm những tri thức khoa học mới, từ đó góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
56.	Chủ nghĩa xã hội khoa học	+ Nghiên cứu môn học này nhằm giúp người học nắm được nắm được kiến thức cơ bản về sự ra đời; các giai đoạn phát triển; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận hợp thành Chủ nghĩa Mác - Lênin	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nhận thức được những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu môn học + Học tập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học giúp cho sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết tình hình thực tiễn trong nước và thế giới trong bối cảnh đổi mới đất nước gắn với hội nhập khu vực và thế giới hiện nay. + Giúp cho sinh viên có khả năng vận dụng các tri thức của Chủ nghĩa xã hội khoa học vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước có liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta + Hình thành cho sinh viên thái độ chính trị vững vàng, tư tưởng đúng đắn về môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học. + Đồng thời, giúp cho sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về nền tảng tư tưởng của Đảng ta.			
57.	Tin học cơ bản 1	Hiểu được các kiến thức cơ bản về tin học, hệ điều hành Windows, Hiểu được các kiến thức cơ bản của chương trình MS Word như trình bày văn bản, soạn thảo 1 văn bản, Hiểu được các kiến thức cơ bản của chương trình Ms Excel như trang tính, bảng tính, ô tính, thanh công thức, ô địa chỉ, địa chỉ tương đối, địa chỉ tuyết đối. Hiểu được những khái niệm cơ bản của chương trình trình chiếu như trang chiếu, các thành phần của trang chiếu, bố cục của trang chiếu. Vận dụng được các kiến thức được học thực hiện các thao tác cơ bản khi làm việc với một chương trình soạn thảo, bao gồm: Căn lề, chỉnh sửa, định dạng, in ấn các dữ liệu của một văn bản; Thực hiện các thao tác cơ bản khi làm việc với một chương trình bảng tính, bao gồm: Tạo bảng và nhập, sửa các loại dữ liệu, định dạng từng	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		loại dữ liệu, thao tác với các đối tượng trên trang tính, trình bày bảng dữ liệu, tính toán tự động trên bảng dữ liệu thông qua công thức và hàm, định dạng và in trang tính. Thực hiện được các thao tác cơ bản để tạo một bài trình chiếu: quản lý các trang chiếu và tệp trình chiếu, đưa các đối tượng vào trang chiếu, tạo và quản lí các hiệu ứng, thực hiện trình chiếu, thực hiện các phương án in khác nhau. Phân tích, đánh giá và lựa chọn phương án soạn thảo 1 văn bản, lập bảng tính, trình bày trang trình chiếu phù hợp. Có kỹ năng giải quyết, vận dụng kiến thức để: - Soạn thảo, chỉnh sửa, thao tác trình bày văn bản. - Tạo bảng và nhập, sửa các loại dữ liệu, định dạng từng loại dữ liệu, thao tác với các đối tượng trên trang tính, trình bầy bảng dữ liệu, tính toán tự động trên bảng dữ liệu thông qua công thức và hàm, định dạng và in trang tính. - Có kỹ năng phân tích, đánh giá hiệu quả lựa chọn phương án soạn thảo văn bản, lập bảng tính, trình bày trang trình chiếu. Có kỹ năng lãnh đạo, quản lý, làm việc nhóm trong các hoạt động thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin. Có kỹ thuyết trình, thương thảo trong các hoạt động thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin. Có phẩm chất chính trị; có trách nhiệm công dân, trách nhiệm cộng đồng. Có đạo đức nghề nghiệp, có tinh thần hợp tác và thái độ phục vụ tốt. Năng động, có hoài bão về nghề nghiệp.			
58.	Tin học cơ bản 2	Nắm vững các kiến thức về: Cơ sở dữ liệu, Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Microsoft Access. Cách thức xây dựng, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu thông qua Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Microsoft Access.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Sinh viên sau khi học xong phải sử dụng thành thạo phần mềm Microsoft Access để xây dựng, quản lý và khai thác các cơ sở dữ liệu vừa và nhỏ. Có khả năng ứng dụng các lý thuyết đã học để tự xây dựng các bài toán quản lý trong thực tế cuộc sống. Nhận thức được tầm quan trọng của việc áp dụng Tin học trong học tập cũng như trong công việc thực tế. Rèn luyện sinh viên thành người có tính cẩn thận, có tác phong làm việc khoa học, chuẩn xác; có tư duy logic và khả năng quản lý tốt. Sinh viên phải lên lớp và làm các bài tập thực hành để nắm được các nội dung của học phần; nhiệt tình tham gia các buổi thảo luận, thực hành ở trên lớp.			kết thúc học phần 60%
59.	Soạn thảo văn bản	Nắm được các khái niệm, đặc điểm, chức năng và nội dung của văn bản; Trang bị những kiến thức cơ bản về văn bản nói chung và văn bản quản lý nhà nước nói riêng, phân loại văn bản quản lý nhà nước; Hiểu rõ và nắm vững kiến thức những yêu cầu về nội dung, thể thức, ngôn ngữ và văn phong của văn bản; đặc trưng và kỹ thuật soạn thảo một số loại văn bản hành chính thông thường. Sau khi học xong hoc phần này, sinh viên nhận biết về mục đích, ý nghĩa của việc sử dụng và ban hành văn bản; nắm rõ những yếu tố thuộc về thể thức và cơ cấu nội dung của một số văn bản hành chính nói chung và văn bản quản lý nhà nước nói riêng. Qua đó, sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức đã học để soạn thảo một số văn bản hành chính thông thường trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức. Đồng thời, sinh viên được trau dồi thêm các kỹ năng khác như: kĩ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm và sử dụng	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		công nghệ thông tin phục vụ việc tra cứu và soạn thảo một số văn bản một cách hoàn chỉnh. Qua môn học này, sinh viên thấy được vai trò ý nghĩa và tầm quan trọng của văn bản trong hoạt động quản lý của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp… Từ đó có động lực học tập và phấn đấu để trau dồi kiến thức và kỹ năng năng để áp dụng vào công việc sau khi ra trường.			
60.	Đại cương văn hóa Việt Nam	Người học trình bày được các khái niệm, thuật ngữ về Văn hóa . Người học giải thích được những kiến thức cơ bản và có hệ thống về cơ sở hình thành, quá trình hình thành và các đặc trưng cơ bản của văn hóa Việt Nam. Phân biệt được những nét riêng, độc đáo làm nên bản sắc văn hóa truyền thống Việt Nam. Giải thích được vai trò nền tảng của văn hóa trong sự phát triển bền vững của xã hội. Người học vận dụng kỹ năng tìm kiếm, thu thập thông tin và xử lý tư liệu. Rèn luyện khả năng tư duy logic, các kỹ năng phân tích, suy luận, hệ thống hoá, khái quát trong việc nghiên cứu một vấn đề văn hóa nói riêng và các vấn đề khoa học xã hội nói chung. Người học biết tôn trọng và tự hào, từ đó có ý thức gìn giữ, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Có ý thức tôn trọng các nền văn hóa khác, biết tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại để làm giàu cho vốn văn hóa truyền thống. Củng cố và nâng cao vốn văn hóa cho bản thân, xây dựng lối sống lành mạnh nhằm góp phần hoàn thiện tâm hồn, nhân cách để trở thành những con người phát triển toàn diện, hài hòa, tạo nền tảng và động lực cho sự phát triển bền vững của xã hội. Cótrách nhiệm của mộtcông dân với xã hội; Có sức khỏe tốt để làm	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		việc, năng động và bản lĩnh, luôn sẵn sàng làm việc trong điều kiện môi trường công việc với áp lực cao cùng tinh thần luôn cầu tiến và ham học hỏi.			
61.	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	**- Kiến thức:** + Nghiên cứu môn học này nhằm giúp người học nắm được khái niệm, ý nghĩa của môn học; nắm được bản chất của khoa học, nghiên cứu khoa học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học, cách thức tiến hành nghiên cứu và trình bày một công trình khoa học (viết bài báo khoa học; tiểu luận, báo cáo thực tập và khóa luận tốt nghiệp…). + Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nhận thức được các nguyên tắc cơ bản của nhận thức luận khoa học, các quy luật tư duy của khoa học, các phương pháp dự báo khoa học và quản lý khoa học cũng như đảm bảo đạo đức của người làm khoa học. **- Kỹ năng:** + Học tập môn khoa học bước đầu giúp sinh viên có kỹ năng xác định một đề tài nghiên cứu khoa học, đồng thời cũng hình thành và phát triển khả năng hiểu và phân tích, đánh giá một công trình nghiên cứu khoa học cụ thể. + Giúp cho sinh viên những bước cơ bản nhất để rèn luyện các kỹ năng tư duy, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tìm tài liệu và làm việc nhóm; phát triển kỹ năng nghiên cứu và đánh giá nghiên cứu khoa học. **- Mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm** + Hình thành tinh thần yêu thích, ham mê khoa học, nghiên cứu khoa học, tăng cường tính chủ động, tự tin trong việc tìm kiếm những tri thức khoa học mới. + Thái độ nghiêm túc, cầu thị, cẩn trọng trong nghiên cứu khoa học.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
62.	Logic học	Học phần này trang bị cho sinh viên: - Khái niệm lôgíc học; định nghĩa khái niệm và đặc điểm chung của khái niệm, định nghĩa và phân chia khái niệm; phán đoán và hình thức ngôn ngữ của phán đoán, phán đoán đơn đặc tính và phán đoán phức; quy luật lôgíc cùng các yêu cầu của quy luật đồng nhất, quy luật cấm mâu thuẫn, quy luật loại trừ cái tứ ba, quy luật lý do đầy đủ; suy luận và đặc điểm bản chất của suy luật, suy luận trực tiếp và suy luận gián tiến, suy luận quy nạp và suy luận tương tự; chứng minh, bác bỏ và giả thuyết. - Có khả năng xây dựng được 1 định nghĩa khái niệm hoàn chỉnh dựa trên cơ sở nội hàm của khái niệm; thực hiện phân chia được khái niệm dựa trên cơ sở ngoại diên của khái niệm. Tìm và xác định được tính chu diên cũng như mối quan hệ giữa các phán đoán có cùng chủ từ, vị từ. Xây dựng được luận ba đoạn phù hợp với mỗi loại hình đảm bảo các quy luật của lôgíc, chuyển và đưa luận hai đoạn về luận ba đoạn hoàn chỉnh. - Chứng minh, bác bỏ và giả thuyết trong nghiên cứu các luận đề khoa học. Qua đó, sinh viên nắm được những nội dung cơ bản của logic học hình thức. Sinh viên có - Khả năng tư duy lôgíc đảm bảo tính hệ thống, chặt chẽ, khoa học và mang tính tất yếu. - Từng bước rèn luyện, nâng cao trình độ tư duy logic, tạo thói quen suy nghĩ, lập luận chặt chẽ, rõ ràng, có cơ sở, có hệ thống để đạt tới những tri thức chính xác, khách quan và khoa học.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Khả năng vận dụng các kiến thức đã học để học tập, nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn. - Kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần. - Có thái độ nghiêm túc, đúng đắn và khoa học về bản chất của các vấn đề lôgíc học. - Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu, phân tích, lập luận để bảo vệ những quan điểm tư tưởng đúng đắn, phê phán, bác bỏ một cách có hiệu quả những tư tưởng, quan niệm sai lầm, lối tư duy ngụy biện, tráo trở.			
63.	Tâm lý học đại cương	Học phần này trang bị những kiến thức lý luận cơ bản về tâm lý học; khái niệm, đặc điểm, các quy luật của các quá trình tâm lý, trạng thái tâm lý và thuộc tính tâm lý; khái niệm, cấu trúc và các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển tâm lý người Có kỹ năng vận dụng những kiến thức nền quan trọng về tâm lý học để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần Chuyên ngành chuyên sâu và Chuyên ngành liên quan. Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần Tuân thủ pháp luật, các quy định chung của nhà trường và các quy định riêng của học phần do GV phụ trách đưa ra	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
64.	Tiếng Anh cơ bản 1	+ Nắm được kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp tiếng Anh: các thì của động từ; các trợ động từ….. + Nắm được lượng từ vựng căn bản thường gặp trong các đề thi TOEIC + Làm quen định dạng của bài thi TOEIC	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Rèn luyện kĩ năng đọc hiểu và nghe hiểu + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng đọc hiểu những mẩu tin, thư, đơn giản. + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng nghe hiểu những ngôn ngữ nói giao tiếp hàng ngày. + Sinh viên có cái nhìn cụ thể hơn về dạng bài thi TOEIC, nắm bắt được kĩ năng làm bài để đạt được điểm cao nhất thông qua các bài luyện tập nghe và đọc hiểu. Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của tiếng Anh và cách làm dạng bài thi TOEIC			
65.	Tiếng Anh cơ bản 2	+ Nắm được kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp tiếng Anh: Mệnh đề quan hệ; trật tự từ; cấu trúc bị động… + Nắm được lượng từ vựng căn bản thường gặp trong bài thi + Làm quen định dạng của bài thi TOEIC + Rèn luyện kĩ năng đọc hiểu và nghe hiểu + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng đọc hiểu những mẩu tin, thư tín. + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng nghe hiểu những ngôn ngữ nói giao tiếp hàng ngày. + Người học làm quen và luyện tập dạng bài thi TOEIC, nắm bắt được kĩ năng làm bài để đạt được điểm cao nhất thông qua luyện Practice Test. Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của tiếng Anh và cách làm dạng bài thi TOEIC	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
66.	Tiếng Anh chuyên ngành Luật	Trang bị cho sinh viên chuyên ngành Luật các thuật ngữ tiếng Anh về chuyên ngành luật đặc biệt trú trọng đến lĩnh vực luật kinh tế. Cung cấp cho sinh viên khoa Luật các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết các thuật ngữ chuyên ngành Luật. Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của tiếng Anh chuyên ngành sử dụng trong nghề nghiệp tương lai	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
	Thể dục - Điền kinh	Hiểu được tầm quan trọng của học phần Thể dục - Điền kinh là môn thể thao nền tảng cho hoạt động thể lực và các môn thể thao khác. Nắm được kỹ thuật bài tập phát triển chung 13 động tác. Nắm được các kiến thức về kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bung, một số điều luật thi đấu cơ bản của nội dung nhảy cao. Có kỹ năng thực hiện bài tập phát triển chung 13 động tác. Thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bụng. Giáo dục phát triển các tố chất thể lực như: sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo khéo léo, hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cần thiết, bổ trợ và rèn luyện thể lực chuyên môn cho các môn thể thao khác. Sinh viên nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy định của Nhà trường và Bộ môn, tự giác, tích cực thực hiện các nội dung học tập trên lớp và bài tập thể lực, bài tập bổ trợ ở nhà. Sinh viên phải có thái độ học tập tích cực, chủ động. Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá của môn học	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
	Bóng chuyền 1	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng chuyền với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng chuyền.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			kết thúc học phần 60%
	Bóng chuyền 2	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng chuyền với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng chuyền. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
	Bóng rổ 1	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng rổ với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng rổ. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			
	Bóng rổ 2	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng rổ với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng rổ. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
	Cầu lông 1	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Cầu lông với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Cầu lông. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			
	Cầu lông 2	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Cầu lông với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Cầu lông. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
	Cờ vua 1	- Hiểu được tầm quan trọng của học phần cờ vua 1 là môn thể thao phát triển khả năng tính toán, tư duy, logic... - Nắm được kiến thức về nguồn gốc ra đời, lịch sử phát triên của môn cờ vua. - Nắm được cách chơi cờ, những tri thức cơ bản trong cờ vua) - Nắm được các kiến thức về giai đoạn tàn cuộc của ván đấu. Có kỹ năng thực hiện bài tập của giai đoạn tàn cuộc. Thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của giai đoạn tàn cuộc Giáo dục phát triển toàn diện đặc biệt là rèn luyện tính kiên trì, khả năng tuy duy, phát triển trí thông minh	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Sinh viên nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy định của nhà trường, tự giác, tích cực thực hiện các nội dung học tập trên lớp và bài tập ở nhà. Sinh viên phải có thái độ học tập tích cực, chủ động. Sinh viên tham gia đầy đủ 2 bài kiểm tra đánh giá kết thúc môn học cờ vua 1			
	Cờ vua 2	Hiểu được tầm quan trọng của học phần cờ vua 2 là môn thể thao phát triển trí tuệ một cách toàn diện, rèn luyện trí nhớ, tư duy logic Nắm được kiến thức về nguồn gốc ra đời, lịch sử phát triên của môn cờ vua. Những tri thức trong cờ vua và các giai đoạn của tàn cuộc Nắm được các kiến thức về giai đoạn khai cuộc của ván đấu. Có kỹ năng thực hiện bài tập của giai đoạn khai cuộc. Thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của giai đoạn khai cuộc Giáo dục phát triển các tố chất thể lực như: sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo, hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cần thiết, bổ trợ và rèn luyện thể lực chuyên môn cho các môn thể thao khác. Sinh viên nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy định của nhà trường và Bộ môn, tự giác, tích cực thực hiện các nội dung học tập trên lớp và bài tập ở nhà. Sinh viên phải có hái độ học tập tích cực, chủ động. Sinh viên tham gia đầy đủ các bài đánh giá	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
	Cờ vua 3	Hiểu được tầm quan trọng của học phần cờ vua 2 là môn thể thao nền tảng cho hoạt động thể lực và các môn thể thao khác. Nắm được kiến thức về nguồn gốc ra đời, lịch sử phát triên của môn cờ vua. Nắm được các kiến thức về giai đoạn trung cuộc của ván đấu.	1	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Có kỹ năng thực hiện bài tập của giai đoạn trung cuộc. Thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của giai đoạn trung cuộc Giáo dục phát triển các tố chất thể lực như: sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo, hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cần thiết, bổ trợ và rèn luyện thể lực chuyên môn cho các môn thể thao khác. Sinh viên nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy định của nhà trường và Bộ môn, tự giác, tích cực thực hiện các nội dung học tập trên lớp và bài tập ở nhà. Sinh viên phải có hái độ học tập tích cực, chủ động. Sinh viên phải tham gia đầy đủ 2 bài kiểm tra đánh giá kết thúc học phần cờ vua 3			
	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng Sản Việt Nam	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: - Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc - Các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân để ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược dưới mọi hình thức, qui mô. - Thực hiện kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh; tìm hiểu về nghệ thuật quân sự từ khi có Đảng lãnh đạo và lịch sử truyền thống vẻ vang của Quân đội nhân dân Việt Nam; những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội. - Vận dụng những kiến thức đã học nhằm nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN.	3	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Hình thành tác phong kỷ luật, ý thức tập thể, phát huy trí tuệ tập thể trong học tập và thảo luận nhóm. - Phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng thu thập, xử lý thông tin trong học tập nghiên cứu của sinh viên về các nội dung chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế của Đảng và Nhà nước ta. - Có ý thức bảo vệ, truyền bá đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về Quốc phòng - An ninh. - Xây dựng niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, đấu tranh làm thất bại các luận điểm sai trái phản động bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN. - Có thái độ, nhận thức đầy đủ, đúng đắn về Nhiệm vụ của sinh viên đối với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của đất nước.			
	Công tác quốc phòng an ninh	Học phần trang bị cho người học kiến thức về: - Phòng, chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. - Vấn đề dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội. - Những kiến thức cơ bản về an ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống; an toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; phòng, chống vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông; phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác góp phần bảo vệ an ninh quốc gia giữ gìn trật tự an toàn xã hội; bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Góp phần phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng trong nghiên cứu, phân tích, tổng hợp của sinh viên về các nội dung; chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế của Đảng và Nhà nước ta; đề xuất các giải pháp thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước về quốc phòng, an ninh. - Hiểu thêm cách xây dựng và quy trình đánh giá kết quả học tập của môn học Giáo dục quốc phòng và An ninh, nâng cao khả năng làm việc độc lập của sinh viên. - Tăng cường kỹ năng trong thu thập, xử lý thông tin trước trong và sau mỗi bài học. - Nâng cao lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội nâng cao trách nhiệm của sinh viên, gương mẫu thực hiện đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước chủ động đấu tranh làm thất bại âm mưu chống phá của các thế lực thù địch, góp phần xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa. - Quán triệt sâu sắc đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và công tác quốc phòng, an ninh. - Hình thành nề nếp sinh hoạt, ý thức chấp hành kỷ luật nghiêm túc trong học tập. - Luôn tin tưởng, làm theo đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng. Không để các thế lực thù địch lôi kéo, dụ dỗ đi sai đường lối cách mạng Việt Nam.			
	Quân sự chung	Học phần trang bị cho người học kiến thức: -Những nội dung cơ bản về quân sự, an ninh; hiểu biết về các quân, binh chủng trong quân đội, về các chế độ sinh hoạt, công tác trong ngày, tuần, nề nếp chính quy trong đơn vị quân đội; hiểu biết về bản	1	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đồ địa hình quân sự, vũ khí công nghệ cao và thi đấu ba môn quân sự phối hợp. -Lịch sử ra đời, truyền thống chiến đấu, lao động của các quân binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam, tác phong chính quy, nề nếp làm việc và kỹ năng phòng thủ dân sự khi có chiến tranh xảy ra, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa. Xây dựng tác phong, nề lối làm việc chính quy kỷ luật, lối sống giản dị, ngăn nắp; nâng cao lòng tự hào dân tộc, về quân đội anh hùng, từ đó xây dựng bản lĩnh, phẩm chất cách mạng cho mình, phấn đấu thực hiện tốt nhiện vụ học tập, công tác góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng của Đảng, của dân tộc trong giai đoạn cách mạng hiện nay. Nâng cao phẩm chất, đạo đức, lối sống, rèn luyện tính kỷ luật và tác phong chính quy từ đó hình thành lối sống và làm việc nghiêm túc; có kiến thức về quân sự chung, có thái độ nghiêm túc với việc xây dựng nền Quốc phòng toàn dân, An ninh nhân dân, sẵn sàng tham gia xây dựng quân đội khi tổ quốc cần. Hình thành nề nếp sinh hoạt, ý thức chấp hành kỷ luật, tác phong làm việc nghiêm túc phục vụ cho việc học tập và công tác sau này.			kết thúc học phần 60%
	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: - Kiến thức về sử dụng súng tiểu liên AK (Tính năng cấu tạo, quy tắc sử dụng súng, lý thuyết ngắm bắn, đường ngắm, mục tiêu và những vấn đề ảnh hưởng đến phát bắn); lựu đạn (tính năng, cấu tạo và cách ném lựu đạn) - Người học hiểu được kỹ thuật chiến đấu của bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới);	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí thông thường như bắn súng tiểu liên AK, (trình tự các bước trong thực hành bắn, kỹ năng ngắm bắn...) - Sử dụng lựu đạn (quy tắc, chuẩn bị và thực hành ném lựu đạn); - - Vận dụng được trong luyện tập thực hành các động tác của chiến sĩ trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ cảnh giới. - Người học có thái độ đúng mức khi tiếp cận hoặc sử dụng các loại vũ khí đặc biệt là súng, đạn; có ý thức trách nhiệm khi làm nhiệm vụ liên quan đến ANCT, TTATXH và tham gia các hoạt động quân sự, an ninh; - Sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc - Rèn luyện tác phong của người chiến sĩ; hình thành nếp sống có kỷ luật (Quân trang, quân phục, đội hình, đội ngũ...), ý thức cộng đồng ở trường, lớp và khi ra công tác có thể làm lực lượng nòng cốt trong các nhiệm vụ quân sự, an ninh tại đơn vị cơ sở.			

Ngành Ngôn ngữ Anh

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1.	Dẫn luận ngôn ngữ học	Trang bị cho sinh viên những khái niệm nền tảng về bản chất, kết cấu của ngôn ngữ, mối quan hệ giữa ngôn ngữ và tư duy cũng như các điều kiện nảy sinh và sự biến đổi, phát triển của ngôn ngữ.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Sinh viên phân tích được các khía cạnh cụ thể thuộc ngôn ngữ học như từ vựng (cấu tạo từ vựng, các hiện tượng biến đổi ý nghĩa của từ và ngữ); ngữ âm (bản chất và cấu tạo âm thanh của lời nói, nguyên âm, phụ âm, các hiện tượng biến đổi ngữ âm trong lời nói); ngữ pháp (các phương thức ngữ pháp, phạm trù ngữ pháp, quan hệ ngữ pháp và các đơn vị ngữ pháp) nhằm vận dụng hiệu quả lý thuyết ngôn ngữ học vào giao tiếp. Sinh viên có thể tổng hợp được những kiến thức cơ bản về bản chất, chức năng, nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ; các bình diện cấu trúc và sử dụng của ngôn ngữ như từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp để có thể phân tích được một ngôn ngữ cụ thể, từ đó có thể vận dụng kiến thức để so sánh và đối chiếu ngôn ngữ. Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của học phần dẫn luận ngôn ngữ đối với việc học tập và nghiên cứu ngôn ngữ Anh trong tương lai.			kết thúc học phần 60%
2.	Tiếng Việt thực hành	- Cung cấp các kiến thức cần yếu về văn bản tiếng Việt: Các đặc trưng của văn bản tiếng Việt; đơn vị của văn bản; cấu trúc của văn bản; phân loại văn bản. Trang bị cho sinh viên phương pháp tiếp nhận văn bản và cách thức tạo lập văn bản (văn bản khoa học). - Kỹ năng phân tích văn bản, nhận biết kết cấu của các dạng văn bản cụ thể, xác lập chủ đề văn bản, nhận biết tính mạch lạc trong văn bản, lập đề cương nghiên cứu, trình bày văn bản (Văn bản khoa học, văn bản hành chính - công vụ). - Kỹ năng viết các kiểu loại đoạn văn; nhận biết các liên kết trong đoạn văn, kỹ năng tách đoạn, liên kết đoạn và chuyển đoạn. - Kỹ năng viết câu tiếng Việt, thực hành một số phép biến đổi câu trong văn bản, nhận biết và sửa chữa các lỗi thông thường về câu.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Nắm vững yêu cầu về việc dùng từ, rèn luyện kỹ năng dùng từ, nhận biết và sửa chữa một số lỗi thông thường về dùng từ. - Nắm các quy tắc chính tả tiếng Việt, nhận biết và sửa chữa các lỗi thường gặp. - Thấy được vai trò, đặc điểm của văn bản tiếng Việt và có kỹ năng xử lý thành thạo các loại văn bản. - Thấy được tác dụng của việc tiếp nhận và tạo lập văn bản tiếng Việt hoàn chỉnh. - Rèn luyện tính cẩn thận, khách quan và minh xác trong quá trình tạo ngôn và tiếp ngôn.			
3.	Văn học Anh - Mỹ	Phát triển kỹ năng đọc hiểu Phát huy kỹ năng viết Phát triển kỹ năng thuyết trình Phát triển kĩ năng thảo luận, làm việc nhóm - cặp, làm việc độc lập	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
4.	Giao tiếp liên văn hóa	- Trình bày hiểu biết cơ bản về khái niệm phổ biến về văn hóa, các thành tố cơ bản của văn hóa, nguyên nhân cản trở việc giao lưu giữa các văn hóa, giới hạn của định kiến, phân biệt chủng tộc biệt chủng tộc - Vận dụng, tiếp cận thông tin về sự đa dạng văn hóa và xây dựng tinh thần cởi mở với những khác biệt văn hóa Đọc hiểu và phân tích những tài liệu bằng tiếng Anh về giao tiếp liên văn hóa - Tư duy hệ thống và phản biện - Giao tiếp hiệu quả và làm việc trong môi trường hội nhập	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
5.	Ngôn ngữ học đối chiếu	- Sinh viên nắm được đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp, ý nghĩa của việc nghiên cứu đối chiếu các ngôn ngữ; các bình diện, các khuynh hướng nghiên cứu	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Sinh viên nắm được những khái niệm cơ bản liên quan đến nội dung và phương pháp của Ngôn ngữ học đối chiếu. - Sinh viên hiểu được tính kế thừa (Ngôn ngữ học cấu trúc), tính bổ sung lý luận (cho ngôn ngữ học lý thuyết, cho loại hình học, phổ quát ngôn ngữ), tính phục vụ thực tiễn (dạy học ngoại ngữ, phiên dịch, soạn sách dạy tiếng, từ điển song ngữ. Sinh viên hiểu được ý nghĩa tiếp cận đối chiếu đồng đại với ngôn ngữ cùng và khác loại hình. Vai trò của nó đối với học các ngoại ngữ, các ngôn ngữ dân tộc cũng như dạy tiếng Việt, ngôn ngữ các dân tộc cho người học. Gián tiếp giúp tránh sốc văn hóa trong giao tiếp với người nước ngoài			kết thúc học phần 60%
6.	Phân tích diễn ngôn	- Cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát về diễn ngôn, các bộ phận, các đơn vị, các tổ chức bên trong diễn ngôn, các khái niệm về các đối tượng nghiên cứu này, một số vấn đề lý luận, phương pháp trong nghiên cứu các đối tượng đó. Sinh viên nắm được các kĩ năng phân tích, miêu tả khi nghiên cứu các bộ phận của diễn ngôn. Rèn luyện tư duy trừu tượng hóa, tính khách quan và chính xác khi sử dụng ngôn ngữ trong học tập, nghiên cứu.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
7.	Đất nước học Anh - Mỹ	- Trang bị cho sinh viên những kiến thức về đất nước, con người Anh - Mỹ, các giá trị nhân văn, phong tục tập quán, xã hội, tôn giáo, hệ thống chính trị của hai nước làm nền tảng để tìm hiểu và vận dụng trong việc tiếp thu ngôn ngữ, trong hoạt động liên văn hóa - Trình bày được các giai đoạn lịch sử văn học Anh - Mỹ. - Nhớ được tên các tác giả và tác phẩm tiêu biểu của mỗi giai đoạn. - Phân tích và cảm nhận tác phẩm. - Tham gia vào các vở kịch, thảo luận, viết bài luận phân tích. - Xác định được tầm quan trọng của môn học.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Xây dựng tính tích cực học tập và tự học, tự tìm tòi tài liệu tham khảo bằng tiếng Anh, từ đó hình thành ý thức thường xuyên trao đổi chuyên môn bằng tiếng Anh. - Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn. - Phát huy tối đa khả năng sáng tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà. - Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử.			
8.	Ngôn ngữ học ứng dụng	- Nắm được những đặc trưng cần thiết về nội dung và hình thức của ngôn ngữ học ứng dụng. - Làm chủ được những khái niệm cơ bản liên quan đến nội dung và phương pháp của ngôn ngữ học ứng dụng. Sinh viên nắm được các kĩ năng học và thực hành trên lớp, kỹ năng nhận diện và phân tích, biết phát hiện những nội dung cốt lõi Hình thành thái độ khách quan khoa học đối với những biểu hiện đa dạng của các ứng dụng ngôn ngữ trong đời sống thực tế	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
9.	Kỹ năng nghe tiếng Anh 1	+ Nắm được kiến thức cơ bản nhất về sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp xã hội. + Nắm được lượng từ vựng trong các lĩnh vực giáo dục đại học, văn hóa, khí hậu..... qua các bài nghe hiểu trong giáo trình. + Hình thành các kỹ năng nghe hoàn thiện sơ đồ biểu mẫu, nối đáp án, trắc nghiệm, hoàn thiện câu và đưa ra câu trả lời ngắn. + Rèn luyện tính phản xạ khi sử dụng tiếng Anh để nghe các mẩu thông tin. + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng nghe hiểu những mẩu thông tin liên quan đến các chủ đề từ vựng cơ bản: du lịch, giới trẻ, môi trường…. + Sinh viên có cái nhìn cụ thể hơn về kĩ năng nói Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của kĩ năng nói	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tiếng Anh			
10.	Kỹ năng nói tiếng Anh 1	+ Nắm được kiến thức cơ bản nhất về sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp xã hội. + Nắm được lượng từ vựng, ý tưởng, và mẫu câu gợi ý để nói về các chủ đề như con người, thể thao, sức khoẻ, công việc, học tập, khí hậu, môi trường,…. + Rèn luyện kĩ năng nói, cách phát âm, cách đánh trọng âm, ngữ điệu trong nhiều tình huống giao tiếp khác nhau. + Rèn luyện tính phản xạ khi sử dụng tiếng Anh để giao tiếp. + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng vận dụng các từ vựng căn bản phù hợp với các chủ đề khác nhau và thực hiện các kỹ thuật nói theo tình huống + Sinh viên có cái nhìn cụ thể hơn về việc sử dụng các từ vựng phù hợp với chủ đề một cách linh hoạt trong khi nói tiếng Anh Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của kĩ năng nói tiếng Anh	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
11.	Kỹ năng đọc tiếng Anh 1	+ Hiểu bản chất, hình thức, và các loại câu hỏi trong phần thi đọc hiểu của bài thi IELTS. + Trau dồi thêm vốn từ vựng học thuật. + Có kĩ năng trả lời các dạng câu hỏi đọc hiểu khác nhau trong bài thi đọc hiểu của đề thi IELTS. + Trả lời được các loại câu hỏi cụ thể với sự hiểu biết, kỹ thuật và chiến lược cụ thể. + Khai thác các nguồn thông tin và sử dụng các ngữ cảnh từ bài đọc một cách hiệu quả; + Khai thác trực giác của chính người học trong khi làm bài kiểm tra đọc hiểu như kỹ thuật cuối cùng; + Sử dụng thời gian làm bài hiệu quả hơn;	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Tiếp cận phần đọc hiểu của bài thi IELTS một cách tự tin hơn với các chiến lược làm bài phù hợp và hiệu quả; + Có kỹ năng làm việc, phối hợp theo nhóm. + Nâng cao tốc độ đọc. + Có khả năng tự nghiên cứu độc lập hay tham gia hoạt động theo nhóm, tích cực, say mê và chủ động trong học tập.			
12.	Kỹ năng viết tiếng Anh 1	+ Giúp sinh viên hiểu những kiến thức căn bản về cấu trúc và cách viết đoạn văn trong tiếng Anh. + Giúp sinh viên phân biệt được các dạng đoạn văn khác nhau + Giúp sinh viên biết cách sắp xếp ý tưởng, sử dụng ngôn ngữ và phương pháp viết phù hợp trong triển khai viết đoạn văn tiếng Anh.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
13.	Kỹ năng nghe tiếng Anh 2	+ Nắm được kiến thức cơ bản nhất về sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp xã hội. + Nắm được lượng từ vựng trong các lĩnh vực giáo dục đại học, văn hóa, khí hậu..... qua các bài nghe hiểu trong giáo trình. + Hình thành các kỹ năng nghe hoàn thiện sơ đồ biểu mẫu, nối đáp án, trắc nghiệm, hoàn thiện câu và đưa ra câu trả lời ngắn. + Rèn luyện tính phản xạ khi sử dụng tiếng Anh để nghe các mẩu thông tin. + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng nghe hiểu những mẩu thông tin liên quan đến các chủ đề từ vựng cơ bản: du lịch, giới trẻ, môi trường…. + Sinh viên có cái nhìn cụ thể hơn về kĩ năng nói Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của kĩ năng nói tiếng Anh	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
14.	Kỹ năng nói tiếng Anh 2	+ Nắm được kiến thức cơ bản nhất về sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp xã hội.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Nắm được lượng từ vựng, ý tưởng, và mẫu câu gợi ý để nói về các chủ đề như công nghệ, sở thích, thời niên thiếu, văn hoá, ….. + Rèn luyện kĩ năng nói, cách phát âm, cách đánh trọng âm, ngữ điệu trong nhiều tình huống giao tiếp khác nhau. + Rèn luyện tính phản xạ khi sử dụng tiếng Anh để giao tiếp. + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng vận dụng các từ vựng căn bản phù hợp với các chủ đề khác nhau và thực hiện các kỹ thuật nói theo tình huống + Sinh viên có cái nhìn cụ thể hơn về việc sử dụng các từ vựng phù hợp với chủ đề một cách linh hoạt trong khi nói tiếng Anh Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của kĩ năng nói tiếng Anh			kết thúc học phần 60%
15.	Kỹ năng đọc tiếng Anh 2	+ Nắm được kiến thức cơ bản nhất về những kỹ năng đọc bài đọc hiểu ở trình độ trung cấp bao gồm đọc lướt lấy ý chính Đọc nắm bắt chi tiết, đoán nghĩa thông qua ngữ cảnh, phân loại thông tin Đọc và ghi chú thông tin, đọc hiểu mục đích của tác giả, Đọc tổng hợp thông tin + Học phần này cung cấp cho sinh viên hệ thống từ vựng, thuật ngữ liên quan đến nhiều chủ đề như marketing, tâm lý học, tâm lý xã hội, công nghệ kỹ thuật, kinh doanh, khoa học về não bộ, khoa học môi trường và y tế công cộng. + Rèn luyện tính phản xạ ngôn ngữ. + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng đọc hiểu không những góp phần nâng cao khả năng tự học của sinh viên mà còn giúp sinh viên nâng cao khả năng tư duy phân tích, tổng hợp trong quá trình đọc hiểu.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
16.	Kỹ năng viết tiếng Anh 2	+ Giúp sinh viên hiểu những kiến thức căn bản và nâng cao để viết đoạn văn tiếng Anh. + Giúp sinh viên nắm vững các phương pháp viết một số dạng đoạn văn tiếng Anh, bao gồm đoạn văn nêu định nghĩa, đoạn văn mô tả quy trình, đoạn văn miêu tả, đoạn văn bày tỏ quan điểm, đoạn văn tường thuật. + Giúp sinh viên biết cách sắp xếp ý tưởng, sử dụng ngôn ngữ và phương pháp viết phù hợp trong triển khai viết từng thể loại đoạn văn tiếng Anh.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
17.	Kỹ năng nghe tiếng Anh 3	+ Nắm được kiến thức từ cơ bản đến nâng cao về sử dụng tiếng Anh trong nghe hiểu khi giao tiếp xã hội, nêu quan điểm và mô tả chu trình. + Nắm được lượng từ vựng trong các lĩnh vực *sự thay đổi và hậu quả; tầm quan trọng của quá khứ; máy móc, chu trình và quy trình; giáo dục; tuổi trẻ* qua các bài nghe hiểu trong giáo trình. + Hình thành các kỹ năng nghe để hoàn thiện sơ đồ biểu mẫu, biểu bảng, nối đáp án, hoàn thiện câu, trắc nghiệm và đưa ra câu trả lời. + Rèn luyện tính phản xạ khi sử dụng tiếng Anh để nghe các mẩu thông tin. + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng nghe hiểu những mẩu thông tin liên quan đến các chủ đề thường xảy ra trong thử nghiệm thực tế: sự thay đổi và hậu quả; tầm quan trọng của quá khứ; máy móc, chu trình và quy trình; giáo dục; và tuổi trẻ. + Sinh viên có cái nhìn cụ thể hơn về kĩ năng nghe. + Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của kĩ năng nghe Tiếng Anh.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
18.	Kỹ năng nói tiếng Anh 3	+ Nắm được kiến thức cơ bản nhất về sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp xã hội.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Nắm được lượng từ vựng, ý tưởng, và mẫu câu gợi ý để nói về các chủ đề như sự thay đổi và hậu quả, tầm quan trọng của quá khứ, máy móc, qui trình, giáo dục, tuổi trẻ, ….. + Rèn luyện kĩ năng nói, cách phát âm, cách đánh trọng âm, ngữ điệu trong nhiều tình huống giao tiếp khác nhau. + Rèn luyện tính phản xạ khi sử dụng tiếng Anh để giao tiếp. + Làm quen với các đề thi nói Ielts + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng vận dụng các từ vựng căn bản phù hợp với các chủ đề khác nhau và thực hiện các kỹ thuật nói theo tình huống + Sinh viên có cái nhìn cụ thể hơn về việc sử dụng các từ vựng phù hợp với chủ đề một cách linh hoạt trong khi nói tiếng Anh + Sinh viên biết cách trả lời các câu hỏi trong đề thi nói Ielts Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của kĩ năng nói tiếng Anh			kết thúc học phần 60%
19.	Kỹ năng đọc tiếng Anh 3	+ Hiểu sâu hơn về bản chất, hình thức, và các loại câu hỏi trong phần thi đọc hiểu của bài thi IELTS. + Khả năng trau dồi thêm vốn từ vựng học thuật + Kỹ năng trả lời các dạng câu hỏi đọc hiểu khác nhau trong bài thi đọc hiểu của đề thi IELTS như đọc lướt lấy ý chung (skimming), lấy thông tin cụ thể (scanning), đoán nghĩa từ dựa vào văn cảnh, tìm chủ đề, nội dung chính của đoạn văn, hiểu cấu trúc của đoạn văn, ghép các tiêu đề với các đoạn văn, dán nhãn cho bản đồ, sơ đồ, lưu đồ; hoàn thành bảng, sơ đồ; tóm tắt, trả lời các câu hỏi trắc nghiệm. + Khả năng trả lời được các loại câu hỏi cụ thể với sự hiểu biết, kỹ thuật và chiến lược cụ thể. + Khả năng khai thác các nguồn thông tin và sử dụng các ngữ cảnh từ bài đọc một cách hiệu quả;	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Khả năng khai thác trực giác của chính người học trong khi làm bài kiểm tra đọc hiểu như kỹ thuật cuối cùng. + Sự tiếp cận phần đọc hiểu của bài thi IELTS một cách tự tin hơn với các chiến lược làm bài phù hợp và hiệu quả; + Có kỹ năng làm việc, phối hợp theo nhóm. + Có các kỹ năng tự học, tự tìm tòi khám phá. + Biết trân trọng giá trị của việc đọc sách và tài liệu. + Ý thức tự rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ.			
20.	Kỹ năng viết tiếng Anh 3	- Nắm được những đặc trưng cần thiết về nội dung phong cách viết học thuật với định hướng ứng dụng kỹ năng viết đoạn vào giao tiếp dưới dạng văn bản viết. - Cung cấp cho sinh viên chuyên ngành tiếng Anh những kiến thức căn bản và nâng cao về cách viết văn học thuật (bài luận). Sinh viên nắm được các kĩ năng học và thực hành trên lớp, kỹ năng nhận diện và phân tích và sắp xếp ý tưởng và sử dụng ngôn ngữ phù hợp cho từng thể loại bài văn. Tạo cơ hội cho sinh viên trao đổi chính kiến, triển khai ý và chia sẻ kinh nghiệm thông qua giao tiếp dưới dạng văn bản viết.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
21.	Tiếng Anh viết học thuật	- Nắm được những đặc trưng cần thiết về nội dung phong cách viết học thuật - Cung cấp cho sinh viên chuyên ngành tiếng Anh những kiến thức nâng cao về cách viết văn học thuật Sinh viên nắm được các kĩ năng học và thực hành trên lớp, kỹ năng nhận diện và phân tích và sắp xếp ý tưởng và sử dụng ngôn ngữ phù hợp cho từng thể loại văn bản. Tạo cơ hội cho sinh viên trao đổi chính kiến, triển khai ý và chia sẻ kinh nghiệm thông qua giao tiếp dưới dạng viết văn bản.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
22.	Ngữ pháp tiếng Anh	+ Nắm được kiến thức ngữ pháp cơ bản nhất liên quan đến các thì của động từ, cấu trúc câu chủ động, bị động, câu điều kiện, trực tiếp gián tiếp, mệnh đề quan hệ, các dạng so sánh trong tiếng Anh + Có kĩ năng tổng hợp và chọn lọc để sử dụng các nội dung kiến thức đã học được để vận dụng thành thạo và chính xác các hiện tượng, cấu trúc ngữ pháp tiếng Anh trong các tình huống giao tiếp thông thường + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có thể vận dụng khối kiến thức này bổ trợ cho việc học các học phần tiếng Anh khác cũng như hỗ trợ cho việc hoàn thiện các kỹ năng thực hành tiếng Anh (nghe - nói - đọc - viết). + Sinh viên có cái nhìn cụ thể hơn về ngôn ngữ tiếng Anh. Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của việc sử dụng đúng ngữ pháp tiếng Anh	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
23.	Ngữ âm và âm vị học tiếng Anh	+ Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về Ngữ âm và Âm vị trong tiếng Anh để họ có thể mô tả những đặc điểm cơ bản của phụ âm và nguyên âm trong tiếng Anh, giải thích những thuật ngữ cần thiết cho việc miêu tả âm thanh lời nói. + Sinh viên hiểu rõ hơn về các cơ quan phát âm, các quy tắc và hệ thống phân loại các nguyên âm và phụ âm trong tiếng Anh; sinh viên mô tả được hệ thống cơ quan cấu âm, cách phát âm các nguyên âm, phụ âm đơn lẻ; nắm được kiến thức về đặc điểm phát âm của các nguyên âm và phụ âm trong tiếng Anh dựa trên hệ thống phân loại. + Sinh viên trình bày được hệ thống ký hiệu phiên âm, trọng âm, âm tiết, các quy luật biến đổi của âm vị tiếng Anh, quy tắc nuốt âm, nối âm và ngữ điệu của tiếng Anh, giải thích được các hiện tượng ngữ lưu.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Sinh viên vận dụng tốt các quy tắc ngữ âm trong giao tiếp bằng tiếng Anh, từ đó cải thiện phát âm của bản thân, giúp cho kỹ năng giao tiếp tiếng Anh của sinh viên tự tin và hiệu quả hơn; + Học phần tạo cơ hội cho sinh viên phân biệt và áp dụng ngữ điệu trong từng loại câu khi giao tiếp bằng tiếng Anh dẫn đến sinh viên sẽ phát triển kỹ năng nói tốt hơn. + Xác định được tầm quan trọng của môn học; + Xây dựng tính tích cực học tập và tự học, tự tìm tòi tài liệu để luyện tập thêm về học phần; + Phát huy tối đa khả năng sang tạo khi thực hiện các hoạt động trên lớp cũng như ở nhà; + Nâng cao ý thức tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử.			
24.	Từ vựng học tiếng Anh	+ Nắm được kiến thức cơ bản nhất về đối tượng, mục tiêu, vai trò của từ vựng học Tiếng Anh. + Hiểu được khái niệm, hiện tượng, phân biệt được các loại từ, các mối quan hệ về từ và nghĩa, xác định được ý nghĩa của từ, ngữ và câu + Biết cách vận dụng các quy luật kết hợp từ ngữ, câu để diễn đạt ý nghĩa. + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng nhận diện, phân biệt và trình bày lại cũng như giải thích được các khái niệm, hiện tượng thuộc lĩnh vực từ vựng học + Diễn giải được các từ, ngữ, cấu trúc câu trong các văn bản, bản tin, hội thảo kinh tế. + Áp dụng các kiến thức từ vựng học đã học để diễn đạt ý tưởng tốt nhất và hiệu quả nhất trong giao tiếp hằng ngày + Phát huy kĩ năng làm việc nhóm, trình bày trao đổi đóng góp ý kiến, phản biện bảo vệ quan điểm của mình	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
25.	Lý thuyết dịch	+ Cung cấp kiến thức tổng quát về các đề tài văn hóa, du lịch, kinh tế và y tế + Củng cố một số điểm ngữ pháp cơ bản và vốn từ vựng có liên quan. + Xây dựng kiến thức về các đặc ngữ, thành ngữ trong tiếng Anh và tiếng Việt. + Vận dụng có hiệu quả cấu trúc tiếng Anh và tiếng Việt để dịch chuẩn xác. + Đọc, hiểu và chuyển ngữ đúng, đầy đủ các chủ đề khác nhau. + Hình thành thói quen đoán trước nội dung qua ngữ cảnh. + Tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp. + Nhiệt tình đóng góp xây dưng ý kiếm. + Thái độ học tập chủ động, tích cực và sáng tạo. + Hiểu được cấu trúc câu và cách dùng các đặc ngữ trong tiếng Anh. + Áp dụng được kiến thức đã học vào việc dich các câu từ Anh sang Việt và ngược lại. + Phân biệt được sự khác biệt ngữ nghĩa giữa tiếng Anh và tiếng Việt. + Nhận định được các sắc thái khác nhau của cả hai ngôn ngữ. + Áp dụng được ngôn phong phù hợp trong các ngữ cảnh tương ứng. + Đánh giá được văn bản dịch ở cả hai ngôn ngữ. + So sánh được các thành viên trong nhóm và tổ chức được việc tự học	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
26.	Kỹ năng thuyết trình tiếng Anh	+ Cung cấp kiến thức tổng quát về vai trò, tầm quan trọng của việc xuất hiện và thuyết trình trước công chúng. + Cung cấp kiến thức về việc xây dựng các bước/giai đoạn thực hiện một bài thuyết trình; các phương pháp để thu hút người nghe vào bài thuyết trình; những yếu tố, nguyên nhân làm ảnh hưởng đến bài thuyết trình; đặc điểm, phong cách của người thuyết trình.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Sử dụng hiệu quả vốn từ vựng và kiến thức về cấu trúc câu sử dụng cho bài thuyết trình. + Có khả năng trình bày mạch lạc một vấn đề trước đám đông; + Tham gia thảo luận và làm việc nhóm; + Nói trước công chúng: giọng nói, ngôn ngữ hình thể, di chuyển, cách thu hút người nghe, cách sử dụng các công cụ hỗ trợ + Phản biện và giải quyết tình huống khi có sự cố trong bài thuyết trình; + Nâng cao các kỹ năng ngôn ngữ: nghe, nói, đọc, viết. + Tham gia đầy đủ các buổi học trên lớp và chuẩn bị bài ở nhà theo yêu cầu. + Nhiệt tình đóng góp xây dựng ý kiến. + Thái độ học tập chủ động, tích cực và sáng tạo. + Nhận biết được cấu trúc của một bài thuyết trình + Hiểu được vốn từ, cấu trúc câu và cách dùng các thuật ngữ trong việc thuyết trình một vấn đề bằng tiếng Anh. + Sử dụng hiệu quả vốn từ vựng và kiến thức về cấu trúc câu sử dụng cho bài thuyết trình; trình bày mạch lạc một vấn đề trước đám đông + Giải thích được mô hình giao tiếp ngôn ngữ và phi ngôn ngữ + Tham gia thảo luận và làm việc nhóm + Phản biện và giải quyết tình huống + Xác định và tổng hợp các yếu tố làm nên một bài thuyết trình hiệu quả. + Xây dựng được thái độ tự tin và linh hoạt trong xử lý các tình huống phát sinh khi trình bày hoặc thuyết trình một vấn đề trước đám đông. + Đánh giá được một bài thuyết trình hiệu quả			

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
27.	Tiếng Anh toàn cầu	+ Nắm được kiến thức cơ bản nhất về tiếng Anh toàn cầu + Nắm được lý do chúng ta cần một ngôn ngữ toàn cầu + Hiểu được nền tảng văn hóa cũng như những phát triển chính trị liên quan đến tiếng Anh + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng đọc hiểu và so sánh việc sử dụng tiếng Anh các vùng miền trên thế giới. + Sinh viên có cái nhìn cụ thể hơn về sự phát triển của tiếng Anh toàn cầu Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của việc học tiếng Anh như môt ngôn ngữ toàn cầu	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
28.	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh	+ Nhận diện các phương pháp giảng dạy được sinh viên áp dụng thực tế trên lớp học để có sự so sánh, nhận xét và sau đó chọn ra phương pháp phù hợp nhất cho từng đối tượng học viên. + Thiết kế hiệu quả một tiết bài giảng 4 kỹ năng tiếng Anh (Nghe, Nói, Đọc, Viết) bằng việc áp dụng các phương pháp giảng dạy đã học. + Phát triển kỹ năng trình bài các hoạt động giảng dạy, kỹ năng giảng bài, kỹ năng làm việc nhóm. + Kết hợp linh hoạt có sáng tạo các phương pháp giảng dạy vào từng phần trong bài giảng của một tiết học nhằm tạo sự hứng thú, qua đó không những mang lại hiệu quả về mặt học thuật mà còn mang tính ứng dụng cao.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
29.	Tiếp thụ ngôn ngữ thứ nhất và ngôn ngữ thứ hai	Hiểu sự khác biệt và giống nhau giữa việc tiếp thu ngôn ngữ thứ nhất và thứ hai / tiếp thu đa ngôn ngữ Hiểu vai trò của các yếu tố khác nhau ảnh hưởng đến việc tiếp thu ngôn ngữ như tuổi tác, chuyển trường và môi trường ngôn ngữ và xã hội. Phát triển sự hiểu biết về cách tiếp thu ngôn ngữ dưới dạng ngôn ngữ thứ nhất hoặc ngôn ngữ thứ hai.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Thảo luận về các khóa học có sẵn để tiếp thu ngôn ngữ thứ hai và liệu ngôn ngữ thứ hai thu nhận được thu được bằng cách sử dụng cùng các khoa học và tài nguyên được khai thác bởi ngôn ngữ đầu tiênthu mua Mô tả các lý thuyết chính và phát hiện quan trọng bằng ngôn ngữ thứ nhất và thứ hai nghiên cứu mua lại Phiên dịch và tổng hợp các nghiên cứu nghiên cứu về việc tiếp thu ngôn ngữ thứ hai Làm quen với các kỹ thuật nghiên cứu cổ điển được sử dụng trong nghiên cứu tiếp thu ngôn ngữ thứ hai;			
30.	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị nhân lực	Trang bị cho sinh viên các thuật ngữ tiếng Anh về chuyên ngành Quản trị nhân lực. Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng đọc hiểu và viết các thuật ngữ chuyên ngành Quản trị nhân lực. Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của tiếng Anh chuyên ngành Quản trị nhân lực sử dụng trong nghề nghiệp tương lai.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
31.	Tiếng Anh chuyên ngành Công tác xã hội	Sinh viên nắm được các thuật ngữ Tiếng Anh chuyên ngành Công tác xã hội. Sinh viên được làm quen với việc đọc hiểu được một số bài viết Tiếng Anh chuyên ngành Công tác xã hội ở mức trung bình. Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của tiếng Anh chuyên ngành Công tác xã hội sử dụng trong nghề nghiệp tương lai.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
32.	Tiếng Anh chuyên ngành Bảo hiểm	+Trang bị cho sinh viên chuyên ngành Bảo hiểm các thuật ngữ tiếng Anh về chuyên ngành bảo hiểm như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thương mại + Ôn tập lại một số hiện tượng ngữ pháp. Cung cấp cho sinh viên Khoa Bảo hiểm các kỹ năng đọc hiểu và viết các thuật ngữ chuyên ngành Bảo hiểm. Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của tiếng Anh	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chuyên ngành Bảo hiểm sử dụng trong nghề nghiệp tương lai.			
33.	Tiếng Anh chuyên ngành Kinh tế lao động	Trang bị cho sinh viên các thuật ngữ tiếng Anh về chuyên ngành kinh tế lao động. Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng đọc hiểu và viết các thuật ngữ chuyên ngành kinh tế lao động Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của tiếng Anh chuyên ngành kinh tế lao động sử dụng trong nghề nghiệp tương lai.	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
34.	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh	- Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực quản trị kinh doanh. - Sinh viên nắm được các thuật ngữ chuyên ngành trong lĩnh vực quản trị kinh doanh. - Sinh viên nắm được và ôn tập một số kiến thức ngữ pháp, các kỹ năng nói, đọc, viết. - Sinh viên được làm quen với việc đọc hiểu được một số bài viết chuyên ngành quản trị kinh doanh ở mức trung bình - Hình thành và phát triển kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, tư duy logic. - Hình thành và phát triển năng lực phân tích, tổng hợp, đánh giá các kiến thức đã học. - Hình thành và phát triển kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tổ chức và quản lý các hoạt động học tập. - Hình thành kỹ năng tìm kiếm thông tin trên mạng phục vụ cho việc học. - Hình thành kỹ năng trình bày, giải thích và tranh luận về một vấn đề trước các thành viên khác trong lớp. - Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của tiếng Anh. - Tích cực, chủ động nghiên cứu tài liệu. Tăng cường tự học, tự nghiên cứu	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
35.	Tiếng Anh chuyên ngành Luật	Trang bị cho sinh viên các thuật ngữ tiếng Anh về chuyên ngành luật đặc biệt trú trọng đến lĩnh vực luật kinh tế. Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết các thuật ngữ chuyên ngành Luật. Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của tiếng Anh chuyên ngành sử dụng trong nghề nghiệp tương lai	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
36.	Tiếng Anh chuyên ngành Tâm lý học	Sinh viên nắm được các thuật ngữ chuyên ngành tâm lí học. Sinh viên được làm quen với việc đọc hiểu được một số bài viết chuyên ngành tâm lí ở mức trung bình. Sinh viên được làm quen với việc đọc hiểu được một số bài viết chuyên ngành Tâm lí học ở mức trung bình. Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của tiếng Anh chuyên ngành Tâm lí học sử dụng trong nghề nghiệp tương lai.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
37.	Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán	Trang bị cho sinh viên các thuật ngữ tiếng Anh về chuyên ngành Kế toán. Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng đọc hiểu, dịch tài liệu, thuyết trình và viết các thuật ngữ chuyên ngành Kế toán. Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của tiếng Anh chuyên ngành kế toán sử dụng trong nghề nghiệp tương lai.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
38.	Tiếng Anh chuyên ngành Kiểm toán	Trang bị cho sinh các thuật ngữ tiếng Anh về chuyên ngành Kiểm toán. Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng đọc hiểu và viết các thuật ngữ chuyên ngành kiểm toán. Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của tiếng Anh chuyên ngành kiểm toán sử dụng trong nghề nghiệp tương lai.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
39.	Tiếng Anh chuyên ngành	Trang bị cho sinh viên các thuật ngữ tiếng Anh về chuyên ngành Tài chính- Ngân hàng.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	Tài chính - Ngân hàng	Cung cấp cho sinh viên các kỹ năng đọc, dịch và viết các thuật ngữ chuyên ngành Tài chính- Ngân hàng Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của tiếng Anh chuyên ngành Tài chính- Ngân hàng sử dụng trong nghề nghiệp tương lai			kết thúc học phần 60%
40.	Tiếng Anh chuyên ngành Công nghệ thông tin	- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên chuyên ngành Công nghệ thông tin các thuật ngữ tiếng Anh về chuyên ngành Công nghệ thông tin. - Kỹ năng: Các kỹ năng đọc và viết các thuật ngữ chuyên ngành Công nghệ thông tin. - Thái độ học tập nghiêm túc, tích cực, chủ động. - Tăng cường tự học, tự nghiên cứu.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
41.	Kiểm tra, đánh giá trong giảng dạy tiếng Anh	+ Nắm được kiến thức cơ bản nhất về môn học Kiểm tra đánh giá trong giảng dạy Tiếng Anh: Các khái niệm, các dạng bài kiểm tra đánh giá Tiếng Anh thường gặp…. + Nắm được các quy trình, kỹ thuật để thiết kế một bài kiểm tra, bài thi phù hợp với từng đối tượng, từng lớp học. + Nhận diện được các lỗi thường xuất hiện khi thiết kế bài kiểm tra, bài thi cũng như cách đo lường mức độ tin cậy, độ khó, độ chuẩn xác. + Phát triển kỹ năng tự học, làm việc nhóm, thảo luận, và trình bày trước lớp + Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của môn học Kiểm tra đánh giá trong giảng dạy Tiếng Anh trong môi trường sư phạm.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
42.	Thực tập cuối khóa	Học phần này nhằm củng cố các kiến thức về Ngôn ngữ Anh đã được học để vận dụng vào thực tiễn. Học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng thực hành tiếng Anh, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng làm việc độc lập, kỹ	4	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		năng làm việc nhóm, kỹ năng xây dựng kế hoạch…trong môi trường thực tế. Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ 2, thành thạo tin học, sử dụng một số phần mềm liên quan đến các công việc được đảm nhiệm Phát triển khả năng học tập, nghiên cứu, khẳng định bản thân, rèn luyện tư duy hệ thống và độc lập; Trau dồi phẩm chất chính trị, tuân thủ pháp luật, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần hợp tác. Có định hướng tích lũy kiến thức chuyên môn cho nghề nghiệp trong tương lai ngay từ khi còn là sinh viên.			
43.	Khóa luận tốt nghiệp	Học phần này nhằm củng cố kiến thức chuyên sâu về chuyên ngành Ngôn ngữ Anh đã được học để vận dụng vào thực tiễn. Học phần rèn luyện cho sinh viên kỹ năng phân tích tổng hợp và tự nghiên cứu các vấn đề liên quan đến ngành Ngôn ngữ Anh trong các hoạt động thực tiễn tại cơ sở thực tập. Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ 2, thành thạo tin học, sử dụng phần mềm phục vụ nghiên cứu Có ý thức đúng đắn, nghiêm túc, khách quan và khoa học trong việc đánh giá các hoạt động liên quan đến chuyên môn tại các đơn vị thực tập. Có ý thức nghiên cứu khoa học trong các vấn đề lý thuyết và thực tiễn liên quan đến tiếng Anh. Có định hướng tích lũy kiến thức chuyên môn cho nghề nghiệp trong tương lai ngay từ khi còn là sinh viên.	6	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
44.	Biên - Phiên dịch nâng cao	- Củng cố và nâng cao kiến thức Biên-Phiên dịch; - Xác định được những cấu trúc thường dùng, cơ bản và cần thiết cho việc dịch ở cấp độ cao; - Xác định được những vấn đề thường gặp trong dịch thuật nâng cao;	3	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- phân tích câu dài, đoạn vẽn, nhất là các đoạn trích trong báo chí thương mại cập nhật, hướng đến diễn đạt bằng ngôn ngữ đích; - trình bày ý kiến cá nhân, tham gia phản biện thông qua làm việc nhóm và thuyết trình trước lớp. - Nâng cao khả năng biên-phiên dịch với các bài học khó hơn. Sinh viên sẽ làm quen với lý thuyết dịch và áp dụng vào bài dịch cụ thể. Sinh viên được nâng cao từ vựng song ngữ, biết sử dụng các công cụ dịch thuật hiệu quả, biết được cách phân tích và dịch văn bản, nắm được cấu trúc phức tạp đặc biệt của văn bản, so sánh và đối chiếu cấu trúc ngôn ngữ trong tiếng Anh và tiếng Việt. - Sử dụng hiệu quả vốn từ vựng (đặc biệt là từ vựng chuyên ngành như Công tác Xã hội, Luật, Tâm lý, Kinh doanh, Kinh tế, Nhân lực, Tài chính. Kế toán, Bảo hiểm, ví dụ từ báo và tạp chí) để dịch từ tiếng Anh sang tiếng Việt và ngược lại.			
45.	Lý thuyết tiếng Anh tổng hợp	Tổng quan về sự phát triển của lý thuyết ngôn ngữ Xác định tầm quan trọng của lý thuyết trong phân tích ngôn ngữ. Phân tích và nghiên cứu các lý thuyết ngôn ngữ học hiện đại. Phân tích các phương pháp tiếp cận ngôn ngữ hiện đại và hậu hiện đại.	3	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
46.	Triết học Mác - Lênin	+ Sinh viên nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác- Lênin; nắm được những nội dung cơ bản, hệ thống về triết học Mác- Lênin và vai trò của triết học trong đời sống xã hội. + Sinh viên từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất cho bản thân, làm nền tảng lí luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung của các môn học khác.	3	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để giải thích một số hiện tượng mang tính phổ biến diễn ra trong lĩnh vực tự nhiên, xã hội và tư duy. + Sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu Kinh tế chính trị Mác- Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, hiểu được cơ sở lý luận của Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng. + Sinh viên có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. + Tăng cường bản lĩnh chính trị, tính chủ động, tự tin cho sinh viên, từng bước xây dựng, củng cố niềm tin vào con đường cách mạng mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã chọn, từ đó góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.			
47.4	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	+ Sinh viên xác định được đối tượng, mục đích, ý nghĩa và những yêu cầu về mặt phương pháp của môn học. + Người học nắm được một cách hệ thống kiến thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin bao gồm: Các khái niệm, phạm trù, quy luật kinh tế chủ yếu của kinh tế thị trường; Những vấn đề kinh tế - chính trị của thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam. + Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để học tập và nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn. + Người học nắm được một cách hệ thống kiến thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin bao gồm: Các khái niệm, phạm trù, quy luật kinh tế chủ yếu của kinh tế thị trường; Những vấn đề kinh tế - chính trị của thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam. + Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc đóng góp ý kiến xây dựng, bảo vệ, thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Người học hình thành được phẩm chất đạo đức cách mạng, lập trường chính trị tư tưởng vững vàng, có niềm tin vào sự nghiệp đổi mới đất nước.			
48. 4	Tư tưởng Hồ chí Minh	+ Sinh viên xác định được đối tượng, mục đích, ý nghĩa và những yêu cầu về mặt phương pháp của môn học. Về kiến thức: + Sinh viên xác định được đối tượng, mục đích, ý nghĩa và những yêu cầu về mặt phương pháp của môn học. + Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản vè khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. + Có khả năng tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác. + Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc đóng góp ý kiến xây dựng, bảo vệ, thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. + Sinh viên được nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
49. 4	Lịch sử Đảng Cộng sản VN	Học phần này trang bị những kiến thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong các thời kỳ đấu tranh giành chính quyền	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		(1930-1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - nay). Trang bị những kiến thức cơ bản của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để học tập và nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn. Từ đó, phân tích, lập luận để bảo vệ những quan điểm tư tưởng đúng đắn, phê phán, bác bỏ một cách có hiệu quả những tư tưởng, quan niệm sai lầm về lịch sử của Đảng. Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần. Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc đóng góp ý kiến xây dựng, bảo vệ, thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Tăng cường tính chủ động, tự tin trong việc tìm kiếm những tri thức khoa học mới, từ đó góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.			kết thúc học phần 60%
50. 5	Chủ nghĩa xã hội khoa học	+ Nghiên cứu môn học này nhằm giúp người học nắm được nắm được kiến thức cơ bản về sự ra đời; các giai đoạn phát triển; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận hợp thành Chủ nghĩa Mác - Lênin + Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nhận thức được những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu môn học + Học tập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học giúp cho sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết tình hình thực tiễn trong nước và thế giới trong bối cảnh đổi mới đất nước gắn với hội nhập khu vực và thế giới hiện nay.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Giúp cho sinh viên có khả năng vận dụng các tri thức của Chủ nghĩa xã hội khoa học vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước có liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta + Hình thành cho sinh viên thái độ chính trị vững vàng, tư tưởng đúng đắn về môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học. + Đồng thời, giúp cho sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về nền tảng tư tưởng của Đảng ta.			
51.	Pháp luật đại cương	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: + Nhà nước (nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, chức năng, hình thức, kiểu nhà nước); nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; + Pháp luật (nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, vai trò, hình thức, kiểu pháp luật, quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý); + Một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; pháp chế XHCN; pháp luật về phòng chống tham nhũng. Người học có kỹ năng phân tích cơ cấu của quy phạm pháp luật; xác định hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật; phân tích cấu thành của quan hệ pháp luật; nhận biết hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý tương ứng. Người học vận dụng được kiến thức đã học để làm kiến thức nền phục vụ nghiên cứu một số môn học luật chuyên ngành trong chương trình đào tạo. Đồng thời, người học có kỹ năng thuyết trình về một vấn đề của pháp luật; có kỹ năng điều hành hoạt động nhóm, tham gia hoạt động nhóm; có kỹ năng ghi biên bản cuộc họp. Người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của môn học ứng dụng vào học tập và cuộc sống của bản thân; thấy được vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội, từ đó nâng cao ý thức thực hiện pháp	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		luật, tuyên truyền ý thức thực hiện pháp luật với cộng đồng xung quanh. Đồng thời, người học biết cách tra cứu và tự cập nhật các văn bản pháp luật để phục vụ cho công việc và có ý thức tự điều chỉnh công việc của mình theo những quy định của pháp luật.			
52.	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	+ Nghiên cứu môn học này nhằm giúp người học nắm được khái niệm, ý nghĩa của môn học; nắm được bản chất của khoa học, nghiên cứu khoa học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học, cách thức tiến hành nghiên cứu và trình bày một công trình khoa học (viết bài báo khoa học; tiểu luận, báo cáo thực tập và khóa luận tốt nghiệp…). + Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nhận thức được các nguyên tắc cơ bản của nhận thức luận khoa học, các quy luật tư duy của khoa học, các phương pháp dự báo khoa học và quản lý khoa học cũng như đảm bảo đạo đức của người làm khoa học. + Học tập môn khoa học bước đầu giúp sinh viên có kỹ năng xác định một đề tài nghiên cứu khoa học, đồng thời cũng hình thành và phát triển khả năng hiểu và phân tích, đánh giá một công trình nghiên cứu khoa học cụ thể. + Giúp cho sinh viên những bước cơ bản nhất để rèn luyện các kỹ năng tư duy, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tìm tài liệu và làm việc nhóm; phát triển kỹ năng nghiên cứu và đánh giá nghiên cứu khoa học. + Hình thành tinh thần yêu thích, ham mê khoa học, nghiên cứu khoa học, tăng cường tính chủ động, tự tin trong việc tìm kiếm những tri thức khoa học mới. + Thái độ nghiêm túc, cầu thị, cẩn trọng trong nghiên cứu khoa học.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
53.	Tin học cơ bản 1	Trang bị cho sinh viên các kiến thức đại cương về tin học, đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành; Nắm vững kiến thức cơ bản sử dụng máy tính điện tử, phần mềm hệ thống (Windows); Nắm vững nguyên tắc làm việc với phần mềm soạn thảo văn bản (Microsoft Word), phần mềm bảng tính (Microsoft Excel), phần mềm trình chiếu (Microsoft PowerPoint) Sinh viên sau khi học xong phải sử dụng thành thạo hệ điều hành Windows; Sử dụng thành thạo các phần mềm Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint để soạn thảo và trình bày văn bản nhanh chóng, đúng quy định, chuyên nghiệp và khoa học, thiết kế các trang bảng tính và sử dụng tốt các hàm thông dụng của Excel để tính toán, phân tích, tổng hợp dữ liệu (như bảng lương, bảng kế toán, bảng dự toán,…). Tạo một bài trình chiếu (quản lý các trang chiếu và tệp trình chiếu, đưa các đối tượng vào trang chiếu, tạo và quản lí các hiệu ứng, thực hiện trình chiếu...). Nhận thức được tầm quan trọng của việc áp dụng Tin học trong học tập cũng như trong công việc thực tế. Sinh viên phải lên lớp và làm các bài tập thực hành để nắm được các nội dung của học phần; nhiệt tình tham gia các buổi thảo luận, thực hành ở trên lớp.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
54.	Tin học cơ bản 2	Nắm vững các kiến thức về: Cơ sở dữ liệu, Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Microsoft Access. Cách thức xây dựng, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu thông qua Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Microsoft Access.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Sinh viên sau khi học xong phải sử dụng thành thạo phần mềm Microsoft Access để xây dựng, quản lý và khai thác các cơ sở dữ liệu vừa và nhỏ. Có khả năng ứng dụng các lý thuyết đã học để tự xây dựng các bài toán quản lý trong thực tế cuộc sống. Nhận thức được tầm quan trọng của việc áp dụng Tin học trong học tập cũng như trong công việc thực tế. Rèn luyện sinh viên thành người có tính cẩn thận, có tác phong làm việc khoa học, chuẩn xác; có tư duy logic và khả năng quản lý tốt. Sinh viên phải lên lớp và làm các bài tập thực hành để nắm được các nội dung của học phần; nhiệt tình tham gia các buổi thảo luận, thực hành ở trên lớp.			
55.	Đại cương văn hóa Việt Nam	Người học trình bày được các khái niệm, thuật ngữ về Văn hóa . Người học giải thích được những kiến thức cơ bản và có hệ thống về cơ sở hình thành, quá trình hình thành và các đặc trưng cơ bản của văn hóa Việt Nam. Phân biệt được những nét riêng, độc đáo làm nên bản sắc văn hóa truyền thống Việt Nam. Giải thích được vai trò nền tảng của văn hóa trong sự phát triển bền vững của xã hội. Người học vận dụng kỹ năng tìm kiếm, thu thập thông tin và xử lý tư liệu. Rèn luyện khả năng tư duy logic, các kỹ năng phân tích, suy luận, hệ thống hoá, khái quát trong việc nghiên cứu một vấn đề văn hóa nói riêng và các vấn đề khoa học xã hội nói chung. Người học biết tôn trọng và tự hào, từ đó có ý thức gìn giữ, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Có ý thức tôn trọng các nền văn hóa khác, biết tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại để làm giàu cho vốn văn hóa truyền thống. Củng cố và nâng cao vốn văn hóa cho bản thân, xây dựng lối sống lành mạnh nhằm góp phần hoàn thiện tâm hồn, nhân cách để trở thành những con người	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phát triển toàn diện, hài hòa, tạo nền tảng và động lực cho sự phát triển bền vững của xã hội. Có trách nhiệm của một công dân với xã hội; Có sức khỏe tốt để làm việc, năng động và bản lĩnh, luôn sẵn sàng làm việc trong điều kiện môi trường công việc với áp lực cao cùng tinh thần luôn cầu tiến và ham học hỏi.			
56.	Xã hội học đại cương	Người học nhận biết và vận dụng những kiến thức và phương pháp cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển, các khái niệm, phạm trù, phương pháp và các lĩnh vực nghiên cứu của xã hội học. Trang bị những kiến thức nền về xã hội học để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành chuyên sâu và chuyên ngành liên quan. Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học để đạt được mục tiêu học tập học phần. Vận dụng các kiến thức và kỹ năng đã học vào thực tiễn, nghề nghiệp và đời sống. Tuân thủ pháp luật, tuân thủ các quy định chung của Nhà trường và các quy định riêng của học phần do giảng viên phụ trách đưa ra. Hình thành thái độ khách quan, khoa học đối với những vấn đề trong đời sống xã hội	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
57.	Tâm lý học đại cương	Học phần này trang bị những kiến thức lý luận cơ bản về tâm lý học; khái niệm, đặc điểm, các quy luật của các quá trình tâm lý, trạng thái tâm lý và thuộc tính tâm lý; khái niệm, cấu trúc và các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển tâm lý người Trang bị những kiến thức nền quan trọng về tâm lý học để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành chuyên sâu và chuyên ngành liên quan. Vận dụng và rèn luyện cho sinh viên một số những hiểu biết, kĩ năng để các em vận dụng trong cuộc sống, công việc một cách hiệu quả	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần			
58.	Logic học	Học phần này trang bị cho sinh viên: - Khái niệm lôgíc học; định nghĩa khái niệm và đặc điểm chung của khái niệm, định nghĩa và phân chia khái niệm; phán đoán và hình thức ngôn ngữ của phán đoán, phán đoán đơn đặc tính và phán đoán phức; quy luật lôgíc cùng các yêu cầu của quy luật đồng nhất, quy luật cấm mâu thuẫn, quy luật loại trừ cái tứ ba, quy luật lý do đầy đủ; suy luận và đặc điểm bản chất của suy luật, suy luận trực tiếp và suy luận gián tiến, suy luận quy nạp và suy luận tương tự; chứng minh, bác bỏ và giả thuyết. - Có khả năng xây dựng được 1 định nghĩa khái niệm hoàn chỉnh dựa trên cơ sở nội hàm của khái niệm; thực hiện phân chia được khái niệm dựa trên cơ sở ngoại diên của khái niệm. Tìm và xác định được tính chu diên cũng như mối quan hệ giữa các phán đoán có cùng chủ từ, vị từ. Xây dựng được luận ba đoạn phù hợp với mỗi loại hình đảm bảo các quy luật của lôgíc, chuyển và đưa luận hai đoạn về luận ba đoạn hoàn chỉnh. - Chứng minh, bác bỏ và giả thuyết trong nghiên cứu các luận đề khoa học. Qua đó, sinh viên nắm được những nội dung cơ bản của logic học hình thức. Sinh viên có - Khả năng tư duy lôgíc đảm bảo tính hệ thống, chặt chẽ, khoa học và mang tính tất yếu.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Từng bước rèn luyện, nâng cao trình độ tư duy logic, tạo thói quen suy nghĩ, lập luận chặt chẽ, rõ ràng, có cơ sở, có hệ thống để đạt tới những tri thức chính xác, khách quan và khoa học. - Khả năng vận dụng các kiến thức đã học để học tập, nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn. - Kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần. - Có thái độ nghiêm túc, đúng đắn và khoa học về bản chất của các vấn đề lôgíc học. - Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu, phân tích, lập luận để bảo vệ những quan điểm tư tưởng đúng đắn, phê phán, bác bỏ một cách có hiệu quả những tư tưởng, quan niệm sai lầm, lối tư duy ngụy biện, tráo trở.			
59.	Tiếng Trung Quốc 1	+ Có kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp tiếng Trung Quốc. Sinh viên có thể nói, viết những câu đơn giản bằng tiếng Trung Quốc và nghe các đoạn hội thoại ngắn bằng tiếng Trung Quốc. + Có kĩ năng tổng hợp và chọn lọc để sử dụng các nội dung kiến thức đã học được để vận dụng thành thạo tiếng Trung Quốc để nghe, nói, đọc, viết về các chủ đề đơn giản trong cuộc sống như: gia đình, giới thiệu bản thân, mua bán, ăn uống, học tập, nơi ở, đổi tiền…trong các tình huống hàng ngày. + Tiếp thu chủ động có định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh; hoàn thiện và phát triển các kiến thức nhằm nâng cao năng lực bản thân; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nâng cao năng lực giao tiếp độc lập, tự tin bằng ngoại ngữ của sinh viên, giúp sinh viên chủ động sử dụng tiếng Trung Quốc trong giao tiếp. Hình thành niềm say mê, hứng thú học tập đối với tiếng Trung Quốc.	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Rèn luyện tính phản xạ trong các tình huống giao tiếp hàng ngày bằng tiếng Trung Quôc + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng đọc hiểu những tài liệu bằng tiếng Trung Quốc + Sinh viên có cái nhìn cụ thể hơn về ngôn ngữ Trung Quốc. + Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của việc học tiếng Trung Quốc			
60.	Tiếng Trung Quốc 2	Kỹ năng tổng hợp và chọn lọc để sử dụng các nội dung kiến thức đã học được đê vận dụng thành thạo tiếng Hán để nói về các chủ đề đơn giản trong cuộc sống như: cách biểu đạt thời gian, phương vị, địa điểm; biểu đạt sự tồn tại của sự vật; biểu đạt mong muốn của bản thân; biết cách thực hành chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi, tạm biệt… trong thực tế giao tiếp; biết vận dụng thành thạo tiếng Hán để hỏi thăm, giới thiệu, giải thích những vấn đề đơn giản trong giao tiếp. Kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp tiếng Trung Quốc. Sinh viên có thể nói, viết những câu đơn giản bằng tiếng Trung Quốc và nghe các đoạn hội thoại ngắn bằng tiếng Trung Quốc. Sự chủ động định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh; hoàn thiện và phát triển các kiến thức nhằm nâng cao năng lực bản thân; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nâng cao năng lực giao tiếp độc lập, tự tin bằng ngoại ngữ của sinh viên, giúp sinh viên chủ động sử dụng tiếng Hán trong giao tiếp. Hình thành niềm say mê, hứng thú học tập đối với tiếng Hán.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
61.	Tiếng Trung Quốc 3	Có kiến thức cơ bản về từ vựng, ngữ âm, ngữ pháp tiếng Trung Quốc. Sinh viên có thể nói, viết những câu đơn giản bằng tiếng Trung Quốc và nghe các đoạn hội thoại ngắn bằng tiếng Trung Quốc.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Có kĩ năng tổng hợp và chọn lọc để sử dụng các nội dung kiến thức đã học được để vận dụng thành thạo tiếng Hán để nói về các chủ đề đơn giản trong cuộc sống như: cách biểu đạt thời gian, phương vị, địa điểm; biểu đạt sự tồn tại của sự vật; biểu đạt mong muốn của bản thân; biết cách thực hành chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi, tạm biệt… trong thực tế giao tiếp; biết vận dụng thành thạo tiếng Hán để hỏi thăm, giới thiệu, giải thích những vấn đề đơn giản trong giao tiếp…. Người học còn có kỹ năng đánh giá, học hỏi và giúp đỡ người khác thông qua các hoạt động nhóm. Tiếp thu chủ động định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh; hoàn thiện và phát triển các kiến thức nhằm nâng cao năng lực bản thân; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn, nâng cao năng lực giao tiếp độc lập, tự tin bằng ngoại ngữ của sinh viên, giúp sinh viên chủ động sử dụng tiếng Hán trong giao tiếp. Hình thành niềm say mê, hứng thú học tập đối với tiếng Hán.			
62.	Thể dục điền kinh	Hiểu được tầm quan trọng của học phần Thể dục - Điền kinh là môn thể thao nền tảng cho hoạt động thể lực và các môn thể thao khác. Nắm được kỹ thuật bài tập phát triển chung 13 động tác. Nắm được các kiến thức về kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bung, một số điều luật thi đấu cơ bản của nội dung nhảy cao. Có kỹ năng thực hiện bài tập phát triển chung 13 động tác. Thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bụng. Giáo dục phát triển các tố chất thể lực như: sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo khéo léo, hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cần thiết, bổ trợ và rèn luyện thể lực chuyên môn cho các môn thể thao khác.		Học kỳ 1 và 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Sinh viên nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy định của Nhà trường và Bộ môn, tự giác, tích cực thực hiện các nội dung học tập trên lớp và bài tập thể lực, bài tập bổ trợ ở nhà. Sinh viên phải có thái độ học tập tích cực, chủ động. Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá của môn học			
63.	Bóng chuyền 1	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng chuyền với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng chuyền. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
64.	Bóng chuyền 2	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng chuyền với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng chuyền. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Tham gia thực hiện các bài kiểm tra Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng chuyền với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng chuyền. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			
65.	Bóng rổ 1	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng rổ với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng rổ. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
66.	Bóng rổ 2	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng rổ với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng rổ.			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			kết thúc học phần 60%
67.	Cầu lông 1	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Cầu lông với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Cầu lông. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
68.	Cầu long 2	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Cầu lông với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Cầu lông. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			
69.	Cờ vua 1	- Hiểu được tầm quan trọng của học phần cờ vua 1 là môn thể thao phát triển khả năng tính toán, tư duy, logic... - Nắm được kiến thức về nguồn gốc ra đời, lịch sử phát triên của môn cờ vua . - Nắm được cách chơi cờ, những tri thức cơ bản trong cờ vua) - Nắm được các kiến thức về giai đoạn tàn cuộc của ván đấu . Có kỹ năng thực hiện bài tập của giai đoạn tàn cuộc. Thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của giai đoạn tàn cuộc Giáo dục phát triển toàn diện đặc biệt là rèn luyện tính kiên trì, khả năng tuy duy, phát triển trí thông minh Sinh viên nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy định của nhà trường, tự giác, tích cực thực hiện các nội dung học tập trên lớp và bài tập ở nhà . Sinh viên phải có thái độ học tập tích cực, chủ động. Sinh viên tham gia đầy đủ 2 bài kiểm tra đánh giá kết thúc môn học cờ vua 1			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
70.	Cờ vua 2	Hiểu được tầm quan trọng của học phần cờ vua 2 là môn thể thao phát triển trí tuệ một cách toàn diện, rèn luyện trí nhớ, tư duy logic Nắm được kiến thức về nguồn gốc ra đời, lịch sử phát triên của môn cờ vua . Những tri thức trong cờ vua và các giai đoạn của tàn cuộc Nắm được các kiến thức về giai đoạn khai cuộc của ván đấu . Có kỹ năng thực hiện bài tập của giai đoạn khai cuộc.Thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của giai đoạn khai cuộc			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Giáo dục phát triển các tố chất thể lực như: sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo, hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cần thiết, bổ trợ và rèn luyện thể lực chuyên môn cho các môn thể thao khác. Sinh viên nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy định của nhà trường và Bộ môn, tự giác, tích cực thực hiện các nội dung học tập trên lớp và bài tập ở nhà . Sinh viên phải có hái độ học tập tích cực, chủ động. Sinh viên tham gia đầy đủ các bài đánh giá			
71.	Cờ vua 3	Hiểu được tầm quan trọng của học phần cờ vua 2 là môn thể thao nền tảng cho hoạt động thể lực và các môn thể thao khác. Nắm được kiến thức về nguồn gốc ra đời, lịch sử phát triên của môn cờ vua . Nắm được các kiến thức về giai đoạn trung cuộc của ván đấu . Có kỹ năng thực hiện bài tập của giai đoạn trung cuộc . Thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của giai đoạn trung cuộc Giáo dục phát triển các tố chất thể lực như: sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo, hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cần thiết, bổ trợ và rèn luyện thể lực chuyên môn cho các môn thể thao khác. Sinh viên nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy định của nhà trường và Bộ môn, tự giác, tích cực thực hiện các nội dung học tập trên lớp và bài tập ở nhà . Sinh viên phải có hái độ học tập tích cực, chủ động. Sinh viên phải tham gia đầy đủ 2 bài kiểm tra đánh giá kết thúc học phần cờ vua 3			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
72.	Đường lối quốc phòng và an ninh của	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: - Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc - Các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an			

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	Đảng Cộng Sản Việt Nam	ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân để ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược dưới mọi hình thức, qui mô. - Thực hiện kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh; tìm hiểu về nghệ thuật quân sự từ khi có Đảng lãnh đạo và lịch sử truyền thống vẻ vang của Quân đội nhân dân Việt Nam; những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội. - Vận dụng những kiến thức đã học nhằm nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. - Hình thành tác phong kỷ luật, ý thức tập thể, phát huy trí tuệ tập thể trong học tập và thảo luận nhóm. - Phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng thu thập, xử lý thông tin trong học tập nghiên cứu của sinh viên về các nội dung chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế của Đảng và Nhà nước ta. - Có ý thức bảo vệ, truyền bá đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về Quốc phòng - An ninh. - Xây dựng niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, đấu tranh làm thất bại các luận điểm sai trái phản động bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN. - Có thái độ, nhận thức đầy đủ, đúng đắn về Nhiệm vụ của sinh viên đối với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của đất nước.			
73.	Công tác quốc phòng an ninh	Học phần trang bị cho người học kiến thức về: - Phòng, chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. - Vấn đề dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; an			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội. - Những kiến thức cơ bản về an ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống; an toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; phòng, chống vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông; phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác góp phần bảo vệ an ninh quốc gia giữ gìn trật tự an toàn xã hội; bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa. - Góp phần phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng trong nghiên cứu, phân tích, tổng hợp của sinh viên về các nội dung; chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế của Đảng và Nhà nước ta; đề xuất các giải pháp thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước về quốc phòng, an ninh. - Hiểu thêm cách xây dựng và quy trình đánh giá kết quả học tập của môn học Giáo dục quốc phòng và An ninh, nâng cao khả năng làm việc độc lập của sinh viên. - Tăng cường kỹ năng trong thu thập, xử lý thông tin trước trong và sau mỗi bài học. - Nâng cao lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội nâng cao trách nhiệm của sinh viên, gương mẫu thực hiện đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước chủ động đấu tranh làm thất bại âm mưu chống phá của các thế lực thù địch, góp phần xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa. - Quán triệt sâu sắc đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và công tác quốc phòng, an ninh. - Hình thành nề nếp sinh hoạt, ý thức chấp hành kỷ luật nghiêm túc			

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trong học tập. - Luôn tin tưởng, làm theo đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng. Không để các thế lực thù địch lôi kéo, dụ dỗ đi sai đường lối cách mạng Việt Nam.			
74.	Quân sự chung	Học phần trang bị cho người học kiến thức: -Những nội dung cơ bản về quân sự, an ninh; hiểu biết về các quân, binh chủng trong quân đội, về các chế độ sinh hoạt, công tác trong ngày, tuần, nề nếp chính quy trong đơn vị quân đội; hiểu biết về bản đồ địa hình quân sự, vũ khí công nghệ cao và thi đấu ba môn quân sự phối hợp. -Lịch sử ra đời, truyền thống chiến đấu, lao động của các quân binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam, tác phong chính quy, nề nếp làm việc và kỹ năng phòng thủ dân sự khi có chiến tranh xảy ra, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa. Xây dựng tác phong, nề lối làm việc chính quy kỷ luật, lối sống giản dị, ngăn nắp; nâng cao lòng tự hào dân tộc, về quân đội anh hùng, từ đó xây dựng bản lĩnh, phẩm chất cách mạng cho mình, phấn đấu thực hiện tốt nhiện vụ học tập, công tác góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng của Đảng, của dân tộc trong giai đoạn cách mạng hiện nay. Nâng cao phẩm chất, đạo đức, lối sống, rèn luyện tính kỷ luật và tác phong chính quy từ đó hình thành lối sống và làm việc nghiêm túc; có kiến thức về quân sự chung, có thái độ nghiêm túc với việc xây dựng nền Quốc phòng toàn dân, An ninh nhân dân, sẵn sàng tham gia xây dựng quân đội khi tổ quốc cần. Hình thành nề nếp sinh hoạt, ý thức chấp hành kỷ luật, tác phong làm việc nghiêm túc phục vụ cho việc học tập và công tác sau này.			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chí	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
75.	Kỹ thuận chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: - Kiến thức về sử dụng súng tiểu liên AK (Tính năng cấu tạo, quy tắc sử dụng súng, lý thuyết ngắm bắn, đường ngắm, mục tiêu và những vấn đề ảnh hưởng đến phát bắn); lựu đạn (tính năng, cấu tạo và cách ném lựu đạn) - Người học hiểu được kỹ thuật chiến đấu của bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới); - Sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí thông thường như bắn súng tiểu liên AK, (trình tự các bước trong thực hành bắn, kỹ năng ngắm bắn...) - Sử dụng lựu đạn (quy tắc, chuẩn bị và thực hành ném lựu đạn); - - Vận dụng được trong luyện tập thực hành các động tác của chiến sĩ trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ cảnh giới. - Người học có thái độ đúng mức khi tiếp cận hoặc sử dụng các loại vũ khí đặc biệt là súng, đạn; có ý thức trách nhiệm khi làm nhiệm vụ liên quan đến ANCT, TTATXH và tham gia các hoạt động quân sự, an ninh; - Sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc - Rèn luyện tác phong của người chiến sĩ; hình thành nếp sống có kỷ luật (Quân trang, quân phục, đội hình, đội ngũ...), ý thức cộng đồng ở trường, lớp và khi ra công tác có thể làm lực lượng nòng cốt trong các nhiệm vụ quân sự, an ninh tại đơn vị cơ sở.			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

Ngành Quản trị Dịch vụ du lịch và Lữ hành

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Kinh tế vi mô	Hiểu được các khái niệm và mô hình cơ bản trong phân tích kinh tế vi mô. Nắm được Cách thức thị trường hàng hóa, thị trường các yếu tố đầu vào sản xuất hoạt động như thế nào. Các kết cục do chính sách can thiệp vào thị trường của Chính phủ; Nắm và hiểu được nguyên tắc ra quyết định kinh tế tối ưu của các tác nhân riêng rẽ (người tiêu dùng, người sản xuất…) trong nền kinh tế và sự tương tác giữa các tác nhân này trong từng cấu trúc thị trường khác nhau. Có thể đọc hiểu các bài viết, phân tích về kinh tế được bàn luận trên các phương tiện truyền thông đại chúng như sách, báo, đài và tạp chí; có khả năng sử dụng các lý thuyết kinh tế, mô hình kinh tế đã học để trình bày hoặc lý giải một số hiện tượng kinh tế diễn ra hàng ngày. Góp phần giúp có tính cẩn thận và trách nhiệm khi đưa ra quyết định lựa chọn trong thực tế; có khả năng quản lý tốt, tránh lãng phí các nguồn lực của bản thân, gia đình và xã hội từ đó góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong nền kinh tế nói chung.	3	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
2	Kinh tế vĩ mô	Hiểu được những kiến thức cơ bản, các khái niệm và cách thức đo lường các biến số kinh tế vĩ mô của nền kinh tế. Hiểu được cách thức vận hành và những mối quan hệ kinh tế chủ yếu của một nền kinh tế thông qua các lý thuyết và mô hình cơ bản. Hiểu và phân tích được bản chất của các biến động kinh tế vĩ mô và cách thức giải quyết chúng. Hiểu được cách thức vận dụng các chính sách tài khóa và tiền tệ nhằm góp phần giảm bớt các biến động kinh tế có tính chu kỳ.	3	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Người học có kỹ năng sử dụng một số phương pháp phân tích tối ưu, phân tích cân bằng tổng thể trong việc nghiên cứu, phân tích, đánh giá một số hiện tượng sự kiện, và chính sách kinh tế vĩ mô. Người học có ý thức trách nhiệm và thái độ tích cực tự rèn luyện nâng cao hiểu biết về các vấn đề kinh tế, phân tích chính sách để có thể đáp ứng được yêu cầu của xã hội đang trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.			
3	Nguyên lý thống kê	Giúp cho sinh viên nắm được quá trình nghiên cứu thống kê, tổng hợp tài liệu thống kê thông qua phương pháp phân tổ thống kê. Nắm vững các phương pháp phân tích thống kê như: phân tích hồi quy và tương quan để nghiên cứu mối liên hệ giữa các tiêu thức; Phân tích đặc điểm và xu thế vận động của hiện tượng qua thời gian; sử dụng hệ thống chỉ số phân tích biến động của hiện tượng. Trang bị bước đầu cho sinh viên một số công cụ thống kê phục vụ cho các môn học Thống kê chuyên ngành và nghiên cứu khoa học. Sinh viên hiểu và sử dụng được các phương pháp thu thập tài liệu, thiết kế bảng hỏi. Thực hành tốt các kỹ năng tổng hợp tài liệu thống kê bằng phương pháp phân tổ thống kê, trình bày dữ liệu thống kê bằng bảng và đồ thị thống kê. Thành thạo kỹ năng tính toán các mức độ của các hiện tượng KTXH, và phân tích hiện tượng trên cơ sở các mức độ đó. Có khả năng chủ động vận dụng các phương pháp phân tích thống kê trong học tập, nghiên cứu khoa học. Rèn luyện thái độ nghiêm túc, trung thực trong thu thập, xử lý tổng hợp, phân tích dữ liệu và trong cung cấp thông tin. Tạo tác phong nghiêm túc và khoa học trong học tập, nghiên cứu và lao động.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
4	Luật du lịch	Cung cấp những kiến thức căn bản về pháp luật trong hoạt động du lịch. Sinh viên nắm được những quy định của từng loại hình kinh doanh du lịch, các quy định về khu du lịch, điểm du lịch, hồ sơ về thành lập doanh nghiệp kinh doanh du lịch, quy định nghề hướng dẫn viên trong nước, các loại hợp đồng trong kinh doanh du lịch Có khả năng vận dụng các kiến thức về pháp luật trong hoạt động kinh doanh du lịch. Giúp sinh viên hình thành các kỹ năng Biết cách thức thành lập, hoạt động và quản lý một doanh nghiệp du lịch; soạn thảo được một số hợp đồng du lịch; phát hiện được những hành vi vi phạm pháp luật du lịch, thẩm quyền và hình thức xử lý. Từ đó, biết cách quản lý du lịch và hành xử trong du lịch đúng pháp luật. Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để giải quyết các công việc trong kinh doanh du lịch, kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn trong thực tiễn kinh doanh du lịch theo đúng pháp luật. Nhận thức đúng đắn về vai trò của nhà nước và pháp luật đối với hoạt động du lịch để luôn có ý thức tích cực trong việc chấp hành đúng yêu cầu của pháp luật, cũng như phát hiện được và khắc phục được những hành vi vi phạm pháp luật du lịch.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
5	Marketing căn bản	Nắm được các vấn đề cơ bản của marketing gồm các khái niệm trong marketing, các quan điểm và nội dung marketing. Hiểu, phân tích và vận dụng các vấn đề về thị trường, khách hàng, khách hàng mục tiêu. Nghiên cứu khách hàng mục tiêu thông qua các hoạt động phân đoạn, lựa chọn và định vị thị trường. Hiểu, phân tích và vận dụng được các mô hình nghiên cứu hành vi mua của khách hàng.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Hiểu và phân tích được chính sách marketing – mix (4 “p”) Nắm được các kiến thức mới về marketing Rèn luyện năng lực tư duy marketing. Có kỹ năng phân tích và xử lý tình huống marketing cụ thể Ý thức được vai trò và tầm quan trọng của marketing trong hoạt động kinh doanh. Có ý thức ứng dụng marketing trong công việc. Xây dựng ý thức hướng về thị trường, về khách hàng trong các hoạt động.			
6	Quản trị học	Nắm được các kiến thức cơ bản về quản trị học: khái niệm, vai trò, nội dung của hoạt động quản trị và nhà quản trị Hiểu được: các lý thuyết quản trị (lý thuyết cổ điển, hành vi, định lượng, hiện đại), môi trường quản trị và bản chất của ra quyết định quản trị. Hiểu rõ bản chất và vận dụng các hoạt động quản trị cơ bản: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát trong các thực tế. Có kỹ năng cơ bản về việc ra quyết định và phân tích, đánh giá kế hoạch, cơ cấu tổ chức, tạo động lực lao động, phong cách lãnh đạo, hệ thống kiểm soát. Có kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm trong việc nghiên cứu, phân tích các vấn đề về quản trị; kỹ năng trình bày, thuyết trình một số vấn đề về quản trị. Có kỹ năng vận dụng lý luận và phương pháp quản trị để giải quyết các tình huống quản trị. Góp phần đào tạo sinh viên nhận thức đúng đắn về chức năng, nhiệm vụ, yêu cầu đối với công việc và nhà quản trị trong bối cảnh hiện nay. Góp phần rèn luyện các đức tính của nhà quản trị như sự nhanh nhẹn, linh hoạt, tính nghiêm túc, chính xác, có căn cứ khoa học, tính kiên trì, tinh thần vượt khó.	***2***	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
7	Lịch sử văn minh thế giới	Nắm được các khái niệm Văn minh, phân biệt được văn hóa – văn minh Biết cách nhận diện một nền văn minh. Hiểu biết căn bản về các nền văn minh lớn trên Thế giới và phân tích được sự hình thành, ra đời. phát triển của các nền văn minh trên thế giới Hiểu rõ các thành tựu tiêu biểu, nổi bật của mỗi một nền văn minh và tác động của nó đến hoạt động du lịch. Người học nắm được các kỹ năng phân tích và ứng dụng các thành tựu của các nền văn minh trong xây dựng và tổ chức các chương trình du lịch. Kỹ năng ứng xử với khách du lịch đến từ các vùng văn minh khác nhau. Người học hiểu và có ý thức, thái độ tích cực về quan điểm và phẩm chất nhân văn, khơi dậy khát vọng tìm hiểu nghiên cứu các nền văn minh, hình thành trong sinh viên thái độ trân quí, giữ gìn các giá trị chân - thiện - mỹ.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
8	Địa lý du lịch	Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức về địa lý du lịch Việt Nam vai trò quan trọng của địa lý du lịch trong hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch. Nắm được các phân vùng, phân vị trong du dịch, đặc điểm của các nhân tố trong hệ thống lãnh thổ du lịch. Nắm được các tiêu chí phân loại di sản du lịch và đặc điểm của các vùng du lịch Việt Nam và Thế Giới. Từ đó sinh viên có thể vận dụng các kiến thức vào hoạt động kinh doanh du lịch và phát triển du lịch bền vững Có kỹ năng phân vùng du lịch, nghiên cứu về các yếu tố trong tổng thể hệ thống du lịch.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Hình thành các kỹ năng đánh giá tác động của các yếu tố trong hệ thống du lịch đến hoạt động du lịch của du khách **Thái độ:** Người học hiểu và có ý thức, thái độ nghiêm túc về vai trò và tầm quan trọng của địa lý du lịch đối với hoạt động du lịch. Có trách nhiệm trong khai thác và phát triển bền vững du lịch.			
9	Đại cương văn hóa Việt Nam	Nắm vững những kiến thức cơ bản và có hệ thống về cơ sở hình thành, quá trình hình thành và các đặc trưng bản sắc của văn hóa Việt Nam. Nhận biết được những nét riêng, độc đáo làm nên bản sắc văn hóa truyền thống Việt Nam và vai trò có tính chất nền tảng của văn hóa trong sự phát triển toàn diện và bền vững của đời sống xã hội Có khả năng vận dụng các kiến thức của môn học để liên hệ và mở rộng tầm hiểu biết với các lĩnh vực du lịch Người học nắm được các kỹ năng phân tích và ứng dụng nét riêng, độc đáo làm nên bản sắc văn hóa truyền thống Việt Nam trong xây dựng và tổ chức các chương trình du lịch. Kỹ năng ứng xử với khách du dựa trên nền tảng và bản sắc văn hóa ứng xử của Việt Nam Người học hiểu và có ý thức, thái độ giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, xây dựng nếp sống lành mạnh dựa trên nền tảng văn hóa Việt Nam, hoàn thiện tâm hồn, nhân cách để trở thành những con người phát triển toàn diện, hài hòa, tạo nền tảng và động lực cho sự phát triển bền vững của xã hội.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
10	Thực tập nhận thức về khách sạn	Có nhận thưc thực tiễn đối với ngành khách sạn Vận dụng các kiến thức đại cương để hiểu hơn các nội dung liên quan trong quản trị kinh doanh khách sạn Hình thành các kỹ năng cơ bản liên quan đến nghề khách sạn như: Lễ tân, phục vụ buồng, phục vụ nhà hàng Thực hành kỹ năng ứng xử trong các mối quan hệ tại doanh nghiệp.	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Thái độ: Tôn trọng kỷ luật và nội quy doanh nghiệp, có tác phong nghiêm túc, cẩn thận và hết lòng vì công việc; sẵn sàng học hỏi, tiếp thu kiến thức mới với tinh thần cởi mở, tranh thủ sự giúp đỡ của các nhân viên tại nơi thực tập.			
11	Thực tập nhận thức về nhà hàng	Có nhận thưc thực tiễn đối với ngành nhà hàng Vận dụng các kiến thức đại cương để hiểu hơn các nội dung liên quan trong quản trị kinh doanh nhà hàng Hình thành các kỹ năng cơ bản liên quan đến nghề nhà hàng như: bộ phận Bếp, Bàn, Bar. Thực hành kỹ năng ứng xử trong các mối quan hệ tại doanh nghiệp. Tôn trọng kỷ luật và nội quy doanh nghiệp, có tác phong nghiêm túc, cẩn thận và hết lòng vì công việc; sẵn sàng học hỏi, tiếp thu kiến thức mới với tinh thần cởi mở, tranh thủ sự giúp đỡ của các nhân viên tại nơi thực tập.	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
12	Thực tập nhận thức về lữ hành	Có nhận thưc thực tiễn đối với ngành lữ hành Vận dụng các kiến thức đại cương để hiểu hơn các nội dung liên quan trong quản trị kinh doanh lữ hành Hình thành các kỹ năng cơ bản liên quan đến nghề nhà hàng như: Hứng dẫn du lịch, điều hành chương trình du lịch, thiết kế chương trình du lịch Thực hành kỹ năng ứng xử trong các mối quan hệ tại doanh nghiệp Tôn trọng kỷ luật và nội quy doanh nghiệp, có tác phong nghiêm túc, cẩn thận và hết lòng vì công việc; sẵn sàng học hỏi, tiếp thu kiến thức mới với tinh thần cởi mở, tranh thủ sự giúp đỡ của các nhân viên tại nơi thực tập.	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
13	Quản trị chiến lược	- Nắm được khái niệm cơ bản về chiến lược, nhà quản trị chiến lược và nội dung cơ bản về quá trình quản trị chiến lược trong doanh nghiệp.	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Hiểu, phân tích và đánh giá được những vấn đề liên quan đến quá trình hoạch định chiến lược như sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của doanh nghiệp, môi trường kinh doanh, xây dựng lợi thế cạnh tranh - Nhận diện, phân tích và lựa chọn được các chiến lược mà các doanh nghiệp sẽ theo đuổi ở cả 3 cấp (cấp doanh nghiệp, cấp kinh doanh và cấp chức năng). - Hiểu và vận dụng những hoạt động triển khai thực hiện chiến lược; cách thức đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh chiến lược trong doanh nghiệp Người học phát triển được kỹ năng tư duy chiến lược, kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm trong việc phân tích, đánh giá và tổng hợp các vấn đề liên quan đến những tình huống quản trị chiến lược cụ thể. Có kỹ năng ra các quyết định quản trị chiến lược trong các bài tập thực hành về quản trị chiến lược. Người học nhận thức đúng đắn được tầm quan trọng và những yêu cầu của công việc quản trị chiến lược trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Có trách nhiệm và sự tự tin trong việc tìm hiểu và phân tích các vấn đề kinh tế nảy sinh trong thực tiễn hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp			kết thúc học phần 60%
14	Lý thuyết tổ chức	Hiểu các nội dung cơ bản của tổ chức, nắm vững các yếu tố liên quan đến hoạt động của tổ chức như mục tiêu, chiến lược hiệu quả, môi trường, công nghệ, quy mô và vòng đời phát triển của tổ chức. Phân tích mối quan hệ của các yếu tố cơ bản của tổ chức nêu trên tới cấu trúc tổ chức từ đó có quyết định cấu trúc tổ chúc phù hợp để nâng cao hiệu quả và hiệu suất tổ chức Có khả năng ứng dụng kiến thức chung về tổ chức để hoạch định và tổ chức hoạt động kinh doanh. Có kiến thức và khả năng lập luận tư duy theo hệ thống và giải quyết các vấn đề quản trị kinh doanh	3	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình, kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc, kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề quản trị. Có kỹ năng tìm kiếm thông tin, dữ liệu và kỹ năng tổng hợp phân tích và đánh giá thông tin quản trị. Góp phần đào tạo sinh viên nhận thức đúng đắn về chức năng, nhiệm vụ, yêu cầu đối với công việc và nhà quản trị trong bối cảnh hiện nay. Góp phần rèn luyện các đức tính của nhà quản trị linh hoạt, tính nghiêm túc, chính xác, có căn cứ khoa học, tính kiên trì, tinh thần vượt khó.			
15	Quản trị nhân lực	Hiểu được bản chất, vai trò, chức năng của quản trị nhân lực; Các quan điểm, các học thuyết của quản trị nhân lực; Các nghiệp vụ cơ bản của quản trị nhân lực: hoạch định nhân lực, tuyển dụng nhân lực, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo nhân lực và quản trị thù lao. Hiểu được về các chính sách nhân sự cũng như cách thức triển khai các hoạt động chức năng về quản trị nhân lực và mối quan hệ của nó với các hoạt động quản trị khác Rèn luyện cho người học những kỹ năng làm việc với con người, quản lý nhóm, tổ chức hoạt động tổ - đội – nhóm kinh doanh Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, chuyên nghiệp trong công việc, có trách nhiệm công dân, trách nhiệm với tổ chức và trách nhiệm xã hội; năng động, sáng tạo, có bản lĩnh, chịu được áp lực trong công việc. Ý thức và chủ động hơn trong việc tìm kiếm, học hỏi những kiến thức về quản trị nhân lực. Từ đó, có ý thức tự học tích lũy thêm kiến thức và kinh nghiệm, học tập, nâng cao trình độ ở bậc cao hơn, sẵn sàng thích nghi với các điều kiện, môi trường làm việc khác nhau.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
16	Tổng quan về du lịch	Hiểu rõ bản chất, đặc điểm, vai trò của ngành du lịch đối với nền kinh tế.	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Hiểu rõ các kiễn thức về điểm đến, sức hấp dẫn của điểm đến trong du lịch, phân tích các tác động của du lịch và phát triển du lịch bền vững. Phân tích được mối quan hệ cung cầu trong thị trường du lịch, các nguồn lực trong kinh doanh du lịch và mối quan hệ hợp tác quốc tế trong kinh doanh du lịch từ đó vận dụng vào thực tiễn quản trị kinh doanh du lịch một cách hiệu quả và bền vững. Có kỹ năng phân tích và tổng hợp các lý thuyết về du lịch và ứng dụng trong thực tiễn. Có kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ về quản trị dịch vụ du lịch trong thực tế, giải quyết những tình huống tác nghiệp trong quản trị kinh doanh dịch vụ du lịch Nhận thức được tầm quan trọng của ngành du lịch đối với phát triển kinh tế. Có khả năng tự học tập, nghiên cứu các vấn đề về du lịch. Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật; có tinh thần hợp tác giữ gìn và bảo vệ tài nguyên du lịch nhằm phát triển du lịch bền vững.			kết thúc học phần 60%
17	Quản trị kinh doanh lữ hành	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát về quản trị kinh doanh lữ hành và lịch sử hình thành kinh doanh lữ hành và vai trò của nó trong ngành du lịch. Hiểu rõ các kiến thức liên quan đến khách hàng và cầu về sản phẩm lữ hành, sản phẩm và chất lượng sản phẩm, giá cả, lao động, tài chính trong kinh doanh lữ hành. Có khả năng phân tích và vận dụng các lý thuyết về quản lý và kinh doanh doanh nghiệp lữ hành vào hoạt động kinh doanh lữ hành trong thực tiễn	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Sinh viên có kỹ năng nghiên cứu nhu cầu khách hàng, xây dựng và thực hiện các chương trình du lịch trọn gói, Có kỹ năng quản lý lao động, kỹ năng giao tiếp trong mối quan hệ với các doanh nghiệp cung ứng cũng như khách hàng Nhận thức được tầm quan trọng của môn học. Xây dựng và phát huy tối đa tinh thần tự học. Phát huy tối đa khả năng sáng tạo trong hoạt động kinh doanh lữ hành.			
18	Quản trị kinh doanh khách sạn	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát về quản trị kinh doanh khách sạn, lịch sử hình thành ngành khách sạn và vai trò của nó trong ngành du lịch Hiểu rõ các kiến thức liên quan đến khách hàng và cầu về dịch vụ khách sạn, sản phẩm và chất lượng sản phẩm, giá cả, lao động, cơ sở vật chất, và vốn trong kinh doanh khách sạn Có khả năng phân tích và vận dụng các lý thuyết về quản lý và kinh doanh khách sạn vào hoạt động kinh doanh trong thực tiễn **Kỹ năng:** + Hình thành các kỹ năng tác nghiệp, tổ chức trong quá trình quản trị kinh doanh khách sạn. Phát triển kỹ năng nghiên cứu thị trường, kiểm soát các hoạt động kinh doanh doanh nghiệp khách sạn. Có kỹ năng quản lý lao động, kỹ năng giao tiếp trong mối quan hệ với khách du lịch. Nhận thức được tầm quan trọng của môn học. Xây dựng và phát huy tối đa tinh thần tự học. Phát huy tối đa khả năng sáng tạo trong hoạt động kinh doanh khách sạn. Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân trong hoạt động kinh doanh khách sạn.	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
19	Quản trị kinh doanh nhà hàng	Học phần Trang bị cho người học những kiến thức về kinh doanh nhà hàng. Hiểu được tầm quan trọng của dịch vụ ăn uống trong kinh doanh nhà hàng. Trang bị những kiến thức cơ bản cho sinh viên trong việc điều hành, quản lý nhà hàng. Hiểu được các nhu cầu cơ bản của khách, cách xây dựng thực đơn, chính sách giá cả và quản lý các nguồn lực trong nhà hàng một cách hiệu quả. Có khả năng phân tích và vận dụng các lý thuyết về quản lý và kinh doanh khách sạn vào hoạt động kinh doanh trong thực tiễn Hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá các nguồn lực trong việc xây dựng và tổ chức kinh doanh nhà hàng. Có kỹ năng tổ chức phục vụ, kỹ năng giao tiếp trong mối quan hệ với nhà cung ứng và khách du lịch. Nhận thức được tầm quan trọng của môn học. Xây dựng và phát huy tối đa tinh thần tự học. Phát huy tối đa khả năng sáng tạo trong hoạt động kinh doanh nhà hàng. Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân trong hoạt động kinh doanh nhà hàng	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
20	Marketing du lịch	**N**ắm được hệ thống kiến thức chung về marketing du lịch. Hiểu được môi trường marketing du lịch và các phương pháp nghiên cứu hành vi du lịch của khách du lịch từ đó xác định khách hàng mục tiêu thông qua các hoạt động phân đoạn, lựa chọn và định vị thị trường. Vận dụng các kiến thức này trong các hoạt động phân tích và xây dựng các giải pháp Marketing cho các doanh nghiệp: Du lịch, Khách sạn và nhà hàng. Rèn luyện kỹ năng tư duy, phân tích, đánh giá, hoạt động marketing của doanh nghiệp du lịch	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy trong khảo sát, phân tích nhu cầu của thị trường, xây dựng sản phẩm du lịch, định giá sản phẩm và thiết kế kênh phân phối cũng như hoạt động xúc tiến du lịch Nhận thức được tầm quan trọng của marketing du lịch trong quản trị kinh doanh du lịch từ đó tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.			
21	Tài nguyên du lịch	Học phần trang bị cho sinh viên có các kiến thức cơ bản về tài nguyên du lịch Hiểu được tài nguyên tự nhiên và tài nguyên nhân văn, các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể, di sản tự nhiên của Việt Nam và Thế giới. Vận dụng các kiến thức về tài nguyên du lịch trong khai thác tài nguyên du lịch vào kinh doanh du lịch cũng như Quản lý và Bảo tồn và Phát triển bền vững tài nguyên du lịch. Có kỹ năng nhận biết các loại tài nguyên du lịch gắn với các loại hình du lịch, có kỹ năng điều tra khảo sát nhu cầu của khách hàng gắn với tài nguyên du lịch Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm, có kỹ năng đánh giá thực trạng tài nguyên du lịch ở điểm và khu du lịch cụ thể. Nhận thức được tầm quan trọng của tài nguyên du lịch trong phát triển dinh doanh du lịch, từ đó tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau....	3	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
22	Thực tập nghiệp vụ lữ hành	Vận dụng các kiến thức ngành để hiểu hơn các nội dung liên quan trong quản trị kinh doanh lữ hành	***5***	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Thành thạo các kỹ năng liên quan đến hoạt động lữ hành như: Hướng dẫn du lịch, thiết kế chương trình du lịch, điều hành chương trình du lịch Hình thành các kỹ năng ứng xử trong các mối quan hệ tại doanh nghiệp lữ hành và kỹ năng ứng xử trong đón tiếp, phục vụ và tiễn khách Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để giải quyết hiệu quả công việc, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn trong thực tiễn kinh doanh lữ hành Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật; có tinh thần hợp tác, phát huy được năng lực cá nhân và tập thể trong xử lý công việc. có ý thức không ngừng học hỏi và trau dồi nghề nghiệp, có khả năng tự định hướng để phát triển sự nghiệp.			kết thúc học phần 60%
23	Thực tập nghiệp vụ tại điểm và khu du lịch	Vận dụng các kiến thức ngành để hiểu hơn các nội dung liên quan trong quản trị kinh doanh tại điểm đến du lịch Có kỹ năng trong tổ chức, thực hiện các nghiệp vụ cụ thể như: tổ chức thăm quan tại điểm và khu du lịch, hướng dẫn tại điểm và khu du lịch, tổ chức các hoạt động thương mại tại điểm và khu du lịch. Có khả năng liên lạc và phối hợp hiệu quả các bộ phận khác có liên quan trong quá trình tổ chức thăm quan tại điểm du lịch. Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để giải quyết hiệu quả công việc, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn trong thực tiễn tại điểm du lịch. Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật; có tinh thần hợp tác. Phát huy được năng lực cá nhân và tập thể trong xử lý công	5	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		việc. có ý thức không ngừng học hỏi và trau dồi nghề nghiệp, có khả năng tự định hướng để phát triển sự nghiệp.			
24	Thực tập nghiệp vụ khách sạn	Vận dụng các kiến thức ngành để hiểu hơn các nội dung liên quan trong quản trị kinh doanh khách sạn Có kỹ năng trong tổ chức, thực hiện các nghiệp vụ cụ thể như: tổ chức đón tiếp, đưa tiễn, phục vụ khách tại các bộ phận lễ tân, buồng, bộ phận nhà hàng. Vận hành đúng phương pháp đối với các trang thiết bị, dụng cụ trong khách sạn. Có khả năng liên lạc và phối hợp hiệu quả các bộ phận khác có liên quan trong quá trình phục vụ khách lưu trú, ăn uống tại nhà hàng, khách sạn. Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để giải quyết hiệu quả công việc, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn trong thực tiễn kinh doanh khách sạn. Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật; có tinh thần hợp tác. Phát huy được năng lực cá nhân và tập thể trong xử lý công việc. có ý thức không ngừng học hỏi và trau dồi nghề nghiệp, có khả năng tự định hướng để phát triển sự nghiệp.	5	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
25	Thực tập nghiệp vụ nhà hàng	Vận dụng các kiến thức ngành để hiểu hơn các nội dung liên quan trong quản trị kinh doanh nhà hàng. Có kỹ năng trong tổ chức thu mua, bảo quản, lưu trữ nguồn nguyên liệu. Cách thức tổ chức phân phối bán sản phẩm dịch vụ nhà hàng thông qua chế biến thực đơn và các dịch vụ bổ trợ. Có kỹ năng phục vụ bàn, bar trong nhà hàng. Có khả năng liên lạc và phối hợp hiệu quả các bộ phận khác có liên quan trong quá trình tổ chức phục vụ tại nhà hàng.	5	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để giải quyết hiệu quả công việc, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn trong thực tiễn kinh doanh nhà hàng. Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật; có tinh thần hợp tác. Phát huy được năng lực cá nhân và tập thể trong xử lý công việc. có ý thức không ngừng học hỏi và trau dồi nghề nghiệp, có khả năng tự định hướng để phát triển sự nghiệp.			
26	Nghiệp vụ kinh doanh lữ hành	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ kinh doanh lữ hành. Nắm được các nghiệp vụ kinh doanh lữ hành liên quan đến: Nghiệp vụ Hậu cần, nghiệp vụ tổ chức sản xuất và thực hiện chương trình du lịch, nghiệp vụ quảng bá và bán sản phẩm du lịch Vận dụng các kiến thức vào thực tiễn hoạt động kinh doanh lữ hành. Rèn luyện kỹ năng tư duy, phân tích, đánh giá các các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp lữ hành. Có các kỹ năng đàm phán và ký kết các hợp đồng cung ứng, Có kỹ năng tổ chức và thực hiện chương trình du lịch, kỹ năng bán chương trình du lịch. Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, tôn trọng và chấp hành pháp luật, có tinh thần hợp tác trong thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh của doanh nghiệp lữ hành	*4*	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
27	Hướng dẫn du lịch	Học phần trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ hướng dẫn viên du lịch. Nắm được các quy trình hướng dẫn du lịch và hoạt động của hướng dẫn viên. Nghiệp vụ hướng dẫn và các phương pháp xây dựng bài	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thuyết minh. Xử lý mối quan hệ của HDV trong quá trình hướng dẫn và báo cáo tổng kết. Vận dụng các kiến thức vào thực tiễn hoạt động hướng dẫn du lịch. Hình thành kỹ năng xây dựng kế hoạch hướng dẫn, xây dựng bài thuyết minh, Kỹ năng thuyết minh bài hướng dẫn du lịch tại điểm và khu du lịch. Có các kỹ năng xử lý các tình huống phát trinh trong quá trình hướng dẫn Kỹ năng giao tiếp, ứng xử với khách du lịch và các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch. Kỹ năng quản lý 1 đoàn khách Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, tôn trọng và chấp hành pháp luật, có tinh thần hợp tác trong thực hiện các nghiệp vụ hướng dẫn du lịch.			
28	Quan hệ giữa doanh nghiệp lữ hành và các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ du lịch	Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về mối quan hệ giữa doanh nghiệp lữ hành với các doanh nghiệp cung ứng các dịch vụ du lịch. Năm được các nội dung liên quan hợp đồng giữa doanh nghiệp lữ hành và các nhà cung ứng dịch vụ du lịch, tổ chức thực hiện hợp đồng và giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng. Vận dụng các kiến thức vào việc thiết lập các mối quan hệ và tổ chức các quan hệ trong hoạt động kinh doanh lữ hành. **Kỹ năng:** + Hình thành kỹ năng phân tích, soạn thảo các nội dung hợp đồng giữa các nhà cung ứng các dịch vụ. Có các kỹ năng xử lý các tình huống phát trinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, kỹ năng ứng xử với các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ du lịch.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, tôn trọng và chấp hành pháp luật, có tinh thần hợp tác trong thực hiện các nội dung của hợp đồng giữa doanh nghiệp lữ hành và các nhà cung ứng dịch vụ du lịch.			
29	Nghiệp vụ kinh doanh khách sạn	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ kinh doanh khách sạn. Nắm được quy trình nghiệp vụ kinh doanh khách sạn, nghiệp vụ kinh doanh buồng, nghiệp vụ kinh doanh nhà hàng, nghiệp vụ kinh doanh dịch vụ bổ trợ. Các nghiệp vụ liên quan đến bán hàng và chăm sóc khách hàng Vận dụng các kiến thức vào thực tiễn hoạt động kinh doanh khách sạn. Rèn luyện Kỹ năng lập và triển khai phục vụ theo quy trình kinh doanh lưu trú, kinh doanh nhà hàng, kinh doanh dịch vụ bổ trợ. Có các kỹ năng tiếp nhận và xử lý hiệu quả tình huống thường xuyên xảy ra tại khách sạn; Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng báo cáo, kỹ năng giao tiếp với đối tác và khách hàng. Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, tôn trọng và chấp hành pháp luật, có tinh thần hợp tác trong thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh của doanh nghiệp khách sạn	*4*	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
30	Quản lý dịch vụ bổ trợ trong khách sạn	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về quản lý các hoạt động bổ trợ trong kinh doanh khách sạn. Nắm được các nội dung của quản lý các loại hình dịch vụ bổ trợ trong khách sạn, hiệu quả kinh doanh và các quy định của pháp luật liên quan đến kinh doanh dịch vụ có điều kiện Vận dụng các kiến thức về quản lý dịch vụ bổ trợ trong khách sạn vào thực tiễn kinh doanh khách sạn	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Có kỹ năng về lập kế hoạch cho các hoạt động thuộc bộ phận dịch vụ bổ trợ tại khách sạn, tổ chức thực hiện, giám sát kiểm tra đối với hoạt động của các dịch vụ bổ trợ. Có các kỹ năng xử lý các tình huống phát trinh trong quá trình quản lý dịch vụ bổ trợ, ứng xử với khách du lịch và các cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh dịch vụ bổ trợ trong khách sạn. Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, tôn trọng và chấp hành pháp luật, có tinh thần hợp tác trong quá trình quản lý kinh doanh các dịch vụ bổ trợ, đặc biệt là các dịch vụ kinh doanh có điều kiện.			
31	Quản trị lễ tân khách sạn	Trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu về quản trị bộ phận lễ tân và nghiệp vụ lễ tân trong khách sạn. Nắm được các hoạt động xây dựng kế hoạch và các quy trình phục vụ và hoạt động của bộ phận lễ tân. Nghiệp vụ đón tiếp, phục vụ và tiễn khách. Xử lý mối quan hệ của lễ tân trong quá trình phục vụ khách, quảng bá và bán các dịch vụ khách sạn và đánh giá kiểm tra các hoạt động của bộ phận lễ tân\. Qua đó người học vận dụng những kiến thức được trang bị trong thực tiễn nghề nghiệp và nâng cao năng lực quản lý bộ phận lễ tân trong kinh doanh khách sạn. Hình thành kỹ năng xây dựng kế hoạch phục vụ khách, các kỹ năng nghiệp vụ liên quan đến đón khách, phục vụ khách và tiễn khách, kỹ năng, bán hàng và xây dụng các báo cáo về hoạt động của bộ phận lễ tân. Có các kỹ năng xử lý các tình huống phát trinh trong quá trình phục vụ khách, kỹ năng giao tiếp, ứng xử với khách du lịch và các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, tôn trọng và chấp hành pháp luật, có tinh thần hợp tác trong thực hiện các hoạt động của bộ phận lễ tân.			
32	Nghiệp vụ kinh doanh nhà hàng	Trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu về nghiệp kinh doanh nhà hàng. Nắm được quy trình nghiệp vụ kinh doanh nhà hàng, nghiệp vụ thu mua bảo quanr nguyên liệu, nghiệp vụ tổ chức sản xuất món ăn, tổ chức phục vụ ăn uống, các kiến thức về an toàn và vệ sinh ăn uống, các nghiệp vụ liên quan đến tổ chức sự kiện, bán hàng và chăm sóc khách hàng. Vận dụng các kiến thức vào thực tiễn hoạt động kinh doanh nhà hàng. Rèn luyện Kỹ năng lập và triển khai phục vụ theo quy trình tổ chức phục vụ ăn uống trong kinh doanh nhà hàng. Có các kỹ năng tiếp nhận và xử lý hiệu quả tình huống thường xuyên xảy ra tại nhà hàng; Kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng báo cáo, kỹ năng giao tiếp với đối tác và khách hàng trong nhà hàng. Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, tôn trọng và chấp hành pháp luật, có tinh thần hợp tác trong thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh của nhà hàng.	4	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
33	Quản lý an toàn thực phẩm và vệ sinh ăn uống	Học phần trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu về an toàn thực phẩm và quản lý an toàn thực phẩm và vệ sinh ăn uống trong kinh doanh nhà hàng. Nắm được các quy trình, nguyên tắc, điều kiện và tổ chức đảm bảo an toàn thực phẩm và vệ sinh ăn uống trong kinh doanh nhà hàng. Có khả năng vận dụng thực hiện đảm bảo toàn thực phẩm và vệ sinh ăn uống trong thực tiễn kinh doanh nhà hàng.	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Hình thành kỹ năng phân tích về an toàn thực phẩm trong kinh doanh nhà hàng, các kỹ năng quản lý an toàn thực phẩm và vệ sinh ăn uống trong kinh doanh dịch vụ phục vụ khách. Các kỹ năng về đánh giá vấn đề một cách khách quan và chính xác, xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình thực hiện đảm bảo ATTP và VSAU trong kinh doanh từ đó đưa ra các giải pháp áp dụng cho nhà hàng một cách hiệu quả Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, tôn trọng và chấp hành các quy định của pháp luật về ATTP và VSAU, có tinh thần hợp tác trong thực hiện các hoạt động liên quan đến ATTP và VSAU trong kinh doanh nhà hàng.			
34	Quản lý chuỗi cung ứng nguyên liệu hàng hoá trong nhà hàng	Học phần trang bị cho người học những kiến thức chuyên sâu về Quản lý chuỗi cung ứng nguyên liệu hàng hóa trong kinh doanh nhà hàng. Nắm được các kiến thức liên quan đến quản lý thu mua nguyên liệu hàng hóa, quản lý dự trữ và bảo quản nguyên liệu, quản lý chất lượng nguyên liệu hàng hóa và quản lý chuỗi cung ứng xanh trong kinh doanh nhà hàng. Có khả năng vận dụng các kiến thức vào quản lý chuỗi cung ứng xanh trong thực tiễn kinh doanh nhà hàng Hình thành kỹ năng phân tích quản lý chuỗi cung ứng trong thu mua, bảo quản nguyên liệu hàng hóa, các kỹ năng liên quan đến đánh giá chất lượng và quản lý chất lượng nguyên liệu hàng hóa. Các kỹ năng về đánh giá vấn đề một cách khách quan và chính xác, xử lý các tình huống phát sinh trong quá trình thực hiện quản lý chuỗi cung ứng trong kinh doanh từ đó đưa ra các giải pháp áp dụng cho nhà hàng một cách hiệu quả Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, tôn trọng và chấp hành các quy định của pháp luật về cung ứng nguyên liệu hàng hóa, có tinh	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		thần hợp tác trong thực hiện các hoạt động liên quan đến quản lý chuỗi cung ứng nguyên liệu hàng hóa trong kinh doanh nhà hàng			
35	Khởi sự kinh doanh du lịch	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát về khởi sự kinh doanh du lịch. Sinh viên có khả năng phân tích môi trường kinh doanh, phát hiện và thực hiện các hoạt động khởi sự doanh nghiệp trong kinh doanh du lịch. Có khả năng vận dụng các kiến thức khởi sự kinh doanh trong thực tiễn khởi sự kinh doanh du lịch. Nắm vững và vận dụng các phân tích môi trường, kỹ năng quản trị, kỹ năng tổ chức và quản lý, kỹ năng thực hiện các nghiệp vụ quản trị kinh doanh dịch vụ du lịch trong thực tế. Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để giải quyết hiệu quả công việc khở sự kinh doanh du lịch, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn trong thực tiễn kinh doanh du lịch Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, tôn trọng và chấp hành các quy định của pháp luật trong kinh doanh du lịch, có tinh thần hợp tác trong thực hiện các hoạt động liên quan đến khởi sự trong kinh doanh du lịch.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
36	Nghệ thuật giao tiếp và ứng xử trong kinh doanh	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát về Nghệ thuật giao tiếp và ứng xử trong kinh doanh du lịch. Sinh viên có khả năng phân tích hành vi của khách du lịch, hiểu một số nét đặc trưng tâm lý của khách du lịch. Có khả năng vận dụng các kiến thức Nghệ thuật giao tiếp và ứng xử trong thực tiễn kinh doanh du lịch.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Sinh viên có kỹ năng phân tích tâm lý khách du lịch, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng đàm phán, kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các tình huống giao tiếp kinh doanh du lịch Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật; có tinh thần hợp tác.			
37	Kỹ năng ứng xử và phỏng vấn việc làm	Nắm được Tầm quan trọng của kỹ năng ứng xử và phỏng vấn xin việc Nắm được Một số lý thuyết về phương pháp giao tiếp, ứng xử hiệu quả, kiến thức về tuyển dụng, quy trình tuyển dụng, các yêu cầu và nguyên tắc tuyển dụng. Hiểu và vận dụng kỹ năng giao tiếp, ứng xử: kỹ năng lắng nghe, kỹ năng diễn đạt khi phỏng vấn xin việc, kỹ năng thể hiện bản thân (trang phục, thể hiện điểm mạnh, kỹ năng thương lượng mức lương và các điều kiện khác…) Hiểu và vận dụng được các kỹ năng chuẩn bị hồ sơ xin việc: kỹ năng viết đơn xin việc, viết lý lịch cá nhân, tìm hiểu về công ty ứng tuyển. Hiểu và vận dụng kỹ năng ứng xử trong thời gian thử việc và sau khi được tuyển dụng: kỹ năng ứng xử với cấp trên, đồng nghiệp. Biết cách phát huy những ưu thế của bản thân trong cuộc phỏng vấn. Rèn luyện khả năng thuyết phục nhà tuyển dụng. Có phẩm chất đạo đức, năng động, có năng lực trong phân tích, đánh giá và tổng hợp các vấn đề liên quan đến ứng xử và phỏng vấn. Có ý thức và thích nghi với môi trường làm việc mới. Có lý tưởng và phong cách sống trong sáng, có thể đáp ứng được yêu cầu của một xã hội phát triển đang trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
30	Các loại hình du lịch	Học phần cung cấp cho sinh các kiến thức tổng quát về các loại hình du lịch.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Hiểu được Các loại hình Du lịch miền Núi, và trung du, Các loại hình Du lịch Đồng Bằng, Các loại hình Du lịch miền Biển và Xu hướng phát triển các loại hình du lịch. Vận dụng các kiến thức vào thực tiễn phát triển các loại hình du lịch đồng thời vận dụng trong quản lý và kinh doanh du lịch. Rèn luyện kỹ năng tư duy, phân tích, đánh giá, hoạt động marketing của doanh nghiệp du lịch. Có kỹ năng phân loại và nhận diện các loại hình du lịch, thiết kế chương trình du lịch theo nhu cầu của khách hàng trên cơ sở các loại hình du lịch Nhận thức được tầm quan trọng của các loại hình du lịch trong quản trị kinh doanh du lịch từ đó tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để tiếp tục nâng cao trình độ chuyên môn và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.			kết thúc học phần 60%
39	Thực tập cuối khoá		4	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
40	Tổ chức sự kiện	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát về tổ chức sự kiện trong kinh doanh du lịch. Sinh viên có khả năng xây dựng kế hoạch, chuẩn bị các điều kiện và tổ chức vận hành sự kiện du lịch. Có khả năng vận dụng các kiến thức về tổ chức sự kiện trong thực tiễn kinh doanh du lịch. Sinh viên có kỹ năng tổ chức một sự kiện trong kinh doanh du lịch bao gồm xây dựng kế hoạch sự kiện, chuẩn bị các nội dung liên quan đến sự kiện và kỹ năng giải quyết các xung đột trong quá trình tổ chức sự kiện.	3	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Có phẩm chất đạo đức, chuyên nghiệp, trách nhiệm, tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật; có tinh thần hợp tác trong quá trình tổ chức sự kiện.			
41	Quản lý điểm và khu du lịch	Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quát về quản lý các hoạt động tại điểm và khu du lịch Sinh viên có khả năng tổ chức hoạt động điểm và khu du lịch, phân tích, quy hoạch phát triển điểm và khu du lịch, phân tích cở sở vật chất kỹ thuật và các nguồn lực tại điểm và khu du lịch Có khả năng vận dụng các kiến thức về quản lý các hoạt động tại điểm và khu du lịch trong thực tiễn kinh doanh du lịch. Hình thành kỹ năng phân tích, hoạch định và đưa ra các quyết định quản lý và phân bổ các nguồn lực tại điểm và khu du lịch. Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để giải quyết các công việc tại điểm và khu du lịch, có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn trong thực tiễn kinh doanh du lịch tại các điểm và khu du lịch Có khả năng tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để tiếp tục học cao hơn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau tại điểm và khu du lịch.	3	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
42	Quản trị dịch vụ buồng phòng	Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý tác nghiệp tại bộ phận phục vụ buồng trong khách sạn. Sinh viên có khả năng phân tích các hoạt động quản lý tại bộ phận lưu trú, quản lý dịch vụ bổ trợ quản lý cơ sở vật chất kỹ thuật tai bộ phận buồng và quản lý chất lượng dịch vụ buồng phòng. Có khả năng vận dụng các kiến thức về quản lý dịch vụ buồng phòng vào thực tiễn kinh doanh khách sạn. Hình thành các kỹ năng chuyên môn như: Kỹ năng lập và triển khai kế hoạch phục vụ tại bộ phận buồng, kỹ năng tiếp nhận và xử lý tình	3	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		huống, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng làm báo cáo hoạt động kinh doanh tại bộ phận buồng. Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để giải quyết các công việc tại bộ phận buồng, có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn trong thực tiễn kinh doanh dịch vụ buồng phòng Có khả năng tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để tiếp tục học cao hơn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau trong lĩnh vực kinh doanh lưu trú.			
43	Ảm thực và văn hoá ẩm thực	Trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quát về ẩm thực và văn hóa ẩm thực. Sinh viên có khả năng phân tích văn hóa ẩm thực Việt Nam, Khai thác văn hoá ẩm thực vào phát triển kinh doanh du du lịch nói chung và kinh doanh nhà hàng. Có khả năng vận dụng các kiến thức về ẩm thực và văn hóa ẩm thực vào thực tiễn kinh doanh nhà hàng và duy trì và bảo tồn văn hóa ẩm thực Việt vào phát triển du lịch trong bối cảnh hội nhập Hình thành các kỹ năng chuyên môn như: Kỹ năng khai thác các yếu tố đặc trưng của văn hóa ẩm thực địa phương trong kinh doanh nhà hàng, kĩ năng quản bá và phát triển mạng lưới kinh doanh nhà hàng thông qua văn hóa ẩm thực. Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để giải quyết các công việc kinh doanh nhà hàng, có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn trong thực tiễn kinh doanh dịch vụ ăn uống. Có khả năng tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để tiếp tục học cao hơn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và thích nghi với	3	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		các môi trường làm việc khác nhau trong lĩnh vực kinh doanh ăn uống. Nhận thức được vai trò và tầm quan trọng ẩm thực và văn hóa ẩm thực trong đời sống sinh hoạt hàng ngày. Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, tôn trọng và chấp hành pháp luật, có ý thức tổ chức kỷ luật; có tinh thần hợp tác trong bảo tồn và phát huy văn hóa ẩm thực Việt Nam.			
44	Khóa luận tốt nghiệp		6	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
45	Toán cao cấp 1	+ Học phần cung cấp cho sinh viên: - Các khái niệm: Ma trận, các phép toán, các phép biến đổi tuyến tính trên ma trận; Định thức; Hệ phương trình tuyến tính; Không gian vector; Mối liên hệ tuyến tính trong không gian vector. Cách tính định thức, tìm ma trận nghịch đảo, tìm nghiệm của hệ phương trình tuyến tính, tìm hạng, cơ sở của hệ véc tơ, cơ sở của không gian con R^n. Học phần giúp cho sinh viên có kỹ năng giải các bài tập về các kiến thức cơ bản được trang bị, kỹ năng tư duy logic. Học phần giúp cho sinh viên có kỹ năng giải các bài tập về các kiến thức cơ bản được trang bị, kỹ năng tư duy logic, kỹ năng đặt bài toán cho các tình huống thực tế, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
46	Toán cao cấp 2	Học phần cung cấp cho sinh viên: - Các khái niệm: Dãy số, giới hạn của dãy số; Hàm số một biến số, giới hạn và tính liên tục của hàm số một biến số; Đạo hàm và vi phân của hàm số một biến số; Tích phân xác định và tích phân suy rộng; Hàm số hai biến số, giới hạn và tính liên tục của hàm hai biến số. Đạo	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hàm và vi phân của hàm số hai biến số, Cách tính đạo hàm riêng; Cách tìm cực trị của hàm số một biến số và hàm số hai biến số. Ứng dụng của đạo hàm và vi phân trong toán học: Tính giá trị gần đúng, tìm cực trị. Ứng dụng của đạo hàm trong phân tích kinh tế: Hệ số co dãn cung, cầu theo giá. Ứng dụng của đạo hàm riêngvà vi phân trong kinh tế học. Ứng dụng của cực trị trong bài toán tối ưu các trường hợp thực tiễn. Sinh viên có: -Kỹ năng trình bày các vấn đề hợp logic, dùng từ chính xác trong các mệnh đề. Kỹ năng tính đạo hàm, tính tích phân, tìm cực trị của hàm số một biến số và hai biến số. - Kỹ năng vận dụng các kết quả của toán học trong việc xây dựng và phân tích một số mô hình toán kinh tế đơn giản như: Mô hình cân bằng, Mô hình tối ưu,..... - Khả năng kết hợp, ứng dụng các kiến thức cơ bản vào kiến thức, kỹ năng chuyên ngành - Kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc theo nhóm Có thái độ nghiêm túc, đúng đắn và khoa học về bản chất của các vấn đề toán học, vấn đề vận dụng các kiến toán vào lĩnh vực kinh tế.			
47	Lý thuyết sác xuất thống kê	Cung cấp cho người học cơ sở của lý thuyết xác suất và thống kê toán học với mục đích giúp người học có phương pháp, công cụ để học tập, nghiên cứu và giải quyết các bài toán thuộc chuyên ngành trong điều kiện ngẫu nhiên, bao gồm các kiến thức sau: - Các kiến thức về lý thuyết xác suất: Phép thử, biến cố, xác suất của biến cố, biến ngẫu nhiên, biếnngẫu nhiênhai chiều và các đặc trưng kỳ vọng, phương sai, hiệp phương sai; Các kiến thức về thống kê: Lý thuyết mẫu, lý thuyết ước lượng và kiểm định giả thiết thống kê.	3	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Học phần rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng vận dụng công cụ toán học để học tập nghiên cứu các vấn đề thuộc chuyên ngànhkinh tế xã hội - Kỹ năng khảo sát và giải quyết bài toán trong điều kiện ngẫu nhiên. - Vận dụng lý thuyết xác suất và thống kê để học tập các môn khác - Kỹ năng ứng dụng lý thuyết xác suất thống kê để giải quyết các vấn đề thực tế thuộc chuyên ngành kinh tếxã hội. Có thái độ chuyên cần, nghiêm túc, cẩn thận, chính xác.			
48	Triết học Mác Lênin	+ Sinh viên xác định được đối tượng, mục đích, ý nghĩa và những yêu cầu về mặt phương pháp của môn học. + Sinh viên nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác- Lênin; nắm được những nội dung cơ bản, hệ thống về triết học Mác- Lênin và vai trò của triết học trong đời sống xã hội. + Sinh viên từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất cho bản thân, làm nền tảng lí luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung của các môn học khác. + Sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để giải thích một số hiện tượng mang tính phổ biến diễn ra trong lĩnh vực tự nhiên, xã hội và tư duy. + Sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu Kinh tế chính trị Mác- Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, hiểu được cơ sở lý luận của Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng. + Sinh viên có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.	3	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Tăng cường bản lĩnh chính trị, tính chủ động, tự tin cho sinh viên, từng bước xây dựng, củng cố niềm tin vào con đường cách mạng mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã chọn, từ đó góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.			
49	Kinh tế chính trị Mác Lênin	+ Sinh viên xác định được đối tượng, mục đích, ý nghĩa và những yêu cầu về mặt phương pháp của môn học. + Người học nắm được một cách hệ thống kiến thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin bao gồm: Các khái niệm, phạm trù, quy luật kinh tế chủ yếu của kinh tế thị trường; Những vấn đề kinh tế - chính trị của thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam. + Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để học tập và nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn. + Người học nắm được một cách hệ thống kiến thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin bao gồm: Các khái niệm, phạm trù, quy luật kinh tế chủ yếu của kinh tế thị trường; Những vấn đề kinh tế - chính trị của thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam. + Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc đóng góp ý kiến xây dựng, bảo vệ, thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. + Người học hình thành được phẩm chất đạo đức cách mạng, lập trường chính trị tư tưởng vững vàng, có niềm tin vào sự nghiệp đổi mới đất nước.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
50	Tư tưởng Hồ Chí Minh	+ Sinh viên xác định được đối tượng, mục đích, ý nghĩa và những yêu cầu về mặt phương pháp của môn học. Về kiến thức: + Sinh viên xác định được đối tượng, mục đích, ý nghĩa và những yêu cầu về mặt phương pháp của môn học.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản vè khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. + Có khả năng tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác. + Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc đóng góp ý kiến xây dựng, bảo vệ, thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. + Sinh viên được nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.			
51	Lịch sử Đảng CS Việt Nam	Học phần này trang bị những kiến thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong các thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - nay). Trang bị những kiến thức cơ bản của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để học tập và nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn. Từ đó, phân tích, lập luận để bảo vệ những quan điểm tư tưởng đúng đắn, phê	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phán, bác bỏ một cách có hiệu quả những tư tưởng, quan niệm sai lầm về lịch sử của Đảng. Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần. Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc đóng góp ý kiến xây dựng, bảo vệ, thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Tăng cường tính chủ động, tự tin trong việc tìm kiếm những tri thức khoa học mới, từ đó góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.			
52	Chủ nghĩa xã hội khoa học	+ Nghiên cứu môn học này nhằm giúp người học nắm được nắm được kiến thức cơ bản về sự ra đời; các giai đoạn phát triển; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận hợp thành Chủ nghĩa Mác - Lênin + Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nhận thức được những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu môn học + Học tập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học giúp cho sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết tình hình thực tiễn trong nước và thế giới trong bối cảnh đổi mới đất nước gắn với hội nhập khu vực và thế giới hiện nay. + Giúp cho sinh viên có khả năng vận dụng các tri thức của Chủ nghĩa xã hội khoa học vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước có liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta + Hình thành cho sinh viên thái độ chính trị vững vàng, tư tưởng đúng đắn về môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học. + Đồng thời, giúp cho sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về nền tảng tư tưởng của Đảng ta.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
53	Pháp luật đại cương	+ Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nhà nước (nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, chức năng, hình thức, kiểu nhà nước); nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; + Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về pháp luật (nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, vai trò, hình thức, kiểu pháp luật, quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý); + Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; pháp chế XHCN; pháp luật về phòng chống tham nhũng. Người học có kỹ năng phân tích cơ cấu của quy phạm pháp luật; xác định hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật; phân tích cấu thành của quan hệ pháp luật; nhận biết hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý tương ứng. Người học vận dụng được kiến thức đã học để làm kiến thức nền phục vụ nghiên cứu một số môn học luật chuyên ngành trong chương trình đào tạo. Đồng thời, người học có kỹ năng thuyết trình về một vấn đề của pháp luật; có kỹ năng điều hành hoạt động nhóm, tham gia hoạt động nhóm; có kỹ năng ghi biên bản cuộc họp. Người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của môn học ứng dụng vào học tập và cuộc sống của bản thân; thấy được vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội, từ đó nâng cao ý thức thực hiện pháp luật, tuyên truyền ý thức thực hiện pháp luật với cộng đồng xung quanh. Đồng thời, người học biết cách tra cứu và tự cập nhật các văn bản pháp luật để phục vụ cho công việc và có ý thức tự điều chỉnh công việc của mình theo những quy định của pháp luật.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
54	Tin học cơ bản 1	Trang bị cho sinh viên các kiến thức đại cương về tin học, đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành; Nắm vững kiến thức cơ bản sử dụng máy tính điện tử, phần mềm hệ thống (Windows); Nắm vững nguyên tắc làm việc với phần mềm soạn thảo văn bản (Microsoft Word), phần mềm bảng tính (Microsoft Excel), phần mềm trình chiếu (Microsoft PowerPoint) Sinh viên sau khi học xong phải sử dụng thành thạo hệ điều hành Windows; Sử dụng thành thạo các phần mềm Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint để soạn thảo và trình bày văn bản nhanh chóng, đúng quy định, chuyên nghiệp và khoa học, thiết kế các trang bảng tính và sử dụng tốt các hàm thông dụng của Excel để tính toán, phân tích, tổng hợp dữ liệu (như bảng lương, bảng kế toán, bảng dự toán,…). Tạo một bài trình chiếu (quản lý các trang chiếu và tệp trình chiếu, đưa các đối tượng vào trang chiếu, tạo và quản lí các hiệu ứng, thực hiện trình chiếu...). Nhận thức được tầm quan trọng của việc áp dụng Tin học trong học tập cũng như trong công việc thực tế. Sinh viên phải lên lớp và làm các bài tập thực hành để nắm được các nội dung của học phần; nhiệt tình tham gia các buổi thảo luận, thực hành ở trên lớp.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
55	Tin học cơ bản 2	Nắm vững các kiến thức về: Cơ sở dữ liệu, Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Microsoft Access. Cách thức xây dựng, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu thông qua Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Microsoft Access.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Sinh viên sau khi học xong phải sử dụng thành thạo phần mềm Microsoft Access để xây dựng, quản lý và khai thác các cơ sở dữ liệu vừa và nhỏ. Có khả năng ứng dụng các lý thuyết đã học để tự xây dựng các bài toán quản lý trong thực tế cuộc sống. Nhận thức được tầm quan trọng của việc áp dụng Tin học trong học tập cũng như trong công việc thực tế. Rèn luyện sinh viên thành người có tính cẩn thận, có tác phong làm việc khoa học, chuẩn xác; có tư duy logic và khả năng quản lý tốt. Sinh viên phải lên lớp và làm các bài tập thực hành để nắm được các nội dung của học phần; nhiệt tình tham gia các buổi thảo luận, thực hành ở trên lớp.			
56	Phân tích và xử lý dữ liệu với SPSS	Hiểu được tầm quan trọng của dữ liệu và phân tích trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội; Hiểu được khả năng ứng dụng phần mềm trong phân tích các loại dữ liệu Phân loại, sắp xếp và phân tích dữ liệu trên cơ sở áp dụng các phương pháp thống kê để phân tích dữ liệu Xây dựng và xử lý các dữ liệu nghiên cứu, thiết lập được các mô hình nghiên cứu, kiểm định các giả thuyết nghiên cứu, giải thích ý nghĩa của các kết quả nghiên cứu Đưa ra các kiến nghị, giải pháp, quyết định từ kết quả phân tích dữ liệu Sinh viên phải lên lớp và làm các bài tập thực hành để nắm được các nội dung của học phần; Nhiệt tình tham gia các buổi thảo luận, thực hành ở trên lớp	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
57	Thương mại điện tử trong du lịch	Kiến thức: Cung cấp những kiến thức căn bản về thương mại điện tử trong kinh doanh du lịch: những nguyên lý chung, những thành phần, những điều kiện và những phương tiện cơ bản mà những người làm thương mại sử dụng. Sinh viên có khả năng phân tích thị trường thương mại điện tử, kết cấu hạ tầng của TMĐT và các mô hình kinh doanh TMĐT, các hình thức thanh toán TMĐT trong kinh doanh du lịch. Và các vấn đề về đảm bảo an ninh an toàn TMĐT trong kinh doanh du lịch. Có khả năng vận dụng các kiến thức thương mại điện tử trong hoạt động kinh doanh du lịch. Giúp sinh viên hình thành các kỹ năng ban đầu về phân tích, đánh giá, tìm ra các khả năng ứng dụng thương mại điện tử, hoặc đẩy mạnh các hoạt động thương mại điện tử tại các doanh nghiệp trong bối cảnhkinh doanh du lịch. Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để giải quyết các công việc về TMĐT, kỹ năng tư duy để giải quyết tốt các vấn trong thực tiễn kinh doanh du lịch thông qua dịch TMĐT Có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, tôn trọng và chấp hành pháp luật, trong ứng dụng TMĐT vào phát triển kinh doanh du lịch.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
58	Soạn thảo văn bản	Nắm được các khái niệm, đặc điểm, chức năng và nội dung của văn bản; Trang bị những kiến thức cơ bản về văn bản nói chung và văn bản quản lý nhà nước nói riêng, phân loại văn bản quản lý nhà nước; Hiểu rõ và nắm vững kiến thức những yêu cầu về nội dung, thể thức, ngôn ngữ và văn phong của văn bản; đặc trưng và kỹ thuật soạn thảo một số loại văn bản hành chính thông thường.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Sau khi học xong hoc phần này, sinh viên nhận biết về mục đích, ý nghĩa của việc sử dụng và ban hành văn bản; nắm rõ những yếu tố thuộc về thể thức và cơ cấu nội dung của một số văn bản hành chính nói chung và văn bản quản lý nhà nước nói riêng. Qua đó, sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức đã học để soạn thảo một số văn bản hành chính thông thường trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức. Đồng thời, sinh viên được trau dồi thêm các kỹ năng khác như: kĩ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm và sử dụng công nghệ thông tin phục vụ việc tra cứu và soạn thảo một số văn bản một cách hoàn chỉnh. Qua môn học này, sinh viên thấy được vai trò ý nghĩa và tầm quan trọng của văn bản trong hoạt động quản lý của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp… Từ đó có động lực học tập và phấn đấu để trau dồi kiến thức và kỹ năng năng để áp dụng vào công việc sau khi ra trường.			
59	Phương pháp luận NCKH	+ Nghiên cứu môn học này nhằm giúp người học nắm được khái niệm, ý nghĩa của môn học; nắm được bản chất của khoa học, nghiên cứu khoa học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học, cách thức tiến hành nghiên cứu và trình bày một công trình khoa học (viết bài báo khoa học; tiểu luận, báo cáo thực tập và khóa luận tốt nghiệp…). + Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nhận thức được các nguyên tắc cơ bản của nhận thức luận khoa học, các quy luật tư duy của khoa học, các phương pháp dự báo khoa học và quản lý khoa học cũng như đảm bảo đạo đức của người làm khoa học. + Học tập môn khoa học bước đầu giúp sinh viên có kỹ năng xác định một đề tài nghiên cứu khoa học, đồng thời cũng hình thành và phát triển khả năng hiểu và phân tích, đánh giá một công trình nghiên cứu khoa học cụ thể.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Giúp cho sinh viên những bước cơ bản nhất để rèn luyện các kỹ năng tư duy, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tìm tài liệu và làm việc nhóm; phát triển kỹ năng nghiên cứu và đánh giá nghiên cứu khoa học. + Hình thành tinh thần yêu thích, ham mê khoa học, nghiên cứu khoa học, tăng cường tính chủ động, tự tin trong việc tìm kiếm những tri thức khoa học mới. + Thái độ nghiêm túc, cầu thị, cẩn trọng trong nghiên cứu khoa học.			
60	Logic học	Học phần này trang bị cho sinh viên: - Khái niệm lôgíc học; định nghĩa khái niệm và đặc điểm chung của khái niệm, định nghĩa và phân chia khái niệm; phán đoán và hình thức ngôn ngữ của phán đoán, phán đoán đơn đặc tính và phán đoán phức; quy luật lôgíc cùng các yêu cầu của quy luật đồng nhất, quy luật cấm mâu thuẫn, quy luật loại trừ cái tứ ba, quy luật lý do đầy đủ; suy luận và đặc điểm bản chất của suy luật, suy luận trực tiếp và suy luận gián tiến, suy luận quy nạp và suy luận tương tự; chứng minh, bác bỏ và giả thuyết. - Có khả năng xây dựng được 1 định nghĩa khái niệm hoàn chỉnh dựa trên cơ sở nội hàm của khái niệm; thực hiện phân chia được khái niệm dựa trên cơ sở ngoại diên của khái niệm. Tìm và xác định được tính chu diên cũng như mối quan hệ giữa các phán đoán có cùng chủ từ, vị từ. Xây dựng được luận ba đoạn phù hợp với mỗi loại hình đảm bảo các quy luật của lôgíc, chuyển và đưa luận hai đoạn về luận ba đoạn hoàn chỉnh. - Chứng minh, bác bỏ và giả thuyết trong nghiên cứu các luận đề khoa học. Qua đó, sinh viên nắm được những nội dung cơ bản của logic học hình thức.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Sinh viên có - Khả năng tư duy lôgíc đảm bảo tính hệ thống, chặt chẽ, khoa học và mang tính tất yếu. - Từng bước rèn luyện, nâng cao trình độ tư duy logic, tạo thói quen suy nghĩ, lập luận chặt chẽ, rõ ràng, có cơ sở, có hệ thống để đạt tới những tri thức chính xác, khách quan và khoa học. - Khả năng vận dụng các kiến thức đã học để học tập, nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn. - Kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần. - Có thái độ nghiêm túc, đúng đắn và khoa học về bản chất của các vấn đề lôgíc học. - Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu, phân tích, lập luận để bảo vệ những quan điểm tư tưởng đúng đắn, phê phán, bác bỏ một cách có hiệu quả những tư tưởng, quan niệm sai lầm, lối tư duy ngụy biện, tráo trở.			
61	Tâm lý học đại cương	Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu của tâm lý học, sơ lược về sự hình thành và phát triển khoa học tâm lý học, phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của tâm lý học; cơ sở tự nhiên và xã hội của tâm lý người; khái niệm, đặc điểm, các quy luật của các quá trình tâm lý, trạng thái tâm lý và thuộc tính tâm lý; khái niệm, cấu trúc và các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển tâm lý người Trang bị những kiến thức nền quan trọng về tâm lý học để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành chuyên sâu và chuyên ngành liên quan.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần			
62	Tiếng Anh cơ bản 1	+ Nắm được kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp tiếng Anh: các thì của động từ; các trợ động từ….. + Nắm được lượng từ vựng căn bản thường gặp trong các đề thi TOEIC + Làm quen định dạng của bài thi TOEIC + Rèn luyện kĩ năng đọc hiểu và nghe hiểu + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng đọc hiểu những mẩu tin, thư, đơn giản. + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng nghe hiểu những ngôn ngữ nói giao tiếp hàng ngày. + Sinh viên có cái nhìn cụ thể hơn về dạng bài thi TOEIC, nắm bắt được kĩ năng làm bài để đạt được điểm cao nhất thông qua các bài luyện tập nghe và đọc hiểu. Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của tiếng Anh và cách làm dạng bài thi TOEIC	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
63	Tiếng Anh cơ bản 2	+ Nắm được kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp tiếng Anh: mệnh đề quan hệ; trật tự từ; cấu trúc bị động… + Nắm được lượng từ vựng căn bản thường gặp trong bài thi + Làm quen định dạng của bài thi TOEIC + Rèn luyện kĩ năng đọc hiểu và nghe hiểu + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng đọc hiểu những mẩu tin, thư tín. + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng nghe hiểu những ngôn ngữ nói giao tiếp hàng ngày.	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Người học làm quen và luyện tập dạng bài thi TOEIC, nắm bắt được kĩ năng làm bài để đạt được điểm cao nhất thông qua luyện Practice Test. Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của tiếng Anh và cách làm dạng bài thi TOEIC			
64	Tiếng anh chuyên ngành 1	- Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực du lịch - Sinh viên nắm được các thuật ngữ chuyên ngành trong lĩnh vực du lịch. - Sinh viên nắm được và ôn tập một số kiến thức ngữ pháp, các kỹ năng nói, đọc, viết. - Sinh viên được làm quen với việc đọc hiểu được một số bài viết chuyên ngành du lịch ở mức trung bình. - Hình thành và phát triển kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, tư duy logic. - Hình thành và phát triển năng lực phân tích, tổng hợp, đánh giá các kiến thức đã học. - Hình thành và phát triển kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tổ chức và quản lý các hoạt động học tập. - Hình thành kỹ năng tìm kiếm thông tin trên mạng phục vụ cho việc học. - Hình thành kỹ năng trình bày, giải thích và tranh luận về một vấn đề trước các thành viên khác trong lớp. - Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của tiếng Anh. - Tích cực, chủ động nghiên cứu tài liệu. Tăng cường tự học, tự nghiên cứu	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
65	Tiếng anh chuyên ngành 2	- Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực du lịch - Sinh viên nắm được các thuật ngữ chuyên ngành trong lĩnh vực du lịch.	3	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Sinh viên nắm được và ôn tập một số kiến thức ngữ pháp, các kỹ năng nói, đọc, viết. - Sinh viên được làm quen với việc đọc hiểu được một số bài viết chuyên ngành du lịch. - Hình thành và phát triển kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, tư duy logic. - Hình thành và phát triển năng lực phân tích, tổng hợp, đánh giá các kiến thức đã học. - Hình thành và phát triển kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tổ chức và quản lý các hoạt động học tập. - Hình thành kỹ năng tìm kiếm thông tin trên mạng phục vụ cho việc học. - Hình thành kỹ năng trình bày, giải thích và tranh luận về một vấn đề trước các thành viên khác trong lớp. - Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của tiếng Anh. - Tích cực, chủ động nghiên cứu tài liệu. Tăng cường tự học, tự nghiên cứu			
66	Thực hành TOEIC	+ Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về ngữ pháp tiếng Anh: Gerunds and Infinitives, Auxiliary verbs; Subject- verb Agreement, verb Form and Tenses; Participial Forms, Comparative and Superlatives; Negation + Ngoài ra, người học còn củng cố và được cung cấp thêm một lượng từ vựng thường gặp trong các đề thi TOEIC thông qua các bài luyện nghe và đọc. + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng đọc hiểu những mẩu tin, thư, đoạn văn + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng nghe hiểu những ngôn ngữ nói giao tiếp hàng ngày.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		+ Sinh viên có cái nhìn cụ thể hơn về dạng bài thi TOEIC, nắm bắt được kĩ năng làm bài để đạt được điểm cao nhất thông qua các bài luyện tập nghe và đọc hiểu. Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của tiếng Anh và cách làm dạng bài thi			
67	Thể dục điền kinh	Hiểu được tầm quan trọng của học phần Thể dục - Điền kinh là môn thể thao nền tảng cho hoạt động thể lực và các môn thể thao khác. Nắm được kỹ thuật bài tập phát triển chung 13 động tác. Nắm được các kiến thức về kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bung, một số điều luật thi đấu cơ bản của nội dung nhảy cao. Có kỹ năng thực hiện bài tập phát triển chung 13 động tác. Thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bụng. Giáo dục phát triển các tố chất thể lực như: sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo khéo léo, hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cần thiết, bổ trợ và rèn luyện thể lực chuyên môn cho các môn thể thao khác. Sinh viên nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy định của Nhà trường và Bộ môn, tự giác, tích cực thực hiện các nội dung học tập trên lớp và bài tập thể lực, bài tập bổ trợ ở nhà. Sinh viên phải có thái độ học tập tích cực, chủ động. Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá của môn học		Học kỳ 1 và 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
68	Bóng chuyền 1	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng chuyền với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng chuyền. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			
69	Bóng chuyền 2	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng chuyền với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng chuyền. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng chuyền với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng chuyền. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			
70	Bóng rổ 1	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng rổ với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng rổ. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
71	Bóng rổ 2	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng rổ với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng rổ. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
72	Cầu lông 1	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Cầu lông với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Cầu lông. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
73	Cầu long 2	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Cầu lông với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Cầu lông. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
74	Cờ vua 1	- Hiểu được tầm quan trọng của học phần cờ vua 1 là môn thể thao phát triển khả năng tính toán, tư duy, logic... - Nắm được kiến thức về nguồn gốc ra đời, lịch sử phát triên của môn cờ vua .			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Nắm được cách chơi cờ, những tri thức cơ bản trong cờ vua) - Nắm được các kiến thức về giai đoạn tàn cuộc của ván đấu . Có kỹ năng thực hiện bài tập của giai đoạn tàn cuộc. Thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của giai đoạn tàn cuộc Giáo dục phát triển toàn diện đặc biệt là rèn luyện tính kiên trì, khả năng tuy duy, phát triển trí thông minh Sinh viên nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy định của nhà trường, tự giác, tích cực thực hiện các nội dung học tập trên lớp và bài tập ở nhà . Sinh viên phải có thái độ học tập tích cực, chủ động. Sinh viên tham gia đầy đủ 2 bài kiểm tra đánh giá kết thúc môn học cờ vua 1			
75	Cờ vua 2	Hiểu được tầm quan trọng của học phần cờ vua 2 là môn thể thao phát triển trí tuệ một cách toàn diện, rèn luyện trí nhớ, tư duy logic Nắm được kiến thức về nguồn gốc ra đời, lịch sử phát triên của môn cờ vua . Những tri thức trong cờ vua và các giai đoạn của tàn cuộc Nắm được các kiến thức về giai đoạn khai cuộc của ván đấu . Có kỹ năng thực hiện bài tập của giai đoạn khai cuộc.Thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của giai đoạn khai cuộc Giáo dục phát triển các tố chất thể lực như: sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo, hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cần thiết, bổ trợ và rèn luyện thể lực chuyên môn cho các môn thể thao khác. Sinh viên nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy định của nhà trường và Bộ môn, tự giác, tích cực thực hiện các nội dung học tập trên lớp và bài tập ở nhà . Sinh viên phải có hái độ học tập tích cực, chủ động. Sinh viên tham gia đầy đủ các bài đánh giá			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
76	Cờ vua 3	Hiểu được tầm quan trọng của học phần cờ vua 2 là môn thể thao nền tảng cho hoạt động thể lực và các môn thể thao khác. Nắm được kiến thức về nguồn gốc ra đời, lịch sử phát triên của môn cờ vua . Nắm được các kiến thức về giai đoạn trung cuộc của ván đấu . Có kỹ năng thực hiện bài tập của giai đoạn trung cuộc . Thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của giai đoạn trung cuộc Giáo dục phát triển các tố chất thể lực như: sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo, hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cần thiết, bổ trợ và rèn luyện thể lực chuyên môn cho các môn thể thao khác. Sinh viên nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy định của nhà trường và Bộ môn, tự giác, tích cực thực hiện các nội dung học tập trên lớp và bài tập ở nhà . Sinh viên phải có hái độ học tập tích cực, chủ động. Sinh viên phải tham gia đầy đủ 2 bài kiểm tra đánh giá kết thúc học phần cờ vua 3			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
77	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng Sản Việt Nam	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: - Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc - Các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân để ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược dưới mọi hình thức, qui mô. - Thực hiện kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh; tìm hiểu về nghệ thuật quân sự từ khi có Đảng lãnh đạo và lịch sử truyền thống vẻ vang của Quân đội nhân dân Việt Nam; những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội.	PLO3		

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		- Vận dụng những kiến thức đã học nhằm nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. - Hình thành tác phong kỷ luật, ý thức tập thể, phát huy trí tuệ tập thể trong học tập và thảo luận nhóm. - Phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng thu thập, xử lý thông tin trong học tập nghiên cứu của sinh viên về các nội dung chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế của Đảng và Nhà nước ta. - Có ý thức bảo vệ, truyền bá đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về Quốc phòng - An ninh. - Xây dựng niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, đấu tranh làm thất bại các luận điểm sai trái phản động bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN. - Có thái độ, nhận thức đầy đủ, đúng đắn về Nhiệm vụ của sinh viên đối với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của đất nước.			
78	Công tác quốc phòng an ninh	Học phần trang bị cho người học kiến thức về: - Phòng, chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. - Vấn đề dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội. - Những kiến thức cơ bản về an ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống; an toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; phòng, chống vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông; phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác góp phần bảo vệ an ninh quốc gia giữ gìn trật tự an toàn xã hội;	PLO3		Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa. - Góp phần phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng trong nghiên cứu, phân tích, tổng hợp của sinh viên về các nội dung; chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế của Đảng và Nhà nước ta; đề xuất các giải pháp thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước về quốc phòng, an ninh. - Hiểu thêm cách xây dựng và quy trình đánh giá kết quả học tập của môn học Giáo dục quốc phòng và An ninh, nâng cao khả năng làm việc độc lập của sinh viên. - Tăng cường kỹ năng trong thu thập, xử lý thông tin trước trong và sau mỗi bài học. - Nâng cao lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội nâng cao trách nhiệm của sinh viên, gương mẫu thực hiện đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước chủ động đấu tranh làm thất bại âm mưu chống phá của các thế lực thù địch, góp phần xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa. - Quán triệt sâu sắc đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và công tác quốc phòng, an ninh. - Hình thành nề nếp sinh hoạt, ý thức chấp hành kỷ luật nghiêm túc trong học tập. - Luôn tin tưởng, làm theo đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng. Không để các thế lực thù địch lôi kéo, dụ dỗ đi sai đường lối cách mạng Việt Nam.			
79	Quân sự chung	Học phần trang bị cho người học kiến thức: -Những nội dung cơ bản về quân sự, an ninh; hiểu biết về các quân, binh chủng trong quân đội, về các chế độ sinh hoạt, công tác trong ngày, tuần, nề nếp chính quy trong đơn vị quân đội; hiểu biết về bản	PLO3		Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đồ địa hình quân sự, vũ khí công nghệ cao và thi đấu ba môn quân sự phối hợp. -Lịch sử ra đời, truyền thống chiến đấu, lao động của các quân binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam, tác phong chính quy, nề nếp làm việc và kỹ năng phòng thủ dân sự khi có chiến tranh xảy ra, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa. Xây dựng tác phong, nề lối làm việc chính quy kỷ luật, lối sống giản dị, ngăn nắp; nâng cao lòng tự hào dân tộc, về quân đội anh hùng, từ đó xây dựng bản lĩnh, phẩm chất cách mạng cho mình, phấn đấu thực hiện tốt nhiện vụ học tập, công tác góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng của Đảng, của dân tộc trong giai đoạn cách mạng hiện nay. Nâng cao phẩm chất, đạo đức, lối sống, rèn luyện tính kỷ luật và tác phong chính quy từ đó hình thành lối sống và làm việc nghiêm túc; có kiến thức về quân sự chung, có thái độ nghiêm túc với việc xây dựng nền Quốc phòng toàn dân, An ninh nhân dân, sẵn sàng tham gia xây dựng quân đội khi tổ quốc cần. Hình thành nề nếp sinh hoạt, ý thức chấp hành kỷ luật, tác phong làm việc nghiêm túc phục vụ cho việc học tập và công tác sau này.			
80	Kỹ thuận chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: - Kiến thức về sử dụng súng tiểu liên AK (Tính năng cấu tạo, quy tắc sử dụng súng, lý thuyết ngắm bắn, đường ngắm, mục tiêu và những vấn đề ảnh hưởng đến phát bắn); lựu đạn (tính năng, cấu tạo và cách ném lựu đạn) - Người học hiểu được kỹ thuật chiến đấu của bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới); - Sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí thông thường như bắn	PLO3		Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		súng tiểu liên AK, (trình tự các bước trong thực hành bắn, kỹ năng ngắm bắn...) - Sử dụng lựu đạn (quy tắc, chuẩn bị và thực hành ném lựu đạn); - - Vận dụng được trong luyện tập thực hành các động tác của chiến sĩ trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ cảnh giới. - Người học có thái độ đúng mức khi tiếp cận hoặc sử dụng các loại vũ khí đặc biệt là súng, đạn; có ý thức trách nhiệm khi làm nhiệm vụ liên quan đến ANCT, TTATXH và tham gia các hoạt động quân sự, an ninh; - Sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc - Rèn luyện tác phong của người chiến sĩ; hình thành nếp sống có kỷ luật (Quân trang, quân phục, đội hình, đội ngũ...), ý thức cộng đồng ở trường, lớp và khi ra công tác có thể làm lực lượng nòng cốt trong các nhiệm vụ quân sự, an ninh tại đơn vị cơ sở.			

Ngành Quản trị kinh doanh

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Kinh tế vi mô	Hiểu được các khái niệm và mô hình cơ bản trong phân tích kinh tế vi mô. Nắm được Cách thức thị trường hàng hóa, thị trường các yếu tố đầu vào sản xuất hoạt động như thế nào. Các kết cục do chính sách can thiệp vào thị trường của Chính phủ; Nắm và hiểu được nguyên tắc ra quyết định kinh tế tối ưu của các tác nhân riêng rẽ (người tiêu dùng, người sản xuất…) trong nền kinh tế và sự tương tác giữa các tác nhân này trong từng cấu trúc thị trường khác nhau. Có thể đọc hiểu các bài viết, phân tích về kinh tế được bàn luận trên các phương tiện truyền thông đại chúng như sách, báo, đài và tạp chí; có khả năng sử dụng các lý thuyết kinh tế, mô hình kinh tế đã học để trình bày hoặc lý giải một số hiện tượng kinh tế diễn ra hàng ngày. Góp phần giúp sinh viên có tính cẩn thận và trách nhiệm khi đưa ra quyết định lựa chọn trong thực tế; có khả năng quản lý tốt, tránh lãng phí các nguồn lực của bản thân, gia đình và xã hội từ đó góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong nền kinh tế nói chung.	3	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
2	Kinh tế vĩ mô	Hiểu được những kiến thức cơ bản, các khái niệm và cách thức đo lường các biến số kinh tế vĩ mô của nền kinh tế. Hiểu được cách thức vận hành và những mối quan hệ kinh tế chủ yếu của một nền kinh tế thông qua các lý thuyết và mô hình cơ bản.	3	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Hiểu và phân tích được bản chất của các biến động kinh tế vĩ mô và cách thức giải quyết chúng. Hiểu được cách thức vận dụng các chính sách tài khóa và tiền tệ nhằm góp phần giảm bớt các biến động kinh tế có tính chu kỳ. Người học có kỹ năng sử dụng một số phương pháp phân tích tối ưu, phân tích cân bằng tổng thể trong việc nghiên cứu, phân tích, đánh giá một số hiện tượng sự kiện, và chính sách kinh tế vĩ mô. Người học có ý thức trách nhiệm và thái độ tích cực tự rèn luyện nâng cao hiểu biết về các vấn đề kinh tế, phân tích chính sách để có thể đáp ứng được yêu cầu của xã hội đang trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.			
3	Nguyên lý thống kê	Giúp cho sinh viên nắm được quá trình nghiên cứu thống kê, tổng hợp tài liệu thống kê thông qua phương pháp phân tổ thống kê. Nắm vững các phương pháp phân tích thống kê như: phân tích hồi quy và tương quan để nghiên cứu mối liên hệ giữa các tiêu thức; Phân tích đặc điểm và xu thế vận động của hiện tượng qua thời gian; sử dụng hệ thống chỉ số phân tích biến động của hiện tượng. Trang bị bước đầu cho sinh viên một số công cụ thống kê phục vụ cho các môn học Thống kê chuyên ngành và nghiên cứu khoa học. Sinh viên hiểu và sử dụng được các phương pháp thu thập tài liệu, thiết kế bảng hỏi. Thực hành tốt các kỹ năng tổng hợp tài liệu thống kê bằng phương pháp phân tổ thống kê, trình bày dữ liệu thống kê bằng bảng và đồ thị thống kê.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Thành thạo kỹ năng tính toán các mức độ của các hiện tượng KTXH, và phân tích hiện tượng trên cơ sở các mức độ đó. Có khả năng chủ động vận dụng các phương pháp phân tích thống kê trong học tập, nghiên cứu khoa học. Rèn luyện thái độ nghiêm túc, trung thực trong thu thập, xử lý tổng hợp, phân tích dữ liệu và trong cung cấp thông tin. Tạo tác phong nghiêm túc và khoa học trong học tập, nghiên cứu và lao động.			
4	Luật Kinh tế	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: + Địa vị pháp lý của các chủ thể kinh doanh; + Pháp luật về giải quyết tranh chấp kinh doanh; + Pháp luật phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Giúp người học có khả năng vận dụng được kiến thức đã học giải quyết các tình huống nảy sinh trong thực tiễn kinh doanh liên quan đến địa vị pháp lý các chủ thể kinh doanh; giải quyết các tình huống liên quan đến phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã; giải quyết tranh chấp kinh doanh phát sinh trong quá trình thành lập, hoạt động của doanh nghiệp. Giúp người học có kỹ năng bình luận, đánh giá các quy định của pháp luật thực định nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng; có kỹ năng thuyết trình về một vấn đề của pháp luật kinh tế; có kỹ năng điều hành hoạt động nhóm, tham gia hoạt động nhóm. Người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của môn học ứng dụng vào học tập và cuộc sống của bản thân. Hình thành nhận thức và thái độ đúng đắn về quyền tự do kinh doanh của tổ chức, cá nhân trong nền kinh tế thị trường. Đồng thời, người	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		học cũng thấy được vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội, biết cách tra cứu và tự cập nhật các văn bản pháp luật để phục vụ cho công việc, từ đó nâng cao ý thức thực hiện pháp luật, tuyên truyền ý thức thực hiện pháp luật với cộng đồng.			
5	Marketing căn bản	Nắm được các vấn đề cơ bản của marketing gồm các khái niệm trong marketing, các quan điểm và nội dung marketing. Hiểu, phân tích và vận dụng các vấn đề về thị trường, khách hàng, khách hàng mục tiêu. Nghiên cứu khách hàng mục tiêu thông qua các hoạt động phân đoạn, lựa chọn và định vị thị trường. Hiểu, phân tích và vận dụng được các mô hình nghiên cứu hành vi mua của khách hàng. Hiểu và phân tích được chính sách marketing – mix (4 “p”) Nắm được các kiến thức mới về marketing Rèn luyện năng lực tư duy marketing. Có kỹ năng phân tích và xử lý tình huống marketing cụ thể Ý thức được vai trò và tầm quan trọng của marketing trong hoạt động kinh doanh. Có ý thức ứng dụng marketing trong công việc. Xây dựng ý thức hướng về thị trường, về khách hàng trong các hoạt động.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
6	Nguyên lý kế toán 1	Trang bị những kiến thức cơ bản của nguyên lý kế toán gồm bản chất của kế toán và các phương tiện kế toán như: Chứng từ kế toán, Tài khoản kế toán và Báo cáo kế toán. Trang bị những kiến thức cơ sở quan trọng về các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung, các phương tiện của kế toán để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành kế toán và các chuyên ngành liên quan.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.			
7	Quản trị học	Nắm được các kiến thức cơ bản về quản trị học: khái niệm, vai trò, nội dung của hoạt động quản trị và nhà quản trị Hiểu được: các lý thuyết quản trị (lý thuyết cổ điển, hành vi, định lượng, hiện đại), môi trường quản trị và bản chất của ra quyết định quản trị. Hiểu rõ bản chất và vận dụng các hoạt động quản trị cơ bản: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát trong các thực tế. Có kỹ năng cơ bản về việc ra quyết định và phân tích, đánh giá kế hoạch, cơ cấu tổ chức, tạo động lực lao động, phong cách lãnh đạo, hệ thống kiểm soát. Có kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm trong việc nghiên cứu, phân tích các vấn đề về quản trị; kỹ năng trình bày, thuyết trình một số vấn đề về quản trị. Có kỹ năng vận dụng lý luận và phương pháp quản trị để giải quyết các tình huống quản trị. Góp phần đào tạo sinh viên nhận thức đúng đắn về chức năng, nhiệm vụ, yêu cầu đối với công việc và nhà quản trị trong bối cảnh hiện nay. ɔ phần rèn luyện các đức tính của nhà quản trị như sự nhanh nhẹn, linh hoạt, tính nghiêm túc, chính xác, có căn cứ khoa học, tính kiên trì, tinh thần vượt khó.	2	Học kỳ 3	
8	Tài chính - Tiền tệ	Nắm được các vấn đề cơ bản của marketing gồm các khái niệm trong marketing, các quan điểm và nội dung marketing. Hiểu, phân tích và vận dụng các vấn đề về thị trường, khách hàng, khách hàng mục tiêu. Nghiên cứu khách hàng mục tiêu	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		thông qua các hoạt động phân đoạn, lựa chọn và định vị thị trường. Hiểu, phân tích và vận dụng được các mô hình nghiên cứu hành vi mua của khách hàng. Hiểu và phân tích được chính sách marketing – mix (4 “p”) Nắm được các kiến thức mới về marketing Rèn luyện năng lực tư duy marketing. Có kỹ năng phân tích và xử lý tình huống marketing cụ thể Ý thức được vai trò và tầm quan trọng của marketing trong hoạt động kinh doanh. Có ý thức ứng dụng marketing trong công việc. Xây dựng ý thức hướng về thị trường, về khách hàng trong các hoạt động.			
9	Lý thuyết tổ chức	Hiểu các nội dung cơ bản của tổ chức, nắm vững các yếu tố liên quan đến hoạt động của tổ chức như mục tiêu, chiến lược hiệu quả, môi trường, công nghệ, quy mô và vòng đời phát triển của tổ chức. Phân tích mối quan hệ của các yếu tố cơ bản của tổ chức nêu trên tới cấu trúc tổ chức từ đó có quyết định cấu trúc tổ chúc phù hợp để nâng cao hiệu quả và hiệu suất tổ chức Có khả năng ứng dụng kiến thức chung về tổ chức để hoạch định và tổ chức hoạt động kinh doanh. Có kiến thức và khả năng lập luận tư duy theo hệ thống và giải quyết các vấn đề quản trị kinh doanh Kỹ năng làm việc nhóm và thuyết trình, kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc, kỹ năng phân tích và giải quyết vấn đề quản trị. Có kỹ năng tìm kiếm thông tin, dữ liệu và kỹ năng tổng hợp phân tích và đánh giá thông tin quản trị.	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Góp phần đào tạo sinh viên nhận thức đúng đắn về chức năng, nhiệm vụ, yêu cầu đối với công việc và nhà quản trị trong bối cảnh hiện nay. Góp phần rèn luyện các đức tính của nhà quản trị linh hoạt, tính nghiêm túc, chính xác, có căn cứ khoa học, tính kiên trì, tinh thần vượt khó.			
10	Kinh tế quốc tế	Nắm được quy luật vận động của nền kinh tế thế giới và các quan hệ KTQT như: Quy luật vận động của thương mại quốc tế, quy luật vận động của hoạt động đầu tư quốc tế, quy luật vận động của hệ thống tiền tệ và quan hệ tài chính quốc tế, quy luật hình thành và phát triển của các loại hình liên kết KTQT Hiểu rõ cơ sở khoa học và thực tiễn của các chính sách chính phủ áp dụng trong lĩnh vực các quan hệ kinh tế quốc tế của mỗi quốc gia. Hiểu được vấn đề lý luận và thực tiễn trong quá trình hình thành và phát triển lĩnh vực kinh tế đối ngoại của Việt Nam. Có kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm trong việc nghiên cứu, phân tích, tổng hợpcác quan hệ kinh tế quốc tế. Có kỹ năng thiết kế và thuyết trình các vấn đề như: thương mại quốc tế, đầu tư quốc tế, di chuyển lao động quốc tế, cán cân thanh toán quốc tế, thị trường tiền tệ quốc tế, liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế. Có kỹ năng vận dụng các quy luật quan hệ kinh tế quốc tế để nghiên cứu phân tích, đánh giá các vấn đề về kinh tế quốc tế của Việt Nam và thế giới. Có phẩm chất đạo đức, năng động, có năng lực trong phân tích, đánh giá và tổng hợp các vấn đề liên quan đến kinh tế quốc tế.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Có ý thức và thích nghi với một nền kinh tế hội nhập với các nước trong khu vực và trên thế giới. Có lý tưởng và phong cách sống trong sáng, có thể đáp ứng được yêu cầu của một xã hội phát triển đang trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.			
11	Kinh tế lượng	+ Nắm được các kiến thức cơ bản về phân tích hồi quy trong kinh tế xã hội. + Thực hiện được một cách cơ bản quy trình phân tích hồi quy, từ xây dựng một mô hình tốt đến ứng dụng mô hình này để đưa ra các khuyến nghị hợp lý cho các vấn đề cụ thể trong kinh tế kinh doanh. + Nắm được các kỹ năng thực hành trong phân tích hồi quy; Nắm được các kỹ thuật cơ bản trong phân tích hồi quy và sử dụng thành thạo phần mềm Eviews trong quá trình phân tích hồi quy; Có thái độ nghiêm túc, đúng đắn và khoa học về bản chất của các vấn đề toán học, vấn đề vận dụng các kiến toán vào lĩnh vực kinh tế.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
12	Văn hóa doanh nghiệp	Nắm được các kiến thức cơ bản của Văn hóa doanh nghiệp như: khái niệm, đặc điểm, vai trò của văn hóa, các yếu tố cấu thành của văn hóa doanh nghiệp, các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và các giai đoạn hình thành văn hóa doanh nghiệp. Hiểu được các biểu hiện của văn hóa doanh nghiệp, các dạng văn hóa doanh nghiệp và các mô hình văn hóa doanh nghiệp Hiểu và vận dụng văn hóa doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh như văn hóa ứng xử trong kinh doanh; đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội; xây dựng và duy trì văn hóa doanh nghiệp	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Có kỹ năng nghiên cứu và phân tích các vấn đề về văn hóa trong doanh nghiệp. Có kỹ năng vận dụng và lựa chọn các yếu tố, giá trị và mô hình văn hóa trong hoạt động xây dựng và duy trì văn hóa doanh nghiệp phù hợp đặc điểm và môi trường hoạt động của từng loại hình doanh nghiệp. Có kỹ năng thích ứng và hòa nhập với văn hóa của một doanh nghiệp cụ thể. Hiểu và có nhận thức đúng về tầm quan trọng của văn hóa doanh nghiệp từ đó có ý thức học tập, rèn luyện về chuyên môn và các kỹ năng làm việc thích nghi được với môi trường văn hóa doanh nghiệp tại đơn vị sau này. nhận thức trong việc rèn luyện các kỹ năng, phẩm chất phù hợp với các giá trị của văn hóa doanh nghiệp nói chung.			
13	Kinh tế phát triển	Giải thích được các khái niệm liên quan đến phát triển kinh tế Hiểu được các mô hình tăng trưởng kinh tế, những vấn đề có tính quy luật về xu hướng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế và vai trò quan trọng của việc đáp ứng phúc lợi cho con người trong phát triển kinh tế Vận dụng các kiến thức vào phân tích vấn đề kinh tế trong thực tế. Xác định được các nhân tố đóng góp vào quá trình tăng trưởng và phát triển kinh tế, vai trò và mức độ đóng góp cụ thể của từng nhân tố. Hiểu được các chỉ số đo lường tăng trưởng, phát triển kinh tế. Có thể đọc được các bài phân tích về tình hình kinh tế, chính sách kinh tế của các quốc gia và đưa ra được quan điểm cá nhân Hiểu biết đúng đắn về những vấn đề có tính quy luật trong phát triển kinh tế. Dựa trên kiến thức môn học, tiếp tục học tập các		Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		môn chuyên ngành liên quan. Tham gia và hoàn thành bài khóa luận, bài báo, công trình nghiên cứu khoa học với luận cứ chặt chẽ và sâu sắc hơn			
14	Quản trị chiến lược	Nắm được khái niệm cơ bản về chiến lược, nhà quản trị chiến lược và nội dung cơ bản về quá trình quản trị chiến lược trong doanh nghiệp. Hiểu, phân tích và đánh giá được những vấn đề liên quan đến quá trình hoạch định chiến lược như sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu của doanh nghiệp, môi trường kinh doanh, xây dựng lợi thế cạnh tranh Nhận diện, phân tích và lựa chọn được các chiến lược mà các doanh nghiệp sẽ theo đuổi ở cả 3 cấp (cấp doanh nghiệp, cấp kinh doanh và cấp chức năng) Hiểu và vận dụng những hoạt động triển khai thực hiện chiến lược; cách thức đánh giá, kiểm soát và điều chỉnh chiến lược trong doanh nghiệp Người học phát triển được kỹ năng tư duy chiến lược, kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm trong việc phân tích, đánh giá và tổng hợp các vấn đề liên quan đến những tình huống quản trị chiến lược cụ thể. Có kỹ năng ra các quyết định quản trị chiến lược trong các bài tập thực hành về quản trị chiến lược. Người học nhận thức đúng đắn được tầm quan trọng và những yêu cầu của công việc quản trị chiến lược trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Có trách nhiệm và sự tự tin trong việc tìm hiểu và phân tích các vấn đề kinh tế nảy sinh trong thực tiễn hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
15	Quản trị marketing	Hiểu được tổng quan về quản trị marketing, chiến lược và kế hoạch marketing.	3	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi

		Hiểu được việc xây dựng, quản lý và khai thác hệ thống thông tin marketing. Và nghiên cứu thị trường làm cơ sở cho quyết định marketing. Nhận biết được cách thức công ty tổ chức thực hiện và kiểm tra các hoạt động marketing đã được vạch ra trong bản kế hoạch marketing. Có kỹ năng phân tích và xử lý tình huống với những tình huống về quản trị marketing, và sử dụng phối thức marketing hỗn hợp để tác động vào từng thị trường mục tiêu khi có yêu cầu. Lập được bản kế hoạch marketing cho một công ty cụ thể, trong đó phải phân bổ nguồn lực cho các hoạt động marketing (ngân sách, nguồn nhân lực, thời gian...) để đạt mục tiêu đã định. Lựa chọn được chiến lược marketing cho một công ty cụ thể ở những vị trí khác nhau trên thị trường trên cơ sở phối hợp hài hòa những mục tiêu, sở trường cốt lõi và các nguồn lực của công ty với những nhu cầu và cơ hội trên thị trường khi được yêu cầu. Rèn luyện phẩm chất của nhà quản trị marketing như linh hoạt, nhạy bén, có khả năng bao quát và ra quyết định hướng tới khách hàng. Ý thức được vai trò và tầm quan trọng của quản trị marketing trong hoạt động kinh doanh nói chung và trong hoạt động marketing nói riêng.			kết thúc học phần 60%
16	Quản trị sản xuất	+ Nắm được các kiến thức cơ bản, nguyên lý chung của hoạt động sản xuất tạo ra sản phẩm, dịch vụ. + Nắm được các nội dung chủ yếu của hoạt động quản trị sản xuất, từ lập kế hoạch đến tổ chức thực hiện và kiểm soát.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		+ Hiểu và vận dụng để dự báo, lập kế hoạch, dự án sản xuất kinh doanh cụ thể cho doanh nghiệp. + Vận dụng kiến thức về quản trị sản xuất để phân tích, giải quyết tình huống sản xuất kinh doanh cụ thể. Người học nắm được các kỹ năng vận dụng phương pháp quản trị để giải quyết các tình huống quản trị sản xuất của doanh nghiệp. Có kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm trong việc nghiên cứu, phân tích và ra quyết định các vấn đề sản xuất trong doanh nghiệp. Người học thái độ đúng đắn, nghiêm túc, tích cực về tầm quan trọng của sản xuất và nỗ lực để làm tốt nhiệm vụ, yêu cầu đối với công việc quản trị sản xuất trong doanh nghiệp.			
17	Quản trị chuỗi cung ứng	Hiểu được các lý thuyết cơ bản về Quản trị chuỗi cung ứng Nắm vững các nội dung cơ bản về quản trị chuỗ cung ứng để vận dụng thực tế. Nắm được kỹ năng xác định nguyên nhân, kết quả và mối ràng buộc giữa các quyết định và hành vi trong một chuỗi cung ứng thực tế. Vận dụng lý thuyết để đưa ra những phương pháp để cải thiện chuỗi cung ứng thực tế. Có khả năng tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để tiếp tục học cao hơn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
18	Quản trị nhân lực	Hiểu được bản chất, vai trò, chức năng của quản trị nhân lực; Các quan điểm, các học thuyết của quản trị nhân lực; Các nghiệp vụ cơ bản của quản trị nhân lực: hoạch định nhân lực, tuyển dụng nhân lực, đánh giá thực hiện công việc, đào tạo nhân lực và quản trị thù lao.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Hiểu được về các chính sách nhân sự cũng như cách thức triển khai các hoạt động chức năng về quản trị nhân lực và mối quan hệ của nó với các hoạt động quản trị khác Rèn luyện cho người học những kỹ năng làm việc với con người, quản lý nhóm, tổ chức hoạt động tổ - đội – nhóm kinh doanh Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, chuyên nghiệp trong công việc, có trách nhiệm công dân, trách nhiệm với tổ chức và trách nhiệm xã hội; năng động, sáng tạo, có bản lĩnh, chịu được áp lực trong công việc. Ý thức và chủ động hơn trong việc tìm kiếm, học hỏi những kiến thức về quản trị nhân lực. Từ đó, có ý thức tự học tích lũy thêm kiến thức và kinh nghiệm, học tập, nâng cao trình độ ở bậc cao hơn, sẵn sàng thích nghi với các điều kiện, môi trường làm việc khác nhau.			
19	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về quản trị tài chính doanh nghiệp, nguyên tắc và kỹ thuật cơ bản của quản trị tài chính và ứng dụng những quyết định này trong việc quyết định những vấn đề tài chính cơ bản trong doanh nghiệp: quyết định đầu tư, quyết định tài trợ và quyết định quản trị tài sản. Trang bị những kiến thức nền quan trọng về tài chính doanh nghiệp để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành chuyên sâu và chuyên ngành liên quan. Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

20	Kế toán quản trị	Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về kế toán quản trị, cách thức thiết kế hệ thống thông tin kế toán quản trị, cách thức sử dụng thông tin kế toán quản trị để ra quyết định Trang bị những kiến thức nền quan trọng về kế toán quản trị để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành chuyên sâu và chuyên ngành liên quan. Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự nghiên cứu, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
21	Khởi sự kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp	Nắm được các khái niệm, đặc điểm, nội dung của kinh doanh, khởi sự kinh doanh Hiểu rõ bản chất các bước khởi sự kinh doanh: hình thành ý tưởng kinh doanh, lập kế hoạch khởi sự, triển khai hoạt động khởi sự và tạo lập doanh nghiệp. Vận dụng kiến thức để: hình thành ý tưởng khởi sự kinh doanh, xây dựng một kế hoạch khởi sự kinh doanh. Có thể thực hiện được các nghiệp vụ quản trị cụ thể thuộc các ngành và lĩnh vực kinh doanh khác nhau. Có thể tự mình khởi sự kinh doanh ở một lĩnh vực cụ thể nào đó. Tự tin trong việc tìm hiểu và phân tích các vấn đề kinh tế nảy sinh trong thực tiễn sản xuất kinh doanh. Tự tin biến những ý tưởng kinh doanh thành hiện thực Có lý tưởng và phong cách sống trong sáng có thể đáp ứng được yêu cầu của một xã hội phát triển đang trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Từng bước làm chủ cuộc sống, có thể tự mình phát triển một hoạt động kinh doanh làm giàu cho bản thân và xã hội một cách có đạo đức và tuân thủ luật pháp.	3	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

22	Quản trị sự thay đổi	+ Nắm được các khái niệm, tính tất yếu khách quan của thay đổi trong doanh nghiệp, các hình thức thay đổi, mô hình thay đổi, phương pháp tiếp cận sự thay đổi trong doanh nghiệp, vai trò của người lãnh đạo đối với quản trị sự thay đổi, các nguyên tắc và sai lầm cần tránh trong quản trị sự thay đổi. + Hiểu được các nhân tố thúc đẩy và cản trở sự thay đổi và nghiên cứu sự thay đổi trong doanh nghiệp như xác định vấn đề, xác định nhu cầu thay đổi và đối tượng thay đổi trong doanh nghiệp. + Hiểu và vận dụng được cách thiết lập kế hoạch chương trình thay đổi, tổ chức thực hiện chương trình thay đổi và kiểm soát duy trì sự thay đổi trong doanh nghiệp nhằm đạt được mục tiêu đặt ra. + Vận dụng những vấn đề lý luận về sự thay đổi và quản trị sự thay đổi để nhận xét, liên hệ với thực tiễn quản trị sự thay đổi trong doanh nghiệp; Phân tích đánh giá và thích ứng với sự thay đổi trong doanh nghiệp. + Hình thành và phát triển kỹ năng tư duy logic, kỹ năng xử lý tình huống và ra quyết định, phát triển kỹ năng tự học và nghiên cứu, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm. + Nhận thức được tầm quan trọng của sự thay đổi trong doanh nghiệp và quản trị sự thay đổi trong doanh nghiệp từ đó có ý thức học tập và rèn luyện chuyên môn và các kỹ năng làm việc linh hoạt thích nghi với môi trường làm việc luôn thay đổi trong doanh nghiệp.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
23	Thị trường chứng khoán	Học phần này trang bị những kiến thức cơ bản về thị trường chứng khoán, thị trường thứ cấp, thị trường sơ cấp, các loại chứng khoán được giao dịch trên thị trường, các phương thức		Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi

		phát hành chứng khoán, quy trình bảo lãnh phát hành, phương thức và quy trình giao dịch tại Sở giao dịch. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp các nguyên tắc định giá trái phiếu, cổ phiếu và các nhân tố ảnh hưởng đến giá trị thị trường của các loại chứng khoán này. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể ứng dụng kiến thức đã học vào việc phân tích và đầu tư chứng khoán. Ngoài ra, người học còn được rèn luyện các kỹ năng tư duy độc lập, tư duy phản biện, kỹ năng lập kế hoạch, làm việc đội nhóm, thuyết trình và thể hiện ý tưởng, ứng biến linh hoạt trong môi trường làm việc đòi hỏi sự thay đổi. Học phần cũng giúp người học nhìn nhận được vai trò quan trọng của thị trường chứng khoán, có ý thức tự học và nghiên cứu các vấn đề lý luận cũng như thực tiễn liên quan đến thị trường, có định hướng tích lũy kiến thức chuyên môn cho nghề nghiệp trong tương lai ngay từ khi còn là sinh viên			kết thúc học phần 60%
24	Quản trị truyền thông	Nắm được các kiến thức cơ bản về truyền thông tích hợp: khái niệm, nội dung, thành phần của truyền thông, vai trò, mục tiêu Nắm được các nội dung truyền thông chủ yếu: tổ chức hoạt động, quá trình truyền thông và các yếu tố ảnh hưởng, nghiên cứu công chúng, thiết lập mục tiêu và chính sách truyền thông, chiến lược sáng tạo trong truyền thông, kế hoạch sử dụng phương tiện truyền thông, đánh giá các phương tiện truyền thông, các công cụ trong truyền thông. Hiểu rõ bản chất của các công cụ trong truyền thông: Quảng cáo, Quan hệ công chúng, Xúc tiến bán, Bán hàng cá nhân, Marketing trực tiếp	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Có khả năng tổng hợp, xem xét, phân tích, đánh giá các điều kiện môi trường bên trong, bên ngoài… để thiết kế, triển khai và kiểm soát, đánh giá các chương trình truyền thông Người học nắm được các kỹ năng vận dụng các công cụ truyền thông vào thực tế. Có kỹ năng nghiên cứu đối tượng truyền thông, thiết kế các thông điệp truyền thông, sử dụng thành thạo và quản trị tốt theo mục tiêu các công cụ truyền thông. Người học hiểu và có ý thức, thái độ tích cực về vai trò và tầm quan trọng của thuyền thông trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, qua đó vận dụng một cách hiệu quả và sáng tạo cho từng trường hợp cụ thể.			
25	Quản trị dự án	Hiểu khái quát về dự án Nắm vững các kiến thức cơ bản về quản trị dự án và vận dụng thực tế: Lập kế hoạch dự án; quản trị thời gian và tiến độ dự án; phân phối nguồn lực cho dự án; quản trị chi phí dự án. Nắm vững và vận dụng thành thạo kỹ thuật xây dựng và phân tích quản trị dự án đầu tư. Có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc theo nhóm để giải quyết tốt các vấn đề trong thực tiễn. Có khả năng tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để tiếp tục học cao hơn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
26	Quản trị chất lượng	Hiểu được bản chất của chất lượng, quản trị chất lượng trong tổ chức, các hệ thống quản trị chất lượng phổ biến, nhất là ISO 9001 Hiểu được vai trò của việc kiểm soát chất lượng, chi phí về chất lượng, văn hóa chất lượng trong các tổ chức.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Áp dụng được các công cụ kiểm soát để đảm bảo và nâng cao chất lượng trong tổ chức; Vận dụng vào việc lựa chọn, xây dựng hệ thống quản trị chất lượng phù hợp cho tổ chức. Người học nắm được các kỹ năng vận dụng thiết lập hệ thống tiêu chuẩn chất lượng; lựa chon, xây dựng hệ thống quản trị chất lượng phù hợp; thiết lập được hệ thống kiểm tra và sử dụng các công cụ kiểm soát chất lượng bằng thống kê. y dựng thái độ đúng đắn, tích cực về tầm quan trọng của chất lượng và nhiệm vụ, yêu cầu đối với công việc và người làm quản trị chất lượng trong bối cảnh hiện nay.			
27	Thương mại điện tử	Nắm được các khái niệm cơ bản về TMĐT và các thuật ngữ liên quan. Hiểu được sự khác nhau giữa TMĐT và Thương mại truyền thống. Hiểu được tầm quan trọng của TMĐT và sự ảnh hưởng của TMĐT đến kinh doanh trong thời đại hiện nay. Vai trò của cơ sở hạ tầng công nghệ, cơ sở hạ tầng pháp lý - kinh tế - xã hội trong hoạt động TMĐT. Phân tích được tầm quan trọng của hạ tầng pháp lý-kinh tế-xã hội cho thực hiện TMĐT. Phân tích các yếu tố pháp lý ảnh hưởng đến kinh doanh TMĐT. Nắm rõ các phương thức và hình thức kinh doanh TMĐT. Các yếu tố cấu thành và xu hướng phát triển B2B, B2C trong thời đại hiện nay. Phân tích, đánh giá hoạt động các mô hình thương mại điện tử B2B và B2C. Nắm rõ một số hình thức thanh toán cơ bản trong kinh doanh TMĐT tại Việt Nam và trên thế giới. Phân tích ưu và nhược điểm của các hình thức thanh toán điện tử. Hiểu và ứng dụng các hình thức Marketing trong thời đại công nghệ thông tin và thương mại điện tử. Phương thức nghiên cứu thị trường và các hình thức quảng cáo trên Internet. Lợi ích của	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		doanh nghiệp khi sử dụng Marketing điện tử. Ứng dụng được các hình thức quảng cáo trên internet vào các doanh nghiệp kinh doanh theo mô hình thương mại điện tử. Nghiên cứu các mô hình TMĐT đang hoạt động tại thời điểm hiện tại. Tìm hiểu về quy mô, lịch sử hình thành phát triển, công nghệ, ưu nhược điểm của các mô hình đó. Có khả năng nghiên cứu và áp dụng các mô hình TMĐT vào thực tiễn doanh nghiệp. Có kỹ năng giải quyết một vấn đề phát sinh trong các giao dịch TMĐT của một doanh nghiệp. Hiểu biết, xác định và lựa chọn mô hình kinh doanh phù hợp với định hướng doanh nghiệp. Tham gia vào việc xây dựng và sử dụng các công cụ cơ bản trong an toàn thông tin doanh nghiệp. Thành thạo các kỹ năng như sử dụng thư điện tử, web và internet. Có khả năng kiểm tra, đánh giá các mô hình TMĐT. Nhận thức được tầm quan trọng của TMĐT đối với doanh nghiệp, từ đó nâng cao thái độ coi trọng việc ứng dụng TMĐT trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Nhận thức được mặt trái của TMĐT để từ đó tránh các hành động gây ảnh hưởng xấu đến xã hội. Nâng cao nhận thức của sinh viên về việc ứng dụng TMĐT trong doanh nghiệp. Có khả năng vận dụng linh hoạt vào thực tế công việc. Rèn luyện được thái độ coi trọng việc ứng dụng TMĐT trong hoạt động quản trị kinh doanh.			
28	Logistics	Nắm được các kiến thức cơ bản về logistic: khái niệm, vai trò, mục tiêu Nắm được các quyết định logistic chủ yếu: quyết định về vận tải, dự trữ, mua và cung ứng; các hình thức tổ chức và kiểm soát logistic.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Hiểu rõ bản chất của dịch vụ khách hàng logistic; hệ thống thông tin logistic. Người học hiểu rõ được những hoạt động logistic bên trong doanh nghiệp, từ đó có thể phân tích được cách doanh nghiệp áp dụng công nghệ thông tin trong logistic, dịch vụ khách hàng trong logistic, các quyết định dự trữ, điều phối vận tải và các chiến lược logistic nhằm tăng khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp trên thị trường. Người học ý thức được về vai trò và tầm quan trọng của việc ứng dụng logistic trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.			
29	Quản trị rủi ro kinh doanh	Cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản trị rủi ro trong kinh doanh như khái niệm rủi ro và quản trị rủi ro; nội dung của quản trị rủi ro trong trong quản trị nguồn lực, quản trị tài sản và các vấn đề quản trị khác trong hoạt động kinh doanh. Cung cấp cho người học có các kỹ năng nhận dạng, phân tích, kiểm soát và tài trợ rủi ro; kỹ năng nhận biết và chủ động ứng phó với những rủi ro trong cuộc sống và công việc kinh doanh. Ý thức được vai trò và tầm quan trọng của quản trị rủi ro trong hoạt động kinh doanh. Có ý thức ứng dụng quản trị rủi ro trong công việc và cuộc sống.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
30	Phần mềm quản trị kinh doanh	Nắm được tầm quan trọng của việc áp dụng các hệ thống thông tin trong quản trị doanh nghiệp. Nắm được khái niệm cơ bản và vai trò của Hệ thống quản lý nguồn nhân lực doanh nghiệp (ERP) Xác định được phạm vi ứng dụng của phần mềm ERP Thiết lập được mô hình và đề ra giải pháp phần mềm ERP trong các trường hợp thực tiễn	3	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Có khả năng thuyết trình một vấn đề cơ bản về phần mềm ERP Có khả năng sử dụng một phần mềm ERP đang có trên thị trường thông qua việc thực hành theo nhóm Nâng cao nhận thức của sinh viên về sự cần thiết sử dụng các hệ thống CNTT nói chung và phần mềm ERP nói riêng trong quản trị doanh nghiệp.			
31	Kỹ năng lãnh đạo và ra quyết định kinh doanh	Nắm được những vấn đề cơ bản về lãnh đạo, phong cách lãnh đạo và các kỹ năng lãnh đạo. Hiểu rõ bản chất và biết cách vận dụng kỹ năng hoạch định, động viên nhân viên, ủy quyền, ra quyết định và quản trị sự thay đổi trong doanh nghiệp Định hướng, hướng dẫn và thúc đẩy nhân viên cấp dưới trong quá trình lãnh đạo; biết cách lựa chọn phong cách lãnh đạo phù hợp với các tình huống quản trị; có các kỹ năng hoạch định, trao quyền, giải quyết các vấn đề và ra quyết định kinh doanh trong điều kiện môi trường luôn biến động. Người học ý thức được vai trò và ý nghĩa của kỹ năng lãnh đạo và ra quyết định trong hoạt động quản trị doanh nghiệp. Có thái độ rèn luyện một số kỹ năng lãnh đạo và ra quyết định hiệu quả đáp ứng công việc sau này.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
32	Kỹ năng giao tiếp và đàm phán kinh doanh	Tổng quan kiến thức về kỹ năng giao tiếp và đàm phán trong kinh doanh. Nhận biết được các rào cản về tâm lý, xã hội, văn hóa ảnh hưởng đến sự thành công trong giao tiếp kinh doanh. Nội dung và nguyên tắc cơ bản trong hoạt động giao tiếp, đàm phán kinh doanh; những nội dung chủ yếu của cuộc đàm phán Kỹ năng giao tiếp trong xã giao và trong kinh doanh; kỹ năng thuyết trình; kỹ năng tổ chức và thực hiện đàm phán trong kinh doanh	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Thái độ có trách nhiệm đối với công việc, đáp ứng các chuẩn mực đạo đức, tác phong làm việc khoa học, thái độ làm việc chuyên nghiệp của nhà quản trị. Rèn luyện ý thức tự cập nhất, phát triển và vận dụng các kiến thức quản trị hiện đại một cách khoa học, sáng tạo và linh hoạt.			
33	Kỹ năng làm việc và quản trị nhóm trong kinh doanh	+ Hiểu được tầm quan trọng của làm việc nhóm trong hoạt động kinh doanh của tổ chức, các cơ sở khoa học nền tảng để tổ chức và điều hành hoạt động của một nhóm làm việc, những vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình hoạt động của nhóm làm việc. + Có thêm kiến thức về hoạt động nhóm của con người trong lĩnh vực kinh doanh để bổ trợ cho một số môn học khác như Quản trị marketing, Quản trị sự thay đổi, Quản trị chiến lược, Quản trị nhân lực…. + Thực hiện được các bước công việc cụ thể để áp dụng vào việc xây dựng một nhóm làm việc trong thực tế (có thể áp dụng ngay đối với các môn học khác trong làm việc nhóm), qua đó xây dựng các nhóm làm việc được chuyên môn hóa sâu ở các lĩnh vực marketing, nhân sự, quản lý… + Vận dụng và thực hiện được một số kỹ thuật trong điều hành hoạt động hằng ngày của nhóm làm việc. + Ứng xử phù hợp trong nhóm làm việc Nhận thức được sự cần thiết, ý nghĩa của vấn đề làm việc nhóm và quản trị nhóm trong hoạt động kinh doanh. Qua đó người học tạo lập một thái độ tích cực như hòa nhập, lắng nghe, hành động vì mục tiêu chung của nhóm, mang lại lợi ích cho nhóm.	2	Học kỳ 6	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
34	Tín dụng và thanh toán	+ Mục tiêu của học phần này nhằm phát triển khả năng của người học trong việc tổng hợp phân tích đánh giá lựa chọn		Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi

		khách hàng vay vốn thích hợp với ngân hàng, đồng thời nhận định nguyên nhân, nhu cầu vay vốn của khách hàng để xây dựng và tổ chức cấp tín dụng phù hợp. + Hiểu được cách tính tỷ giá được niêm yết trên thị trường ngoại hối và hoạt động kinh doanh ngoại tệ. + Tư duy lựa chọn phương án thanh toán, đồng thời nhận định rủi ro của mỗi phương thức, phương tiện thanh toán để đưa ra lựa chọn thanh toán phù hợp. Trang bị những kiến thức nền quan trọng về tín dụng và thanh toán để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành kế toán và chuyên ngành tài chính ngân hàng. Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.	2		kết thúc học phần 60%
35	Kỹ năng ứng xử và phỏng vấn việc làm	Nắm được Tầm quan trọng của kỹ năng ứng xử và phỏng vấn xin việc Nắm được Một số lý thuyết về phương pháp giao tiếp, ứng xử hiệu quả, kiến thức về tuyển dụng, quy trình tuyển dụng, các yêu cầu và nguyên tắc tuyển dụng. Hiểu và vận dụng kỹ năng giao tiếp, ứng xử: kỹ năng lắng nghe, kỹ năng diễn đạt khi phỏng vấn xin việc, kỹ năng thể hiện bản thân (trang phục, thể hiện điểm mạnh, kỹ năng thương lượng mức lương và các điều kiện khác…) Hiểu và vận dụng được các kỹ năng chuẩn bị hồ sơ xin việc: kỹ năng viết đơn xin việc, viết lý lịch cá nhân, tìm hiểu về công ty ứng tuyển.	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Hiểu và vận dụng kỹ năng ứng xử trong thời gian thử việc và sau khi được tuyển dụng: kỹ năng ứng xử với cấp trên, đồng nghiệp. Biết cách phát huy những ưu thế của bản thân trong cuộc phỏng vấn. Rèn luyện khả năng thuyết phục nhà tuyển dụng. Có phẩm chất đạo đức, năng động, có năng lực trong phân tích, đánh giá và tổng hợp các vấn đề liên quan đến ứng xử và phỏng vấn. Có ý thức và thích nghi với môi trường làm việc mới. Có lý tưởng và phong cách sống trong sáng, có thể đáp ứng được yêu cầu của một xã hội phát triển đang trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.			
36	Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu	Nắm được các kiến thức cơ bản về kinh doanh xuất nhập khẩu Nắm được các kiến thức về thực hiện hợp đồng thương mại quốc tế Hiểu được các điều kiện cơ sở giao hàng áp dụng trong thương mại quốc tế Nắm vững các phương thức thanh toán quốc tế. Hiểu và ứng dụng được các điều kiện cơ sở giao hàng; các điều kiện bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu Hiểu và ứng dụng các phương thức và các nghiệp vụ thanh toán quốc tế Giúp sinh viên có cách nhìn mang tính tổng thể về các nghiệp vụ liên quan đến kinh doanh xuất nhập khẩu Nhận thức và thấy được vai trò của hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu trong doanh nghiệp	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
37	Thực tập cuối khóa	Củng cố các kiến thức chuyên ngành quản trị kinh doanh đã học và vận dụng vào thực tiễn. Cụ thể, sinh viên sẽ tích lũy được các kiến thức về loại hình tổ chức, chiến lược và quản trị chiến	4	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi

		lược của tổ chức; phân tích được môi trường hoạt động của tổ chức. Từ đó, nghiên cứu việc thực hiện các chức năng quản trị của các tổ chức nơi sinh viên thực tập, đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của các hoạt động quản trị và hoạt động kinh doanh. Đánh giá được thực trạng kinh doanh của các cơ sở thực tập trên các khía cạnh: sự phù hợp giữa tổ chức bộ máy và lĩnh vực kinh doanh, phân tích đặc điểm kinh doanh và đánh giá sự phù hợp giữa đặc điểm kinh doanh với các chính sách và công cụ quản trị đang được sử dụng tại cơ sở thực tập. Sau học phần này, sinh viên sẽ thành thạo: Các kỹ năng cứng, như: ra quyết định quản trị; giải quyết các tình huống kinh doanh; kỹ năng sử dụng phần mềm trong quản trị một tổ chức; kỹ năng giao tiếp trong quản trị và kinh doanh; kỹ năng tổ chức công việc để đạt hiệu năng cao nhất. Sau học phần này, sinh viên sẽ thành thạo: Các kỹ năng mềm, như: làm việc nhóm; kỹ năng thích ứng với môi trường việc làm và sự thay đổi của môi trường; kỹ năng xây dựng và tạo lập niềm tin; kỹ năng vượt qua thách thức để duy trì động lực làm việc và toàn tâm toàn ý với công việc; kỹ năng tổ chức thực hiện công việc. Sau học phần này sinh viên sẽ có thái độ nghề nghiệp đúng, có ý thức trách nhiệm xã hội của nhà quản trị hoặc kinh doanh. Sinh viên cũng bước đầu được rèn luyện ý thức trách nhiệm, thái độ công dân đối với các vấn đề kinh tế và quản trị kinh doanh của nền kinh doanh. Sinh viên có ý thức đúng đắn, nghiêm túc, khách quan và khoa học trong việc đánh giá thực tế về các hoạt động kinh tế và quản trị tại cơ sở thực tập.			kết thúc học phần 60%

		Sinh viên có ý thức nghiên cứu về các vấn đề lý thuyết và thực tiễn gắn liền với hoạt động quản trị và kinh doanh cũng như nghiệp vụ quản trị doanh nghiệp. Sinh viên nhận thức và nâng cao ý thức vươn lên về nghề nghiệp trong tương lai.			
38	Kế hoạch kinh doanh	Nắm vững các nội dung tổng quan về lập kế hoạch, nội dung cơ bản của kế hoạch kinh doanh, quy trình lập kế hoạch kinh doanh, phương pháp và thu thập thông tin và định hình chiến lược kinh doanh Vận dụng các kiến thức và kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh vào tình huống kinh doanh như kế hoạch marketing, kế hoạch sản xuất, kế hoạch nhân sự và kế hoạch tài chính Có kiến thức và khả năng lập luận tư duy theo hệ thống và giải quyết các vấn đề, có khả năng phân tích và đánh giá tính khả thi của bản kế hoạch kinh doanh Kỹ năng làm việc độc lập hoặc nhóm và thuyết trình, kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc, kỹ năng tư duy, phân tích và giải quyết vấn đề quản trị trong kinh doanh. Có kỹ năng tìm kiếm thông tin, dữ liệu và kỹ năng tổng hợp phân tích và đánh giá thông tin phục vụ lập kế hoạch kinh doanh Góp phần đào tạo sinh viên có phẩm chất đạo đức, ý thức nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, tôn trọng và chấp hành pháp luật trong hoạt động kinh doanh. Góp phần rèn luyện các đức tính của nhà quản trị như linh hoạt, tính nghiêm túc, chính xác, có căn cứ khoa học, tính kiên trì, tinh thần vượt khó.	3	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
39	Công ty đa quốc gia và	Nắm được khái niệm, nguồn gốc, đặc điểm hoạt động và vai trò của các công ty đa quốc gia.	3	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi

	chiến lược kinh doanh toàn cầu	Nắm được những vấn đề liên quan đến chiến lược kinh doanh của công ty đa quốc gia, yếu tố môi trường kinh doanh toàn cầu. Giải trình được tại sao lại chọn phương thức thâm nhập, lựa chọn thị trường trong hoạch định chiến lược kinh doanh toàn cầu. Rèn luyện năng lực tư duy lý luận, phương pháp tư duy chiến lược. Làm việc cá nhân và làm việc nhóm trong việc nghiên cứu môn học. Phân tích và xử lý tình huống những tình huống chiến lược kinh doanh cụ thể. Tự tin trong việc tìm hiểu và phân tích các vấn đề kinh tế nảy sinh trong thực tiễn sản xuất kinh doanh. Ý thức được vai trò và tầm quan trọng của các công ty đa quốc gia và chiến lược kinh doanh toàn cầu. Góp phần đào tạo sinh viên trở thành những con người có phẩm chất đạo đức, năng động, có năng lực trong phân tích, đánh giá và tổng hợp các vấn đề liên quan đến chiến lược kinh doanh toàn cầu. Có ý thức và thích nghi với một nền kinh tế hội nhập với các nước trong khu vực và trên thế giới. chung và trong hoạt động marketing nói riêng.			kết thúc học phần 60%
40	Khóa luận tốt nghiệp	Bổ sung, củng cố và nâng cao kiến thức chuyên sâu về một/một số vấn đề quản trị kinh doanh. Đề xuất được vấn đề cần nghiên cứu dựa trên cơ sở các nghiên cứu trước đã có hoặc yêu cầu của thực tiễn phù hợp với ngành quản trị kinh doanh Có kỹ năng phân tích và kết hợp được các phương pháp nghiên cứu phù hợp để giải quyết vấn đề nghiên cứu	6	Học kỳ 8	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Ý thức tôn trọng tinh thần phản biện khoa học và trách nhiệm đóng góp tri thức khoa học cùng kiến nghị thực tiễn cho ngành quản trị kinh doanh Xây dựng được khả năng tự nghiên cứu, tự học hỏi và định hướng trong nghề nghiệp; có thái độ chuyên nghiệp, đúng đắn và xác định rõ hơn về mục tiêu đốiv ới nghề nghiệp tương lai của mình			
41	Toán cao cấp 1	Học phần cung cấp cho sinh viên Các khái niệm: Ma trận, các phép toán, các phép biến đổi tuyến tính trên ma trận; Định thức; Hệ phương trình tuyến tính; Không gian vector; Mối liên hệ tuyến tính trong không gian vector. Cách tính định thức, tìm ma trận nghịch đảo, tìm nghiệm của hệ phương trình tuyến tính, tìm hạng, cơ sở của hệ véc tơ, cơ sở của không gian con R^n. Học phần giúp cho sinh viên có kỹ năng giải các bài tập về các kiến thức cơ bản được trang bị, kỹ năng tư duy logic. Học phần giúp cho sinh viên có kỹ năng giải các bài tập về các kiến thức cơ bản được trang bị, kỹ năng tư duy logic, kỹ năng đặt bài toán cho các tình huống thực tế, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
42	Toán cao cấp 2	Học phần cung cấp cho sinh viên Các khái niệm: Dãy số, giới hạn của dãy số; Hàm số một biến số, giới hạn và tính liên tục của hàm số một biến số; Đạo hàm và vi phân của hàm số một biến số; Tích phân xác định và tích phân suy rộng; Hàm số hai biến số, giới hạn và tính liên tục của hàm hai biến số. Đạo hàm và vi phân của hàm số hai biến số, Cách tính đạo hàm riêng; Cách tìm cực trị của hàm số một biến số và hàm số hai biến số. Ứng dụng của đạo hàm và vi phân trong toán học: Tính giá trị gần đúng, tìm cực trị. Ứng dụng của đạo hàm trong phân tích	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		kinh tế: Hệ số co dãn cung, cầu theo giá. Ứng dụng của đạo hàm riêngvà vi phân trong kinh tế học. Ứng dụng của cực trị trong bài toán tối ưu các trường hợp thực tiễn. Sinh viên có: -Kỹ năng trình bày các vấn đề hợp logic, dùng từ chính xác trong các mệnh đề. Kỹ năng tính đạo hàm, tính tích phân, tìm cực trị của hàm số một biến số và hai biến số. - Kỹ năng vận dụng các kết quả của toán học trong việc xây dựng và phân tích một số mô hình toán kinh tế đơn giản như: Mô hình cân bằng, Mô hình tối ưu,..... - Khả năng kết hợp, ứng dụng các kiến thức cơ bản vào kiến thức, kỹ năng chuyên ngành - Kỹ năng tự học, kỹ năng làm việc theo nhóm Có thái độ nghiêm túc, đúng đắn và khoa học về bản chất của các vấn đề toán học, vấn đề vận dụng các kiến toán vào lĩnh vực kinh tế.			
43	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	Cung cấp cho người học cơ sở của lý thuyết xác suất và thống kê toán học với mục đích giúp người học có phương pháp, công cụ để học tập, nghiên cứu và giải quyết các bài toán thuộc chuyên ngành trong điều kiện ngẫu nhiên, bao gồm các kiến thức sau: - Các kiến thức về lý thuyết xác suất: Phép thử, biến cố, xác suất của biến cố, biến ngẫu nhiên, biến ngẫu nhiênhai chiều và các đặc trưng kỳ vọng, phương sai, hiệp phương sai; Các kiến thức về thống kê: Lý thuyết mẫu, lý thuyết ước lượng và kiểm định giả thiết thống kê.	3	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Học phần rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng vận dụng công cụ toán học để học tập nghiên cứu các vấn đề thuộc chuyên ngành kinh tế xã hội Kỹ năng khảo sát và giải quyết bài toán trong điều kiện ngẫu nhiên. Vận dụng lý thuyết xác suất và thống kê để học tập các môn khác Kỹ năng ứng dụng lý thuyết xác suất thống kê để giải quyết các vấn đề thực tế thuộc chuyên ngành kinh tế xã hội. Có thái độ chuyên cần, nghiêm túc, cẩn thận, chính xác..			
44	Triết học Mác - Lênin	+ Sinh viên xác định được đối tượng, mục đích, ý nghĩa và những yêu cầu về mặt phương pháp của môn học. + Sinh viên nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác- Lênin; nắm được những nội dung cơ bản, hệ thống về triết học Mác- Lênin và vai trò của triết học trong đời sống xã hội. + Sinh viên từng bước xác lập thế giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận chung nhất cho bản thân, làm nền tảng lí luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung của các môn học khác. + Sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để giải thích một số hiện tượng mang tính phổ biến diễn ra trong lĩnh vực tự nhiên, xã hội và tư duy. + Sinh viên có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu Kinh tế chính trị Mác- Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, hiểu được cơ sở lý luận của Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, hiểu biết nền tảng tư tưởng của Đảng	3	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		+ Sinh viên có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. + Tăng cường bản lĩnh chính trị, tính chủ động, tự tin cho sinh viên, từng bước xây dựng, củng cố niềm tin vào con đường cách mạng mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân ta đã chọn, từ đó góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.			
45	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	+ Sinh viên xác định được đối tượng, mục đích, ý nghĩa và những yêu cầu về mặt phương pháp của môn học. + Người học nắm được một cách hệ thống kiến thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin bao gồm: Các khái niệm, phạm trù, quy luật kinh tế chủ yếu của kinh tế thị trường; Những vấn đề kinh tế - chính trị của thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam. + Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để học tập và nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn. + Người học nắm được một cách hệ thống kiến thức cơ bản, cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin bao gồm: Các khái niệm, phạm trù, quy luật kinh tế chủ yếu của kinh tế thị trường; Những vấn đề kinh tế - chính trị của thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam. + Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc đóng góp ý kiến xây dựng, bảo vệ, thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. + Người học hình thành được phẩm chất đạo đức cách mạng, lập trường chính trị tư tưởng vững vàng, có niềm tin vào sự nghiệp đổi mới đất nước.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
46	Tư tưởng Hồ chí Minh	+ Sinh viên xác định được đối tượng, mục đích, ý nghĩa và những yêu cầu về mặt phương pháp của môn học.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi

		Về kiến thức: + Sinh viên xác định được đối tượng, mục đích, ý nghĩa và những yêu cầu về mặt phương pháp của môn học. + Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản vè khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; những nội dung cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh; sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. + Có khả năng tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác. + Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc đóng góp ý kiến xây dựng, bảo vệ, thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. + Sinh viên được nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội; nhận thức được vai trò, giá trị của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập, rèn luyện để góp phần vào xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.			kết thúc học phần 60%
47	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học phần này trang bị những kiến thức có tính hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng Việt Nam trong các thời kỳ đấu tranh giành chính quyền (1930-1945), trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược (1945-1975), trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - nay).	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Trang bị những kiến thức cơ bản của Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, giúp sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để học tập và nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn. Từ đó, phân tích, lập luận để bảo vệ những quan điểm tư tưởng đúng đắn, phê phán, bác bỏ một cách có hiệu quả những tư tưởng, quan niệm sai lầm về lịch sử của Đảng. Học phần rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần. Có ý thức, thái độ đúng đắn trong việc đóng góp ý kiến xây dựng, bảo vệ, thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước. Tăng cường tính chủ động, tự tin trong việc tìm kiếm những tri thức khoa học mới, từ đó góp phần tích cực vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.			
48	Chủ nghĩa xã hội khoa học	+ Nghiên cứu môn học này nhằm giúp người học nắm được nắm được kiến thức cơ bản về sự ra đời; các giai đoạn phát triển; đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận hợp thành Chủ nghĩa Mác - Lênin + Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nhận thức được những nội dung cơ bản của Chủ nghĩa xã hội khoa học theo mục tiêu môn học + Học tập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học giúp cho sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết tình hình thực tiễn trong nước và thế giới trong bối cảnh đổi mới đất nước gắn với hội nhập khu vực và thế giới hiện nay. + Giúp cho sinh viên có khả năng vận dụng các tri thức của Chủ nghĩa xã hội khoa học vào việc xem xét, đánh giá những	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		vấn đề chính trị - xã hội của đất nước có liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta + Hình thành cho sinh viên thái độ chính trị vững vàng, tư tưởng đúng đắn về môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học. + Đồng thời, giúp cho sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về nền tảng tư tưởng của Đảng ta.			
49	Pháp luật đại cương	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: + Nhà nước (nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, chức năng, hình thức, kiểu nhà nước); nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; + Pháp luật (nguồn gốc, bản chất, đặc trưng, vai trò, hình thức, kiểu pháp luật, quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý); + Một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam; pháp chế XHCN; pháp luật về phòng chống tham nhũng. Người học có kỹ năng phân tích cơ cấu của quy phạm pháp luật; xác định hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật; phân tích cấu thành của quan hệ pháp luật; nhận biết hành vi vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý tương ứng. Người học vận dụng được kiến thức đã học để làm kiến thức nền phục vụ nghiên cứu một số môn học luật chuyên ngành trong chương trình đào tạo. Đồng thời, người học có kỹ năng thuyết trình về một vấn đề của pháp luật; có kỹ năng điều hành hoạt động nhóm, tham gia hoạt động nhóm; có kỹ năng ghi biên bản cuộc họp. Người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của môn học ứng dụng vào học tập và cuộc sống của bản thân; thấy được vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội, từ đó nâng cao ý thức	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		thực hiện pháp luật, tuyên truyền ý thức thực hiện pháp luật với cộng đồng xung quanh. Đồng thời, người học biết cách tra cứu và tự cập nhật các văn bản pháp luật để phục vụ cho công việc và có ý thức tự điều chỉnh công việc của mình theo những quy định của pháp luật.			
50	Tin học cơ bản 1	Trang bị cho sinh viên các kiến thức đại cương về tin học, đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản theo quy định hiện hành; Nắm vững kiến thức cơ bản sử dụng máy tính điện tử, phần mềm hệ thống (Windows); Nắm vững nguyên tắc làm việc với phần mềm soạn thảo văn bản (Microsoft Word), phần mềm bảng tính (Microsoft Excel), phần mềm trình chiếu (Microsoft PowerPoint) Sinh viên sau khi học xong phải sử dụng thành thạo hệ điều hành Windows; Sử dụng thành thạo các phần mềm Microsoft Word, Microsoft Excel, Microsoft PowerPoint để soạn thảo và trình bày văn bản nhanh chóng, đúng quy định, chuyên nghiệp và khoa học, thiết kế các trang bảng tính và sử dụng tốt các hàm thông dụng của Excel để tính toán, phân tích, tổng hợp dữ liệu (như bảng lương, bảng kế toán, bảng dự toán,…). Tạo một bài trình chiếu (quản lý các trang chiếu và tệp trình chiếu, đưa các đối tượng vào trang chiếu, tạo và quản lí các hiệu ứng, thực hiện trình chiếu...). Nhận thức được tầm quan trọng của việc áp dụng Tin học trong học tập cũng như trong công việc thực tế. Sinh viên phải lên lớp và làm các bài tập thực hành để nắm được các nội dung của học phần; nhiệt tình tham gia các buổi thảo luận, thực hành ở trên lớp.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

51	Tin học cơ bản 2	Nắm vững các kiến thức về: Cơ sở dữ liệu, Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Microsoft Access. Cách thức xây dựng, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu thông qua Hệ quản trị cơ sở dữ liệu Microsoft Access. Sinh viên sau khi học xong phải sử dụng thành thạo phần mềm Microsoft Access để xây dựng, quản lý và khai thác các cơ sở dữ liệu vừa và nhỏ. Có khả năng ứng dụng các lý thuyết đã học để tự xây dựng các bài toán quản lý trong thực tế cuộc sống. Nhận thức được tầm quan trọng của việc áp dụng Tin học trong học tập cũng như trong công việc thực tế. Rèn luyện sinh viên thành người có tính cẩn thận, có tác phong làm việc khoa học, chuẩn xác; có tư duy logic và khả năng quản lý tốt. Sinh viên phải lên lớp và làm các bài tập thực hành để nắm được các nội dung của học phần; nhiệt tình tham gia các buổi thảo luận, thực hành ở trên lớp.	2	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
52	Phân tích và xử lý dữ liệu với SPSS	Hiểu được tầm quan trọng của dữ liệu và phân tích trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội; Hiểu được khả năng ứng dụng phần mềm trong phân tích các loại dữ liệu Phân loại, sắp xếp và phân tích dữ liệu trên cơ sở áp dụng các phương pháp thống kê để phân tích dữ liệu Xây dựng và xử lý các dữ liệu nghiên cứu, thiết lập được các mô hình nghiên cứu, kiểm định các giả thuyết nghiên cứu, giải thích ý nghĩa của các kết quả nghiên cứu Đưa ra các kiến nghị, giải pháp, quyết định từ kết quả phân tích dữ liệu	2	Học kỳ 7	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Sinh viên phải lên lớp và làm các bài tập thực hành để nắm được các nội dung của học phần; Nhiệt tình tham gia các buổi thảo luận, thực hành ở trên lớp			
53	Soạn thảo văn bản	Nắm được các khái niệm, đặc điểm, chức năng và nội dung của văn bản; Trang bị những kiến thức cơ bản về văn bản nói chung và văn bản quản lý nhà nước nói riêng, phân loại văn bản quản lý nhà nước; Hiểu rõ và nắm vững kiến thức những yêu cầu về nội dung, thể thức, ngôn ngữ và văn phong của văn bản; đặc trưng và kỹ thuật soạn thảo một số loại văn bản hành chính thông thường. Sau khi học xong hoc phần này, sinh viên nhận biết về mục đích, ý nghĩa của việc sử dụng và ban hành văn bản; nắm rõ những yếu tố thuộc về thể thức và cơ cấu nội dung của một số văn bản hành chính nói chung và văn bản quản lý nhà nước nói riêng. Qua đó, sinh viên có khả năng vận dụng kiến thức đã học để soạn thảo một số văn bản hành chính thông thường trong hoạt động của các cơ quan, tổ chức. Đồng thời, sinh viên được trau dồi thêm các kỹ năng khác như: kĩ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm và sử dụng công nghệ thông tin phục vụ việc tra cứu và soạn thảo một số văn bản một cách hoàn chỉnh. Qua môn học này, sinh viên thấy được vai trò ý nghĩa và tầm quan trọng của văn bản trong hoạt động quản lý của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp… Từ đó có động lực học tập và phấn đấu để trau dồi kiến thức và kỹ năng năng để áp dụng vào công việc sau khi ra trường.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

54	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	**- Kiến thức:** + Nghiên cứu môn học này nhằm giúp người học nắm được khái niệm, ý nghĩa của môn học; nắm được bản chất của khoa học, nghiên cứu khoa học, phương pháp luận nghiên cứu khoa học, cách thức tiến hành nghiên cứu và trình bày một công trình khoa học (viết bài báo khoa học; tiểu luận, báo cáo thực tập và khóa luận tốt nghiệp…). + Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên nhận thức được các nguyên tắc cơ bản của nhận thức luận khoa học, các quy luật tư duy của khoa học, các phương pháp dự báo khoa học và quản lý khoa học cũng như đảm bảo đạo đức của người làm khoa học. **- Kỹ năng:** + Học tập môn khoa học bước đầu giúp sinh viên có kỹ năng xác định một đề tài nghiên cứu khoa học, đồng thời cũng hình thành và phát triển khả năng hiểu và phân tích, đánh giá một công trình nghiên cứu khoa học cụ thể. + Giúp cho sinh viên những bước cơ bản nhất để rèn luyện các kỹ năng tư duy, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng tìm tài liệu và làm việc nhóm; phát triển kỹ năng nghiên cứu và đánh giá nghiên cứu khoa học. **- Mức tự chủ, tự chịu trách nhiệm** + Hình thành tinh thần yêu thích, ham mê khoa học, nghiên cứu khoa học, tăng cường tính chủ động, tự tin trong việc tìm kiếm những tri thức khoa học mới. + Thái độ nghiêm túc, cầu thị, cẩn trọng trong nghiên cứu khoa học.		Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

55	Logic học	Học phần này trang bị cho sinh viên: - Khái niệm lôgíc học; định nghĩa khái niệm và đặc điểm chung của khái niệm, định nghĩa và phân chia khái niệm; phán đoán và hình thức ngôn ngữ của phán đoán, phán đoán đơn đặc tính và phán đoán phức; quy luật lôgíc cùng các yêu cầu của quy luật đồng nhất, quy luật cấm mâu thuẫn, quy luật loại trừ cái tứ ba, quy luật lý do đầy đủ; suy luận và đặc điểm bản chất của suy luật, suy luận trực tiếp và suy luận gián tiến, suy luận quy nạp và suy luận tương tự; chứng minh, bác bỏ và giả thuyết. - Có khả năng xây dựng được 1 định nghĩa khái niệm hoàn chỉnh dựa trên cơ sở nội hàm của khái niệm; thực hiện phân chia được khái niệm dựa trên cơ sở ngoại diên của khái niệm. Tìm và xác định được tính chu diên cũng như mối quan hệ giữa các phán đoán có cùng chủ từ, vị từ. Xây dựng được luận ba đoạn phù hợp với mỗi loại hình đảm bảo các quy luật của lôgíc, chuyển và đưa luận hai đoạn về luận ba đoạn hoàn chỉnh. - Chứng minh, bác bỏ và giả thuyết trong nghiên cứu các luận đề khoa học. Qua đó, sinh viên nắm được những nội dung cơ bản của logic học hình thức. Sinh viên có - Khả năng tư duy lôgíc đảm bảo tính hệ thống, chặt chẽ, khoa học và mang tính tất yếu. - Từng bước rèn luyện, nâng cao trình độ tư duy logic, tạo thói quen suy nghĩ, lập luận chặt chẽ, rõ ràng, có cơ sở, có hệ thống để đạt tới những tri thức chính xác, khách quan và khoa học. - Khả năng vận dụng các kiến thức đã học để học tập, nghiên cứu khoa học và hoạt động thực tiễn.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		- Kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần. - Có thái độ nghiêm túc, đúng đắn và khoa học về bản chất của các vấn đề lôgíc học. - Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu, phân tích, lập luận để bảo vệ những quan điểm tư tưởng đúng đắn, phê phán, bác bỏ một cách có hiệu quả những tư tưởng, quan niệm sai lầm, lối tư duy ngụy biện, tráo trở.			
56	Tâm lý học đại cương	Học phần này trang bị những kiến thức lý luận cơ bản về tâm lý học; khái niệm, đặc điểm, các quy luật của các quá trình tâm lý, trạng thái tâm lý và thuộc tính tâm lý; khái niệm, cấu trúc và các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển tâm lý người Trang bị những kiến thức nền quan trọng về tâm lý học để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành chuyên sâu và chuyên ngành liên quan. Vận dụng và rèn luyện cho sinh viên một số những hiểu biết, kĩ năng để các em vận dụng trong cuộc sống, công việc một cách hiệu quả Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
57	Tiếng Anh cơ bản 1	+ Nắm được kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp tiếng Anh: các thì của động từ; các trợ động từ….. + Nắm được lượng từ vựng căn bản thường gặp trong các đề thi TOEIC + Làm quen định dạng của bài thi TOEIC + Rèn luyện kĩ năng đọc hiểu và nghe hiểu	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		+ Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng đọc hiểu những mẩu tin, thư, đơn giản. + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng nghe hiểu những ngôn ngữ nói giao tiếp hàng ngày. + Sinh viên có cái nhìn cụ thể hơn về dạng bài thi TOEIC, nắm bắt được kĩ năng làm bài để đạt được điểm cao nhất thông qua các bài luyện tập nghe và đọc hiểu. Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của tiếng Anh và cách làm dạng bài thi TOEIC			
58	Tiếng Anh cơ bản 2	+ Nắm được kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp tiếng Anh: : mệnh đề quan hệ; trật tự từ; cấu trúc bị động… + Nắm được lượng từ vựng căn bản thường gặp trong bài thi + Làm quen định dạng của bài thi TOEIC + Rèn luyện kĩ năng đọc hiểu và nghe hiểu + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng đọc hiểu những mẩu tin, thư tín. + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng nghe hiểu những ngôn ngữ nói giao tiếp hàng ngày. + Người học làm quen và luyện tập dạng bài thi TOEIC, nắm bắt được kĩ năng làm bài để đạt được điểm cao nhất thông qua luyện Practice Test. Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của tiếng Anh và cách làm dạng bài thi TOEIC	3	Học kỳ 2	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
59	Tiếng Anh chuyên ngành Quản trị kinh doanh	- Sinh viên nắm được các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực quản trị kinh doanh. - Sinh viên nắm được các thuật ngữ chuyên ngành trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		- Sinh viên nắm được và ôn tập một số kiến thức ngữ pháp, các kỹ năng nói, đọc, viết. - Sinh viên được làm quen với việc đọc hiểu được một số bài viết chuyên ngành quản trị kinh doanh ở mức trung bình - Hình thành và phát triển kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, tư duy logic. - Hình thành và phát triển năng lực phân tích, tổng hợp, đánh giá các kiến thức đã học. - Hình thành và phát triển kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng tổ chức và quản lý các hoạt động học tập. - Hình thành kỹ năng tìm kiếm thông tin trên mạng phục vụ cho việc học. - Hình thành kỹ năng trình bày, giải thích và tranh luận về một vấn đề trước các thành viên khác trong lớp. - Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của tiếng Anh. - Tích cực, chủ động nghiên cứu tài liệu. Tăng cường tự học, tự nghiên cứu			
60	Thực hành TOEIC	+ Học phần cung cấp cho người học kiến thức cơ bản về ngữ pháp tiếng Anh: Gerunds and Infinitives, Auxiliary verbs; Subject- verb Agreement, verb Form and Tenses; Participial Forms, Comparative and Superlatives; Negation + Ngoài ra, người học còn củng cố và được cung cấp thêm một lượng từ vựng thường gặp trong các đề thi TOEIC thông qua các bài luyện nghe và đọc. + Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng đọc hiểu những mẩu tin, thư, đoạn văn	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		+ Sinh viên sau khi tham gia học phần này có khả năng nghe hiểu những ngôn ngữ nói giao tiếp hàng ngày. + Sinh viên có cái nhìn cụ thể hơn về dạng bài thi TOEIC, nắm bắt được kĩ năng làm bài để đạt được điểm cao nhất thông qua các bài luyện tập nghe và đọc hiểu. Nâng cao nhận thức của sinh viên về tầm quan trọng của tiếng Anh và cách làm dạng bài thi			
61	Thể dục điền kinh	Hiểu được tầm quan trọng của học phần Thể dục - Điền kinh là môn thể thao nền tảng cho hoạt động thể lực và các môn thể thao khác. Nắm được kỹ thuật bài tập phát triển chung 13 động tác. Nắm được các kiến thức về kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bung, một số điều luật thi đấu cơ bản của nội dung nhảy cao. Có kỹ năng thực hiện bài tập phát triển chung 13 động tác. Thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của kỹ thuật nhảy cao kiểu úp bụng. Giáo dục phát triển các tố chất thể lực như: sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo khéo léo, hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cần thiết, bổ trợ và rèn luyện thể lực chuyên môn cho các môn thể thao khác. Sinh viên nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy định của Nhà trường và Bộ môn, tự giác, tích cực thực hiện các nội dung học tập trên lớp và bài tập thể lực, bài tập bổ trợ ở nhà. Sinh viên phải có thái độ học tập tích cực, chủ động. Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra đánh giá của môn học			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
62	Bóng chuyền 1	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng chuyền với sức khỏe con người.			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi

		Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng chuyền. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			kết thúc học phần 60%
63	Bóng chuyền 2	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng chuyền với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng chuyền. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng chuyền với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng chuyền. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng chuyền, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			
64	Bóng rổ 1	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng rổ với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng rổ. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

65	Bóng rổ 2	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Bóng rổ với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Bóng rổ. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Bóng rổ, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
66	Cầu lông 1	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Cầu lông với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Cầu lông. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

67	Cầu lông 2	Nắm được vai trò, ý nghĩa tầm quan trọng của việc học tập môn Cầu lông với sức khỏe con người. Về các kỹ thuật cơ bản, một số điều luật thi đấu trong Cầu lông. Phân tích các kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Thực hành tập luyện các kỹ thuật cơ bản trong môn Cầu lông, hình thành kỹ năng kỹ xảo vận động Sinh viên thực hiện quy chế chung của nhà trường Đại học Lao động xã hội Trang phục đúng quy định của môn học GDTC Nghiên cứu tìm hiểu các tài liệu liên quan đến học phần khi lên lớp Tham gia thực hiện các bài kiểm tra			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
68	Cờ vua 1	- Hiểu được tầm quan trọng của học phần cờ vua 1 là môn thể thao phát triển khả năng tính toán, tư duy, logic... - Nắm được kiến thức về nguồn gốc ra đời, lịch sử phát triên của môn cờ vua. - Nắm được cách chơi cờ, những tri thức cơ bản trong cờ vua) - Nắm được các kiến thức về giai đoạn tàn cuộc của ván đấu. Có kỹ năng thực hiện bài tập của giai đoạn tàn cuộc. Thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của giai đoạn tàn cuộc Giáo dục phát triển toàn diện đặc biệt là rèn luyện tính kiên trì, khả năng tuy duy, phát triển trí thông minh Sinh viên nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy định của nhà trường, tự giác, tích cực thực hiện các nội dung học tập trên lớp và bài tập ở nhà. Sinh viên phải có thái độ học tập tích cực, chủ động.			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Sinh viên tham gia đầy đủ 2 bài kiểm tra đánh giá kết thúc môn học cờ vua 1			
68	Cờ vua 2	Hiểu được tầm quan trọng của học phần cờ vua 2 là môn thể thao phát triển trí tuệ một cách toàn diện, rèn luyện trí nhớ, tư duy logic Nắm được kiến thức về nguồn gốc ra đời, lịch sử phát triên của môn cờ vua. Những tri thức trong cờ vua và các giai đoạn của tàn cuộc Nắm được các kiến thức về giai đoạn khai cuộc của ván đấu. Có kỹ năng thực hiện bài tập của giai đoạn khai cuộc.Thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của giai đoạn khai cuộc Giáo dục phát triển các tố chất thể lực như: sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo, hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cần thiết, bổ trợ và rèn luyện thể lực chuyên môn cho các môn thể thao khác. Sinh viên nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy định của nhà trường và Bộ môn, tự giác, tích cực thực hiện các nội dung học tập trên lớp và bài tập ở nhà. Sinh viên phải có hái độ học tập tích cực, chủ động. Sinh viên tham gia đầy đủ các bài đánh giá			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
70	Cờ vua 3	Hiểu được tầm quan trọng của học phần cờ vua 2 là môn thể thao nền tảng cho hoạt động thể lực và các môn thể thao khác. Nắm được kiến thức về nguồn gốc ra đời, lịch sử phát triên của môn cờ vua Nắm được các kiến thức về giai đoạn trung cuộc của ván đấu. Có kỹ năng thực hiện bài tập của giai đoạn trung cuộc . Thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của giai đoạn trung cuộc			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Giáo dục phát triển các tố chất thể lực như: sức nhanh, sức mạnh, sức bền, mềm dẻo, hình thành kỹ năng, kỹ xảo vận động cần thiết, bổ trợ và rèn luyện thể lực chuyên môn cho các môn thể thao khác. Sinh viên nghiêm túc chấp hành đúng nội quy, quy định của nhà trường và Bộ môn, tự giác, tích cực thực hiện các nội dung học tập trên lớp và bài tập ở nhà. Sinh viên phải có hái độ học tập tích cực, chủ động. Sinh viên phải tham gia đầy đủ 2 bài kiểm tra đánh giá kết thúc học phần cờ vua 3			
71	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng Sản Việt Nam	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: - Quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc - Các quan điểm của Đảng về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân để ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ chiến tranh, sẵn sàng đánh thắng chiến tranh xâm lược dưới mọi hình thức, qui mô. - Thực hiện kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh; tìm hiểu về nghệ thuật quân sự từ khi có Đảng lãnh đạo và lịch sử truyền thống vẻ vang của Quân đội nhân dân Việt Nam; những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và bảo đảm trật tự an toàn xã hội. - Vận dụng những kiến thức đã học nhằm nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm đối với nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN. - Hình thành tác phong kỷ luật, ý thức tập thể, phát huy trí tuệ tập thể trong học tập và thảo luận nhóm.			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		- Phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng thu thập, xử lý thông tin trong học tập nghiên cứu của sinh viên về các nội dung chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế của Đảng và Nhà nước ta. - Có ý thức bảo vệ, truyền bá đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về Quốc phòng - An ninh. - Xây dựng niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng, đấu tranh làm thất bại các luận điểm sai trái phản động bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam XHCN. - Có thái độ, nhận thức đầy đủ, đúng đắn về Nhiệm vụ của sinh viên đối với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh của đất nước.			
72	Công tác quốc phòng an ninh	Học phần trang bị cho người học kiến thức về: - Phòng, chống chiến lược "Diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. - Vấn đề dân tộc, tôn giáo, đấu tranh phòng chống các thế lực thù địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội. - Những kiến thức cơ bản về an ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống; an toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; phòng, chống vi phạm pháp luật bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông; phòng, chống một số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác góp phần bảo vệ an ninh quốc gia giữ gìn trật tự an toàn xã hội; bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa. - Góp phần phát triển tư duy sáng tạo, kỹ năng trong nghiên cứu, phân tích, tổng hợp của sinh viên về các nội dung; chính trị, quân sự, ngoại giao, kinh tế của Đảng và Nhà nước ta; đề			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		xuất các giải pháp thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và nhà nước về quốc phòng, an ninh. - Hiểu thêm cách xây dựng và quy trình đánh giá kết quả học tập của môn học Giáo dục quốc phòng và An ninh, nâng cao khả năng làm việc độc lập của sinh viên. - Tăng cường kỹ năng trong thu thập, xử lý thông tin trước trong và sau mỗi bài học. - Nâng cao lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội nâng cao trách nhiệm của sinh viên, gương mẫu thực hiện đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước chủ động đấu tranh làm thất bại âm mưu chống phá của các thế lực thù địch, góp phần xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa. - Quán triệt sâu sắc đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh và công tác quốc phòng, an ninh. - Hình thành nề nếp sinh hoạt, ý thức chấp hành kỷ luật nghiêm túc trong học tập. - Luôn tin tưởng, làm theo đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng. Không để các thế lực thù địch lôi kéo, dụ dỗ đi sai đường lối cách mạng Việt Nam.			
73	Quân sự chung	Học phần trang bị cho người học kiến thức: -Những nội dung cơ bản về quân sự, an ninh; hiểu biết về các quân, binh chủng trong quân đội, về các chế độ sinh hoạt, công tác trong ngày, tuần, nề nếp chính quy trong đơn vị quân đội; hiểu biết về bản đồ địa hình quân sự, vũ khí công nghệ cao và thi đấu ba môn quân sự phối hợp. -Lịch sử ra đời, truyền thống chiến đấu, lao động của các quân binh chủng trong Quân đội nhân dân Việt Nam, tác phong chính			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		quy, nề nếp làm việc và kỹ năng phòng thủ dân sự khi có chiến tranh xảy ra, góp phần bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam Xã hội Chủ nghĩa. Xây dựng tác phong, nề lối làm việc chính quy kỷ luật, lối sống giản dị, ngăn nắp; nâng cao lòng tự hào dân tộc, về quân đội anh hùng, từ đó xây dựng bản lĩnh, phẩm chất cách mạng cho mình, phấn đấu thực hiện tốt nhiện vụ học tập, công tác góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ cách mạng của Đảng, của dân tộc trong giai đoạn cách mạng hiện nay. Nâng cao phẩm chất, đạo đức, lối sống, rèn luyện tính kỷ luật và tác phong chính quy từ đó hình thành lối sống và làm việc nghiêm túc; có kiến thức về quân sự chung, có thái độ nghiêm túc với việc xây dựng nền Quốc phòng toàn dân, An ninh nhân dân, sẵn sàng tham gia xây dựng quân đội khi tổ quốc cần. Hình thành nề nếp sinh hoạt, ý thức chấp hành kỷ luật, tác phong làm việc nghiêm túc phục vụ cho việc học tập và công tác sau này.			
74	Kỹ thuận chiến đấu bộ binh và chiến thuật	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: - Kiến thức về sử dụng súng tiểu liên AK (Tính năng cấu tạo, quy tắc sử dụng súng, lý thuyết ngắm bắn, đường ngắm, mục tiêu và những vấn đề ảnh hưởng đến phát bắn); lựu đạn (tính năng, cấu tạo và cách ném lựu đạn) - Người học hiểu được kỹ thuật chiến đấu của bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác (cảnh giới); - Sử dụng được một số loại phương tiện, vũ khí thông thường như bắn súng tiểu liên AK, (trình tự các bước trong thực hành bắn, kỹ năng ngắm bắn...)			Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		- Sử dụng lựu đạn (quy tắc, chuẩn bị và thực hành ném lựu đạn); - - Vận dụng được trong luyện tập thực hành các động tác của chiến sĩ trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ cảnh giới. - Người học có thái độ đúng mức khi tiếp cận hoặc sử dụng các loại vũ khí đặc biệt là súng, đạn; có ý thức trách nhiệm khi làm nhiệm vụ liên quan đến ANCT, TTATXH và tham gia các hoạt động quân sự, an ninh; - Sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và thực hiện nghĩa vụ quân sự bảo vệ Tổ quốc - Rèn luyện tác phong của người chiến sĩ; hình thành nếp sống có kỷ luật (Quân trang, quân phục, đội hình, đội ngũ...), ý thức cộng đồng ở trường, lớp và khi ra công tác có thể làm lực lượng nòng cốt trong các nhiệm vụ quân sự, an ninh tại đơn vị cơ sở.			

Ngành Quản trị nhân lực

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số tín chỉ	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Kinh tế vi mô	Hiểu được các khái niệm và mô hình cơ bản trong phân tích kinh tế vi mô. Nắm được Cách thức thị trường hàng hóa, thị trường các yếu tố đầu vào sản xuất hoạt động như thế nào. Các kết cục do chính sách can thiệp vào thị trường của Chính phủ;	3	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Nắm và hiểu được nguyên tắc ra quyết định kinh tế tối ưu của các tác nhân riêng rẽ (người tiêu dùng, người sản xuất…) trong nền kinh tế và sự tương tác giữa các tác nhân này trong từng cấu trúc thị trường khác nhau. Có thể đọc hiểu các bài viết, phân tích về kinh tế được bàn luận trên các phương tiện truyền thông đại chúng như sách, báo, đài và tạp chí; có khả năng sử dụng các lý thuyết kinh tế, mô hình kinh tế đã học để trình bày hoặc lý giải một số hiện tượng kinh tế diễn ra hàng ngày. Góp phần giúp sinh viên có tính cẩn thận và trách nhiệm khi đưa ra quyết định lựa chọn trong thực tế; có khả năng quản lý tốt, tránh lãng phí các nguồn lực của bản thân, gia đình và xã hội từ đó góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực trong nền kinh tế nói chung.			
2	Kinh tế vĩ mô	Hiểu được những kiến thức cơ bản, các khái niệm và cách thức đo lường các biến số kinh tế vĩ mô của nền kinh tế. Hiểu được cách thức vận hành và những mối quan hệ kinh tế chủ yếu của một nền kinh tế thông qua các lý thuyết và mô hình cơ bản. Hiểu và phân tích được bản chất của các biến động kinh tế vĩ mô và cách thức giải quyết chúng. Hiểu được cách thức vận dụng các chính sách tài khóa và tiền tệ nhằm góp phần giảm bớt các biến động kinh tế có tính chu kỳ. Người học có kỹ năng sử dụng một số phương pháp phân tích tối ưu, phân tích cân bằng tổng thể trong việc nghiên cứu, phân tích, đánh giá một số hiện tượng sự kiện, và chính sách kinh tế vĩ mô. Người học có ý thức trách nhiệm và thái độ tích cực tự rèn luyện nâng cao hiểu biết về các vấn đề kinh tế, phân tích chính sách để	3	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		có thể đáp ứng được yêu cầu của xã hội đang trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.			
3	Nguyên lý thống kê	Giúp cho sinh viên nắm được quá trình nghiên cứu thống kê, tổng hợp tài liệu thống kê thông qua phương pháp phân tổ thống kê. Nắm vững các phương pháp phân tích thống kê như: phân tích hồi quy và tương quan để nghiên cứu mối liên hệ giữa các tiêu thức; Phân tích đặc điểm và xu thế vận động của hiện tượng qua thời gian; sử dụng hệ thống chỉ số phân tích biến động của hiện tượng. Trang bị bước đầu cho sinh viên một số công cụ thống kê phục vụ cho các môn học Thống kê chuyên ngành và nghiên cứu khoa học. Sinh viên hiểu và sử dụng được các phương pháp thu thập tài liệu, thiết kế bảng hỏi. Thực hành tốt các kỹ năng tổng hợp tài liệu thống kê bằng phương pháp phân tổ thống kê, trình bày dữ liệu thống kê bằng bảng và đồ thị thống kê. Thành thạo kỹ năng tính toán các mức độ của các hiện tượng KTXH, và phân tích hiện tượng trên cơ sở các mức độ đó. Có khả năng chủ động vận dụng các phương pháp phân tích thống kê trong học tập, nghiên cứu khoa học. Rèn luyện thái độ nghiêm túc, trung thực trong thu thập, xử lý tổng hợp, phân tích dữ liệu và trong cung cấp thông tin. Tạo tác phong nghiêm túc và khoa học trong học tập, nghiên cứu và lao động.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

4	Luật Kinh tế	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: + Địa vị pháp lý của các chủ thể kinh doanh; + Pháp luật về giải quyết tranh chấp kinh doanh; + Pháp luật phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Giúp người học có khả năng vận dụng được kiến thức đã học giải quyết các tình huống nảy sinh trong thực tiễn kinh doanh liên quan đến địa vị pháp lý các chủ thể kinh doanh; giải quyết các tình huống liên quan đến phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã; giải quyết tranh chấp kinh doanh phát sinh trong quá trình thành lập, hoạt động của doanh nghiệp. Giúp người học có kỹ năng bình luận, đánh giá các quy định của pháp luật thực định nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả áp dụng; có kỹ năng thuyết trình về một vấn đề của pháp luật kinh tế; có kỹ năng điều hành hoạt động nhóm, tham gia hoạt động nhóm. Người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của môn học ứng dụng vào học tập và cuộc sống của bản thân. Hình thành nhận thức và thái độ đúng đắn về quyền tự do kinh doanh của tổ chức, cá nhân trong nền kinh tế thị trường. Đồng thời, người học cũng thấy được vai trò của pháp luật trong đời sống xã hội, biết cách tra cứu và tự cập nhật các văn bản pháp luật để phục vụ cho công việc, từ đó nâng cao ý thức thực hiện pháp luật, tuyên truyền ý thức thực hiện pháp luật với cộng đồng.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
5	Marketing căn bản	Nắm được các vấn đề cơ bản của marketing gồm các khái niệm trong marketing, các quan điểm và nội dung marketing. Hiểu, phân tích và vận dụng các vấn đề về thị trường, khách hàng, khách hàng mục tiêu. Nghiên cứu khách hàng mục tiêu	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		thông qua các hoạt động phân đoạn, lựa chọn và định vị thị trường. Hiểu, phân tích và vận dụng được các mô hình nghiên cứu hành vi mua của khách hàng. Hiểu và phân tích được chính sách marketing – mix (4 “p”) Nắm được các kiến thức mới về marketing Rèn luyện năng lực tư duy marketing. Có kỹ năng phân tích và xử lý tình huống marketing cụ thể Ý thức được vai trò và tầm quan trọng của marketing trong hoạt động kinh doanh. Có ý thức ứng dụng marketing trong công việc. Xây dựng ý thức hướng về thị trường, về khách hàng trong các hoạt động.			
6	Luật lao động	Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về pháp luật lao động như: khái quát chung; việc làm, học nghề; hợp đồng lao động; đối thoại tại nơi làm việc, thương lượng tập thể, thỏa ước lao động tập thể; tiền lương; thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi; an toàn vệ sinh lao động; kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất; tranh chấp lao động, đình công; xử lý vi phạm pháp luật lao động. Người học vận dụng được kiến thức đã học để làm kiến thức cần thiết trong quá trình thực hiện các công việc sau khi ra trường; có khả năng soạn thảo hợp đồng lao động, thỏa ước lao động tập thể, xử lý các tình huống liên quan đến quan hệ lao động. Đồng thời, người học có kỹ năng thuyết trình về một vấn đề của luật lao động; có kỹ năng điều hành hoạt động nhóm, tham gia hoạt động nhóm;người học biết cách tra cứu và tự cập nhật các văn bản pháp luật để phục vụ cho công việc.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		Người học thấy được ý nghĩa lý luận và thực tiễn của môn học, có thể ứng dụng vào học tập và cuộc sống của bản thân. Đồng thời, người học thấy được vai trò của pháp luật lao động trong đời sống xã hội, từ đó nâng cao ý thức thực hiện pháp luật lao động; tuyên truyền ý thức thực hiện pháp luật lao động với cộng đồng xung quanh. Có ý thức tự điều chỉnh công việc của mình theo những quy định của pháp luật lao động			
7	Quản trị học	Nắm được các kiến thức cơ bản về quản trị học: khái niệm, vai trò, nội dung của hoạt động quản trị và nhà quản trị Hiểu được: các lý thuyết quản trị (lý thuyết cổ điển, hành vi, định lượng, hiện đại), môi trường quản trị và bản chất của ra quyết định quản trị. Hiểu rõ bản chất và vận dụng các hoạt động quản trị cơ bản: hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm soát trong các thực tế. Có kỹ năng cơ bản về việc ra quyết định và phân tích, đánh giá kế hoạch, cơ cấu tổ chức, tạo động lực lao động, phong cách lãnh đạo, hệ thống kiểm soát. Có kỹ năng làm việc cá nhân và làm việc nhóm trong việc nghiên cứu, phân tích các vấn đề về quản trị; kỹ năng trình bày, thuyết trình một số vấn đề về quản trị. Có kỹ năng vận dụng lý luận và phương pháp quản trị để giải quyết các tình huống quản trị. Góp phần đào tạo sinh viên nhận thức đúng đắn về chức năng, nhiệm vụ, yêu cầu đối với công việc và nhà quản trị trong bối cảnh hiện nay. Góp phần rèn luyện các đức tính của nhà quản trị như sự nhanh nhẹn, linh hoạt, tính nghiêm túc, chính xác, có căn cứ khoa học, tính kiên trì, tinh thần vượt khó.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

8	Dân số và môi trường	Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức lý luận cơ bản về dân số và môi trường, quá trình phát triển của dân số, sự tương tác qua lại giữa 2 yếu tố dân số và môi trường. Giúp cho người học rèn luyện kỹ năng tư duy, phân tích, biết cách tính toán, đọc các số liệu liên quan đến dân số, mối quan hệ qua lại giữa di dân với đô thị hóa, dân số với tài nguyên thiên nhiên và môi trường. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, chuyên nghiệp trong công việc, có trách nhiệm công dân, trách nhiệm với tổ chức và trách nhiệm xã hội; năng động, sáng tạo, có bản lĩnh, chịu được áp lực trong công việc, luôn cầu tiến và ham học hỏi. Có ý thức tự học tích lũy thêm kiến thức và kinh nghiệm, học tập, nâng cao trình độ ở bậc cao hơn, sẵn sàng thích nghi với các điều kiện, môi trường làm việc khác nhau.	2	Học kỳ 1	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
9	Nguồn nhân lực	Môn học nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về nguồn nhân lực như khái niệm, phân loại, đào tạo, phát triển và sử dụng nguồn nhân lực ở cấp vĩ mô; Hiểu và vận dụng được các lý thuyết, nguyên lý và cách thức để phân tích, đánh giá về nguồn nhân lực và sự biến động nguồn nhân lực của ở cấp vĩ mô (quy mô, cơ cấu, chất lượng, sử dụng..). Người học biết cách tính các chỉ tiêu đánh giá quy mô, chất lượng NNL, rèn luyện kỹ năng tư duy, phân tích, đánh giá các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển nguồn nhân lực. Sinh viên nhận thức được ý nghĩa của nguồn nhân lực, có năng lực tự học tập, tự cập nhật, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm mới trong thực tiễn nhằm nâng cao trình độ chuyên môn và thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

10	Thống kê lao động	+ Cung cấp cho sinh viên các khái niệm trong thống kê lao động: thị trường lao động, số lượng lao động, thời gian lao động, năng suất lao động, thu nhập của lao động, an toàn và vệ sinh lao động. + Phương pháp thu thập, tính toán các chỉ tiêu thống kê lao động: thị trường lao động, số lượng lao động, thời gian lao động, năng suất lao động, thu nhập của lao động, an toàn và vệ sinh lao động. + Phương pháp phân tích thống kê lao động để phân tích các chỉ tiêu thống kê lao động: phân tích quy mô, cơ cấu, sự biến động qua thời gian, phân tích các yếu tố tác động, phân tích mối liên hệ; dự báo lao động ở tầm vi mô và vĩ mô. + Trang bị công cụ thống kê lao động làm nền tảng cho việc tiếp cận các học phần có liên quan trong chuyên ngành và là công cụ làm đề tài, luận văn, nghiên cứu khoa học trong phân tích định lượng ở lĩnh vực lao động. + Đọc hiểu các khái niệm trong thống kê lao động: thị trường lao động, số lượng lao động, thời gian lao động, năng suất lao động, thu nhập của lao động, an toàn và vệ sinh lao động. + Có khả năng thu thập, tính toán các chỉ tiêu thống kê lao động: thị trường lao động, số lượng lao động, thời gian lao động, năng suất lao động, thu nhập của lao động, an toàn và vệ sinh lao động. + Có khả năng vận dụng phương pháp phân tích thống kê lao động để phân tích các chỉ tiêu thống kê lao động: phân tích quy mô, cơ cấu, sự biến động qua thời gian, phân tích các yếu tố tác động, phân tích mối liên hệ; dự báo lao động ở tầm vi mô và vĩ mô.	2	Học kỳ 5	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		+ Có khả năng chủ động vận dụng các phương pháp thống kê lao động trong học tập các môn chuyên ngành và nghiên cứu khoa học. + Nghiêm túc, chuẩn mực trong cung cấp, tiếp nhận và xử lý thông tin định lượng trong lĩnh vực thống kê lao động. + Có khả năng tự học tập, tự cập nhật các thông tin và phương pháp phân tích thống kê lao động.			
11	Tâm lý học lao động	Sinh viên trình bày được những vấn đề lý luận cơ bản về các vấn đề về tâm lý học lao động: khái niệm, các hiện tượng tâm lý nảy sinh trong quá trình lao động, các phương pháp lãnh đạo và quản lý tập thể… Biết cách phát hiện, phân tích các hiện tượng tâm lý trong hoạt động lao động của con người Vận dụng các lý luận về tâm lý vào hoạt động thực hành và quản lý lao động trong việc tạo ra các môi trường thuận lợi nhằm nâng cao hiệu quả lao động Sinh viên hợp tác, quan tâm và tôn trọng các thành viên khác trong tập thể khi thực hiện các hoạt động lao động	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
12	Hành vi tổ chức	Hiểu và nắm vững những vấn đề về quy luật hình thành, đặc điểm, bản chất của thái độ, hành vi cá nhân, nhóm trong tổ chức. Hiểu và nắm vững những yếu tố tác động, chi phối đến thái độ, hành vi của con người ở ba cấp độ: cá nhân, nhóm, tổ chức. Vai trò tác động của HVTC đến sự hài lòng, sự thuyên chuyển lao động, tỷ lệ nghỉ việc; sự gắn kết và năng suất lao động. Rèn luyện khả năng điều chỉnh thái độ, hành vi cá nhân, hành vi nhóm trong tổ chức sao cho phù hợp với mục tiêu của tổ chức. Hình thành và rèn luyện các năng lực lý giải, dự đoán và kiểm soát hành vi cá nhân, hành vi nhóm trong tình huống thực	2	Học kỳ 3	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%

		tiễn. Rèn luyện kỹ năng giao tiếp, thuyết phục phục vụ công tác quản trị nhân lực đạt hiệu quả. Chủ động trong quá trình thực hiện công việc, phong cách làm việc chuyên nghiệp, dám làm, dám chịu (có bản lĩnh); Hình thành và có chí hướng tự học tập, tự cập nhật, tự tích lũy kinh nghiệm.			
13	Nguyên lý kế toán 1	Trang bị những kiến thức cơ bản của nguyên lý kế toán gồm bản chất của kế toán và các phương tiện kế toán như: Chứng từ kế toán, Tài khoản kế toán và Báo cáo kế toán. Trang bị những kiến thức cơ sở quan trọng về các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung, các phương tiện của kế toán để sinh viên có thể tiếp tục học các học phần chuyên ngành kế toán và các chuyên ngành liên quan. Học phần cũng rèn luyện cho người học kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng tự học, kỹ năng tổ chức hoạt động học tập để đạt được mục tiêu học tập học phần.	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%
14	Kinh tế lượng	+ Nắm được các kiến thức cơ bản về phân tích hồi quy trong kinh tế xã hội; + Thực hiện được một cách cơ bản quy trình phân tích hồi quy, từ xây dựng một mô hình tốt đến ứng dụng mô hình này để đưa ra các khuyến nghị hợp lý cho các vấn đề cụ thể trong kinh tế kinh doanh. + Nắm được các kỹ năng thực hành trong phân tích hồi quy; Nắm được các kỹ thuật cơ bản trong phân tích hồi quy và sử dụng thành thạo phần mềm Eviews trong quá trình phân tích hồi quy;	2	Học kỳ 4	Điểm bộ phận 40%; Điểm thi kết thúc học phần 60%